

Những nhà Bất đồng chính kiến

HUYỀN ÁI TỔNG



Mục Lục

Mục lục	3
Tựa	7
Chương một: Tổng quan	9
Chương hai: Nhóm xét lại và cá nhân chống đảng	11
Tiết một: Vụ án chống đảng	12
Tiết hai: Những người bị bắt và bị khai trừ khỏi đảng	14
1) Hoàng Minh Chính (1920-2008)	17
2) Vũ Đình Huỳnh (1907-1990)	33
3) Đặng Kim Giang (1910-1983)	45
4) Nguyễn Văn Vịnh (1918-1978)	65
5) Ung Văn Khiêm (1910-1991)	69
6) Lê Liêm (1922-1985)	73
7) Lê Trọng Nghĩa (1922-2015)	78
8) Nguyễn Minh Cần (1928-20)	81

9) Vũ Thư Hiên (1933-20)	88
10) Bùi Ngọc Tấn (1934-2014)	115
Tiết ba: Nhà bắt đồng chính kiến qua thơ	125
1) Nguyễn Chí Thiện (1939-2012)	126
Chương ba: Người MN tranh đấu với CS sau 30-4-75	134
1) Đoàn Viết Hoạt (1942-20)	139
2) Bác sĩ Nguyễn Đan Quế (1943-20)	151
Chương bốn: Những người bảo vệ cho tự do tín ngưỡng ...	160
1) Tổng Giám Mục Nguyễn Kim Điền (1921-1988)	162
2) Linh mục Thadeus Nguyễn Văn Lý (1946-20)	170
3) Linh mục Philippe Phan Văn Lợi (1946-20)	192
Chương năm: GHPGVNTN tranh đấu đòi quyền tự do	199
Tiết một: Lãnh đạo bị giam cầm và bức tử	201
1) Thích Thiện Minh (1922-1978)	202
Tiết hai: Lãnh đạo GHPGVNTN bị lưu đày	209
1) HT. Thích Huyền Quang (1920-2008)	213
2) HT. Thích Quảng Độ (1928-20)	221
Tiết ba: Vụ án Thập nhị Tăng Ni Già Lam	236
1) HT. Thích Tuệ Sỹ (1943-20)	238
2) TT. Thích Trí Siêu - Lê Mạnh Thát (1944-20)	252
3) Ni trưởng Thích Nữ Trí Hải (1938-2008)	257
4) HT. Thích Đức Nhuận (1924-2002)	268
Chương sáu: Thời kỳ “Đổi mới”	284
Tiết một: Câu lạc bộ Những Người Kháng Chiến Cũ	288
1) Nguyễn Hộ (1916-2009)	291
2) Đỗ Trung Hiếu (? - ?)	303
Tiết hai: Tạp chí Lang Biang và Nhóm thân Hữu Đà Lạt ..	361
1) Bùi Minh Quốc (1940-20)	363
2) Tiêu Dao Bảo Cự (1945-20)	376
3) Hà Sỹ Phu (1940-20)	385

4) Mai Thái Lĩnh (1946-20)	395
Tiết ba: Cựu Trưởng ban VHVNTU Đảng bị khai trừ	402
1) Trần Độ (1923-2002)	403
Tiết bốn: Nhà văn, nhà báo, trí thức phản tỉnh	422
1) Dương Thu Hương (1947-20)	423
2) Bùi Tín (1927-20)	431
3) Trần Khải Thanh Thủy (1960-20)	440
4) Phạm Hồng Sơn (1968-20)	452
Chương bảy: Khối 8406, ra Tuyên ngôn TD, DC cho VN..	457
Tiết một: Tuyên ngôn Tự do Dân chủ cho Việt Nam 2006.	458
1) Nguyễn Xuân Nghĩa (1949-20)	470
2) Đỗ Nam Hải (1959-20)	474
Tiết hai: Tập hợp Thanh niên Dân chủ (8-5-2006)	480
1) Nguyễn Tiến Trung (1983-20)	481
Tiết ba: Đảng Dân Chủ Việt Nam (1-6-2006)	491
1) Nguyễn Sỹ Bình (1954-20)	494
2) Trần Huỳnh Duy Thức (1966-20)	500
3) Lê Thăng Long (1967-20)	516
4) Lê Công Định (1968-20)	524
Tiết bốn: Đảng Thăng Tiên Việt Nam (8-9-2006)	533
1) Nguyễn Văn Đài (1969-20)	535
2) Lê Thị Công Nhân (1979-20)	542
Tiết năm: Câu lạc bộ Nhà báo tự do (2007)	557
1) Điều Cày Nguyễn Văn Hải (1952-20)	561
2) Tạ Phong Tần (1968-20)	569
3) Anh Ba Sài Gòn Phan Thanh Hải (1969-20)	580
Tiết sáu: Bauxite Việt Nam (12-4-2009)	588
1) Nguyễn Huệ Chi (1938-20)	593
Tiết bảy: Nhóm Kiến nghị 72, góp ý sửa đổi HP 1992	610
1) Nguyễn Ngọc (1930-20)	625

2) Nguyễn Quang A (1946-20)	632
Tiết tám: Những nhà bất đồng chính kiến khác	637
1) Trần Đình (1930-20)	638
2) Nguyễn Thanh Giang (1936-20)	643
3) Đào Hiếu (1946-20)	650
4) Cù Huy Hà Vũ (1957-20)	654
5) Bùi Thị Minh Hằng (1964-20)	662
6) Lê Quốc Quân (1971-20)	667
7) Việt Khang (1978-20)	673
Tiết chín: Những Blogger bất đồng chính kiến	676
1) Tô Hải (1927-20)	677
2) Huỳnh Ngọc Chênh (1952-20)	685
3) Nguyễn Quang Lập (1956-20)	689
4) Huy Đức (1962-20)	695
5) Trương Duy Nhất (1964-20)	699
6) Người Buôn Gió (1972-20)	703
7) Phạm Thanh Nghiên (1977-20)	712
8) Mẹ Năm (1979-20)	718
9) Nguyễn Đắc Kiên (1983-20)	722
10) Huỳnh Thục Vi (1985-20)	728
11) Nguyễn Phương Uyên (1992-20)	735
Chương kết: Vượt qua nỗi sợ hãi	739



Tựa

Không phải chỉ những người miền Nam, những người đã sống dưới chính thể Việt Nam Cộng Hòa mới chống chế độ cai trị của nhà cầm quyền Cộng sản, mà ngay những cán bộ nông cốt của đảng cộng sản Việt Nam, những người có trên nửa thế kỷ đi theo, phục vụ cho đảng, họ cũng chống lại nhà cầm quyền, từ bỏ đảng.

Không phải chỉ những bộ trưởng, tướng lĩnh, nhà văn, nhà báo được tôi luyện trong lý thuyết cộng sản mà những thanh niên, đoàn viên được sinh ra sau ngày “thống nhất đất nước”, họ hoàn toàn được giáo dục dưới môi trường cộng sản, lại cũng chống cộng sản.

Cho nên, tôi muốn tìm hiểu về Những nhà bất đồng chính kiến ở Việt Nam, dĩ nhiên sự tìm hiểu này còn bị nhiều giới hạn, không thể trình bày hết mọi khía cạnh xã hội, tất cả mọi người đã hành động, mọi tổ chức nhất là ngày nay ở Việt Nam có trên hai mươi tổ chức dân sự xã hội.

Phải công nhận rằng những nhà bất đồng chính kiến rất kiên cường, dũng cảm, hy sinh hạnh phúc cá nhân, gia đình, chấp nhận tù đầy gian khổ, tánh mạng để mưu cầu độc lập, tự do, dân chủ và hạnh phúc cho mọi người Việt Nam.

Chẳng phải chỉ có họ mà còn cha mẹ, vợ chồng con cái, anh em họ cũng đồng tình, chẳng hạn như bà Đặng Thị Kim Liên tự thiêu ngày 30-7-2012 tại Bạc Liêu, để phản đối nhà cầm quyền cộng sản, sắp đem ra xử con gái bà là Tạ Phong Tần, trong Câu lạc bộ Nhà báo tự do, bà Dương Thị Tân vợ cũ của Điếu Cày nhiều lần đấu tranh đòi trả tự do cho Điếu Cày, anh em và hôn phu Huỳnh Thục Vi từ Quảng Nam vào Sài Gòn tham gia biểu tình.....

Đối với tôi, họ đáng ngưỡng mộ và kính trọng.

Ngày 1 tháng 6 năm 2015





Chương một: Tổng quan

Không được rõ ai đã khai sinh ra cụm từ “Bất đồng chính kiến”, hiểu theo nghĩa thông thường là không đồng ý với Chánh phủ hay Nhà nước hay Nhà cầm quyền về chính sách, chủ trương, đường lối. Chúng ta không nhầm lẫn chính kiến với tà kiến, vì *bất đồng chính kiến* tức nhiên là rơi vào *tà kiến*. Cụm từ “bất đồng chính kiến” phát sinh dưới chế độ Cộng sản tại Việt Nam, để chỉ cho những cá nhân, nhóm không đồng quan điểm với chính sách của nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam do đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

Do đó sẽ không nói tới phong trào Nhân Văn Giai Phẩm, vì cho đến nay, hầu hết những người chủ trương, tham gia phong trào này đều được nhà nước cộng sản vinh danh họ với những giải thưởng, cho in tác phẩm, sau thời gian dài bị trừ dập, tù đày, đối xử phân biệt. Trừ có một nhân vật danh tiếng từ Nam đến Bắc đó là nhà văn Phan Khôi, ông vẫn chưa được phục hồi danh dự, không có một nắm mồ cho hậu thế tưởng niệm ông.

Những người bị quy là “Nhóm xét lại”, những người trong “Câu lạc bộ những người kháng chiến cũ” đều là “Những nhà bất đồng chính kiến”, họ sẽ được đề cập tới, bởi vì họ đã có những quan điểm khác với đường lối của nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam hay nói khác hơn là của đảng Cộng sản Việt Nam, mặc dù họ cũng là những đảng viên kỳ cựu, từng giữ những chức vụ quan trọng và có những “thành tích hoạt động cách mạng”.

Nguyễn Chí Thiện bất đồng quan điểm về lịch sử thế giới, ông bị bắt, giam cầm, làm thơ phản kháng chế độ, thơ của ông chứng tỏ một người bất đồng chính kiến, phê phán từ đảng, lãnh tụ, lãnh đạo cho đến cán bộ.

Và sau cùng là những tu sĩ, nhà trí thức, nhà văn, nhà báo, nông dân, sinh viên, học sinh họ có những bài viết trên báo, trên mạng bày tỏ quan điểm của họ về quyền tự do tôn giáo, tự do ngôn luận, tham gia biểu tình chống Trung Quốc xâm phạm chủ quyền Việt Nam, đều là những biểu hiện của thái độ không đồng quan điểm với nhà cầm quyền Cộng sản Việt Nam hiện nay.



Chương hai: Nhóm xét lại và cá nhân chống đảng

Theo dòng lịch sử, tưởng trước tiên đề cập đến “Nhóm xét lại chống đảng”, tuy sự việc xảy ra từ thời Hồ Chí Minh là Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhưng những người trong cuộc bị tù đầy, trù dập từ ngày đó cho đến nay, có những người đã mất, nhưng những người còn sống vẫn bị trù dập như tác giả *Đèn Cù* Trần Đình, tác giả *Đêm giữa ban ngày* Vũ Thư Hiên...

Khởi nguyên là “Vụ án xét lại chống đảng” xảy ra từ năm 1967, do Lê Đức Thọ Trưởng ban Tổ chức Trung Ương đảng và Nguyễn Quốc Hoàn Bộ trưởng bộ Công an trực tiếp chỉ đạo, bắt tù đầy những nhân vật quan trọng của đảng và chính phủ. Cho đến năm 1973, một số người bị bắt trong vụ án Xét lại chống đảng mới được thả ra.

Còn Nguyễn Chí Thiện bị bắt từ năm 1960, 1965, 1979 tổng cộng 3 lần bị bắt, lên tới 27 năm trong nhà tù Cộng sản, có lúc bị cùm chân, bị biệt giam.

Tiết một: Vụ án xét lại chống đảng

Vụ án này, nó bắt nguồn từ đảng Cộng sản Liên Xô, vào tháng 9 năm 1953, Nikita Sergeyeovich Khrushcheyov được bầu làm Bí thư thứ nhất đảng Cộng sản Liên Xô, tại đại hội lần thứ 20 đảng Cộng sản Liên Xô ngày 25-2-1956, Khrushcheyov đọc một bài diễn văn trong cuộc họp bí mật vào lúc giữa đêm, và mất 4 giờ mới chấm dứt bài diễn văn này, trong đó ông phê phán những hành động dưới thời Stalin, đặc biệt là những cuộc thanh trừng các lãnh đạo cao cấp của Đảng Cộng sản Liên Xô và những chỉ huy quân đội.

Bài diễn văn được ký giả John Rittie thông tin viên Reuter phổ biến trên các báo Tây phương Tây vào tháng 3 năm 1956. Ngày 5-3-1956, Đoàn Chủ tịch Đảng Cộng sản Liên Xô chỉ thị đọc bản Báo cáo của Khrushchov tại các cuộc họp của đảng có những người không phải là đảng viên tham dự. Bài diễn văn này có người gọi là Bài diễn văn bí mật, vì nó được đọc trong phiên họp kín và bí mật. Bài viết thực sự đó chỉ được in ra trong tạp chí *Izvestiya TseKa KPSS* (Các báo cáo của Ủy ban Trung ương Đảng), số 3, tháng 3 năm 1989.

Tựu trung bài diễn văn này, như đã nêu trên là phê phán những hành động dưới chế độ Stalin, để đả phá sự sùng bái cá nhân Stalin trong đảng Cộng sản Liên Xô.

Khrushchov chủ trương chung sống hòa bình với thế giới Tư bản, chủ trương này là các nước Cộng sản không cần đối đầu quân sự với các nước Tây Phương, mà cần theo đuổi cạnh tranh kinh tế với các nước Tư bản. Chủ trương của Khrushchov bị Trung Quốc dưới thời Mao Trạch Đông chống lại, gọi là “Chủ nghĩa xét lại”.

Trong thời gian những năm 1960, tại Việt Nam trong nội bộ đảng Lao Động Việt Nam chia thành hai nhóm, một nhóm chủ trương kết thân Liên Xô có Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp và Hồ Chí Minh còn nhóm chủ trương thân Trung Quốc có Lê Duẩn, Nguyễn Chí Thanh, Tố Hữu, Lê Đức Thọ, Hoàng Tùng. Nhóm thân Liên Xô chủ trương không dùng chiến tranh để thống nhất Việt Nam, trái lại nhóm thân Trung Quốc theo chủ trương của Trung Quốc dùng vũ lực để đánh chiếm miền Nam.

Tiết hai: Những người bị bắt hay khai trừ khỏi đảng

Theo Sophie Quinn-Judge công bố trên tạp chí *Journal of Cold War History* tháng 11 năm 2005, ước lượng trong Vụ án Xét lại Chống Đảng, khoảng 300 người bị bắt trong đó có 30 nhân vật cao cấp, gồm những nhân vật lão thành trong đảng, nhiều vị tướng tá, một số nhà nghiên cứu và nhà báo như: Viện trưởng Viện Triết học Mác-Lênin Hoàng Minh Chính bị bắt ngày 27-7-1967; Vụ trưởng Lễ tân Bộ Ngoại giao Vũ Đình Huỳnh bị bắt ngày 18-10-1967; Cục trưởng Cục Tình báo quân đội, Đại tá Lê Trọng Nghĩa; Chánh Văn phòng Bộ Quốc phòng Đại tá Lê Minh Nghĩa; Cục trưởng Cục Tác chiến Đại tá Đỗ Đức Kiên; Tổng Biên tập báo *Quân đội Nhân dân* Hoàng Thế Dũng; Phó giám đốc nhà xuất bản Sự thật, nguyên Tỉnh ủy viên tỉnh ủy Quảng Bình Nguyễn Kiến Giang; Giám đốc nhà xuất bản Sự thật Minh Tranh; Phó bí thư thành ủy Hà Nội kiêm Phó chủ tịch Ủy ban Hành chính TP Hà Nội Trần Minh Việt; Phó tổng biên tập báo *Hà Nội Mới* Phạm Hữu Viết; phó tổng biên tập tạp chí *Học Tập* Phạm Kỳ Vân; Tổng thư kí toà báo *Quân Đội Nhân Dân* Trần Thư; nhà báo Vũ Thư Hiên, nhà văn Bùi Ngọc Tấn...

Những nhân vật không bị bắt nhưng bị khai trừ đảng: Ngoại trưởng Ung Văn Khiêm, Thứ trưởng Bộ Văn hóa Lê Liêm; thiếu tướng Đặng Kim Giang (Theo Vũ Thư Hiên, ông này cũng bị bắt giam ở Hoả Lò); Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Nguyễn Văn Vịnh; Phó chủ nhiệm Ủy ban Khoa học nhà nước Bùi Công Trùng. Ngoại trưởng Ung Văn Khiêm bị quy trách nhiệm về bản tuyên bố chung "thân Liên Xô" trong chuyến thăm Việt Nam vào tháng 1 năm 1963 của Chủ tịch Tiệp Khắc Novotny và bị thay thế bởi Xuân Thủy

Những nhân vật xin tị nạn tại Liên Xô: có khoảng 40 người lúc đó đang đi học hay đi công tác ở Liên Xô đã xin ở lại như Phó chủ tịch Ủy ban Hành chính Hà Nội Nguyễn Minh Cần; Chính uỷ sư đoàn 308, Phó chính uỷ Quân khu III đại tá Lê Vinh Quốc; nguyên Tổng biên tập Báo *Quân đội Nhân dân* thượng tá Đỗ Văn Doãn.

Ở cương vị Viện trưởng Viện Triết học, Hiệu phó trường đảng Nguyễn Ái Quốc, một trong những lý thuyết gia của đảng, ông Hoàng Minh Chính được Trường Chinh giao nhiệm vụ soạn thảo bản Báo cáo chính trị của Hội nghị TW9.

Bản báo cáo ông Hoàng Minh Chính bị bác bỏ, nhưng ông đã tự ý phân phát cho một số đại biểu tham dự hội nghị bài viết mang tựa đề *Về chủ nghĩa giáo điều ở Việt Nam*. Một số các đại biểu đã hưởng ứng lập trường này như Bùi Công Trùng, Lê Liêm, Ung Văn Khiêm. Chính vì thế ông Hoàng Minh Chính bị coi là người đứng đầu nhóm Xét lại Chông Đảng.

Nguyên nhân của vụ án đến nay vẫn chưa rõ ràng. Nhiều nhân vật bị bắt trong thời kỳ này cho rằng nguyên nhân của Vụ án Xét lại Chông Đảng là vì Lê Duẩn và Lê Đức Thọ muốn dùng "hiểm họa xét lại" để hạ bệ tướng Võ Nguyên Giáp.

Trao đổi với BBC ngày 2-12-2013, nhà văn Vũ Thư Hiên nói ông và những người khác bị bắt và bị bỏ tù trong "Vụ án xét lại chống Đảng" chỉ là những con dê tế thần của một âm mưu trong nội bộ Đảng Cộng sản khi đó, theo ông là để hạ uy tín của Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Pierre Asselin, trong tiểu luận *"Le Duan, the American War, and the Creation of an Independent Vietnamese State"* nói rõ thêm rằng "do quá nguy hiểm nếu công kích cá nhân ông Giáp, nên ông Lê Duẩn nhắm đến đội ngũ ủng hộ vị tướng, đặc biệt những người thân cận và trung thành nhất trong hàng ngũ cấp cao của Đảng và chính phủ."

Ông Nguyễn Kiên Giang nguyên Phó giám đốc Nhà xuất bản Sự thật, nguyên tỉnh ủy viên tỉnh Quảng Bình, người bị bắt giam 6 năm và quản chế 3 năm nói: *"Cho đến bây giờ tôi cũng không biết là tôi có tội gì nữa cơ. Nghe người ta bảo là tôi phản động, tay sai nước ngoài, thì cũng nghe nói thế thôi, chứ còn trên thực tế từ giam ở xà lim mấy năm, thêm mấy năm quản chế, khoảng gần 10 năm. Khi tôi trở về Hà Nội với tư cách là một người công dân thì tôi cũng không biết là tôi có tội gì. Cho tới nay cũng không ai nói với tôi là tôi có tội gì nữa "*

Theo Sophie Quinn Judge trên *Journal of Cold War History* cho rằng "Vụ án Xét lại Chồng Đảng" thể hiện một cuộc đấu tranh tư tưởng, chứ không chỉ đơn thuần mang tính chất đấu đá cá nhân. *"Đó là cuộc cạnh tranh giữa (một bên là nguyện vọng) thống nhất dân tộc (trong khuôn khổ liên minh yêu nước), phát triển khoa học và tiến bộ kỹ thuật với (phía bên kia là) khát vọng cách mạng của quần chúng và sức mạnh biến đổi của cách mạng bạo lực. Nhóm thứ nhất dựa trên quan điểm rằng trí thức có vai trò quan trọng trong xã hội cộng sản, trong khi nhóm kia đặt giá trị cộng sản lên trên trí thức."*

Trước tiên, chúng tôi đề cập tới những người bị bắt, bị ngưng chức, bị giáng cấp. Qua đó chúng ta có thể thấy được họ là nạn nhân của đảng Cộng sản vì theo khuynh hướng Liên Xô của Khrushchiov không chủ trương dung chiến tranh để chiếm miền Nam, đương nhiên những người này chống lại đường lối chủ trương đương thời của Lê Duẩn, theo chủ trương của Trung Quốc dùng vũ lực để thôn tính miền Nam, thống nhất đất nước dưới ách thống trị của đảng Cộng sản Việt Nam.

Cuối cùng, chúng tôi mượn Chương kết *Đêm Giữa Ban Ngày* của nhà văn Vũ Thư Hiên để tổng kết chương này.

1) Hoàng Minh Chính



Hoàng Minh Chính - Trần Ngọc Nghiêm (1920-2008)

Hoàng Minh Chính tên thật là Trần Ngọc Nghiêm, bí danh Lê Hồng, sinh ngày 16 tháng 11 năm 1920 tại huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, tham gia cách mạng từ năm 1937. Năm 1939 ông vào Đảng Cộng sản Đông Dương, nay là Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tháng 10 năm 1940 ông bị thực dân Pháp bắt, đưa ra toà án binh xét xử 10 năm tù biệt xứ, 10 năm khổ sai. Năm 1943, nhân đế quốc Pháp chuyển tù nhân từ Sơn La về Hoà Lò để đưa đi Côn Đảo, ông đã cùng những người khác tổ chức vượt ngục. Ra ngoài, ông đã bắt được liên lạc với tổ chức để tiếp tục hoạt động và sau đó tham gia Đại hội Quốc dân ở Tân Trào.

Trong kháng chiến chống Pháp, năm 1946 ông chịu trách nhiệm đánh Trường bay Gia Lâm, rồi lên Việt Bắc đảm nhận nhiều công tác đoàn thể, sau năm 1954, ông về Hà Nội tiếp tục làm công tác đoàn thể.

Năm 1947, ông làm Bí thư Đảng đoàn Trung ương Đảng kiêm Tổng Thư ký Đảng Dân chủ Việt Nam.

Năm 1948 ông được cử sang phụ trách Thanh vận Trung ương, làm Ủy viên Thường vụ Trung ương Đoàn khóa 1, rồi Bí thư Đoàn Thanh niên Cứu quốc khóa 2, rồi làm Tổng Đoàn trưởng Đoàn Thanh niên Việt Nam, Tổng Thư ký Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam. Ông từng dẫn đầu các đoàn đại biểu Thanh niên sinh viên Việt Nam đi dự các đại hội Festival Quốc tế.

Ông đã từng giữ những chức vụ cao trong bộ máy nhà nước như: Phó Chủ nhiệm Trường Đảng Nguyễn Ái Quốc, Viện trưởng Viện Triết học Mác-Lênin.

1957, ông được cử làm trưởng đoàn Cán bộ cao cấp của Trung ương sang học tại trường Đảng Cao cấp của Liên Xô.

1961, ông về công tác tại Ủy ban Khoa học nhà nước, làm Viện trưởng Viện Triết học Mác-Lênin, thuộc Ủy ban Khoa học Xã hội.

1967, Đảng Cộng sản Việt Nam đã khai trừ ông ra khỏi đảng vì ông thuộc số những người theo chủ nghĩa xét lại, không tán thành Nghị quyết 9 của Đảng Cộng sản Việt Nam. Và muốn thay đổi theo đường lối Đệ tứ Cộng sản

1967-1973, chính quyền Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đưa ông đi tập trung cải tạo. Ông là một trong những nhân vật chính trong Vụ án Xét lại Chống Đảng.

1973-1976, ông bị quản chế tại Sơn Tây.

Tháng 6 năm 1995-tháng 6 năm 1996, chính quyền bắt giữ và xét xử theo pháp luật Việt Nam, ông bị tù 1 năm với tội trạng "lợi dụng các quyền tự do, dân chủ xâm phạm lợi ích Nhà

nước, tổ chức xã hội và công dân". Tổng cộng ông đã bị 3 lần tù đầy, gần 20 năm trời giam giữ và quản chế.

Sau khi ra tù, ông vẫn tiếp tục viết đơn thư khiếu nại, vận động, yêu cầu Đảng và chính quyền Việt Nam "giải oan" cho vụ án "nhóm Xét lại chống Đảng"; tuyên truyền phát tán tài liệu, vận động người tham gia góp ý cho bản dự thảo "Thách thức và triển vọng".

Tháng 4 năm 1998, ông cùng với Lê Hồng Hà bàn việc chuyển hướng hoạt động sang đấu tranh với mục đích thành lập "Hội nhân dân chống tham nhũng".

Ngày 16 tháng 1 năm 2000, ông gửi thư ngỏ cho Tổng thống Hoa Kỳ, nói rằng ở Việt Nam chưa có tự do báo chí, tự do ngôn luận..., những vấn đề mà Mỹ có thể can thiệp.

Tháng 8 năm 2005, ông sang Mỹ chữa bệnh, diễn thuyết nhiều lần, công khai phê phán Đảng Cộng sản Việt Nam và chính quyền Việt Nam.

Ngày 28 tháng 9 năm 2005, ông đến phát biểu tại Đại học Harvard về đề tài dân chủ cho Việt Nam.

Ngày 29 tháng 9 năm 2005, ông ra điều trần trước Ủy ban Đối ngoại Hạ viện Hoa Kỳ để, như ông nói, "nêu ra những vụ đàn áp tôn giáo, khủng bố tàn bạo" ở Việt Nam, ông kiến nghị với Quốc hội Hoa Kỳ làm mạnh tay hơn nữa, không để Việt Nam nói một đằng, làm một nẻo."

Sau đó, ông giữ vai trò quan trọng trong các hoạt động của những người bất đồng chính kiến: vận động lấy chữ ký đòi hủy bỏ điều 4 của Hiến pháp Việt Nam và nghị định số 31/CP, tìm cách phát triển lực lượng, cùng với Phạm Quế Dương, Trần

Khuê và những nhân vật bất đồng chính kiến khác, viết đơn và kêu gọi thành lập Hội nhân dân chống tham nhũng.

Ông nhiều lần cùng các nhân vật bất đồng chính kiến khác tổ chức gặp mặt nhằm công khai tổ chức, và tái lập Đảng Dân chủ cùng nhiều hoạt động khác. Ông cũng đã soạn một số tài liệu gửi ra nước ngoài cho một số tổ chức nhân quyền, trả lời phỏng vấn về tình hình dân chủ, nhân quyền, tự do tôn giáo ở Việt Nam.

Ông cho rằng học thuyết của Karl Marx và Friedrich Engels có sai sót cơ bản và trong việc thực hiện ở các quốc gia cộng sản đã có sai lầm nghiêm trọng - chủ nghĩa mà có thời ông, trên cương vị Viện trưởng Viện Triết học Mác-Lênin, đã tuyên truyền và ca ngợi.

Những bài viết về ông đã thu hút sự quan tâm của báo chí trong và ngoài Việt Nam.

Ngày 1 tháng 6 năm 2006, ông ra tuyên bố khôi phục hoạt động Đảng Dân chủ. Tuy nhiên, theo ông Huỳnh Văn Tiểng, nguyên uỷ viên Thường vụ Đảng Dân chủ Việt Nam từ năm 1944 đến năm 1988, thì:

"Bản thân ông Chính đã bị khai trừ khỏi Đảng Dân chủ từ lâu; khi không được sự đồng tình của số đông cựu đảng viên ông không có quyền và không đủ tư cách đứng ra khôi phục Đảng".

"Đảng Dân chủ hiện nay mà ông Hoàng Minh Chính lên tiếng khôi phục thì về bản chất đã khác Đảng Dân chủ từng tồn tại từ năm 1944 đến 1988".

Ông bị bệnh ung thư. Trước khi mất ông viết một "Tâm thư đầu năm Mậu tý" (2008) gửi lãnh đạo Nhà nước Việt Nam.

Ông qua đời ngày 7 tháng 2 năm 2008 (mùng một Tết Mậu Tý) tại Bệnh viện Hữu nghị, Hà Nội. Hưởng thọ 88 tuổi. Tro cốt của ông được an táng tại Khu A (Khu Cán bộ), Nghĩa trang Thanh Tước, Hà Nội.

Tài liệu:

Phát biểu của Ông Hoàng Minh Chính tại Đại Học Harvard

Kính thưa Ông Giám đốc
Harvard University rất tôn kính,
Ông Lawrence H. Summers,
Kính thưa các Vị Giáo sư tôn kính,
Các bạn Sinh Viên, nghiên cứu sinh quý mến,

Trước hết tôi xin phép có lời trân trọng nhất vô cùng cảm ơn Ông Giám đốc rất tôn kính, Ông Lawrence H. Summers, đã cho tôi hân hạnh lớn nhất được báo cáo hôm nay trước các Quý vị tại trường Đại học Harvard tiếng tăm nhất thế giới này.

Chủ đề tôi xin phép báo cáo là “Chủ nghĩa Marx và hệ lụy” được thu gọn trong Tuyên Ngôn của Đảng Cộng Sản. Nhà bác học tài ba Karl Marx tuy đã thành công trong việc phê phán mặt trái của công nghiệp tư bản chủ nghĩa đặc biệt là với tác phẩm đồ xộ mang tên “Tư Bản” của ông. Tuy nhiên ông lại không thành công trong việc sáng tạo Chủ Nghĩa Cộng Sản.

Trên bình diện lý luận:

Tác Phẩm “Tuyên Ngôn của Đảng Cộng Sản” do Marx và Engels cùng viết năm 1847 đã được các đảng cộng sản và công nhân thế giới coi là sách gối đầu giường – là Cương Lĩnh chính trị và kim chỉ nam cho hành động của mỗi đảng cộng sản và của toàn thể phong trào cộng sản thế giới. Nó có tác dụng rất to

lớn trong việc hình thành các đảng cộng sản và công nhân, tập hợp phong trào cộng sản thành Quốc tế cộng sản và ảnh hưởng rất rộng lớn tới xã hội loài người trong một thế kỷ rưỡi qua.

Tuy nhiên tác phẩm đó đã mắc những sai sót cơ bản.

Trước hết, Marx và Engels tuyên bố rằng “Lịch sử tất cả các xã hội tồn tại từ trước đến nay chỉ là lịch sử đấu tranh giai cấp”.

Luận điểm này đi ngược lại lịch sử phát triển khách quan của xã hội loài người. Con người cũng như xã hội tồn tại trước hết là do qui luật sinh tồn phải hiệp lực cho mưu sinh và cải thiện thường xuyên cuộc sống vật chất. Sản xuất và thương mại, khoa học và công nghệ ngày càng phát triển là cơ sở vật chất và nền tảng của xã hội. Trên nền tảng cơ bản đó được xây dựng thượng tầng kiến trúc là thể chế chính trị, giai cấp, nhà nước, luật pháp, văn hóa, v.v.. Trên cái nền tảng vật chất đó, xã hội loài người đã thăng trầm trải qua các nền văn minh đồ đá, đồ kim khí, máy hơi nước, v.v Chủ nghĩa tư bản ra đời với máy hơi nước và điện năng nên chỉ trong vài trăm năm đã vượt xa nhiều ngàn năm lịch sử loài người trước đó.

Ngày nay nhân loại bước vào thế kỷ 21 của thiên niên kỷ mới với các khoa học hiện đại phát triển như vũ bão, với kinh tế trí thức, công nghệ vi tính - viễn thông, tổ chức thương mại thế giới (WTO) và Toàn Cầu Hóa trên tất cả các bình diện đời sống xã hội. Thế giới ngày nay khác về chất so với thế giới trước đây. Còn những cuộc đấu tranh giai cấp thuộc các nền văn minh nông nghiệp tuy rất dai dẳng nhiều khi rất dữ dội, ác liệt và thăng trầm chẳng qua chỉ là những phản ứng chính trị trên thượng tầng kiến trúc, không hề ảnh hưởng tới nền tảng xã hội xét về bản chất. Các cuộc cách mạng nông dân đó như những cơn bão giạt hải hùng qua đi mà không hề thay đổi được cơ sở vật chất nền tảng của xã hội.

Tuy nhiên các đảng cộng sản đã dựa vào luận điểm duy ý chí này của Marx và Engels để tiến hành các cuộc cách mạng lật đổ, chiếm lấy chính quyền như ở Nga Xô, Trung Hoa và Việt Nam.

Thì rốt cuộc các chính quyền cộng sản này lại phải quay trở lại bắt đầu từ đầu - tức là họ phải khôi phục lại cái nền kinh tế xã hội, tức nền kinh tế thị trường, cơ sở khoa học, công nghệ, kỹ thuật của xã hội mà họ đã phá bỏ bằng cách mạng giai cấp. Như vậy, các đảng cộng sản cầm quyền đó đã phải trả giá rất đắt bằng nhiều thập niên tụt hậu, chưa kể hao phí biết bao xương máu của nhân dân và tài sản của đất nước.

Một luận điểm cơ bản khác nữa của Marx-Engels. Như Engels đã từng hết lời ca ngợi rằng “Chuyên chính vô sản là sáng tạo vĩ đại nhất của Marx”.

Chuyên chính vô sản đã được các đảng cộng sản cầm quyền vận dụng triệt để trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Như đã biết, trong tác phẩm Phê Phán Cương Lĩnh Gotha của Marx (năm 1875) đã viết “Giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa, là một thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội nọ sang xã hội kia. Thích ứng với thời kỳ ấy, là một thời kỳ quá độ chính trị, và nhà nước của thời kỳ ấy không thể là cái gì khác hơn là nền chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản”.

Và đó cũng là nguyên tắc duy nhất Marx vạch phương hướng cho giai đoạn xã hội chủ nghĩa - mà Marx gọi là thời kỳ cải biến cách mạng - để rồi bước hẳn sang xã hội cộng sản chủ nghĩa. Ngoài nguyên tắc duy nhất và trần trụi đó, Marx không nói gì được thêm nữa.

Vậy là các đảng cộng sản cầm quyền coi Chuyên Chính Vô Sản là bửu bối tuyệt hảo, là vũ khí chuyên chính tuyệt đối, đặc

dụng, mạnh mẽ nhất để cải tạo toàn bộ xã hội trên tất cả các bình diện kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa, xã hội, v.v. từ xã hội tư bản chủ nghĩa hoặc tiền tư bản chủ nghĩa sang mô thức xã hội chủ nghĩa. Vậy là các đảng cộng sản cầm quyền tùy nghi, duy ý chí sáng tạo ra xã hội xã hội chủ nghĩa bằng chuyên chính vô sản cực đoan, hà khắc nhất, phi pháp nhất trong lịch sử nhân loại. Và việc phá bỏ các cơ sở hạ tầng xã hội cũng như xóa bỏ các kiến trúc thượng tầng đã được các đảng cộng sản tại các nước xã hội chủ nghĩa tùy tiện, theo hứng thú cá nhân, thường khi là bóc đồng, duy ý chí dùng các biện pháp bạo lực trấn áp, tịch thu, xóa sạch và tòa án quần chúng, bắt cần pháp luật và các nhà tù mọc lên khắp nơi trong nước để xây dựng xã hội XHCN.

Một điều nữa mà Marx coi là tội lỗi nhất và là cội nguồn của các cội nguồn của chủ nghĩa tư bản mà Marx đã từng nhấn mạnh trong Tuyên Ngôn của Đảng Cộng Sản là “Chế độ tư hữu”. Marx viết trong Tuyên Ngôn ĐCS: “Chế độ tư hữu tư sản hiện thời, là biểu hiện cuối cùng và đầy đủ nhất của những đối kháng giai cấp, trên cơ sở những người này bóc lột những người kia. Theo ý nghĩa đó, những người cộng sản có thể tóm tắt lý luận của mình thành một luận điểm duy nhất này là: “Xóa bỏ chế độ tư hữu”.

Từ luận điểm này Marx chủ trương phải xóa bỏ giai cấp tư sản với tính cách là giai cấp bóc lột cuối cùng một cách triệt để nhất. Để làm được việc đó Marx đã chủ trương xóa bỏ tất cả các hình thái kinh tế xã hội hiện hữu để trên mảnh đất sạch sẽ đó mà xây dựng chủ nghĩa cộng sản. Nhưng từ xã hội tư bản chủ nghĩa sang xã hội cộng sản chủ nghĩa theo Marx, phải có một bước quá độ, cải biến cách mạng bằng chuyên chính vô sản. Mà chuyên chính vô sản không là cái gì khác là bạo lực. Và bạo lực theo Marx là: “Quyền lực chính trị, là bạo lực có tổ chức (của đảng cộng sản bằng chuyên chính vô sản) để trấn áp các giai cấp khác, để tiêu diệt những điều kiện tồn tại

của sự đối kháng giai cấp, tức tiêu diệt những giai cấp nói chung” (trích tuyên ngôn đảng cộng sản). Cái Logic tư biện của Marx là cái mạch đi thẳng tắp một chiều: Từ đấu tranh giai cấp dẫn tới chuyên chính vô sản để cải biến cách mạng xã hội mà bước hẳn sang giai đoạn cuối cùng cao nhất là xã hội cộng sản chủ nghĩa. Mà công cụ duy nhất hữu hiệu nhất là bạo lực có tổ chức của giai cấp vô sản để trấn áp và tiêu diệt các giai cấp khác.

Marx đã đặt công khai niềm tin tuyệt đối vào bạo lực. Trong tuyên ngôn của ĐCS, tại lời kết thúc bản tuyên ngôn với lời lẽ thách thức và hiệu triệu giai cấp vô sản thế giới, Marx viết: “Những người cộng sản công khai tuyên bố rằng mục đích của họ chỉ có thể đạt được bằng cách dùng bạo lực lật đổ toàn bộ trật tự xã hội hiện hành để thực hiện cuộc cách mạng cộng sản chủ nghĩa. Trong cuộc cách mạng ấy những người vô sản chẳng mất gì hết ngoài những xiềng xích trói buộc họ. Họ sẽ dành được tất cả thế giới. Vô sản tất cả các nước đoàn kết lại!”

Học thuyết tư biện của Marx mang tính phản lịch sử, phản khoa học, duy ý chí, cực đoan cực tả nhưng lại phù hợp với giai cấp vô sản các nước đang trong cơn thất vọng. Họ thấy chủ nghĩa cộng sản là cứu cánh, và biện pháp bạo lực là thích hợp nhất với họ.

Các ĐCS đã tận dụng Lời kêu gọi vang dội một thời lịch sử này để cướp chính quyền và cầm quyền. Học thuyết cộng sản chủ nghĩa của Marx, quả đã làm chao đảo xã hội loài người suốt cả thế kỷ XX với bao xương máu và biết bao tài nguyên bị hủy hoại và nhiều nền văn hoá bị đẩy lùi cả nhiều thập niên.

Chủ nghĩa Marx (Chủ nghĩa cộng sản) trên bình diện thực tiễn:

Nhất là tại các nước mà đảng cộng sản đang cầm quyền đều làm cơ bản như nhau - mà mô hình Nga Xô là mẫu mực. Nền

chuyên chính vô sản dưới thời Stalin ở Nga Xô là biểu hiện tập chung nhất của ĐCS cầm quyền thực hiện chủ nghĩa xã hội là bước quá độ cách mạng lên chủ nghĩa CS. Chính thể độc đảng, chuyên chế, toàn trị, được Stalin hoàn chỉnh. Đối tượng đàn áp của đảng toàn trị chẳng những chỉ người có tư tưởng tư sản, mà cả giai tầng trí thức đều bị liệt vào danh sách đen là có tư tưởng tự do dân chủ tư sản. CNXH thời Stalin trong suốt 30 năm đã diễn ra các cuộc trấn áp, thanh trừng, khốc liệt. Dư luận tới nay đều đã biết thời Soviet Stalin đã đàn áp trên 20 triệu người vô tội, trong số đó 1/3 bị tử hình, 1/3 bị chết trong tù ngục, số người sống sót trở thành tàn phế, tâm thần, trong đó đa phần là trí thức.

Tại Cộng Hòa nhân dân Trung Hoa nền chuyên chính vô sản được đảng Cộng Sản độc tài toàn trị thực thi triệt để nhất dưới thời Mao Trạch Đông trị vì. Các đảng mang danh dân chủ và mặt trận ở Cộng Hoà Nhân Dân Trung Hoa chỉ là những bông hoa giấy che phủ sự độc tài chuyên chế toàn trị khét tiếng của đảng Cộng Sản Trung Quốc. Trải qua các phong trào cực đoan cực tả kết hợp với đàn áp đẫm máu như trăm hoa đua nở, ba ngọn cờ hồng đại nhảy vọt, tập thể hóa nông nghiệp, thi đua dựng lò cao nấu quặng tại công xã, cách mạng văn hoá v.v...do Mao khởi xướng. Nền kinh tế và văn hóa của Trung Quốc đã bị tàn phá có tổ chức, đã bị đẩy lùi nhiều thế hệ, chưa kể biết bao nhân tài trí thức và những người vô tội bị bức tử và chết oan. Con số bị sát hại lên tới vài chục triệu người trong khoảng gần 30 năm, từ 1949 tới 1976.

Tại Việt Nam XHCN, nền chuyên chính vô sản và độc đảng cộng sản toàn trị tồn tại suốt nửa thế kỷ nay.

Cái hình mẫu của chuyên chính vô sản VN chính là mô hình Nga Xô và nhà nước chuyên chính vô sản Trung Hoa. Đảng CSVN và nhà nước VNCS có cái tài vô địch là bắt chước những cái xấu, những mặt trái cực đoan, thâm độc của hai ông

anh họ. Chính vì vậy mà khi Nga Xô đã bước sang thời kỳ hậu xô viết từ đầu thập kỷ 90, thì Việt Cộng vẫn đang kiên trì định hướng XHCN trên các bình diện chính trị, tư tưởng, kinh tế, văn hoá, xã hội. Thậm chí Việt Cộng còn công khai hợp pháp hóa sự đàn áp dân chủ và tôn giáo bằng các nghị định vi hiến. Thí dụ, Nghị định 31/CP cho phép quản chế hành chính tới 2 năm, chẳng cần toà án xét xử, và Nghị định 38/2005/NĐCP ngăn cấm hành đạo các tôn giáo độc lập, và vô số những nghị định, văn bản chính quyền hoàn toàn vi hiến cực kỳ phản dân chủ khác.

Nhà nước CSViệt Nam hiện nay không hề đổi mới chính trị mà chỉ tập trung vào đổi mới kinh tế, với điều kiện là không phương hại gì tới nền tảng chính trị của đảng, và nền tảng kinh tế sở hữu toàn dân, quốc doanh chủ đạo là con bò sữa nuôi béo các cấp đảng và chính quyền cộng sản.

Nhân đây tôi xin có lời hoan nghênh ý kiến của hai giáo sư Bruce Bueno de Mesquita và George W. Downs viết trong bài “Phát triển và Dân chủ” đăng trên tạp chí Foreign Affairs số tháng Chín và tháng Mười năm 2005 (Development and Democracy. Richer but not Freer). Vâng đúng, rất đúng rằng phát triển có làm cho xã hội giàu hơn nhưng xã hội không vì thế mà được tự do hơn. Tôi có thể đưa ra hàng loạt dẫn chứng để đánh tan luận điểm hoang đường ở Việt Nam Cộng Sản rằng phát triển và dân chủ là đồng hành. Thậm chí tôi còn dám khẳng định rằng trong nhiều trường hợp ở Việt Nam hiện nay phát triển đi ngược chiều với Dân Chủ Hóa, thậm chí lại là để củng cố vai trò toàn trị của đảng cộng sản và chính quyền nhà nước, để tiếp tục lừa gạt, đàn áp nhân dân, nhất là đối với giới dân chủ và các tôn giáo độc lập.

Các đầu tư phát triển Quốc tế (FDI) và viện trợ phát triển (ODA) chẳng qua thực chất là làm đầy túi tham của đảng cộng sản và chính quyền, giúp nó giải quyết được những khó khăn

bộ phát. Chỉ cần nhìn qua ngân sách tiêu pha của nhà nước VN dưới mọi hình thái công khai biến tướng, ma mãnh sẽ rõ. Ngân sách nhà nước trước hết phải nuôi bộ máy không lồ của đảng cộng sản từ trung ương xuống địa phương để giữ vững chức năng độc tài toàn trị. Và ngân sách phải nuôi bộ máy nhà nước đồ sộ làm tay sai chuyên chính vô sản của đảng. Bộ máy đó bao gồm: Quốc hội và các hội đồng nhân dân, ủy ban các cấp, và bộ máy chính quyền hành pháp từ trung ương xuống tận cơ sở. Rồi bộ máy quân sự và công an các cấp rất đông đảo, mà chức năng chủ yếu là chĩa mũi giáo vào trong nước, vào nhân dân. Rồi bộ máy tuyên truyền khổng lồ từ ban tư tưởng văn hoá trung ương xuống các cấp tuyên truyền và trên 600 tờ báo và cả trăm đài địa phương mà chức trách là để lừa dân, đầu độc dân lành.

Ngân sách còn phải nuôi các bộ máy tổ chức quần chúng của đảng từ trung ương xuống địa phương như Mặt trận tổ quốc và các tổ chức công, nông, thanh, phụ để làm những cái loa phụ họa với đảng và chính quyền để củng cố nền chuyên chính vô sản. Ngoài ra còn vô số các tổ chức khác mà ngân sách chung phải chi. Tóm lại ngân sách nhà nước, oằn lưng ra mà nuôi béo đảng và các bộ máy tổng thể của nhà nước, để cốt giữ cho vững được cái nhà tù lớn là nước cộng hoà XHCNVN và cốt sao để các tù nhân các loại gồm 80 triệu con người cam phận là tù nhân nô lệ, và cốt sao để an ninh chính trị được bảo đảm. Như vậy phát triển là để củng cố các nhà tù lớn nhỏ chứ đâu phải để mở rộng tự do dân chủ cho nhân dân.

Cuộc đấu tranh của nhân dân VN hiện nay:

Xưa nay lịch sử nhân loại cũng như của VN, giới trí thức vẫn là chim đầu đàn là lực lượng dẫn đường đi tiên phong trong mọi cuộc cách mạng và đấu tranh xã hội. Vấn đề sở hữu ruộng đất nhà cửa tài sản hiện nay là một trong những bức xúc nhất của xã hội. Những người bị các quan tham cường hào mới cướp

đoạt ruộng đất của họ hàng chục năm nay bao gồm hàng triệu dân oan đâm đơn khiếu kiện kéo nhau lên các cấp trung ương thưa kiện, các cấp trung ương lại xua đuổi họ về địa phương cho những kẻ đã gây tội ác với họ làm quan toà xử kiện. Phần nộ trong nhân dân hiện nay dâng lên như biển động sóng cao ngút trời. Dân oan, kéo nhau tìm tới các nhà dân chủ để cầu cứu, các nhà dân chủ hỗ trợ vạch đường cho dân oan biết các phương sách đấu tranh.

Dùng chuyên chính vô sản, chính quyền Việt cộng đã gây ra nhiều vụ đàn áp khốc liệt về hệ tư tưởng như các vụ cải cách ruộng đất, nhân văn giai phẩm, xét lại chống đảng, cải tạo công thương nghiệp, bắt đi học tập cải tạo hàng chục nghìn sỹ quan và viên chức cộng hòa hàng chục năm trời, các vụ đàn áp tù đầy quản chế vô thời hạn các nhà đấu tranh dân chủ và chức sắc các tôn giáo, và nhiều vụ đàn áp đổ máu khác nữa.

Những nhà dân chủ không chủ trương lật đổ, không làm bạo loạn, chỉ lên tiếng phản đối kịch liệt các vụ đàn áp thí dụ như vụ biểu tình của hàng nghìn người, và nổi dậy đấu tranh một cách hòa bình, có tổ chức, của hàng chục vạn dân Thái Bình năm 1997, và các vụ biểu tình hàng vạn người Thượng ở Tây nguyên mấy năm vừa qua. Vụ 2 giáo hữu Hòa Hảo tự thiêu ngày 5-8-2005, để phản đối nhà cầm quyền cộng sản đàn áp tôn giáo đã gây chấn động dư luận trong nước, hải ngoại và quốc tế. Những nhà dân chủ lâu nay đòi hỏi chính quyền cộng sản phải chấp nhận đối thoại công khai, dân chủ, bình đẳng để chấn hưng đất nước. Các chức sắc tôn giáo như tin lành, hòa hảo, công giáo, phật giáo, nhất là Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất và những tôn giáo khác đều lên tiếng mạnh mẽ đòi tự do tôn giáo.

Sự liên kết các tiếng nói đòi tự do dân chủ, tự do tôn giáo, đang thành một phong trào, một mặt trận thống nhất toàn quốc cho Dân Chủ Hoá đất nước.

Đồng bào VN ở hải ngoại đã thành lập nhiều hội đoàn, đảng phái nhằm chấn hưng đất nước đang có xu hướng liên kết thành 1 phong trào dân chủ VN hải ngoại đặng hợp nhất với phong trào dân chủ VN quốc nội, thành một Phong Trào Dân Chủ Việt Nam Thống Nhất. Tiến trình này sẽ là bước ngoặt lịch sử cho sự nghiệp đấu tranh dân chủ hoá đất nước.

Cuộc đấu tranh vì tự do dân chủ của VN được sự hỗ trợ vô tư rất quan trọng và hiệu quả của các chính phủ và quốc hội các quốc gia dân chủ Âu Mỹ như Hoa Kỳ, Liên Hiệp Châu Âu (EU), Úc, Nhật Bản, v.v. Các tổ chức quốc tế vì quyền con người, các tổ chức quốc tế phi biên giới và không chính phủ (NGO) đã hỗ trợ rất mạnh mẽ cho công cuộc đấu tranh vì nhân quyền và tự do tôn giáo của VN. Sự liên kết của đấu tranh giữa nhân dân trong nước với đồng bào hải ngoại và kết hợp với hỗ trợ quốc tế cần phải được đưa lên cấp độ cao hơn, mạnh mẽ và hữu hiệu hơn ngõ hầu buộc chính quyền Việt Nam phải giảm hẳn và chấm dứt đàn áp dân chủ và tôn giáo.

Phong trào dân chủ VN với người đại diện là giáo sư Trần Khuê đang nỗ lực liên kết các lực lượng dân chủ trong nước và phối hợp với phong trào dân chủ hải ngoại với người đại diện là bác sĩ Nguyễn Xuân Ngãi thành một Phong trào Dân Chủ Việt Nam Thống Nhất lấy mục tiêu tối thượng là tự do dân chủ hóa đất nước làm nền tảng liên kết thống nhất.

Hiện nay trong bối cảnh quốc tế Toàn Cầu Hóa trên các bình diện và Dân Chủ Hóa toàn thế giới, thì VN nhận được rất nhiều thuận lợi. Tuy nhiên vì tính chất xảo quyệt và rất ngoan cố của chính quyền cộng sản VN, nên cuộc đấu tranh của nhân dân VN còn nhiều cam go. Sự đoàn kết thống nhất, kiên trì và dũng cảm đấu tranh của đồng bào trong nước và hải ngoại và sự hỗ trợ nhiệt tình và khăng khải của Quốc Tế, là đảm bảo vững chắc tuyệt đối cho thắng lợi vẻ vang của nhân dân VN.

Kính thưa Ông Giám đốc Đại Học Harvard,
Ông Lawrence H. Summers rất tôn kính,
Kính thưa các Vị Giáo Sư tôn kính,
Các bạn Sinh Viên, nghiên cứu sinh quý mến,

Tôi rất sung sướng và vô cùng cảm ơn được Quý Ông Giám đốc rất tôn kính, các Quý vị Giáo sư tôn kính, và các bạn sinh viên, nghiên cứu sinh lắng nghe và cho tôi được lĩnh hội những lời chỉ bảo quý báu.

Tôi xin phép được một lần nữa rất trân trọng cảm ơn Ông Giám đốc Lawrence H. Summers rất tôn kính, các Quý Vị Giáo sư tôn kính, và các bạn sinh viên, nghiên cứu sinh yêu quý.

Xin Kính chào,

Hoàng Minh Chính
Đại Học Harvard - Boston, Massachusetts, Hoa Kỳ
Ngày 28 tháng 9 năm 2005

Trước cái chết của ông Hoàng Minh Chính, Đại sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam ông Michael W. Michalak, phát biểu ngày 15-2-2008, một ngày trước đám tang ông Hoàng Minh Chính. Nội dung như sau:

"Tôi rất buồn khi được tin ông Hoàng Minh Chính qua đời. Tôi muốn gửi lời chia buồn sâu sắc nhất của mình đến gia đình ông."

Ông Hoàng Minh Chính là một nhà yêu nước chân chính và là một người Việt Nam tự hào. Tôi đã có vinh hạnh gặp ông tháng 12 năm ngoái và đã có dịp bày tỏ sự kính trọng đối với những nỗ lực trọn đời của ông vì đất nước và nhân dân thân yêu của mình."

Ông Hoàng Minh Chính đã chiến đấu với căn bệnh ung thư, căn bệnh mà cuối cùng đã lấy đi sinh mạng của ông, với phẩm giá và lòng can đảm cũng như khi ông chiến đấu cho quyền của mọi người dân Việt Nam.

Là một trong những người lãnh đạo chủ chốt trong cuộc chiến giành độc lập của Việt Nam, ông đã tiếp tục đấu tranh trong suốt đời mình để tiếng nói của những người dân Việt Nam được lắng nghe."

Tài liệu tham khảo:

- Hoàng Minh Chính Web: vi.wikipedia.org
- Ông Hoàng Minh Chính phát biểu tại Harvard Web: BBCVietnamese.com

2) Vũ Đình Huỳnh



Vũ Đình Huỳnh (1907 – 1990)

Ông Vũ Đình Huỳnh người Hà Nội, sinh năm 1907, có tinh thần yêu nước nên đã tham gia vào tổ chức Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội.

Năm 1930, là đảng viên đảng Cộng sản Việt Nam.

Năm 1940, bị Pháp bắt bỏ tù ở Sơn La trong 3 năm.

Năm 1945, là Bí thư của Hồ Chí Minh.

Năm 1946, được phong cấp Đại tá, theo phái đoàn Việt Minh sang Pháp họp Hội Nghị Fontainebleau.

Từng đảm nhiệm chức vụ Giám đốc công thương liên khu III – IV.

Năm 1954, Vụ trưởng Vụ lễ tân Bộ ngoại giao.

Năm 1963, Vụ trưởng Ban thanh tra Chính phủ.

Năm 1964, nghỉ hưu.

Từ Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương đảng khóa 3, họp vào tháng 12-1963. Hội nghị thông qua hai Nghị quyết quan trọng đó là: Nghị quyết Về tình hình thế giới và nhiệm vụ quốc tế của Đảng Lao Động Việt Nam và Nghị quyết Ra sức phấn đấu, tiến lên giành những thắng lợi ở miền Nam.

Nghị quyết này đã làm cho một số nhân vật không đồng ý, họ muốn theo đường lối của Liên Xô do Khrushcheyov chủ trương. Ông Vũ Đình Huỳnh cũng theo chủ trương này, được cho là chủ nghĩa xét lại, và như thế có khuynh hướng chống lại Nghị quyết 9 của đảng Cộng sản Việt, họ bị bắt với tội danh “Vụ án xét lại chống đảng”.

Vũ Đình Huỳnh bị công an khám xét nhà và bị bắt đêm 18-10-1967, sau đó quản thúc ở Sơn La, cho đến năm 1973 mới được thả ra, nhưng bị quản chế tại Nam Định.

Năm 1975, Vũ Đình Huỳnh mới được phép về sinh sống tại nhà ở số 5 Hai Bà Trưng, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội và mất tại đây vào ngày 3-5-1990, hưởng thọ 83 tuổi, được chôn cất tại nghĩa trang Văn Điển.

Tài liệu:

**Đơn yêu cầu đưa ra xét xử công khai
vụ án “xét lại chống đảng” của công dân
Phạm Thị Tề**

Hà Nội, ngày 20.02.1994

Kính gửi:

- Ông chánh án Toà án nhân dân tối cao.
- Ông Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Đồng kính gửi:

- Ông chủ tịch Quốc hội.
- Ông tổng bí thư Đảng cộng sản Việt Nam.
- Ông Thủ tướng Chính phủ.
- Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Hội luật gia Việt Nam, các cơ quan truyền thông, các bạn tù Sơn La, họ hàng và bạn hữu... (Để biết và cho ý kiến)

Kính thưa các quý ông,

Tôi là Phạm Thị Tề, 83 tuổi, giáo viên đã nghỉ hưu

Hiện ngụ tại 5 Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Tôi làm đơn này yêu cầu các cơ quan pháp luật nhà nước đưa ra xét xử công khai vụ án phi pháp: *“Vụ xét lại chống Đảng”* (còn gọi là vụ Hoàng Minh Chính), mà chồng tôi là một trong những nạn nhân.

Chồng tôi – Vũ Đình Huỳnh – nguyên thành viên tổ chức Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội, nguyên đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (1930), nguyên bí thư cho chủ tịch Hồ Chí Minh, nguyên giám đốc công thương liên khu III - IV, nguyên vụ trưởng Vụ lễ tân Bộ ngoại giao, nguyên Vụ trưởng Ban thanh tra Chính phủ, huân chương Kháng chiến Hạng Nhất, nghỉ hưu từ 1964 và đã mất tại nhà riêng ở Hà Nội 03.05.1990.

Tháng 10.1967, do có những bất đồng quan điểm với nghị quyết IX của Ban chấp hành Trung ương Đảng, nhà tôi bị bắt

giam cùng với hàng chục cán bộ trung, cao cấp khác, bị biệt giam 6 năm, quản thúc 3 năm, tới 1975 mới được thả về.

Tất cả các cuộc bắt bớ, giam cầm này đều thực hiện một cách bí mật, hoàn toàn trái với pháp luật. Tất cả các nạn nhân đều bị đưa đi biệt giam trong nhiều năm mà không hề có một toà án nào xét xử, không hề được biện minh cho mình như luật định.

Gần 30 năm đã trôi qua mà vụ án phi pháp này vẫn bị vùi trong bóng tối, khi mà ông Lê Đức Thọ – trưởng ban “kết tội và xét án” của Ban chấp hành Trung ương Đảng, người chịu trách nhiệm chính trong vụ này – cũng đã chết.

Tôi lấy ông Huỳnh vì yêu mến lý tưởng mà ông ấy theo đuổi: đấu tranh chống chế độ thực dân để giành quyền độc lập tự do cho dân tộc. Trong những năm trước Cách mạng, gia đình tôi là cơ sở tin cậy của Đảng tại Hà Nội. Một mình tôi vừa làm ăn buôn bán nuôi con, chu cấp cho chồng và đóng góp cho tổ chức, tôi luôn tin vào ngày nước nhà độc lập.

Cách mạng thành công, nhà tôi được Bác Hồ chọn làm bí thư riêng và đã giúp Bác đắc lực trong những năm sau đó. Kháng chiến bùng nổ, theo Đảng, theo Bác, gia đình tôi bỏ Hà Nội lên chiến khu Việt Bắc, rồi phiêu bạt xuống Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hoá. Tuy khó khăn gian khổ về vật chất nhưng lại là những năm tháng thật đẹp: không có đặc quyền, đặc lợi, cấp trên cấp dưới đâu ra đấy mà vẫn thương yêu nhau hết mực...

Năm 1954, hoà bình lập lại, gia đình tôi trở về Hà Nội mà lòng tràn ngập tin tưởng và vui sướng. Ước mong mà cả gia đình theo đuổi đã thành sự thật. Cuộc sống đã mở ra viễn cảnh tốt đẹp cho gia đình tôi.

Sau này, tôi cũng được nghe đôi điều về những bất đồng với lãnh đạo của ông Huỳnh trong vụ Cải cách ruộng đất, trong Cải

tạo công thương nghiệp, trong Nhân văn Giai phẩm. Tuy nhiên, ông Huỳnh cùng gia đình vẫn được sống yên ổn trong suốt thời gian đó. Sau nghị quyết IX của BCH Trung ương Đảng (9.1963), ông Huỳnh và một số cán bộ trung cao cấp khác lại có bất đồng. Tôi nghĩ đó là chuyện bình thường, như bàn tay có ngón dài, ngón ngắn.

Tôi không thể ngờ vào đêm 18.10.1967 tai hoạ đã giáng xuống gia đình tôi. Công an ập vào bắt giữ chồng tôi và sau khi lục soát đã đem đi tất cả những tấm ảnh nhà tôi chụp chung với Bác Hồ ở chiến khu Việt Bắc, ở phố Hàng ngang những ngày Bác viết Tuyên ngôn Độc lập, ở Paris khi nhà tôi được Bác phong Đại tá cận vệ trong phái đoàn dự Hội nghị Fontaitlebleau. Vào thời điểm bị bắt, nhà tôi đã nghỉ hưu được 3 năm.

Ai có thể hiểu được nỗi cay đắng của tôi lúc đó? Một người phụ nữ hai lần chứng kiến cảnh bắt bố chồng mình ở hai chế độ đối kháng nhau: lần thứ nhất (1940) bị bắt và kết án 3 năm tù khổ sai tại nhà tù Sơn La vì can tội hoạt động chống đối chế độ thực dân, lần thứ hai (1967) bị bắt và đưa đi biệt giam – không có án – ngay trong chế độ Dân chủ Nhân dân, một chế độ mà chính ông ấy đã góp xương máu tạo dựng nên, một chế độ *“Một triệu lần dân chủ hơn chế độ tư bản”*.

Rồi *“phúc bất trùng lai, hoạ vô đơn chi”*, vài tháng sau ngày ông Huỳnh bị bắt, con trai tôi – Vũ Thư Hiên, biên tập viên Báo ảnh Việt Nam – cũng bị bắt trên đường về nhà, cũng bị biệt giam, cũng chẳng có một toà án nào xét xử xem nó phạm tội gì? Hai bố con bị biệt giam mỗi người một nơi. Vũ Thư Hiên sau đó bị nhốt chung với tù hình sự. Đến 1976, sau 9 năm bị giam giữ không có án, con tôi mới được tha về.

Những năm sau đó, báo chí bị cấm không được nhắc tới cái tên Vũ Đình Huỳnh, cấm không được đăng ảnh Bác Hồ mà trong

ảnh đó có ông Huỳnh. Các báo và các nhà xuất bản bị cấm không cho cái tên Vũ Thư Hiên được xuất hiện trên sách báo – dù chỉ là dịch giả “*truyện ngắn Pautopxki*” (tập truyện này theo yêu cầu của nhiều độc giả, đã được tái bản dưới tên Kim Ân, là vợ của Thư Hiên) – rồi một vài truyện ngắn của Thư Hiên được liệt vào “*dòng văn học tư sản phản động*”?!

Tai họa liên tục giáng xuống gia đình tôi: cả chồng, cả con đều bị bắt. Lương hưu của nhà tôi, lương của con tôi bị cắt. Còn lại tôi với chín đứa con và một đàn cháu phải sống trong cảnh thiếu thốn khốn cùng. Nhưng thiếu ăn, thiếu mặc không khủng khiếp bằng nỗi khổ tinh thần: bạn mình, bạn chồng xa lánh vì sợ liên lụy, con cái bị trù dập. Nhà tôi trước đây lúc nào cũng đông khách mà sau đó chẳng còn ai lai vãng. Không khí khủng bố nặng nề, công an mật theo dõi ngay trước cửa 24/24 thì thử hỏi còn ai dám đến thăm?

Để duy trì cuộc sống cho gia đình và có điều kiện thăm nuôi chồng con, tôi phải bán dần đồ đạc, tài sản: xe cộ, bàn ghế, giường tủ... Đến khi cùng đường, không còn một thứ gì có thể bán được nữa, tôi đành phải bán nốt tài sản cuối cùng của mình là ngôi nhà số 8 ngõ Tràng An, nhà này tôi mua từ trước Cách mạng (lúc bán được 2 cây vàng, nếu để lại đến nay đã có giá 100 cây). Ngôi nhà mà hiện nay gia đình tôi đang sống (5, Hai Bà Trưng) là nhà của anh ruột tôi cho ở nhờ và quản lý hộ.

Thế là sau mấy chục năm trời bỏ cả tín ngưỡng, nhà cửa, tài sản hăng hái theo Đảng, theo Cách mạng, những tưởng cuộc sống sẽ tốt đẹp hơn, nào ngờ tai bay vạ gió, gia đình tôi rơi vào cảnh trắng tay: không nhà cửa, không tài sản, danh dự bị bôi nhọ, bị vu oan là “*chống Đảng – phản Cách mạng*”.

Năm 1972, nhà tôi được tạm tha, nhưng không cho về Hà Nội mà bị buộc quản thúc tại Nam Định. Gian truân nối tiếp gian truân, nhưng cũng còn may mắn hơn một số người khác, không

đến nỗi phải bỏ xác trong tù như ông Phạm Việt, hoặc được tha về để chết tại gia như ông Phạm Kỳ Vân (những người này cũng bị quy vào nhóm “*chống Đảng*” nói trên).

Đến năm 1975, nhà tôi mới được tha hẳn về Hà Nội để sống nốt những năm tháng cuối đời cho đến khi trút hơi thở cuối cùng 03.05.1990.

Những lần gặp ông Lê Đức Thọ trong tù, chồng tôi vẫn bảo lưu quan điểm của mình và một mực yêu cầu ông Lê Đức Thọ phải đưa vụ này ra công khai, xét xử theo Hiến pháp và pháp luật, không thể vin vào có “*bảo vệ Đảng chỉ xử lý nội bộ*” để bắt và giam giữ những người chưa được pháp luật định tội.

Trong những ngày cuối đời mình, ông Lê Đức Thọ có cho người đến đón nhà tôi lên gặp. Nhưng khi đó ông Huỳnh đã rất yếu, điếc nặng, trí nhớ giảm sút. Sau đó ông Thọ mời tôi đến. Trong câu chuyện, ông tỏ ý sẽ giải quyết riêng việc khôi phục danh dự cho nhà tôi trước. Tôi cảm ơn nhưng không chấp nhận vì vụ này liên quan đến nhiều người, không thể giải quyết riêng rẽ như vậy được. Tôi nói với ông Thọ: “*Anh giải quyết như vậy thì tôi còn mặt mũi nào nhìn thấy những người bị oan ức khác*”. Rõ ràng ông Thọ vẫn cho mình cái quyền tối thượng – nhân danh Đảng – tùy tiện bắt và giam giữ những người mà ông ấy cho là chống đối, rồi lại định khôi phục danh dự cho một cá nhân nào đó – coi như một sự ban ơn – mà chẳng cần đến luật pháp nào hết.

Không phải một mình ông Huỳnh nhà tôi chịu cảnh đọa đày, các con tôi cũng phải chịu vạ lây hết sức vô đạo lý. Có hẳn những chỉ thị bằng văn bản từ Ban tổ chức Trung ương Đảng đưa xuống các cơ quan, hướng dẫn cần phải o ép con em những người trong “*nhóm chống Đảng*” như thế nào. Thiết nghĩ, chỉ kém cái kiểu “*tru di tam tộc*” dưới thời phong kiến không nhiều lắm.

Dù có viết hàng nghìn trang giấy cũng không nói hết những nỗi khổ ải, nhục nhằn, những gánh nặng oan khiên, day dứt của những người trực tiếp và gián tiếp bị dính vào vụ “*xét lại chống Đảng*”.

Hiến pháp và pháp luật, quốc hội và toà án, chính quyền dân chủ nhân dân và nhân quyền đã được ghi thành văn bản giấy trắng mực đen, là thành quả được đổi bằng núi xương sông máu của hàng triệu cán bộ đảng viên đã bị ông Lê Đức Thọ chà đạp không thương tiếc.

Ông Lê Đức Thọ đã nhân danh đảng hành động như một nhà độc tài vô nhân đạo với ngay những người bạn, những người đồng chí đã cùng nhau chia sẻ gian lao trong nhà tù đế quốc, những đồng chí đã cuơ mang chính bản thân mình trong những năm tháng khó khăn nhất của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc – chỉ vì họ đã suy nghĩ không giống mình và đã dám nói ra những suy nghĩ ấy. Thật là đau đớn và tội nghĩ nỗi đau đó làm se lòng hàng triệu trái tim yêu Tự do và Công lý.

Tôi oán ông Lê Đức Thọ vô cùng, tôi cho rằng ông ấy là người độc ác và hạn hẹp về trí tuệ. Tôi càng uất ức hơn khi chồng tôi mất đi mà không kịp nhìn thấy ngày sự thật được đưa ra ánh sáng. Nhưng sau khi ông Thọ mất đi mà chẳng thấy những người kế tục lãnh đạo Đảng đưa vụ này ra công khai thì tôi hoàn toàn thất vọng. Tôi đồ rằng căn nguyên của vụ án này, cũng như biết bao vụ án khác chưa từng được bất kỳ toà án nào xét xử, không phải ở một cá nhân Lê Đức Thọ. Căn nguyên của tất cả những vụ oan ức nói trên là hậu quả của sự độc quyền lãnh đạo của một số cán bộ cấp cao của Đảng trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Tại sao ở nước Mỹ, một đất nước “*đây bắt công và bạo lực, chỉ có dân chủ cho một số ít giai cấp tư sản...*” mà người ta vẫn có thể đưa một vị tổng thống ra toà vì bị phát hiện là phạm pháp?

Còn ở nước ta, trong một chế độ “*một triệu lần dân chủ hơn*” pháp luật lại không đụng đến lông chân người lãnh đạo cao cấp khi chính người này phạm pháp? Chúng ta đang sống trong những năm cuối cùng của thế kỷ XX hay đang sống giữa thời trung cổ, khi người ta chỉ kết án một tên đao phủ, còn đối với một “*quý ông đao phủ*” thì không?

Sau khi nhà tôi mất, ông Lê Đức Thọ có gửi thư chia buồn đến gia đình tôi. Ông Thọ viết: “*Tôi rất thương và nhớ anh, anh là đồng chí tốt, khuyết điểm trong thời gian qua chỉ là nhất thời. Lúc anh ra tù trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và khi mới giành được chính quyền anh đã có công đóng góp phần mình vào công tác chung của Đảng. Đảng không bao giờ quên những đóng góp của anh trong thời gian đó*”.

Có thể hiểu như thế nào về những điều ông Lê Đức Thọ đã viết trên?

Nếu như ông Huỳnh có “*khuyết điểm*” như ông Thọ đã nói, thì với tư cách một đảng viên, ông Huỳnh phải chịu kỷ luật của chi bộ Đảng nơi ông sinh hoạt dưới các hình thức: phê bình, cảnh cáo, khai trừ lưu Đảng đến khai trừ vĩnh viễn khỏi Đảng. Việc bắt người và giam giữ là việc của các cơ quan Pháp luật Nhà nước, sau khi thực hiện đầy đủ các thủ tục theo luật định: khởi tố, lập toà án xét xử và kết án.

Vậy vì lẽ gì mà chồng tôi, con tôi bị bắt, bị giam giữ gần cả chục năm trời không có án?

Vì bất đồng quan điểm, vì “*tư tưởng lệch lạc*” chăng? Chỉ vì những điều này thì chưa kết tội được bất kỳ ai.

Vì “*xét lại*” chăng? Thế nào là “*xét lại*” ?

Vì “*phản Đảng – phản Cách mạng*” chẳng? Liệu có thể khép tội ông Huỳnh và các nạn nhân khác vào điều luật nào trong Bộ luật tố tụng hình sự?

Nếu đã có thể khép tội nhà tôi và các nạn nhân khác theo pháp luật thì ông Thọ chẳng dại gì không sử dụng bộ máy hành pháp.

Nhưng theo lệnh của ông Lê Đức Thọ, việc bắt và giam giữ hàng loạt cán bộ vẫn được thực hiện trong bí mật.

Đó chính là điều phi pháp trong hành động của ông Lê Đức Thọ. Và đương nhiên, khi những người lãnh đạo cấp cao của Đảng không tôn trọng pháp luật, dẫn đến tình trạng bất công xã hội thì lòng tin của mọi tầng lớp nhân dân vào Đảng bị xói mòn nghiêm trọng, dẫn tới việc Hiến pháp và pháp luật chưa bao giờ được thực hiện nghiêm chỉnh.

Sau Đại hội VI của Đảng, cánh cửa dân chủ đã hé mở. Ông Huỳnh lại có thư gửi tới nguyên tổng bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam – Nguyễn Văn Linh – một lần nữa yêu cầu ông Linh đưa vụ này ra ánh sáng.

Nhưng chỉ có sự im lặng từ phía những người cầm quyền, như thể yêu cầu của ông Huỳnh được gửi vào cõi hư vô.

Tuy nhiên, trong vài năm qua, tình hình đã có nhiều thay đổi. Năm 1992 Hiến pháp mới ra đời cùng hàng loạt các bộ luật khác trong nhiều lĩnh vực. Báo chí và các cơ quan truyền thông thường xuyên kêu gọi nhân dân “*hãy sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật*”.

Đất nước có nhiều chuyển biến trong thời mở cửa. Đảng đã chấp nhận một xã hội đa thành phần kinh tế, đó là nền tảng của một thể chế dân chủ.

Nghe nói, sang năm 1994, Đảng và nhà nước chủ trương xây dựng một nhà nước pháp quyền dân chủ, chủ trương đoàn kết và hoà hợp dân tộc, kêu gọi tất cả các dân chúng Việt Nam ở trong và ngoài nước – bất kể chính kiến – cùng nhau góp sức xây dựng đất nước có công bằng xã hội và giàu mạnh.

Ông Lê Đức Thọ đã chết, song không phải vì thế mà vụ này vẫn tiếp tục bị vùi trong bóng tối. Không chỉ riêng chúng tôi, những người trực tiếp và gián tiếp là nạn nhân trong vụ này, mà tất cả những người có lương tri và yêu công lý đều yêu cầu đưa vụ này ra ánh sáng.

Giải oan cho những người bị oan ức là việc cần phải làm và không bao giờ muộn, nó sẽ đem lại lòng tin cho cả triệu người vào Đảng và Nhà nước. Xưa, vụ án oan ức “Lê chi viên” đã đẩy Nguyễn Trãi và tất cả những người ruột thịt của ông vào cảnh “tru di tam tộc”: hơn hai mươi năm sau, vua Lê Thánh Tông lập đàn giải oan cho ông, để lại tiếng thơm muôn đời.

Vì đó là việc làm nhân nghĩa và hợp đạo lý.

Tôi khẩn thiết kêu gọi tình người nơi các ông – từ trái tim rỉ máu bởi nỗi đau oan ức của tôi, các con tôi và những nạn nhân khác. Tôi hy vọng các ông là những người có trái tim cũng biết đau nỗi đau đồng loại, hy vọng các ông là những con người có trí tuệ công minh và có đầy đủ nhân cách dân chủ.

Ông Vũ Đình Huỳnh – chồng tôi – một trong những nạn nhân của vụ “*xét lại chống Đảng*” đã chết. Còn tôi đã 83 tuổi, cuộc sống chỉ còn đếm từng ngày. Tôi làm đơn này không chỉ yêu cầu các cơ quan pháp luật đưa ra công khai vụ “*xét lại chống Đảng*”, xác định trắng đen rõ ràng, giải toả oan ức cho chồng tôi và những nạn nhân khác, mà còn hy vọng góp sức lực cuối cùng của mình vào quá trình xây dựng một nhà nước pháp quyền dân chủ thực sự.

Tôi hoàn toàn không muốn lá đơn này lại được trả lời bằng sự im lặng. Và nếu cái sự không mong muốn ấy lại đến, thì tôi đành phải nói với các con tôi rằng: “*Chưa có dân chủ thật sự đâu, các con ạ*”.

Và các con tôi sẽ lên tiếng. Nếu cả mười đứa con tôi chết đi mà vụ này vẫn chưa được đưa ra công khai, thì đời cháu tôi và những thế hệ sau chúng sẽ tiếp tục đòi hỏi yêu cầu chính đáng này trong sự truyền nối.

Cuối cùng, xin gửi tới các ông lời chào trân trọng.

Hà Nội ngày 20 tháng 02 năm 1994
Nguyên đơn
Công dân Phạm Thị Tề
05, Hai Bà Trưng, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tài liệu tham khảo:

- Đơn yêu cầu đưa ra xét xử công khai Web: diendan.org



Ảnh chụp năm 1946 tại nhà ông bà Aubrac. Người đầu tiên bên trái là ông Raymond Aubrac, tận cùng bên phải là ông Vũ Đình Huỳnh.

3) Đặng Kim Giang



Đặng Kim Giang - Đặng Rao (1910-1983)

Thiếu Tướng Đặng Kim Giang tên thật là Đặng Rao, quê tại xã Minh Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

Năm 1928, ông gia nhập Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội.

Năm 1930 trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương và thoát ly gia đình hoạt động cách mạng. Ông lần lượt đảm nhiệm các chức vụ: Bí thư chi bộ xã, Bí thư đảng bộ tổng, Tỉnh ủy viên, Xứ ủy viên Xứ ủy Bắc kỳ, hoạt động gây dựng phong trào cách mạng tỉnh Thái Bình.

Ông bị thực dân Pháp bắt kết án 12 năm tù giam, chịu đựng đòn tra bảo vệ cơ sở và bị giam tại các nhà lao: Hoả Lò, Hoà Bình, Sơn La. Ông vượt ngục Sơn La, tiếp tục hoạt động xây dựng phong trào cách mạng tỉnh Bắc Ninh.

Trong Cách mạng tháng Tám 1945, ông cùng với ông Đỗ Mười, Lê Trọng Tấn chỉ đạo khởi nghĩa giành chính quyền tại tỉnh Hà Đông. Sau đó ông trở thành Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Đông, Phó Bí thư Tỉnh uỷ.

Trong kháng chiến chống Pháp, ông lần lượt đảm nhiệm các nhiệm vụ sau: Ủy viên Ủy ban Hành chính Kháng chiến Khu 2,

Phó bí thư khu ủy Khu 2, Thường vụ khu ủy, Ủy viên Ủy ban Kháng chiến Hành chính Liên khu 3, Phó chủ tịch Ủy ban Hành chính Kháng chiến Liên khu 3.

Sau đó ông chuyển sang quân đội. Năm 1951 ông là Phó chủ nhiệm Tổng cục Cung cấp, tham gia các chiến dịch Thượng Lào, Biên Giới, Hòa Bình, Tây Bắc, Hà Nam Ninh và là Chủ nhiệm cung cấp, một trong bốn thành viên của Bộ chỉ huy và Đảng ủy Mặt trận Điện Biên, chịu trách nhiệm đảm bảo quân lương, súng đạn cho chiến dịch Điện Biên Phủ.

Năm 1954, ông là Phó chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần Quân đội Nhân dân Việt Nam, Ủy viên Quân ủy Trung ương. Năm 1958, ông được phong cấp thiếu tướng. Năm 1959 - 1960 ông làm Quyền Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần.

Sau đó ông giải ngũ. Năm 1960 ông được cử làm Ủy viên Ủy ban Kế hoạch Ngân sách của Quốc hội khóa 2.

Năm 1960 Chính phủ tách Bộ Nông lâm thành 4 cơ quan là Tổng cục Thủy sản, Tổng cục Lâm nghiệp, Bộ Nông trường, Bộ Nông nghiệp. Ông về Bộ Nông trường làm Bí thư Đảng đoàn và Thứ trưởng. Ông tham gia đấu tranh cho đổi mới quản lý, giao đất tặng gia, giao nhà ở cho nông trường viên, hợp tác đầu tư với các nước xã hội chủ nghĩa, cho các nông trường liên doanh với các nông trường nước bạn. Tất cả những chủ trương cách tân đó đều bị coi là "xét lại", "đi theo con đường tư bản chủ nghĩa"..

Năm 1967, ông là một trong những nhân vật chính trong Vụ án Xét lại Chống Đảng. Ông bị chính quyền Việt Nam Dân chủ Cộng hòa bí mật bắt giam 7 năm tại nhà tù Hỏa Lò Hà Nội và quản thúc 7 năm sau đó tại xã Việt Đoàn, huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc (nay là huyện Tiên Du tỉnh Bắc Ninh).

Năm 1980, ông được trở về Hà Nội, sống trong ngôi nhà cũ rộng 14 mét vuông tại 30 ngõ Chùa Liên Phái thuộc quận Hai Bà Trưng. Mười người, vợ chồng, con cái, cháu nội, cháu ngoại sống trong ngôi nhà đó hơn 10 năm trời.

Thiếu Tướng Đặng Kim Giang được các huân chương:

- Huân chương Chiến thắng hạng Nhất,
- Huân chương Kháng chiến,
- Huân chương Chiến sĩ vẻ vang.

Ông Đặng Kim Giang mất ngày 16 tháng 5 năm 1983. Hưởng thọ 73 tuổi, được an táng tại Nghĩa trang Văn Điển, Hà Nội.

Tài liệu:

Thư khiếu oan của bà Nguyễn Thị Mỹ

Kính gửi các ông:

- Tổng bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam,
- Chủ tịch Quốc hội nước CHXHCNVN,
- Thủ tướng Chính phủ,
- Cố vấn Ban chấp hành Trung ương Đảng,
- Viện trưởng Viện kiểm sát tối cao,
- Chánh án Tòa án tối cao
và Hội luật gia Việt Nam.”

Thưa các ông,

Tôi là Nguyễn Thị Mỹ, 77 tuổi, giáo viên nghỉ hưu, tại phòng 20, nhà C2 Khu tập thể Nghĩa Tân, Từ Liêm, Hà Nội, xin khiếu oan với các ông việc sau đây:

Nếu ngày nay còn cái “trống kêu oan” (1) của xưa kia thì tôi cũng xin đội đơn này đến giống ba hồi trống như bà Bùi Hữu Nghĩa (2) để “kêu oan” cho chồng tôi. Oan khuất này tồn tại đã gần 30 năm nay nhưng vẫn chưa được ai khai ra và giải oan cho gia đình tôi cùng với nhiều gia đình khác.

Tôi suy nghĩ rất nhiều, rất lung đã nên cầm bút nữa để tiếp tục kêu oan chưa vì từ trước đến nay đã bao giấy mực, bao nước mắt, bao chặng đường để lại, bao túi nhục hứng chịu mà chỉ chuốc thêm tai vạ cho mình và cho gia đình, chẳng giải quyết được vấn đề gì.

Nhưng đúng ngày hôm nay tôi vừa tròn 77 tuổi, cái tuổi chỉ còn tính ngày tính tháng, cái tuổi nếu có của để lại thì phải viết di chúc. Tôi không có của để lại cho con cháu nhưng tôi có “nỗi oan” của chồng cần phải được giải quyết trước khi nhắm mắt. Vì vậy tôi viết bức thư này.

Tôi nghĩ rằng đây là vấn đề lớn nhất từ trước đến nay xảy ra trong đảng ta mà chưa được làm sáng tỏ.

Thưa các ông, câu chuyện như sau:

Nỗi chồng

Năm 1967, đêm 18-10, lúc 21 giờ, chồng tôi là Đặng Kim Giang, hoạt động cách mạng từ năm 1928, cấp thiếu tướng, thứ trưởng Bộ Nông trường, bí thư đảng đoàn bộ, lúc đó đang nghỉ ốm tại xã Việt Đoàn, huyện Tiên Sơn, Hà Bắc, đã bị công an vũ trang cùng ba chiếc xe jeep ập vào còng tay đưa đi giữa khi nằm ôm đứa con gái út 5 tuổi ngủ. Sau đó họ khám nhà tôi 3 tiếng đồng hồ, đem đi các tài liệu về Điện Biên Phủ, các ảnh chụp với các lãnh tụ, 1 đài bán dẫn do chuyên gia Liên Xô tặng và 1 súng lục (không có đạn) do tướng Makonovski tặng khi

chồng tôi đi với phái đoàn quân sự Việt Nam sang thăm Liên Xô năm 1960.

Sau đó tôi được biết là họ buộc cho anh ấy tội “chống đảng, liên hệ với xét lại Liên Xô và âm mưu lật đổ chính phủ”.

Họ bắt giam chồng tôi vào xà lim 2 tháng tại Hỏa lò Hà Nội, cùm chân tay, không có đèn đóm. Sau đó họ đưa lên giam ở Bất Bạt rồi Tân Lập (Yên Bái).

Từ tháng 10-1967 đến 26-10-1973 (sau Hiệp định Paris), trong sáu năm trời họ đưa từ nhà lao này sang nhà lao khác, giam một mình trong một căn nhà trên đỉnh đồi vắng vẻ, canh gác cẩn mật, giữa lùm cây có rào vây kín, không tiếp xúc với sinh vật nào ngoài một anh công an tới bữa đem cạp lồng com ngoắc vào cửa. Suốt ngày đêm trong sáu năm trời không chuyện trò trao đổi với một người nào. Đã có lúc buồn quá chồng tôi ngồi nói chuyện với đàn kiến hoặc nói chuyện một mình.

Trong suốt thời gian đó không hề thiết lập tòa án để xét xử, điều mà chồng tôi và gia đình trước sau tha thiết đề nghị. Chồng tôi đề nghị được đem ra xét xử công khai hoặc bí mật nhưng phải có phiên tòa cho bị cáo được quyền tự bảo vệ – có hỏi cung, có luận án, có văn bản về tội, đúng pháp luật và Hiến pháp. Hoặc nếu xét xử nội bộ thì cũng phải đúng Điều lệ đảng. Nhưng không hề có một cuộc xét xử nào như vậy. Chỉ có gặp ông Lê Đức Thọ, Trần Quốc Hoàn, Song Hào một lần. Các ông ấy trấn áp, chồng tôi cãi lại thì bị trù, không hề có văn bản gì cả. Cứ như thế giam cầm, cầm cố suốt 6 năm trời. Có một lần chồng tôi ốm nặng (huyết áp cao, suy tim) phải đưa ra bệnh viện Sơn Tây, cũng bị bắt nằm riêng một khu vực, có công an kèm; đổi tên thành Đặng Văn Nông, không được tiếp xúc với bệnh nhân khác. Bác sĩ chữa bệnh cũng không được biết đang chữa bệnh cho ai.

Chồng tôi già và ốm. Suốt 6 năm bị giam cầm, mùa đông không có nước nóng tắm, cứ phải hàng tháng mới tắm một lần, ghê lở rất khổ sở. Đi tiêu thì đào hố quanh chỗ ở mà chôn phân. Rửa ráy thì có giếng đất trước nhà. May mà không rơi xuống đó (nếu có rơi cũng chẳng ai biết mà vớt lên). Ốm đau thật là khốn khổ, nhất là ban đêm, mưa gió. Theo tôi biết, theo luật quốc tế thì lối giam cầm như thế là tối dã man.

Trong suốt 6 năm trời đó, mỗi năm tôi được dịp đi thăm hai lần (vào dịp Tết ta và Quốc khánh). Phải xin phép trước rất lâu. Mỗi lần thăm 20 phút. Quà bánh mang vào bị lục soát kỹ (có lần tôi mang mấy quả bưởi của (cây bưởi) chính tay chúng tôi trồng nhưng công an không cho đưa vào). Khi nói chuyện có công an giám sát.

Sau thì cho thăm đêm. Khi đến phải đợi mặt trời lặn hẳn, khi ra về trời còn sáng, không được để ai trông thấy mình, không được nói mình đi thăm ai. Suốt 6 năm trời lẽo đẽo lội suối băng ngàn thăm chồng tù tội, nước mắt hòa với nước mưa.

Có cái gì ám muội trong vụ bắt bớ giam cầm này mà phải xử sự như vậy?

Ôi những năm tháng ấy tôi làm sao quên được?

Lúc đi thăm chồng ở Hỏa lò, nơi đế quốc Pháp đã giam cầm chồng tôi khi anh ấy chống lại chúng. Nay anh ấy lại bị chính đồng chí mình – chỉ vì bất đồng quan điểm – giam cầm ở chính chỗ năm xưa. Lịch sử lặp lại một cách tàn nhẫn như vậy! Biết bao chiều tà, mặt trời đã tắt, một mình tôi ngồi đợi trong túp lều tranh vắng vẻ đến rùng rợn ở bìa rừng dưới gốc đa um tùm có treo một cái keng. Tôi cảm dùi gõ ba tiếng và lắng nghe âm thanh vang động khùng khiếp khắp núi đồi lúc hoàng hôn... Tôi phải chờ cho đến lúc bóng tối bao phủ khắp núi rừng mới có người ra đưa vào thăm ông già tù tội tội nghiệp là chồng tôi.

Tôi làm sao quên được những lần lặn lội trong mưa rét, trong đêm tối trên đường độc đạo từ bến đò Âm Thượng (Đò Lao) đến Lao 3 trong rừng, nơi giam cầm chồng tôi. Hai bên đường rừng nửa hun hút, mưa đêm xối xả, đường rừng vắng, vừa lầy lội vừa trơn như mỡ, một mình tôi thân cò lặn lội gánh các thứ đi thăm chồng.

Có một bận đến bên một con suối nước lũ rất to chỉ có một thanh gỗ bắc ngang vừa hẹp vừa dài. Lúc đó đã nhá nhem tối, trời thảng chập, mưa tuôn như trút. Tôi ngã chết ngất bên đường. Khi tỉnh dậy tự nhủ: “Ta phải dậy mà đi. Không được nằm đây. Ta chết, ai nuôi lũ con ta?”. Vậy là lại đủ sức đứng dậy nhưng xe đạp đầy bùn không đẩy đi được, lại thò nặng (6 bị thức ăn tiếp tế cho chồng). Làm sao qua được suối?

Thế là đành ngồi khóc bên đường. May sao có một người đàn ông Mán đi đào sắn về đã giúp tôi qua chiếc cầu khi sang bờ bên kia để tiếp tục đi tới 10 giờ đêm mới tới nơi chồng bị giam giữ.

Những nỗi cực nhục ấy, ai thấu cho chúng tôi, những người vợ của những nạn nhân trong “vụ án xét lại” này?

Sau Hiệp định Paris, chồng tôi được tha về nhưng vẫn phải cầm cố thêm 7 năm nữa (quản thúc tại xã Việt Đoàn, Tiên Sơn, Hà Bắc). Khi về cũng chỉ được nghe nói miệng cho biết là bị cách hết chức vụ, khai trừ ra khỏi đảng, tước hết quyền công dân. Hàng tháng phải đến trình diện tại công an huyện, không được ra khỏi xã, không được tự do đi lại, không được bầu cử. Mỗi tháng trợ cấp “nhân đạo” cho một số tiền tối thiểu, tháng có tháng không. Ốm đau không tiêu chuẩn thuốc men gì cả. Có một lần chồng tôi bị huyết áp cao, ngất xỉu, tôi dìu chồng tôi ra chân dốc làng Long Khám xin nhờ xe Bộ Y tế về Hà Nội cấp cứu nhưng cán bộ Bộ Y tế sơ tán sợ liên lụy, không dám.

Tôi phải nhờ người đèo xe đạp 4km ra ga Lim đưa lên xe khách vào cấp cứu ở bệnh viện Việt-Xô. Qua một đêm ở phòng cấp cứu, sớm hôm sau bị đuổi ra (theo lệnh của ông Lê Đức Thọ) vì không có “tiêu chuẩn” mặc dù huyết áp còn cao, người lão đảo đi không vững!

Còn địa phương, được lệnh của “trên” đã cho họp toàn thể đảng viên trong huyện thông báo: “Đặng Kim Giang là phần tử chống đảng. không ai được tiếp xúc với gia đình phần tử xét lại nguy hiểm này” !!!

Từ đó, từ một gia đình có công với cách mạng, có uy tín với địa phương, nơi chồng tôi hoạt động thời bí mật, gia đình tôi sống tro trọi như giữa một hoang đảo trước sự né tránh của mọi người.

Tôi đã có đến ông Lê Đức Thọ và ông Trần Quốc Hoàn. Ông Trần Quốc Hoàn tránh không tiếp. Tôi nói với ông Lê Đức Thọ:

“Anh Giang phạm tội gì mà các anh còng tay còng chân mang đi? Sao đối xử với nhau tệ thế? Có phải gián điệp của đế quốc không? Nếu phải, đem xử bắn. Mẹ con tôi tán thành”.

Ông Thọ nói:

“Không phải. Đây là cuộc đấu tranh nội bộ, không đem ra xử công khai được. Chị cứ yên tâm. Chúng tôi không bỏ tù nhau đâu. Thuyết phục nó không được, phải dùng biện pháp hành chính. Khi nào nó nghe ra sẽ về thôi. Cửa nhà tôi lúc nào cũng rộng mở. Chị có khó khăn gì cứ đến.”

Thật ra cánh cửa đó đã vĩnh viễn sập lại sau lưng tôi kể từ ngày đó.

Chiến tranh kết thúc đã lâu. Mọi người đã trở về Hà Nội. Năm 1980, chúng tôi cũng trở về Hà Nội (nhà cũ 29 Cao Bá Quát đã bị quân đội lấy mất). Chúng tôi phải vay mượn mua tạm một túp nhà tranh vách đất rách nát 14 mét vuông ở 30 ngõ Chùa Liên Phái (một xóm nghèo nhất Hà Nội, những người ở đó phần lớn không có hộ khẩu, là những người bán thuốc chuột và trẻ con móc túi trên tàu điện). Mười người, vợ chồng, con cái, cháu nội, cháu ngoại sống chen chúc hơn 10 năm trời trong ngôi nhà đổ nát đó.

Gần Đại hội 5, chồng tôi đang bị nhồi máu cơ tim, viết một lá đơn khiếu oan, trình bày khúc chiết vấn đề này, đề nghị Đại hội cử một tiểu ban kiểm tra lại và có kết luận rõ ràng vì đây là một vụ án lớn nhất từ trước đến nay có liên quan đến nhiều người: có ủy viên Bộ chính trị, có ủy viên Trung ương, có bộ thứ trưởng, có tướng tá và cán bộ cao cấp...

Lá đơn đó được gửi đến cho các ủy viên Trung ương Đảng, cho Đại hội 5, cho Ban bí thư, cho Tổng bí thư v.v...

Sau đó, tháng 9-1982, chồng tôi lại bị bắt trở lại, “về tội tán phát đơn khiếu nại làm mất uy tín của đảng”.

Lần này chồng tôi bị đưa đi giam cầm tại Nam Định 8 tháng.

Hôm bị bắt cũng bất ngờ. Công an đến mời lên gặp ban lãnh đạo Sở công an Hà Nội rồi đưa lên xe mang đi luôn, giam giữ bí mật ở Nam Định. Nhà cửa lại bị lục soát. Lần này các huân chương, huy chương (đến cả huy hiệu Điện Biên Phủ), quân hàm đều bị tịch thu. Lấy luôn cả máy chữ Olympia con trai tôi vừa mua ở Sài Gòn mang ra để làm việc.

Suốt 8 tháng ấy, anh Đặng Kim Giang bị ốm nặng (đã từng nhồi máu cơ tim) nên thường phải nằm riêng một mình ở bệnh

viện công an Nam Định. Suốt thời gian đó không có một cuộc hỏi cung, xét xử gì cả...

Mỗi tháng tôi được đi thăm một lần, tàu xe rất cơ cực. Cũng như lần trước, quà cáp bị khám xét. Ngồi nói chuyện khoảng một giờ đều có công an giám sát.

Có đêm lỡ tàu xe, tôi phải ngồi thâu đêm rét mướt ở bến xe đợi sáng.

Sau vì chồng tôi yếu quá và vì tôi viết đơn cho ông Phạm Hùng nói “anh Giang sắp chết rồi vì bị nhồi máu cơ tim ông (tuổi đã 73). Nếu các anh không thả anh ấy ra, anh ấy mà chết trong tù thì sau các anh sẽ mang tiếng là giam cầm nhau cho đến chết, không khác gì bọn Mao ở Trung Quốc”, nên sau 8 tháng giam (không xét xử) họ đưa chồng tôi trả về cho tôi. Cũng như lần trước, không có bản án!

Hôm trả về, chồng tôi nằm suốt trên xe thế nhưng họ vẫn chưa cho về nhà mà còn bắt phải đến đồn công an Cầu Dền để nghe đọc các điều kiện quản chế và ký vào bản cam kết. Nhưng chồng tôi mệt quá, tôi phải ký thay vào các bản đó.

Lại quản thúc không thời hạn. Hàng tháng phải ra trình diện với đồn công an Cầu Dền. Sau hai tháng, phải ra báo cáo trước nhân dân xem “đã cải tạo tốt” chưa. Nhưng từ ngày trở về chồng tôi ốm liệt giường nên cũng không có sức mà lết ra báo cáo được lần nào cả.

Trước khi bị bắt còn trắng kiện, khi trả về là một ông lão tàn phế, đờ đẫn, suy sụp hoàn toàn.

Phần vì nhiều năm tù tội quá – cả cuộc đời 73 tuổi mà 12 năm tù đế quốc, 7 năm tù ta, kể cả cầm cố và quản thúc tất cả 3 lần tù là 25 năm – phần vì bị chà đạp nhiều, phần vì cuối đời sống

trong túng thiếu, cực khổ, thuốc men không có, bị truy bức hành hạ liên tục nên sau một đêm mưa gió, bị đột ứot người cảm lạnh rồi nhồi máu cơ tim, anh Đặng Kim Giang đã chết. Chết chính trong túp nhà lá đột nát đổ nước vào người anh đó!

Từ khi được thả về, ốm liệt nhưng không có tiêu chuẩn điều trị, thuốc men, ăn uống thiếu thốn, tiền nong chẳng có, nếu như được chữa chạy chắc chắn anh Đặng Kim Giang chưa chết. Lúc hấp hối vẫn có 2 công an ngồi kèm. Tôi phải bảo họ ra ngoài anh mới nhắm được mắt.

Ngày 16-5-1983, tôi có đánh 3 bức điện: một cho ông Lê Đức Thọ (Ban tổ chức Trung ương), một cho ông Nguyễn Ngọc Triu (Bộ Nông nghiệp), một cho ông Chu Huy Mân (quân đội) báo tin chồng tôi chết. Nhưng không có ai đã động gì. Không một nén hương, không một bông hoa, không một đồng xu cho đồng chí xấu số!!! Tôi đã bán quần áo và quyên góp trong số bạn bè tù cũ Sơn La để chôn cất.

Bao nhiêu công lao đóng góp cho dân cho nước mà khi chết đi xác được liệm trong một cỗ quan tài ghép 11 mảnh. Con tôi phải giã gạch và còm nếp để bít những khe hở. Chôn anh ở nghĩa trang Văn Điển một ngày mưa, hồ đầy nước, nhày nhựa những mảnh quần áo của người vừa được cải táng sót lại!!!

Một tuần sau, Ban tổ chức Trung ương cho người cầm đến 80 đồng đưa cho tôi nhưng tôi không lấy vì việc chôn cất Đặng Kim Giang đã xong rồi.

Thực chất đây là một vụ bất đồng quan điểm.

Tôi được biết ở Bộ Nông trường trước đó, các đề nghị xây dựng của anh Đặng Kim Giang như: khuyến khích vật chất, chia ruộng phần trăm cho nông dân, hợp tác với các nước trong khối SEV, đầu tư liên doanh cho các nông trường (những việc

hiện nay đã làm) đều bị coi là “chủ trương xét lại”, những ai ủng hộ đều bị hành hạ, loại bỏ .

Từ bắt bớ đến giam cầm, thả ra và đối xử đều tùy tiện, bất chấp điều lệ đảng, pháp luật và hiến pháp. Suốt 16 năm: 2 lần bắt giam, đưa hết nhà giam này đến nhà giam khác, quản thúc, cấm cố, chịu đựng đủ loại hình phạt: khai trừ, cách chức, khám nhà, tịch thu đồ đạc, giam cầm, truy bức, phân biệt đối xử với gia đình, không hề theo một thể chế nào, đạo luật nào. Không có một văn bản chính thức nào về tất cả vấn đề trên được công bố. Không được xét xử, không được bào chữa, không được chống án, không được khiếu nại. Nơi giam giữ phải giữ bí mật, tên họ phải thay đổi.

Tại sao lại như vậy? Có cái gì ám muội? Có cái gì uẩn khúc trong vụ án này?

Đã nhiều lần anh Giang đã làm đơn gửi các cơ quan của Đảng – có lần trực tiếp tố cáo tại trụ sở Ban tổ chức Trung ương Đảng, tại Bộ công an – về những sai lầm, khuyết điểm của các cán bộ có chức quyền trong đảng và những hành động phạm pháp, sai điều lệ của họ nhằm bưng bít sự thật, trả thù người dám đấu tranh (các tài liệu này chắc chắn còn được lưu trữ).

Oan khuất đã nhiều, anh Đặng Kim Giang, người dám đấu tranh dũng cảm cho chân lý, đã bị đối xử tàn tệ cho đến lúc chết.

Tôi đề nghị các ông cho mở một cuộc điều tra nghiên cứu về vụ án này và kết luận công khai, rõ ràng ai có công, ai có tội, tội gì – cũng như khi bắt giam đã phổ biến đến từng chi bộ, làm mất thanh danh, thì nay hãy minh oan cho các anh ấy đến từng chi bộ.

Hãy trả lại thanh danh cho những con người dám đấu tranh cho lẽ phải, nhất là những người đã khuất. Hãy trả lại thanh danh và sự đối xử công bằng với con cháu họ.

Tại sao lại xóa sạch công lao của họ? Trong lịch sử đấu tranh của xã Minh Tân, của huyện Kiến Xương, của tỉnh Thái Bình, của xã Trung Mậu, của Hà Bắc, của tỉnh Hà Đông, tại sao lại xóa sạch công lao của Đặng Kim Giang?

Tại sao trong chiến thắng vinh quang của Điện Biên Phủ lại xóa sạch công lao của người đã từng lo từng hạt cơm viên đạn để làm nên chiến thắng rung chuyển hoàn cầu đó? Ai cho phép người ta bóp méo lịch sử, cướp công của những người đã từng đổ mồ hôi và xương máu để xây dựng đất nước này, chính quyền này, chế độ này, lịch sử này?

Tôi đề nghị thành lập một tiểu ban điều tra xem xét lại toàn bộ vụ án này và có kết luận cụ thể, rõ ràng, minh bạch, công khai, xác định rõ công tội và có cách đối xử thỏa đáng đối với những người còn sống cũng như những người đã chết cùng vợ con họ.

Nỗi con

Chúng tôi có 7 con. Sau khi cha bị buộc tội thì mỗi đứa con một thảm kịch. Đây là một cuộc “tru di tam tộc”. Tôi xin dẫn chứng ra một số trường hợp cụ thể:

1) Cháu Đặng Kim Phương, tốt nghiệp phổ thông, xung phong vào bộ đội 3 năm, công tác tại quân y, tận tụy lao động chân tay trong bệnh viện dã chiến, liên tục là chiến sĩ thi đua, là cảm tình đảng nhưng không được kết nạp, không được vào đại học (hồi đó không phải thi) vì “lý lịch xấu”.

2) Đặng Kim Thư, tốt nghiệp đại học cơ khí chính xác tại Kiev (Liên Xô) vào loại giỏi. Về nước được ông Lê Tâm giám đốc

xin vào Viện đo lường nhưng “trên” không cho và bắt lên gánh vôi vữa hai năm ở Nhà máy y cụ 2 (Gò Đầm, Thái Nguyên) trong khi Viện đo lường Hà Nội rất cần kỹ sư cơ khí chính xác.

3) Đặng Kim Sơn, thi khối C vào Trường ngoại ngữ được 13,5 điểm (trường lấy 12,5 điểm). Thừa điểm nhưng không được gọi vì “lý lịch xấu”. Tôi xin anh Đình Đức Thiện (3) cho cháu làm công nhân nhưng anh Thiện không nhận. Cháu phải ở nhà một năm. Sau tôi viết đơn khiếu nại gửi anh Lê Văn Lương (lúc đó là bí thư Thành ủy Hà Nội) và anh Tạ Quang Bửu (lúc đó là bộ trưởng Bộ đại học), cháu được gọi đi học, nhưng lại vào Đại học Nông nghiệp (trái với khả năng của cháu). Hôm cắt hộ khẩu cho cháu đi học, Khu đội Ba Đình bảo tôi cháu đến tuổi phải đi nghĩa vụ quân sự. Tôi nói: chồng tôi là bộ đội, tôi cũng là bộ đội, tôi sẵn sàng cho cháu đi nghĩa vụ quân sự và xin giao nó cho các anh kể từ giờ phút này. Nhưng họ lại không nhận. Con tôi chảy nước mắt bảo tôi: “Mẹ ơi, con cần tay lấy máu viết đơn tình nguyện nhé?”. Nhưng tôi nghĩ người ta không tin mình nên không cho đi và đã khuyên con thôi, cứ đi học.

4) Đặng Kim Thành, học giỏi, thi khối A đỗ 23,5 điểm. Đáng lẽ được đi nước ngoài nhưng là con Đặng Kim Giang nên không được đi. Trong đơn xin vào Bách khoa (năm đó lấy 15,5 điểm) và tuy cháu thừa điểm nhưng không được vào mà phải vào Đại học xây dựng.

Ông Thành (4) (vụ trưởng Bảo vệ Đảng) thông báo cho tôi chỉ thị của ông Lê Đức Thọ: các con tôi không được vào các trường Bách khoa, Tổng hợp, Sư phạm, Y Dược, Pháp lý...; không được kết nạp Đảng, không được đi nước ngoài, không được đề bạt lên cương vị lãnh đạo.

Chúng nó luôn luôn bị phân biệt đối xử ở trường cũng như khi ở cơ quan.

Tôi nhớ năm 1969, trường Nguyễn Văn Trỗi sơ tán sang Trung Quốc trở về nước và giải tán. Có chỉ thị của trên: các cháu từ trường Nguyễn Văn Trỗi về địa phương nào thì trường phổ thông ở đó có trách nhiệm đón tiếp các cháu. Vậy mà hai thằng con trai tôi, Đặng Kim Sơn và Đặng Kim Thành, lớp 8 và lớp 9, khi trở về xin vào trường cấp 3 Tiên Du đã bị Ty giáo dục Hà Bắc từ chối. Sau tôi phải về Hà Nội giữa lúc máy bay Mỹ đang oanh tạc dữ dội đường số 1 để đến Bộ giáo dục, xin cho hai con tôi được vào trường cấp 3 Tiên Du.

Đã hết đâu: Còn bị bắt bớ và hăm dọa nữa!

Năm 1982, sau khi chồng tôi bị bắt trở lại, phòng Công an Tiên Du đến nhà máy quy chế Từ Sơn bắt con gái tôi là Đặng Kim Thư và chồng nó là Phạm Việt Sỹ (đều là kỹ sư) giam một tuần ở phòng Công an huyện Tiên Sơn, bức chúng phải viết đơn tố cáo bố. Tôi đã phải làm đơn lên Bộ Công an, Hội luật gia Việt Nam, Quốc hội để họ thả con tôi ra.

Ồi! Nghĩ mà cơ cực những năm đen tối ấy. Nỗi oan chỉ một kêu trời nhưng xa!

Và từ ấy đến nay đã gần 30 năm. Thời gian cứ trôi đi. Bao nhiêu nhiệt tình, tài năng của con cái tôi cũng mai một đi. Vì phần đầu làm sao một khi dấu ấn đã in trên trán. Chưa ai gột rửa đi cho, cứu giúp lũ con tôi cho chúng nó được sống, được làm người như những người khác!

Tuy nhiên, thật là phúc đức cho gia đình tôi! Tất cả con tôi 7 đứa thì 3 đứa là cán bộ trung cấp, 1 đứa phó tiến sĩ, 5 đứa kỹ sư, 4 đứa là đảng viên.

Về việc các con tôi. Tôi đề nghị các ông can thiệp để xóa cái dấu ấn và bản án cha không làm mà con phải chịu cho chúng được đem tài năng ra phục vụ nhân dân, đất nước. Hãy cho

chúng được phát huy tài năng. Hãy đền bù cho chúng những năm tháng bị phân biệt đối xử sao cho thỏa đáng. Kể từ bây giờ cõi trời cho chúng là quá muộn (Trong 7 đũa, đã 3 đũa nghi hưu. Thật tội nghiệp chúng: chờ cho hết kiếp còn gì là xuân!). Tôi sẽ vui lòng nhắm mắt nếu được trông thấy các con tôi đã được cứu rỗi linh hồn và thể xác.

Nổi mình

Là một cán bộ giáo dục lâu năm (35 năm trong nghề) và là một đảng viên, tôi luôn luôn làm tốt công việc được giao phó. Không có khuyết điểm sai sót gì trong công việc cũng như trong đạo đức tác phong. Vậy mà sau khi chồng tôi bị kỷ luật, ba lần huyện Tiên Sơn (Hà Bắc) gọi lên vận động ra đảng. Nhưng tôi không chịu vì lẽ tôi không có khuyết điểm. Và lại đảng bộ địa phương bảo vệ tôi vì tôi liên tục là lao động tiên tiến và đảng viên 4 tốt.

Năm 1980, tôi cùng gia đình chuyển về Hà Nội. Sau khi chồng tôi bị bắt trở lại, một hôm bí thư chi bộ là đồng chí Địch (thứ trưởng Bộ giao thông đã nghi hưu) và đồng chí Đoàn, phó bí thư (nữ bác sĩ nghi hưu) gọi tôi đến và báo cho biết là trên có chỉ thị cho là phải vận động tôi ra đảng. Lúc đầu tôi nhất định không nghe và tuyên bố: Tôi chỉ vào đảng chứ không ra đảng. Tôi không có khuyết điểm gì cả và rất xứng đáng đứng dưới cờ đảng. Tôi mới nhận thẻ đảng (100% đồng chí nhất trí trao thẻ cho tôi). Nhưng sau các đồng chí nói hoài nói mãi và nói thêm:

“Nói thật chị ở chi bộ chúng tôi thì thật khổ cho chúng tôi. Mọi người đều biết chị là một đảng viên tốt, không có sai sót gì nhưng chị là vợ anh Đặng Kim Giang. Trên cứ nhắc đi nhắc lại là nhất định phải đưa chị ra khỏi đảng”.

Tôi nói:

“Nếu thấy vương mắc thì cứ khai trừ tôi đi”.

Các chị nói:

“Không khai trừ vì chị không có khuyết điểm gì. Chỉ vận động chị vì lợi ích của đảng (?) chị nên tình nguyện ra khỏi đảng”.

Sau nhiều lần các đồng chí đó vận động, tôi suy nghĩ thấy buồn quá. Xã hội tiêu cực như vậy! Thế thái nhân tình như thế! Công lý ở đâu? Thôi thì rút lui để yên thân khỏi phải nghe lời nọ tiếng kia thêm cực, thêm khổ. Và thế là tôi đề nghị triệu tập một cuộc họp chi bộ toàn thể 36 đảng viên và tôi trả lại thẻ đảng. Hôm đó, trước tất cả 36 đồng chí đều là cán bộ nghỉ hưu, tôi đã nói hết nỗi lòng mình và oan khuất của gia đình mình.

Nhiều đồng chí đã rung rung nước mắt. Hôm sau tôi gặp đồng chí Đang, một đảng viên già (nay đã chết). Đồng chí nắm tay tôi ứa nước mắt: “Tôi hoạt động cách mạng từ lâu. Đảng dạy tôi phải bênh vực lẽ phải thế mà tôi để chị ra đảng, tôi thật xấu hổ! Sau khi chị về tôi hỏi đồng chí bí thư chi bộ: “Chị Mỹ ra khỏi đảng, anh có thấy xấu hổ không?” đồng chí Địch trả lời: “Biết làm thế nào được!”

Về sự nghiệp

Tôi là một giáo viên từ thời Pháp thuộc. Đi theo Cách mạng tháng 8, đã tham gia cướp chính quyền ở Đà Lạt. Ở trong Ban chấp hành Phụ nữ cứu quốc Đà Lạt. Vận động trí thức Đà Lạt và tham gia nhận ấn tín của Tổng đốc Trần Văn Lý. Sau về Hà Đông vừa dạy học từ 1945 vừa tham gia vận động phụ nữ (Hội phó Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh Hà Đông).

Suốt từ Cách mạng tháng 8 cho đến khi về hưu năm 1972, đều luôn luôn làm tốt các công việc được giao phó. Tham gia hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, biết thành thạo hai

ngoại ngữ Pháp và Lào, khi đi học văn hóa hay chính trị đều là học viên xuất sắc. Đã từng viết báo dịch vận bằng tiếng Pháp (báo L'Étincelle) được Bác Hồ khen. Dạy học thì liên tục từ 1945 đến 1972 đều là lao động tiên tiến, phụ nữ 3 đảm đang và đảng viên 4 tốt. Vậy mà khi đi theo cách mạng là giáo viên, bây giờ cũng chỉ là giáo viên thường. Được đề bạt hiệu phó trường Nguyễn Trãi một ngày. Sáng nhận bàn giao. Chiều lại có quyết định trở về trường cũ dạy học. Hỏi tại sao thì Phòng giáo dục Ba Đình trả lời: “Chị là đảng viên, đặt đâu ngồi đó đừng có hỏi”.

Năm 1967, anh Lê Liêm có triệu tập cuộc họp 24 nữ cán bộ “bị bỏ quên”. Khi tôi trình bày quá trình công tác, các anh chị em đều khóc và đề nghị “đề bạt vượt cấp”. Được biết sau đó Bộ giáo dục định cử tôi làm hiệu trưởng trường con em cán bộ Lào. Nhưng chỉ thị của Ban tổ chức Trung ương là phải hủy quyết định đó. Thế là “cội đa, tôi lại trở về cội đa”.

Bao nhiêu khả năng, bao nhiêu nhiệt tình đều bị thui chột hết. Năm 1972, tôi nghỉ hưu, không được tăng một bậc lương nào (mặc dù tôi nằm ở mức lương 68 đồng trong 11 năm, mặc dù trong 11 năm đó tôi liên tục là lao động tiên tiến và đảng viên 4 tốt). Tôi được xếp hưởng 75% mức lương 78 đồng, nay là mức 310 đồng (mỗi tháng hiện nay tôi lĩnh 198.000 đồng – cả thâm niên giáo dục). Khi nghỉ hưu, tôi được lĩnh một tháng lương. Đang giảng dạy trên lớp thì nhận quyết định nghỉ hưu. Thế là cô từ biệt các em, hôm sau cô không lên lớp nữa!

Phục vụ như thế, khả năng như thế, cống hiến như thế và bị đối xử như thế nhưng tôi chẳng oán trách ai. Tôi chỉ có một tội là vợ của Đặng Kim Giang! Hiện nay tôi đã 77 tuổi. Mặc dù chìm nổi và thiệt thòi như vậy nhưng tôi vẫn tích cực tham gia phong trào phụ nữ địa phương cùng mọi phong trào khác và được chị em yêu mến, tín nhiệm. Đó là niềm an ủi của tôi.

Với số lương như vậy, nếu không có các con tôi đùm bọc thì chắc tôi đã chết từ lâu rồi.

Kết luận

Trên đây tôi đã trình bày đại thể những oan khuất và cơ cực mà gia đình cũng như chồng tôi đã phải chịu đựng trong suốt 30 năm qua trong “vụ án Đặng Kim Giang & Hoàng Minh Chính”. Đó chỉ là những nét lớn. Còn bao nỗi đắng cay, chà đạp, dày vò chúng tôi cần rằng chịu đựng khiến lắm lúc tôi tự hỏi: “Chẳng lẽ chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản là thế này ư?” Tôi cứ nghĩ: “Có độc lập, tự do là có tất cả” và tôi tự tay tháo hết đồ nữ trang khai mạc Tuần lễ vàng 1945 ở Đà Lạt, đi theo cách mạng như một ngày hội lớn. Thế mà bây giờ cuộc đời tôi ra sao? Cơ cực vật chất không nói làm gì. Cái đau nhất là mất niềm tin.

Thưa các ông, các ông hãy làm sáng tỏ vấn đề này ra và hãy “cứu rỗi” linh hồn chúng tôi, những người bị bao oan trái trong vụ án uẩn khúc này. Xin các ông hãy cho thẩm tra lại vụ án mà may thay một phần nhân chúng còn sống. Các ông sẽ gặp nhiều khó khăn vì sẽ đụng chạm đến nhiều người đang muốn quay lưng lại những trang sử đen tối, coi như đã giải quyết rồi, không quay lại nữa.

Xin đừng để cho người ta bóp méo lịch sử, bôi nhọ những người ngay thẳng có công với cách mạng, đổi trắng thay đen, đánh lừa quần chúng, để giải thoát cho những người còn sống, để minh oan cho những người đã khuất.

Tôi đề nghị thành lập một tiểu ban thẩm tra lại vụ án. Xin hỏi han những nhân chứng còn sống rồi kết luận rõ ràng về vụ này: ai có tội, ai bị oan. Hãy thanh minh cho những người bị oan khuất và những người đã khuất. Hãy trả lại thanh danh cho họ và gia đình họ; hãy lên án những kẻ đã lạm Đảng chức quyền

để áp bức, vu khống đồng chí mình, gây bao thảm họa và làm mất uy tín của đảng.

Mỗi lần gia đình tôi khiếu oan là một lần bị đe dọa, trù dập. Nhưng lần này tôi lại tiếp tục tố cáo không chỉ vì tin ở xu thế chân lý mà còn vì ý thức trách nhiệm đối với sự nghiệp chung, với vận mệnh cuộc cách mạng của chúng ta.

Kính chúc các ông mạnh khỏe.

Kính đơn,
Nguyễn Thị Mỹ (đã ký)

Phòng 201. Nhà C2
Khu tập thể Nghĩa Tân, Từ Liêm, Hà Nội

Trong bài *Chỉ huy hậu cần Điện Biên Phủ: Chuyện 60 năm mới kể*, tác giả Trần Thanh Hằng viết:

Sinh thời, Chủ nhiệm hậu cần chiến dịch Điện Biên Phủ, ông Đặng Kim Giang, rất ít kể về mình, dù ước nguyện cuối cùng của ông trước khi nhắm mắt là được đeo trên ngực tằm “Huy hiệu Chiến sỹ Điện Biên”.

Tài liệu tham khảo:

- Đặng Kim Giang Web: vi.wikipedia.org
- Đơn khiếu oan của bà Nguyễn Thị Mỹ Web: anle20.wordpress.com

4) Nguyễn Văn Vịnh



Nguyễn Văn Vịnh (1918-1978)

Nguyễn Văn Vịnh sinh ngày 21 tháng 2 năm 1918, quê ở làng Đô Quan, xã Nam Quan (nay là làng Đô Quan, xã Nam Lợi), huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định. Mô côi cha từ nhỏ, ông được nuôi lớn bằng sự tần tảo của mẹ (làng Đô Quan nổi tiếng với nghề đan bao tải bằng cỏ lác). Ông cùng với nhà thơ Đoàn Văn Cừ là đôi bạn chí thân từ nhỏ.

Năm 1936, ông tham gia phong trào học sinh yêu nước ở Nam Trực, bị chính quyền thực dân Pháp bắt giam năm 1937. Sau khi ra tù năm 1940, ông về Hải Phòng sau đó đáp tàu vào Nam Kỳ. Năm 1941, ông đăng lính khổ đờ, làm đến chức đội (tương đương Hạ sĩ). Là một người có tư tưởng yêu nước, tiến bộ, thích thơ văn, ông được các ông Hoàng Văn Thụ (khi đó là trưởng ban binh vận) và ông Trường Chinh trực tiếp vận động tham gia Hội Quân nhân Cứu quốc (một tổ chức con của Mặt trận Việt Minh) và được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1942. Năm 1943, ông bị chính quyền thực dân Pháp bắt giam lần thứ hai kết án 20 năm tù khổ sai và đày ra Côn Đảo.

Cách mạng tháng 8 thành công, ông được đón về đất liền tiếp tục hoạt động tại Nam Bộ. Từ đó, các đồng chí miền Nam gọi tên thân mật của ông là Hai Vĩnh.

Khi Pháp tái chiếm Nam Bộ, ông chỉ huy đội du kích rồi được bầu làm chính trị viên, sau được phân công giữ chức Tỉnh ủy viên, Phó chủ tịch Ủy ban kháng chiến tỉnh Mỹ Tho.

Từ năm 1946 đến năm 1950, ông lần lượt là Chính ủy Bộ Tư lệnh Chiến khu 8 gồm 7 tỉnh: Tân An (Long An hiện nay), Gò Công, Mỹ Tho (Tiền Giang), Bến Tre, Sa Đéc (Đồng Tháp), Vĩnh Long và Trà Vinh; Bí thư Khu ủy, Xứ ủy viên Xứ ủy Nam Bộ, tham gia chỉ đạo việc xây dựng các căn cứ kháng chiến (trong đó có Chiến khu Đồng Tháp Mười), các cơ sở địch hậu, các đội du kích, trạm quân y, tổ chức hậu cần và hoạch địch chiến lược chiến thuật.

Ông cũng là một trong những người đỡ đầu cho việc hình thành nên điện ảnh khu 8, được xem là cội nguồn của điện ảnh cách mạng Việt Nam.

Năm 1950, ông là Chính ủy Bộ tư lệnh Phân khu miền Tây Nam Bộ.

Đến năm 1952, ông được chuyển sang làm Phó tư lệnh Phân khu miền Đông Nam Bộ.

Năm 1954, ông tập kết ra Bắc.

Sau khi tập kết ra Bắc, ông lại được cử vào Nam để giữ chức vụ Trưởng Phái đoàn Quân đội Nhân dân Việt Nam bên cạnh Ủy ban Quốc tế thi hành Hiệp định Geneve tại Sài Gòn.

Đầu năm 1957, ông được triệu hồi ra Bắc giữ chức Phó chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước.

Ngày 16 tháng 10 năm đó, ông được chỉ định giữ chức vụ Phó Chủ nhiệm Tổng cục Cán bộ - Bộ Quốc phòng, Ủy viên Tổng Quân ủy Trung ương, đảm nhiệm quyền Chủ nhiệm thay cho ông Nguyễn Chánh, Chủ nhiệm Tổng cục Cán bộ, vừa mất.

Ngày 22 tháng 4 năm 1958, ông chính thức được cử làm Chủ nhiệm Tổng cục Cán bộ.

Ngày 20 tháng 1 năm 1959, Tổng cục Cán bộ giải thể, chuyển thành Cục Cán bộ thuộc Tổng cục Chính trị Quân đội Nhân dân Việt Nam. Ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Việt Nam, Phó Tổng Tham mưu trưởng Quân đội Nhân dân Việt Nam.

Tháng 8 năm 1959, ông được phong cấp Trung tướng.

Từ năm 1960, ông được cử làm Chủ nhiệm Ủy ban Thống nhất Trung ương, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng khóa III. Trên cương vị của mình, ông là một trong những người đầu tiên đề xuất và chỉ đạo xây dựng đường Trường Sơn trên bộ và trên biển để chi viện sức người, sức của cho chiến trường miền Nam; chỉ đạo xây dựng công tác binh, địch vận từ 1960; đề xuất phát động du kích chiến tranh, nhân dân chiến tranh toàn diện và trường kỳ từ 1961; đề xuất chủ trương vừa đánh vừa đàm từ 1965...

Giữa năm 1967, ông được Trung ương cử bí mật vào Nam, thay tướng Nguyễn Chí Thanh vừa mất trước đó 10 ngày, để phổ biến kế hoạch tấn công Tết Mậu Thân.

Tuy nhiên, vào năm 1969, do liên can đến việc bảo vệ một số người trong Vụ án Xét lại Chống Đảng, ông bị kỷ luật và buộc thôi giữ các chức vụ, bị hạ quân hàm xuống Thiếu tướng. Tuy nhiên, ông vẫn đặt lợi ích toàn cục lên trên hết động viên đồng

chí của mình yên tâm công tác, chiến đấu nhanh chóng giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Sau năm 1975, ông vào sống tại Thành phố Hồ Chí Minh. Những năm tháng cuối đời, ông bị bệnh hiểm nghèo và được Nhà nước Việt Nam đưa sang Cộng hòa Dân chủ Đức chữa bệnh và mất tại đây vào năm 1978. Hưởng thọ 60 tuổi.

Tướng Nguyễn Văn Vịnh nhận được các huân chương sau đây:

- Huân chương Quân công hạng ba
- Huân chương Chiến thắng hạng nhất
- Huân chương Chiến sỹ vẻ vang hạng nhất, nhì, ba
- Huy hiệu "Thành đồng Tổ quốc"
- Huân chương Độc lập hạng Nhất năm 2008

Tướng Đồng Văn Cống đánh giá về ông như sau:

"Với tôi, anh Nguyễn Văn Vịnh là một người anh lớn mà tôi luôn kính trọng cả về tài năng lẫn nhân cách. Chúng tôi luôn xem nhau như anh em một nhà. Anh Vịnh nguyên là một học sinh của Pháp, một trí thức yêu nước trở thành một nhà cách mạng, một vị chỉ huy có bản lĩnh của quân đội ta. Anh sống rất tình cảm và giúp đỡ anh em cấp dưới một cách chí tình. Chỉ tiếc anh Vịnh ra đi quá sớm!"

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Văn Vịnh Web: vi.wikipedia.org

5) Ung Văn Khiêm



Ung Văn Khiêm - Uông Văn Khiêm (1910-1991)

Ung Văn Khiêm hay Uông Văn Khiêm, còn có tên khác là Nhường hay Huân, sinh ngày 13 tháng 2 năm 1910, tại làng Tân Đức, tổng An Bình, quận Chợ Mới, tỉnh Long Xuyên (ngày nay là xã Tân Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang). Ông nội là Ung Văn Tre, bà con trong vùng gọi là ông Chủ Tre, người đầu tiên đến đây chống thú dữ, khai phá vùng đất hoang vu này trở thành vùng cù lao trù phú, xinh tươi, từng được mệnh danh là "Đệ nhất Cù lao". Cha của ông là ông Ung Văn Quản, từng theo Trương Định kháng Pháp.

Do ảnh hưởng của cha, từ nhỏ, ông đã được giáo huấn về lòng yêu nước. Học xong trường làng, ông thi vào Trường Collège de Can Tho (nay là trường THPT Châu Văn Liêm) và là một trong hai học sinh đầu cao được cấp học bổng (người còn lại là Trần Văn Thạnh). Tuy nhiên, do thường xuyên tham gia các phong trào bãi khóa và đấu tranh với hiệu trưởng Tây nên ông sớm bị đuổi học.

Về quê, ông tiếp xúc nhiều lần với Châu Văn Liêm, một thầy giáo tiểu học và cũng là một nhà cách mạng, cung cấp cho ông nhiều sách báo tiến bộ, và giới thiệu ông gia nhập nhóm "đồng tâm, đồng chí" tại Chợ Mới.

Cuối năm 1927, Khiêm gia nhập tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Sau khi đã vào tổ chức, Khiêm được tổ chức điều về Cần Thơ, làm Ủy viên Ban Chấp hành Tỉnh bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên tỉnh Cần Thơ, phụ trách công nhân.

Tham dự lớp huấn luyện do Nguyễn Ái Quốc tổ chức ở Quảng Châu (Trung Quốc), sau khi về nước được chỉ định làm Bí thư Đặc ủy miền Hậu Giang, tham gia Xứ ủy Nam Kỳ khi họp nhất 3 tổ chức Cộng sản (1928);

Tháng 9/1929 giữ chức vụ Bí thư Đặc ủy An Nam Cộng sản Đảng miền Hậu Giang, sau đó được phân công là ủy viên thường vụ xứ ủy Hậu Giang.

Tham gia Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1930

Bị thực dân Pháp bắt và bị tù ở Khám lớn Sài Gòn và Côn Đảo (1931-1936)

Hoạt động công khai, tổ chức Mặt trận bình dân ở các tỉnh miền Tây Nam bộ (1936-1939)

Bị bắt giam tại Long Xuyên (1939-1941)

Hoạt động ở miền tây Nam bộ chuẩn bị cho sự thành lập Xứ ủy Nam kỳ (1944-1945)

Bí thư Xứ ủy Nam kỳ (08/1945 - 12/1945)

Đại biểu Quốc hội Việt Nam khoá I, đơn vị tỉnh Long Xuyên (1946); Ủy viên nội vụ Ủy ban Kháng chiến hành chính Nam bộ

Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam; Ủy viên Trung ương Cục miền Nam (tại Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam II tháng 02/1951)

Bí thư, kiêm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến hành chính tỉnh Bạc Liêu - Cà Mau 1951-1954

Thứ trưởng Bộ Ngoại giao; Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (1955);

Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng - 1960);

Đại biểu Quốc hội Việt Nam các khoá I, II, III;

Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Việt Nam từ tháng 2 năm 1961 đến tháng 4 năm 1963. Trong chuyến thăm Việt Nam vào tháng 1 năm 1963 của Chủ tịch Tiệp Khắc Novotny, Ngoại trưởng Ung Văn Khiêm bị quy trách nhiệm về bản tuyên bố chung "thân Liên Xô" và bị thay thế bởi Xuân Thủy

Bộ trưởng Bộ Nội vụ Việt Nam (30/4/1963 - 1971).

Sau 30 tháng 4 năm 1975, Ung Văn Khiêm trở về miền Nam, sinh sống tại Tp. HCM.

Ông qua đời ngày 20 tháng 3 năm 1991, tại Tp. HCM sau nhiều năm bệnh tật, thọ 81 tuổi.

Trên baotoquoc.com có bài *Đèn Cù tập II: Ung Văn Khiêm, cựu Bộ trưởng ngoại giao nuôi heo của Nguyễn Văn Tuấn* viết theo Đèn Cù của Trần Đĩnh:

Ngay sau khi kết thúc chiến tranh (năm 1975), phe miền Nam như ông Võ Văn Kiệt kéo ông Khiêm về Sài Gòn. Ông Kiệt là “đàn em” và từng được diu dắt bởi ông Khiêm trong thời chiến. Nhưng sau này thì ông Khiêm bị đối xử rất tệ, cứ như là kẻ thù. Trần Đĩnh kể rằng vợ ông lúc đó phải bán từng quả khế để có đồng tiền ra vô nuôi đứa con trai đang bị bệnh tâm thần. Cần nói thêm rằng vợ ông Khiêm từng là giao liên cùng đội với Lý Tự Trọng trong thời chiến tranh.

Ông Khiêm kể rằng sau này (không rõ năm nào, nhưng tôi đoán là 1980 hay 1984), Lê Duẩn vào Nam dự đại hội đảng bộ Sài Gòn. Lê Duẩn hỏi: “Ừa, anh Ba Khiêm đâu?” Ông Khiêm vừa kể vừa cười nói “Tổng bí thư mà không biết uỷ viên trung ương đảng, bộ trưởng ngoại giao bị khai trừ, khôì hài quá há! Quan liêu nhất há!” Ông Khiêm kể rằng sau đó, các ông Trường Chinh, Lê Duẩn và Lê Đức Thọ lần lượt đến thăm nhà ông, nhưng ông không mời vào nhà vì bận làm vệ sinh chuồng heo. Ông tự hào là mặc quần xà lỏn tiếp chuyện họ ở chuồng heo. Ông Ung Văn Khiêm qua đời năm 1991. Hình như sau này Sài Gòn có đặt tên ông cho một con đường (nhưng tôi không nhớ rõ).

Tài liệu tham khảo:

- Ung Văn Khiêm Web: vi.wikipedia.org

6) Lê Liêm



Lê Liêm - Trịnh Đình Huân (1922-1985)

Lê Liêm tên thật là Trịnh Đình Huân, sinh năm 1922 tại thôn Từ Dương, xã Tô Hiệu, huyện Thường Tín, Hà Nội. Ông sinh năm 1922 trong một gia đình nghèo, bố là một thợ sơn từng tham gia sơn cầu Long Biên, mẹ quê ở Thanh Hà, Hải Dương, là nông dân, buôn bán. Tuy nhà nghèo nhưng ông vẫn được gia đình cho ăn học, học hết bậc học tương đương trung học cơ sở ngày nay. Vào tuổi thanh niên, ông sớm tham gia phong trào Mặt trận Bình dân những năm 1938-1939 và được kết nạp Đảng rất sớm, ở khoảng thời gian này ông được cử làm Ủy viên xứ ủy Bắc Kỳ.

Năm 1942, ông bị địch bắt, đày đi nhà tù Sơn La. Hiện tại nhà tù còn có ảnh danh sách tù cách mạng và chi bộ nhà tù Sơn La có tên ông do mật thám Pháp chụp. Ông từng là người xác nhận cho đồng chí Văn Tiến Dũng sau khi vượt ngục để được hoạt động cách mạng trở lại.

Sau khi ra khỏi nhà tù Sơn La, ông tiếp tục tham gia hoạt động cách mạng, chuẩn bị giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám. Cách mạng Tháng Tám bùng nổ, ông tham gia tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở Bần - Yên Nhân (Hưng Yên).

Trong những ngày đầu kháng chiến chống Pháp, ông chủ yếu hoạt động công tác chính trị trong quân đội. Ông làm Chính trị uỷ viên trong Uỷ ban Kháng chiến chiến Khu 1.

Năm 1947, ông làm Phó phòng dân quân (sau là Cục phó Cục Dân quân) Bộ tổng chỉ huy.

Năm 1948 ông được bổ nhiệm Cục trưởng Cục Dân quân thay ông Khuất Duy Tiến, năm 1949 kiêm thêm chức Cục trưởng Cục Chính trị thay Thiếu tướng Văn Tiến Dũng. Chủ nhiệm đầu tiên của *Báo Quân đội Nhân dân*. Ủy viên Bộ chỉ huy chiến dịch Biên giới năm 1950.

Năm 1950, khi Cục Chính trị được nâng lên thành Tổng cục Chính trị trực thuộc Bộ Tổng Tư lệnh Quân đội Quốc gia và dân quân Việt Nam, ông được cử làm Cục trưởng Cục Tuyên huấn, sau đó là Phó Chủ nhiệm Tổng cục. Chủ nhiệm là ông Nguyễn Chí Thanh.

Năm 1954, ông là Đảng uỷ viên Bộ Tư lệnh Mặt trận Điện Biên gồm các ông: Hoàng Văn Thái – Tham mưu trưởng, Lê Liêm – Chủ nhiệm chính trị, Đặng Kim Giang – Chủ nhiệm hậu cần.

Sau năm 1954, ông chuyển sang lĩnh vực dân sự trước khi có đợt phong quân hàm năm 1958. Ông được bổ nhiệm Thứ trưởng Bộ Văn hóa phụ trách điện ảnh, Bí thư Đảng đoàn Bộ dưới thời Bộ trưởng Hoàng Minh Giám. Ông kiêm chức Hiệu

trưởng Trường Lý luận nghiệp vụ (thuộc Bộ Văn hóa, nay là Trường Đại học Văn hóa) trong thời gian 1959 - 1960.

Ông là người công tâm hết sức ủng hộ văn nghệ sĩ, trong phong trào Nhân văn Giai phẩm Lê Liêm không viết một dòng nào chống lại những người trong nhóm Nhân văn Giai phẩm.

Năm 1960 tại Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam III, ông được bầu làm Ủy viên Dự khuyết Ban chấp hành Trung ương,

Tháng 1 năm 1963 ông giữ chức Chủ nhiệm Văn phòng Văn hóa giáo dục Phủ Thủ tướng (trên cả Bộ trưởng) thay ông Tố Hữu đến tháng 10 năm 1965 thì ông Trần Quang Huy kế nhiệm

Năm 1965, ông làm Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam, Bí thư đảng đoàn Bộ, Chánh Thư ký Công đoàn Giáo dục Việt Nam kiêm Hiệu trưởng Trường Chính trị Bộ Giáo dục. Năm 1968 ông kiêm nhiệm Phó Trưởng Ban Khoa giáo Trung ương.

Trong những năm 1960, ông phản đối việc thân Trung quốc, chống Liên Xô, và trong một bài diễn văn về việc cải tạo giáo dục, năm 1968, ông trở lại quan điểm chính thống. Có liên quan trong Vụ án Xét lại chống Đảng, ông bị khai trừ Đảng vào tháng 5 năm 1968.

Ông mất năm 1985, thọ 63 tuổi.

Trích thơ:

Bài ca anh Nguyễn Văn Trỗi⁽¹⁾

*Anh Nguyễn Văn Trỗi anh hùng chiến đấu miền Nam.
Sớm nay anh nằm dưới nệm cỏ đáng yên lành.
Hoa lá bay trên trời cao lộng gió.*

*Anh nghỉ ở nơi đây hương phấn bay quyện với mây với mây
trời.*

Sáng soi đời sau.

*Với đất nước, dân thương yêu, sống muôn đời trong hoa tươi
thắm.*

*Với đất nước, dân thương yêu, hiến thân mình cho dân cho
nước.*

*Sống mãi mãi, trong muôn dân, sống trong muôn lòng, thắm
tình, toàn dân thương nhớ: anh Nguyễn Văn Trôi.*

Gió vẫn rít, mưa tuôn rơi.

*Với dân mình tham gia chiến đấu, súng nắm chắc, vai chen vai,
thắm tươi anh em tương thân tương ái, chống đế quốc bên dân
ta, có bao nhiêu người dốc lòng:*

Vê-nê-đuy-ê-la, đang đấu tranh bên nhau.

Anh Nguyễn Văn Trôi hoa hồng tươi thắm Việt Nam.

Tiết thay không ngờ anh chịu phải lưới quân thù.

Anh hiến dâng thân mình cho Tổ quốc.

*Gắng chịu đựng gian lao nêu tấm gương bình sáng trong đấu
tranh cho dân mình.*

Ánh dương bình lên!

*Với tiếng thét, anh hiên ngang, khiến quân thù hoang mang
đau đớn.*

*Với tiếng thét, anh hô vang: "Nhớ đây Việt nam ta đang chiến
thắng."*

*Tiến với trước, chân kiêu căng, mắt anh căm thù, oán hờn, đời
anh thêm tươi sáng, trong đấu tranh gian lao.*

(1) Năm 1964 khi được tin Nguyễn Văn Trôi bị xử tử, ông sáng tác bài này.

Là Chủ nhiệm Chính trị mặt trận, Ủy viên Đảng ủy Mặt trận, một chức vụ rất "to" nhưng Lê Liêm là người gần gũi, chân thành với cấp dưới. Nhà báo lão thành Nguyễn Khắc Tiếp, một trong những người được tiếp xúc với ông nhiều nhất ngày đó, kể lại: "*Anh Lê (cách gọi thân mật ông Lê Liêm ngày ấy - PV)*

là một con người rất dễ gặp, dễ chuyện, rất thân tình với anh em. Gặp điều gì tâm đắc, anh cười cứ ha hả, cười rất tươi. Anh viết rất giỏi, rất hay, rất nhanh, rất gọn. Bởi vì anh có chất một người làm văn hóa, từng viết Báo Quân du kích, tiền thân của Báo Quân đội nhân dân. Tuy là cấp trên, nhưng anh có tính dân chủ cao, thường đưa những bài anh viết cho chúng tôi xem, đọc và góp ý. Anh gần gũi với cơ sở, với bộ đội nên anh không chỉ viết nhiều mà còn viết những vấn đề rất cụ thể, rất thiết thực với đời sống”.

Tài liệu tham khảo:

- Lê Liêm Web: vi.wikipedia.org
- Chủ nhiệm Chánh trị mặt trận... kiêm nhà báo Web: baomoi.com



Hàng ngồi: Lê Liêm, Võ Nguyên Giáp, Hồ Chí Minh, Trường Chinh

7) Lê Trọng Nghĩa



Lê Trọng Nghĩa – Đoàn Xuân Tín (1922-2015)

Lê Trọng Nghĩa sinh năm 1922, từng mang các tên Đoàn Xuân Tín, giáo sư Lê Ngọc và sau cùng là Lê Trọng Nghĩa. Trong đó Lê Trọng là tên của người thầy giáo đầu tiên của ông, còn Nghĩa với ý là khởi nghĩa. Ông xuất thân là một sinh viên khoa Luật, thông thạo nhiều thứ tiếng

Ngày 10 tháng 3 năm 1945 được giao trách nhiệm bảo vệ "thượng cấp" Trần Đăng Ninh trèo tường vượt ngục Hỏa Lò. Ngay sau đó được ông Lê Đức Thọ giao nhiệm vụ cùng ông Vũ Quý sang Dân chủ Đảng (và từng là ủy viên TW của Đảng này) nắm lực lượng trí thức, sinh viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 1945, ông là Ủy viên Ủy ban Khởi nghĩa Hà Nội khi mới 23 tuổi, đóng vai trò lớn trong Tổng khởi nghĩa Hà Nội. Theo ông Nguyễn Minh Cần, cựu Ủy viên Thường vụ Thành ủy Hà Nội, ông Nghĩa lúc bấy giờ thay mặt cho Việt Minh đã thảo luận 5 lần với với chính phủ Trần Trọng Kim.

Ngày 20 tháng 8 năm 1945, ông là Ủy viên Ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời Trung ương.

Kháng chiến bùng nổ, ông là Chánh Văn phòng Bộ Quốc phòng.

Năm 1950, ông là Đại tá, Cục trưởng Cục Quân báo khi mới 28 tuổi và trở thành trợ tá đặc lực của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, nhất là trong trận Điện Biên Phủ.

Năm 1954, trong Sở chỉ huy mặt trận Điện Biên Phủ, ông phụ trách Quân báo khi mới 32 tuổi

Năm 1960, ông trở lại với cương vị là Cục trưởng Cục Quân báo, Bộ Tổng Tham mưu thay cho ông Trần Hiệu

Năm 1962, thôi giữ chức Cục trưởng Cục Quân báo, Bộ Tổng Tham mưu

Năm 1962 đến năm 1967, ông là trợ tá thân cận cho tướng Võ Nguyên Giáp.

Tháng 2/1968, ông bị an ninh bắt vì cho là có liên quan đến "nhóm Xét lại", tuy không được xét xử theo pháp luật nhưng vẫn bị giam và cải tạo lao động từ năm 1968 đến 1976.

Năm 1988, Ban Tổ chức Trung ương ra quyết định số 08/QĐTC ngày 29/02/1988 cho về hưu do Ủy ban Nhân dân Hà Nội cấp, tương đương với cấp chuyên viên hành chính của Thành phố.

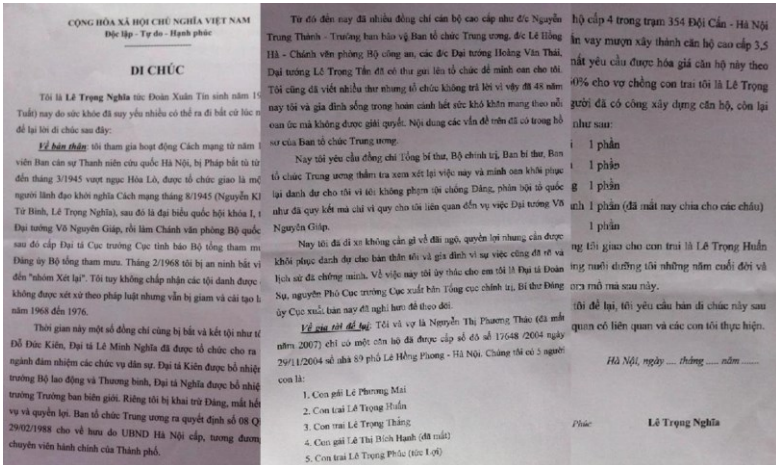
Lê Trọng Nghĩa mất ngày 22-2-2015 tại Hà Nội, hưởng thọ 93 tuổi.

Ông Lê trọng Nghĩa có để lại “Di chúc” gồm 3 trang đánh máy, trong đó ông yêu cầu các cơ quan của đảng cộng sản Việt Nam phục hồi danh dự cho bản thân và gia đình ông.

Trích Di chúc:

Nay tôi yêu cầu đồng chí Tổng Bí thư, Bộ chính trị, Ban bí thư, Ban tổ chức Trung ương thẩm tra xem xét lại việc này và minh oan khôi phục lại danh dự cho tôi vì tôi không phạm tội chống Đảng, phản bội Tổ quốc như đã quy kết mà chỉ vì quy cho tôi liên quan đến vụ việc Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

Nay tôi đã đi xa không cần gì về đời ngọ, quyền lợi nhưng cần được khôi phục danh dự cho bản thân tôi và gia đình vì sự việc cũng đã rõ và lịch sử đã chứng minh...



Tài liệu tham khảo:

- Lê Trọng Nghĩa Web: vi.wikipedia.org

8) Nguyễn Minh Cần



Nguyễn Minh Cần (1928-20)

Nguyễn Minh Cần sinh năm 1928 tại Huế,

Đầu năm 1945: tham gia phong trào giải phóng dân tộc.

Năm 1945: tham gia Cách mạng tháng 8, tổ chức và lãnh đạo khởi nghĩa ở Huế và các vùng phụ cận Huế.

Năm 1946: vào Đảng Cộng Sản Đông Dương, làm Ủy viên Thường vụ Thành ủy Huế.

Cuối 1946 - đầu 1947: làm Ủy viên Ban chỉ huy quân sự Khu B, chiến đấu bảo vệ thành phố Huế.

Năm 1947 - 1951: hoạt động trong vùng địch tạm chiếm tỉnh Thừa Thiên, lúc đầu là bí thư Huyện ủy Hương Trà, sau đó là tỉnh ủy viên và ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy Thừa Thiên.

Năm 1951 - 1962: Trung Ương điều động ra Hà Nội để hoạt động ở trong thành phố Hà Nội đang bị Pháp chiếm đóng, làm bí thư Quận ủy Ngoại Thành, sau là Thành ủy viên và Ủy viên

Thường vụ Thành uỷ Hà Nội, kiêm phó chủ tịch Uỷ ban Hành chính thành phố Hà Nội.

Năm 1962, đi học ở Trường đảng Cao cấp của Liên Xô.

Bị cáo buộc theo Chủ nghĩa Xét lại, năm 1964, Nguyễn Minh Cần ly khai khỏi Đảng Lao động Việt Nam, xin cư trú chính trị ở Liên Xô, làm nghề phiên dịch và biên tập viên viết báo

Vợ và các con của ông ở Việt Nam bỗng nhiên trở thành nạn nhân của chính sách trả thù của Đảng Lao động Việt Nam.

Từ năm 1989, ông Nguyễn Minh Cần đã tham gia tích cực vào “Phong trào nước Nga Dân chủ”. Cùng với người vợ Nga, ông Nguyễn Minh Cần đã tham gia vào chiến dịch bảo vệ Tòa Nhà trắng của Phong trào và phá vỡ cuộc đảo chánh của phe nhóm CS tại Nga vào tháng 08 năm 1991.

Năm 1990, ông Nguyễn Minh Cần nghỉ hưu. Phần lớn thời giờ ông dành để nghiên cứu Phật học và viết các bài nghiên cứu chính trị.

Trong suốt thời gian cư ngụ ở Nga, ông luôn luôn tích cực tham gia và ủng hộ cuộc đấu tranh cho Dân chủ, Tự do và Nhân quyền của nhân dân Việt Nam.

Ông Cần hiện cư ngụ tại Moscow, là nhà báo tự do.

Tác phẩm:

- *Công Lý Đòi Hỏi* (NXB Văn Nghệ, 1998)
- *Chuyện Nước Non* (NXB Văn Nghệ, 1999)
- *Đảng Cộng Sản Việt Nam Qua Những Biến Động Trong Phong Trào Cộng Sản Quốc Tế* (NXB Tuổi Xanh, 2001)
- *The Vietnamese Communist Party Through Vicissitudes*

Of The Communist Internationals (NXB Tuổi Xanh, 2004)
- *Từ điển Nga-Việt* (đồng tác giả) (Nhà xuất bản Tiếng Nga, 1977, 1979, 1987)
- *Từ điển Nga-Việt Mới* (đồng tác giả) (NXB Vostok - Zapad (Moskva) và NXB Thế Giới (Hà Nội), 2007)

Trích văn:

Cô Xuân bị giết như thế nào ?

Bây giờ xin quay trở lại câu chuyện những cô gái ở Cao Bằng. Theo những điều người ta kể cho tôi trong những năm gần đây và được xác minh qua tài liệu đã xem thì có hai chi tiết hơi khác (các cô họ Nguyễn và cô Xuân chỉ có một con với ông Hồ), ngoài ra, các chi tiết khác về cơ bản đều giống nhau.



Nông Thị Xuân

Sự việc cụ thể như sau: cô Nguyễn Thị Xuân (tên gọi trong gia đình là Sang) và em họ, cô Nguyễn Thị Vàng, 22 tuổi, quê làng Hà Mạ, xã Hồng Việt, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng, cuối năm 1954, đã tình nguyện vào làm công tác hộ lý trong một đơn vị quân nhu. Được mấy tháng thì ủy viên Trung ương đảng, chủ nhiệm Tổng Cục Hậu cần Trần đăng Ninh, gặp cô Xuân nói chuyện vài lần, rồi đầu năm 1955 cho xe đón cô Xuân về Hà Nội, "nói là để phục vụ Bác Hồ". Mấy tháng sau, cô Xuân cũng xin cho cô Vàng và cô Nguyệt (con gái của ông Hoàng Văn Đề, cậu ruột của cô Xuân) về Hà Nội ở trên gác nhà 66 Hàng

Bông Nhuộm. "Vì các vị lãnh đạo không cho chị Xuân ở cùng với Bác trên nhà Chủ tịch phủ, giao cho ông Trần Quốc Hoàn, bộ trưởng Bộ công an, trực tiếp quản lý chị Xuân, cho nên chị Xuân mới được đem về 66 Hàng Bông Nhuộm, nhà của công an. Cuối năm 1956, chị Xuân sinh được một cậu con trai Cụ Hồ đặt tên là Nguyễn Tất Trung.

"Em có nhiệm vụ bé cháu", đấy là lời Vàng kể lơi cho người chồng chưa cưới của mình trước khi cô bị giết. Và cũng nhờ Vàng đã kể lại, nên chúng ta biết được những sự việc sau đây:

Khoảng mồng 6, mồng 7 tháng 2 năm 1957, Trần Quốc Hoàn đến, nói chuyện vu vơ một lúc, rồi giở trò ... kéo cô Xuân vào cái buồng xép, định hãm hiếp. Cô Xuân ú ớ la lên. Vàng hoảng sợ tru tréo, còn Nguyệt khiếp sợ quá co rúm lại ngồi ở trong góc. May lúc đó có tiếng cửa sổ nhà dưới xô sầm vào tường, Hoàn sợ, bỏ cô Xuân ra, rút súng lục ra dọa: "Chúng mày im mồm, không ông cho chết hết". Rồi xuống thang, ra ô tô chuồn.

Mấy hôm sau, Hoàn lại đến, lên gác, đi thẳng vào phòng, ôm ghì cô Xuân hôn. Cô Xuân xô nó ra: "Không được hôn, tôi là vợ ông Chủ tịch nước". Nó nói: "Tôi biết bà to lắm, nhưng tính mạng bà nằm trong tay tôi" Rồi lấy súng dí vào ngực cô Xuân, nó rút ra sợi dây dù đã thắt sẵn thòng lọng tròng vào cổ cô Xuân kéo cô lên giường, tự tay lột hết quần áo, ngấm nghĩa, rồi hiếp cô. Cô Xuân xấu hổ lấy tay che mặt. Nó kéo tay cô và nói: "Thanh niên nó phục vụ không khoái hơn ông già, lại còn vờ làm gái".

Từ đó cô Xuân trở thành thứ đồ chơi trong tay Hoàn. Nó bảo cô Xuân dặn cho hai em phải biết cầm cái miệng, nếu bép xép thì mất mạng cả lũ. Một chị em lúc bấy giờ rất sợ bị giết, bàn nhau. Vàng đề nghị mấy chị em trốn đi thì cô Xuân nói: "Sau ngày sinh cháu Trung, chị thưa với Bác: bây giờ đã có con trai, xin Bác cho mẹ con ra công khai. Bác nói: cô xin như vậy là

hợp tình hợp lý. Nhưng phải được Bộ chính trị đồng ý, nhất là mấy ông Trường Chinh, Lê đức Thọ, Hoàng Quốc Việt đồng ý mới được. Do đó cô đành phải chờ một thời gian nữa ... Mấy tuần trước, Bác lời hỏi chị: các cô ở đây có nhiều người lạ mặt tới thăm phải không? Chị thưa: ba chị em không có ai quen biết ở Hà Nội, còn bà con ở Cao Bằng thì không có ai biết chị em ở đâu. Bác nói không nhẽ ông bộ trưởng công an nói dối ?

Chị suy nghĩ mãi mới thấy rõ, nó muốn vu cáo chị em ta liên hệ với gián điệp hoặc đặc vụ gì đó, để định kế thoát thân nếu việc của nó bị bại lộ.. Bây giờ ta trốn cũng không làm sao thoát tay nó, mà nó còn vu cáo giết hại anh chị em chúng ta. Chị bị giết cũng đáng đời, chỉ rất hối hận đã xin hai em về đây để chịu chung số phận với chị.."

Đến ngày 11 tháng 2 năm 1957, vào bảy giờ tối, một chiếc xe com măng ca thường đón cô Xuân lên gặp ông Hồ ở trước nhà.

Tên Ninh, biệt danh là Ninh Xòm, bảo vệ viên của ông Hồ, vào gặp cô Xuân nói "lên gặp Bác." Cô Xuân mặc quần áo, xoa nước hoa rồi ra xe. Xe do Tạ Quang Chiến (tên này trong đội bảo vệ ông Hồ, về sau làm tổng cục phó Tổng cục Thể dục thể thao) lái đi. Sáng hôm sau, 12 tháng 2, một nhân viên công an Hà Nội đến báo tin cô Xuân bị chết vì tai nạn ô tô, hiện còn để ở nhà xác bệnh viện Phú Doãn. Vàng vội vã đưa cháu Trung cho Nguyệt bé, lên xe công an vào bệnh viện, nhưng không được vào nhà xác. Chờ độ một tiếng sau thì có người bác sĩ ra đọc biên bản, đại ý: trên thân thể tử thi không có thương tích gì, cũng không phải bị đánh chém gì. Mổ tử thi, trong lục phủ ngũ tạng cũng không có thương tích gì, dạ dày không có thuốc độc, tử cung không có tinh trùng, chứng tỏ không bị hiếp dâm. Duy chỉ có xương đỉnh đầu bị rạn nứt, nước nhờn chảy rạ Bác sĩ nói: đây có thể là nạn nhân bị trùm chặn lên đầu, rồi dùng

búa đánh vào giữa đỉnh đầu Vàng nghe xong chạy về kê lại cho Nguyệt. Hai chị em cùng khóc ...

Ít lâu sau, một cán bộ công an đến bé cháu Trung đi, hai chị em không biết đem đi đâu. Sau đó, Vàng được đưa đi học lớp y tá của Khu tự trị Việt Bắc ở Thái Nguyên, còn Nguyệt thì Vàng không biết người ta đưa đi đâu, sống chết ra sao. Học được mấy tháng thì Vàng được chuyển về bệnh viện Cao Bằng và may mắn được gặp người chồng chưa cưới ở đây, kể hết mọi chuyện cho anh nghe. Cô nói với người yêu: "Em nghĩ anh chỉ bị thương nhẹ, anh còn sống được lâu, anh sẽ nói rõ cho toàn dân biết vụ bê bối này. Còn em thì chắc chắn sẽ bị chúng giết, vì em đã nói vụ này cho nhiều chị em bà con biết. Bọn hung thủ còn theo dõi em. Ở Cao Bằng, có hôm em còn thấy thằng Ninh Xôm tới gặp ông bác sĩ bệnh viện trưởng, được ít lâu họ tuyên bố em bị thần kinh, được chuyển về điều trị tới bệnh viện Hòa An."

Đây là lời người yêu, chồng chưa cưới của cô Vàng: "Tôi chỉ được gặp Vàng có một tháng, đến ngày mùng 2 tháng 11 năm 1957, cô Vàng về thăm ông cậu Hoàng Văn Đệ, hung thủ đi theo, giết chết, rồi quăng xác xuống sông Bằng Giang, đến ngày mùng 5 tháng 11 mới nổi lên ở Hoàng Bồ. Được tin, tôi chạy về cầu Hoàng Bồ, thì thi hài đã được kiểm nghiệm và chôn cất rồi. Nghe dư luận bàn tán, cô bị đánh vỡ sọ, tiền, đồng hồ vẫn còn nguyên và người nhà đã nhận về chôn cất. Vụ này nhiều người bị giết: cô Xuân vợ Cụ HCM, cô Vàng vợ chưa cưới của tôi, cô Nguyệt, còn nhiều người ở trường y tá Thái Nguyên, nghe chuyện Vàng đi nói chuyện lại cũng bị giết lây. Mấy chục năm nay, tôi tím gan thắt ruột nghĩ cách trả thù cho em tôi, nhưng sức yếu thể cô, đành ngậm hờn chờ chết ..."

Tiện đây, xin phép kể qua một chuyện ngoài lề có ý nghĩa. Hôi Vũ Thư Hiên còn ở Moskva, "người ta" dò biết là anh đang viết hồi ký, và hình như cũng đoán biết là anh có trong tay

"những mẩu chuyện" nào đó. Thế là một hôm, "bọn trần lộn" người Việt đến nhà, chờ Hiên vào thang máy thì chúng ùa theo, đâm anh vào hông, giật chùm chìa khóa, rồi xông vào nhà. Chúng không đụng đến tiền bạc gì hết, mà chỉ tìm kiếm tài liệu và lấy các đĩa mềm máy tính, trong đó có phần hồi ký anh đang viết dở dang. Khi chúng đi rồi, Hiên gọi điện ngay cho tôi. Mấy hôm sau, anh lại báo tin rằng một tên gọi điện cho anh, bảo nếu muốn lấy lại đĩa mềm thì hãy "đến đây, đến đây" ở Moskva, mà theo lời anh, chỗ ấy là ... ngôi nhà chung cư của cán bộ nhân viên sứ quán VN tại Nga. Hiên nói để trấn an tôi: "Cũng may là tôi đã dự phòng trường hợp này rồi. Anh yên tâm". Sau đó không lâu, Hiên đến nhà đưa cho tôi đọc 74 trang hồi ký của anh. Và một thời gian sau nữa, anh lặng lẽ rời khỏi nước Nga, tìm nơi khác an toàn hơn để "đậu" ... Tôi kể chuyện này để thấy tính nhạy cảm cao độ của những-người-nào đó đối với "những mẩu chuyện" không chảy theo luồng lạch của "lãnh đạo" và "người ta" sẵn sàng lao vào những hành động tội ác, điên cuồng, cực kỳ phiêu lưu, chỉ cốt để ... bung bít sự thật.

Nhưng, vì chân lý, lẽ nào chúng ta có quyền chôn vùi, hoặc để cho ai đó được phép chôn vùi sự thật? Trái lại, bằng bất cứ giá nào, phải tìm mọi cách để trả về cho Lịch Sử những sự kiện chân thật, khách quan, không bị tô vẽ, không bị bóp méo, để mọi điều, mọi người đều được đánh giá đúng đắn và công bằng. Công Lý đòi hỏi như thế!

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Minh Cần Web: vi.wikipedia.org
- *Cô Xuân bị giết như thế nào?* Web: congngonviet.com

9) Vũ Thư Hiên



Vũ Thư Hiên (1933-20)

Vũ Thư Hiên sinh ngày 18 tháng 10 năm 1933 tại Hà Nội, có bút danh là Kim Ân, cha là Vũ Đình Huỳnh và mẹ là Phạm Thị Tề đều là thành viên của Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội, tiền thân của Đảng Cộng sản Đông Dương.

Ông thuở nhỏ đi học, hay vào Phủ chủ tịch chơi, được Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu mến, hay nhờ những việc vặt.

Năm 1946, đi ca hát, đóng kịch trong một đội *Tuyên truyền xung phong*.

Năm 1949, đi bộ đội.

Năm 1953, công tác trong lĩnh vực điện ảnh.

Từ 1954 đến 1959, đi học viết kịch bản điện ảnh tại Liên Xô.

Năm 1959, làm việc cho Xưởng phim Việt Nam tại Hà Nội.

Năm 1960, làm biên tập viên và phóng viên *Báo Ảnh Việt Nam*.

Từ năm 1967 đến 1976, trong Vụ án Xét lại Chống Đảng, ông bị chính quyền Việt Nam Dân chủ Cộng hòa bí mật bắt và giam cầm sau khi đã bắt cha ông (Vũ Đình Huỳnh) 2 tháng trước đó. Công an chìm bắt giữ ông lên ô tô và đưa về nhà tù Hỏa Lò ngay trong lúc ông đang đạp xe trên phố Hà Nội. Mãi về sau gia đình ông mới hay tin. Ông bị giam 9 năm, trong đó bị giam trong xà lim cá nhân bốn năm rưỡi, qua các nhà tù Hỏa Lò, Bất Bạt (Sơn Tây) và Tân Lập (Phú Thọ). Chính quyền thả ông không án cũng như không xét xử. Ra tù năm 1976, nhưng còn bị quản thúc bằng lệnh miệng của nhà cầm quyền mãi cho tới mùa thu năm 1980 mới được phép vào Nam.

Năm 1977, làm công nhân cao su.

Năm 1979, làm kỹ thuật hóa.

Năm 1990, là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam.

Năm 1991, làm kinh doanh.

Năm 1993, ông qua Nga với tư cách phiên dịch cho một công ty thương mại. Ông vận động để được ở lại, làm đại diện cho công ty. Trong khi làm việc ông bắt đầu viết cuốn hồi ký *Đêm giữa ban ngày* về chín năm bị giam cầm, trong đó ông muốn chia sẻ với người đọc những điều suy ngẫm về mô hình nhà nước chuyên chính vô sản.

Cuối năm 1995, thấy không thể ở Moskva lâu hơn nữa, ông tìm cách qua Ba Lan.

Đến cuối năm 1996, sau một chuyến đi Paris, trở về Ba Lan ông được mật báo về tình hình nguy hiểm có thể xảy ra cho ông nếu nấn ná ở lại nước này để hoàn thành cuốn hồi ký. Do đó ông quyết định qua tỵ nạn tại Pháp. Tại đây, ông đã hoàn thành tập hồi ký *Đêm giữa ban ngày*.

Năm 1997, xuất bản hồi ký *Đêm giữa ban ngày* vào tháng 4.

Ông ở Đức 2 năm (2000-2001) sau đến Pháp theo lời mời của International Parliament of Writers và Ủy ban Nhân quyền thành phố Nuremberg (Nurnberg)."

Nhà văn đã được nhận giải A văn học thiếu nhi của Hội Nhà văn Việt Nam năm 1988 với tác phẩm *Miền thơ ấu*.

Tác phẩm:

- *Lối thoát* (kịch, 1954)
- *Bông hồng vàng* (dịch của Paustovsky, 1960)
- *Truyện ngắn Paustovsky* (dịch, 1962)
- *Luật rừng* (truyện, in chung, 1985)
- *Khúc quân hành lặng lẽ* (truyện nhiều tập, 1985-1989)
- *Luật rừng* (kịch bản, 1988)
- *Miền thơ ấu* (tiểu thuyết, Văn Nghệ, 1988)
- *Đêm giữa ban ngày*
và một số kịch bản điện ảnh.

Trích văn:

Đêm giữa ban ngày *Chương Kết*

Chương này gồm những ghi chép lộn xộn về số phận những nhân vật được nói tới ở trên. Nó được viết thêm do yêu cầu của những bạn đã đọc bản thảo muốn biết đoạn tiếp nằm ngoài những hồi tưởng.

Tôi rời Phong Quang ngày 7 tháng Chín năm 1976.

Cuộc giã biệt đời tù của tôi, trái với hình dung thông thường,

diễn ra không được êm ả. Chuyện thế này. Theo lệ, người tù ra trại (tức là được tha, mãn hạn hoặc không có hạn để mà mãn) phải viết một bản nhận tội, một bản cam đoan không tái phạm, không tiết lộ bí mật của trại giam. Bản nhận tội, bản cam đoan đã được soạn sẵn thành mẫu, chỉ việc chép lại, ký tên, là xong. Tù được tha làm cái roẹt, nộp Ban Giám thị rồi cuốn xéo. Không ai nắn ná thêm một phút.

Không hiểu sao, vào đúng cái thời khắc sung sướng nhất đời tù tôi lại nổi điên, nhất định không chịu làm cái việc đối với mọi người chỉ có giá trị hình thức ấy. Tôi tuyên bố sẵn sàng ở tù thêm, ở bao lâu nữa cũng được, nhưng tôi sẽ chờ cho tới khi việc giam giữ tôi được làm cho sáng tỏ.

Tôi nói : tôi không có tội. Mà đã không có tội thì không thể nhận tội được.

Nhùng nhằng một hồi, phó giám thị kéo tôi về phòng anh uống trà. Đó là một anh công an đã đứng tuổi, tính tình nhân hậu, dễ thương, được tù nhân mến." Chúng tôi chẳng qua chỉ là một thứ thú kho thối, anh ạ. Lệnh trên bảo nhập thì chúng tôi cho hàng vào, lệnh trên bảo xuất thì cho hàng ra, - anh phân trần - Trên lệnh xuống bảo xuất mà anh không chịu ra thì chỉ khổ mấy thằng tôi, rồi hỏi han kiểm điểm rắc rối lắm". Mấy hôm trước chính anh chạy vào trại vui vẻ gọi tôi ra một chỗ rồi thì thảo báo cho tôi biết có tin đồn Mao sắp chết : "Anh được về đến nơi rồi ! Mao chết là xong hết". Tôi bảo anh : "Chớ vội mừng. Con cháu Mao đông lắm !". Trà thuốc xong chúng tôi thỏa thuận mỗi bên nhân nhượng một ít. Tôi ra về không viết bản nhận tội nữa, anh làm thế nào thì làm, tự xoay xỏa, chống đỡ với trên. Nhưng đổi lại, tôi phải nhận tờ Lệnh Tạm Tha, trong đó tội của tôi được ghi rõ rành rành là "phản động chống chế độ".

Cái Lệnh Tạm Tha tôi giữ được hơn một tuần. Anh công an

khu vực, lại cũng một chàng trai dễ thương nốt, đến hỏi thăm tôi, đòi xem, xem xong nhét luôn vào xà-cột, bảo để làm chứng từ gốc cho việc nhập hộ khẩu sau này.

Anh Hoàng Minh Chính tiếc mãi : "Bằng ấy anh em, mỗi mình cậu nắm được tờ giấy quý như thế làm bằng mà để xổng mất. Tài liệu lịch sử đấy !".

Đúng là chỉ mình tôi có tờ giấy như thế, anh em khác chỉ được công an đọc cho nghe chứ không cho giữ. Tiếc thật ! Nhưng nếu nhà cầm quyền đã quyết không thích chúng tôi giữ nó thì họ chẳng thiếu gì cách, tôi nghĩ. Mà đúng thế. Lũ đệ tử của Duẩn-Thọ, những Trần Trọng Tân, Đào Duy Tùng, Nguyễn Đức Bình về sau này, khi Duẩn-Thọ băng hà hết cả rồi, vẫn lấp liếm vụ án chúng tôi bằng đủ mọi giọng lưỡi trí trá, thiên hạ đều biết. Tôi có giữ được tờ giấy ấy cho tới bây giờ thì đám ấy cũng chẳng ngại. Ai chứ họ dám xung xung bảo rằng giấy giả lắm. Tôi cũng không nghĩ ra phải giữ nó làm bằng có, hoặc làm kỷ niệm. Hồi ấy Hà Nội chưa có tiệm photocopy nào. Chụp ảnh cũng nhiều khê. Chưa chắc tiệm ảnh nào đã dám chụp thứ giấy tờ kiểu như thế, với tinh thần cảnh giác bảo vệ nồi cơm họ sẽ lễ phép hỏi chụp để làm gì, nhằm mục đích gì ?

Thế là vật chứng cuối cùng và duy nhất về vụ "nhóm xét lại chống Đảng" mất tăm.

Giờ thậm chí người ta có chối bắng rằng chúng tôi không hề bị giam giữ cũng được. Có lệnh tổng giam tổng giếc gì đâu. Được cái nhà cầm quyền của chúng ta không đến nỗi mặt trời trán bóng quá. Họ tránh không nói tới chuyện họ đã bỏ tù chúng tôi, quả có vậy, nhưng họ cũng không chối rằng không. Khi cần dẫn mặt, họ khéo léo nhắc chúng tôi chớ quên chúng tôi là kẻ đã có tiền sự (1).

Ngày rằm Tháng Tám năm ấy gia đình chúng tôi ăn bữa cơm

đoàn tụ đầu tiên sau chín năm mỗi người mỗi ngả. Cha tôi cũng đã được trở về Hà Nội sau ba năm lưu đầy ở Nam Định. Ông già xạm, da bọc xương. Lê Duẩn, Lê Đức Thọ, Trường Chinh, Trần Quốc Hoàn nhìn thấy ông như thế chắc hả dạ. Mẹ tôi vẫn lúc trên nhà lúc dưới bếp, tất tả đủ việc, y như trong ngôi nhà chưa hề có bão táp đi qua. Con gái út tôi đứng từ xa quan sát tôi, chào tôi bằng chú. Sau khi so kỹ bức ảnh tôi chụp với vợ con trước khi bị bắt với người vừa từ nhà tù trở về nó mới ngượng nghịu gọi tôi bằng bố. Vợ tôi gày còm, xanh xao, các con tôi võ vàng trong quần áo vá chằng vá đụp.

Tôi được tha có điều kiện : Bộ Nội Vụ báo cho gia đình tôi biết Đảng chủ trương tha tôi rồi, nhưng phải có một cơ quan nhận tôi vào làm thì tôi mới được về. Mẹ tôi, vợ tôi, cả nhà tôi nhờ hết người này tới người khác, chạy vạy khắp nơi để kiếm cho tôi một chỗ làm. Cái điều kiện Đảng ra khó quá, oái oăm quá - chẳng ai dại gì nhận một nhân vật chống Đảng về cơ quan, xí nghiệp mình. Rách việc lắm. Không dung lại bị công an theo dõi. Thời buổi thì khó khăn, ai cũng phải sai một tí để mà sống, cái gì cũng đúng nguyên tắc thì chết nhăn răng. Thế mà rồi cũng có người dám nhận, mới kỳ, mới quý. Tôi được thả ra, nhưng không phải thả về nguyên quán, mà về Công ty cung ứng vật liệu xây dựng Hà-Son-Bình (2). Tiếc là tôi được nhận về công ty làm chân bốc vác (cái hợp đồng tạm tuyển làm công nhân bốc vác đến nay tôi còn giữ được), nhưng các anh lãnh đạo công ty không cho tôi đi bốc vác lấy một buổi, giữ tôi ở văn phòng công ty gọi là để giúp việc ban giám đốc.

Trong chín năm tù, xã hội thay đổi nhiều. Bạn bè người mất người còn. Nhiều cháu khi tôi ở ngoài còn đánh khăng đánh đáo nay đã thành liệt sĩ, đến thăm gia đình bạn chỉ thấy cháu từ trên ban thờ ngó mình hờ hững.

Anh Nguyễn Trọng Luật đã qua đời mấy năm trước, không ai báo nên tôi không được tin. Thành thử cái dự định ôm ấp trong

tù rằng khi trở về thể nào cũng phải đến thăm anh ngay không thành. Chị và các cháu vẫn ở ngõ Chân Cầm, cuộc sống vẫn đạm bạc như khi anh còn sống. Chị nói anh chẳng để lại gì cho vợ con. Tôi an ủi chị, rằng theo chỗ tôi biết thì những người cách mạng chân chính đều chẳng để lại gì cho những người thân. Trừ lòng kính trọng của người đời. Thế đã là nhiều lắm rồi, đã quý lắm rồi. Tôi đạp xe đi Văn Điển thăm mộ anh, cùng với bác sĩ Phan. Bác sĩ Phan nói trước khi chết anh thường nhắc tôi. Anh buồn, nói rằng anh là người thua cuộc, nhưng thua trong canh bạc bịp vĩ đại với một bande des salauds (3) thì cũng chẳng xấu hổ cho lắm. Anh được chôn ở Khu A, khu "vĩnh viễn", là khu không phải cải táng để rời đi nơi khác. Chúng tôi thắp hương cho anh và cho những ngôi mộ gần đấy, của những người đáng kính và của cả những người không đáng kính bao nhiêu.

Tôi được bác sĩ Phan, anh Địch nhiệt tình giúp đỡ trong việc điều trị cấp tốc những bệnh mạn tính đeo đẳng theo tôi từ nhà tù. Anh Địch không trách tôi một câu về vụ tôi khuyên anh trở lại công tác để bị thải hồi. Bạn bè mang tới cho tôi số quần áo đủ dùng ít nhất cũng hai mươi năm, đến nỗi tôi phải mang cho bớt các bạn nghèo hơn. Tuy tôi vừa ở tù ra, nhưng số bạn còn nghèo hơn tôi trong tình trạng đó hóa ra cũng không ít.

Hà Nội còn tiêu điều hơn khi tôi chưa bị bắt. Người ta vẫn nháo nhác đi Nam, "miền Nam nhận họ, miền Bắc nhận hàng". Nhà tôi đã có vô tuyến truyền hình, cũng quà của họ hàng miền Nam cho. Tôi đến cả nhà quây quần xem phim tình báo Bungari Trên Tùng Cây Sồi. Cơm độn mì sợi, mì bột, bo bo, ngô, cái gì cũng có mùi bao tải. Một lần, mẹ tôi hốt hải từ dưới bếp chạy lên : "Sao, có phát thêm phiếu sa-tanh à ?". Cả nhà cười ầm. Mẹ tôi lầm - đó là phát thanh viên báo trên tivi chương trình chiếu phim sắp tới : "Miếu Sa-tăng".

Dương Tường tắt tả kiếm việc cho tôi làm. Công việc đầu tiên

tôi có được là dịch các bài báo khoa học và làm tổng thuật các sách nước ngoài cho Viện thông tin khoa học xã hội. Trong sự cấp việc cho tôi làm chị Đỗ Thúy Hà, cán bộ của Viện, là người đỡ đầu hăng hái. Tình hình chính trị tuy có khác trước, nhưng khác không nhiều lắm, ai giúp đỡ tôi người đó phải bỏ ra nếu không nhiều thì cũng một ít tinh thần dũng cảm.

Anh Lê Sĩ Thiện, giảng viên thông tin thời trường Lục quân, tìm được tôi trong lúc tôi đang lúc túng quẫn. Cũng như Trần Quốc Thành, trong anh có một anh bộ đội sống dai. Anh thương tôi lắm. Anh khuyến khích tôi mạnh dạn bước vào những công việc trước kia nằm mơ cũng không thấy để kiếm sống. Tôi đi làm thợ cán cao su, đúc tay phanh xe đạp, đùn đồ nhựa, nấu gang dẻo, làm "ve" quét tường, làm bột nở cho các bà bán cháo quẩy... Cái gì không hiểu anh giảng cho cặn kẽ. Tôi cũng cố học các nghề anh dạy để kiếm sống. Vất vả rất nhiều, nhưng tôi cảm thấy sung sướng vì mình được là mình. Giá họ có cho tôi trở về với nghề báo chắc tôi cũng nghĩ cách chối từ.

Có hôm đi làm ở xưởng cao su về qua Yết Kiêu tôi rẽ vào thăm Văn Cao. Nhìn tôi gầy còm lam lũ, Văn Cao để rơi nước mắt xuống chén rượu.

Những công việc phải làm ở chỗ khác thì thôi, chứ công việc nào làm ở nhà đều có bàn tay vợ tôi tham gia. Nhất là hồi tôi làm nhuộm mạ kim loại, chốc lại rửa, nhát lại rửa, vợ tôi chạy trên gác xuống nhà, dưới nhà lên gác, cứ như đèn cù, da tay ngâm nước nhiều bọt ra, trông mà thương. Được cái có công việc thì có tiền, vợ con tôi dần có da có thịt, không đến nỗi gầy còm như trước, là điều phấn khởi nhất cho tôi. Có tiền rồi, tôi mua cái tủ lạnh trước tiên, sau mua xe máy, tivi. Hồi đó ở Hà Nội có câu : "Tivi, tủ lạnh, Honda. Có ba thứ ấy mới ra con người". Lại nhớ tới Huỳnh Ngự và câu nói của anh ta "Đảng nuôi dạy anh nên người. Không có Đảng ấy à, có mà rã họng

!". Thời đại bắt đầu đổi thay. Người ta cảm thấy hoàn toàn có thể làm người được mà không cần có Đảng, nhất là cái Đảng lúc nào cũng bù lu bù loa kê công với những kẻ gắn bó với Đảng bằng sợi xích.

Trong thời gian còn ở Hà Nội tôi muốn tìm anh Trần Quốc Thành lắm, nhưng không sao tìm được. Vụ của anh người nói có xử, người nói không xử. Cũng như vụ xét lại Đảng quyết định chỉ xử lý nội bộ để tránh tiếng. Không biết nên tin ai. Có người nói anh đã vào Sài Gòn, nhưng ở trong Sài Gòn mấy năm, tôi hỏi thăm đã nhiều mà cũng không tìm thấy anh. Nếu tình cờ cuốn sách tới tay anh, xin anh tin cho tôi biết anh ở đâu.

Trung úy Dừa cũng biết tằm. Nghe nói anh về Mỹ Tho. Thế mà mấy lần đi Mỹ Tho tôi hỏi thăm bất kỳ ai có thể cho tôi biết tin anh, vào Ty Công an để hỏi cũng chẳng ai biết anh ở đâu. Thế mới biết "nhất ẩm nhất trắc giai do tiền định", không phải cứ muốn mà được.

Bận kiếm sống, khi ở Hà Nội mấy lần tôi định đi Vĩnh Phú tìm Nguyễn Xuân Cao nhưng rồi lại không đi được. Vả lại, tôi chỉ nhớ được một cái tên làng là Đình Chu. Làng này nằm ở huyện nào trong tỉnh Vĩnh Phú tôi không biết. Cứ chần chừ mãi. Đến khi vào Sài Gòn rồi thì lại ít khi ra. Nhưng nổi nhớ Cao vẫn canh cánh bên lòng.

Trung úy Bưởi đi học đại học công an. Tôi đến anh em làm công tác nghiên cứu xin họ sách và tài liệu cho Bưởi. Phan Kế Hoành là người cho nhiều nhất : "Nếu có một cậu công an tốt thì phải giúp cho cậu ta nên người". Đưa sách cho Bưởi, tôi nói: "Đây không có tài liệu chống chế độ đâu, toàn sách nhà nước cả, đừng sợ". Bưởi bùi ngùi: "Bằng ấy thời gian em ở bên anh, em không hiểu anh sao. Em không tin những gì người ta nói về anh đâu. Cũng mong anh đừng vì bộ quần áo em mặc mà hiểu sai về em". Tôi tin Bưởi sẽ trở thành một cán bộ công

an tốt. Chế độ nào cũng cần tới công an, nhưng phải là công an tốt.

Marinét chết ở trong tù, như anh tiên đoán về cuộc đời mình. Chẳng bao giờ có ai tới để đặt lên mồ anh một nhành hoa, thấp cho anh một nén hương. Rồi thời gian sẽ xóa nhòa mọi dấu tích của một con người đã từng sống, đã từng chiến đấu và mơ ước về một thế giới đại đồng, bốn biển là anh em. Hôm đặt nhành hoa lên lò thiêu người ở Katowicze để tưởng niệm những nạn nhân đã chết trong trại tập trung Auschwitz-Birkenau, tôi nhớ anh nhiều quá, Marinét ạ.

Lại có tin khi mới tình Trung-Việt "vừa là đồng chí vừa là anh em" tan vỡ, cuộc xung đột biên giới trở nên gay gắt, "đồng chí" Đặng Tiểu Bình đòi "dạy cho Việt Nam một bài học" bằng súng và tên lửa, chứ không phải chỉ "tiu na má" không thôi, thì bất ngờ Huỳnh Ngự bị phát hiện là người Việt gốc Hoa, bị buộc phải về hưu. Không biết tin có đúng không, tôi nghe mà thương Huỳnh Ngự quá ! Mới biết cái kiếp đảng viên theo đánh lăm, mong manh lăm. Nếu đúng thế thì lần này Đảng lại nhầm mất rồi - Huỳnh Ngự là người rất mực trung thành với Đảng, cho dù có gốc gì đi chăng nữa.

Lại cũng có tin đồn Lý Cà Sa, lúc ấy đã được tha ra một nông trường, được quân đội Trung Quốc vượt biên giới đón về. Ớt lâu sau mấy người tù cũ đi lang thang bị quân Trung Quốc bắt. Họ nhận ra tướng chỉ huy của phía bên kia chính là Lý Cà Sa. Lý Cà Sa cũng nhận ra bạn tù cũ, hồ hởi đón tiếp họ, mở tiệc chiêu đãi nồng hậu rồi tha về. Những người này có lẽ không biết quân hàm Trung Quốc thế nào, cho nên người nói họ Lý đeo lon trung tướng, người nói không phải, lon thượng tướng. Nếu tin này đúng thì cái huyền thoại về đạo quân thứ năm của Trung Quốc có cơ sở lắm.

Một buổi tối tôi ngồi uống chè chén trong một quán ở phố Hàm

Long thì nghe người ta đùa cợt chuyện anh chàng Căn bị bán huyệt. Anh ta cũng ngồi đấy, béo tròn, cười hi hí. Tôi cũng tham gia câu chuyện, như một khách qua đường. Căn chăm chú nhìn tôi. Dường như anh ta nhận ra giọng tôi. Nhưng tôi tảng lờ không biết. Anh ta rồi nghĩ mình nhận nhầm, không để ý đến tôi nữa. Thế là anh ta đã được ra. Kiếp người thế vẫn còn may.

Việt Hùng vẫn làm công an. Anh đối với tôi mặn mà hơn trước, bè bạn hơn trước nhiều. Anh cũng nhiệt tình giúp tôi trong sự quan hệ với nhà cầm quyền. Chắc chắn họ hỏi anh về tôi và anh đã nói những lời trung thực.

Tôi có hỏi Việt Hùng về Hoàng. Thì ra họ biết nhau cả. Việt Hùng khen Hoàng là người có học, tử tế, có tư cách. Đến giai đoạn này những khái niệm đúng - sai, phải - trái không còn được đương nhiên là khái niệm thống trị nữa. Người ta bỗng nói nhiều tới những cặp khái niệm đối xứng bị bỏ quên như tử tế - ba que, đứng đắn - vô lại, quân tử - tiểu nhân. Nghe nói sau khi làm việc với đám tù xử lý nội bộ Hoàng bị điều động vào công tác ở Huế. Tôi tính có dịp qua Huế thế nào cũng phải ghé thăm anh, nhưng rồi chưa đến Huế được lần nào, trừ nửa giờ phơi nắng trên sân bay Phú Bài trong một lần hạ cánh bắt buộc. Bây giờ chắc Hoàng cũng đã về hưu. Tôi vẫn còn để đấy một chai rượu cho buổi tái ngộ.

Trước khi qua đời ít lâu Nguyễn Tuân một hôm đùng đùng kéo tôi đi ăn chả cá Lã Vọng. Ngồi vào bàn ông rút trong túi vải ra một chai rượu. "Rượu bộ, thưa bác?", tôi hỏi ông. "Không phải, rượu bộ hết rồi, ông nói, cả cái thời rượu bộ cũng hết rồi!". Chúng tôi uống. Tôi xin lỗi, nói tôi xa ông gần chục năm là tại tôi không thuộc cái véc-bờ sợ mà ông dạy. Ông lắc đầu nói: thời này lẽ ra mình không nên làm văn. Làm văn mà sợ, mà lấm lét, mà run rẩy thì còn ra cái văn quái gì! Nhưng thôi, cái gì đã qua thì nó cũng qua rồi, ông nói tiếp trong hơi rượu, tôi bây giờ đếch thêm sợ nữa, thì đã muộn. Bây giờ các anh

phải sống theo cách khác cái lũ già hèn nhát chúng tôi, phải học chia một véc-bờ khác : Tôi đêch sợ anh, anh đêch sợ tôi, chúng ta đêch sợ chúng nó..., thế mới phải, hà hà !

Gần bốn chục năm đã qua, tôi đã ở nước ngoài, ông bạn họa sĩ đã đánh cắp cuốn nhật ký của tôi theo lệnh đại sứ Nguyễn Văn Kinh để cho Kinh nộp công an, nhờ con rể tôi nhắn lời cho tôi rằng ông xin lỗi tôi vì hành động hèn mạt nọ. Tôi nhắn lại rằng chuyện cũ quá rồi, tôi đã quên. Mà Kinh thì cũng đã chết rồi. Trước khi Kinh chết, công an bắt được mấy tên lưu manh mang kim cương đi bán; chúng khai lấy ở nhà Kinh, nhưng hỏi Kinh thì Kinh không nhận. Dù sao thì việc này cũng làm cho Kinh không được chôn ở nghĩa trang Mai Dịch, theo lời bình của anh bạn công an kể cho tôi nghe câu chuyện trên. Thì ra hồi ấy tôi đoán đúng : cái sự lập công, ra cái điều trung thành với Đảng thường được dùng để che giấu những việc làm tội tệ, và ngài đại sứ trung thành với Đảng không quên bỏ lỡ dịp may buôn lậu.

Bùi Xuân Phái thết tôi một chầu cà phê nhân dịp tôi ra tù. Anh vẫn trung thành với chủ nghĩa sợ. "Tôi là thằng nhát nhát thế giới !", anh nhỏ nhẹ tuyên bố. Nguyễn Sáng làm li cảm cung trong căn phòng của anh, bên cạnh con nghê vỡ trán đựng gạo, vẫn vẽ những bức tranh không bán được, vẫn nghèo. Cách phòng anh mấy bước Trần Đông Lương sống sung túc nhờ vẽ buro thiệp lụa, sáng tác mẫu rồi cho gia công, theo cách hiện đại. Kiếm được tiền rồi, anh mới vẽ tranh cho mình. Nguyễn Sáng biết thế, nhưng theo không được.

Ông Lâm toét tiếp tục cho các họa sĩ ăn chịu, uống chịu. Phòng tranh của ông ngày một phong phú. Nguyễn Sáng rủ tôi "đi Lâm đi". Gặp tôi ông Lâm vồn vã lắm. Chúng tôi lại có dịp ngồi với nhau trên gác, phòng triển lãm tranh của riêng ông, được ông đãi rượu, thuốc lá thơm và thưởng tranh. Nếu ông Lâm giàu hơn, ông có thể trở thành một Mạnh Thường quân

cho nền hội họa Việt Nam lắm. Kém gì đại phú gia Tretiakov của nước Nga. Ông rất tế nhị, không hỏi tôi một câu rằng mấy năm nay tôi đi đâu, ở đâu. Cứ như thể ông không biết rằng từ cuộc gặp gỡ lần trước tới giờ đã có chín năm nước chảy qua cầu.

Về chuyện "nhóm xét lại chống Đảng", tôi luôn luôn gặp những câu hỏi khó trả lời. Bộ máy tuyên truyền của Đảng làm việc theo kiểu Goebbels(4) : "nói mãi, nói mãi, thì sự giả cũng thành sự thật", làm cho nhiều người cứ ngẩn ngơ không biết có nên tin tôi hay không khi tôi nói rằng tôi chưa hề ở trong một nhóm nào như thế, rằng theo tôi thì chẳng hề có một nhóm nào như thế. Chẳng cứ người ngoài, ngay khi tôi vừa được thả, Huy Vân ra tù trước tôi ba năm còn hỏi: "Cậu có ở trong tổ chức chống Đảng nào không?". Tôi cười: "Chắc chắn không ở trong tổ chức chống Đảng của cậu rồi. Nếu có chắc cậu với mình phải sinh hoạt cùng trong một tiểu tổ hoặc một chi bộ".

Hắn anh cho rằng có "nhóm xét lại chống Đảng" thật, và anh bị bắt oan vào nhóm đó. Đến khi biết chắc chắn có "nhóm xét lại chống Đảng" nào hết thì anh tức lắm, anh nói anh sẽ làm cho ra nhẽ. Cách anh sẽ làm cho ra nhẽ thế nào thì chẳng ai biết, anh cũng không nói cho tôi nghe. Anh yêu nghề điện ảnh lắm, vì nó anh đã bỏ phứt cái hoạn lộ thên thang của anh. Huy Vân là một trong những người biết tiếng Nga đầu tiên ở Việt Nam. Anh học tiếng Nga ở Trung Quốc cùng với Nguyễn Mạnh Cầm, bộ trưởng Bộ Ngoại giao sau này. Anh đã chạy chọt, xin xỏ, nhưng chẳng ai dám liều mạng nhận anh trở lại Xưởng phim. Năm 1977, anh lại bị bắt, lần này vì tội ăn cắp xe đạp. Người ta kể anh cứ lừng lững dắt khỏi công cơ quan một cái xe đạp không khóa và cũng chẳng buồn bỏ chạy khi bị công an đuổi bắt. Anh ra tù, tôi hỏi tại sao lại làm chuyện bậy bạ thế thì Huy Vân trả lời: "Minh cần được ra tòa để nói lại chuyện trước, nhưng cả lần này nữa chúng nó cũng không chịu xử". Anh bị bắt lần thứ ba trên một ngọn đồi giáp biên giới Trung

Quốc cùng với một nữ biên tập viên báo Phụ Nữ hay Nhà xuất bản Phụ Nữ, tôi không rõ. Người ta buộc anh tội vượt biên. Tôi không tin anh có ý định vượt biên sang Trung Quốc - anh sang đây làm gì ? Huy Vân bị đưa về Hỏa Lò Hà Nội, sau chết trong tù, không rõ ở nhà tù nào, Hỏa Lò hay một trại Trung ương. Có người nói anh chết ở Sơn La. Chuyện Huy Vân ăn cắp xe đạp chứng tỏ những năm dài ở xa lim đã làm cho anh thành một bệnh nhân tâm thần mà không ai biết.

Anh là người thứ ba qua đời trong số những người thuộc "nhóm xét lại chống Đảng". Người thứ hai là ông Bùi Công Trừng, một trong những tên "xét lại hiện đại" là ủy viên Trung ương nên được Đảng xử lý nhẹ nhàng, chỉ khai trừ Đảng chứ không tống vào Hỏa Lò. Ông mất sau khi tôi được tha ít lâu. Trước khi chết ông nói với tôi: "Bác thương nước quá!". Người thứ tư là Trần Minh Việt, nhà lý luận của "nhóm xét lại chống Đảng", theo sự phong chức hào phóng của những người tự xưng bảo vệ Đảng. Anh từ già cuộc đời bình thản, hiền lành, nho nhã, chẳng giống bất cứ thứ kẻ thù nào của bất cứ ai. Tôi đi theo linh cữu, đưa anh đến nơi an nghỉ cuối cùng. Sau anh đến lượt tướng Đặng Kim Giang, rồi cha tôi, rồi tướng Lê Liêm, rồi ông Ung Văn Khiêm.

Nguyễn Lộc không trở lại với triết học và mỹ học nữa. Anh không viết gì, làm nghề dịch thuê để nuôi vợ con. Tình thoảng chúng tôi vẫn gặp nhau. Trong những lần gặp ấy Lộc chỉ cười hiền lành, anh chán chính trị đến tận cổ, thứ chính trị "lăn tròn trên mọi lưỡi". Tôi được tin anh chết trong cảnh nghèo khổ khi tôi đã không còn ở Việt Nam. Anh mới đích thực là người thua cháy túi trong canh bạc bịp vĩ đại.

Phùng Mỹ làm kế toán cho một lò gốm Bát Tràng. Năm thì mười họa anh tạt qua Hà Nội. Già và già đi rất nhanh, Phùng Mỹ nhìn đời bằng cặp mắt hờ hững. Anh chán ngán tất cả, thậm chí không buồn phục hồi kinh tế gia đình như một số anh

em khác, cho rằng đó là sự bon chen. Anh chỉ vui ở chỗ được chia tay một lần cho mãi mãi với Đảng của anh.

Vũ Huy Cương tiếp tục cuộc sống độc thân trong căn phòng nhỏ xíu nằm sâu sau mặt đường Bà Triệu. Tôi giục anh lấy vợ. Cương cười méo mó: "Cô nào lấy mình bây giờ là phải lấy kèm mấy anh công an mật, mấy anh cán bộ tổ chức, như thế nhiều quá, vất vả quá!" Anh là người quảng giao. Nhờ bạn bè giúp đỡ, anh làm công việc in ấn trăm thứ bà dần, nghe nói cũng sống được. Cho tới khi tôi viết những dòng này Vũ Huy Cương vẫn chưa lấy vợ. Bây giờ anh nói: "Ai lấy mà lấy ? Lấy nhau bây giờ để dắt díu nhau đi Hoàn Vũ (5) à ?"

Vợ Trần Châu đi lấy chồng, anh trở về sống cô độc mấy năm rồi gá nghĩa với vợ một liệt sĩ thời chống Mỹ, hai vợ chồng mở một quán tạp hóa trong làng bán vở và kẹo bột cho học sinh, nước mắm và mì ăn liền cho người lớn, nghe nói sống cũng được.

Hoàng Thế Dũng điếc đặc sau những năm tù, lẽ đẽo theo tôi làm ve quét tường, buổi tối trở về mặt xanh lè bột màu phtalocyanine, nhưng không để mất nụ cười yêu đời. Anh làm hợp đồng cho tờ Lịch Sử Quân Sự, viết được nhiều tài liệu tổng kết các chiến dịch, trong đó có mấy bài hay về cuộc vượt biên giới của quân đội Việt Nam giải phóng vùng Thập Vạn Đại Sơn cho Trung Quốc. Hoàng Thế Dũng có kể cho tôi nghe một câu chuyện cảm động. Một hôm anh đi cùng một phái đoàn quân sự tới thăm một quân khu, việc của anh là thu thập các tài liệu lịch sử của quân khu này cho Tập san, thì tư lệnh trưởng quân khu, một thiếu tướng chạy tới trước mặt anh rập gót, đưa tay lên vành mũ chào anh theo đúng quân phong: "Chào thủ trưởng !". Thì ra đó là một cán bộ cấp dưới của anh từ những năm đầu kháng chiến chống Pháp. Sau khi chào phái đoàn, tư lệnh trưởng mời thủ trưởng cũ ngồi bên cạnh mình, điềm nhiên như không hề biết chuyện gì xảy ra với anh những năm qua.

Lê Trọng Nghĩa thỉnh thoảng lại vào Sài Gòn. Chị Thảo, vợ anh, công tác tại đây lâu, có một chỗ ở trên đường Võ Thị Sáu. Nhà lãnh đạo ngành tình báo quân đội trong cuộc chiến tranh Việt-Pháp già đi nhanh, nhưng minh mẫn. Những nhận định thời cuộc của anh vẫn sắc sảo như khi anh còn trẻ. Tôi uống trà với anh, nghe anh kể chuyện bằng cách nào Cục 2 đã phát hiện người Pháp chuẩn bị mặt trận Điện Biên Phủ, chuyện cán bộ Cục 2 đi vào Nam ngay từ khi Hiệp nghị Genève về Đông Dương vừa được ký kết. Chị Thảo kể khi đại tướng Hoàng Văn Thái sắp nhận chức bộ trưởng Bộ Quốc phòng, ông mời chị tới nhờ chị nói với anh hãy bỏ qua chuyện cũ để trở lại công tác. Nhưng nói chuyện với chị hôm trước thì hôm sau ông đột tử. Hà Nội đồn cái chết của ông do Lê Đức Thọ gây ra. Tiếp đến cái chết của đại tướng Lê Trọng Tấn. Ông cũng sửa soạn nhận chức bộ trưởng Bộ Quốc phòng thì lại đột tử. Cái chết của ông cũng được buộc cho Lê Đức Thọ. Đúng là một lần ỉa bậy, lần sau thấy cúrt người ta gọi đến.

Trần Thu bắt đầu cuộc sống ngoài biên chế bằng cách chữa nước mắm thối, làm nước mắm từ cá khô, in nhãn hương và dịch sách. Mấy năm nay anh mang một khối ung thư trong bụng. Cuốn Chuyện Người Tù "Xử Lý Nội Bộ" của anh, mới xong phần đầu, đã được in ở nước ngoài, hé mở một phần vụ án được Đảng giữ bí mật. Nguyễn Kiến Giang cũng ra được một tuyển tập những bài viết về chủ nghĩa Mác thời hiện đại trong mối quan hệ với vận mệnh đất nước, được người đọc chú ý. Cũng như phần lớn anh em trong vụ án, anh sống bằng nghề dịch - sách văn học, sách chính trị, sách triết học, tài liệu thương mại, đủ thứ.

Lưu Động vẫn âm âm chửi "bọn tiếm quyền khốn nạn", nhưng Lê Đức Thọ trước khi chết đã ngăn Lưu Động lắm, giả vờ điếc không nghe thấy. Không thể bắt Lưu Động một lần nữa. Lại càng không thể bắt Lưu Động cam mồm. Thấy quan thầy không dám động tới Lưu Động, lũ đệ tử cũng đành làm ngơ.

Khi tôi rời Việt Nam, nghe sức khoẻ anh đã kém lắm, nhưng vẫn còn minh mẫn.

Được biết nhiều trường hợp oan ức xảy ra với dân chúng trong những nhà tù mà tôi đi qua, vừa từ nhà tù về tới nhà tôi viết ngay một bức thư cho ông Nguyễn Lương Bằng: "Chuyện của cháu hãy để đấy cho lịch sử. Nhưng nỗi oan của dân thì phải giải quyết ngay. Cháu đề nghị bác hãy tới các nhà tù để nghe dân khiếu oan. Cháu tình nguyện làm người dẫn đường cho bác...". Ông Nguyễn Lương Bằng không trả lời. Ông im lặng như một lãnh tụ chính cống. Tôi hoàn toàn thất vọng về người anh hùng cách mạng trong thuở ấu thơ của mình. Lúc đó tôi cũng còn chưa được biết về ông khi đi tìm tư liệu cho cuốn sách này, tôi chưa biết rằng ông rồi nhảy vào Ban chuyên án vụ "nhóm xét lại chống Đảng", trở thành cai ngục của tôi. Tôi tiếc đã viết bức thư nọ - cái hi vọng mới hão huyền làm sao ! Hôm đưa tang ông, cha tôi rủ tôi cùng đi. Tôi từ chối. Tôi không có mối quan hệ thân thiết trong quá khứ với Nguyễn Lương Bằng như cha tôi. Tôi không rộng lượng như cha tôi. Tôi cũng không thừa thời giờ cho một con người đã bán mình cho danh vọng. Trường Chinh sau khi rút lui khỏi cuộc đọ sức với Lê Đức Thọ vào chân tổng bí thư, buồn bã ngồi nhà. Ông qua đời vì chấn thương não trong một cú ngã ở cầu thang. Có tin ông bị Lê Đức Thọ sai tên bảo vệ ông, người của Trần Quốc Hoàn, hạ sát. Tên này lẽ ra phải đi sát ông từng bước, nhưng đã để ông ngã khi có một mình. Vết thương ở gáy có thể do mép bậc thang gây ra, mà cũng có thể do một vật bằng gỗ khác đập vào. Việt Nam nghèo cái gì thì nghèo nhưng không nghèo tin đồn. Chẳng biết hư thực ra sao.

Hoàng Minh Chính tiếp tục cuộc đấu tranh cho dân chủ và tự do. Anh bị bắt lần thứ ba (6), năm 1995, lần này bị xử án hãn hoi, vì tội "lợi dụng các quyền tự do dân chủ". Trước tòa anh bình thản nhận bản án một năm tù, không khiếu nại, đơn giản vì "tôi không công nhận cái bản án xử tôi", như anh phát biểu.

Hoàng Minh Chính không công nhận bản án là phải. Nó không những vô lý mà còn vô đạo.

Cùng với vụ xử Hoàng Minh Chính bắt đầu một thời kỳ mới, thời kỳ cuộc đời mới cài số lùi, thời kỳ ông Đỗ Mười hạ lệnh cho các quan tòa xử lấy được, bắt chấp đúng sai. Với cách giải thích luật pháp của Đảng không ai có thể biết cái lằn ranh các quyền tự do dân chủ được Đảng đặt ở đâu, cho nên công dân nào đi luạng quạng đều có cơ may bị các cảnh sát viên mác-xít thổi còi tống vào bót. Lê Đức Thọ chết rồi, nhưng hồn ma của Thọ vẫn lớn vồn trên cung đình.

Nhưng khác với thời trấn áp "nhóm chống Đảng", vụ bắt Hoàng Minh Chính lần này đẩy lên cả một làn sóng phản đối, âm ỉ ở trong nước, ồn ào trên thế giới. Có cả một ủy ban bảo vệ Hoàng Minh Chính và Đỗ Trung Hiếu được thành lập ở Paris gồm những trí thức đã từng ủng hộ Việt Nam trong thời kỳ chiến tranh chống Mỹ. Một luật sư Pháp gửi đơn xin chiếu khán đi Việt Nam để bảo vệ Hoàng Minh Chính, nhưng đại sứ quán Việt Nam, theo truyền thống ngoại giao lì lợm, không thèm trả lời.

Những người nào cổ không đứng cõ "lợi dụng các quyền tự do dân chủ" thì đã có cái trừng khác, đại loại như "chiếm đoạt bí mật nhà nước" như trường hợp xảy ra với Hà Sĩ Phu, Lê Hồng Hà, Nguyễn Kiến Giang... Những người này bị trấn áp, nhưng, vẫn như thường lệ, không được xử đúng cái tội mà chính quyền chuyên chính vô sản muốn trị, mà vì một cơ khác, được bịa ra một cách ngớ ngẩn, như mọi người đều biết. Vợ kịch xử án họ do chính Bộ Chính trị Trung ương Đảng đạo diễn không được hưởng dù chỉ vài tiếng vỗ tay let đẹt ngay trong đám khán giả được Đảng cử tới.

Cũng khác với "nhóm xét lại chống Đảng" những người đối lập mới không còn đòi xét lại chủ nghĩa Mác nữa, mà thẳng thắn

bác bỏ nó. Nền tảng của cái gọi là nhà nước vô sản chuyên chính bị xói mòn bởi trào lưu dân chủ trên thế giới, bởi nền kinh tế thị trường, cho nên cái cùm của nó cũng rệu rã, lỏng lẻo hơn trước nhiều. Với cuốn sách nổi tiếng Từ Bỏ Ý Thức Hệ, Hà Sĩ Phu kêu gọi sự tổng tiến ôn hòa có tình có nghĩa đối với chủ nghĩa Mác ngoại lai ra khỏi Việt Nam, đặt tên cho chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta là triều đại phong kiến cuối cùng. Ngang tàng là thế, ngạo ngược là thế mà tác giả chỉ bị có một năm tù.

Một buổi tối năm 1983 Hoàng Đạo đến thăm tôi. Anh vừa biết địa chỉ tôi là tới liền, rủ tôi đi nhậu. Tác giả vụ điệp báo lừng danh một thời già xòm, người như tháp đi, cặp mắt đã mờ, cái nhìn buồn bã. Tôi nhắc chuyện "Jean Valjean gọi bằng cụ". Anh nói suốt từ năm 1946 anh không nghe nói tới Tôn Thất Tần nữa, nhưng "chuyện anh ấy kể là có thật". Tôi đó tôi có cái hẹn không thể bỏ, đành hẹn anh bữa khác. Bữa khác ấy rồi không có. Người nói anh đã bỏ đi Đồng Nai, người nói anh ở trong rừng Đồng Tháp. Năm 1995 tôi thấy hình anh trên một tờ báo công an. Người ta kỷ niệm vụ đánh đắm thông báo hạm Amyot d Inville và nhắc đến cái chết của chị Lộc. Trước đây, trong một thời gian dài người ta không nói tới cái chết căm tử của chị. Có người có chức quyền hẳn hoi còn nói chị mang va li thuốc nổ lên chiến hạm để tự sát - chị bị lao nặng đã hết cách chữa. Vì thế mà Trung ương không phong cho chị danh hiệu anh hùng. Cũng có thể ngày ấy người ta còn sợ uy Trường Chinh. Danh hiệu này chỉ được truy tặng cho người nữ anh hùng khi ở Việt Nam bắt đầu có "đổi mới".

Nguyễn Chí Thiện được thả ra năm 1977. Từ ga Trần Quý Cáp anh tới thẳng nhà tôi, ăn với tôi bữa cơm rồi mới về Hải Phòng. Thịnh thoảng anh lên Hà Nội chơi lại rẽ vào thăm tôi. Vẫn ngơ ngác nhìn đời qua cặp kính trắng, ít nói hơn cả trong khi ở tù, còn ít cười hơn nữa, Nguyễn Chí Thiện hoàn toàn thu mình vào nội tâm. Tôi giao cho anh bột nở về bán cho các hàng cháo

quẩy của thành phố cảng. Khi tôi chế bột nở cho cao su, anh cũng bán được một ít cho những người buôn hàng vào Nam. Nhưng anh không có khiếu thương mại. Tôi vào Sài Gòn hẳn từ năm 1983. Năm 1988 tôi ra chơi, Lê Trình báo tin Nguyễn Chí Thiện đã bị bắt lại. Anh chạy vào sứ quán Anh ở Hà Nội, trao cho họ tập thơ anh làm trong tù rồi bước ra để vào Hỏa Lò, ở thêm mấy năm nữa. Trình kêu gọi anh em bạn tù góp tiền cho gia đình Nguyễn Chí Thiện tiếp tế cho anh. Năm 1994 Nguyễn Chí Thiện sang Mỹ, từ đó anh đi khắp thế giới để chửi chính quyền Hà Nội. Tôi đọc báo và buồn lòng thấy anh chống cộng vung vít, chống luôn cả những hành động cứu trợ nhân đạo cho đồng bào, chỉ vì những khoản cứu trợ, theo anh nói, nuôi béo chính quyền cộng sản. Tôi biết có những vụ tham ô hàng và tiền cứu trợ, nhưng không phải tất cả đều thế. Anh còn nói rằng không thể tin được bọn cộng sản ly khai, quên khuấy rằng họ cũng là những người yêu nước không kém gì anh, ít nhất là như thế. Nhưng nghĩ tới những gì Nguyễn Chí Thiện đã trải qua, tôi hiểu nỗi căm giận của anh. Có điều, như các cụ nói, no mất ngon, giận mất khôn, nên anh mới khai trừ thẳng cánh những người trước kia là cộng sản ra khỏi đám con cháu Lạc Hồng, vĩnh viễn tước của họ cái quyền yêu nước.

Sau khi ra khỏi nhà tù, khoảng năm 1977, Kiều Duy Vĩnh và tôi gặp nhau luôn. Anh sáng khoái hơn bao giờ hết vì chuyến viễn du bất đắc dĩ cuối cùng rồi cũng đã kết thúc. Chúng tôi kéo nhau lên Hàng Vải Thâm rù Lê Trình đi uống cà phê. Đôi khi có cả Văn Thợ Mộc, Phổ Giác Điệp. Vĩnh giàu nhất trong bọn chúng tôi, vì chị Vĩnh có sạp bán trà ở chợ Bắc Qua. Nhưng Trình Hàng Vải, cao niên hơn cả, bao giờ cũng tranh trả tiền. Có thể nói đây là hạt nhân của Hội Cựu Tù Nhân Việt Nam, nếu như một ngày nào đó nó ra đời.

Phổ Giác Điệp được các đồng chí cũ thanh minh, được thả ra, nhưng gia đình đã tan nát, ngôi nhà bị thu vẫn chưa lấy lại được.

Văn Thọ Mộc đã lấy vợ. Cuộc hôn nhân bắt nguồn từ việc ông thợ mộc hiền lành của chúng tôi đi đóng giường thuê cho vợ một liệt sĩ. Chị kể với anh chị ước mong có một ban thờ tử tế để thờ chồng mà mãi chưa thực hiện được. Đúng ngày 27.7 (7) anh xuất hiện ở nhà chị, hì hục đóng cho chị cái ban thờ mà chị muốn có, không lấy tiền. Chị xúc động trước tấm lòng cởi mở của anh. Hai người trở thành bạn. Rồi anh trở thành chồng chị, chăm nom những đứa con của người mà lẽ ra anh phải coi là kẻ thù. Những đứa con của người đã khuất rất yêu quý anh.

"Jean Valjean gọi bằng cụ" cũng đã ra khỏi nhà tù. Như tôi đã kể, thật ra chính quyền cũng không có ý định nâng cao kỷ lục tù cho ông, nhưng vì lúng túng không biết thả ông thế nào, nên đành để ông đó cái đã. Tiễn tôi ra trại, trung úy Bưởi hứa với tôi sẽ giúp đỡ "Jean Valjean gọi bằng cụ". Anh cho tôi biết nếu bây giờ có người nhận, ông sẽ được về ngay. Tôi tới gặp nhà sử học Chiêm Tế, cũng là người trong hoàng tộc, đề nghị anh bảo lãnh cho Tôn Thất Tần thì Chiêm Tế kêu lên : "Anh bị chín năm chưa chán sao mà còn dây vào những chuyện này ! Tôi sợ lắm !".

Chỉ có Bưởi Tiến là hăng hái giúp. Anh vào Nam, tìm được con gái Tôn Thất Tần. Cô làm đơn xin bảo lãnh cho người cha chưa biết mặt. Qua nhà thơ Trần Mạnh Hảo tôi mới gặp lại Tôn Thất Tần. Hóa ra anh là con rể người tù vĩ đại.

Một hôm tôi đang phóng xe máy trên đường Thụy Khê thì bị một công an viên nhảy ra giờ hai tay chặn lại. Thì ra thiếu úy Nguyễn Văn Nhâm.

- Anh còn nhớ em không ?

- Nhớ chứ ! - tôi ôm lấy anh - Tôi quên những tên khốn nạn, nhưng nhớ rất lâu những con người tốt bụng.

Nhằm khoe với tôi anh đã ra khỏi ngành quản lý trại giam, bây giờ làm công an đường phố. Chúng tôi kéo nhau vào một quán bia gần đấy, uống bia Thanh Đảo và ôn lại chuyện những ngày ở Tân Lập. Nhằm hẹn tôi một bữa ăn trên nhà hàng nổi Hồ Tây.

Tôi hỏi Nhằm về số phận của gián điệp quốc tế Diệp Pún Mẫn. Nhằm cho biết anh ta đã được tha ra một nông trường gồm những tù nhân không nơi nương tựa ở gần trại. Sau anh ta có về Hải Phòng không thì Nhằm không biết. Tôi hỏi Nhằm đã gặp bao nhiêu gián điệp quốc tế kiểu như Diệp Bản Minh thì Nhằm nói mới gặp có một. Tôi nói thế thì hồng phúc cho nước nhà.

Kể từ khi tôi ra tù, sự kiện ồn ào nhất về vụ "nhóm xét lại chống Đảng" là vụ Nguyễn Trung Thành, nguyên vụ trưởng Vụ Bảo vệ Đảng, cánh tay phải của Lê Đức Thọ trong thời kỳ chúng tôi bị trấn áp, bỗng dưng ùng ùng lên tiếng đòi xét lại vụ án. Ông tuyên bố chúng tôi hoàn toàn vô tội. Ông nói việc tham gia vụ án này làm cho ông bị lương tâm cắn rứt ngày đêm. Đã đến lúc ông không còn có thể im lặng.

Bức thư gửi Ban chấp hành Trung ương Đảng đề ngày 3.2.1995 là một tiếng sét giữa trời quang, làm sững sốt không phải chỉ các nhà lãnh đạo mà cả chúng tôi. Có ai ngờ một người như ông mà lại đủ can đảm làm một việc tấy trời như thế - trước hết là lòng dũng cảm phủ định chính mình, sau là sự dấn thân vào một việc khó khăn, vô vọng mà hậu quả có thể rất nặng nề.

Nguyên vụ trưởng Vụ tổng hợp Bộ Nội vụ vào thời gian nói trên là ông Lê Hồng Hà, cũng có dính líu với vụ án của chúng tôi, đã nhiệt tình ủng hộ ông Nguyễn Trung Thành trong việc lập lại lẽ công bằng cho những người cộng sản bị đàn áp.

Tổng bí thư Đỗ Mười nổi giận. Ông gặp Nguyễn Trung Thành, trách móc, khuyên can, dọa nạt. Nhưng Nguyễn Trung Thành vẫn trơ trơ.

Lê Hồng Hà còn đi xa hơn. Nhân dịp này ông rà soát lại nhận thức của mình, rồi thẳng thắn vạch ra rằng mọi điều tồi tệ xảy ra là hậu quả sự du nhập chủ nghĩa Mác ngoại lai vào Việt Nam, sự áp dụng những nguyên tắc "dân chủ tập trung" và "chuyên chính vô sản", về thực chất là nền tảng của thói chuyên quyền, độc đoán.

Không làm gì được hai nhân vật phản tính, Đỗ Mười ra lệnh khai trừ họ khỏi Đảng. Chưa đủ. Lê Hồng Hà bị bắt, cùng một lượt với Hà Sĩ Phu, bị tòa xử hai năm tù giam, nhưng không phải vì lập trường chống chủ nghĩa Mác, vì thái độ phản kháng sự bạo hành của chính quyền đối với nhân dân, mà vì... "có hành vi chiếm đoạt bí mật nhà nước". Mà bí mật nhà nước ở đây là cái gì? Là bức thư của đảng viên Võ Văn Kiệt gửi các đồng chí của ông trong Bộ Chính trị, mà đồng bào Việt Nam ở nước ngoài đã được biết từ lâu.

Sau khi biết việc ông Nguyễn Trung Thành gửi thư cho Trung ương Đảng, mẹ tôi đi xích-lô lên tận nhà ông ở Ngọc Hà để nói với ông:

- Trước kia, tôi căm thù anh không kém gì căm thù Lê Đức Thọ. Nhưng nay tôi lại thấy ở anh một đồng chí, hay nếu ta không dùng cái chữ ấy nữa vì nó bị người ta làm cho ô uế rồi thì ta dùng chữ khác vậy, anh là một người tử tế...

- Cảm ơn chị.

- Mà này, tuổi đời cũng như tuổi cách mạng anh đều kém tôi, chỉ bằng tôi gọi anh bằng chú cho thân mật.

- Thưa chị, - ông Nguyễn Trung Thành nói - chị đã tha tội cho em, lại còn nhận em làm em nữa thì lòng chị thật là rộng rãi, thật là bao dung ! Em rất biết ơn chị.

Mẹ tôi cười vui vẻ :

- Đã coi là em rồi thì mọi sự là tình nghĩa chị em, đâu còn chuyện ai rộng rãi với ai, ai bao dung với ai ?

- Nhưng nếu em rồi cũng bị bắt, thì chị lại đi tiếp tế cho em nhá?

- Chú yên tâm. - mẹ tôi nói - Cái việc này chị quen rồi. Thời Pháp chị đã đi tiếp tế, thời Nhật chị đã đi tiếp tế, thời ta lại được đi tiếp tế cả cho chồng lẫn cho con, như thế gọi là có thâm niên đấy. Chị sẽ đi tiếp tế cho chú...

Hà Nội - Sài Gòn - Moskva - Warszawa - Paris
1993-1997

(1) Khái niệm tư pháp của Việt Nam về chuyện này như sau : người có tiền án là người phạm tội, bị đưa ra tòa xử, có án hình rõ ràng, người có tiền sự là người phạm tội nhưng xét chưa tới mức phải đưa ra xử, chỉ bị đưa đi giáo dục cải tạo, trong lý lịch tư pháp được coi như chưa can án lần nào. Thành thử có thứ tiền án 3 tháng tù treo, có thứ tiền sự thôi mà người được hưởng nó phải ở hàng chục năm (tù) cải tạo.

(2) Đã có một cái tình như vậy theo sáng kiến của Lê Duẩn.

(3) Một băng đều cáng (tiếng Pháp).

(4) Paul Joseph Goebbels (1897-1945), bộ trưởng Bộ Tuyên truyền của nước Đức phát-xít.

(5) Lò thiêu xác ở Hà Nội.

(6) Mãi gần đây, cuối năm 1996, Hoàng Minh Chính mới biết lý do thật khiến anh bị vào tù lần chót. Số là vào tháng 5 năm 1995 anh và một số cựu đảng viên Đảng dân chủ Việt Nam, là

những đảng viên đầu tiên của đảng này trước khi nó trở thành một đảng bù nhìn, có gặp nhau trong một bữa trà dư tửu hậu tại nhà anh. Trong cuộc gặp gỡ này có người nêu ý kiến nên có một cuộc họp mặt rộng hơn nhân ngày kỷ niệm Đảng dân chủ Việt Nam ra đời, vào giữa tháng 6. Cuộc nói chuyện bị ghi âm trộm. Thế là người ta tá hỏa, nghĩ rằng Hoàng Minh Chính và các cựu đảng viên Đảng dân chủ Việt Nam có ý tái lập đảng, do đó vội vã bắt ngay Hoàng Minh Chính. Lý do thì không có, người ta viện cớ Hoàng Minh Chính dám gửi hộ Đỗ Trung Hiếu những kiến nghị của ông tới địa chỉ các vị lãnh đạo, là hành động tán phát những tài liệu chống nhà nước và chủ nghĩa xã hội, đề buộc tội. Thế là ông Đỗ Trung Hiếu trở thành đầu vụ một cách oan uổng.

(7) Ngày thương binh liệt sĩ Việt Nam.

Lời giới thiệu của ông Bùi Tín, về tập hồi ký *Đêm Giữa Ban Ngày* của Vũ Thư Hiên đăng trên tập san *Thế Kỷ 21* (Mỹ), số 97:

Cuốn sách viết về đời một người tù. Nếu chỉ có vậy thì chẳng đáng nói nhiều. Đã có nhiều cuốn sách về đề tài ấy.

Đây là cuốn sách của một người am hiểu chủ nghĩa Mác, tuy không phải là đảng viên cộng sản, nhưng từng tin yêu rất mực Bác Hồ. "Bông dưng" bị các đồng chí của chính mình tống vào tù.

Chẳng có xét xử, chẳng có phiên tòa, ấy vậy mà Vũ Thư Hiên ở tù gần chín năm, hơn 3200 ngày đêm với những tháng dài bị nằm trong xà lim, bị cùm hai chân... Vũ Thư Hiên được đảng của mình thương yêu cho nếm mùi "tập trung cải tạo".

Sự thật là gì? Tập trung cải tạo là trại giam độc ác, thiêu hủy con người. Nếu ở Nga là Kulag, ở Trung hoa là Lao Cải (lao

cải, cải tạo lao động, từng được Harry Wu đưa ra ánh sáng), thì ở VN là tập trung cải tạo .

Đây là một nhân chứng loại nặng ký của vụ án "Chống đảng, xét lại, làm gián điệp cho nước ngoài "xảy ra từ giữa những năm 1960, bao gồm gần 40 vị, trong đó có bốn uỷ viên trung ương đảng, 1 bộ trưởng ngoại giao, các viện trưởng, vụ trưởng, nhà báo nhà văn ...

Họ có tội gì ? Và cho đến nay vẫn chưa ai hiểu là họ có tội gì ? Cái tội của họ nằm trong sự hoang tưởng của kẻ cầm quyền độc đoán lăm âm mưu, luôn có mặc cảm về tội ác của chính mình, rồi lo sợ, tưởng tượng ra một mưu đồ lật đổ nào đó !

Cho đến nay những người lãnh đạo đảng vẫn một mực giữ kết luận cũ: trong vụ này, đảng luôn đúng, chẳng có gì cần xem xét hay kết luận lại cả. Tất cả đều đã cúi đầu nhận tội. Nay chẳng qua là họ lợi dụng đôi mới để lật án !

Hoàng Minh Chính đã lên tiếng; ông bà Vũ Đình Huỳnh (thân phụ và thân mẫu của Vũ Thư Hiên) đã kêu to niềm oan và ức; Ông Trần Thu đã công bố hồi ký; bà quả phụ Đặng Kim Giang, bà Nguyễn Thị Ngọc Lan (vợ nhà báo Phạm Viêt chết trong tù) đã thét lên nỗi đau khổ; Nhà văn hoá HoàngTiến đã cất lên lời phẫn nộ; Ông Nguyễn Minh Cần nguyên là phó bí thư thành uỷ cộng sản thủ đô Hà nội hiện ở Paris đã kể về đầu đuôi vụ án. Đặc biệt ông Nguyễn Trung Thành, cánh tay sắt của an ninh, nguyên trưởng ban bảo vệ chính trị trung ương đảng đã phản tỉnh đòi xem xét lại toàn bộ vụ án phi lý và phi pháp này (ông đã bị đuổi ra khỏi đảng và đang bị quản thúc chặt). Và nay Vũ Thư Hiên lên tiếng.

Cuốn hồi ký viết khá công phu, vất vả. Viết lên ở Hà Nội; viết đến đâu dấu đến đấy ở Sài Gòn; Viết rồi bị cướp đi gần trăm trang bản thảo ở Moscou; vừa viết vừa có người canh phòng ở

Varsovie; chương cuối mới được yên tĩnh viết bên dòng sông Seine (Paris).

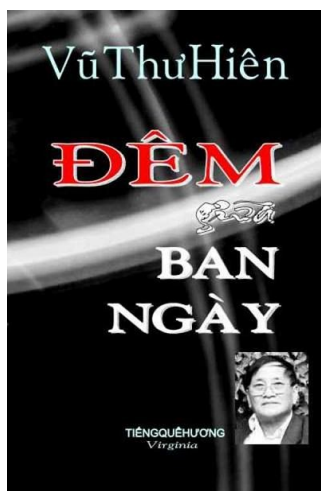
Cuốn sách ra đời chậm. Nhưng lại đúng lúc. Để đây tới đà đổi mới ở trong nước. Khi ở trong và ngoài nước đã ít nhiều biết đến vụ án phi lý này. Đây là gót chân Achille của chính quyền độc đoán và độc ác. Tác giả viết nó với tâm trạng rất thien. Không cay cú, không giận dữ. Cứ nhẹ nhàng, chậm rãi, tỉnh khô, đôi khi mỉm cười, thêm thắt ý vị bông lơn cười cợt... Và lấy sự thật làm đầu. Do đó cuốn sách khá là nặng, với ý nghĩa tải sự thật và lên án cái ác.

Bùi Tín.

Paris 3.1997.

Tài liệu tham khảo:

- Vũ Thu Hiền Web: vi.wikipedia.org
- Đêm Giữa Ban Ngày Web: lmvn.com



10) Bùi Ngọc Tấn



Bùi Ngọc Tấn (1934-2014)

Bùi Ngọc Tấn sinh năm 1934. Quê ông ở làng Câu Tử Ngoại, xã Hợp Thành, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Ông bắt đầu viết văn, viết báo từ năm 1954. Bùi Ngọc Tấn có sáng tác in ở các nhà xuất bản: Văn học, Lao động, Thanh niên, Phổ thông... khi mới ngoài hai mươi tuổi.

Trước khi viết văn, ông là phóng viên báo *Tiền Phong* ở Hà Nội, viết với bút danh Tân Sắc.

Sau đó, năm 1959, ông trở về quê và thành biên tập viên báo *Hải Phòng Kiến thiết*. Để có thể nuôi gia đình 6 người, ông tập trung vào viết báo. Ông thân thiết với nhà văn Nguyên Hồng và ông Hoàng Hữu Nhân Bí thư Thành ủy người quan tâm đến giới văn nghệ sĩ và đã giúp đỡ ông lúc khó khăn sau này.

Từ năm 1968-1973, ông bị tập trung cải tạo 5 năm, trong “Vụ án Xét lại Chống Đảng” có tên chính thức là "Vụ án Tổ chức chống Đảng, chống Nhà nước ta, đi theo chủ nghĩa xét lại hiện đại và làm tình báo cho nước ngoài" do Trưởng Ban Tổ chức Trung ương Lê Đức Thọ và Bộ trưởng Công an Trần Quốc Hoàn trực tiếp chỉ đạo, là vụ bắt giam lâu năm không xét xử nhiều nhân vật quan trọng trong nội bộ Đảng và bộ máy chính quyền tại miền bắc Việt Nam từ năm 1967 và lần lượt thả từ năm 1973, với cáo buộc là đi theo Chủ nghĩa Xét lại. Người đứng đầu vụ án này là Hoàng Minh Chính, Viện trưởng Viện Triết học Mác Lê-Nin bị bắt ngày 27-7-1967.

Từ năm 1974 đến năm 1994, Bùi Ngọc Tấn trở thành một nhân viên theo dõi thi đua khen thưởng ở Liên hiệp Xí nghiệp Đánh cá Hạ Long và trở thành "người ỉn dật" với văn chương trong gần 20 năm.

Năm 1993, ông trở lại với bạn đọc qua bài "*Nguyên Hồng, thời đã mất*" đăng trên tạp chí *Cửa biển* ở Hải Phòng.

Bùi Ngọc Tấn được các giải thưởng văn chương:

- Giải thưởng của các báo *Văn nghệ*, tạp chí *Văn nghệ quân đội*, Bộ Văn hoá, NXB Hội Nhà văn, và giải thưởng văn học Nguyễn Bình Khiêm (Hải Phòng).
- Giải Henri Queffelec (Pháp,2012) cho tác phẩm *Biển và chim bói cá*
- Giải B văn xuôi (không có giải A) giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam 2004 cho tập ký chân dung *Rừng xưa xanh lá*.

Nhà văn Bùi Ngọc Tấn mất vào lúc 6 giờ 15 ngày 18-12-2014 tại nhà riêng ở Hải Phòng, hưởng thọ 80 tuổi.

Tác phẩm:

- *Mùa cười*
- *Ngày và đêm trên Vịnh Bái Tử Long*
- *Đêm tháng 10*
- *Người gác đèn cửa Nam Triệu*
- *Nhật ký xi măng*
- *Nhằm thẳng quân thù mà bắn*
- *Nguyên Hồng, thời đã mất* (1993)
- *Một thời để mất* (1995)
- *Một ngày dài đặng đặng* (truyện ngắn)
- *Những người rách việc* (tập truyện, Hà Nội, 1996)
- *Chuyện kể năm 2000* (Thanh Niên, 2000)
- *Rừng xưa xanh lá* (ký chân dung, 2004)
- *Kiếp chó* (Tập truyện ngắn, 2007)
- *Biển và chim bói cá* (2009)

Trích văn:

Khói

Mặt trời khuất sau ngọn núi cao nhất của cả một dải rừng. Trên đỉnh núi nhô lên như một cái vú bầu bình ấy mọc những cây đại thụ, giờ đây không trông thấy chiều dày của cành lá nữa mà giống như một bức màn mỏng dính vào nền trời xám. Ông Thản khoác khẩu AK đã lên đạn sẵn nhưng được khoá cơ bắm và ngược nhìn về phía ấy. Chung quanh ông là rừng rậm. (Gọi

"ông" Thản là gọi theo cách của tù. "Ông" Thản là một thanh niên chưa quá 19 tuổi).

Ông Thản biết trên đỉnh núi cao nhất kia, các đồng chí của ông đang đưa ông nhòm phóng tầm mắt ra bốn phía, tìm trong tán lá rừng già trải ở phía dưới những dấu hiệu khả nghi. Một bóng người lộ ra ở bìa rừng, lồi xuống bản đồng bào Mán. Một sợi khói mỏng như tơ. Và lũng sục. Tay giữ chặt dây xích, ghì lại những con béc-giê giống Đức hăng hái lao đi phía trước. Cố tìm ra một dấu vết nào đó như một mẫu vỏ bí dúi vào bụi cây, một hạt com vãi bị lá rừng phủ lên, một cành cây gãy đáng nghi, một chút hơi người trên thảm lá mục. Dân bản cho biết đêm trước một nhà bị mất một quả bí trong vườn, một nhà khác có nồi com nguội để dưới bếp bị vét sạch. Vậy là thằng Dương còn quanh quẩn vùng này. Cái tên tù trốn trại ấy. Nó chưa thể đi xa được. Một bán kính 15 ki lô mét quanh trại đã được bủa vây chặt chẽ. Các bến tàu, bến xe đều có người canh gác.

Nhưng thằng Dương vẫn bật tấm hơi. Nó trốn trại vào ban đêm. Đi lối *nhà mét (1)*. Cũng may, nó trốn cách ấy. Không ai bị quy trách nhiệm cả. Chứ nếu nó trốn trong lúc đi làm thì lỗi thì to. Hẳn bọn ông đã có người khôn khổ.

Có tiếng động phía sau lưng. Ông Thản quay lại, cúi nhìn. Không. Không có ai. Hình như là một cành cây gãy. Còn sáng thế này nó chưa dám đi đâu. Còn chui rúc ở một hang hốc nào đó. Có khi nó lại leo lên cây, ngồi ngay trên đầu mình. Bất thần ông ngược mắt nhìn lên. Rừng rậm. Một thứ rừng quanh năm xanh tươi, không có mùa rụng lá. Những cành cây phủ đầy rêu ken dày, quần quít dây leo. Những dây leo vĩ đại lá to như lá cọ, im lặng để rơi những bông hoa hình loa kèn nặng nề, chín

nầu "bộp, bộp" xuống thảm lá mục. Một con chim lớn từ đâu bay tới, đổ xuống ngọn cây, ông thấy thoáng đôi cánh rộng êm ru ở khoảng trời xám nhạt hiem hơi lộ ra trên tán lá.

Ông lại khoác súng bước đi. Suối chảy róc rách dưới chân chi làm tăng thêm vẻ hoang vu tịch mịch của rừng. Ông đi không nghĩ ngợi và cũng chẳng biết mình đang đi đến nơi nào nữa.

Bất chợt ông nhìn thấy một nương sắn đã rỡ. Giữa nương sắn có một cái miếu nhỏ hoang tàn và một cây si cần cỗi nhưng có rất nhiều rễ phụ toả xuống. Vậy là sắp tới nhà bò. Ông biết mình đang đi dần về phía trại. Ông dừng lại, nhìn ngắm. Những buổi chiều cô đơn trong rừng buồn tái tê. Đành rằng có rừng ở chung quanh đấy, nhưng cũng như người, rừng cô đơn. Và cũng như người, rừng im lặng với nỗi cô đơn của mình, không trò chuyện.

Ông lại đi. Ông nghĩ tới thằng Dương. Nó là sinh viên năm thứ tư, vào tù vì tội đánh nhau với thanh niên địa phương trường sơ tán. Án tám năm. Đã tù bảy năm. Chỉ còn một năm nữa. Mà không cố được. Đã vượt qua bảy năm. Rồi bỗng thấy không chịu đựng thêm nổi một ngày. Thật là khó hiểu. Và ngu xuẩn. Chỉ vì nó mà bao nhiêu người phải khổ. Năm ngày đêm rồi. Không biết năm ngày vừa rồi nó sống bằng gì. Tỳ cơm nguội. Quả bí non. Lăn lút chui lủi trong rừng mãi sao nổi. Trước mắt nó chỉ có một con đường: Chịu sự cải tạo.

Tiếng suối vẫn khi gần khi xa. Bài ca muôn thuở của rừng. Ông lại nhìn lên đỉnh núi cao nhất như một cái bầu vú, tìm ánh mặt trời còn sót lại. Bỗng ông giật mình: Khói. Phía rừng bên kia có khói. Làn khói mỏng manh trắng đung đủng lẫn trong sương tỏa trên tán cây rừng. Ông định thần nhìn lại. Đúng là khói. Phấn

chấn hấn lên, linh hoạt hấn lên, ông bước sang phía rừng bên ấy, nhẹ nhàng như một con báo. Tay lăm lăm khẩu AK, ông bước khom khom, căng thẳng. Chốt hãm cơ bấm được nhẹ nhàng kéo xuống. Nếu đây là thằng Dương, nếu nó chạy, ông cũng không bắn đuổi theo đâu. Ông chỉ bắn chỉ thiên thôi. Vừa là để cảnh cáo bắt nó đứng lại, vừa để báo động cho đồng đội đến mà bắt mà trói nó, giải nó về trại. Nó phải hiểu rằng nó không thể trốn đâu thoát. Dù có ra khỏi trại. Dù có vượt qua được những cánh rừng bạt ngàn này. Nó đã làm xáo động cả trại. Nó làm bọn ông xiết bao khổ sở. Hôm nay trời khô, còn đỡ. Mấy hôm trước trời đổ mưa dầm. Mỗi cái lá là bao nhiêu nước. Bọn ông lội suối, chui rừng. Người, chó ướt đẫm. Rét cóng. Đói nữa. Vắt bám cả trên gáy, cả dưới nách. Nó hành hạ bọn ông. Cái thằng khốn nạn ấy...

Tất nhiên nó phải vào xà lim. Cùm. Húp cháo loãng. Về tội trốn tránh cải tạo. Nhưng trước khi dong nó về trại phải cho nó biết thế nào là trốn trại... Đây là bực lên thì nghĩ thế, nói thế thôi. Có khi bắt được nó, nhìn vẻ mặt thiểu não, tuyệt vọng, đáng về tiêu tụy của nó lại thương, lại kín đáo dúi cho nó mẩu lương khô chưa biết chừng.

Ông Thân tháo giày lội qua suối. Nước cắn vào chân từng miếng. Người ông run lên. Chẳng đợi khô chân, ông xỏ vớ vào đôi giày vải. Và nhẹ nhàng rẽ bụi cỏ lau. Bước lên bìa rừng bên kia.

Thật sự ông không tin đó là thằng Dương. Chẳng tên tù trốn trại nào lại đi nổi lửa vào lúc trời còn sáng như thế này. Nhưng dù sao làn khói cũng là mục tiêu để ông đi đến. Để ông tìm

hiều. Để ông trò chuyện. Để ông chấm dứt cảnh cô đơn. Và biết đâu từ đám khói lại mò ra tung tích thằng Dương.

Trước mặt ông là một đồng lửa nhỏ. Nhưng rừng rục than hồng. Hẳn là một loại củi chắc. Một người quần áo xanh xám, thứ màu vải quá quen thuộc với ông. Màu quần áo của bọn phạm. Thoáng nhìn ông đã biết ngay không phải thằng Dương. Đó là Thắng chặn bò. Anh ta ngồi trên gốc cây bị cưa cụt, gục đầu vào hai cánh tay, bất động. Lâu lâu nó lại giơ hai tay ra hươ hươ trên đồng than hồng hoặc vun những mẩu củi ngắn vào đồng lửa. Không thấy anh ta đun nước. Cũng không thấy nấu nướng cái gì đó. Anh ta chỉ ngồi sưởi. Mà cũng không phải là sưởi. Ngồi gục đầu im lặng trước đồng lửa. Thế thôi.

Gần một năm trời lên đây, ông vẫn không hiểu được vì sao đám phạm rất thích lửa. Đi làm, việc đầu tiên là nỏ lửa cái đã. Họ tản ra mỗi người một phía và trở về với những củi gộc, củi cành. Chỉ một thoáng đồng lửa đã bốc lên rừng rục. Rét như thế này, họ đốt lửa đã đành. Về mùa nực cũng một đồng lửa to không kém.

Nhìn đồng lửa đã vạc, tự nhiên ông thấy rét run người. Ông thềm được sưởi, được trò chuyện. Ông Thân khoá nòng súng, bước thẳng về phía đồng lửa.

Anh tù chặn bò giật mình khi thấy ông công an vũ trang khoác súng đi tới. Anh đứng lên, hai tay duỗi thẳng, ép vào đùi:

- Chào cán bộ.

Ông Thản ra hiệu cho anh chặn bò tự nhiên. Anh tù lể phép ngồi xuống một cành củi gần đó, nhường gốc cây cụt cho ông vũ trang.

- Cho bò về chuồng rồi à?

- Báo cáo ông, vâng.

- Chưa về trại à?

- Thưa cán bộ, tôi sưởi một tý. Hôm nay rét quá.

- Anh tù bao lâu rồi?

- Thưa cán bộ, tám năm rồi.

- Án bao nhiêu?

- Hai mươi năm.

- Anh năm nay bao nhiêu tuổi?

- Thưa cán bộ, năm mươi hai ạ.

Được nói chuyện một tý ông Thản thấy vui vui, lại được hơi lửa hắt vào mặt, vào người dễ chịu quá. Ông định tiếp tục câu chuyện, muốn hỏi Thắng mắc tội gì, nói với Thắng rằng bọn ông cũng rất nhớ nhà và nếu ai cũng tự giác cải tạo như Thắng thì bọn ông đỡ vất vả, nhưng một hồi keng từ xa vọng lại. Tiếng keng đập vào vách núi này, hắt sang vách núi khác như tất cả rừng núi cùng ngân vang. Keng cầm một. Nghĩa là keng điểm danh. Anh chặn bò là tù tự giác không phải đứng trong hàng cho cán bộ đếm, nhưng cũng phải về trại. Anh tù đứng lên:

- Xin phép cán bộ, tôi về.

Ông Thản nhìn theo anh từ một tay khoác bị cỡi, một tay xách cặp lồng đi khuất vào trong rừng.

Còn lại một mình ông. Rừng càng hoang vắng, im lặng. Đã nom thấy sương đầy trên thảm lá mục, dưới những gốc cây. Sương hay hơi đất, hơi rừng bốc lên. Không một tiếng động. Chưa đến giờ thú đi ăn. Vậy cũng là chưa đến giờ thẳng Dương mò ra khỏi ổ.

Ông Thản với tay nhặt những cành cây khô người tù chẵn bỏ để lại cạnh đáy cho vào đồng lửa. Ngọn lửa bùng lên. Khói bốc đầy hơn, quện cùng sương. Ông nhìn lửa, nhìn sương, nhìn khói, nhìn rừng. Rồi ông gục đầu xuống hai cánh tay khoanh trên gối, nghe chiều sâu im lặng của rừng. Ông nghe lửa ấm quen thuộc trên da mặt. Lửa làm ông ấm áp cả trong lòng, giúp ông thấy mình không bị tách rời khỏi cuộc sống, tách rời khỏi gia đình, bố mẹ anh em đang ở một nơi nào xa lắm. Bởi vì lúc này ông nhìn thấy một cánh đồng mùa đông đã gặt xong chỉ còn trơ gốc rạ. Mặc cho những con trâu gặm cỏ, ông và các bạn chăn trâu nhỏ gốc rạ, đổ thành đồng, đốt lửa. Khói bốc lên. Tất cả ngồi chung quanh. Khói tạt về phía nào, đũa ngồi ở phía đó lấy tay xua, miệng nói:

Khói về đằng kia ăn cơm với cá

Khói về đằng này lấy đá đập đầu.

Gục đầu trên cánh tay, ông nhìn rõ cảnh ấy.

Gục đầu trên cánh tay, ông im lặng chờ tiếng chân thú đi kiếm mồi.

Đến lúc ấy, ông sẽ khoác súng đứng lên, đi sâu hơn nữa vào trong rừng.

- 0 -

Nhà văn Ngô Thị Kim Cúc viết về Bùi Ngọc Tấn trên Facebook Kim Cúc Ngô Thị như sau:

Bùi Ngọc Tấn, người đã gợi cho đồng nghiệp và người đọc một “thông điệp ẩn” trong câu chuyện thật đời mình: văn chương không nhằm trả thù hay khiến người ta trở nên hận hộc, thô bạo. Trái lại, văn chương giúp nâng cao hơn con người hằng ngày của mình, khiến người ta cao thượng hơn và muốn “cứu giúp” kẻ xấu xa hơn thay vì đáp trả hay trở nên xấu xa như chúng.

Tài liệu tham khảo:

- Bùi Ngọc Tấn Web: vi.wikipedia.org
- *Khói* Web: vanhaiphong.com



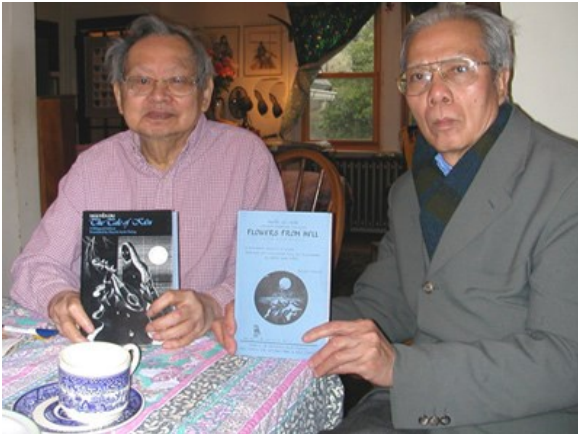
Bùi Ngọc Tấn, Vợ, Con, Cháu ngoại & Tác phẩm

Tiết ba: Người bất đồng chính kiến qua thơ

Năm 1980, tập thơ Tiếng Vọng Từ Đáy Vực của tác giả Khuyết Danh được "Ủy ban Tranh đấu cho Tù nhân Chính trị tại Việt Nam" phát hành tại Washington D.C. gây nên tiếng vang vì tác giả là người tù ở Việt Nam, có những bài thơ chống chế độ Cộng sản tại Việt Nam, bất đồng chính kiến với đảng và nhà nước, tập thơ được nhiều độc giả đón nhận, nên được báo Văn Nghệ Tiền Phong ấn hành với tên khác là *Bản Chúc thư Của Một Người Việt Nam*, còn có ấn bản khác với tên khác nữa là *Quê hương tù ngục*.

Năm 1984, nhan đề *Hoa Địa ngục*, do Huỳnh Sanh Thông dịch ra Anh ngữ *Flowers from Hell*. Về sau người ta mới biết tác giả tập thơ *Hoa Địa ngục* là nhà thơ Nguyễn Chí Thiện.

Nguyễn Chí Thiện âm thầm sáng tác thơ trong ngục tù và bí mật phổ biến thơ ra ngoại quốc.



Huỳnh Sanh Thông và Nguyễn Chí Thiện

1) Nguyễn Chí Thiện



Nguyễn Chí Thiện (1939-2012)

Nguyễn Chí Thiện sinh năm 1939 tại phố Hàng Bọt Hà nội, sau về Hải Phòng sinh sống.

Năm 1960, Nguyễn Chí Thiện nhận dạy thay một người bạn ốm vài giờ lịch sử cho lớp học bổ túc văn hóa ở Hải Phòng. Bài giảng về đại chiến thứ hai, thấy sách giáo khoa viết Nhật đầu hàng là do Hồng Quân Liên Xô đánh bại quân Nhật ở Mãn Châu, ông Thiện bèn đính chính: Nhật đầu hàng vì Mỹ bỏ hai quả bom nguyên tử. Do đó, ông bị đưa ra toà, lãnh án 2 năm tù vì tội "phản tuyên truyền".

Ra tù Nguyễn Chí Thiện tiếp tục các hoạt động chống đảng Cộng sản.

Năm 1965, Nguyễn Chí Thiện bị bắt lại vì làm thơ chống chế độ, lần này bị giam 13 năm tù.

Năm 1978, Nguyễn Chí Thiện được phóng thích và trả về Hải Phòng. Ông làm nghề kèm trẻ tại tư gia để sống. Mẹ ông mất năm 1970, thân phụ mất vài năm sau đó.

Nguyễn Chí Thiện được thế giới bên ngoài biết đến qua tập thơ mang nhiều tên như "*Tiếng Vọng Từ Đáy Vực*", "*Hoa Địa Ngục*", ông âm thầm làm thơ trong những năm tù đày.

Ngày 2-4-1979, ông lên Hà Nội, vào tòa đại sứ Anh xin tị nạn chính trị, nhưng bị từ chối, ông để lại tập thơ, nhờ chuyển ra nước ngoài. Ngay sau đó, ông bị nhà cầm quyền Hà Nội bắt.

Tập thơ này được coi như một thiên hồi ký về cuộc đời tù tội trong xã hội cộng sản dưới chế độ toàn trị bắt đầu từ thập niên 1950.

Năm 1980, lần in đầu tiên tập thơ này được in do "Ủy ban Tranh đấu cho Tù nhân Chính trị tại Việt Nam" phát hành tại Washington D.C. ghi tác giả là "Khuyết danh" hay "Ngục Sĩ" với tựa *Tiếng Vọng Từ Đáy Vực*. Dịch bản tiếng Anh mang tên *Cry from the Abyss*.

Năm 1981, ấn bản khác của báo *Văn nghệ Tiên phong* phát hành ở hải ngoại được ra mắt dưới tựa *Bản Chúc thư Của Một Người Việt Nam*. Tên khác nữa là *Quê hương tù ngục*.

Năm 1984, nhan đề *Hoa Địa ngục* được dùng đầu tiên khi Yale Center for International & Area Studies in bản tiếng Anh *Flowers from Hell* do Huỳnh Sanh Thông dịch. Sau này người ta mới biết đến tên tác giả là Nguyễn Chí Thiện. *Hoa địa ngục* là tên tác giả đã chọn ghi ở cuối lá thư đính kèm với tập thơ được lén đưa vào tòa đại sứ Anh ở Hà Nội.

Một số bài thơ trong *Hoa Địa ngục* đã được nhạc sĩ Phạm Duy phổ nhạc trong tập *Ngục ca*. Nhạc sĩ Phan Văn Hưng phổ nhạc bài "*Sẽ có một ngày*".

Trong khi ông bị giam cầm vì tên tuổi ông được biết đến nhiều, những hội đoàn như Tổ chức Ân xá Quốc tế (*Amnesty*

International), Tổ chức Theo dõi Nhân quyền (*Human Rights Watch*) cùng những chính khách như Léopold Senghor (cựu tổng thống Sénégal), John Major (cựu thủ tướng Anh) và vua Hussein của Jordan từng lên tiếng tranh đấu cho ông được thả.

Do sự can thiệp của Hội Văn Bút Quốc Tế, Hội Văn Bút Việt Nam Hải ngoại và cộng đồng người Việt tị nạn, năm 1990 ông được trả tự do. Năm 1995, sau khi thiết lập bang giao với Hoa Kỳ, Hà nội cho phép ông sang định cư tại Hoa Kỳ, nhờ sự vận động tích cực của cựu Đại Tá hồi hưu Noboru Masuoka và chứng thư bảo trợ tài chánh của người anh ruột nguyên là sĩ quan quân đội Việt Nam Cộng Hòa, Nguyễn Chí Thiện đến Mỹ vào ngày 1 tháng 11 năm 1995.

Năm 2006 tập thơ gồm hơn 700 bài của ông được đúc kết lại với đúng tên tác giả đã ra mắt độc giả người Việt hải ngoại một lần nữa và được đón nhận nồng nhiệt.

Tập thơ *Hoa Địa ngục* còn được dịch ra tiếng Đức, tựa *Echo aus dem abgrund*, tiếng Hà Lan: *Bloemen Uit de Hel*, tiếng Hàn, tiếng Hoa: *花从地狱来* (Hoa tòng địa ngục lai), tiếng Pháp: *Fleurs de l'Enfer*, tiếng Tây Ban Nha: *Flores del Infierno*, và tiếng Séc: *Básně z pekla*.

Nguyễn Chí Thiện với tập thơ *Hoa địa ngục* đã nhận được các giải thưởng:

-Giải thưởng Thơ Rotterdam Hoà Lan năm 1984.

-Giải thưởng "Tự Do Để Viết" ("Freedom To Write") của Trung tâm Văn bút Hoa Kỳ.

- Giải Nhân Quyền của tổ chức Human Rights Watch năm 1995.

Sự nghiệp văn học của Nguyễn Chí Thiện được ghi nhận trong cuốn *Who's Who in Twentieth-Century World Poetry* do Mark Willhard chủ biên (London & New York, Routledge), in ở Anh Quốc tháng 2-2001.

Và lần 2 ở Đức năm 2002.

Nguyễn Chí Thiện qua đời lúc 7 giờ 17 phút sáng Thứ Ba, ngày 2 tháng 10, 2012, tại một bệnh viện ở thành phố Santa Ana, Orange County, California, hưởng thọ 73 tuổi.

Tác phẩm:

- *Hoa địa ngục* (thơ, UBTDCTNCTTVN, 1980)
- *Hỏa lò* (truyện, Cành Nam, 2001)
- *Hai truyện tù* (truyện song ngữ, 2008)

Trích thơ:

Đoản thơ, 152

*Trước mắt tôi, mặt trời hấp hối
Sau lưng tôi, bóng tối mịt mù
Bên phải tôi, tù ngục chập chùng
Còn bên trái, súng nhằm tim chấn lói!*

Hằng Ngày Tôi Tới

*Hàng ngày tôi tới tiệm trà
Vào những lúc vắng người uống nhất
Tôi chọn chiếc bàn kê trong xó khuất
Ngồi một mình, vừa xem báo, vừa pha
Tín tức nọ kia nào có thiết tha
Tôi giờ qua loa vài trang rồi bỏ*

*Ngồi ngả người như nằm trong góc đó
Ốc mệt buồn chẳng nghĩ ngợi chi
Thuốc hút luôn cũng chẳng thấy vị gì
Tôi thỉnh thoảng chỉ thở dài lặng lẽ
Hoặc lắc đầu để cổ xua đi
Những hình bóng mơ hồ rầu rĩ
Của một đời vô vị, bỏ đi*

(1958)

Con tàu rêu

*Con tàu say như ních chặt không gian
Giữa mùa điên không biết lực điều tàn
Xô vỡ vụn nơi ngòi băng tuyết loá
Trong trắng xoá những ngày mưa tầm tã
Con tàu đau vật vờ trước bờ xanh
Phía mờ xa thôn xóm đứng yên lạnh
Thân tàu đã tan thành trên mũi đá.
Cay đắng quá những bến nghèo tàn tạ
Đón trông tàu lui tới, đứng buồn thiu
Khi tàu tôi men đến cũng dập dìu
Gây sóng gió đăm đìm cho nhục nhã
Ôi tiếp tới nước triều dâng vật vờ
Con tàu run chưa tiến đã chồn lui
Đành một mai nơi đáy nước rêu vùi
Làm chỗ ở cho tôm, sò, ốc, cá
Tôi đã biết những đêm dài dòng dãi
Con tàu cam trôi giữa đám trăng sao
Biết dừng đâu, không bóng hải cảng nào
Ra tín hiệu đón con tàu buồn bã
Tôi đã biết những bình minh đối lá
Biển sang màu loang tím của chiều hoang
Con tàu đi, sức kiệt, lệ dòng hang
Thương xót những mảnh tàu trôi vụn ngã...*

(1965)

Mẹ tôi

Mẹ tôi trong những ngày giỗ chạp
Thường ngồi chấp tay cầu khẩn giờ lâu
Chiếc áo hoa hiên cũ đã bạc màu
Tôi chỉ thấy mẹ dùng khi lễ bái

Đời của tôi nhiều khổ đau oan trái
Mẹ bao giờ cũng cầu nguyện cho tôi
Đứa con trai tù tội mấy phen rồi
Hàng nước mắt chảy giòng trên má mẹ

Ngồi bên mẹ tôi thấy mình nhỏ bé
Tình thương yêu của mẹ lớn bao nhiêu
Mẹ ơi, con lòng chỉ nguyện một điều
Được gần sống, đừng lìa xa khỏi mẹ!

Giờ hẳn mẹ mỗi khi ngồi cầu lễ
Cho đứa con tù bệnh giữa rừng sâu
Chiếc áo hoa hiên cũ đã bạc màu
Phải dẫm ướt biết bao hàng nước lệ!

(1963)

Tôi tin chắc một điều

Tôi tin chắc một điều
Một điều tất yếu
Là ngày mai mặt trời sẽ chiếu
Tôi lại nghĩ một điều
Một điều sâu thẳm
Là đêm tàn Cộng Sản tối tăm
Có thể kéo dài hàng mấy mươi năm

*Và như thế sẽ buồn lắm lắm
Cho kiếp người sống chẳng bao lâu !*

(1969)

Người Cách Mạng

*Người cách mạng khổ trước dân, mà sướng sau dân
Chúng sống như vua, dân đói vật vờ!
Chúng lại ba hoa là đầy tớ toàn tâm, toàn ý tôn thờ
Phục vụ nhân dân, vì dân là chủ!
Chúng thực tế là những tên đao phủ
Trăm lần tỏ kính hơn ác thú!
Đáng giận là còn có những cái đầu mê muội
Cho lũ gian manh biến thành công cụ
Loại đầy tớ này, chỉ một ngày nếu dân làm chủ
Sẽ đưa tất chúng về âm phủ!*

(1978)

Bóng Ai

*Bóng ai u ám, nặng nề
Phố xá, đêm buồn, hoang vắng
Số phận, con người, năm tháng
Môi mòn trong bước chân đi...
Thành phố về khuya, điện mắt đen xi
Gió thổi trời đông rầu rĩ
Đâu rồi thiện, mỹ
Đâu rồi chân lý, lương tri?
Thưa thốt ba vì sao hiu hắt
Như tàn, như tắt trong sương...
Đất nước, quê hương
Vạn kiếp bi thương không góc nổi đầu
Bạo lực đổ ngầu, man rợ*

*Móng nền tan lở, hoang hư
Một mái chùa rêu, một thảo lư
Một chiếc thuyền câu, thơ với rượu
Tất cả không còn, ai cũng hiểu
Mong gì hai chữ an cư!
Không mang chi, ngoài đôi chút thi thư
Tôi cơ nhỡ giữa hai miền thương nhớ
Đất xa lạ, xa mờ, tan vỡ
Trời quê hương vương máu tâm tư
Thực hóa ra hư, mọi thứ tạ từ
Gió bụi lùa qua cửa tử
Giòng thời gian trôi, trôi mãi, lê thê
Bóng ai u ám nặng nề...*

(1978)

Nhà văn Trần Phong Vũ, người rất gần gũi với thi sĩ Nguyễn Chí Thiện, nói với Người Việt: “..., tôi có nói với các bạn hữu của tôi, rằng: xin anh nếu hồn thiêng của anh còn phảng phất đâu đó và được Thiên Chúa đưa về với Người, xin anh dạy cho chúng tôi bài học sống lương thiện như anh, sống ngay thẳng tròn đầy như anh với con người, bởi vì anh đã sống trọn vẹn cái ân tình của người yêu thương trọn đời.”

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Chí Thiện Web: vi.wikipedia.org
- Đoàn thơ 152 Blog: nguyenchithien2012.wordpress.com

Chương ba: Người MN tranh đấu với CS sau 30-4-1975

Sau 30 tháng 4 năm 1975, lãnh thổ toàn miền Nam thuộc kiểm soát của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam do Đảng Lao động Việt Nam lãnh đạo.

Vài tuần sau, các hạ sĩ quan và binh sĩ được học tập tại địa phương trong ba ngày,

Tháng 6 năm đó, các viên chức cao cấp của Miền Nam phải trình diện đi học tập 1 tháng, thành phần gồm có Tổng, Thứ, Bộ Trưởng, các Dân biểu và Tướng lãnh.

Đến ngày 24-6-1975, sĩ quan từ cấp Úy đến cấp Tá phải trình diện tập trung tại các địa điểm được chỉ định để đi Học tập Cải tạo thời hạn 10 ngày, nhưng thực tế vô hạn, có người phải bỏ mạng ở chốn rừng thiêng, nước độc, các trại cải tạo tập trung này ở khắp Việt Nam từ cực Nam tổ quốc trên đảo Phú Quốc cho đến vùng giáp giới Trung Quốc.

Sau năm 1975 ở miền Nam có hơn 1.000.000 người thuộc diện phải ra trình diện. Riêng ở Sài Gòn có 443.360 người ra trình diện, trong số đó có 28 viên tướng, 362 đại tá, 1.806 trung tá, 3.978 thiếu tá, 39.304 sĩ quan cấp úy, 35.564 cảnh sát, 1.932 nhân viên tình báo, 1.469 viên chức cao cấp trong chính quyền, và 9.306 người trong các đảng phái “phản động”. Theo Phạm Văn Đồng, con số người phải trải qua giam giữ sau này 30-4-1975 là hơn 200.000 trong tổng số 1 triệu người ra trình diện. Tính đến năm 1980 thì chính phủ Việt Nam xác nhận có 26.000 người vẫn còn giam trong trại. Tuy nhiên một số quan sát viên ngoại quốc ước tính khoảng 100.000 đến 300.000 vẫn bị giam. Ước tính của Hoa Kỳ cho rằng khoảng 165.000 người đã chết trong khi bị giam.

Vào lúc 7 giờ 30 phút sáng ngày 10-9-1975, Ủy ban Quân quản Thành phố Sài Gòn họp báo, đưa ra “Bản Tuyên bố của Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà Miền Nam Việt Nam”, ra lệnh “bắt giữ một số tư sản mại bản có chứng cứ đầu cơ tích trữ, phá rối thị trường: Mã Hỷ, vua lúa gạo; Lưu Tú Dân, lũng đoạn vải vóc; Bùi Văn Lự, nhập cảng, đầu cơ phụ tùng xe máy; Hoàng Kim Quy, thầu cung cấp kẽm gai cho quân đội Mỹ; Trần Thiện Tứ, độc quyền xuất cảng cà phê...” . Hơn bảy giờ trước đó, phần lớn các đối tượng nằm trong danh sách sáu mươi tên đánh đợt đầu đã bị bắt.

Theo ông Nguyễn Văn Trân, Ủy viên Thường vụ Trung ương Cục, danh sách “tư sản mại bản” bị đánh trong đợt này chủ yếu tham khảo từ một tài liệu về “Chính sách hậu chiến” được viết năm 1974 của Chính quyền Sài Gòn, trong đó có phần đánh giá vai trò lũng đoạn thị trường của các “vua” người Hoa ở Chợ Lớn. Giờ G của Chiến dịch X-2 lúc đầu được định là 5 giờ sáng ngày 10-9-1975, sau do trục trặc trong “hợp đồng tác chiến”, tin tức bị lọt ra, nên phải triển khai từ lúc 12 giờ khuya ngày 9-9-1975. Hơn 10.000 công nhân, học sinh, sinh viên đã

được điều động áp sát các mục tiêu. Hàng vạn “quần chúng” khác được đưa xuống đường để gây áp lực về dư luận.

Sáng ngày 22-9-1975, Ngân hàng Việt Nam tại Sài Gòn ra báo cáo báo cáo đổi tiền nội sử dụng tóm lược như sau :

1. 500 đồng tiền “Chánh quyền Sài Gòn” cũ lấy 1 đồng mới Ngân hàng Việt Nam.
2. Mỗi gia đình được đổi 100.000 đồng cũ (200 đồng mới) cho tiêu dùng hàng ngày.
3. Những gia đình có buôn bán được phép làm đơn xin đổi thêm 100.000 đồng cũ
4. Những nhà buôn lớn có thể làm đơn xin đổi thêm tiền từ 100.000 đến 500.000 (tối đa) đồng cũ nếu có nhu cầu thực sự.
5. Tất cả số tiền còn lại từ 100.000 đến 1 triệu đồng cũ phải đến nhà băng đổi và gọi vào trương mục.
6. Cuộc đổi tiền sẽ chấm dứt vào 11 giờ đêm ngày 22 tháng Chín.
7. Vi phạm những điều nêu trên sẽ bị truy tố trước pháp luật.

Đợt đánh Tư sản lần kế được bắt đầu vào sáng ngày 11 tháng Chín năm 1975 xảy ra khắp 17 tỉnh thành miền Nam và thành phố Sài Gòn. Đợt cướp này chủ yếu nhắm vào nhà của các cư dân thành thị, tịch thu nhà và cưỡng bức toàn bộ những nạn nhân phải đi về vùng Kinh Tế Mới..

Đợt này, những người dân Việt gốc Hoa vốn đã di dân vào miền Nam Việt Nam từ cuối triều Minh, đầu triều nhà Thanh, sanh sống thanh công tại miền Nam ngót nghét hơn 200 năm. Máu và nước mắt, oán hờn ngút trời cho một vùng đất hiền lành này phải chịu oan thiên tan nát.

Tháng 9 năm 1975, Hội nghị Trung ương lần thứ 24 của Đảng Lao Động Việt Nam xác định mục tiêu thống nhất đất nước về mọi mặt. Từ ngày 15 đến 21 tháng 11 năm 1975, hội nghị hiệp thương chính trị được tổ chức tại Sài Gòn, giữa đoàn Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, do ông Trường Chinh đứng đầu, và đoàn Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, do ông Phạm Hùng đứng đầu, đã tán thành tổ chức bầu cử Quốc hội thống nhất.

Hội đồng bầu cử theo hội nghị hiệp thương, và Bộ Chính trị chỉ đạo: 11 đại biểu miền Bắc (Trường Chinh, Hoàng Văn Hoan, Xuân Thủy, Nguyễn Xiển, Trần Đăng Khoa, Chu Văn Tấn, Trần Đình Tri, Nguyễn Thị Minh Nhã, Linh mục Võ Thành Trinh, Hòa thượng Trần Quang Dung, Trương Tấn Phát), 11 đại biểu miền Nam (Phạm Hùng, Trần Lương, Bùi San, Nguyễn Hữu Thọ, Huỳnh Tấn Phát, và 6 đồng chí khác hoặc nhân sĩ do Ban đại diện chỉ định), chủ tịch: Trường Chinh, phó chủ tịch: Phạm Hùng.

Tháng 1 năm 1976, cuộc họp liên tịch của ủy ban thường vụ Quốc hội Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Hội đồng cố vấn Chính phủ Cộng hòa miền Nam Việt Nam đã ra quyết định: Cuộc Tổng tuyển cử sẽ tiến hành vào chủ nhật 25 tháng 4 năm 1976. Hội đồng bầu cử toàn quốc được thành lập, do ông Trường Chinh làm Chủ tịch và ông Phạm Hùng làm Phó chủ tịch.

Ngày 25 tháng 4 năm 1976 tổng tuyển cử trong cả nước được tổ chức, bầu ra 492 đại biểu của Quốc hội Việt Nam thống nhất. Từ ngày 24 tháng 6 đến ngày 3 tháng 7 năm 1976, Quốc hội họp phiên đầu tiên, thông qua các nội dung:

- Xóa bỏ khu phi quân sự theo Vĩ tuyến 17.
- Quốc kỳ, quốc huy là Cờ đỏ Sao Vàng.
- Lấy tên nước là Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

- Quốc ca là bài Tiến quân ca.
- Thủ đô là Hà Nội.
- Đổi tên Thành phố Sài Gòn - Gia Định thành Thành phố Hồ Chí Minh

Với sự kiện này, Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam đã hoàn thành vai trò trong cuộc chiến tranh Việt Nam và chính thức chấm dứt mọi hoạt động của mình, nói cách khác là được Đảng Lao Động Việt Nam khai sinh ra Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam được chính thức thành lập vào ngày 20 tháng 12 năm 1960 tại xã Tân Lập, huyện Châu Thành nay là Tân Biên, trong vùng căn cứ ở tỉnh Tây Ninh, và khai tử từ nay, xóa sổ nước Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam non trẻ, phơi bày bộ mặt thật trắng trợn của đảng Lao Động Việt Nam hay chính danh là đảng Cộng sản Việt Nam.

Trong hoàn cảnh đó, những trí thức miền Nam là những người đã sống đã hưởng một nền tự do, dân chủ, sớm nhận ra bộ mặt thật của Cộng Sản, nên họ đã phải dấn thân tranh đấu cho nền tự do, dân chủ để mang lại cho người dân một cuộc sống an bình, xã hội thịnh vượng. Họ là những người như Đoàn Viết Hoạt, Bác sĩ Nguyễn Đan Quế...

Tài liệu tham khảo:

- *Bên Thắng Cuộc* Web: vinadia.org

1) Đoàn Viết Hoạt



Đoàn Viết Hoạt (1942-20)

Đoàn Viết Hoạt sinh năm 1943 tại thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây cũ nay thuộc Hà Nội.

Năm 1954, Đoàn Viết Hoạt theo gia đình di cư vào miền Nam Việt Nam.

Năm 1961, sau khi tốt nghiệp tú tài, ông theo học tại Trường đại học Sư phạm Sài Gòn.

Năm 1965, ông tốt nghiệp đại học và tham gia giảng dạy Anh ngữ ở một số trường phổ thông trung học, như Nguyễn Đình Chiểu, Mỹ Tho và Chu Văn An tại Sài Gòn.

Năm 1966, ông được Bộ Giáo dục Việt Nam Cộng hòa cử đi du học ngắn hạn tại Hoa Kỳ (Florida). Sau khi tốt nghiệp về nước, ông được cử đến làm việc tại Viện Đại học Vạn Hạnh.

Từ năm 1967 đến năm 1971, ông tiếp tục được cử đi du học tại Mỹ đã nhận bằng tiến sĩ (PhD) về ngành giáo dục (Education) và hành chính (College Administration) tại Đại học Florida.

Năm 1971, Đoàn Viết Hoạt trở về nước tiếp tục làm việc tại Viện Đại học Vạn Hạnh, sau đó trở thành phụ tá Viện trưởng.

Sau khi Cộng sản chiếm miền Nam, cũng như các Viện đại học khác, Viện Đại học Vạn Hạnh bị giải thể. Đoàn Viết Hoạt không được tham gia vào công tác giảng dạy, ông chuyển sang hoạt động chính trị. Ông gia nhập vào các tổ chức, nhóm phản đối chính quyền mới.

Ngày 29 tháng 7 năm 1976, ông bị bắt giam với cáo trạng "*Tuyên truyền tư tưởng phản động chống phá Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam*", bị buộc tội là có quan hệ mật thiết với Mỹ và bị tòa án tuyên phạt 12 năm tù giam. Ngày 9 tháng 2 năm 1988, ông được trả tự do sau khi chấp hành xong án phạt tù. Sau khi ra tù, Đoàn Viết Hoạt tiếp tục tham gia tổ chức Diễn đàn Tự do - một tổ chức người Việt hải ngoại ở Mỹ do Hồ Văn Đồng đứng đầu. Ông là sáng lập viên của tạp chí Diễn đàn Tự do - một ấn phẩm bất hợp pháp, với nội dung đòi hỏi chính quyền thay đổi chấp thuận một hệ thống đa đảng.

Ngày 17 tháng 11 năm 1990, ông bị chính quyền bắt giữ do bài phê bình của ông đăng trên Diễn Đàn Tự Do. Ngày 31 tháng 3 năm 1993 Tòa sơ thẩm tuyên phạt ông 20 năm tù giam. Tại phiên tòa phúc thẩm sau đó, ông đã được tòa giảm án xuống còn 15 năm tù giam. Trong thời gian Đoàn Viết Hoạt thụ án, vợ ông, bà Trần Thị Thức, thực hiện vận động tìm kiếm sự ủng hộ của thế giới.

Ngày 29 tháng 8 năm 1998, sau 5 năm thi hành án phạt tù, ông được nhà cầm quyền Cộng sản Việt Nam đặc xá tha tù trước thời hạn để xuất cảnh đi Mỹ đoàn tụ gia đình. Đó là kết quả can thiệp của nhiều tổ chức quốc tế, trong đó PEN Club Poland.

Ngày 01 tháng 9 năm 1998, ông xuất cảnh đi Mỹ và cư trú tại thủ đô Washington DC.

Sau khi đến Mỹ, nhận lời mời của một số tổ chức, Đoàn Viết Hoạt đi nhiều nơi tham gia nhiều buổi diễn thuyết kêu gọi người Việt tại Hoa Kỳ tiếp tục đấu tranh. Đoàn Viết Hoạt cùng với Trần Thanh Hiệp, Lý Tông Bá, Ngô Vương Toại, Đỗ Mạnh Tri, Vũ Thiện Hân, Nguyễn Chí Thiện sáng lập ra Diễn đàn dân chủ và Nhóm Dân chủ Việt Nam do Phạm Hoàng đứng đầu để tiếp tục kêu gọi đấu tranh thúc đẩy quá trình dân chủ ở Việt Nam. Ông cùng với các cộng sự đã đề ra *Lộ trình dân chủ toàn diện*, qua đó thực thi các biện pháp tập hợp lực lượng, liên kết với những nhân vật bất đồng chính kiến ở Việt Nam, thực hiện phương châm "*chuyển lửa về quê nhà*" thực hành đấu tranh bạo động lật đổ chế độ chính trị tại Việt Nam.

Ngày 01 tháng 5 năm 2002, Đoàn Viết Hoạt cùng với Phạm Hoàng đã liên kết với các tổ chức Phục hưng Việt Nam, Liên minh các lực lượng dân tộc Việt Nam tổ chức một cuộc Hội thảo con đường dân chủ, qua đó thống nhất phương thức hoạt động đấu tranh tại Việt Nam. Ngoài ra, ông còn liên kết với Đỗ Hoàng Điềm, Đỗ Thành Công và Nguyễn Ngọc Sáng đề ra phương thức đẩy mạnh các hoạt động chống nhà nước cộng sản Việt Nam tại Mỹ. Ngày 10 tháng 7 năm 2004, tại thành phố Dallas, bang Texas, ông hội đàm với Nguyễn Gia Kiểng, Vũ Thư Hiên, Mai Viết Triết và Nguyễn Hữu Chánh cùng tổ chức Hội nghị Thống nhất các tổ chức người Việt tại Mỹ để thành lập Chính phủ lâm thời, nhằm tập trung cho công cuộc đấu tranh ở Việt Nam. Tuy nhiên không đạt kết quả khả quan.

Đoàn Viết Hoạt cùng với Vũ Quốc Dụng, Nguyễn Ngọc Bích lập ra Mạng lưới dân chủ để thống nhất kế hoạch đấu tranh tại Việt Nam theo phương thức đấu tranh "bất bạo động". Năm 2004, Mạng lưới dân chủ đã tổ chức buổi *họp mặt dân chủ 2004* tại Mỹ để đẩy mạnh lộ trình dân tộc và dân chủ và xúc tiến kế hoạch vận động cho dân chủ Việt Nam; lập kế hoạch vận động trong nước, đề ra hướng phát triển lực lượng vào trí thức, thanh niên trong nước, nhằm tạo dựng những ngọn cờ

đấu tranh.^[6] Mạng lưới dân chủ đã tổ chức tuần tưởng niệm tháng Tư đen, ngày quốc hận 30 tháng 4 với các hoạt động biểu tình tuần hành trước Sứ quán Việt Nam tại Mỹ, cùng thời điểm với các hoạt động kỷ niệm ngày lễ lớn tại Việt Nam.

Đoàn Viết Hoạt chủ trương liên hệ và tài trợ tiền cho những nhân vật bất đồng chính kiến trong nước như Nguyễn Văn Đài, Lê Thị Công Nhân để hình thành "ngọn cò" trong học sinh, sinh viên, giới luật sư trong nước; qua đó hình thành và phát triển các tổ chức đối lập. Từ đầu năm 2008 đến nay, Đoàn Viết Hoạt liên hệ với một số tổ chức quốc tế theo phương châm đấu tranh bạo động để liên kết và có nguồn tài chính hỗ trợ.

Vì những thành tích phấn đấu, đóng góp trong việc bênh vực quyền tự do báo chí và các quyền tự do dân chủ, nhân quyền ở Việt Nam. Ông đã được trao các giải thưởng:

- Giải Tự do Báo chí Quốc tế năm 1993
- Giải Nhân quyền Robert F. Kennedy năm 1995
- Giải Bút vàng Tự do năm 1998

Đoàn Viết Hoạt còn là thành viên danh dự của PEN Club Mỹ, Canada, Áo, Thụy Sĩ, Pháp và Ba Lan.

Tài liệu:

Tầm nhìn thế giới và thời đại

TỔNG QUAN

Để trao đổi về một tầm nhìn mới cho Việt Nam, trước hết chúng ta hãy thử phân tích xem thế giới trong thế kỷ XXI mà Việt Nam đang phải tiến vào có một viễn ảnh như thế nào? Một cách tổng quát thì ngay ở những năm đầu tiên này thế giới đang chuyển từ tranh dành quyền thống trị thế giới sang hợp

tác quốc tế để giải quyết một cách bền vững những vấn đề chung của toàn thể nhân loại, nhất là những xung đột quốc tế. Bản thân xung đột quốc tế đang chuyển từ xung đột kinh tế chính trị, sang xung đột văn hóa, nếp sống, niềm tin tâm linh, tôn giáo. Thế giới sẽ chỉ có hòa bình bền vững khi tham vọng Âu-Mỹ hóa mọi bình diện đời sống nhân loại được giải trừ và thay thế bằng một *tầm nhìn nhân loại* hòa hợp Á-Âu Mỹ đồng thời với những cố gắng tạo dựng một cộng đồng nhân loại đa văn hóa của mọi dân tộc và cho mọi dân tộc.

Việt Nam đang bước vào một thời đại mới với một bối cảnh thế giới và nhân loại đã hoàn toàn đổi khác và đang mở ra những viễn cảnh mới. Nếu thế kỷ XIX là thế kỷ phát triển của Âu Châu ra toàn thế giới và thế kỷ XX là thế kỷ tranh giành quyền thống trị thế giới dẫn đến đối kháng lưỡng cực tư bản-cộng sản, thì hiện nay là thời kỳ quan hệ quốc tế phức tạp, là giai đoạn chuyển tiếp từ quốc tế hóa giả hiệu, cực quyền (quốc tế do Tây Phương hay Mỹ tạo ra), sang quốc tế hóa chân chính, tức là một quốc tế thật sự của mọi dân tộc. Quan hệ quốc tế trong giai đoạn chuyển tiếp hiện nay mang tính chất phức tạp và đa dạng với quan hệ Bắc-Bắc (giữa các nước giàu mạnh với nhau), quan hệ Nam-Nam (giữa những nước nghèo yếu với nhau), và quan hệ Bắc-Nam (giàu-nghèo).

Trong bối cảnh phức tạp đó chúng tôi cho rằng thế giới và nhân loại từ năm 2000 trở đi khoảng vài thập niên sẽ diễn biến trong tiến trình chuyển tiếp từ quốc tế hóa cực quyền sang quốc tế hóa chân chính, theo ba giai đoạn: (1) giải quyết những vấn đề còn xung đột Á-Âu Mỹ; (2) tái hòa hợp Á-Âu Mỹ; và (3) phát triển một cộng đồng nhân loại toàn cầu, một quốc tế chân chính – một thế giới của mọi dân tộc. Trong giai đoạn đầu vấn đề Hồi giáo cực đoan và Trung Quốc sẽ là các vấn đề nổi bật nhất. Trong giai đoạn ba, Phi Châu sẽ trở thành vấn đề trọng yếu nhất của thế giới.

CHÍNH TRỊ

Tại các nước phát triển cao, nền dân chủ sẽ tiến thêm một bước sâu và rộng hơn nữa, bớt đi tính chất đảng tranh, mang nhiều tính *dân bản* hơn, với sự tham gia trực tiếp hơn của mọi thành phần dân chúng vào mọi mặt sinh hoạt xã hội. Ba thành tố của nền dân chủ hiện nay (chính trị gia, doanh gia, và trí thức-chuyên gia) sẽ được tăng cường thêm bởi ba thành tố mới (những nhà hoạt động xã hội (NGO), giới truyền thông, và cá nhân các công dân quan tâm (qua các cuộc thăm dò dư luận)). Tại các nước mới phát triển, xu thế *dân chủ pháp trị* là xu thế tất yếu, không thể đảo ngược được.

Trên bình diện toàn cầu, thế giới sẽ chỉ có hoà bình khi giải quyết được một cách công bằng và bền vững các xung đột quốc tế nghiêm trọng như xung đột Hồi giáo cực đoan với Âu-Mỹ. Riêng Á Châu-Thái Bình Dương, hoà bình ổn định lâu dài chỉ có được khi ra đời *một khu vực Trung Hoa mới*, phát triển bền vững trong dân chủ và tiến bộ, trong đó quyền dân tộc tự quyết và các dân quyền căn bản phải được tôn trọng. Đồng thời Liên Hiệp Quốc được tiếp tục cải tổ trong tiến trình tạo dựng nền dân chủ toàn cầu, để thật sự đại diện cho một cộng đồng quốc tế nhân bản toàn cầu, đa văn hóa và đa chủng tộc đang hình thành. Trong chiều hướng đó, các tổ chức khu vực, trong đó đáng kể là ASEAN, sẽ phát triển nhanh và ngày càng ổn định, góp phần đẩy nhanh tiến trình hình thành *một cộng đồng quốc tế chân chính*, của mọi dân tộc và cho mọi dân tộc.

KINH TẾ THƯƠNG MẠI

Về mặt kinh tế thương mại, xu thế chung sẽ phát triển theo chiều hướng tư bản xã hội hóa và toàn cầu hóa về mặt thị trường (vốn, kỹ thuật, và tiêu thụ) đồng thời cá thể hóa về mặt sản xuất và hưởng dụng. *Trách nhiệm xã hội* của các hoạt động kinh tế thương mại ngày càng được chú trọng hơn, đang mở

đường cho sự ra đời một mô hình kinh tế mới, *kinh tế thị trường xã hội* (social market economy). Kinh tế thị trường thuần túy vì lợi nhuận tư bản cá nhân đang được điều chỉnh để trở thành nền *kinh tế thị trường xã hội* (social market economy), dung hòa lợi nhuận cá nhân với trách nhiệm xã hội trong một chế độ kinh tế-xã hội mới —chế độ “tư bản xã hội hóa” (socialized capitalism), tạo nền tảng bền vững cho nền văn hóa nhân bản mới và thể chế chính trị dân chủ mới, chân chính, toàn dân, và trực tiếp (tham gia).

Đồng thời nền kinh tế tri thức và nền thương mại toàn cầu *không biên giới* sẽ phát triển mạnh, thúc đẩy quá trình hình thành cộng đồng nhân loại toàn cầu, nền dân chủ toàn cầu và nền văn hóa toàn cầu. Tự do giao thương liên quốc gia, toàn khu vực và toàn cầu, tác động trực tiếp tới sự phát triển tại mỗi quốc gia, đồng thời thúc đẩy xu thế toàn cầu hóa, tạo điều kiện và môi trường hình thành cộng đồng nhân loại đa văn hóa, đa chủng tộc.

Asia-Pacific sẽ trở thành trung tâm kinh tế thương mại quan trọng của thế giới trong nửa đầu của thế kỷ XXI, sau khi *một cộng đồng Trung Hoa mới* ra đời. ASEAN sẽ trở thành khu vực phát triển năng động thứ ba trên thế giới sau Bắc Mỹ (NAFTA) và EU. Một cộng đồng Trung Hoa mới ra đời, dân chủ và phát triển, sẽ đóng góp cụ thể và tích cực nhất vào việc tạo dựng *kỷ nguyên Á Châu-TBD*.

VĂN HÓA

Về mặt văn hóa, có thể nói thế kỷ XXI sẽ là *thế kỷ của văn hóa*, và văn hóa sẽ mang tính nhân loại. Thế giới thu hẹp dần cả về không gian và thời gian, tạo điều kiện thúc đẩy giao lưu đa văn hóa, đa chủng tộc. Từ đó hình thành dần một ý thức và một nền *văn hóa cộng đồng nhân loại*. Đồng thời sinh hoạt văn hóa quốc tế càng phát triển càng thúc sự hình thành những

chuẩn mực giá trị đạo đức và tinh thần nhân loại mang tính toàn cầu, tính quốc tế, tính nhân loại — một tiêu chuẩn quốc tế chung cho các tiêu chuẩn quốc gia khác nhau làm chuẩn mực cho một đời sống nhân loại đang hình thành khắp nơi trên hành tinh. Trong bối cảnh đó quan hệ giữa dân tộc và nhân loại, giữa quốc gia và quốc tế, sẽ là một quan hệ mở và mỗi dân tộc sẽ có môi trường và điều kiện phát triển ngày càng dễ hơn và nhanh hơn. Đồng thời xu thế toàn cầu hóa là một thách thức nghiêm trọng đối với mỗi dân tộc: *bản sắc văn hóa dân tộc phải tồn tại và phát huy như thế nào trong một nhân loại ngày càng hoà hợp đa văn hóa hơn?*

Á CHÂU

Riêng đối với Á Châu, bối cảnh phát triển trực tiếp của Việt Nam, nếu thế kỷ XX là thế kỷ xung đột Á-Âu do hậu quả của thực dân hóa, của Âu Châu phát triển ra toàn thế giới, dẫn đến hậu quả Âu-Mỹ hóa Á châu, thì cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI, Á Châu phục hưng cả trên kinh tế, văn hóa và vị thế chính trị quốc tế. Trong xu thế nhân loại hóa và toàn cầu hóa, một Á Châu phục hưng như thế sẽ tạo điều kiện cho sự tái hòa hợp Á-Âu Mỹ trong tinh thần kết hợp khoa học kỹ thuật Tây phương với đạo học nhân văn Đông phương. *Khoa học nhân bản hơn và đạo học thực tiễn hơn.* Á-Âu bổ sung lẫn cho nhau để cùng đóng góp vào việc hình thành nền văn hóa cộng đồng nhân loại toàn cầu trong xu thế phát triển con người một cách toàn diện và quân bình giữa vật chất và tinh thần, giữa tự nhiên và con người, giữa cá nhân với xã hội, giữa dân tộc với nhân loại, giữa quốc gia với khu vực và với quốc tế.

NHÂN LOẠI VÀ DÂN TỘC

Trong chiều hướng đó, tiến bộ của kỹ thuật cao (high-tech) đóng vai trò quan trọng. Internet và giao lộ thông tin điện tử quốc tế giúp tạo ra và tăng cường *tính di động toàn cầu* (global

mobility). Cộng với tính di động xã hội (social mobility) trong mỗi quốc gia, và sự tự do thương mại toàn cầu, sự di động toàn cầu sẽ tạo thêm những yếu tố đồng nhất trong đời sống nhân loại, vượt qua những khác biệt ngôn ngữ, phong tục và lối sống. Đời sống nhân loại sẽ vừa đồng nhất hơn, lại vừa đa dạng, phong phú hơn. Đồng nhất về kiến thức, về mô hình phát triển kinh tế, tổ chức và quản lý xã hội, về phương pháp làm việc và giải quyết mâu thuẫn, xung đột. Phong phú đa dạng về văn học nghệ thuật, phong tục tập quán, ngôn ngữ. Một *xã hội nhân đạo toàn cầu* (global village) có nhiều điều kiện hơn để ra đời trong xu hướng: tuy dân tộc thì nhiều nhưng nhân loại vẫn là một. Bản sắc văn hóa mỗi dân tộc được trân quý như tài sản văn hóa nhân loại, như trăm bông hoa trong vườn hoa nhân loại.

TÔN GIÁO

Trong một thế giới toàn nhân loại như thế, tôn giáo tiếp tục đóng vai trò quan trọng, nhưng các tôn giáo có truyền thống tổ chức chặt chẽ sẽ gặp nhiều khó khăn về cơ cấu và nghi thức, đòi hỏi một đường hướng mới và nhiều cải tổ cơ cấu để tiếp tục đáp ứng được nhu cầu tâm linh của con người. Con người tiếp tục tiến trình mở rộng tầm nhìn tâm linh đa tín ngưỡng, tạo môi trường thuận lợi cho các quan điểm ôn hòa và hòa hợp tôn giáo. Đồng thời những hiểu biết mới về tự nhiên, về sự sống và về con người sẽ giúp phổ thông hóa và tăng cường thêm khả năng luyện tập và chủ động sinh tâm lý của con người đối với bản thân, xã hội và sinh thái. Nhờ đó con người có thêm những điều kiện mới để mở rộng và nâng cao sinh tâm thức ra đại tự nhiên và sự sống. Tôn giáo trong thế kỷ XXI sẽ phải giảm bớt đi nhiều giáo điều, lễ nghi hình thức và mang nhiều nội dung và sinh hoạt phong phú hơn và gần gũi hơn với đời sống thường ngày của con người.

(1-1-2013)

Trích thơ:

Bánh Thánh

Cùng tù có một nhà tu
Hiện thân đức Chúa Giê-Su ở đời
Lòng bác ái thật sáng ngời
Chiếc bánh xẻ nửa chia người tù chung
Ăn bánh nhớ Chúa đóng đinh
Trên cây thập tự hy sinh cứu đời
Bánh này bánh thánh ai ơi!
Bạn trong ngục tối sáng ngời tình thương
Đời còn lắm cảnh nhiều nhương
Còn quân bán nước còn phường hại dân
Thì còn bao bậc cao nhân
Theo gương đời trước xả thân cứu người
Mai này gặp cảnh đổi đời
Tin lành bừng hiện sáng ngời trần gian.

02-10-1976.

Chúa Sẽ Đến Với Ai?

Tiếng hát đêm Giáng-Sinh
Bỗng thức ta trở dậy
Sau cơn mê dài chập chờn nửa giấc
Tiếng hát đêm Giáng-Sinh
Của mùa Đông ngục thất.
Từng đợt sóng ân tình
Bỗng dâng đầy chất ngát
Trong trái tim ta nồng cháy
Hồi tất cả anh em
Không phải chỉ nguyện cầu
Không phải chỉ cúi xin và tấu lạy
Chúa sẽ đến với ai

Và ở với những ai
Biết đứng lên và cứu lấy
Báo đáp ân tình
Cho nghìn trước và nghìn sau
Như buổi sáng mùa xuân rực sáng
Sau những đêm đông dài cô quạnh
Mầm sống vươn lên bát ngát xanh rờn
Những bông hoa bùng nở ra đầm thắm
Sức sống căng hồng trên từng cánh nồng thom.
Chúa sẽ đến với ai
Và ở với những ai
Biết biến đau thương
Và những lời cầu nguyện
Thành mầm thơm cho thế hệ ngày mai.

Giáng Sinh 1986
2ED - Chí Hòa.

Giáng Sinh 1977

Giáng sinh này lại trở về đây
Nhân thế còn bao nỗi đắng cay
Chúa đã hiện hai ngàn năm trước
Trần gian chờ Chúa mới ra tay
Trần gian chờ Chúa mới ra tay
Xóa hết đau thương hết đọa đầy
Rửa sạch vô minh và vọng chấp
Mở đầu Nhân chủ cõi Thần Châu
Mở đầu Nhân chủ cõi Thần Châu
Nhân ái hòa vui khắp địa cầu
Chúa đến mang tin lành rộng khắp
Giáng sinh bừng sức sống vui say
Giáng sinh bừng sức sống vui say
Nhân giới đang mang cảnh đọa đầy
Bạn hời lao tù nuôi chí lớn

Vững lòng tin đợi ánh sao mai.

7C1 - Phan Đăng Lưu.

Với quá trình hoạt động lâu dài tại Việt Nam và ở Mỹ, Đoàn Viết Hoạt được nhiều tổ chức của người Việt Nam tại Mỹ đánh giá cao, coi ông là một nhà dân chủ ở hải ngoại. Nhà cầm quyền Việt Nam chỉ trích Đoàn Viết Hoạt, cho rằng ông là Việt gian, phản động đang lợi dụng chiêu bài "chống Cộng" để bợ đỡ các thế lực bên ngoài để kiếm tiền. Theo báo Công an Nhân dân, ngày 30 tháng 4 năm 2008, trên tờ Đông Dương thời báo tại Mỹ có bài viết cho rằng chuyên lợi dụng chiêu bài "chống Cộng" để kiếm tiền của ông đã phá vỡ cuộc sống bình yên của cộng đồng người Việt tại Mỹ.

Tài liệu tham khảo:

- Đoàn Viết Hoạt Web: vi.wikipedia.org
- *Tầm nhìn thế giới và thời đại*
- Web: changevietnam.wordpress.com



Hội ngộ tại PEN CLUB tại Warszawa. Từ trái sang: Adam Pomorski, Đoàn Viết Hoạt, Jacek Bochenski, Tôn Văn Anh, ...

2) Nguyễn Đan Quế



Nguyễn Đan Quế (1942-20)

Nguyễn Đan Quế còn gọi là Nguyễn Châu; sinh năm 1942 tại Hà Nội.

Năm 1954 ông theo gia đình di cư vào Nam sau hiệp định Geneva. Ông lớn lên ở miền Nam và theo học Đại học Y khoa Sài Gòn.

Năm 1966, tốt nghiệp Y khoa Bác sĩ. Phục vụ tại Bệnh viện Chợ Rẫy, đồng thời là Giảng sư tại Đại học Y khoa Sài Gòn.

Năm 1968, ông được học bổng của Tổ chức Y tế Quốc tế (WHO) đi tu nghiệp về ngành Y khoa Nội tiết (Endocrinology) tại Bỉ, tại Pháp năm 1969 và tại Anh Quốc năm 1972. Hoàn tất chương trình tu nghiệp năm 1974, Bác sĩ Quế đã từ chối đề nghị làm việc cho Tổ chức Y tế Quốc tế, để trở về nước tiếp tục phục vụ tại bệnh viện Chợ Rẫy, giữ chức Giám đốc Khu

Nội khoa Bệnh viện Chợ Rẫy, và giảng dạy tại trường Đại học Y khoa Sài Gòn.

Vào đầu năm 1978, ông và 47 thành viên trong Mặt trận Dân tộc Tiến bộ, theo Tổ chức Theo dõi Nhân quyền là một tổ chức tranh đấu bất bạo động và do ông thành lập, bị nhà nước Việt Nam bắt và giam cầm không xét xử. Năm 1988, ông được phóng thích.

Vào năm 1990, ông thành lập tổ chức Cao trào nhân bản và công bố "Lời Kêu Gọi của Cao Trào Nhân Bản", tiếp tục đòi hỏi nhà nước tôn trọng nhân quyền, đa nguyên chính trị và tuyển cử tự do. Ông bị bắt lại ngay sau đó, và bị tuyên án 20 năm khổ sai, cộng thêm 5 năm quản thúc tại gia, vì tội "âm mưu lật đổ chính quyền".

Vào đầu tháng 9 năm 1998, trước áp lực của quốc tế, nhà nước Việt Nam trả tự do cho ông, ông từ chối rời khỏi Việt Nam khi được đề nghị. Vào ngày 11 tháng 5 năm 1999, ông ra một thông cáo kêu gọi nhà nước dân chủ hóa đất nước. Vào tháng 3 năm 2003, ông lại bị bắt giữ vì ông đã gửi văn kiện chỉ trích nhà nước Việt Nam đến anh của mình tại Hoa Kỳ. Ngày 29 tháng 7 năm 2004, tòa án nhà nước Việt Nam lần nữa kết án ông 30 tháng tù về tội "Lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước". Vào trước Tết năm 2005, ông là một trong những tù nhân chính trị được lãnh đặc xá.

Ngày 26/2/2011, ông Quế bị Công An thành phố Hồ Chí Minh bắt giam để điều tra vì "hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân". Gần đây nhất ông có bài viết về tình hình dân chủ và nhân quyền tại Việt Nam đăng trên Washington Post.

Nguyễn Đan Quế là một người bất đồng chính kiến tại Việt Nam. Ông đã ba lần bị đi tù tại Việt Nam, với tổng cộng thời gian trên 20 năm.

Ông đã được trao các giải thưởng:

- Giải Nhân quyền Raoul Wallenberg năm 1994
- Giải Nhân quyền Robert F. Kennedy năm 1995
- Giải Hellman/Hammett năm 2002
- Giải Nhân quyền Heinz R. Pagels năm 2004

Nhiều lần ông được cử làm ứng viên cho Giải Nobel về hòa bình; gần đây nhất ông được Dân biểu Liên bang Hoa Kỳ Ed Royce cùng bảy Thượng nghị sĩ đề cử cho giải Nobel này cho năm 2004.

Tài liệu:

NHỮNG BIÊN GIỚI “MÔI HỞ RĂNG LẠNH”

I VẤN ĐỀ BIÊN GIỚI MIỀN BẮC

1858 Pháp nổ phát súng đầu tiên đánh vô Đà Nẵng.

1862 Pháp chiếm 3 tỉnh miền Đông và 1967 chiếm nốt 3 tỉnh miền Tây Nam Kỳ.

1895 Pháp vẽ bản đồ Đông Dương sau khi ký hiệp ước với triều đình Mãn Thanh ấn định biên giới dài 1300 km giữa Việt Nam và Trung Cộng.

1928 Để chống Pháp, Hồ Chí Minh thành lập đảng Cộng Sản Đông Dương, hoạt động ở cả Việt – Miên – Lào, với sự trợ giúp của đảng Cộng Sản Tàu.

Năm 1941, Hồ Chí Minh về Việt Nam lập chiến khu dọc theo biên giới tiếp giáp với Tàu. Để bảo đảm an toàn, đoạn chót đường tàu hỏa và đường bộ của Tàu ăn sâu vào lãnh thổ Việt Nam có nơi 500 mét, nhiều nơi đến cả cây số và nơi này dùng làm an toàn khu đặt cơ quan đầu não, huấn luyện cán bộ,

dưỡng quân, tiếp nhận và cất dấu vũ khí. Nếu Pháp hành quân hay dùng máy bay oanh tạc vùng này, Tàu sẽ la lên là vi phạm lãnh thổ của họ.

...

28-2-1972 Tàu Cộng ký thông cáo chung Thượng Hải với Mỹ để lộ chiều hướng chuyển từ đối đầu sang hợp tác, bảo đảm cho Mỹ có thể an toàn rút quân ra khỏi miền Nam Việt Nam.

27-1-1973 Ra đời Hiệp định Paris ‘Chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình tại Việt Nam’.

Cuộc chiến Việt Nam kết thúc ngày 30-4-1975.

Từ năm 1975 đến cuối năm 1978, biên giới Việt Nam – Campuchia triền miên rối loạn. Đầu năm 1979 Việt Nam tiến quân sang Campuchia. Tàu liền tiến quân sang ‘dậy cho Việt Nam một bài học’, chiếm vùng dọc theo biên giới (mà trước đây trong thời kỳ chống Pháp Hà Nội ‘ngầm giao’ cho họ nhờ bảo đảm an toàn) nói là phần đất của họ.

Việt Nam mất khoảng 1000km² dọc biên giới với Tàu, trong đó có Ải Nam Quan, có cao điểm ở Bắc Giang, thác Bản Giốc...

Đầu năm 1991 quan hệ Tàu – Việt mới chính thức được nối lại sau Hội nghị Thành Đô. Nhiều tin loan truyền: nhân sự cấp cao trong Bộ chính trị đảng công sản VN (BCT) bị Bắc Kinh chi phối; và kinh tế, chính trị, quân sự phụ thuộc Bắc Kinh càng ngày càng nhiều.

Nhiều âm mưu đen tối giữa hai đảng cộng sản Tàu – Việt, dân ta hoàn toàn không được biết, nói chi đến đồng ý hay không.

Do đó, thái độ của dân tộc ta đối với biên giới trên bộ là:

Mọi công dân Việt Nam, trong cũng như ngoài nước đều có bổn phận bảo vệ lãnh thổ, tài nguyên của Việt Nam do tiền nhân để lại. Không một ai, một đoàn thể hay đảng phái nào trong bất cứ hoàn cảnh nào có thể nhân danh dân tộc Việt Nam ký kết những văn kiện bán nước cho ngoại bang. Do đó, dân tộc ta không bị ràng buộc bởi hiệp định phân định đường biên giới trên bộ ký kết 2001, Hà Nội dâng đất để được Tàu Cộng ủng hộ, hầu tiếp tục thống trị nhân dân ta. Nhân dân ta không coi những thỏa thuận ngầm giữa Hà Nội và Bắc Kinh là có giá trị.

Toàn bộ vấn đề biên giới trên bộ phải trở lại bản đồ do Pháp vẽ năm 1895 trên cả ba biên giới Việt Nam giáp Tàu, Lào và Campuchia. Sở dĩ phải dùng bản đồ này vì đây là bản đồ đầu tiên được vẽ một cách khoa học bởi các chuyên viên về địa dư của Pháp. Chỉ có dùng bản đồ biên giới do Pháp vẽ chúng ta mới hy vọng tránh khỏi những tranh chấp triền miên và tạo được một nền hòa bình lâu dài cho bán đảo Đông Dương. Nhân dân ta cũng tố cáo trước dư luận trong nước và quốc tế sự hèn hạ của tập đoàn Bộ Chính Trị đảng Cộng Sản Việt Nam để mất đất cho Tàu Cộng, nhưng lại đi hiệp đáp chiếm đất của Lào và Campuchia.

Phải kiên định lập trường này. Có thế, mới có thể đặt lại vấn đề với Tàu khi điều kiện lịch sử cho phép.

II. **VẤN ĐỀ CHỦ QUYỀN TRÊN BIỂN ĐÔNG**

Sau Hiệp định Geneva chia đôi Việt Nam ở vĩ tuyến 17 năm 1954.

Năm 1956 Tàu Cộng chiếm một số đảo ở phía Đông quần đảo Hoàng Sa.

14-9-1958 Phạm Văn Đồng gửi công hàm cho Chu Ân Lai công nhận Hoàng Sa thuộc Tàu Cộng.

Tháng Giêng năm 1974, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa bảo vệ quần đảo Hoàng Sa giao chiến với Hải Quân Tàu Cộng. Quần đảo này nằm ở 14o 30' – 17o00' độ vĩ bắc và 111o 30' - 114o00' độ kinh đông, khoảng ngang ngoài khơi tỉnh Đà Nẵng. Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa đi vòng đánh từ Bắc xuống, Hải Quân Trung Cộng đánh bọc hậu từ phía Nam lên. Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa thua, Tàu Cộng chiếm giữ đảo và cầm giữ một số tù binh nhưng đối xử tử tế và sau đó thả về. Sự việc xảy ra chỉ hai ngày sau khi Ngoại Trưởng Mỹ Henry Kissinger gặp những nhà lãnh đạo Bắc Kinh. Mỹ không lên tiếng và Hải Quân Mỹ đang tuần tra trong vùng khi xảy ra xâm lăng đã phớt lờ không can thiệp, bênh vực Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa. Nhưng điều kinh ngạc và nổi bật nhất là chính quyền Hà Nội đã không có một lời phản kháng.

Cũng năm 1974, Tàu Cộng, Việt Nam Cộng Hòa, Đài Loan, Malaysia, Philippines, Brunei cùng lên tiếng đòi chủ quyền quần đảo Trường Sa khoảng ngang ngoài khơi Vũng Tàu.

30-4-1975 Quân đội Hà Nội chiếm Miền Nam Việt Nam, vi phạm Hiệp định Paris 'Chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình tại Việt Nam'.

Năm 1988 ngày 14 tháng 3 Tàu Cộng cho hải quân chiếm bãi đá Gạc Ma thuộc quần đảo Trường Sa. Năm 1995 lại chiếm thêm bãi đá Vành Khăn cũng thuộc Trường Sa.

Hiệp định Phân định Vịnh Bắc Bộ ký ngày 25-12-2000 nhằm xác định biên giới lãnh hải, thêm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế trong Vịnh Bắc Bộ. Theo giới nghiên cứu Việt Nam bị thiệt thòi so với công ước Pháp – Thanh ký năm 1887; trong khi đó Hà Nội nói phân chia này công bằng.

Biển nói chung trong kỷ nguyên Kỹ-thuật-cao

Lục địa chiếm có 29% diện tích của trái đất và nguồn tài nguyên sắp cạn vì bị khai thác qua bao thế kỷ qua. Trong khi đó, biển cả chiếm đến 71%, cũng là vô quả đất nên tài nguyên phong phú và đa dạng như trong đất liền, còn nguyên vẹn chưa từng bị khai thác vì không có kỹ thuật.

Kỷ nguyên Kỹ-thuật-cao cho phép khai thác tài nguyên dưới đáy biển. Các nước có bờ biển vội tuyên bố thêm lục địa của mình 200 hải lý để xí phần. Có vùng chồng lên nhau, gây tranh chấp.

Các siêu cường Kỹ-thuật-cao tính toán sao cho trọng tương lai, khi có *Luật khai thác Tài nguyên dưới đáy biển*, họ thủ lợi nhiều hơn. Đã có đề nghị là chia theo *chiều sâu*: Đáy biển (trong hải phận quốc tế) sâu xuống xm thuộc về tất cả các nước, dù có bờ biển hay không. Xuống sâu hơn xm , ai có kỹ thuật thác thì tài nguyên kiếm được sẽ thuộc về người đó. Ai cũng biết, chỉ có các siêu cường giàu mới có điều kiện và Kỹ-thuật-cao khai thác ở độ sâu đó.

Các siêu cường Thái Bình Dương như Mỹ, Tàu, Nhật, Nga hiện đang tái bố trí chiến lược (hay còn gọi là xoay trục chiến lược). Quá trình hình thành, dần dần hiện ra ‘vùng ảnh hưởng’ cùng ‘phương cách làm chủ’ của các siêu cường này trên Thái Bình Dương, trong đó tự do lưu thông trên biển và trên không chiếm lĩnh hàng đầu.

Lập trường của dân tộc ta về HOÀNG SA VÀ TRƯỜNG SA

Rồi đây, những nguyên tắc chính của *Luật khai thác tài nguyên dưới đáy biển* sẽ được biết dần qua các hội nghị quốc tế về biển trong những thập niên tới.

Xin nhắc lại, một bộ luật khác đã ra đời: Đó là *Luật biển của LHQ năm 1982* (qui định lãnh hải, thềm lục địa...). Nhiều quốc gia đã thông qua, trừ Mỹ. Phải chờ sự tham gia của Mỹ vì Mỹ là cường quốc biển số 1.

Lúc đó chủ trương **quốc tế hóa** các đảo tranh chấp để khai thác kinh tế với quy chế *hư chủ* sẽ được ủng hộ mạnh mẽ, sau nhiều thập niên không có giải pháp. Qui chế hư chủ là các nước tranh chấp là chủ, nhưng không được có các hoạt động quân sự và không có quyền quốc hữu hóa; ngược lại họ có quyền tham gia vào cuộc thương thảo trong việc khai thác vùng biển xung quanh các đảo này và chia lợi nhuận.

Theo Bill Hayton vừa xuất bản cuốn *The South China Sea: the Struggle for Power in Asia* thì "... thực ra đường chữ U là việc nhà chức trách Trung Quốc vào thập niên 1930 đã hiểu nhầm và diễn dịch sai bản đồ của Anh Quốc theo đó dẫn tới sự hiểu nhầm về sự liên hệ giữa Trung Quốc và Đông Nam Á. Tức là có sự hiểu nhầm là Biển Nam Trung Hoa là một phần thuộc về Trung Quốc." và " Vấn đề hiện nay là ở chỗ nhà chức trách Trung Quốc và người Trung Quốc tin rằng hoặc được dạy rằng Biển Nam Trung Hoa hay Biển Đông là thuộc về Trung Quốc về mặt lịch sử. Điều cần làm là nghiên cứu các dữ kiện lịch sử một cách trung lập để xem bên nào tuyên bố phần nào họ có chủ quyền. Tức là thay vì nói là chúng tôi sở hữu toàn bộ Tây Sa và Nam Sa hay Hoàng Sa và Trường Sa, các nước có thể nói rằng chúng tôi có thể chứng minh được rằng chúng tôi là bên đã có chủ quyền về một hòn đảo này hay đảo kia ở khu vực này hay khu vực kia và từ đó có thể bàn thảo với nhau".

Đối với những người tranh đấu cho nhân quyền và dân chủ Việt Nam, phải thúc đẩy Dân Chủ Hóa nhanh nhất để có hậu thuẫn toàn dân phát triển nội lực; cũng như mới có căn bản pháp lý vững mạnh (do dân bầu) thì tiếng nói của Việt Nam

trọng lượng hơn nhiều trên trường quốc tế khi thương thuyết các hải đảo tranh chấp./.

Bs Nguyễn Đan Quế
14-10-2014

Giáo sư Đoàn Viết Hoạt nói về Bác sĩ Nguyễn Đan Quế:

Con người BS Quế rất là trung thực, thẳng thắn và can trường. Đối với cộng sản thì ông rất là dứt khoát và khi mà nói chuyện với các cán bộ đến để làm việc thì BS Quế đã đối xử không những là không thua mà còn đứng ở vị thế của những người cao hơn là các cán bộ làm việc. Ông luôn luôn hết sức giữ sự tự trọng và nhân cách của mình trong suốt thời gian bị giam.

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Đan Quế Web: vi.wikipedia.org
- *Những biên giới “môi hở răng lạnh”* Web: nsvietnam.blogspot.com



Tổng Lãnh Sự Mỹ tại Thành Phố HCM, bà Rena Bitter, đã tới thăm xã giao Bác Sĩ Nguyễn Đan Quế. Ngày 24 tháng 3, 2014.

Chương bốn: Những người bảo vệ cho tự do tôn giáo

Từ những bài học được trên trường quốc tế, về chủ nghĩa “tam vô” của lý thuyết cộng sản, với những sự kiện hàng ngày xảy ra trong xã hội, sau khi cộng sản miền Bắc chiếm lấy miền Nam, Tổng Giám Mục Giáo Phận Huế Nguyễn Kim Điền trong Hội nghị của Mặt Trận Tổ Quốc tại Tp. Huế, ngày 19-4-1977 đã phát biểu:

"Chính phủ đã nhiều lần nói: Nếu có những gì làm cho chúng ta không thỏa mãn, nên báo cáo với chính quyền chứ đừng có quảng bá giữa quần chúng. Do đó hôm nay tôi muốn với tất cả thành tâm thiện chí và hy vọng với thiện chí này, Mặt trận Tổ quốc sẽ không gán cho tôi nhãn hiệu "Phản Động". Tôi ghét và sợ danh từ này lắm và không bao giờ muốn gán nó vào người."

Về Tự Do Tín ngưỡng, ngài nói:

"Sau ngày Giải phóng tôi được nghe chính phủ tuyên bố về chính sách tự do tín ngưỡng, tôi rất sung sướng và phấn khởi. Sự hăng say phấn khởi này được biểu lộ trong những lời phát biểu của tôi trước đây. Nhưng hai năm đã qua và tôi không còn cảm thấy sung sướng nữa, vì thực sự Tự Do Tôn Giáo Không có."

Về bất bình đẳng quyền công dân, ngài nói:

"Suốt hai năm qua, xin quý vị cho tôi được phát biểu ý kiến một cách ngay thẳng, người dân Công giáo không mấy thỏa mãn một tí nào. Họ làm gì, họ ở đâu, họ cũng cảm thấy bị chèn ép, bị lấn lướt."

Tổng Giám Mục Nguyễn Kim Điền, người đi tiên phong, có Linh mục Nguyễn Văn Lý, Phan Văn Lợi đã hưởng ứng tranh đấu cho tự do tín ngưỡng và nhân quyền ở Việt Nam.

1) Tổng Giám Mục Nguyễn Kim Điền



TGM Philippe Nguyễn Kim Điền (1921-1988)

Tổng Giám Mục Philippe Nguyễn Kim Điền sinh ngày 13 tháng 3 năm 1921 tại Gia Định.

Năm 12 tuổi, ngài vào tu học tại Tiểu Chủng Viện rồi sau đó vào Đại Chủng Viện Thánh Giuse, đường Cường Để Sài Gòn (nay đổi tên mới là đường Tôn Đức Thắng).

Ngài chịu phong chức Linh Mục ngày 21 tháng 5 năm 1947, sau đó làm giáo sư, rồi Giám Đốc Chủng Viện.

Năm 1955, ngài gia nhập Dòng Tiểu Đệ của Thánh Charles de Foucault, sinh hoạt mục vụ với người nghèo trong các xóm lao động, đập xích lô để sống tự túc. Ngài cũng đã qua Bắc Phi, sống tập thể trong sa mạc Sahara với các tu sĩ Dòng Tiểu Đệ theo truyền thống của Dòng này.

Năm 1957, trở về Việt Nam, ngài đã từng sống ở Sài Gòn, Lâm Đồng, Cần Thơ.

Ngày 8 tháng 12 năm 1960, ngài được Tòa Thánh Vatican chính thức bổ nhiệm làm Giám Mục Giáo Phận Cần Thơ (lúc 39 tuổi), lễ tấn phong được tổ chức tại Sài Gòn ngày 22 tháng 01 năm 1961.

Ngày 30-9-1964, ngài được Tòa Thánh cử làm Giám Quản Tổng Giáo Phận Huế thay thế Đức Tổng Giám Mục Ngô Đình Thục đi họp ở Roma và không trở về sau biến cố 01-11-1963.

Ngày 11-3-1968, ngài được chính thức làm Tổng Giám Mục Huế.

Ngày 19-10-1983, ngài gửi thư cho LM Nguyễn Thế Vịnh (34, Ngô Quyền, Hà Nội) là "Chủ Tịch Ủy Ban Liên Lạc Công Giáo Yêu Nước" nói lên lập trường "hiệp nhất" với Giáo Hội Hoàn Vũ và cảnh giác trước âm mưu lập Giáo Hội Việt Nam "ly khai" với Vatican.

Trong suốt 120 ngày kể từ 5 tháng 4 năm 1984, ngài bị Công An tỉnh Bình Trị Thiên "mời" đi "làm việc" (thăm vấn)... và ra lệnh quản chế, cấm ngài không được đi ra khỏi chu vi thành phố Huế.

Ngày 11-8-1984, ngài gửi thư cho ông Nguyễn Hữu Thọ, Chủ Tịch Quốc Hội CSVN phản đối việc Công An tỉnh Bình Trị Thiên đối xử với ngài và Linh Mục Nguyễn Văn Lý, là vi phạm điều 10 khoản 7 của Hiến Pháp CSVN.

Trước tình thế đó, ngày 19-10-1985, ngài đã viết thư gửi cho giáo dân: "Mai này khi tôi bị bắt, tôi xin anh chị em đừng tin một điều tuyên bố nào, dù lời tuyên bố đó mang chữ ký mà người ta gán cho tôi"...

Ngày 8-11-1985, cảm thấy cái chết có thể đến với ngài bất cứ lúc nào nên ngài đã viết di chúc ngắn để lại cho các Linh Mục

"khuyến các cha hãy trung thành với Hội Thánh và đoàn kết với nhau, sống trọn vẹn bổn phận của chủ chăn nhân hiền"...

Ngày 25-3-1988, ngài viết một bức thư gửi cho ông Nguyễn Văn Linh, sau khi ông được bầu làm Tổng Bí Thư đảng CSVN và tuyên bố chính sách "đổi mới"... Nội dung bức thư đòi xóa bỏ lệnh quản chế, được phục hồi quyền công dân, được tự do đi lại để thi hành nhiệm vụ Tổng Giám Mục đối với giáo dân Huế và thăm viếng các Giáo Phận khác thuộc Tổng Giáo Phận Huế.

Ngài qua đời ngày 8 tháng 6 năm 1988 tại Sài Gòn, hưởng thọ 67 tuổi. Nhiều nhân chứng cho biết Ngài chết vì bị đầu độc.

“Chén đắng Chúa trao, anh đã uống xong.”

“Khoảng từ 10 đến 11 giờ ngày 06-6-1988, một cô y tá đến trao cho Ngài một nắm thuốc. Ngài hỏi cô y tá: "Cô cho tôi uống thuốc gì vậy?" Cô trả lời rất cộc cằn lỗ mãng: "Nhiệm vụ của ông là phải uống những gì chúng tôi điều trị ông, không được hỏi lời thôi gì cả". Ngài rất phân vân. Cuối cùng Ngài bằng lòng uống. Uống xong, Ngài cảm thấy rất đau đớn. Ngài hỏi cô y tá: "Cô biết tôi mấy giờ nữa thì chết không?" Cô y tá ấy hốt hoảng và run sợ trả lời: "Con lạy cụ, xin cụ tha lỗi cho con. Việc này là do cấp trên". Đức Tổng trả lời: "Không những tôi tha lỗi cho cô mà thôi, tôi còn tha thứ cho cả cấp trên sai cô làm, tôi tha thứ hết". Sau đó, thấy Dì Sáu (em của ngài là nữ tu dòng Mến Thánh Giá) vào, Ngài nói với Dì Sáu: "Chén đắng Chúa trao, anh đã uống xong. Xin trọn theo ý Chúa".

(Trích lời chứng của LM Nguyễn Văn Lý, về cái chết của Đức Tổng Giám Mục Nguyễn Kim Điền).

Tài liệu:

Thư Chung ngày 17-10-1984

Thân gửi anh em linh mục của tôi trong Chúa Kitô, Các tu sĩ nam nữ và toàn thể anh chị em giáo hữu giáo phận Huế thân mến,

Tháng Đức Mẹ Mối Khôi đang đến ngày 17, tôi vui mừng biết rằng anh chị em đang sốt sáng mỗi ngày lần chuỗi dâng kính Đức Mẹ, Mẹ Hội Thánh, Mẹ chỉ bảo đường lành. Trong các buổi đó, anh chị em đặc biệt cầu nguyện cho tôi.

Tôi chắc rằng chính nhờ những lời cầu nguyện kiên trì và sốt mến của anh chị em từ bảy tháng nay mà tôi được vững tâm trong nhiệm vụ 'làm chứng'. Như anh chị em đã biết, từ 05-4-1984 đến nay, trong hai lần tôi đi 'làm việc' tại Sở Công An Bình Trị Thiên, ước tính khoảng 120 ngày, thì nội dung vấn đề có thể nói chính yếu là "Ủy Ban Đoàn Kết Công Giáo Yêu Nước Việt Nam".

Trong buổi thăm vấn cuối cùng, ngày 15-10-1984, để đúc kết chuỗi ngày dài 'làm việc', tôi đã được dồn vào mấy câu hỏi tổng kết về thái độ của tôi đối với "Ủy Ban Đoàn Kết Công Giáo Yêu Nước Việt Nam". Đáp câu hỏi có nội dung: Căn cứ vào đâu mà chống đối tổ chức Ủy Ban... ? Tôi nói:

- Tôi căn cứ vào Tuyên Cáo của Thánh Bộ Giáo Sĩ ngày 08-3-1982, (dựa theo Giáo luật cũ và mới của Tòa Thánh).

Anh chị em biết giáo sĩ, linh mục có những luật lệ riêng biệt trong Hội Thánh: không được hành xử một số quyền chung như mọi người... và cấm làm một số nghề nghiệp không xứng hợp với chức thánh của mình... Giáo luật cũ hay mới đều ghi rõ các khoản luật đó. Thánh Bộ Giáo Sĩ nhắc lại gần đây một điều rất quan trọng và thời sự là: "cấm các giáo sĩ, các linh mục làm chính trị, không được thành lập và tham gia các hiệp hội có tính cách nghiệp đoàn chính trị v.v..."

Người phỏng vấn tôi lại căn cứ vào Nghị quyết 297/CP, phần II, số 6c: "Những tài liệu tôn giáo từ các tổ chức tôn giáo ở nước ngoài gửi cho các tổ chức tôn giáo nếu có điều gì trái pháp luật, chính sách của nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, thì các tổ chức tôn giáo không được phổ biến và thực hiện", và nói đại để: Tuyên cáo Thánh Bộ Giáo Sĩ, và kể cả Giáo luật mới cũng chưa được nhà nước kiểm duyệt, hưởng chi là đi ngược với chính sách nhà nước, nếu đem thi hành là vi phạm... Tôi đã thẳng thắn trả lời:

- Tôi phải tuân giữ luật Giáo Hội của tôi, nên tôi chẳng làm cách khác.

Người thẩm vấn bảo tôi giải thích ý nghĩa câu trên, tôi nói:

- Tức là tôi không thể chấp hành luật pháp của Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam như phân tích trên.

Người thẩm vấn hỏi tiếp, đại ý là: Ủy ban Đoàn kết Công giáo Yêu nước Việt Nam được pháp luật cho phép và bảo trợ... nếu chống là chống lại pháp luật và chính sách của Nhà nước. Tôi đáp (nguyên văn được ghi vào biên bản):

- Tôi xác định khi luật pháp thế trần nghịch với luật Thiên Chúa và Hội Thánh, thì cũng như các Thánh Tông Đồ xưa và các Thánh Tử Đạo của mọi thế hệ: tôi phải vâng lời Thiên Chúa hơn vâng lời người ta (xem Công vụ Tông đồ 5, 29).

Người thẩm vấn bảo tôi cắt nghĩa thêm câu đó cho rõ, tôi nói:

- Có nghĩa là tôi không thể chấp hành những luật pháp chính sách nào của Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam nghịch lại quyền lợi của Thiên Chúa và Hội Thánh. Tôi đã ký biên bản đúc kết đó sáng 15-10-1984, và từ chiều hôm đó, tôi được tạm nghỉ 'làm việc'.

Anh chị em thân mến,

Tôi xin thông báo cho anh chị em rõ vụ việc của tôi là như vậy, để một lần nữa cảm ơn anh chị em "đã cầu nguyện cho tôi biết nói khi phải mở miệng... và dạn dĩ thông báo Mầu Nhiệm Tin Mừng mà tôi là sứ giả..." (Êphêsô 6, 19-20)

Tại Milêô, Phaolô trên đường về Giêrusalem, đã nói với các niên trưởng Êphêsô: "Tôi không biết được những gì sẽ xảy đến cho tôi, trừ ra là Thánh Thần... chứng thật cho tôi rằng: xiềng xích lao tù đang chờ tôi. Nhưng mạng sống tôi, tôi không quan tâm, miễn sao là tôi chạy cho xong quãng đường đời... và hoàn tất sứ vụ Đức Kitô ủy thác..." (Công vụ Tông đồ 20, 23-24)

Thưa các anh em linh mục,

Tuy muôn lần bất xứng, nhưng tôi cũng xin dám mượn những lời ấy để nói với anh em, xin anh em tiếp tục cầu nguyện cho tôi... và xin nhắc để "anh em hãy thận trọng về chính phận mình cũng như về số phận đàn chiên trên đó Thánh Thần đã đặt anh em chăn giết, Hội Thánh của Thiên Chúa đã được Người mua bằng chính Máu Con của Người" (Công vụ Tông đồ 20, 28).

Thưa quý tu sĩ và anh chị em giáo hữu,

Tuy là chủ chăn, nhưng tôi không còn có thể đi thăm viếng từng cộng đoàn, từng họ đạo... để nói lời khích lệ nữa. Tuy nhiên, anh chị em biết là giám mục của anh chị em đang thấy trước mặt mình mỗi ngày từng ngôi nhà thờ, và canh cánh trong lòng từng Họ Đạo, từng Cộng Đoàn: tôi hằng cầu nguyện và hiến tế với anh chị em... Xin nhắc anh chị em "hãy sống xứng với ơn gọi của mình" (Êphêsô 4, 1). Hãy "hãm hờ duy trì sự hiệp nhất của Thánh Thần" (Êphêsô 4, 3). Còn về

tương lai, anh chị em hãy "phấn chấn lên trong Chúa, trong mãnh lực quyền phép của Người" (Êphêsô 6, 10).

Anh chị em thân mến,

Tôi xin giao phó anh chị em cho Chúa, cho Lời ân sủng của Người (Công vụ Tông đồ 20, 32), và cho lòng từ mẫu của Đức Mẹ La Vang. "Nguyện chúc bình an và lòng mến cùng với lòng tin do từ Thiên Chúa Cha và Chúa Giêsu Kitô" (Ephêsô 6, 23) ở với tất cả mọi người anh chị em.

Tòa Tổng Giám Mục Huế, lễ Thánh Ignatiô thành Antiôkia

Ngày 17 tháng 10 năm 1984

Ký tên: Philiphê Nguyễn Kim Điền

Tổng Giám Mục Huế

Hội Thánh Công Giáo

Tòa Tổng Giám Mục Huế

Việt Nam

Di chúc

Tôi cảm đội ơn Chúa đã thương chọn tôi làm con Chúa, linh mục và giám mục trong Hội Thánh của Người, cho dù tôi bất xứng.

Tôi không muốn có ước muốn riêng nào về sự chết và cuộc tấn liệm hay chôn cất xác tôi. Sao cũng được, tùy Thánh Ý Chúa và sự liệu định của anh em linh mục gái phận, vì tôi chẳng đáng chi cả.

Tôi không có gì để nhắn nhủ anh em linh mục Huế cách đặc biệt, trừ ra xin phép được khuyên các ngài hãy can đảm tỏ ra trung thành với Hội thánh trong mọi hoàn cảnh, sống đoàn kết trong linh mục đoàn và sống trọn vẹn bổn phận chủ chăn nhân hiền.

Tôi cảm ơn linh mục trong giáo phận đã nhẫn nại chịu đựng tôi và tận tâm cộng tác với tôi. Những ai mà tôi vô tình hay vì bồn phận đã làm mất lòng thì xin tha lỗi cho tôi. Phần tôi, tôi không buồn phiền một ai cả. Xin mọi người cầu nguyện cho tôi.

Về tiền bạc, tôi không mắc nợ ai. Nếu như ai có thấy đang thiếu tôi vật gì, thì tôi vui lòng tha hết cho.

Các vật dụng, sách vở và tiền mặt tôi đang có thì tôi trở lại hết cho tòa Tổng Giám Mục Huế.

Một lần nữa, tôi cảm ơn Chúa và xin tạm biệt mọi người, hẹn nhau trên nhà Cha.

*Huế, ngày 08-11-1985
Philippe Nguyễn Kim Điền
Ký tên và đóng dấu*

Tài liệu tham khảo:

- Philippe Nguyễn Kim Điền Web: vi.wikipedia.org
- Thư chung, Di chúc Blog: freevietnews.com

2) Linh mục Nguyễn Văn Lý



Linh Mục Thadeus Nguyễn Văn Lý (1946-20)

Linh mục Nguyễn Văn Lý, tên thánh là Thadeus chào đời ngày 15-5-1946 tại làng Ba Bình, Vĩnh Chấp, Vĩnh Linh, Quảng Trị.

Năm 1963, ông được linh mục Nguyễn Như Tự bảo trợ và giới thiệu vào tu học tại Tiểu chủng viện Hoàn Thiện (Huế).

Năm 1966, ông vào học tại Đại chủng viện Xuân Bích Huế.

Tháng 4 năm 1974, ông được Tổng Giám mục Philipphê Nguyễn Kim Điền truyền chức Linh mục tại Nhà thờ chính tòa Phủ Cam (Huế).

Linh mục Nguyễn Văn Lý gia nhập Hội Thừa Sai do Tổng Giám mục Nguyễn Kim Điền sáng lập với mục đích hoạt động truyền giáo ở những vùng dân cư nghèo khó và được giao việc phụ trách cộng đoàn Thừa Sai tại Gò Vấp, Gia Định.

Năm 1975, Linh mục Nguyễn Văn Lý trở về Huế làm thư ký cho Tổng Giám mục Nguyễn Kim Điền.

Tháng 9 năm 1977, vì có liên quan đến việc phổ biến hai bài tham luận của Tổng Giám mục Nguyễn Kim Điền với nội dung lên án chính quyền Việt Nam "chủ trương tiêu diệt tôn giáo", Linh mục Nguyễn Văn Lý bị bắt và kết án 20 tháng tù với tội danh "chông phá cách mạng" và bị giam tại Thừa Phủ (Huế).

Tháng 12 năm 1977, Linh mục Nguyễn Văn Lý được mãn hạn tù nhưng không được phép thi hành nhiệm vụ linh mục.

Tháng 7 năm 1978 Toà Tổng Giám mục Huế can thiệp với chính quyền tỉnh Thừa Thiên và đưa Linh mục Nguyễn Văn Lý về làm linh mục quản xứ Đốc Sơ, thuộc xã Hương Sơ, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên.

Tháng 1 năm 1983 chính quyền tỉnh Thừa Thiên ra quyết định trục xuất Linh mục Nguyễn Văn Lý khỏi giáo xứ Đốc Sơ, lý do vì linh mục không chấp hành lệnh cấm của chính quyền tỉnh, tiếp tục việc dạy giáo lý trong giáo xứ.

Tháng 5 năm 1983, Linh mục Lý bị bắt và kết án 10 năm tù và 4 năm quản chế với tội danh "gây rối trật tự xã hội". Linh mục Lý bị đưa về giam tại Thanh Cẩm (Thanh Hóa) và Ba Sao (Nam Hà).

Tháng 7 năm 1992, Linh mục Lý được trả tự do và cho về cư ngụ tại Tòa Giám mục Huế, nhưng bị cấm không được làm nhiệm vụ linh mục.

Tháng 11 năm 1994, Linh mục Lý đã công bố "Tuyên ngôn 10 điểm về vấn đề tự do tôn giáo tại Việt Nam".

Năm 1997, Linh mục Lý về nghỉ dưỡng bệnh tại giáo xứ Nguyệt Biều của linh mục quản xứ Trần Văn Quý.

Ngày 24 tháng 11 năm 2000, Linh mục Lý phổ biến bản "Tuyên ngôn về thực trạng Giáo hội Công giáo tại giáo phận Huế" và lời kêu gọi "Chúng tôi cần có tự do tôn giáo thật sự tại Việt Nam".

Ngày 5 tháng 2 năm 2001, Toà Tổng Giám mục Huế chuyển Linh mục Nguyễn Văn Lý về làm linh mục quản xứ An Truyền thuộc xã Phú An, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên-Huế.

Ngày 26 tháng 2 năm 2001, Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên-Huế đã ra quyết định quản chế hành chính 2 năm đối với Linh mục Nguyễn Văn Lý tại xã Phú An vì lý do "sử dụng tòa giảng để kích động giáo dân chống phá chính quyền".

Ngày 19 tháng 10 năm 2001, toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên-Huế đã xét xử và tuyên án Linh mục Nguyễn Văn Lý 15 năm tù giam, 5 năm quản chế tại địa phương nơi cư trú về hai tội "phá hoại chính sách đoàn kết" và "không chấp hành quyết định hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc quản chế hành chính" (Điều 87 và 269 Bộ Luật Hình sự). Linh mục Lý sau đó bị đưa về giam tại Ba Sao (Nam Hà)

Ngày 26 tháng 6 năm 2004, Linh mục Lý được trao Giải Shalom khiêm diện tại Đại học Công giáo Eichstätt-Ingolstadt (Đức).

Tháng 2 năm 2005, Linh mục Lý được giảm án và được đặc xá. Theo lời của giới hữu trách thì ông ta đã "biết lỗi" và "hối hận". Có tin cho rằng khi ở trong tù, ông đã viết một bức "Tâm thư" bày tỏ sự hối lỗi của mình.

Ngày 8 tháng 4 năm 2006, Linh mục Lý đã thành lập "Khối 8406", cùng với một số người biên soạn nhiều tài liệu có nội

dung chống lại chính quyền và kêu gọi tẩy chay cuộc bầu cử quốc hội vào năm 2007.

Ngày 22 tháng 8 năm 2006, Linh mục Lý đã cùng ký tên vào bản công bố của "Khối 8406" về "Tiến trình dân chủ hoá Việt Nam".

Ngày 8 tháng 9 năm 2006, Linh mục Lý đã công bố "Tuyên Bỏ nhân dịp đảng Thăng Tiến Việt Nam công bố tự thành lập tại Việt Nam ngày 8-9-2006". Ông cùng với một số người thành lập Đảng Thăng Tiến Việt Nam và liên kết với Đảng Vì Dân cùng với một số tổ chức chính trị ở nước ngoài, thành lập "Liên Đảng Lạc Hồng".

Ngày 18 tháng 2 năm 2007, công an khám xét nơi ở của Linh mục Nguyễn Văn Lý tịch thu 200 kg tài liệu mà họ báo cáo rằng đó là những tang vật tuyên truyền chống chính quyền Việt Nam. Họ cũng đã thu giữ 5 máy tính xách tay, 1 máy tính để bàn đang kết nối Internet thông qua máy điện thoại di động. Ngoài ra, còn thu được 7 điện thoại di động, 136 sim điện thoại cùng nhiều phương tiện khác mà Nguyễn Văn Lý dùng để in ấn, phát tán. Nguyễn Văn Lý bị khởi tố với các tội danh "phá hoại chính sách đoàn kết" (Điều 87 BLHS), "tuyên truyền chống phá Nhà nước CHXHCNVN" (Điều 88 BLHS) và "không chấp hành án" (Điều 304 BLHS).

Ngày 30 tháng 3 năm 2007, tại Huế, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên-Huế đã mở phiên tòa xét xử Nguyễn Văn Lý về tội "tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam" qui định tại Khoản 1, Điều 88 - Bộ luật hình sự của Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và tuyên phạt Linh mục Nguyễn Văn Lý 8 năm tù giam và 5 năm quản chế tại nơi cư trú sau khi mãn hạn tù. Trong phiên tòa này không có mặt luật sư biện hộ.

Khi ra tòa, Nguyễn Văn Lý tỏ thái độ bất hợp tác, không chịu vào phòng xử, và đã bị các nhân viên an ninh lôi đi. Sau đó, Nguyễn Văn Lý còn tỏ thái độ chống đối rồi đập vào vành móng ngựa và khi Nguyễn Văn Lý bắt đầu lên tiếng: "Đã đảo cộng sản Việt Nam...", một nhân viên an ninh mặc thường phục đã lấy tay bịt miệng Nguyễn Văn Lý lại. Chủ tịch nước Việt Nam Nguyễn Minh Triết trả lời phỏng vấn hãng truyền hình CNN cho rằng trong lúc xét xử ông Lý có những lời lẽ thô bạo, chửi bới chánh tòa nên đã xảy ra chuyện bịt miệng nhưng hành động này là không tốt, không đúng, là sai sót của một nhân viên bình thường không phải là chủ trương của nhà nước và việc này sẽ bị xử lý.

Theo chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam: ông Nguyễn Văn Lý đã xa rời con đường hành đạo chân chính, lợi dụng chiếc áo của nhà tu hành tham gia nhiều hoạt động chống phá chính quyền nhân dân, tuyên truyền và phát tán những tài liệu chống lại chính phủ và nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, và bắt liên lạc với những tổ chức chính trị ở trong và ngoài Việt Nam gây mâu thuẫn và phá hoại đoàn kết dân tộc.

Theo bản dịch của Báo Nhân Dân của cuộc phỏng vấn của chủ tịch nước Việt Nam Nguyễn Minh Triết với CNN, Hội đồng Giám mục Việt Nam, Tòa thánh Vatican, nơi quản lý, bảo vệ quyền lợi cho các linh mục trên toàn thế giới cũng đồng tình ủng hộ chính phủ Việt Nam, họ có đầy đủ thông tin rằng ông Lý có một số hoạt động vi phạm luật pháp Việt Nam. Tuy nhiên, nguyên bản tiếng Anh của CNN không nhắc đến việc Hội đồng Giám mục ủng hộ, Hội đồng Giám mục Việt Nam đã gửi thư đến chủ tịch Nguyễn Minh Triết và ra công văn lên tiếng bác bỏ việc họ ủng hộ chính phủ trong việc khởi tố Linh mục Lý.

Tờ *The Wall Street Journal*, trong một bài xã luận, đã nhắc đến Linh mục Nguyễn Văn Lý như một trong những người xứng đáng được trao Giải Nobel Hòa bình năm 2007 hơn Al Gore.

Ngày 1 tháng 7 năm 2009, 37 Thượng nghị sĩ Hoa Kỳ viết thư kêu gọi Chủ tịch nước Việt Nam thả tự do linh mục Nguyễn Văn Lý "ngay lập tức và vô điều kiện". Những nghị sĩ này tin rằng phiên tòa kết án ông có nhiều sai lầm.

Tài liệu:

Lời Chứng về cái chết của Đức TGM Nguyễn Kim Điền Đức TGM Philipphê đã tử đạo như thế nào?

1. Đức Cố TGM Philipphê Nguyễn Kim Điền trước 1975

Đức Cố TGM Điền, sinh năm 1921, nguyên là một Linh mục xuất sắc về đạo đức và trí thức của Giáo phận Sài Gòn. Ngài làm giáo sư Tiểu chủng viện, rồi làm Giám đốc Tiểu chủng viện Giáo phận Sài Gòn. Ngài nói và viết tiếng Pháp gần như một nhà trí thức Pháp.

Ngài đã trở nên một trong những thành viên đầu tiên của Dòng Tiểu Đệ Phúc Âm theo tinh thần của Cha Charles de Foucauld do Cha René Voillaume thành lập. Từ đó, Ngài đạp xích lô để mưu sinh và gần gũi với giới lao động. Năm 1960, Ngài được chọn làm Giám mục Cần Thơ. Năm 1964, Ngài được chọn làm Giám quản Tông tòa Tổng Giáo phận Huế. Ít lâu sau Ngài chính thức làm Tổng Giám mục Huế.

Ngài thánh thiện, hiền từ, kín đáo, tế nhị đến nỗi làm Giám mục ở Huế suốt 11 năm, trừ một căn phòng nhỏ Ngài dùng để ngủ, còn lại tất cả các phòng khác trong Tòa TGM Huế, cách bày biện trang trí Ngài vẫn cố tình để y nguyên như thời Đức TGM Phêrô Ngô Đình Thục, để đợi Đức TGM Thục trở về.

Ngay cả cái ghế mỗi ngày Ngài quì châu Minh Thánh Chúa cả tiếng đồng hồ, Ngài cũng để y nguyên như thời Đức TGM Thục vậy. Sau 1975 Ngài mới cho thay đổi, vì biết chắc chắn Đức TGM Thục không bao giờ trở về nữa.

Ngài có đời sống nội tâm sâu xa, mỗi ngày quì chiêm ngắm Minh Thánh Chúa đủ hoặc hơn một giờ đồng hồ không động đậy, không sách vở. Ngài xưng tội đều đặn với một linh mục đạo đức đang ở nghỉ hưu tại Nhà hưu dưỡng Giáo phận.

Ngài luôn xử sự với mọi người cách lễ độ, ôn tồn. Đặc biệt, với hàng linh mục, Ngài luôn tôn trọng và thân tình. Với các tôn giáo bạn, Ngài luôn chân thành kính cẩn.

Nhóm Hương Thiện Phật giáo, một tổ chức từ thiện nổi tiếng ở Huế luôn coi Ngài là Vị Bảo trợ tinh thần, mỗi năm đều đến kính thăm Ngài ít nhất 4 lần: Tết Nguyên đán, Giáng Sinh, Phục Sinh và ngày Giỗ của Vị Bỏ tát sáng lập Phạm Văn Siêu. Mỗi lần, họ đều quì lạy Ngài, không bao giờ nhận sự trợ giúp vật chất, chỉ xin Ngài cầu nguyện cho việc từ thiện của họ mà thôi. Ngài đỡ họ dậy, không muốn họ quì lạy như thế, nhưng họ vẫn cứ làm mãi.

Đặc biệt là Ngài rất cẩn thận để Giáo Hội tách biệt khỏi chính trị thế tục, đến nỗi suốt 11 năm làm Giám mục ở Huế từ 1964 đến 1975, Ngài không hề sử dụng một chuyến máy bay nào của Không lực Việt Nam Cộng hòa và Không lực Hoa Kỳ, Ngài cũng không hề tiếp một Nhân viên nào của Chính phủ Việt Nam Cộng hòa hay Sĩ quan cao cấp nào tại Tòa TGM Huế với tư cách là quan quyền phân đời cả.

Đầu năm 1975, Tướng Ngô Quang Trưởng, Tư lệnh Quân Khu I, một Vị Tướng lúc đó rất có uy tín trong chế độ Sài Gòn cũ, muốn gặp Đức TGM Điền, Ngài đã trả lời: "Tôi là nhà tu hành, nếu Ngài muốn gặp tôi với tư cách là một con người đi tìm chân lý và bình an thì xin kính mời Ngài đến bình thường như

mọi người lúc nào cũng được, nhưng nếu Ngài muốn đến thăm tôi với tư cách một Sĩ quan của Quân lực VNCH thì tôi không đủ tư cách tiếp Ngài". Nghe trả lời thế, Tướng Ngô Quang Trưởng đã không đến.

Năm 1974, Ngài đi dự Thượng Hội Đồng Giám Mục Thế Giới ở Rôma, nhiều phóng viên báo chí bao vây Ngài. Có người hỏi Ngài: "Có dư luận cho rằng Cộng sản Bắc Việt sẽ chiếm được miền Nam, Ngài nghĩ sao về Cộng sản VN"? Ngài đã trả lời rằng: "*Là Giám mục Công giáo, tôi không bao giờ chấp nhận chủ nghĩa Cộng sản, nhưng người cộng sản Việt Nam cũng là người anh em của tôi*". Sau đó, có dư luận cho rằng Ngài là TGM "đỏ"!

Đầu năm 1975, Ngài tiên đoán quân CS Bắc Việt thế nào cũng đánh chiếm Huế, nên có bí mật thăm dò các Linh mục Giáo phận Huế để biết nếu quân Bắc Việt chiếm Quảng Trị Thừa Thiên, liệu có bao nhiêu Linh mục tình nguyện ở lại để làm việc trong chế độ cộng sản. Cuộc thăm dò cho kết quả đáng buồn: chỉ có 6 trên khoảng 120 Linh mục dám ở lại với CS mà thôi.

Ngài tức khắc vào Sài Gòn tìm 1 Nhà hưu cho các Linh mục già lão của GP Huế di tản vào và bàn giao Hội Thừa Sai VN cho Đức TGM Phaolô Nguyễn Văn Bình để vợ về lại Huế cho kịp. Ngày 19-3-75 Ngài về đến Đà Nẵng bằng một trong vài chuyến Boeing cuối cùng của Hãng không VN lúc đó.

Từ Đà Nẵng, xe của Tòa TGM Huế đưa Ngài về đến Huế lúc 2g sáng ngày 20-03-75. Được biết chỉ còn khoảng hơn 6 Linh mục thật sự ở lại trong tỉnh Thừa Thiên, còn tỉnh Quảng Trị thì không còn Linh mục nào, Ngài vợ nhờ đường dây điện thoại còn lại cuối cùng của phòng Tuyên úy Công giáo để gọi gấp vào Sài Gòn mời tôi ra, là người đã tình nguyện theo Ngài ra sống trong vùng cộng sản.

Tôi đang dâng Thánh lễ tại Vườn Xoài trong một tuần giáng tĩnh tâm tại đây, thì nhận được tin Đức TGM Huế muốn tôi ra Huế lúc 6g sáng. Tôi vội về lại cộng đoàn Thừa Sai thu xếp và ra Đà Nẵng lúc 12g trưa ngay ngày hôm đó. Tôi chỉ ra Huế sau Đức TGM Điền 10g đồng hồ, nhưng Đèo Đá Bạc đã bị quân Bắc Việt chiếm, nên từ Đà Nẵng, tôi phải dùng nhiều phương tiện. Cuối cùng, sau 5 đêm và gần 6 ngày trọn, tôi về được đến Tòa TGM Huế chiều 25-03-75.

2. Đức Cố TGM Philipphê Nguyễn Kim Điền sau năm 1975

Sáng 26-3-1975, quân Bắc Việt treo cờ giải phóng trên Thành phố Huế. Quân đội giải phóng miền Nam VN thực chất cũng là quân Bắc Việt thôi, nhưng phải lấy cớ là quân miền Nam giải phóng để tránh tiếng cho Hà Nội khỏi xâm lược miền Nam.

Ngay ngày 01-04-1975, Ủy ban Quân quản tỉnh Thừa Thiên đã mời Đức TGM Điền tham dự buổi mit-tinh để chào mừng ngày Huế giải phóng. Ngài đã phát biểu theo tinh thần tích cực, vui mừng vì chiến tranh chấm dứt tại một phần Đất Nước. Sau đó Ngài đều cổ vũ mọi người vui sống theo tinh thần lạc quan đó. Ngài phổ biến tập sách "Tôi Vui Sống" để hướng dẫn Dân Chúa sống Phúc Âm trong hoàn cảnh mới một cách tích cực.

Để đề phòng việc có thể thiếu vắng Chủ Chăn, Ngài dùng năng quyền đặc biệt, ngày 09-7-1975, tấn phong ngay Cha Têphanô Nguyễn Như Thế làm TGM Phó với quyền kế vị.

Địp 02-09-75, Ngài xin đi Hà Nội để chào mừng vị Hồng y Tiên khởi của Giáo Hội Công giáo Việt Nam: Đức Hồng Y Giuse Maria Trịnh Như Khuê, đồng thời để 2 vị Lãnh đạo gặp nhau lần đầu tiên. Trên đường đi, Ngài thăm 2 Đức Giám mục Giáo phận Vinh và Giáo phận Thanh Hóa.

Tại Hà Nội, Ngài gặp Đức Giám mục Bắc Ninh, hiện nay là Đức Hồng Y Giuse Maria Phạm Đình Tụng. Ngài lưu lại Tòa Tổng Giám mục gần 2 tuần, gặp Đức TGM Phó Hà Nội, sau này là Hồng Y Giuse Maria Trịnh Văn Căn, gặp Cha Phanxicô Xavie. Nguyễn Văn Sang, hiện nay là Giám mục Thái Bình, Tổng Thư ký HĐGMVN, gặp Cha Tổng Đại diện Lê Đắc Trọng, hiện nay là Giám Mục Phụ tá Hà Nội, gặp cha Nguyễn Tùng Cương, về sau làm Giám mục Hải Phòng, gặp Cha Đỗ Tông, hiện nay là Tổng Đại Diện TGP Hà Nội, và nhiều linh mục quan trọng khác.

Chuyến đi miền Bắc này giúp Ngài thấy rất rõ CSVN đối xử thế nào với các Tôn giáo tại VN và nhất là Giáo hội Công giáo VN. Về lại Huế, CSVN yêu cầu Ngài viết và nói lại chuyến đi ấy, Ngài nhất mực từ chối. CSVN cũng mời tôi, Linh mục Thư ký cùng đi với Ngài làm như thế, nhưng tôi cũng từ chối.

CSVN đàn áp các Tôn giáo càng ngày càng rõ rệt, nhất là việc phân biệt đối xử các Tín hữu ghi rõ trong lý lịch mình là "Công giáo". Biết bao nhiêu sinh viên Công giáo không thể tốt nghiệp đại học, bao nhiêu học sinh Công giáo không thể thi vào đại học, bao nhiêu nhân viên bị mất việc làm chỉ vì mình là Công giáo. Việc bổ nhiệm, chuyển chuyển Linh mục càng ngày càng khó khăn.

Giữa năm 1975, Ngài phong chức được 2 linh mục, đầu năm 1976, được 4 Linh mục và sau đó đành chịu. Mãi 18 năm sau, năm 1994, Đức TGM Têphanô Nguyễn Như Thế mới phong chức được thêm 5 linh mục khác.

Từ một người rất sợ Cộng sản, nhưng trong Đức Tin và Đức Ái, Đức TGM Điền cố gắng sống cởi mở, hài hòa, tích cực. Tuy nhiên, dần dần Ngài nhận thức rõ, CSVN thực sự muốn tiêu diệt các Tôn giáo mà nhất là Công giáo. Năm 1977, nhân 2 cuộc họp do Ủy ban Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam

(UBMTTQVN) tổ chức, Đức TGM Điền đã phát biểu 2 bài đòi Tự do Tôn giáo, trong đó Ngài xác nhận, người Công giáo bị đối xử như "công dân hạng hai".

Tôi đánh máy ra và phổ biến cho các Linh mục Gp Huế. Ít lâu sau, 2 bài này được in ra khá nhiều ở Sài Gòn và báo chí nước ngoài đăng lại. Cuối tháng 08-1977, Linh mục Hồ Văn Quý, Giám đốc Đại chủng viện Huế và tôi bị bắt, các tòa án nhân dân của các tổ chức quần chúng kết án chúng tôi 20 năm. Nhưng năm 1977, Việt Nam vừa nộp đơn xin gia nhập Liên Hiệp Quốc, nên chiều 24-12-1977, hai chúng tôi được đột ngột thả ra.

CSVN buộc Đức TGM Huế phải bổ nhiệm 2 anh em chúng tôi đi làm việc, không cho ở Nhà Chung nữa, nhưng không được bổ nhiệm ở thành phố, giáo xứ lớn, ở vùng núi, ở vùng biển; mà chỉ ở giáo xứ nhỏ vùng quê mà thôi. Đầu tháng 7-1978, Linh mục Augustinô Hồ Văn Quý đi Bồ Liêu, Quảng Trị; còn tôi đi Đốc Sơ, gần Tp Huế.

Trước Giáng Sinh 1979, CSVN dùng bạo lực cưỡng chiếm Tiểu chủng viện Hoan Thiện, đuổi 3 Linh mục đang dạy trong đó phải đi làm việc khác và hơn 80 chủng sinh phải về sống với gia đình. Giáng Sinh năm đó, Đức TGM Điền ra lệnh cho cả Giáo phận Huế phải để tang cho đứa con yêu 149 tuổi này vừa bị giết. Ngài nói: "Chủng viện là con mắt của Giám mục, nay tôi đã bị móc mắt rồi". Cả Giáo phận rất đau lòng về việc Tiểu chủng viện bị cưỡng chiếm.

Lúc bấy giờ, CSVN không muốn giáo hữu đi hành hương kính Đức Mẹ La Vang, ngăn chặn xe khách dọc đường, đuổi tất cả những ai muốn đi La Vang xuống. Nên việc hành hương kính Đức Mẹ La Vang rất khó khăn. Cha Tôma Trần Văn Cầu, Quản xứ Trí Bưu phụ trách Trung Tâm La Vang; về sau Cha Emmanuel Nguyễn Vinh Gioang, Quản xứ Diên Sanh phụ

trách La Vang, và tất cả các Linh mục vùng Quảng Trị đã phải kiên trì đấu tranh bằng nhiều cách để có thể đưa giáo hữu đến La Vang.

Địp 15-08-1981, phải hướng dẫn khách hành hương La Vang nhưng bị chặn dọc đường, tôi phải đứng tại chỗ hướng về La Vang mà nguyện kinh 4 lần 4 nơi khác nhau, mới có thể khai thông tuyến đường được. Năm ấy, lần đầu tiên sau 1975, số người hành hương La Vang lên đến 10 ngàn. Sau đó, CSVN kết án 5 chủng sinh từ 2 đến 4 năm tù và đũa 5 chủng sinh khác về nhà vì "tội" diễn lại sáng kiến "đấu tranh" nói trên của tôi.

Từ 1976, Đức TGM Huế không truyền chức linh mục được thêm cho một chủng sinh nào. Đại chủng viện Huế coi như bị đóng cửa với 1 Linh mục giám đốc duy nhất và mấy chục chủng sinh chẳng biết tương lai thế nào. Các Dòng tu liên tiếp gặp rất nhiều khó khăn. Phải tu chui, khẩn chui, một cách vô lý và đầy âm ức. Các giáo xứ "kinh tế mới" và vùng xa khó khăn lắm mới có một Thánh Lễ dịp Giáng Sinh, Phục Sinh,...

Năm 1980, cùng với Đức TGM Phó Tôphanô Nguyễn Như Thế, Ngài đi dự buổi họp đầu tiên của HĐGMVN tại Hà Nội. Khi về lại, cả 2 Vị TGM đều rất buồn về Bức Thư Chung không được vừa ý, nhưng vì muốn bày tỏ tính hiệp nhất của Giáo hội mà đành lòng ký chung. Thư Chung này, hầu như không có Linh mục Gp Huế nào đọc chung trong Nhà Thờ cho giáo hữu nghe, chỉ trừ một Linh mục duy nhất mà nay đã qua đời.

Sau đó, Ngài được đi Rôma. Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II đã gọi Ngài là "TGM anh dũng", chia sẻ với Ngài công thức lừng danh để sống trong chế độ cộng sản: "Cộng tác trong tình trạng luôn luôn đề kháng" (collaborer en résistant).

Năm 1983, CSVN kết án tôi 10 năm tù ở và 4 năm quản chế rồi đưa tôi ra Thanh Hóa. CSVN lại bắt Linh mục Lê Thanh Hoàng, kết án 3 năm, nhưng phải ở 5 năm.

Đức TGM lặp đi lặp lại nhiều lần, tại nhiều nơi: VN chưa có tự do tôn giáo thực sự. Nhiều lần, Ngài viết thư cho Hội Đồng Giám mục Việt Nam và Linh mục Nguyễn Thế Vĩnh, Chủ tịch Ủy Ban Đoàn Kết Công Giáo (UBĐKCG) chứng minh rằng Giáo Hội Công giáo VN đang bị bách hại thực sự; và GHCGVN đã có Hội Đồng Giám mục VN là cơ quan chính thức để điều hành sinh hoạt Giáo hội, liên lạc với Chính quyền Cộng sản, không cần có thêm một Ủy ban nào hết. Nếu UBĐKCG hoạt động thì UB ấy cao hơn HĐGMVN, tạo nên sự bất hợp lý trong Giáo hội. (Tại nhiều giáo phận, việc truyền chuyển, bổ nhiệm linh mục, việc du học và du lịch nước ngoài do UBĐKCG này lèo lái, sắp đặt).

Ngài viết: "Ai không đi qua cửa mà vào chuồng chiên, nhưng trèo qua lối khác mà vào, người ấy là kẻ trộm, kẻ cướp" (Ga 10,1).

Ngài phải tìm cách chuyển các tài liệu ấy ra nước ngoài. Vì thế, Ngài đã bị CSVN gây ra bao nhiêu đau khổ. Rất tiếc, hiện nay tất cả các tài liệu này có lẽ đã bị một Linh mục của Tòa TGM Huế thiêu hủy năm 1994 (đánh phải giấu tên cho Linh mục ấy). Khi đó, có một Nữ tu thấy và biết, khóc lóc xin đừng làm như thế, nhưng Linh mục này vẫn không nghe, vì cho rằng những tài liệu ấy không phù hợp và có hại (?!). Tôi chưa thể có đủ điều kiện kiểm chứng lúc này được. Hi vọng vẫn có ai đó trên trái đất này còn cất giữ được.

Linh mục Nguyễn Hữu Giải nhiệt tình chống đối việc thành lập UBĐKCG nên ngày 26-11-1983, ngài bị bắt, bị ở trại tập trung đến cuối 1989 mới được thả, dù không có tội gì. Nhiều Linh

mục, Tu sĩ khác bị triệu tập làm việc rất căng thẳng. Đức TGM Điền càng đau buồn.

Rồi Lm Phêrô Trần Văn Quý, Thư ký của Ngài cũng bị bắt và bị quản chế. Về sau bị cưỡng bức đưa đi giáo xứ Buồng Tầm, một giáo xứ nhỏ tận thượng nguồn sông Hương, nhưng Linh mục Quý phản đối và bỏ vào Sài Gòn học thêm tin học và ngoại ngữ. Năm 1995, Lm Quý được bổ nhiệm làm Quản xứ Phường Đức và Nguyệt Biều.

Đức TGM Điền đã nói một câu rất thời danh: “Đã có những Giám mục chịu chết vì bênh vực quyền lợi của Hội Thánh. Nhưng ngày nay có Giám mục nào dám chịu chết để bênh vực quyền lợi của con người không?”

3. Đức Cố TGM Philipphê Nguyễn Kim Điền đã từ đạo thế nào?

Năm 1975, Đức TGM Điền không hề bị một bệnh nào, chỉ thỉnh thoảng bị cảm lạnh. Nhưng chịu quá nhiều phiền toái do CSVN gây ra như bị ép buộc ký giấy trao cho CSVN sử dụng hầu hết các cơ sở giáo dục và từ thiện của Giáo phận, bị triệu tập làm việc suốt 120 ngày, suốt ngày bị nghe những lời thóa mạ, bị buộc viết các lời khai, bị buộc ăn năn sám hối vì đã đấu tranh cho các quyền lợi chính đáng của Giáo Hội, bị buộc tố cáo chê bai các Linh mục, Tu sĩ con cái của mình, không thể truyền chức Linh mục cho các chủng sinh đã học xong từ lâu, không thể bổ nhiệm các Linh mục, có thời gian không thể đi cử hành Nhiệm tích Thêm sức trong giáo phận, nên từ 1981, Ngài bị bệnh nhồi máu cơ tim, thỉnh thoảng tim ngừng đập vài giây, cao huyết áp, xơ cứng động mạch, suy thận, đau cột sống và tiểu đường, mỗi thứ một ít, nhưng chưa có bệnh nào nặng đến nỗi gây ra cái chết đột ngột.

Đức TGM Điền qua đời ngày 08-06-1988, lúc bấy giờ tôi đang ở trại giam Nam Hà, Hà Nam Ninh. Khoảng 1 tuần sau đó, tôi chỉ biết tin Ngài qua đời qua nhật báo Nhân dân. Các điện tín và các thư thân nhân (nay còn sống và tạm giấu tên) viết báo tin cho tôi Ngài qua đời đều không đến tay tôi được.

Cuối năm 1992, tôi ra khỏi tù. Nghe nhiều người bàn tán về cái chết "đây bí ẩn" của Đức TGM Điền và về các "ơn lạ" mà nhiều người đã xin được nhờ cầu nguyện với Ngài. Tôi quỳ trước mộ Ngài cầu nguyện rất lâu rằng: "Nếu việc làm sáng tỏ nguyên nhân cái chết của Đức Tổng làm sáng danh Chúa và có lợi cho Hội Thánh CGVN, thì xin Đức Tổng cầu bầu cùng Chúa phù trợ cho con đủ điều kiện làm xong việc quá khó khăn này". Sau đó, tôi bắt đầu âm thầm tiến hành điều tra. Sau đây là kết quả bước đầu. Kính xin mọi người bổ sung đầy đủ hơn:

Cuối tháng 05-1988, Ngài xin vào điều trị tại bệnh viện Nguyễn Trãi, sao cho tạm ổn định để có thể đi Rôma. Ngài rất nôn nóng đi Rôma để báo cáo về Đức TGM Phó mà Ngài định đặt, về Đức GM Phụ tá Giacôbê Lê Văn Mẫn mà Ngài đã tấn phong "bí mật" và về GHCGVN, về GP Huế. Có 2 bác sĩ quen sẵn sóc, 1 bác sĩ ở đường Sương Nguyệt Anh, gần Nhà thờ Chợ Đũi và một bác sĩ bạn của bác sĩ này. Theo họ, Đức TGM bị ung thư đường tiêu, không thể chữa.

Ngài có bị nhổ 2 răng: 1 răng vàng và một răng khôn, có đem 2 răng ấy đến 42 Tú Xương nhờ em ruột của Nha sĩ Phạm Thị Thân khám. Ở phòng khám răng này có cô y tá tên Nguyễn Thị Kim Anh, 12 Trương Quốc Dung, Phường 10, Quận Phú Nhuận, Đt 08.8350482 - 08.8449472, quen biết cô Bích Hồng, Thị Nghè, thuộc Tu hội Trợ Tá Tông Đồ, người sẵn sóc Đức Tổng vào những giờ cuối. Hai Lm Stanilaô Nguyễn Đức Vệ và Gioakim Lê Thanh Hoàng đi theo Đức TGM Điền để sẵn sóc Ngài biết cô Hồng này.

Chẳng biết có sự gợi ý của CSVN hay không, nhưng cho dù có, thì cũng chỉ vì chân tình và ngay tình, có hai Đức Giám mục (tạm thời xin giấu tên) thăm Ngài hai lần khác nhau tại bệnh viện Nguyễn Trãi, khuyên Ngài xin vào bệnh viện Chợ Rẫy để có thể xét nghiệm làm hồ sơ xin đi nước ngoài chữa bệnh, vì theo hai Đức Giám mục này cho biết, trên nguyên tắc Chính quyền CSVN đã đồng ý.

Hai Đức GM này còn cam đoan là CSVN không đến nỗi dùng thủ đoạn gì đâu (?!). Ngài nghe lời và xin chuyển qua bệnh viện Chợ Rẫy đầu tháng 06-1988, mục đích là để được khám nghiệm trước khi lên máy bay đi Rôma. Tại đây, các bác sĩ cho rằng bệnh Ngài quá nặng, không chữa được.

Có một lần, Ngài đau đớn quá, Ngài bấm chuông gọi 2 Cha Vệ - Hoàng đưa Ngài về, vì không chữa được, nhưng sau đó, có một điện tín báo: Nhà Nước đã cho đi chữa bệnh nước ngoài, giấy tờ đã xong. Tòa Thánh đã bằng lòng tài trợ mọi phí tổn. Ngài rất mừng, vui, ăn hết một tô xúp, nhưng bí tiểu.

CSVN từ Huế đã vào Sài Gòn theo dõi Ngài sát sao và tham gia chỉ đạo các kế hoạch. Tôi có thể nêu tên của một sĩ quan công an CS lo việc này hiện nay đang công tác tại Huế.

Sáng 6-6-1988, cả 2 Linh mục Huế: Vệ và Hoàng theo chăm sóc Ngài đều vắng mặt. Ngài có người em ruột là Nguyễn Thị Thủy, Nữ tu Dòng Mến Thánh Giá Chợ Quán (quen gọi là Di Sáu) thường trực bên cạnh Ngài rất chu đáo, cẩn thận, không để Ngài uống thuốc gì mà không kiểm tra chặt chẽ. Nhiều Nữ tu Huế cũng xin được vinh dự chia sẻ gánh nặng túc trực chăm sóc Ngài.

Sáng hôm đó, Nữ tu Nguyễn Thị Quý, Dòng Con Đức Mẹ Vô Nhiễm Huế, xin phép thay Nữ tu Thủy để được săn sóc Ngài. Bà Thủy không chịu, hai người giằng co nhau, nên Đức Tổng

nói: "Thôi em để cho người ta săn sóc một lát, em về nghỉ ngơi đôi chút". Lợi dụng chỗ sơ hở này, khoảng từ 10 đến 11g ngày 06-06-1986, một cô y tá đến trao cho Ngài một nắm thuốc.

Ngài hỏi cô y tá: "Cô cho tôi uống thuốc gì vậy?". Cô trả lời rất cộc cằn lỗ mãng: "Nhiệm vụ của ông là phải uống những gì chúng tôi điều trị ông, không được hỏi lời thôi gì cả". Ngài rất phân vân. Cuối cùng Ngài bằng lòng uống. Uống xong, Ngài cảm thấy rất đau đớn.

Ngài hỏi cô y tá: "Cô biết tôi mấy giờ nữa thì chết không?". Cô y tá ấy hốt hoảng và run sợ trả lời: "Con lạy cụ, xin cụ tha lỗi cho con! Việc này là do cấp trên." Đức Tổng trả lời: "Không những tôi tha lỗi cho cô mà thôi, tôi còn tha thứ cho cả cấp trên sai cô làm. Tôi tha thứ hết".

Sau đó, thấy dì Sáu vào, Ngài nói với Dì Sáu: "Chén đắng Chúa trao anh đã uống xong. Xin trọn theo ý Chúa". Dì Sáu báo cho cô y tá biết Ngài đau đớn lắm. Khoảng 12g30 trưa, cô y tá ấy trở lại cho Ngài uống một liều thuốc khác. Sau đó Ngài bị tiêu chảy liên tục cho đến chết, không cầm lại được. Các nhân chứng hiện nay đều còn sống, một số Nữ tu cần tạm giấu tên một thời gian.

Khoảng 13g ngày 8-6-1988, Ngài bấm chuông gọi cấp cứu, nhưng không có ai đến cả. Vài phút sau, Ngài qua đời tại phòng Ngài nằm điều trị bệnh. Phòng này nay đã thay đổi số (lúc đó, người thân không ai nhớ số phòng), chỉ nhớ ở tầng lầu thứ 9, bệnh viện Chợ Rẫy, Sài Gòn. Lúc ấy chỉ có Dì Sáu bên cạnh.

Vì vụ việc có nhiều ám muội (lúc Đức TGM Điền qua đời xong, môi miệng Ngài tím bầm, 2 tay cũng tím thẫm), nên có một nữ tu kín đáo theo dõi cô y tá vừa cho Ngài uống thuốc, đã đi theo cô và nghe được câu nói rất quan trọng này của cô khi

cô gọi điện thoại cho cấp trên: "Vụ việc đã hoàn thành". Nữ tu ấy nay còn sống ở Huế.

Vì thân nhân muốn đưa xác ra Huế, bệnh viện đã mổ lấy bộ ruột của Ngài. Bộ ruột nát bầy nhầy khác thường. Một bác sĩ tên Bình, bệnh viện Chợ Rẫy, trao nó cho thân nhân và đề nghị không nên đưa về nhà nữa. Lúc đó, các thân nhân quá đau lòng, không ai còn bình tĩnh để nhận lãnh cả. Bệnh viện đã đem chôn bộ ruột, nay chưa tìm ra dấu vết. Thật là đáng tiếc!

Sau đó, cô y tá ấy thanh minh rằng cô không biết Vị mà cô cho uống thuốc là ai, và cô đã xin lỗi thân nhân. Cô được gửi đi du học ngay tại Cộng Hòa Dân Chủ Đức (Đông Đức) và theo thời hạn là sẽ trở về Việt Nam tháng 3-1995. Không rõ nay đang ở đâu.

Xác Đức TGM được đưa về Tòa TGM Sài Gòn.

Tin tức về cái chết của Ngài bị bưng bít hoàn toàn. Tất cả các đường điện thoại gọi ra Huế đều bị cắt. Lúc bấy giờ chưa có Fax, chưa có E-mail. Nội bộ Giáo hội chẳng ai có điện thoại di động. Và tất cả các điện tín khẩn gửi ra Huế đều không được trao ngay (người ta chỉ mang đến cho Tòa TGM Huế cả một chồng dày sau khi Ngài đã được an táng). Cho đến nỗi, Giáo phận Huế đã thành lập một phái đoàn vào Sài Gòn gồm tất cả các Linh mục Quản hạt để thăm viếng và tiễn đưa Đức Tổng đi Rôma.

Đau đớn thay, khi phái đoàn ấy lên xe tại Huế sáng 09-8-1988 để đi thăm Ngài thì thực ra Ngài đã chết hôm trước rồi mà vẫn chưa ai biết ! Khi phái đoàn Gp Huế vào đến Tòa TGM Sài Gòn, hỏi Đức Tổng Huế ở đâu, thì có nhân viên chỉ 1 phòng. Gp Huế tưởng gặp Đức Tổng còn sống, không ngờ nhân viên chỉ phòng đang quản xác Ngài!

Các linh mục tại Huế thì chỉ biết tin nhờ Radio Veritas, Philippin. Sau đó mới tổ chức để đưa xác Ngài về Huế. Nhà Nước gây rất nhiều trở ngại để việc đưa xác Ngài về Huế bị chậm lại. Dầu vậy, giáo dân GP Huế quá thương tiếc Ngài đã đón tiếp xác Ngài rất trọng thể. Có công an kín đáo tháp tùng bám sát, có nhân viên của CSVN quay phim đầy đủ.

Xác Ngài được liệm trong hòm bọc kẽm, phần trên có lồng kính để thấy được mặt. Môi ngài tím bầm, mũi trương sưng bong bóng máu, làm cho giáo dân hết sức thất vọng. Mặc dù đã được điểm trang kỹ lưỡng, nhưng môi Ngài vẫn tím bầm! Đoàn xe tang chở thi hài Đức Tổng Giám mục về Tòa Giám Mục Huế lúc 21g30 ngày 13-06-1988, và sáng 14-06-1988 được đưa lên an vị tại Nhà Thờ Chính Tòa Phủ Cam để tín hữu và quan khách kính viếng Ngài suốt ngày đêm.

Tối 14-06-1988, vì mặt Ngài biến dạng khác thường, nên ban tâm liệm đã đập nắp hòm gỗ che mặt Ngài lại. Sáng 15-6-1988, Thánh lễ Đồng tế an táng trọng thể đã được Đức TGM Phaolô Nguyễn Văn Bình, TGM Sài Gòn chủ sự cùng với hầu hết các Giám mục trong HĐGMVN, rất đông Linh mục các Giáo phận của 3 Giáo tỉnh và của Giáo phận Huế. Vì số giáo hữu quá đông, nên mãi đến tối 15-06-1988 mới hạ huyệt được, rồi ban tâm liệm đã khoan 5 lỗ quanh hòm kẽm để xác dễ phân hủy và an táng Ngài tại phía trái Cung Thánh Nhà Thờ Phủ Cam.

Linh mục Phaolô Nguyễn Kim Bính, Hạt trưởng Thành phố Huế, Chánh sở Nhà Thờ Chính Tòa Phủ Cam, trang hoàng mộ Ngài rất long lẫy như mộ một Vị Thánh Tử Đạo. Sau đó, phái đoàn Tòa Thánh thăm Nhà Thờ Phủ Cam, thấy vậy có ý kiến rằng: không nên đi trước ý kiến của Tòa Thánh, nên Lm Kim Bính đã trang hoàng đơn giản như hiện nay: phần mộ sát với nền Nhà Thờ, bên trên có một tấm đá cẩm thạch đen, có khắc vài dòng về Ngài.

Dì Sáu, em ruột Ngài là Nữ tu Mến Thánh Giá Chợ Quán, 118 Trần Bình Trọng, Q. 5, Sài Gòn, Đt: 08.8350482. Nay ở Nhà Hưu dưỡng Dòng MTG Chợ Quán, 30/1 ấp Trường Tre, xã Linh Xuân, Thủ Đức, Sài Gòn, Điện thoại 08.8964116.

Còn cô y tá đã cho Ngài uống thuốc là nhân viên cũ của Nữ bác sĩ Dương Quỳnh Hoa, hôn thê của Bs Trần Văn Thọ, 117 Cách mạng 1-11 cũ, nay là 1 cơ quan Nhà nước. Cô có làm việc cho Bs Nguyễn Văn Thọ, 99 Võ Tánh, gần cổng xe lửa số 6, đối diện với Nhà thờ Cơ Đốc Phục Lâm. Cô có 1 người bạn Công giáo, đã trọ học ở 40/5 Ngô Tùng Châu, Gia Định, đối diện với phòng mạch Bs Hoàng Văn Đức, khoa trưởng Y khoa Minh Đức. Lm Đỗ Quang Biên, dạy trường Trí Đức do Lm Nguyễn Văn Ngà làm hiệu trưởng, Lm Nguyễn Văn Hòa (nay là GM Nha Trang và đã được bổ nhiệm TGM Phó Hà Nội) làm hiệu phó, biết anh này. Anh hiện ở Đà Lạt.

4. Kết luận:

Liều thuốc Ngài bị buộc uống sáng 6-6-1988 là liều thuốc độc. Liều thuốc Ngài bị uống sau trưa ngày 6-6-1988 là liều thuốc xổ để giúp tẩy bớt các dấu vết chất độc trong ruột, tạo nên cơn tiêu chảy cho đến ngày 8-6-1988 mà bệnh viện cố tình không cho cầm lại, mặc dù Chợ Rẫy là một bệnh viện lớn nhất nhì ở Sài Gòn.

Bộ ruột nát bầy nhầy khác thường; miệng Ngài tím bầm, hai bàn tay Ngài cũng bị bầm tím, 2 hốc mắt trái và phải đều bị tím bầm và có 2 bong bóng máu đen sẫm rất lớn tại 2 lỗ mũi, vỡ rồi lại hiện, làm gương mặt Ngài biến dị khác thường, khiến tối 14-6-1988 một giáo hữu trong ban tâm liệt (nay còn sống, nhưng tạm giấu tên) phải xin Lm Nguyễn Kim Bính cho phép đập nắp hòm gỗ bên ngoài hòm kẽm, không để khách đến viếng thấy mặt Ngài nữa, vì quá đau lòng và khó nhìn.

Kèm theo những diễn biến chung quanh việc Ngài bị buộc uống thuốc sáng 06-06-1988 nói trên, các điều này không phải là những bằng chứng Ngài đã thực sự bị đầu độc sao?

Sau đám tang Đức TGM Điền, Công an tỉnh Bình Trị Thiên đến tận trại giam Bình Điền, Thừa Thiên, gặp Linh mục Phêrô Nguyễn Hữu Giải nguyên một buổi sáng, kể lại cái chết và đám tang Ngài, thanh minh về việc CSVN không hề đầu độc Ngài và dặn: "Khi được tự do, anh đừng có tin lời đồn ấy".

Sau đó, Cán bộ Giáo dục trại giam lại gặp Lm Giải thêm một buổi thanh minh rằng Đức TGM Điền không hề bị trúng độc, khuyên nên biết giải thích lại cho dân. Năm 1989, khi thả Lm Giải ra khỏi tù, CSVN lại nói với Lm Giải rằng: "CQ không đầu độc TGM Điền". Tại sao CSVN lại phải mất công thanh minh nhiều lần vất vả như thế và tại sao lại tự buộc miệng phải thanh minh một điều không ai chất vấn cả?

Trong Tuyên ngôn 24-11-1994, tôi ghi rõ: "Đức TGM Điền đã khổ vì đạo và đã chết vì đạo", mà CSVN trong suốt 5 tuần làm việc liên tiếp, không hề dám đả động gì đến chuyện ấy. Vì sự thực là thế!

Chắc chắn một điều: cho dù chưa đưa ra được bằng chứng khoa học 100% rằng Ngài đã bị cho uống thuốc độc đi nữa, vì một đảng bộ ruột Ngài chưa tìm được, một đảng việc khai quật mộ Đức Cố TGM Điền lên là điều chưa thật sự cần thiết phải làm trong lúc này, thì việc Ngài suốt 13 năm liên tiếp chịu khổ vì Giáo hội từ 1975 đến khi chết (1988), cũng đủ cho mọi người thành tâm ngay thẳng xác nhận Ngài ĐÃ CHẾT VÌ ĐẠO rồi.

Ngày 26-12-2000, Lễ Thánh Têphanô Tử Đạo tiên khởi, tôi đã nằm sấp trên mộ Ngài, khóc rất nhiều và cầu nguyện thiết tha

khá lâu giờ, xin Ngài phù trợ cho công việc đấu tranh tự do tôn giáo của một nhóm linh mục Huế và tôi được thành công theo ý Chúa. Tôi xin Ngài cầu bầu cùng Chúa cho tôi một dấu chỉ từ trời trong ngày hôm đó. Và tôi đã được nhận lời mau lẹ ngay sáng hôm đó.

Hiện nay, hằng ngày vẫn có giáo hữu thường xuyên đến kính viếng, quỳ cầu nguyện trước mộ Ngài. Đối với đa số Tín hữu Gp Huế, Đức cố TGM Điền là một Vị Thánh Tử Đạo.

Trong Sổ Tang của Đức Cố TGM Điền tại Nhà xứ Chính Tòa Phủ Cam, rất nhiều người viết những câu rất ý nghĩa. Đặc biệt là ngay khi ra khỏi tù, trước khi thăm viếng bất cứ ai, trước hết, Linh mục Nguyễn Hữu Giải đã đến kính viếng mộ Đức Tổng Giám Mục Điền, và ghi vào Sổ Tang này: "Xin Chúa cho chúng con được duy trì mãi phong cách Philipphê Nguyễn Kim Điền".

*Lm Tadêô Nguyễn Văn Lý,
Quản Xứ An Truyền
30-01-2001*



3) Phan Văn Lợi



Linh mục Phan Văn Lợi (1951-20)

Linh mục Phêrô Phan Văn Lợi sinh ngày 09-3-1951. Nguyên quán Ngọc Hồ, Hương Hồ, Hương Trà, Thừa Thiên. Vào Tiểu chủng viện Hoan Thiện năm 1961. Lên Đại chủng viện Xuân Bích Huế năm 1969. Đến năm 1976 thì mãn trường nhưng vẫn không được chịu chức linh mục vì Nhà Nước "không cho phép".

Năm 1978 bị Nhà nước loại khỏi Đại chủng viện cùng với 17 anh em khác, phần lớn là lớp lớn (18 trên tổng số 45 đại chủng sinh). Về lại gia đình tại giáo xứ chính tòa Phủ Cam. Tháng 5-1981, được Đức TGM Nguyễn Văn Thuận (lúc đó đang bị quản thúc tại giáo xứ Giang Xá, địa phận Sơn Tây) truyền chức linh mục chui.

Ngày 21-9-1981, lễ thánh Tôma Thiện, "thầy" Lợi cùng với một số đại chủng sinh (tại gia) thuộc giáo xứ Phủ Cam diễn một vở kịch nhỏ, gọi là góp vui, trong buổi họp mặt phụ huynh chủng sinh giáo xứ nhân ngày bốn mạng chủng sinh. Vở kịch 5 phút này, mang tên "Dâng con cho Mẹ", có đem

vào chi tiết đã xảy ra với cha Nguyễn Văn Lý trên đường đi La Vang tháng 8-81. Hậu quả là "thầy" Lợi bị tù 4 năm (4 anh em khác cũng bị tù từ 2 năm đến 3 năm rưỡi).

Ở tù gần hết 4 năm, thầy Lợi bị phát giác là linh mục "không có phép Nhà nước" nên ở tù thêm 3 năm nữa. Tháng 10-1988 được thả về, ở nhà cha mẹ, tại giáo xứ Phủ Cam.

Tháng 4-1998, linh mục Lợi bị Công an gọi đi làm việc vì "đã phát tán báo Tin Nhà". Không có bằng chứng và nhân chứng, Nhà nước đã quay sang quy tội linh mục là làm tài liệu giáo lý mà không xin phép. Linh mục bị tịch thu toàn bộ máy computer, printer. Nhưng Lm Lợi vẫn tiếp tục làm tài liệu giáo lý, và luôn hỗ trợ cha Lý và cha Giải trong công cuộc đấu tranh cho tự do tôn giáo.

Tài liệu:

Hiện trạng tôn giáo ở Việt Nam dưới sự cai trị độc tài của Đảng cộng sản.

(Trong phiên họp sáng nay 23-4-2015, Hội nghị xã hội dân sự Asean (từ 21 đến 24-4-2015), đã nghe bài phát biểu được thu hình trước của Linh mục Phê-rô Phan Văn Lợi từ Tp. Huế, Việt Nam)

Kính thưa Ban Tổ chức Hội nghị

Kính thưa Đại diện các Tổ chức xã hội dân sự Khối ASEAN

A- Về hiện tình tôn giáo tại Việt Nam, một quốc gia đang bị lãnh đạo bởi đảng Cộng sản vô thần độc tài, thì chúng tôi, trong tư cách một linh mục Công giáo, đồng thời là một nạn nhân của chế độ, từng bị tù 7 năm và bị quản thúc tại gia 14 năm vì đấu tranh cho tự do tôn giáo và dân chủ nhân quyền, xin được nhận định như sau:

1- Nhà cầm quyền CSVN khống chế, lũng đoạn và xâm nhập các tôn giáo.

Trước hết, dựa trên Pháp lệnh về Tín ngưỡng Tôn giáo năm 2004 và Nghị định áp dụng pháp lệnh này năm 2012, nhà cầm quyền VN buộc các tôn giáo muốn hoạt động phải làm đơn xin phép cùng tuân thủ rất nhiều điều kiện khắt khe, rồi phải chờ đợi rất lâu sự cho phép hết sức tùy tiện của họ. Ai tự động sinh hoạt sẽ bị đàn áp dã man như cộng đồng Tin lành Mennonite ở Mỹ Phước, Bình Dương hai năm nay, như cộng đồng Tin lành H'Mong tại Điện Biên tháng 2-2015. Tiếp đến, tuy là những tổ chức xã hội dân sự chân chính, hữu ích cho xã hội, các giáo hội chưa bao giờ được nhà cầm quyền công nhận có tư cách pháp nhân. Điều đó gây vô vàn khó khăn cho chúng tôi về mặt luật pháp và giao dịch dân sự.

Rồi vì muốn kiểm soát hoàn toàn các tôn giáo, nhằm biến họ thành công cụ theo nguyên tắc độc tài toàn trị, nhà cầm quyền đã và đang thành lập các giáo hội quốc doanh, do nhà nước kiểm soát, như Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Hội đồng Chương quản Cao Đài, một số hệ phái Tin Lành và Ủy ban Đoàn kết Công giáo bên cạnh các Giáo hội truyền thống. Điều này đã gây chia rẽ trầm trọng trong các tôn giáo, đồng thời đánh lừa được quốc tế về tình hình tôn giáo tại Việt Nam, nhờ miệng của những chức sắc hay tín đồ chấp nhận làm công cụ cho chế độ, như họ đã tìm cách dối gạt Đặc phái viên Tự do tôn giáo LHQ trong chuyến thăm VN tháng 7-2014 và như họ được chọn làm đại diện các tôn giáo để góp ý vào Luật Tôn giáo đang soạn thảo.

2- Nhà cầm quyền CSVN ban các quyền tự do tôn giáo thứ yếu với điều kiện.

Các tự do tôn giáo thứ yếu này là quyền xây dựng các nơi thờ phượng, các trường đào tạo, các cơ sở xã hội; quyền tổ chức

các lễ hội tôn giáo lớn nhỏ; và quyền của chức sắc, tín đồ được ra nước ngoài để hiệp thông với cộng đồng tôn giáo quốc tế hay với đồng đạo hải ngoại. Mĩa mai thay, các quyền thứ yếu đó được nhà cầm quyền ban có điều kiện, nghĩa là chỉ cho những ai không “có vấn đề” với chế độ. Trước hết là cho những thành viên ngoan ngoãn của các giáo hội quốc doanh, cho những ai làm ngơ im lặng trước sai lầm và tội ác của nhà cầm quyền, cho những ai không đứng lên tranh đấu vì nhân quyền, dân chủ hay tự do tôn giáo. Bằng chứng: Linh mục Lê Ngọc Thanh, giám đốc Truyền thông Chúa Cứu Thế, mới bị cấm xuất cảnh hôm 22-03; Giáo xứ Đông Yên (Giáo phận Vinh) và nhiều giáo xứ thuộc Giáo phận Kon Tum đang bị chực phá nhà thờ nhà nguyện; Nhà nguyện Hội thánh Tin Lành Mennonite Bình Dương bị đập phá nhiều lần cuối năm 2014. Thánh thất Cao Đài Tuy An, Phú Yên vừa bị triệt phá ngày 14-04-2015. Hội đồng Liên tôn Việt Nam, dù di chuyển ngay trong nước, cũng bị cấm đến Huế ngày 15-03-2015.

3- Nhà cầm quyền CSVN hoàn toàn cấm cản các quyền tự do tôn giáo chính yếu.

a- Mọi tôn giáo đều không được độc lập trong việc tổ chức nội bộ. Nhà cầm quyền tìm cách kiểm soát và ảnh hưởng lên việc chiêu sinh, huấn luyện, tấn phong, bổ nhiệm và chuyển chuyển các chức sắc lãnh đạo. Những ai có tinh thần bảo vệ sự độc lập của tôn giáo đều bị cản trở trong hoạt động hay thậm chí bị quản thúc hoặc cầm tù, như Hòa thượng Thích Quảng Độ, Tổng giám mục Ngô Quang Kiệt, Giám mục Hoàng Đức Oanh, Hội trưởng Lê Quang Liêm, Linh mục Nguyễn Văn Lý, Mục sư Nguyễn Công Chính, Mục sư Nguyễn Hồng Quang, Chánh trị sự Hứa Phi...

b- Mọi tôn giáo đều không được tự do trong sinh hoạt phụng thờ. Các sinh hoạt này chỉ được tiến hành trong những nơi thờ tự đã được nhà nước công nhận. Các lễ nghi hay lễ hội lớn đều

phải xin phép và có phép của nhà cầm quyền mới được tổ chức. Bằng không sẽ bị cấm cản và dẹp bỏ cách thô bạo. Việc thường xuyên đàn áp các Thánh thất Cao Đài, các Niệm Phật đường Hòa Hảo, một số chùa thuộc GHPGVNTN và các Hội thánh Tin lành tại gia (mà mới nhất là Hội thánh Chuông bò của Mục sư Nguyễn Mạnh Hùng ngày 02-04-2015) là những bằng chứng. Các sinh hoạt xã hội của các tôn giáo có khi bị cấm cản. Chùa Liên Trì ở Sài Gòn bị gây khó dễ vì cho dân oan tá túc. Hội đồng Liên tôn, giữa tháng 3-2015, bị ngăn trở phát quà cho thương binh VNCH tại Huế. Dòng Chúa Cứu Thế Sài Gòn, trong những ngày này, bị áp lực không được khám bệnh cho các thương binh VNCH và có thể sẽ bị cấm cản giúp đỡ các tổ chức xã hội dân sự độc lập hay thực hiện các chương trình phát thanh phổ biến công lý và sự thật đã làm lâu nay.

c- Mọi tôn giáo đều không được truyền bá giáo lý ra bên ngoài xã hội, qua các phương tiện truyền thông đại chúng, trên mạng thông tin toàn cầu, đến với mọi tầng lớp nhân dân. Trang mạng của các tôn giáo phi quốc doanh đều bị đặt tường lửa. Mọi giáo hội (kể cả giáo hội quốc doanh) không được phép lập nhà xuất bản, đài phát thanh, đài truyền hình hay được lên tiếng trên hệ thống truyền thông quốc gia có tiền thuế của tín đồ đóng góp xây dựng. Ngược lại, nhà cầm quyền dùng hệ thống giáo dục học đường và giáo dục đại chúng để quảng bá thuyết vô thần, phi báng các giáo hội.

d- Mọi tôn giáo đều không được góp phần giáo dục giới trẻ qua hệ thống giáo dục từ tiểu học đến đại học (điều mà họ đã được hưởng trong chế độ Việt Nam Cộng Hòa). Hiện thời, các giáo hội chỉ được mở trường mẫu giáo nhưng dưới sự kiểm soát đủ mặt của chế độ, có khi còn bị đóng cửa tùy tiện như trường Mầm Non Ánh Sáng của Giáo hội Mennonite Thuần túy tại Bến Cát, Bình Dương gần đây. Nghĩa là mọi tôn giáo đều bị cản trở trong việc gieo rắc tình thương, sự thật, óc tự do, tinh thần nhân bản và ý thức dân chủ cho các thế hệ.

e- Mọi tôn giáo đều bị nhà cầm quyền CS ngay từ 1954, tước đoạt vô số tài sản vật chất (điện thờ, trường học, nhà in, ruộng đất, cơ sở xã hội và tài khoản ngân hàng...) mà chẳng bao giờ trả lại. Hiện nay, các giáo hội đều không có quyền sở hữu ruộng đất, không được chủ động mua bán đất đai nhà cửa để mở rộng hoặc thu hẹp cơ sở tôn giáo cho phù hợp nhu cầu hoạt động của mình. Chùa Liên Trì, Dòng Mên Thánh Giá và Nhà thờ Thủ Thiêm đã có cả trăm năm nay bị nhà nước chực cướp.

B- Về Luật Tôn giáo sắp được Quốc hội VN cứu xét, chúng tôi yêu cầu:

1 - Công khai phổ biến và gởi tới từng Giáo hội (chính truyền lẫn quốc doanh) bản Dự thảo để lấy ý kiến và nhà cầm quyền phải lắng nghe các ý kiến mang tính xây dựng.

2- Tôn giáo là quyền lợi chứ không phải là ân huệ xin cho, nên LTG không được có những điều khoản buộc các giáo hội phải xin xỏ chuyện này chuyện nọ để được nhà nước ban tặng với những điều kiện trái lương tâm, trái pháp luật. Mọi sự chỉ nên xoay quanh việc khai báo, trình bày.

3- Luật Tôn Giáo phải tôn trọng mọi quyền mà các tôn giáo và tín đồ tự thân được hưởng trong tư cách công dân hội dân sự và tư cách công dân hay con người. Phải dẹp bỏ kiểu nói: “theo quy định của pháp luật” sau những điều khoản nói về quyền.

C- Đề nghị với quốc tế:

1- Ý thức chính xác về hiện trạng tôn giáo tại VN, không để mình bị lừa bởi các vẻ ngoại diện của sinh hoạt tôn giáo và bởi các luận điệu tuyên truyền của nhà cầm quyền CS.

2- Đòi hỏi nhà cầm quyền trả lại tự do lập tức và vô điều kiện cho các chức sắc hay tín đồ bị giam giữ hay quản thúc.

3- Giúp đỡ toàn dân Việt Nam và các tôn giáo giành lại các nhân quyền và dân quyền trong một chế độ dân chủ.

Xin chân thành cảm ơn toàn thể Quý vị.

Linh mục Phê-rô Phan Văn Lợi.

Trong bài: *Về ngài Quảng Độ và Tuyển Tập Cội Tùng Trước Gió*. Giáo sư Lưu Trung Khảo là nhà giáo, nhà bình luận thời sự, là hội trưởng Hội Ái Hữu Cựu Giáo Chức Việt Nam tại Hoa Kỳ, đã viết về Linh mục Phan Văn Lợi như sau: “*Tuy Linh Mục Phan Văn Lợi chưa một lần diện kiến Hòa Thượng Thích Quảng Độ, nhưng Linh Mục đã gặp Hòa Thượng Thích Quảng Độ một cách sâu sắc vừa trên lãnh vực đi tìm chân thiện mỹ, vừa trên lãnh vực đi tìm giải pháp, vừa trong tư cách một kẻ tu hành, vừa trong tư cách một nhà tranh đấu. Sự cảm thông thật là trọn vẹn*”.

Tài liệu tham khảo:

- Linh mục Phan Văn Lợi Blog: huynh.tamh.free.fr
- *Hiện trạng tôn giáo ở VN* Web: hoithanhphucquyen.org

Chương năm: Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tranh đấu đòi quyền Tự do.

Tưởng cũng cần nhìn lại lịch sử Phật Giáo Việt Nam sau khi Cộng sản chiếm miền Nam năm 1975, đương nhiên nhà cầm quyền không cho phép bất cứ tổ chức nào ngoại vi đảng Cộng sản hoạt động, do đó sự tồn tại của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, được coi là bất hợp pháp, tuy nhiên ngày 22 tháng 1 năm 1977, Đại Hội 7 của GHPGVNTN họp tại chùa Ấn Quang, gồm 160 đại biểu của 54 đơn vị trong Giáo Hội.

Đại hội đã bầu :

- Tăng Thống HT. Thích Giác Nhiên. (đương nhiệm)
- Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống : HT. Thích Đôn Hậu
- Cố Vấn: TT. Thích Thiện Minh
- Viện Trưởng Viện Hóa Đạo : HT. Thích Trí Thủ
- Phó Viện Trưởng: TT. Thích Trí Tịnh
- Phó Viện Trưởng: TT. Thích Pháp Tri
- Phó Viện Trưởng: TT. Thích Huyền Quang
- Tổng Thư Ký: TT. Thích Quảng Độ ...

Nhân danh Viện trưởng tân nhiệm Hòa Thượng Thích Trí Thủ đã ký thông bạch 7 điểm trong đó có điểm thứ 6 nguyên văn như sau: “ Đại hội căn ủy Giáo hội Trung ương tiếp tục vận động thống nhất Phật giáo cả nước trong tinh thần Đạo pháp và truyền thống Dân tộc”.

Ngày 09-02-1977: Viện Hóa Đạo có văn thư số 031-VHD/VP gửi cho Thủ Tướng Phạm Văn Đồng khiếu nại 19 Tăng bị bắt giữ yêu cầu đưa ra xét xử hoặc trả tự do.

Ngày 03-03-1977: Ủy ban Nhân Dân Quận 10 tiếp quản Cơ sở Quách Thị Trang (Cô Nhi Viện Quách Thị Trang nằm sau Viện Hóa Đạo)

Ngày 06-04-1977: Chánh quyền bao vây chùa Ấn Quang bắt 6 vị lãnh đạo của GHPGVNTN:

1. TT. Huyền Quang, Phó Viện Trưởng Viện Hóa Đạo.
2. TT. Quảng Độ, Tổng Thư Ký Viện Hóa Đạo.
3. TT. Thuyền Ấn Tổng vụ trưởng, Tổng vụ Hoàng pháp.
4. ĐĐ. Thích Thông Bửu, Quyền Tổng vụ trưởng Tổng vụ Cư sĩ.
5. ĐĐ. Thích Thông Huệ Chánh Đại Diện GHPGVNTN, Quận Gò Vấp, Trưởng Ban Kinh Tế tự túc Tăng Ni.
6. ĐĐ. Thích Thanh Thế, Trưởng Ban Thanh Tra Ủy Ban Kinh Tế Tự túc Tăng Ni.

Ngày 9-4-1977 Thông cáo VHĐ/TC/VP. Thượng Tọa Thích Thiện Minh phát “Lời kêu gọi 6 điểm bảo vệ Nhân Quyền tại nước CHXHCNVN” gửi đến nhà cầm quyền CSVN đòi hỏi :

- 1. Thả tù nhân chính trị, tôn giáo và hàng trăm ngàn người khác đang ở trong các trại cải tạo.*
- 2. Thi hành nghiêm chỉnh chính sách tự do tín ngưỡng.*
- 3. Chấm dứt tình trạng tham nhũng của nhân viên chính quyền các cấp.*
- 4. Cho phép những người có khả năng, những người không phải đảng viên của Cộng sản được phép tham gia vào công cuộc xây dựng xứ sở theo khả năng chuyên môn.*
- 5. Yêu cầu cho phép các tu sĩ và tín đồ thuộc các tôn giáo được tiếp tục làm các công tác xã hội mà không phải từ bỏ tôn giáo tín ngưỡng của mình.*
- 6. Phá bỏ mọi bất công, kỳ thị giữa các đảng viên cộng sản và nhân dân. Mọi người đều có quyền công dân.*

Tiết một: Lãnh đạo GHPGVNTN bị giam cầm và bức tử.

Ngày 28 tháng 3 năm 1978, Thượng Tọa Thích Thiện Minh bị trục xuất ra khỏi Trung Tâm Quảng Đức, không cho phép chùa chiền chấp chứa.

Ngày 13 tháng 4 năm 1978 Thượng Tọa bị bắt tại Hàng Xanh, giam tại Tổng nha Cảnh sát cũ, rồi chuyển sang trại Phan Đăng Lưu...

Ngày 17-10-1978: Thượng Tọa Thích Thiện Minh bị tra tấn đến chết trong Nha Công An Thành Phố Hồ Chí Minh, sau đó đưa ra Hàm Tân, thông báo cho HT Thích Trí Thủ Viện Trưởng Viện Hóa Đạo nhìn xác nhưng không cho nhận xác.

1) Thích Thiện Minh



Thích Thiện Minh - Đỗ Xuân Hàng (1922-1978)

Thượng Tọa Thích Thiện Minh, thế danh là Đỗ Xuân Hàng, pháp danh Tâm Thị, hiệu Thiện Minh, tự Trí Nghiễm. Sinh năm 1921 tại làng Bích Khê, quận Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Thượng Tọa Hòa Thượng có túc duyên với Phật pháp từ nhiều đời nhiều kiếp nên từ thuở nhỏ Thượng Tọa đã được quy y và xuất gia với Đại lão Hòa Thượng Thuyền Tôn, Thích Giác Nhiên – Đức Đệ Nhị Tăng Thống GHPGVNTN.

Năm 1936 – 1939, theo học lớp Sơ đẳng Phật học tại chùa Trúc Lâm - Huế.

Năm 1939 – 1944, theo học lớp Trung đẳng tại Phật học đường Báo Quốc - Huế.

Năm 1944 – 1947, theo học chương trình Đại học Phật giáo cũng tại Phật đường Báo Quốc - Huế.

Năm 1948, Thượng Tọa thọ đại giới Tỳ Kheo tại giới đàn Báo Quốc do Đức Đại lão Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết – Đức Đệ Nhất Tăng Thống GHPGVNTN làm đàn đầu Hòa Thượng. Cuối năm ấy, Thượng Tọa được công cử làm Hội trưởng Hội Phật học Đà Lạt kiêm giảng sư của Giáo Hội tại Lâm Đồng.

Năm 1948 - 1952, Thượng Tọa lần lượt tổ chức những chi hội Phật giáo tại Cầu Đất, Sông Hình - Blao, Di Linh, Đơn Dương, La Ba.

Song song việc điều hành Phật sự tại đây, Thượng Tọa đã thành lập các đơn vị GDPT Lâm Nguyên, Cầu Đất, Trại Mát, Trạm Hành... Tổ chức những trại huấn luyện Đội Chúng Trưởng, Huynh Trưởng Sơ Cấp và Cấp 1.

Năm 1952, Thượng Tọa được Giáo Hội thỉnh cử làm Hội Trưởng Hội Phật Học Khánh Hòa.

Thượng Tọa đã đóng góp rất nhiều công sức cho việc xây dựng và phát triển Phật giáo tại các tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, chương trình này gồm có 4 mục đích chính yếu:

1. Kiện toàn các cơ sở hạ tầng của Giáo Hội và thành lập Ban trị sự toàn miền.
2. Thành lập Phật học viện Nha Trang.
3. Thành lập trường Bồ đề.
4. Thành lập những GDPT đầu tiên.

Năm 1956, Thượng Tọa đã vận động thành lập Ban tổ chức Đại hội Tổng hội Phật giáo Việt Nam lần thứ 2 tại Chùa Ấn Quang, Sài Gòn.

Năm 1957 - 1960, Thượng Tọa điều hành Phật sự tại các tỉnh miền Trung nhiều nhất là Thừa Thiên - Huế, cùng tổ chức các trại họp bạn ngành Thiếu GDPT toàn quốc.

Năm 1963, Hòa Thượng cùng các bậc tôn túc lãnh đạo ủy ban liên phái Bảo vệ Phật giáo đòi hỏi chế độ Tổng Thống Ngô Đình Diệm thi hành chính sách bình đẳng tôn giáo và công bằng xã hội.

Năm 1964, Đại hội Thống nhất Phật giáo, GHPGVNTN ra đời, Hòa Thượng được thỉnh cử làm Tổng vụ trưởng Tổng vụ Thanh Niên.

Những năm cuối thập niên 60, phong trào đấu tranh đòi thực hiện Quốc Hội Lập Hiến, Dân Chủ Dân Sinh bùng nổ khắp mọi nơi. Ở miền Trung tại Đà Nẵng, vào ngày 15 tháng 5 năm 1966 trước làn sóng đấu tranh của Phật Giáo, 2.000 lính dã chiến đã bao vây chùa chiền. Cuộc đổ máu đã diễn ra bởi sự đàn áp của quân đội từ Sài Gòn ra với các cánh quân địa phương. Hơn 600 Tăng Ni, Phật tử chết và 1.000 người khác bị thương. Trước tình hình đó, Thượng Tọa Thích Trí Quang hô hào tiến hành cuộc đấu tranh bất bạo động. Những việc làm đó để hỗ trợ cho cuộc đối đầu của Ngài Thiện Minh ở Sài Gòn.

Nhân danh Chủ tịch các lực lượng đấu tranh và Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Thanh Niên, Ngài đã gặp trực tiếp hai tướng Thiệu-Kỳ đưa ra những yêu sách đấu tranh. Đó là ngày 28-5-1966, hai tướng này hứa ngày hôm sau phúc đáp. Ngài hướng dẫn phái đoàn ra về hẹn lại hôm sau. Riêng Ngài sau khi báo cáo kết quả cùng Viện Hóa Đạo và các phong trào do Ngài làm Chủ tịch, Ngài một mình đi bằng Taxi về Trung Tâm Quảng Đức. Ngài vừa đặt chân xuống lề đường ngay trước cổng Trung Tâm thì một quả lựu đạn nổ ngay chỗ Ngài vừa bước ra. Rất may Ngài chỉ bị thương tật ở chân. Ngay chiều hôm sau, các vị

khác thay mặt Ngài vào gặp hai tướng Thiệu – Kỳ thì được trả lời “không nhượng bộ nữa”.

Từ cuộc ám sát đó, sức khỏe của Ngài giảm sút thấy rõ. Mọi hoạt động của Ngài như mất dần kết quả. Tuy nhiên, Ngài cũng không kém quyết liệt trước mọi tình huống xảy ra, vẫn tiếp tục cùng Chu tôn đức khác lãnh đạo Giáo Hội.

Sau đó Thượng Tọa bị bắt, đến ngày 17 tháng 3 năm 1969, Thượng Tọa bị Tòa Án Quân Sự Mật Trận kết án 15 năm tù khổ sai cấm cố. Khắp trong và ngoài nước vô cùng công phẫn. Tại Sài Gòn, một “Ủy Ban Vận Động Đòi Hủy Bỏ Bản Án Thích Thiện Minh” ra đời, trong đó có đủ thành phần tôn giáo; nghị sĩ; dân biểu; chính trị gia; sinh viên, học sinh... Dưới áp lực quá mạnh mẽ, chính quyền ra quyết định phóng thích Thượng Tọa ngày 1 tháng 11 năm 1969.

Năm 1970, Thượng Tọa lên đường tham dự Hội Nghị Tôn Giáo Và Hòa Bình Thế Giới tại Tokyo, Nhật Bản. Tại đây, Thượng Tọa đã đọc bản tham luận nổi tiếng nhan đề ”Quan điểm của Phật Giáo về bất bạo động”.

Năm 1971, Ngài được cử làm Phó Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, đây là giai đoạn Viện Hóa Đạo bị phân hóa trầm trọng, Ngài đã góp phần ổn định, lèo lái vượt qua, ngay cả những năm ác liệt nhất của chiến tranh.

Năm 1972, khi Thượng Tọa Thích Thiện Hoa viên tịch, Ngài phải ra đảm đương chức Quyền Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, cho đến khi tổ chức được Đại Hội Phật Giáo kỳ 4, Hòa thượng Trí Thủ nhận chức Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, Ngài được cung thỉnh làm cố vấn cho Viện Hóa Đạo mà thôi.

Thời gian sau đó, vì sức khỏe, Ngài phải hạn chế hoạt động, trao lại chức Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Thanh Niên cho Đại

Đức Thích Giác Đức đảm nhiệm Quyền Tổng Vụ Trưởng cho đến năm 1975. Sau đại hội kỳ 7 của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, Ngài được mời làm Cố Vấn Ban chỉ đạo Viện Hóa Đạo (năm 1976).

Ngày 9-4-1977 Thông cáo VHD/TC/VP. Thượng Tọa Thích Thiện Minh phát “Lời kêu gọi 6 điểm bảo vệ Nhân Quyền tại nước CHXHCNVN” gọi đến nhà cầm quyền CSVN đòi hỏi :

1. Thả tù nhân chính trị, tôn giáo và hàng trăm ngàn người khác đang ở trong các trại cải tạo.

2. Thi hành nghiêm chỉnh chính sách tự do tín ngưỡng.

3. Chấm dứt tình trạng tham nhũng của nhân viên chính quyền các cấp.

4. Cho phép những người có khả năng, những người không phải đảng viên của Cộng sản được phép tham gia vào công cuộc xây dựng xứ sở theo khả năng chuyên môn.

5. Yêu cầu cho phép các tu sĩ và tín đồ thuộc các tôn giáo được tiếp tục làm các công tác xã hội mà không phải từ bỏ tôn giáo tín ngưỡng của mình.

6. Phá bỏ mọi bất công, kỳ thị giữa các đảng viên cộng sản và nhân dân. Mọi người đều có quyền công dân.

Ngày 28 tháng 3 năm 1978, Thượng Tọa bị trục xuất ra khỏi Trung Tâm Quảng Đức, không cho phép chùa chiền chấp chừa.

Ngày 13 tháng 4 năm 1978 Thượng Tọa bị bắt tại Hàng Xanh, giam tại Tổng nha Cảnh sát cũ, rồi chuyển sang trại Phan Đăng Lưu... và Thượng Tọa đã trút hơi thở cuối cùng vào ngày 17-

10-1978, sau 6 tháng 5 ngày bị nhốt trong xà lim tối tăm, đánh đập, tra tấn dã man của chế độ.

Ngày 18-10-1978, Hòa Thượng Trí Thủ Viện Trưởng Viện Hóa Đạo được tin Thượng Tọa Thích Thiện Minh đã viên tịch trong lao tù tại Trại giam Hàm Tân. Hòa Thượng Thích Trí Thủ và một phái đoàn Giáo hội ra Hàm Tân nhận diện, xin được nhận xác đưa về mai táng, xin được tụng một thời kinh, đều không được chấp thuận. Cái chết của Thượng Tọa Thích Thiện Minh tới giờ vẫn là một nghi vấn, vì có người cho rằng Thượng Tọa Thích Thiện Minh bị tra khảo cho đến tử vong tại trại tại Trại X4 ở đường Nguyễn Trãi, Sài Gòn là trại thẩm vấn và tạm giam, trước khi phân phối qua các nhà tù hay trại tập trung. Cộng sản đã chớ xác Thượng Tọa ra Hàm Tân để đánh lạc hướng biểu tình của Phật tử ở Sài Gòn đang sôi động sau những ngày Thượng Tọa bị bắt.

Thượng Tọa Thích Thiện Minh trụ thế được 56 năm và 36 năm hành đạo, trong giai đoạn đầy biến động của đất nước.

Chùa Thuyền Tôn ở Huế đã lập tháp vọng thờ Ngài với ngày kỷ niệm tưởng nhớ công ơn là 15 tháng 9 âm lịch.



Từ trái: ĐĐ. Th. Hộ Giác, TT. Th. Thiện Minh, TT. Th. Trí Quang



*Cổng vào nơi bia ký và tháp của Ngài Thích Thiện Minh
Tại chùa Thiên Tôn tại Thừa Thiên - Huế.*

Thượng Tọa Thích Thiện Minh là một lãnh đạo cao cấp của Phật Giáo, nhiều người đánh giá Ngài là một nhà lược của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, phải chăng chính vì vai trò quan trọng đó nên Ngài đã bị bức tử trong lao tù Cộng sản.

Tài liệu tham khảo:

- Thích Thiện Minh Web: hoavouu.com
- Tiểu sử Cố HT. Thích Thiện Minh Web: nguoiaolam.net

Tiết hai: Lãnh đạo GHPGVNTN bị lưu đày

Ngày 26-10-1978: HT. Thích Đôn Hậu Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống Trụ trì chùa Linh Mục Huế, gửi thư từ chức Đại Biểu Quốc Hội và Ủy Viên Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam.

Ngày 08-12-1978: Chư Thượng Tọa và Đại Đức bị bắt tháng 4 năm 1977 đem ra xét xử, trừ TT. Quảng Độ và ĐĐ. Thanh Thế được tha bổng, các vị khác bị tuyên án tù từ 2 đến 7 năm, vì tội "chống nghĩa vụ quân sự", "không cho Phật tử tham gia các tổ chức Cách mạng và yêu nước".

Ngày 02-02-1979: HT. Giác Nhiên Đệ nhị Tăng Thống viên tịch, vì không thể tổ chức Đại hội Phật Giáo để bầu Tăng Thống, nên Hội Đồng Lương Viện cung thỉnh HT. Thích Đôn Hậu, Chánh Thư Ký kiêm nhiệm Xử lý Thường vụ Viện Tăng Thống.

Tháng 2-1980: Nhà cầm quyền Cộng sản lập ra "Ban Vận Động Thống Nhất Phật Giáo Việt Nam" Nhằm mục đích đưa tất cả các Giáo hội Phật Giáo ở miền Nam vào tổ chức Hội Phật Giáo nằm trong Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của đảng Cộng sản Việt Nam. Với mô hình tam giác lật ngược, nghĩa là trên to nhưng dưới nhỏ hay không có gì, tức nhiên Hội có tổ chức nhưng không có hội viên hay chỉ rõ hơn là không có tầng lớp dân chúng ở dưới.

Ngày 09-09-1981: Ban Vận Động họp với GHPGVNTN tại chùa Ân Quang.

Ngày 17-09-1981: Ban Vận Động Thống Nhất Phật Giáo Việt Nam họp tại chùa Xá Lợi và TT. Thích Minh Châu, Tổng Thư Ký Ban Vận Động ra Thông Báo cực lực lên án hành động phá hoại của TT. Thích Quảng Độ Tổng Thư Ký Viện Hóa Đạo.

Ngày 11-10-1981: Ban Vận Động Thống Nhất Phật Giáo Việt Nam họp với GHPGVN Thống nhất tại chùa Ân Quang, lần này TT. Quảng Độ phát biểu HT. Viện Trưởng triệu tập Hội Đồng Viện họp mà không thông báo cho Tổng Thư Ký biết để đạt thư mời, như vậy không hợp pháp. Do đó buổi họp không thành, sau đó chánh quyền Cộng sản cho bắt giữ TT. Huyền Quang, Quảng Độ, Thuyền Ân, ĐĐ. Thông Bửu, Thông Huệ trong 24 giờ để làm áp lực.

Ngày 04-11-1981: Đại Hội Phật Giáo đã họp tại Hà Nội gồm 140 đại biểu của 9 Tập đoàn Phật giáo đã thành lập Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam, nằm trong Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam, dưới sự kiểm sát của Ban Tôn Giáo chính phủ. Tổ chức Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam từ Trung Ương đến địa phương. Tại Trung Ương có Hội Đồng Chứng Minh đứng đầu là Pháp chủ, dưới có Hội Đồng Trị Sự Trung Ương. 9 đoàn thể sau đây đã cử đại biểu tham dự đại hội.

- Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam
- Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất
- Giáo hội Phật giáo Cổ truyền Việt Nam
- Giáo hội Tăng già Nguyên thủy Việt Nam
- Ban liên lạc Phật giáo Yêu nước Thành phố Hồ Chí Minh
- Giáo hội Thiên thai giáo Quán Tông
- Giáo hội Tăng già Khất sĩ Việt Nam
- Hội đoàn kết Sư sãi Yêu nước Tây Nam Bộ
- Hội Phật học Nam Việt.

Ngày 07-11-1981: Đại hội đã thông qua Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam đồng thời suy tôn, suy cử giáo phẩm lãnh đạo Hội đồng Chứng Minh và Hội đồng Trị sự nhiệm kỳ I (1981 - 1986) bao gồm:

- Pháp chủ là Hòa thượng Thích Đức Nhuận (nguyên Quyền Hội trưởng Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam)
- Đệ nhất Phó pháp chủ kiêm Giám luật là Hòa thượng Thích Đôn Hậu (nguyên Tăng thống Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất)
- Chủ tịch Hội đồng Trị sự là Hòa thượng Thích Trí Thủ (nguyên Viện trưởng Viện Hóa đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất)
- Phó chủ tịch Hội đồng Trị sự là Hòa thượng Thích Trí Tịnh (nguyên Phó Viện trưởng Viện Hóa đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất)

Ngày 24-11-1981: HT. Thích Đôn Hậu gửi thư cho HT. Thích Trí Thủ Chủ tịch Hội Đồng Trị Sự Trung Ương GHPGVN, không nhận chức Phó Pháp Chủ kiêm Giám Luật trong Hội Đồng Chứng Minh.

Ngày 08-02-1982: HT. Thích Đôn Hậu gửi thư cho HT. Thích Đức Nhuận, Pháp Chủ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam tại Hà Nội thông báo không nhận chức Phó Pháp Chủ kiêm Giám Luật trong Ban Thường Trực Hội Đồng Chứng Minh.

Ngày 25-02-1982: TT. Thích Huyền Quang và Quảng Độ bị bắt sau đó TT. Huyền Quang bị quản thúc ở Quảng Ngãi, TT. Thích Quảng Độ bị quản thúc ở Thái Bình.

Ngày 07-07-1982: Chánh quyền Cộng sản đột nhập, lục soát và Văn phòng Viện Hóa Đạo GHPGVNTN tại chùa Ấn Quang, sau đó chiếm cứ làm Văn phòng Thường trực Thành Hội Phật Giáo Tp. HCM.

Đó là giai đoạn khởi đầu HT. Thích Đôn Hậu, Chánh Thư Ký kiêm Xử lý Thường vụ Viện Tăng Thống, TT. Thích Huyền Quang Viện Trưởng Viện Hóa Đạo và TT. Thích Quảng Độ Tổng Thư Ký Viện Hóa Đạo GHPGVNTN, nói chung là lãnh đạo GHPGVNTN chống lại sự áp đặt các tổ chức tôn giáo nằm trong Mặt Trận Tổ Quốc.

TT. Huyền Quang bị quản thúc ở Quảng Ngãi, từ đó cho đến năm 2003, tính ra là 21 năm.

Còn TT. Thích Quảng Độ bị quản thúc ở Thái Bình. Năm 1992, ngài gửi thư phản kháng nhà cầm quyền Cộng sản về lý do quản chế ngài không thông qua xét xử hay án lệnh toà án. Ngài báo trước trong vòng một tháng nếu nhà cầm quyền không hồi âm, ngài sẽ tự giải chế.

Do không nhận được phản hồi, Ngài tự động đi xe lửa trở về Sài Gòn, chọn trú xứ nơi Thanh Minh Thiền viện, đường Trần Huy Liệu, quận Phú Nhuận Tp. HCM. Tính ra ngài bị lưu đày hơn 10 năm.

1) Thích Huyền Quang



Thích Huyền Quang - Lê Đình Nhàn (1919-2008)

Đại Trưởng lão Hòa thượng Thích Huyền Quang, thế danh Lê Đình Nhàn, sinh ngày 19 tháng 9 năm 1919, tại xã Nhơn An, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định, xuất thân từ một gia đình sống về nghề nông và tiểu thương. Ngài đã theo đuổi việc học liên tục từ lúc 6 tuổi cho đến 26 tuổi. Lúc nhỏ hấp thụ nền văn hóa Khổng Mạnh, cho đến năm 13 tuổi Ngài xuất gia. Ngài đã từng đi nhiều nơi và hiểu biết tường tận cả hai miền Trung và Nam Việt Nam.

Năm 1932, lúc 13 tuổi, Ngài xuất gia và trở thành một tu sĩ Phật giáo, thuộc dòng Lâm Tế chánh tông đời thứ 41, pháp danh Như An, tự Giải Hòa, pháp hiệu Huyền Quang. Từ năm 13 đến năm 19 tuổi Ngài theo học Phật học với Hòa thượng Chí Tâm, Hòa thượng Bích Liên, các Sư huynh Huyền Chiếu, Bảo Phong và cư sĩ Thám Mai. Đến năm 1939, Ngài được đưa

vào học tại Phật học đường Lương Xuyên, tỉnh Trà Vinh. Sau đó Ngài được cử ra học và tốt nghiệp tại trường Đại học Phật giáo Báo Quốc - Huế.

Sau khi hoàn tất chương trình Đại học Phật giáo, vào năm 1945, với tuổi 26, Ngài đã tham gia phát động và lãnh đạo phong trào Phật giáo cứu quốc tại Bình Định và Liên khu V (các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định và Phú Yên)...

Hiệp định Genève ký kết vào năm 1954, Pháp rút khỏi Việt Nam, đất nước bị chia cắt, Ngài được cung thỉnh làm Giám đốc Tăng học đường Trung phần tại Nha Trang cho những năm 1955-1957, và trong thời gian này Ngài được mời làm Tổng Thư Ký Phật Học Viện Hải Đức - Nha Trang.

Năm 1958, Ngài giữ chức Phó Hội trưởng Hội Phật giáo Trung phần kiêm Hội trưởng Phật giáo tỉnh Thừa Thiên.

Năm 1962, Ngài trở về Bình Định, giữ chức vụ Hội trưởng Phật giáo tỉnh Bình Định. Cũng trong thời gian này, Ngài và chư Tăng trong tỉnh thành lập cơ sở đào tạo Tăng Ni cho bản tỉnh và các tỉnh lân cận. Phật học viện Nguyên Thiệu được thành lập, Ngài được cung thỉnh làm Giám viện.

Cũng từ năm 1962 này, Ngài dẫn đầu phong trào đòi tự do tín ngưỡng, chống kỳ thị tôn giáo dưới thời Ngô Đình Diệm tại Bình Định rồi sau đó vào Sài Gòn hoạt động và làm Thư ký Ủy ban liên lạc bảo vệ Phật giáo. Ngài bị bắt giam vào ngày 20.8.1963 tại Sài Gòn và được thả ra sau ngày đảo chính 1.11.1963.

Sau biến cố 1963, Ngài trở thành người lãnh đạo trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, được hình thành vào năm 1964. Trong vòng 10 năm sau đó, Ngài giữ trách vụ Tổng Thư ký viện Hóa đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất.

Trong thời gian này, Ngài đã tham dự các cuộc hội thảo của Phật giáo Quốc tế được tổ chức khắp nơi trên thế giới (Tokyo 1970, Geneva 1973, Brussels 1974...)

Năm 1981, Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất mà ngài là một thành viên đã tham gia thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam cùng 8 tổ chức, giáo hội, hệ phái khác. Tuy nhiên, Ngài cùng một số vị khác không tham gia vào Giáo hội mới.

Từ năm 1982-1994, sau khi bị nhà cầm quyền cộng sản bắt ngày 25-2-1982, tại chùa Ấn Quang Sài Gòn, TT. Huyền Quang bị lưu đày tại chùa Quang Phước ở Quảng Ngãi .

Từ năm 1994-2003, ngài Huyền Quang bị lưu đày tiếp tục tại chùa Hội Phước ở Quảng Ngãi.

Tháng 3 năm 2003, Ngài ra Hà Nội chữa bệnh. Trong thời gian dưỡng bệnh tại Hà Nội, Ngài tiếp xúc với ông Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Thủ tướng chính phủ Phan Văn Khải và nhiều vị đại diện Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Sau đó Ngài đã đi thăm nhiều chùa ở Hà Nội, Huế, TP. Hồ Chí Minh, rồi trở về

Tu viện Nguyên Thiệu ở Bình Định.

Tháng 10/2003, một số Tăng Ni hải ngoại họp tại Tu viện Quảng Đức (Australia) suy tôn Ngài vào vị trí Đệ tứ Tăng thống của GHPGVNTN.

Sau thời gian lâm trọng bệnh, mặc dù đã được các môn đồ, tập thể bác sĩ Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định tận tình cứu chữa, nhưng vì tuổi cao sức yếu nên đã viên tịch lúc 13g15 ngày 5-7-2008 tại tu viện Nguyên Thiệu, xã Phước Hiệp, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định. Ngài thọ 90 tuổi.

Hòa Thượng Thích Huyền Quang đã dịch và sáng tác những tác phẩm, phần lớn chưa được xuất bản và một số khác bị thất lạc:

- *Thiền Môn Chánh Độ*;
- *Sư tăng và Thế nhơn* ;
- *Nghi cúng chư Tổ và Chư vị Cao Tăng*;
- *Đạo Tràng Công Văn Tân Soạn* ;
- *Thiếu Thất Lục Môn* ;
- *Phật Pháp Hàm Thu, v.v.*

Tài liệu:

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT

VIỆN TĂNG THỐNG

CHỨC THƯ

**GỎI CHƯ TÔN HÒA THƯỢNG, CHƯ THƯỢNG TỌA
TRONG HỘI ĐỒNG LƯƠNG VIỆN GIÁO HỘI PHẬT
GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT**

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Kính thưa Chư Liệt vị,

Do mấy chục năm dài sống trong cảnh tù đày rồi quản chế, tuy hiu quạnh, đơn chiếc, nhưng tôi vẫn tự tại vô ngại, lấy kinh sách và bộ Đại Tạng làm bạn và thầy. Tuy nhiên do thiếu thuốc men và chăm sóc, thời gian qua tôi mắc nhiều chứng bệnh. Đây cũng là lẽ vô thường, mà người tu hành chẳng bận tâm. Như chư Liệt vị đã biết tin, gần đây tôi phải nhập viện trong cơn thập tử nhất sinh. Nhưng nhờ lương y chăm sóc và chư Phật hộ trì nên thân tứ đại vẫn còn.

Nay đã xuất viện về tịnh dưỡng ở Tu viện Nguyên Thiều. Sức khỏe yếu hơn trước rất nhiều, thỉnh thoảng hay quên các chuyện vặt, nhưng tinh thần vẫn sáng suốt, minh mẫn, tuy lòng riêng khôn nguôi các Phật sự của Giáo hội chưa hoàn tất như ý nguyện.

Vào tuổi này như ngọn đèn trước gió, ngày mai ra sao khó mà biết trước. Phòng chuyện bất ngờ xảy tới, nhân danh Đệ Tứ Tăng thống, tôi viết mấy lời tâm huyết, thâm tình gửi đến chư Liệt vị Hòa thượng, Thượng tọa giáo phẩm trong Hội đồng Lương viện. Mai đây dù phải xả báo thân, nhưng chí nguyện tôi vẫn cạnh kề chư Liệt vị trong công cuộc phục vụ và phát huy mạng mạch Chánh Pháp nơi trú xứ quê hương này. Nay tôi trân trọng ủy thác chư Liệt vị giáo phẩm các điều sau đây, mong mỗi chư Liệt vị hoan hỷ gia tâm tiến hành cho đến khi thành tựu sau khi tôi về cõi Phật :

1. Bằng mọi cung cách và phương tiện, phục hồi quyền sinh hoạt pháp lý của Giáo hội dân lập và truyền thống là Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, và hoàn thành sứ mệnh hiệp nhất với tất cả các hệ phái trên mọi miền đất nước như chư Lịch đại Tổ sư đã thực hiện từ thời Đinh đến nay. Việc thống nhất nội bộ Phật giáo phải do chư Tôn đức Tăng Ni của Giáo hội giải quyết, không ai khác làm thay được.

2. Ủy thác Hòa thượng Thích Quảng Độ, Viện trưởng Viện Hóa Đạo, kiêm nhiệm chức Xử lý Thường vụ Viện Tăng Thống để điều hành Phật sự của Giáo hội cũng như kiện toàn, chấn chỉnh, bổ sung hay hoán chuyển nhân sự sao cho Giáo hội được nhất quán, tùy duyên mà bất biến để đối ứng với mọi tình thế.

3. Trong hoàn cảnh đầy chướng duyên và pháp nạn như hiện nay, Hội đồng Lương viện tiếp tục sứ mệnh lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành các Phật sự của Giáo hội trong bất cứ hoàn cảnh

nào ; lấy bản Hiến chương do Đại hội Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất kỳ V tu chính ngày 12.2.1973 làm kim chỉ nam, chủ yếu giữ vững mục đích và lý tưởng đề ra qua Hiến chương. Các việc khác có thể tùy duyên, linh động cho đến khi hoàn cảnh cho phép tu chính thông qua Đại hội.

4. Văn phòng II Viện Hóa Đạo - Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất Hải ngoại tại Hoa Kỳ cùng Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất Hải ngoại tại các Châu đã hình thành và hoạt động kỷ cương, nền nếp từ 12 năm qua. Xin chư Liệt vị đặc biệt lưu tâm đề trong ngoài hòa hiệp gây trợ duyên cho đạo Phật Việt Nam góp mặt cùng thế giới trong công cuộc tịnh hóa nhân gian, xây dựng hòa bình trước bao khuynh hướng bạo động. Riêng Phòng Thông tin Phật giáo Quốc tế hoạt động hiệu quả từ bao năm qua, nay cố duy trì và phát huy hơn nữa trong công cuộc truyền thông, vận động quốc tế và giới thiệu Đạo Phật Việt Nam.

Nguyện cầu Tam Bảo độ trì cho toàn thể Chư Tôn Hòa thượng, Chư Thượng tọa trong Hội đồng Lương viện phước trí nhị nghiêm, thương yêu, hiệp nhất trước mỗi mâu thuẫn và ly gián của thế nhân để hiển lộ Pháp tánh giác ngộ và cứu khổ. Tôi cũng nhắn nhủ đến toàn thể Chư Tăng, Ni, cùng quý vị thiện tri thức, nam nữ Phật tử trong và ngoài nước hãy cùng nhau nâng đỡ, tương trợ, giữ tâm bồ đề kiên cố làm cho giáo hội trang nghiêm và hoàn thiện một Tứ chúng biết phục vụ dân tộc và nhân loại. Ở vào thời đại nhiều nhượng, nhân tâm ly tán, đạo đức suy đồi, bè phái phân chia, tranh chấp, vị kỷ lan tràn... thì quý vị phải biết sớm khuya lo sợ, tinh tấn tu hành, đề tâm lo việc cho dân chúng. Đặc biệt giới Cư sĩ, noi gương tiên nhân đảm trách các vấn đề xã hội trong tinh thần từ bi và đức tính vô úy của Phật giáo.

Được như vậy, vô thường không phân rẽ chúng ta trên bước đường hoằng hóa chúng sanh nơi cõi này và nghìn muôn cõi khác.

Nam Mô Thường Tinh tấn Bồ Tát Ma Ha Tát

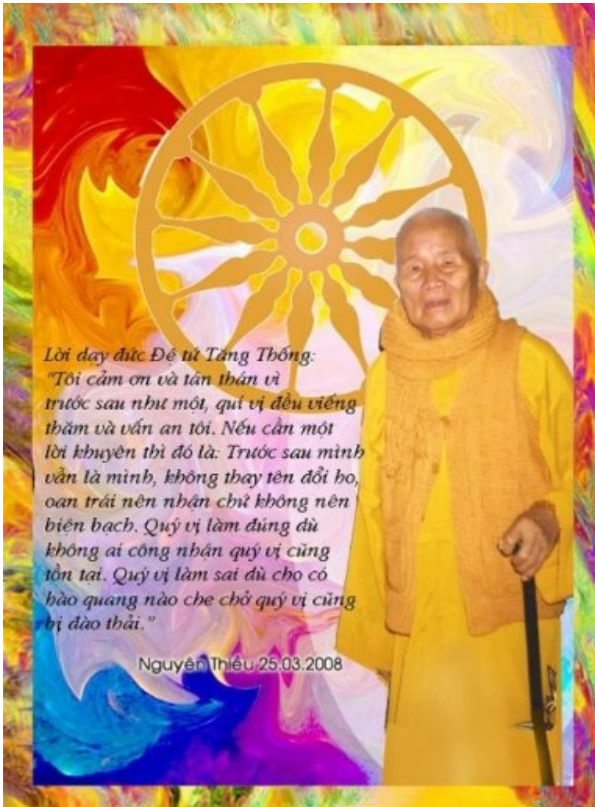
P.1. 2548 – Mồng 8 tháng 12 Giáp Thân,

Tu viện Nguyên Thiệu ngày 17.1.2005

Nay Chúc thư

(ấn ký)

Thích Huyền Quang



Đại lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang một người dân yêu nước, một tu sĩ giới đức, một lãnh đạo kiên cường đấu tranh cho tự do dân tộc, bảo vệ cho Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống nhất được tồn vong, nhằm bảo ôn cho đạo pháp và dân tộc.

Tài liệu tham khảo:

- Thích Huyền Quang Web: vi.wikipedia.org
- *Chức thư của Đệ Tử Tăng Thống* Web: rfa.org

2) Thích Quảng Độ



Thích Quảng Độ - Đặng Phúc Tuệ (1928-20)

Đại lão Hòa thượng Thích Quảng Độ, thế danh Đặng Phúc Tuệ, sinh ngày 27 tháng 11 năm 1928, nhằm 16 tháng 10 Mậu Thìn, tại xã Thanh Châu, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình, trong gia đình làm nghề nông, theo Nho học và đời đời thờ Phật. Thân sinh ngài là cụ Đặng Phúc Thiều, tự Minh Viễn. Thân mẫu ngài là cụ Đào Thị Huân, Pháp danh Diệu Hương, hiệu Đàm Tĩnh. Ngài có ba anh em trai, người anh cả là Đặng Phúc Trinh, anh thứ là Đặng Phúc Quang và ngài là con út.

Năm 1934, ngài theo học trường làng, đến năm 1942 xuất gia theo Hoà thượng Thích Đức Hải, Trụ trì chùa Linh Quang, xã Thanh Sam, huyện Ứng Hoà, tỉnh Hà Đông, được cho pháp danh Quảng Độ, tu học tại Phật học viện Quán Sứ ở Hà Nội.

Năm 1944 Ngài thụ giới Sa di, năm 1947, thụ giới Cụ túc. Năm 1951, Tổng Hội Phật Giáo Bắc Việt do cố Hoà Thượng Thích Tố Liên lãnh đạo cử Ngài đi Tích Lan theo học tại Phật học viện Kelaniya Pirivena.

Năm 1953 Ngài qua Ấn Độ, theo học tại Đại học Vishva Bharati University, Santiniketan ở Tây Bengal. Trong thời gian du học Ấn Độ, ngài có dịp đi chiêm bái các Phật tích và di tích Phật giáo tại Nepal, Bhutan, Tây tạng...

Năm 1958, Ngài trở về Sài Gòn, chuyên dạy học và dịch Kinh sách. Biến cố 1963, Ngài tham gia Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo trong ban Thông tin Báo chí. Trong chiến dịch Nước lũ đêm 20 tháng 8 năm 1963 Ngài bị bắt cùng chư Tăng Ni, Phật tử trên toàn quốc, đông nhất tại hai thành phố Saigon và Huế.

Sau cuộc đảo chính của giới quân nhân ngày 01.11.1963 ngài được tha về cùng toàn bộ chư Tăng Ni, Phật tử. Trong thời gian bị giam cầm, vì không chịu khai báo nên bị tra tấn dữ dội. Ngài và cư sĩ Cao Hữu Đính là hai người bị tra tấn dã man nhất, di chuyển phải bò vì không thể đứng trên hai chân. Vì vậy mà sau khi được phóng thích, ngài nghỉ trị bệnh ba năm mà vẫn không dứt. Năm 1966 phải sang Nhật giải phẫu phổi. Một năm sau, 1967, ngài mới bình phục về nước. Trên đường về ngài ghé các nước Đài Loan, Hồng Kông, Thái Lan, Miến Điện để khảo sát tình hình Phật giáo Á châu. Về nước ngài tiếp tục dịch Kinh sách và giảng dạy tại các Đại học và học viện:

- Phật học viện Huệ Nghiêm.
- Phật học viện Từ Nghiêm.
- Phật học viện Dược Sư.
- Viện đại học Vạn Hạnh (Saigon).
- Viện đại học Hoà Hảo (An Giang).
- Giáo Hoàng Học viện Piô X (Dalat).

Năm 1972, ngài tham gia Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất trong chức vụ Phát ngôn nhân kiêm Thanh tra của Viện Hoá Đạo.

Năm 1974, Đại hội kỳ 6 bầu Ngài làm Tổng Thư Ký Viện Hóa Đạo, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất.

Kể từ sau ngày 30.4.1975, khi bộ đội Cộng sản miền Bắc chiếm toàn cõi miền Nam, thì cùng với toàn dân, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất bị phân biệt đối xử theo chính sách trả thù nhân dân miền Nam của kẻ chiến thắng. Pháp nạn thứ ba chụp lên toàn bộ hàng giáo phẩm GHPGVNTN. Mặt khác, nhà cầm quyền Cộng sản chiếm dụng tất cả cơ sở của Giáo hội từ Viện Đại học Vạn Hạnh, các trường Trung và tiểu học thuộc hệ thống Trường Bồ Đề, cho đến chùa viện, cơ sở văn hóa và xã hội từ thiện. Cuộc phản kháng chính sách đàn áp Phật giáo khởi đầu bằng những kiến nghị. Nhưng ngày càng trở nên trầm trọng và quyết liệt khiến xảy ra cuộc tự thiêu tập thể của 12 Tăng Ni hôm 2.11.1975 tại Thiên viện Dược Sư, ấp Tân Long, xã Tân Bình, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Cần Thơ.

Với tư cách Tổng thư ký Viện Hóa Đạo, Ngài dẫn đầu phái đoàn về Cần Thơ lập hồ sơ. Nhưng toàn bộ hồ sơ gồm các chứng liệu, băng từ ghi 7 lời thỉnh nguyện của Đại đức Thích Huệ Hiền trước khi tự thiêu, hình chụp và phim quay tại hiện trường đều bị công an tịch thu. Ngày 3.3.1977, nhà nước tiến thêm một bước chiếm dụng Cô Nhi viện Quách Thị Trang ở Saigon, Ngài cùng với Hòa thượng Thích Huyền Quang và chư tôn đức Tăng, Ni, Phật tử phát động cao trào đòi hỏi Nhà nước cộng sản hoàn trả tài sản của Giáo hội. Cuộc đấu tranh gay go và bị Nhà cầm quyền thẳng tay đàn áp.

Ngày 6.4.1977, Ngài bị bắt và bị biệt giam tại Nhà giam số 4 Phan Đăng Lưu, Quận Bình Thạnh ở Sài Gòn do Bộ Nội vụ quản lý, cùng với cố Hòa thượng Thích Thiện Minh, Hòa thượng Thích Huyền Quang, v.v... Do áp lực quốc tế và sự phản đối của đồng bào Phật tử trong và ngoài nước, nên sau 18 tháng tù giam, ngày 10.12.1978 Nhà cầm quyền cộng sản đưa

ngài ra Tòa án Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử, kêu án 2 năm tù treo và quản chế tại chỗ.

Năm 1978, hai Giải Nobel Hòa bình người Ái Nhĩ Lan là bà Mairead Corrigan và bà Betty Williams đề cử Ngài và Hòa thượng Thích Huyền Quang làm ứng viên Giải Nobel Hòa bình.

Cùng với Hòa thượng Thích Huyền Quang, Ngài phản đối việc Cộng sản chính trị hóa và công cụ hóa Phật giáo, nên Ngài và Hòa thượng Thích Huyền Quang bị Nhà cầm quyền bắt ngày 25.2.1982, trục xuất khỏi thành phố Saigon, dùng xe công quyền chở về lưu đày nơi nguyên quán miền Bắc tại xã Vũ Đoài, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Quyết định số 71/QĐ-UB của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh lưu đày Ngài khỏi Saigon không thông qua một tòa án nào cả, chỉ căn cứ vào Quyết định số 123/CP ngày 8.7.1968 của Hội đồng Chính phủ "về việc cấm những phần tử có thể gây nguy hại cho trật tự an ninh cư trú ở những khu vực quan trọng". Một tội khác mà chấp pháp cộng sản không ngừng lên án trong những ngày thâm cung là : "Làm tôn giáo tức là làm chính trị".

Kể từ cuộc lưu đày năm 1982 này, Ngài và Hòa thượng Thích Huyền Quang là hai nhà lãnh đạo duy nhất của GHPGVNTN, tay không tác sát, sau lưng không có binh đoàn nào. Nhưng bằng ý chí bất khuất với con tim vô úy, hai Ngài đã tái lập vị trí và danh nghĩa Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất trong lòng dân tộc cũng như trên trường quốc tế, không để cho Giáo hội tiêu trầm như người Cộng sản mong ước, và trước sự thờ ơ hay sợ hãi của đám đông.

Năm 1992, Ngài gửi thư chất vấn nhà cầm quyền Cộng sản lý do quản chế ngài không thông qua xét xử hay án lệnh toà án. Ngài hẹn trong vòng một tháng nếu không được nhà cầm quyền hồi âm, ngài sẽ tự giải chế. Không được phản hồi, Ngài

tự động lấy tàu trở về Saigon nơi trụ xứ Thanh Minh Thiền viện.

Năm 1994, theo lời giao phó của Đại lão Hoà thượng Thích Huyền Quang, Ngài đứng ra tổ chức lại cơ cấu hoạt động của GHPGVNTN, mà việc đầu tiên là Ngài ra lệnh cho tất cả cơ sở của Giáo hội dựng bảng hiệu GHPGVNTN trên các chùa viện của mình. Bắt đầu Ngài dựng bảng Văn phòng Tổng Thư ký GHPGVNTN tại Thanh Minh Thiền viện. Nhà cầm quyền Cộng sản phản ứng và chống đối mạnh mẽ chiến dịch dựng bảng GHPGVNTN ấy.

Cuối năm 1994, nạn bão lụt trầm trọng xảy ra tại đồng bằng sông Cửu Long gây chết chóc và nửa triệu người sống trong cảnh màn trời chiếu đất. Ngài tổ chức phái đoàn Viện Hoá Đạo đi cứu trợ với những đoàn xe mang thuốc men, mền chiếu, thực phẩm. Nhưng đến chuyến cứu trợ thứ ba thì bị nhà cầm quyền khùng bố. Ngài bị bắt ngày 4.1.1995 cùng với chư Tăng trong đoàn cứu trợ là các Thượng toạ Thích Không Tánh, Thích Nhật Ban, Thích Trí Lực và hai Cư sĩ Đồng Ngọc, Nhật Thường. Toà án Nhân dân Saigon đem ra xử hôm 15.8.1995, Ngài lãnh án 5 năm tù giam và 5 năm quản chế vì tội đi cứu trợ đồng bào nạn nhân lũ lụt và đưa về giam ở trại tù Ba Sao, tỉnh Nam Hà, miền Bắc.

Theo nhà cầm quyền, trong thời gian bị giam giữ, Thích Quảng Độ đã tỏ ra ăn năn, hối cải nên nhân dịp Quốc khánh 2-9-1998, Chủ tịch nước Việt Nam đã quyết định đặc xá, tha tù trước thời hạn cho ông, trả về nơi cư trú cũ tại Thanh Minh Thiền Viện.

Thời gian bị lưu đày 10 năm ở tỉnh Thái Bình, Ngài khởi công dịch bộ Phật Quang Đại từ điển gần tám nghìn trang. Công việc chưa hoàn tất thì bị bắt. Ngài mang theo ra nhà tù Ba Sao làm tiếp. Nhưng quản giáo nhà tù ngăn cấm. Ngài phải tranh luận quyết liệt mới được ban quản trại chấp thuận. Nhưng ngày

ân xá vào cuối năm 1998, ban giám trại không cho ngài mang công trình dịch thuật theo về, bảo rằng Ngài phải làm đơn xin để họ xét. Ngài bảo rằng công trình của tôi dịch thuật, mà nay phải đi xin các ông ư ? Ngài bỏ lại công trình này ở Ba Sao, và phải mất 2 năm sau mới hoàn tất lại việc đã làm trong tù. Bộ Phật Quang Đại Từ điển xuất bản 6 tập (7374 trang, khổ 18x25) năm 2000.

Vì tình hình đàn áp trong nước tiếp diễn không ngưng, nên Giáo hội không thể tổ chức Đại hội VIII GHPGVNTN theo Di chúc của Đức cố Đệ tam Tăng thống Thích Đôn Hậu. Đại lão Hoà thượng Thích Huyền Quang nhân danh Hội đồng Lưỡng Viện ban hành Giáo chỉ giao phó cho Văn Phòng II Viện Hoá Đạo – GHPGVNTN Hải ngoại tại Hoa Kỳ tổ chức Đại hội VIII tại Hoa Kỳ ngày 14 – 16.5.1999 nhằm chấn chỉnh Phật sự theo tình hình mới. Tại Đại hội này Ngài được thỉnh cử vào ngôi vị Viện trưởng Viện Hoà Đạo.

Ngày 21.2.2001, Ngài ban bố Lời Kêu gọi cho Dân chủ Việt Nam với một chương trình 8 điểm thực hiện tiến trình dân chủ hoá Việt Nam. Đồng bào các giới trong và ngoài nước tỏ lời tán thán ủng hộ. Hàng trăm nhân vật quốc tế ký tên hậu thuẫn khi Lời Kêu gọi được công bố tại LHQ tháng 4.2001, và lần đầu tiên trên ba trăm nghìn (308.027) người Việt hải ngoại ký tên hậu thuẫn. Vì lời kêu gọi này mà Ngài bị nhà cầm quyền Cộng sản ra lệnh quản thúc 2 năm.

Tết Ất Dậu, 2005, Ngài gửi Thư Chúc Xuân đến quý vị Nhân sĩ, Trí thức, Văn Nghệ sĩ, và Đồng bào trong và ngoài nước kêu gọi kết liên thực hiện tiến trình dân chủ hoá Việt Nam. Bức thư gây phẫn chấn đồng bào trong và ngoài nước. Sự hưởng ứng Bắc Nam trong giới hoạt động nhân quyền và dân chủ lần đầu tiên được thiết lập, mở ra giai kỳ mới cho sự kết đoàn có tính dân tộc và toàn quốc.

Ngày 4.11.2006, Sáng hội Rafto, nước Na Uy, trao Ngài Giải Nhân quyền Quốc tế. Sáng hội tuyên dương : “Hòa thượng Thích Quảng Độ, một sĩ phu lãnh đạo và là thể lực kết hợp [cao trào dân chủ và nhân quyền] nơi quê hương ngài. Là một Tăng sĩ Phật giáo, học giả và nhà văn, Hòa thượng đem suốt đời mình phục vụ tận tụy cho công lý thăng tiến, cũng như tiếp nối truyền thống Phật giáo bất bạo động, khoan dung và từ bi”.

Nhiều giải quốc tế khác cũng đã vinh danh Ngài như Giải Nhân quyền Hellman-Hamet năm 2001, Giải “Người với Người” năm 2003 của Tiệp mà Tổng thống Vaclav Havel là thành viên trong ban chấm giải, và Giải “Dũng cảm Dân chủ” do 600 nhà dân chủ thuộc 125 quốc gia họp tại thủ đô Istanbul, Thổ Nhĩ Kỳ, vinh danh ngày 5.4.2006.

Ngày 27.12.2007, nhân danh Hội đồng Lương Viện, Ngài ra Tuyên cáo về việc Trung quốc xâm lấn hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, kêu gọi Nhà cầm quyền Cộng sản Việt Nam trao quyền lãnh đạo đất nước cho toàn dân như kế sách dân tộc mỗi khi có ngoại xâm trong truyền thống văn minh nước Việt. Vì lẽ “ba triệu đảng viên Cộng sản và nửa triệu bộ đội hiện tại chưa đủ thế và lực bảo vệ tổ quốc trên mặt quốc phòng, chưa đủ uy và dũng mở rộng mặt trận chính trị và ngoại giao quốc tế, mà cần tới sự tham gia toàn diện của 85 triệu dân và khối lượng Người Việt hải ngoại”. Để đạt tới sự tham gia toàn quốc, Nhà cầm quyền Hà Nội phải “loại bỏ ngay điều 4 trên Hiến pháp tạo điều kiện cho sự tham gia cứu quốc của toàn dân, của mọi thành phần dân tộc, mọi gia đình tôn giáo và chính trị”, hầu tiến tới việc “cấp tốc triệu tập Hội nghị Diên Hồng cho thế kỷ XXI”.

Không riêng vấn đề Việt Nam, mà các biến động xảy ra cho các nước Châu Á cũng là mối quan tâm của Ngài. Tháng 9.2007 Ngài viết thư cho ông Tổng Thư ký LHQ yêu cầu can thiệp cho phong trào dân chủ Miền Điện ngay vào lúc chính

quyền quân phiệt đàn áp đổ máu chư Tăng và nhân dân Miến. Tháng 3.2008 Ngài viết thư cho Đức Dalai Lama chia sẻ và hậu thuẫn chư Tăng và nhân dân Tây Tạng đang bị Trung quốc nổ súng giết tại thủ đô Lasha và các tỉnh, đồng thời kêu gọi Trung quốc mở cuộc nghị hoà để giải quyết vấn đề Tây Tạng tồn đọng quá lâu.

Từ chốn lưu đày, hay trở về nơi trụ xứ quản chế tại Thanh Minh Thiền Viện ở Saigon, trong cương vị Viện trưởng Viện Hóa Đạo, Ngài là người phụ tá đắc lực cho Đức cố Đệ tứ Tăng thống đưa con thuyền Giáo hội qua bao cơn phong ba, bão táp.

Có những lúc Giáo hội nghiêng ngửa vì nội ma ngoại chương, Ngài không muốn người đời hiểu lầm Ngài tham quyền cố vị, nên Ngài nhường việc Phật sự Giáo hội cho lớp Tăng nhiều tham vọng. Nhưng đơn xin từ chức của Ngài không được Đức Tăng thống chấp thuận. Hồi đáp qua bức thư tay, Đức Tăng thống viết tại Tu viện Nguyên Thiều hôm 11.11.2005 cho thấy sự gắn bó, tin tưởng, tương thân tương ái và chí tình giữa hai ngài như hình với bóng. Có đoạn Đức Tăng thống viết rằng :

“Tôi nghĩ lại trong thời gian quá khứ cũng như hiện tại, tôi và ngài đều bị tù đày cho Giáo hội, mọi sự khó khăn và phiền não chúng ta đã vượt qua. Nay vì những lời xuyên tạc của một số vị lãnh đạo Giáo hội chúng ta và bên ngoài đã làm xáo trộn hàng ngũ của Giáo hội. (...) Chúng ta trong quá khứ cũng thường bị trong ngoài nói thể này thể khác. Nhưng những việc ấy rồi cũng qua đi, nếu chúng ta không sáng suốt để bên ngoài hay bên trong thao túng gây khó khăn ngộ nhận thì chúng ta và cả Giáo hội chúng ta làm sao tồn tại đến ngày hôm nay”.

Năm 1988, cô đơn nơi đất trịch Thái Bình, Ngài làm bài thơ “Gửi Thượng tọa Huyền Quang” tặng Đức cố Tăng thống :

Tôi với Người thực là may mắn

*được cùng nhau chia sẻ “ngọt bùi”
đất Quang Trung
người nằm ngắm bầu trời
quê Quế Đường
tôi ngồi nhìn vũ trụ
cứ đêm đêm tôi thả hồn theo cánh gió
về thăm Người
Người có biết hay chăng !
Qui Nhân, Thái Bình chung một vầng trăng
như tâm ta không hai mà một
vòi vọi núi đao hùng hừng lửa đốt
ta nhảy vào
tất cả đau thương và sầu khổ
bình tâm ta
hết thấy đều không !
Đêm nay
như vầng trăng trên vạt dòng sông
Người là tất cả
tôi cũng là tất cả
tất cả chảy vào biển Quả
quả yên vui giải thoát giữa dòng đời.*

Điều cảm động, là những lúc nhớ nhau, mãi cho đến những ngày gần đây, Đức Tăng thống thường gọi thị giả bảo đọc lại bài thơ này cho Đức Tăng thống nghe. Và như thế, đã không biết bao nhiêu lần.

Tác phẩm:

a) Trước năm 1975:

- *Kinh Mục Liên* (3 quyển)
- *Kinh Đại Phương Tiện Phật Báo Ân* (7 quyển)
- *Truyện Cổ Phật Giáo*
- *Thoát Vòng Tục Lụy* (lịch sử tiểu thuyết), nguyên tác của

Thích Tinh Vân.

- *Nguyên Thủy Phật Giáo Tư Tưởng Luận*, nguyên tác của Kimura Taiken.

- *Tiểu Thừa Phật Giáo Tư Tưởng Luận*, nguyên tác của Kimura Taiken.

- *Đại Thừa Phật Giáo Tư Tưởng Luận*, nguyên tác của Kimura Taiken.

- *Chiến Tranh và bất Bạo Động*, nguyên tác của S.Radhakrishnan.

- *Dưới Mái Chùa Hoang* (tập truyện phóng tác).

b) Sau năm 1975 :

- Nhận Định về những sai lầm tai hại của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Dân tộc và Phật giáo. Sách này Ngài gửi cho Ông Đỗ Mười, Tổng bí thư đảng CS Việt nam, ngày 19.8.1994, được Nhà xuất bản Quê Mẹ và Phòng Thông tin Phật giáo Quốc tế phát hành tại Paris năm 1995, tái bản lần 3.

- Thơ Tù, gồm các bài thơ làm trong thời gian bị tù giam và quản chế lưu đày. Nhà xuất bản Quê Mẹ ấn hành năm 2007, tái bản lần 3.

- Bộ Phật Quang Đại Từ Điển gồm 6 tập, 7374 trang, khổ 18x25 dịch trong thời gian ở tù giam và quản chế lưu đày. Ấn hành năm 2000.

Trích thơ:

Dâng Mẹ

*Bao năm rồi con lưu lạc ngàn phương,
Con nhớ mẹ suốt canh trường khắc khoải,
On dưỡng dục mẹ ôi ! Sao xiết kể,
Công sinh thành con nghĩ : quặn lòng đau.*

*Góc mai già xơ xác đã từ lâu,
Chờ vợ đứng giữa đường đời gió lộng.
Dòng sông chảy : ấy đời con trong mộng,
Lững lờ trôi..., trôi mãi đến bao giờ ?
Có những đêm con chiêm thiếp trong mơ,
Con mơ thấy hồn con về thăm mẹ.
Được ấp ủ trong tình thương của mẹ,
Mảnh hồn con âm dịu biết bao nhiêu ?
Bốn phương trời con tìm kiếm đã nhiều,
Nhưng không có một tình yêu của mẹ.
Vu lan đến cõi lòng con quạnh quẽ,
Bóng người xưa như phảng phất đâu đây.
Một chiều thu lạnh dâng bát cơm đầy,
Tình nghĩa ấy, mẹ ôi ! bao thấm thía.
Phương trời này con ngậm ngùi rơi lệ,
Đức cù lao muôn một trả chưa xong.*

Mùa Vu lan Quý Mão (1963)

Tài liệu:

ĐẠO TỬ

**nhân kỳ Lễ Huý nhật lần thứ 6 Đức Cố Đệ Tứ Tăng Thống
Thích Huyền Quang và Lễ Cầu nguyện Vẹn toàn
Lãnh thổ Lãnh hải Việt Nam**

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Kính bạch Chư Tôn Hoà thượng, Thượng toạ, Đại đức Tăng Ni,

Thưa toàn thể Đồng bào Phật tử trong và ngoài nước,

Thời gian qua, Hội đồng Lương Viện Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (GHPGVNTN) và bản thân tôi, nhận được nhiều thư của quý nhân sĩ và đồng bào các giới thúc đẩy Giáo hội lên tiếng, và đề xuất những biện pháp cứu nguy đất nước, trước nạn độc tài đảng trị làm điêu linh dân tộc. Vô hình trung, nạn độc tài này lại nuôi dưỡng bước chân xâm lược biển đảo và lãnh thổ mà tổ tiên nước Việt đã đổ xương máu gầy dựng suốt bao nhiêu đời.

Chúng tôi tri ân sự tin cậy và trông chờ của chư liệt vị đối với Giáo hội chúng tôi. Tuy nhiên điều cần nói là GHPGVNTN là một tôn giáo, hoà quyền cùng dân tộc trên hai nghìn năm qua, để dựng xây nền văn hiến và bảo vệ chủ quyền nước Việt. Sự đóng góp này là ý chí hoằng hoá chúng sinh của đạo Phật, mà tiêu đích thấy rõ, là bao lâu con người chưa giải thoát giác ngộ, thì xã hội không sao thay đổi, tiến bộ. GHPGVNTN không là một đảng chính trị để có biện pháp thích nghi trong vấn đề điều hành quốc gia.

Theo giáo luật Phật chế, Giáo hội không làm chính trị, không tham gia chính trị. Thế nhưng chư Tăng Ni vẫn là công dân của một nước, tức có trách vụ đóng góp ý kiến khi công động xã hội luân hiểm đưa tới sự mất nước hay suy vong.

Thái độ này đã là truyền thống dân thân xã hội, mà người Phật tử Việt Nam, chư lịch đại tổ sư, các đạo sư, thiền sư không ngừng quan tâm suốt chiều dài lịch sử của dân tộc, ở thời bình cũng như thời chiến. Sự đóng góp của đạo Phật Việt trên căn bản của đại thừa giáo đã là nền tảng dựng nước và giữ nước không thể phủ nhận. Cho nên mọi âm mưu biến tướng đạo Phật nói chung, và GHPGVNTN nói riêng, đi ngược quyền lợi đất nước.

Cuộc vận động cho tự do tôn giáo, nhân quyền và dân chủ của GHPGVNTN suốt 39 năm qua, đã là hành hoạt kiên trì mang

tính đồng hành cùng dân tộc như giải pháp cứu nguy tình thế và phát triển quốc gia.

Không tôn trọng nhân quyền cơ bản, thì người dân chưa được làm người để xây dựng một xã hội hoà ái. Không thực thi dân chủ đa nguyên, thì quốc gia biến thành trại lính, khó chen chân vào thế giới văn minh tiên bộ và phát triển ngày nay.

Vì vậy, mười ba năm trước, ngày 21.2.2001, tôi đã gióng Lời Kêu Gọi Cho Dân Chủ với một chương trình chính trị 8 điểm. Ba năm sau đó, ngày 3.2.2005, tôi lại gửi Lời Chúc Xuân nhân Tết Ất Dậu đến quý vị Nhân sĩ, Trí thức, Văn Nghệ sĩ, và Đồng bào trong và ngoài nước, tái khẳng định ý nghĩa của Vô thường rằng : *“Hạnh phúc có thể tái tạo, tự do có thể thiết lập, nô lệ có thể chấm dứt. Cho nên kẻ sĩ phu theo thời mà thông biến. Lịch sử nước ta trải dài nhiều nghìn năm cho thấy sĩ phu là giới hiểu thời vụ, nhờ hiểu thời vụ mà ra tay chuyển hóa thời đại làm cho quê hương thoát cơn luân hiểm, sinh dân được an lạc”*. Và rằng : *“Không còn con đường nào khác ngoài con đường dân chủ đa nguyên để tái thiết đất nước. Lẽ giản dị là nhiều ý kiến vẫn hơn một ý niệm độc tôn, nhiều thành phần chính kiến, tôn giáo, xã hội, đồng tâm hiệp lực xây dựng quê hương, vẫn hơn một đảng phái độc quyền bao cấp quản lý”*.

Liên đó, trong cuộc trả lời phỏng vấn Đài nước ngoài, tôi ngỏ lời “Đề nghị Nhà nước Việt Nam không nên sợ hãi. Chỉ sợ mình không có chính nghĩa, không thật sự có tâm huyết với dân tộc thôi. Chứ sợ gì mất quyền. Đùng sợ có tự do, dân chủ là mình mất quyền. Không đâu. Người dân bây giờ tỉnh táo lắm. Ai có công, ai thật sự vì dân, vì nước, người ta biết. Miễn là mọi đảng phái khác cũng được quyền tham dự để cho dân có cơ sở so sánh, lựa chọn, các đảng phái có cơ sở tranh đua phục vụ tổ quốc. Đùng sợ nhiều đảng loạn quyền. Chỉ sợ dân trí bị kim hãm trong chủ nghĩa ngu dân thôi. Mà đã ngu dân, thì một đảng cũng sinh loạn”.

“Bối cảnh nước ta ngày nay, theo tôi suy nghĩ vào năm 2005, không cần có vài chục đảng mới thiết lập được dân chủ. Chỉ cần **một đảng tả khuynh, một đảng hữu khuynh, một đảng trung hòa** đại diện cho các dòng suy nghĩ chính lưu. Nhưng trái lại, phải có nhiều xã hội dân sự tự do xuất hiện với mọi quyền con người cơ bản, ắt việc nước sẽ khai thông, quốc gia sẽ thịnh trị. Điều kiện tiên quyết muốn được như vậy là phải có tự do, dân chủ thật sự để mỗi người và mọi thành phần xã hội được bình đẳng tham gia việc nước. Không sung sướng gì bằng, không hạnh phúc gì bằng, khi những người làm chính trị được chính người dân tin tưởng giao quyền cho. Đời sống nhân dân các nước dân chủ ở Bắc Âu là mô thức khá hoàn hảo về sự an lạc và tự do của người dân mà chúng ta có thể học hỏi, nghiên cứu, dung hóa, áp dụng vào bối cảnh Việt Nam”.

Phải có dân chủ đa nguyên thì mới giải quyết mọi vấn nạn bế tắc. Ba mươi chín năm qua, đất nước đã bế tắc trên mọi lĩnh vực kinh tế, xã hội, tôn giáo, văn hoá, chính trị. Nay thêm nạn ngoại xâm đến từ phương Bắc, mà sự kiện giàn khoan Hải dương 981 của Trung quốc xâm phạm vùng đặc quyền kinh tế Việt Nam đầu tháng 5 vừa qua, là thách thức lớn, báo hiệu thời đại Bắc thuộc lần thứ hai khai diễn. Nếu Nhà nước Cộng sản Việt Nam không có tâm hướng Hộ Quốc, Hộ Dân, tắt roi vào tâm địa của một chính quyền bán nước hại dân.

Tâm hướng Hộ Quốc Hộ Dân trong lúc này chẳng có giải pháp nào khác ngoài tiến trình dân chủ hoá chế độ. Trong cuộc kháng chiến giành độc lập năm 1945, tuy đảng Cộng sản nắm quyền lãnh đạo, nhưng nêu không có sự tham dự của toàn dân qua mọi khuynh hướng đảng phái và tôn giáo, thì cũng thất bại. Sự lãnh đạo độc tôn này lại là bài học đau thương gây chết chóc hằng triệu dân lành hai miền Nam Bắc, trở thành cuộc chiến huynh đệ tương tàn, cuộc phiêu lưu chính trị, làm tiêu hoại túi khôn dân tộc so với các quốc gia khu vực như Ấn Độ, Singapore, Mã Lai Á, Phi Luật Tân, Nam Dương, v.v...

Nước mất, thì đạo giáo, văn hiến, dân tộc cũng mất theo. Nô lệ chưa bao giờ là cách sống và thể đứng của người dân Việt. Diên Hồng không là một hội nghị hình thành từ sự kêu gọi hay tập hợp. Diên Hồng là ý chí và xung lực của toàn thể nhân dân. Thời đại nhà Trần đã thành công nhờ ý chí và xung lực ấy. Vì đâu tám thế kỷ sau, ý chí ấy không trường thành ?

Kim hãm sự trường thành là chế độ độc tài độc đảng dựa vào ý thức hệ Mác Lê Mao. Nay cần thanh toán mầm mống ngoại lai làm tiêu hoại thần trí và tinh não Việt Nam.

Nhân danh Hội đồng Lương Viện Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, tôi cất lời kêu gọi giới nhân sĩ, trí thức, văn nghệ sĩ, các nhà lãnh đạo tôn giáo và đồng bào các giới hãy chung lòng kết hợp chung quanh Giải pháp Dân chủ đa nguyên như vũ khí chống ngoại xâm và phát triển đất nước, tái tạo ý chí Diên Hồng vào thế kỷ XXI.

Thanh Minh Thiên Viện, Saigon ngày 16-6.2014

TM. Hội Đồng Lương Viện GHPGVNTN

Đệ Ngũ Tăng Thống

(ấn ký)

Sa môn Thích Quảng Độ

Đại Lão Hòa Thượng Đệ Ngũ Tăng Thống Thích Quảng Độ, là một vị cao tăng cương trực, yêu nước yêu chuộng hòa bình, tự do, dân chủ nên ngài tranh đấu cho mục đích này và quyết tâm bảo vệ GHPGVNTN, giành cho được sự hỗ trợ của quốc tế để Giáo hội được tôn vinh và sự tranh đấu đạt được kết quả, để mọi người dân Việt được ấm no an lạc.

Tài liệu tham khảo:

- Thích Quảng Độ Web: tangthuphathoc.net
- Đạo Từ của Đức Tăng Thống Web: tiengnoiluongtri.com

Tiết ba: Vụ án Thập nhị Tầng, Ni Già Lam

Ngày 22-03-1984: Hòa Thượng Thích Trí Thủ bị mời đến trụ sở Mặt trận Tổ quốc Thành Phố Hồ Chí Minh, để nghe băng thu âm của một tăng sĩ trẻ tại Già Lam, nói về các cuộc hội họp, thảo luận của Lê Mạnh Thát, Tuệ Sỹ... Trong khi đó Công an đột nhập Quảng Hương Già Lam ở Gò Vấp và Thiền Viện Vạn Hạnh ở Phú Nhuận bắt 12 Tăng, Ni thân cận của TT. Trí Thủ, trong đó có ĐĐ Thích Tuệ Sỹ, ĐĐ. Thích Trí Siêu (Lê Mạnh Thát), ĐĐ. Thích Nguyên Giác và Ni cô Thích nữ Trí Hải, toàn là học giả uyên bác của Phật giáo Việt Nam.

Ngày 02-4-1984, lúc 21 giờ 30 ngày 2 tháng 4 năm 1984 (tức ngày 2 tháng 3 năm Giáp tý) Hòa thượng Trí Thủ Chủ tịch Hội Đồng Trị Sự Trung Ương Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam đột tử tại Quảng Hương Già Lam, thọ 76 tuổi đời, 56 tuổi đạo.

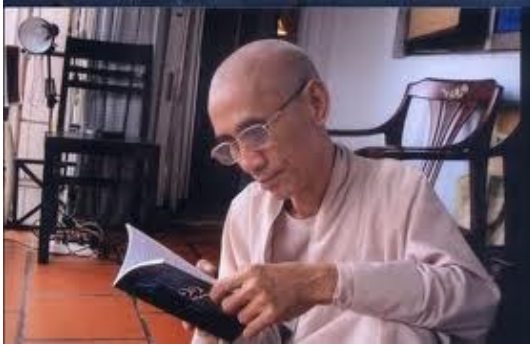
Ngày 06-08-1985: TT. Thích Đức Nhuận bị bắt và ho ra máu trong khi bị khảo tra. TT. Thích Đức Nhuận nguyên là Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống, nguyên Chủ Tịch Giáo Hội Tăng Già Bắc Việt Tại Miền Nam, chủ trương Nhà Xuất Bản Vạn Hạnh, năm 1967 có in quyển sách Thế Giới Quan Phật Giáo của Hoà Thượng Thích Mật Thể, sách được gửi từ Hà Nội vào Nam, trong đó tác giả đã phê bình chế độ Cộng sản thời bấy giờ.

Năm 1986: TT. Thích Thông Bửu đệ tử Bồ tát Thích Quảng Đức bị bắt vì tội hợp hành bất hợp pháp và bị đày đi Phú Khánh.

Ngày 30-09-1988: Tòa án Cộng Sản tại Tp HCM đã xử tử hình, ĐĐ. Tuệ Sỹ và Trí Siêu, TT. Đức Nhuận 10 năm tù, Ni cô Trí Hải 4 năm tù vì đã dám phát động phong trào bảo vệ nhân quyền qua Mặt Trận Nhân Quyền Việt Nam sau cải danh là Lực Lượng Tự Do Việt Nam, còn có 2 Sĩ Quan QLVNCH Phan Văn Tý và Tôn Thất Kỳ bị án chung thân và 17 người khác bị tù từ 4 đến 15 năm tù.

Ngày 15-11-1988, do áp lực quốc tế và sự vận động của người Việt ở nước ngoài, Hà Nội phải mở phiên xử phúc thẩm để giảm hai án tử hình xuống còn 20 năm tù. Hai án chung thân giảm xuống còn 18 và 16 năm. Hoà thượng Thích Đức Nhuận giảm xuống còn 9 năm tù. Trí Siêu Lê Mạnh Thát và Tuệ Sỹ bị tù 14 năm mới được tha vào ngày 1-9-1998, sau 10 ngày Tuệ Sỹ tuyệt thực.

1) Thích Tuệ Sỹ



HT. Thích Tuệ Sỹ - Phạm Văn Thương (1943-20)

Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ thế danh Phạm Văn Thương sinh ngày 15 tháng 2 năm 1943 tại Paksé, Lào, ông quê tại Quảng Bình, Việt Nam, là một học giả uyên bác về Phật giáo, nguyên giáo sư thực thụ của Đại học Vạn Hạnh tại Sài Gòn, nhà văn, nhà thơ, dịch giả và là một người bất đồng chính kiến với nhà cầm quyền Cộng Sản. Ông từng giữ chức Tổng Thư Ký kiêm Đệ nhất phó Viện trưởng Viện Hóa Đạo của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất.

Ông thông thạo tiếng Trung Hoa, tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Pali, tiếng Phạn và tiếng Nhật, đọc hiểu tiếng Đức. Ông được giới học giả Việt Nam đánh giá cao vì đã công bố nhiều tiểu luận, chuyên khảo, thơ và nhiều công trình dịch thuật Phật giáo từ tiếng Phạn, tiếng Trung Hoa và tiếng Nhật. Lúc bị bắt năm 1984 ông và Thích Trí Siêu, được coi là 2 nhà sư uyên bác nhất của Phật giáo Việt Nam, đang soạn thảo quyển Bách Khoa Phật Học Đại Tự Điển.

Ông qui y Phật lúc 7 tuổi, học Phật pháp trong Phật học viện Hải Đức tại Nha Trang, rồi sau đó là tại Thiền viện Quảng Hương Già Lam tại Sài Gòn.

Ông tốt nghiệp Viện Cao đẳng Phật học năm 1964, phân khoa Phật học Viện Đại học Vạn Hạnh năm 1965, được đặc cách bổ nhiệm là Giáo sư thực thụ Viện Đại học Vạn Hạnh từ năm 1970 nhờ nhiều công trình nghiên cứu và khảo luận triết học nổi tiếng. Ông là Chủ bút của tạp chí *Tư tưởng* do Viện Đại học Vạn Hạnh phát hành, Thư ký tòa soạn tạp chí *Vạn Hạnh* do Hòa Thượng Thích Đức Nhuận chủ trương. Ông cũng làm thơ, viết một số truyện ngắn đăng trên tạp chí *Khởi hành* (1969-1972), *Thời tập* (1973-1975). Ngoài ra ông cũng hiểu biết rất nhiều trong lĩnh vực triết học Tây phương. Ông là người đầu tiên thuyết trình về Michel Foucault tại Việt Nam.

Sau năm 1975 ông về lại Nha Trang, đến năm 1977 thì vào TP. Hồ Chí Minh sống tại Thị Ngạn Am, chùa Già Lam. Đầu năm 1978 ông bị đưa đi học tập cải tạo 3 năm, đến năm 1980 được trả tự do.

Ngày 22 tháng 3 năm 1984 ông bị bắt tại Già Lam còn Thích Trí Siêu (Lê Mạnh Thát) bị bắt tại Thiền Viện Vạn Hạnh. Tổ chức Ân xá Quốc tế tin rằng nguyên nhân việc bắt giữ Thích Tuệ Sỹ và Thích Trí Siêu là do 2 ông là thành viên của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (GHPGVNTN).

Tháng 9 năm 1988, ông và Lê Mạnh Thát bị tuyên án tử hình vì tội hoạt động lật đổ chính quyền nhân dân. Tháng 11 năm 1988 sau một cuộc vận động giảm án, bản án được giảm xuống còn tù chung thân. Ngày 1 tháng 9 năm 1998, ông được thả tự

do tại trại Ba Sao-Nam Hà ở miền Bắc Việt Nam. Một năm sau đấy, do vì tiếp tục hoạt động cho GHPGVNTN, ông cùng với Thích Quảng Độ lại bị đe dọa giam giữ và bị công an triệu tập tra hỏi.

Năm 1998 tổ chức Human Rights Watch đã tặng giải thưởng về nhân quyền Hellmann-Hamett Awards cho ông và 7 người Việt khác (Hoàng Tiến, nhà văn Lữ Phương, Nguyễn Ngọc Tần, Phạm Thái Thụy, Thích Trí Siêu và 2 người được giấu tên). Tháng 4 năm 2000 công an đã đến khám xét nơi cư ngụ của Thích Quảng Độ tại Thanh Minh Thiền Viện và Thích Tuệ Sỹ tại chùa Quảng Hương Già Lam.

Năm 2004 đài RFA đưa tin Thích Tuệ Sỹ vẫn còn đang bị quản thúc tại gia. Năm 2012, Thích Tuệ Sỹ đã rời chùa Già Lam, lên sống ở Lâm Đồng.

Tác phẩm:

1. Sáng tác

- *Bát quan trai giới*
- *Cửa Vào Tuyệt Đối*
- *Chiến tranh, tình yêu, hoài niệm và truyện ngắn Võ Hồng*
- *Dẫn vào Tâm Kinh Bát Nhã*
- *Dẫn vào thế giới văn học Phật giáo*
- *Duy-ma-cật Với Các Đại Thanh Văn*
- *Duy tuệ thị nghiệp*
- *Đối Biện Bồ Tát*
- *Giấc mơ trường sơn*
- *Giới Thiệu Phẩm Phương Tiện Thiện Xảo, Kinh Duy-ma-*

cật

- *Giới Thiệu Phẩm Văn-thù thăm bệnh, Kinh Duy-ma-cật*
- *Giới thiệu Trung Luận kệ tụng - Phạm Tạng Hán đối chiếu toàn dịch*
- *Giá trị đối chiếu trong những tương quan văn hóa*
- *Góc Tùng*
- *Huyền thoại Duy-Ma-Cật*
- *Kinh Hoa Nghiêm: Lý tưởng Bồ-tát và Phật*
- *Khái niệm về số trong Kinh Dịch*
- *Lễ Tháng Bảy Cho Những Oan Hồn Phiêu Bạt*
- *Lô Sơn Chân Diện Mục*
- *Mười huyền môn: trật tự của thế giới trong tương quan vô tận*
- *Nguồn gốc của một thế giới quan vô tận*
- *Ngục trung mị ngữ*
- *Những Giá Trị Phổ Quát Của Bồ Tát Hành*
- *Piano Sonata 14*
- *Phát Triển Tâm Từ*
- *Phật Dạy Chăn Trâu*
- *Reduction to the Nothingness*
- *Sự hủy diệt của một trào lưu tư tưởng*
- *Sư Thiện Chiếu*
- *Tánh không luận là gì?*
- *Tinh hoa triết học Phật giáo*
- *Tư tưởng Phật giáo đối diện với hư vô*
- *Từ Thiền đến Hoa Nghiêm*
- *Thanh Sắc Thi Ca*
- *Thiền và Bát-nhã*
- *Thuyền ngược bến không*
- *Trật tự của thế giới trong tương quan vô tận*

- *Trú xứ của Bồ-tát*
- *Văn Minh Tiểu Phẩm*
- *Về những minh họa từ Thiền Uyển Tập Anh*

2. Dịch Thuật

- *A-tỳ-đạt-ma Câu-xá luận 1*
- *Các Tông Phái Phật giáo*
- *Kinh Duy Ma Cật*
- *Luận Thành Duy Thức*
- *Nhân đạo Triết Học Thế Thân*
- *Tạp A-hàm*
- *Tăng nhất A-hàm*
- *Thắng Man Giảng Luận. (dịch và giảng)*
- *Trung A-hàm*
- *Trường A-hàm*
- *Thiền Luận 2 và 3*

Trích văn:

Gốc Tùng

Đương niên song cối thị song đồng Tô Đông Pha

Những năm trước, hai gốc tùng trước sân như hai đứa trẻ, dáng điệu miệt mài trong cơn gió hiu hắt của mùa thu. Quanh năm suốt tháng, không một lời qua lại, không trao đổi nhau đến cả một chiếc lá đã qua mùa. Vào năm mưa bão nhiều, đôi khi nước dâng cao, từ xa vọng lại như một bãi tuyết trắng ngập nửa thân hình. Thỉnh thoảng vài cánh bướm ghé xuống, không hương sắc của phấn nhụy để bày tỏ một chút tình nồng nhiệt. Cánh bướm lại bay đi, vẫn không một cử chỉ xao động hứa hẹn nào. Chúng bình thản và trầm

mặc, cố lớn lên cho kịp tâm lòng bao dung của trời đất. Bây giờ thì cả hai đã sừng sững ra đây, như hai con rồng xanh không thiết đến chuyện làm mưa làm gió. Chẳng biết vô tình hay cố ý, một đôi người cũng thấy chủ nhân như đã muốn ký thác cái bản tính lưu linh hơn một nửa đời sôi nổi của mình ở đó. Mỗi năm một mùa nước lũ, cuốn đi một ít cái cao cách điệu của những trận cười. Từ mấy năm nay, những tiếng cười ấy không gượng đủ sức để chống chế lòng thác đổ âm. Từng đêm, từng cơn ho dồn dập phủ xuống trên ngọn cây tùng. Và từng buổi sáng, ông chống gậy ra sân, thọc từng chiếc lá một của cây ngô đồng. Có vẻ như ông không cam tâm nhìn những chiếc lá đã đến mùa báo hiệu, mà vẫn cố lây lất mãi trên cành.

Buổi sáng như thế. Buổi tối như thế. Còn buổi trưa ông làm gì nhỉ ?

Tháng bảy, tháng tám, xứ Huế thường có mưa dầm. Dù vậy vào trưa trời cũng còn hơi lạnh. Nhưng ông chỉ bận một chiếc quần cụt, không ngót nằm xuống, rồi lại ngồi dậy. Nóng từ bên trong. Sức nóng tàn bạo của hơi rượu chắt chứa trên mấy mươi năm trời. Thân ông, bên ngoài như đồng tro tàn đã nguội lạnh; bên trong lửa vẫn còn cháy âm ỉ. Gan ruột bị thiêu đốt. Một cái gì đó không ngót hồi thúc. Những sợi tóc bạc và lòng đất mát lạnh. Khí sắc của một thời chỉ còn phảng phất trong phong độ của hai gốc tùng.

- Cháu đi chiều hay khuya ?

Cậu cháu của ông đang ngồi quay lưng lại, tựa ở án sách đặt sát khung cửa sổ; chậm chạp gấp sách lại và nhón chân đứng dậy, ghé mắt nhìn ra trước sân. Trời đục như màu sữa. Mặt đất vẫn còn ướt.

- Hồi về, cháu cứ định là ở luôn đây. Mấy tháng này, cháu chỉ tập viết, cả ngày. Chữ có hơi tiến bộ. Nhưng còn rất nét móc câu thì không cách gì cháu viết coi cho được.

Ngay giữa nhà, một cái sập với bộ đồ trà màu đất nung. Giường của ông lão kê sát góc tường phía trái. Kế cận đó là án sách và cửa sổ. Bên trên vách tường mé phải, trong cái không khí lờ mờ, ẩm ướt, sau cơn mưa dai dẳng hơn hai ngày, người ta nhìn thấy những hàng chữ thảo, gầy và cứng, giống như những que củi khô ngang dọc. Nét chấm phá của mực tàu chông lên vách tường vôi, vàng và cũ. Một mùa Xuân nào đó; nước ẩm ướt đầu mấy con vịt, như nhuộm trắng; một cụ già chống gậy tiếp khách. Khách mang theo cả một thời quá khứ của cụ, trong từng bước. Khách hẹn sẽ có ngày ghé thăm lại. Hòn núi trợ trợ trong buổi chiều, y ước đứng mãi đấy để đếm từng buổi nắng quái đi qua :

*Ngang đầu vẫn khác kỷ thời qui
Khách ngôn thu phong lạc điệp thi
Hệ mã lạc dương khai khẩu tiến
Bàng sơn y ước kiến tà huy*

Những ánh nắng của buổi chiều lây lất và một mái tóc bạc đứng đợi cái gì đã đi qua và đi mất.

- Cháu rót cho ông chén nước.

Cụ ngồi dậy, hai tay tì lên mép giường, bỏ thông chân xuống đất. Chỉ trong chốc lát, cụ lại nằm xuống, nghiên đầu nhìn cậu cháu út, rồi trở mặt vào vách, đưa quạt lên phủ.

Cậu út bưng chén nước đặt lên chiếc ghế nhỏ ở đầu giường.

- Dạ, thưa ông, nước.

Cậu trở lại án sách, xếp lại chồng sách ngay ngắn, cắm những cây viết vào ống.

- Chiều chút nữa, cháu sang bên phố. Sáng mai lên tàu.

Ông cụ lại trở mình, cất đầu cao lên một chút; với tay bưng chén nước trà, nhấp một hợp nhỏ; rồi lại nằm xuống, buông quạt và nhắm mắt như muốn ngủ. Cậu út ngồi khoanh tay, tựa cằm lên án sách.

Như vậy, thoáng một cái đã mười một năm rồi; kể từ ngày cậu bỏ trốn ông nội ra đi, nay là lần đầu tiên về lại. Cậu mang về cho ông một ít khôn lớn và trầm tĩnh. Những năm trước đó nữa, qua cặp kính tuổi, ông vẫn còn có thể nhìn thấy đôi mắt của đứa cháu này một chân trời biền biệt; cái thứ biền biệt ấy đã lôi cuốn dây dưa quá nửa đời người. Bởi vì mỗi năm có một mùa nước lũ, bỗng không ông trở thành cột trụ của một gia đình, do chính mình tự dựng. Nước từ Trường Sơn đổ xuống ào ạt, cái hương sắc của rừng rú trải bao nhiêu lần gạn lọc, khi băng qua các làng mạc, phố phường. Một lần đã thấm cái hương vị mặn nồng và xanh ngát của biển thì không còn trông mong cơ hội chảy ngược về nguồn. Người con trai độc nhất của ông, sinh ra và lớn lên trong cao vọng của những con sóng bạc đầu. Cho đến cả thằng cháu lớn, cái địa vị ấy vẫn còn nồng đượm. Những dòng máu đỏ tươi đã đổ xuống theo dòng nước, cứ mãi miết chảy dài ra cửa biển.

Nhưng, ở cậu út này, ông đã hy vọng biết bao; một đám mây trời nào đó trong tuổi thanh xuân của mình. Con trai của ông không giữ nổi ông nghỉ yên với tuổi già, với những trầm lắng của một ngày đã xê. Tâm hồn ông còn quá nhiều sôi nổi. Hằng đêm, ông cất giọng đọc sách sang sảng. Cả nhà không ai ngủ được. Quanh phố cũng không ai ngủ được. Đành phải kiếm cho ông một căn nhà xa phố. Lúc đó,

cậu út vừa hơn mười một tuổi. Cậu nhất định theo ở với ông nội. Buổi sáng cậu vẫn phải sang phổ học. Buổi chiều, ông dạy cháu học chữ Hán. Hơn nửa năm, cậu học xong Tam tự kinh, bộ Minh Tâm bửu giám và một nửa quyển Hán Cao tổ. Cha cậu không nói gì hết; nhưng ông hơi e ngại. Mai sau, thằng nhỏ sẽ làm được gì cho cuộc đời của nó ? Bà mẹ có những lo sợ khác. Lối học chữ Hán của con bà như vậy, biết đây lớn lên nó chẳng cuồng chữ và loạn óc ? Bà muốn nó uống mực Tàu cho thật nhiều để đầu óc nó hơi tối lại. Nhưng ông nội gạt đi.

Hai ông cháu ở với nhau gần được một năm, bỗng nhiên cậu út bỏ trốn ông nội, lẩn tránh cả cha mẹ, bỏ đi mất biệt. Bà mẹ âm thầm oán trách. Bằng chừng ấy tuổi, ngày ngày chỉ ôm những chuyện nào Lưu Bang, Hạng Vũ, nào Hàn Tín, Trương Lương; lại được ông nội tiêm nhiễm cho nào núi cao, nào biển rộng, nào sông dài, nhất đần không bỏ đi sao được ? Quả thực là "cướp công cha mẹ thiệt hại đời thông minh".

Chẳng mấy chốc cũng đã mười một năm rồi đấy.

- Ông trông hai gốc tùng bao lâu rồi, coi lớn dữ hi ?

Trời càng về chiều, ông cụ càng mát và càng khỏe dần. Ông ngủ thiếp đi được một lúc.

Ngôi nhà của ông ở trên một cái cồn nhỏ giữa sông Hương. Người ta gọi nó là Cồn Hén. Mỗi lần qua phố, phải đi bằng đò. Năm kia, tỉnh cho bắc cầu từ Cồn sang Vĩ Dạ. Sẵn dịp, người ta cất một cái quán nhỏ. Buổi sáng nấu cơm tấm, buổi chiều người ta bán chè. Vào mùa bấp, chè bấp rất được hâm mộ. Bấp cồn này nổi tiếng là thứ ngon nhất của thành phố Huế. Từ khi có cầu bằng buổi chiều, khách từ bên phố lái xe vòng ngã Trường Tiền sang Vĩ Dạ, đến đây như để hóng

mát. Cảnh chiều có hơi rộn rã. Tuy vậy, buổi tối vẫn còn giữ được cái không khí tịch mịch của một cồn nhỏ biệt lập giữa dòng sông. Đêm đêm, cậu út bắc ghế gằm ở hiên nhà. Bên trong, chỉ một ngọn đèn dầu ở giữa sập. Chốc chốc, tiếng ho của cụ già khi loì khi dồn dập. Trước sân, hai gốc tùng lặng lẽ rủ nhánh theo cơn gió đong đưa. Ông lão không còn nhìn thấy được gì trên thân hình của cháu nữa. Đôi lần tỉnh táo, ông còn nghe ra những bước vừa chậm vừa gằn. Ông chỉ thấy mơ hồ bóng dáng của cậu đi qua đi lại một mình. Cái giọng nói của nó trầm trầm như một người khách dầy dụa trong cái cảnh nửa chiều nửa sáng.

Cậu về với ông nội ít lâu, vài ba năm gì đó. Một già một trẻ với một chút hy vọng ở bên kia bờ. Trời đất đâu đâu cũng đối đãi với người rất nồng hậu. Nhưng lòng người lại hay quyến luyến; tâm trạng của một cảnh hai quê. Người không trải rộng được lòng mình như tấm lòng bao dung của trời đất. Cái chí tình của người, một mai kia đổ lại, không lớn và không trong hơn một giọt sương sớm trên chiếc lá. Chân trời biền biệt trong đôi mắt ấy chỉ được về bằng nước lã trên trang giấy trắng. Bầu trời càng cao thì càng trong, nhưng không sao rung động lòng người cho bằng khi có những đám mây rất thấp hay cuộn cuộn.

- Thưa ông, cháu sửa soạn đi bây giờ.

Ông cụ đã thức dậy này giờ. Hai tay khoanh lại làm gối, ngửa mặt trông lên trần nhà. Cậu út bước ra nhà sau. Ông cụ rút cánh tay mặt, gác lên trán. Khi cậu trở lên :

- Nì !

- Dạ !

Cụ quay mặt vào vách, rồi quay trở ra, nheo mắt nhìn về phía cửa sổ.

- Coi trời đã chiều hung chưa ?

- Dạ, chiều lắm rồi.

Cậu bước ra sân, đưa mắt nhìn về phía mặt trời lặn. Ráng chiều, mây trắng và mây đen lẫn lộn. Cậu trở vào, vừa đi vừa nói vọng :

- Dạ, hơi có nắng. Phía tây bắc có ráng đỏ. Mai chắc mưa gió chi đây.

Khi đến gần ông cụ, cậu đứng thẳng người, khẽ cúi đầu.

- Dạ, thưa ông, cháu đi.

Lại một lần nữa. Ngày mai, trời sẽ có mưa hay gió gì đây. Vào mùa này, Huế thường có sương mù mỗi sáng. Lúc xe ngang qua cầu Trường Tiền, phía dưới kia dòng nước còn nhỏ thấp thoáng như một hải đảo xa xôi nào đó.

Trích thơ:

Chân Đồi

*Vác cuốc
xuống chân
đồi
Nắng mai
hồng đôi môi
Nghiêng vai
hòn tuổi trẻ*

*Máu đỏ rợn
bên trời.*

*Thầy, tóc
trắng bơ vơ
Con, mắt xanh
đợi chờ
Đèn khuya
cùng lẻ bóng
Khúc ruột rời
đường tơ.*

*Tuổi Thầy mơ
cánh hạc
Cánh hạc vẫn
chốc mòn
Mắt con mờ
ráng đỏ
Ráng đỏ lệ
lưng tròn*

*Chân đôi xanh
luống cải
Đôi ta xanh
viễn phương
Sóng chết một
câu hỏi
Sinh nhai lỗ
độ đường.*

Mười Năm Trong Cuộc Lữ

*Ngon gió đưa anh đi mười năm phiêu lãng
Nhìn quê hương qua chứng tích điêu tàn*

*Triều đông hải vẫn thì thắm cát trắng
Chuyện tình người và nhịp thở của Trường sơn*

*Mười năm nữa anh vẫn làm lì phố thị
Yêu rừng sâu nên khóe mắt rưng rưng
Tay anh với trời cao chim chiều rú rí
Đời lênh đênh thu cánh nhỏ bên đường*

*Mười năm sau anh băng rừng vượt suối
Tìm quê hương trên vết máu giữa đồng hoang
Chiều khói nhạt như hồn ai còn hận tui
Từng con sông từng huyết lệ lan tràn*

*Mười năm đó anh quên mình sậy yếu
Đôi vai gầy tì thua dựng quê hương
Anh cúi xuống nghe núi rừng hợp tấu
Bản tình ca vô tận của Đông Phương*

*Rồi ngày ấy anh trở về phố cũ
Giữa con đường còn rợp khói tang thương
Trong mắt biếc mang nỗi hờn thiên cổ
Vẫn chân tình như mưa lũ biên cương.*

Trăng

*nhà đạo nguyên không khách
quanh năm bạn ánh đèn
thẹn tình trăng liếc trộm
bẽn lẽn nắp sau rèm
yêu nhau từ vạn kiếp
nhìn nhau một thoáng qua
nhà đạo nguyên không nói
trăng buồn trăng đi xa*

Bùi Giáng viết về Tuệ Sỹ:

Tuệ Sỹ một vị sư. Ông viết văn quá nghiêm túc, những sở tri của ông về Phật học quả thật quảng bác vô cùng. Thấy ông về người khắc khổ, không ai ngờ rằng linh hồn kia còn ẩn một nguồn thơ thâm viễn u u....

.....

*Giờ ngó lại bốn vách tường ủ rũ
Suối nguồn xa
Ngược nước
Xuôi ngàn*

Bài thơ dừng lại. Dư âm bất tuyệt kéo dài trong đêm lũ thư khép mình trong bốn bức tường với nhạt nhòa ủ rũ ngục tù.

Chỉ một bài thơ, Tuệ Sỹ đã trùm lấp hết chân trời mới cũ Đường Thi Trung Hoa tới Siêu Thực Tây Phương./.

Tài liệu tham khảo:

- Thích Tuệ Sỹ Web: vi.wikipedia.org
- Thích Tuệ Sỹ Web: poem.tkaraoke.com

2) Thích Trí Siêu



TT. Thích Trí Siêu - Lê Mạnh Thát (1944-20)

Giáo sư, tiến sĩ, bác sĩ, sử gia, thiền sư Lê Mạnh Thát, pháp danh Trí Siêu sinh ngày 15 tháng 4 năm 1944 tại Làng Cu Hoan, Xã Hải Thiện, Huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

Là một nhà tu hành xuất gia từ bé. Năm 1959, ông vào Huế trọ ở chùa Báo Quốc và theo học tại Quốc học Huế. Tại chùa Báo Quốc có mở xưởng làm xi dầu. Ông được phân công phụ trách xem quá trình thủy phân có dư xút hoặc axit, hàm lượng đạm có từ bã đậu phụng. Năm 17 tuổi ông được đặc cách thi tú tài...

Năm 20 tuổi ông đậu cử nhân ngành triết học tại Viện Đại học Đà Lạt.

Từ 1965-1974 ông theo học tại Viện Đại học Winconsin, Madison, Hoa Kỳ, lấy bằng tiến sĩ ngành Triết học. Luận án của ông tập trung vào lĩnh vực triết học Thế Thân (Philosophy of Vasubandhu); Vasubandhu là tên của một triết gia Ấn Độ lỗi lạc sống ở thế kỷ thứ 5. Ông cũng có bằng Bác sĩ nhi khoa của Hoa Kỳ.

Năm 1974-1975, ông là giáo sư Viện Đại học Vạn Hạnh - Sài Gòn, giảng dạy các môn tiếng Sanskrit, lịch sử triết học Ấn Độ, lịch sử Phật giáo Việt Nam

Từ 1975-1984, ông giảng dạy tại Viện nghiên cứu Phật học Vạn Hạnh - thành phố Hồ Chí Minh

Năm 1984, ông bị nhà cầm quyền Việt Nam bắt giam cùng với thượng tọa Thích Tuệ Sỹ, cả hai bị đưa ra xử vào năm 1988 và bị tuyên án tử hình, vì tội "tán thành, ủng hộ, che chở, đùm bọc hành động phản cách mạng, lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa" (Vì ông tiếp tục theo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất khi hầu hết đã gia nhập Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam được nhà nước ủng hộ). Sau đó nhờ sự can thiệp của các chính quyền Âu Mỹ, án được giảm xuống thành 20 năm cầm cố. Ông được phóng thích ngày 31 tháng 8 năm 1998, sau 14 năm giam cầm. Năm 1998 tổ chức Human Rights Watch đã tặng giải thưởng về nhân quyền Hellmann-Hamett Awards cho ông và 7 người Việt khác (Hoàng Tiến, nhà văn Lữ Phương, Nguyễn Ngọc Tần, Phạm Thái Thụy, Thích Tuệ Sỹ và 2 người được giấu tên).

Từ 1998 đến nay: ông là giáo sư, Phó Viện trưởng - Viện Nghiên cứu Phật giáo Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2012 ông được bầu làm thành viên Ban thường trực của Hội đồng trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam nhiệm kỳ VII (2012 – 2017). Từ khi làm việc ở Viện Nghiên cứu Phật giáo Việt Nam Thượng Tọa Thích Trí Siêu, không mặc pháp phục tăng sĩ và đầu không cạo nhẵn như những vị sư khác, có người hỏi ông về vấn đề này, ông chỉ bức ảnh Tổ Bồ Đề Đạt Ma và trả lời: "*Ông ấy có cạo đầu đâu! Tôi còn thua ông ấy một bộ râu*".

Ông thông thạo nhiều sinh ngữ và cổ ngữ.

Dưới thời Thủ Tướng Võ Văn Kiệt, ông có dự án thành lập Viện Đại Học Khuôn Việt, nhưng sau đó không thành, cho nên đến nay vẫn chưa có Viện Đại Học này.

Tác phẩm:

- *Lịch sử Phật Giáo Việt Nam* (Tổng hợp Tp. HCM, 2006)
- *Tổng tập Văn Học PGVN* (Tổng hợp Tp. HCM, 2006)
- *Lục độ tập kinh và lịch sử khởi nguồn của dân tộc ta.*
- *Toàn tập Minh Châu Hương Hải.*
- *Toàn tập Trần Thái Tông.*
- *Toàn tập Trần Nhân Tông.*
- *Toàn tập Toàn Nhật Quang Đài.*
- *Nghiên cứu về Mậu Tử* (2 tập)
- *Chân Đạo Chánh Thống.*
- *Lịch sử Âm Nhạc Phật Giáo Việt Nam.*
- *Tự điển Bách Khoa Phật Giáo Việt Nam* (2 tập)
- *The Philosophy of Vasubandhu.*
- *Ngữ pháp tiếng Phạn.....*

Trích văn:

LỊCH SỬ PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Lời giới thiệu

Phật giáo tuy là một hiện tượng văn hóa nước ngoài truyền vào nước ta, đã được nhân dân tiếp thu và vận dụng vào đời sống dân tộc và đóng một vai trò lịch sử nhất định trong công cuộc dựng nước và giữ nước của dân tộc ta. Cho nên nghiên cứu lịch sử dân tộc không thể không nghiên cứu lịch sử Phật giáo. Lịch sử Phật giáo Việt Nam đã trở thành một bộ môn của lịch sử dân tộc.

Kể từ ngày tác giả Phật giáo nam lai khảo và Trần văn Giáp cho công bố những thành quả nghiên cứu đầu tiên về lịch sử Phật giáo Việt Nam, bộ môn lịch sử Phật giáo Việt Nam dần dần được nhiều người chú ý và để tâm tra khảo_1. Kết quả là sự ra đời cuốn sử đầu tiên Việt Nam Phật giáo sử lược trình bày lịch sử Phật giáo từ khởi nguyên cho đến những năm đầu của thập niên 1940_2. Nó thể hiện một nỗ lực tổng hợp tất cả tư liệu Phật giáo cho tới thời ấy. Tuy nhiên, do những hạn chế lịch sử về quan niệm và phương pháp luận nghiên cứu, tác giả sách này chưa triển khai hết những ưu điểm của các tư liệu và dữ kiện mà ông sở hữu.

Hơn ba mươi năm qua, dẫu có một số phát hiện_1 đầy khởi sắc đã được công bố, vẫn chưa có một nỗ lực tổng kết sơ bộ về tình hình tư liệu của một giai đoạn Phật giáo nhất định, trong giai đoạn đó. Trước năm 1975, một số sách xuất bản về lịch sử Phật giáo Việt Nam đã ra đời_2 với những mục đích khác nhau, nhưng tất cả chúng phần lớn ít có giá trị sử liệu khoa học, chỉ lặp lại chủ yếu những gì mà các công trình nghiên cứu trước đã xuất bản. Thậm chí, đôi khi những tư liệu bất xác và những đánh giá sai lầm vẫn tiếp tục được sử dụng, làm cho những gì đã sai càng sai thêm. Đương nhiên, thỉnh thoảng cũng có một vài đóng góp đạt đến trình độ khoa học nào đó, song ưu điểm ấy chưa được khai thác hết.

Trước tình hình nghiên cứu trên, việc tiến hành biên tập một bộ lịch sử Phật giáo Việt nam trở nên cần thiết cho việc tìm hiểu lịch sử dân tộc ta. Để biên tập, chúng ta cần phải giải quyết một số vấn đề liên hệ đến vấn đề lập trường và phương pháp luận nghiên cứu lịch sử dân tộc, từ đó coi lịch sử Phật giáo như một bộ phận không thể tách rời lịch sử dân tộc Việt Nam. Chúng ta nghiên cứu lịch sử dân tộc qua những phương diện có liên hệ với Phật giáo Việt Nam. Cho nên, phương pháp của chúng tôi là phương pháp lịch sử tổng hợp, sử dụng tư liệu từ nhiều bộ môn khoa học khác nhau.

Trên cơ sở lý luận đó, chúng tôi khởi sự biên soạn bộ Lịch sử Phật giáo Việt Nam, từ năm 1972. Theo chúng tôi, lịch sử Phật giáo Việt Nam có thể chia làm ba thời kỳ lớn: Thời kỳ thứ nhất, từ khởi nguyên cho đến khi Lý Bôn xưng đế lập nên Nhà nước Vạn Xuân. Thời kỳ thứ hai, bắt đầu từ lúc dòng thiền Pháp Vân ra đời cho đến cuối đời Trần. Thời kỳ thứ ba, từ đầu đời Lê tới cận đại. Mỗi một giai đoạn có mỗi nét đặc trưng và một quá trình phát triển tất yếu của nó.

Thời kỳ đầu này đánh dấu sự xuất hiện Phật giáo trên đất nước ta, cách thức tiếp thu tư tưởng và nhận thức Phật giáo của nhân dân ta. Nó sẽ cho chúng ta thấy Phật giáo đối với dân tộc ta là gì, đã có những đóng góp vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng đất nước và duy trì bản sắc truyền thống văn hóa Việt Nam như thế nào. Những vấn đề này chưa được những người nghiên cứu chú ý tra khảo đúng mức. Hy vọng tập sách này bổ khuyết một phần nào những thiếu sót mà những công trình nghiên cứu trước để lại.

Mùa Phật đản Phật Lịch 2543-1999
Lê Mạnh Thát.

Có thể nói thiền sư Lê Mạnh Thát là một nhà sư thông thái, những công trình về Lịch sử Việt Nam, Lịch sử Phật Giáo Việt Nam, về thơ văn của các Thiền sư đời trước, sở học của ông đã giúp cho những khám phá có cơ sở khoa học, chứng cứ rõ ràng làm cho các công trình nghiên cứu của ông có giá trị.

Tài liệu tham khảo:

- Lê Mạnh Thát Web: vi.wikipedia.org
- Lời giới thiệu LSPGVN Web: thuvienhoasen.org

3) Thích nữ Trí Hải



Thích nữ Trí Hải – Công Tăng Tôn Nữ Phùng Khánh (1938 - 2003)

Ni trưởng Pháp danh Tâm Hỷ, Pháp hiệu Trí Hải, thế danh Công Tăng Tôn Nữ Phùng Khánh, sinh ngày 09 tháng 03 năm 1938 (Mậu Dần), tại Vỹ Dạ, tỉnh Thừa Thiên, thành phố Huế, nguyên quán Gia Miêu Ngoại Trang, Thanh Hóa.

Xuất thân từ một danh gia vọng tộc nhiều đời thâm tín Phật Giáo, thân phụ là cụ Nguyễn Phước Ứng Thiều tự Mân Hương, Pháp danh Như Chánh, thuộc phủ Tuy Lý Vương, thân mẫu là cụ bà Đặng Thị Quê, Pháp danh Trùng Xuân. Ni trưởng là con thứ năm trong gia đình có sáu anh em.

Bởi có túc duyên sâu đối với Phật pháp như thế, nên lúc còn là thai nhi ba tháng, Ni trưởng đã được sớm quy y Tam Bảo với đức Đệ Nhất Tăng Thống Thích Tịnh Khiết. Ni trưởng thuộc dòng Lâm Tế chánh tông, đời thứ 43. Ngôi chùa Tường Vân, Diệu Đức đã uơm hạt giống Bồ-đề cho người từ buổi thiếu thời vào những ngày còn học phổ thông. Ni trưởng với thiên tư thông tuệ, tài hoa, phẩm cách thanh cao đã nuôi chí xuất trần vào giữa tuổi hoa niên tươi đẹp.

Năm 17 tuổi đỗ Tú tài toàn phần, Ni trưởng đã muốn xuất gia nhưng cơ duyên chưa đến. Ni trưởng tiếp tục vào trường Đại học Sư phạm và sau khi tốt nghiệp, đi dạy trường Phan Chu Trinh - Đà Nẵng.

Năm 1960, Ni trưởng sang Mỹ du học và tốt nghiệp Cao học ngành Thư viện (M.A).

Cuối năm 1963, Ni trưởng về nước gặp lúc Viện Cao đẳng Phật học Việt Nam ra đời, đã cùng với em gái là Tôn Nữ Phùng Thăng vâng lời Hòa thượng Trí Thủ đến phụ tá Ni trưởng chùa Phước Hải, quán xuyến cư xá Nữ Sinh Viên và làm việc tại chùa Pháp Hội.

Năm 1964 Ni trưởng quyết dứt trần duyên, cắt tóc xanh, xuất gia y chỉ Ni trưởng Diệu Không tại chùa Hồng Ân. Huế và đã được thọ giới Sa-di Ni. Sau đó, Người được Giáo Hội cử làm thư ký cho Thượng tọa Viện trưởng Thích Minh Châu khi Viện Cao đẳng Phật học trở thành Viện Đại học Vạn Hạnh.

Năm 1968, Ni trưởng thọ giới Thức-xoa-ma-na tại Nha Trang và được Thượng tọa Viện trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh bổ nhiệm làm Thư viện trưởng và giám đốc Trung tâm An sinh xã hội của Viện. Từ đó Ni trưởng tham gia việc giảng dạy, dịch thuật, thuyết pháp cho sinh viên, Tăng Ni Phật tử tại Viện và thực hiện công tác An sinh từ thiện cho đồng bào bị thiên tai bão lụt và chiến tranh.

Năm 1970 Ni trưởng thọ Tỳ-kheo-ni và Bồ-tát giới tại Đại Giới đàn Vĩnh Gia tổ chức ở Đà Nẵng.

Sau năm 1975, Viện Phật học Vạn Hạnh được thành lập, Ni trưởng tiếp tục làm Giảng sư tại Thiền viện Vạn Hạnh rồi giảng dạy tại các trường Cao cấp Phật học và Học viện Phật giáo Việt

Nam, phụ trách lớp Trung Bộ Kinh bằng Anh ngữ cho Tăng Ni sinh.

Ngày 1 tháng 4 năm 1984, Ni trưởng đã bị bắt giam cùng với các chư tăng thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất trong vụ án được báo chí thế giới gọi là "*vụ án Tuệ Sỹ - Trí Siêu*". Ni trưởng bị kết án 4 năm rưỡi tù. Sau khi ra khỏi tù, Ni trưởng dành hết thời gian cho việc dịch thuật, xã hội và đào tạo ni chúng.

Mở rộng công tác giáo dục, mỗi lần có dịp về Huế, Ni trưởng đều được thỉnh giảng ở các chùa Diệu Đức, Diệu Hỷ, Hồng Ân và phụ trách lớp Cảnh Sách.

Mỗi mùa An cư kiết hạ, Ni trưởng được mời thuyết giảng tại các trường hạ như Vĩnh Phước (ở Hóc Môn), chùa Phước Hòa và các Tự viện trong thành phố hoặc vùng xa như chùa Đại Giác ở Sóc Trăng.

Năm 1996 đến 1999 trường Trung cấp Phật học Long An, Ni viện Thiên Phước thỉnh Ni trưởng dạy Luật Tứ Phần Tỳ-kheo-ni và Bồ-tát giới.

Các Đại Giới đàn Minh Tánh (1996), Liễu Thiền (1999), Khánh Phước (2002) tổ chức tại Ni viện Thiên Phước - Long An đều cung thỉnh Ni trưởng làm Tuyên Luật sư và Trưởng Ban khảo hạch.

Năm 2003 Ni trưởng được cử vào Phó Ban khảo hạch Đại Giới đàn Thiện Hoa ở Từ Nghiêm.

Đầu tháng 12 năm 2003 Ni trưởng được suy cử Phó viện trưởng Viện Nghiên Cứu Phật học Việt Nam và Trưởng ban vận động tài chính.

Ngoài những hoạt động giáo dục, hoằng pháp, Ni trưởng còn dành nhiều thì giờ cho việc phiên dịch, biên soạn và in ấn kinh điển để giúp Tăng Ni, Phật tử có thêm tài liệu nghiên cứu học tập, mà tổng số lên đến cả trăm tác phẩm. Đặc biệt nổi tiếng là những bản dịch: *Câu chuyện dòng sông* của Đại văn hào Hermann Hesse, *Gandhi tự truyện*, *Câu chuyện triết học*, *Thanh tịnh đạo luận*, *Thăng Man*, *Tặng thư Sống Chết*, *Giải thoát trong lòng tay*. Ni trưởng còn trước tác một số tác phẩm khác mà quan trọng nhất là các bản *Toát yếu Trung Bộ Kinh* (3 tập).

Không những tham gia vào sự nghiệp văn hóa, giáo dục, cuộc đời Ni trưởng còn gắn bó mật thiết với thân phận của đồng bào nghèo khó yếu đau khắp mọi miền đất nước. Từ những ngày làm Giám đốc Trung tâm An sinh xã hội, Ni trưởng đã đeo đuổi sự nghiệp giúp người cho đến ngày cuối cùng của cuộc đời mình, dù có gặp gian khổ đến đâu.

Khi đi cứu trợ đồng bào dân tộc tại xã Thống Nhất huyện Bù Đăng, Ni trưởng đã bị té, chấn thương cột sống suýt nguy đến tánh mạng. Nhờ sự chữa trị tận tình của các bác sĩ thân hữu và sự săn sóc chu đáo của các đệ tử, Ni trưởng đã dần dần bình phục. Trong lúc cơ thể bị đau đớn như thế, sắc mặt Ni trưởng vẫn tươi vui, luôn hoan hỉ với mọi người, không bỏ dở việc dạy học cho đệ tử và đã sáng tác một loạt những tập thơ *Ngoạ Bệnh Ca*, *Báo Ân Ca* để tỏ lòng cảm ơn những người thăm hỏi. Nội dung các tập thơ này tỏa sáng ánh trí tuệ và thom ngát hương từ bi.

Một chiều mùa đông Ni trưởng bận chút Phật sự đi Phan Thiết với thị giả, trên đường trở về Ni trưởng cùng hai đệ tử Tuệ Nhã và Phước Tịnh đều bị lâm nạn, Người đã Xả báo thân vào lúc 17 giờ ngày 14 tháng 11 năm Quý Mùi tức ngày 07 tháng 12 năm 2003, hưởng thọ 66 tuổi đời với 33 Hạ lạp; Ni Trưởng ra đi như một đóa Ưu-đàm tươi tắn ngát hương, chợt bị bão tố vô

thường cuốn đi vào cõi vô cùng, để lại bao nỗi ngậm ngùi đau thương cho những người ở lại.

Nhưng không, hương vẫn ngan ngát thơm bay khắp muôn phương: hương giới đức, hương định tuệ, hương giải thoát của một đời Ni trưởng. Một tấm lòng rộng mở vì Phật Pháp, vì an vui cho mọi người và thương tưởng thế hệ tương lai. Dù có nói bao nhiêu cũng không đủ ngôn từ để diễn đạt hết điều đáng nói nhất về Ni trưởng.

Tác phẩm:

- *Nhập Bồ tát hạnh* - Tịch Thiên tôn giả
- *Câu chuyện dòng sông*
- *Bắt trẻ đồng xanh*
- *Triết học Phật giáo*
- *Gandhi tự truyện*
- *Câu chuyện triết học*
- *Thanh tịnh đạo luận*
- *Thắng Man*
- *Tặng thư Sống Chết*
- *Giải thoát trong lòng tay*
- *Kinh Pháp Bảo Đàn*
- *Giới Luật là nền tảng con đường thanh tịnh* - luận sư Buddhaghosa

Trích văn:

Trí tuệ

Làm thế nào để tu tăng thượng tuệ, cái thấy thù thắng? Đề tài này được đề cập trong chương chín của tác phẩm *Nhập Bồ tát hạnh*. Nay sẽ bàn đến Hai sự thật và Lợi ích của Tuệ giác về Không, tức là tăng thượng tuệ.

Phật dạy cho đại thừa Bồ tát đủ mọi phương diện của Pháp, gồm phát tâm Bồ đề, sáu Ba la mật (bố thí, giới, nhẫn) v.v... nhưng tất cả là cốt để đạt đến tuệ giác liễu tri Không, vì chỉ có tuệ giác này mới có thể phá trừ các chướng ngại cho mục đích cuối cùng là giác ngộ thành Phật. Nhưng ngay cả người chỉ tìm cầu giải thoát cho riêng mình (Thanh Văn thừa) cũng phải đào luyện tuệ giác này, vì không liễu tri Không tánh thì không thể nào nhổ bật gốc rễ của khổ đau cho bản thân và kẻ khác.

Gốc rễ của mọi khổ đau là làm tháy ngã và các pháp đều có thật, gọi là *nhân ngã* và *pháp ngã*, hay thực chất của con người và thực chất của mọi sự. Từ sự thấy lầm ấy sinh ra nhiều thói tẻ khác. Muốn cắt đứt gốc rễ này, điều thiết yếu là phải tu tập tuệ giác liễu tri Không, nhờ các phương tiện là tâm Bồ đề và sáu pháp Ba la mật.

Trước hết cần nhận chân rằng Hai sự thật tuyệt đối (chân đế) và tương đối (tục đế) không trái ngược nhau, mà bổ túc cho nhau. Khi thấy bản chất tương đối của một sự vật đừng quên bản chất tuyệt đối (tánh Không) của nó; và ngược lại, khi thiết lập chân đế cũng đừng quên bản chất tương đối của sự vật, nghĩa là chúng vẫn hiện hữu trong tính cách giả tạm.

Khi thấy Hai sự thật này không mâu thuẫn thì tức là ta đã đạt tuệ giác gọi là *nhị đế dung thông*. Muốn đạt tuệ này ta phải tu tập hai khía cạnh là phương tiện và tuệ giác. Phương tiện là để thấu rõ tục đế, tuệ giác là để thấu rõ chân đế. Cả hai phải được tu tập đồng thời, như chim bay với cả hai cánh.

Nay hãy nói về Hai sự thật (nhị đế) dưới năm tiêu đề như sau:

1. Sự khác nhau giữa Hai sự thật
2. Định nghĩa Hai sự thật
3. Phân biệt các hạng người trình bày Hai sự thật
4. Cái thấy khác nhau là do trình độ tu chứng

5. Bác bỏ luận cứ cho rằng không cần chứng tánh Không cũng đạt được giải thoát.

1. KHÁC NHAU GIỮA HAI SỰ THẬT

Có hai loại sự thật có thể được biết, đó là sự thật tương đối (tục đế) và sự thật tuyệt đối (chân đế). Tục đế là tất cả mọi pháp (hiện tượng), ngoại trừ không. Chân đế là tất cả những cái không. Ví dụ, ngã và các uẩn thân tâm là tục đế, còn tánh Không hay sự trống rỗng, không thực chất nội tại của ngã và các uẩn là chân đế. Nhưng hai sự thật này không phải khác nhau như hai cái sừng trái phải của một con bò. Về bất cứ hiện tượng hay pháp nào, chân đế và tục đế của nó cũng chỉ là một thực thể ấy (như hai mặt của một đồng tiền); nếu thấy hai thực thể khác hẳn nhau thì không phải là cái thấy toàn diện. Như trong kinh Kim Cương, Phật hỏi Ngài Tu Bồ Đề có thể do thấy thân 32 tướng mà thấy Phật không, thì 32 tướng là tục đế mà Phật là chân đế. Trả lời có hay không đều sai, đều ám chỉ chân đế, tục đế là hai thực thể khác biệt. Hoặc khi Phật hỏi Như Lai có thuyết pháp không, trả lời có là chấp tục đế, trả lời không là chấp chân đế. Trả lời có là chê Phật vì trong Kim Cương, Phật dạy: “Nếu ai nói ta có thuyết pháp là hủy báng ta, không hiểu được ý nghĩa ta nói (*Nhược hữu nhân ngôn Như Lai hữu sở thuyết pháp tức vi báng Phật, bất năng giải ngã sở thuyết nghĩa*). Còn nếu trả lời Như Lai không thuyết pháp thì lại là chê pháp, cho rằng pháp không phải do Phật nói. Vậy cần phải hiểu hai chân lý chân, tục không tách biệt nhau.

2. ĐỊNH NGHĨA HAI ĐẾ

Chân đế được định nghĩa là một sự thật được thấy do cái thấy trực tiếp, trong đó không còn mọi tướng nhị nguyên, không còn gì để bàn cãi. Tục đế được định nghĩa là một sự thật được thấy do cái thấy trực tiếp trong đó còn có tướng nhị nguyên có thể bàn cãi. Tướng nhị nguyên nghĩa là vẻ ngoài của một vật cùng

với vẻ ngoài của tự tánh nó. Tự tánh[31] có một nghĩa rất đặc biệt trong tư tưởng Phật giáo. Nó ám chỉ sự hiện hữu của một vật được xem là do chính bản chất riêng nó; nhưng kỳ thực, một kiểu hiện hữu như thế hoàn toàn không có thực. Đó là một tà kiến; chỉ có cái tâm chấp thủ vào thực hữu mới thấy ra như vậy.

Trở lại hai sự thật, hãy lấy ví dụ sau. Khi thấy một tục đế như cái bình, với phàm phu có hai điều xuất hiện trong cái thấy ấy, là cái bình và tự tính hay hiện hữu tự nội của nó (chất liệu, màu sắc, hình dáng, v.v...) Nhưng khi nhìn cái bình theo chân đế, thấy nó không tự tính, thì cả hai thứ là cái bình và tự tính của nó đều biến mất, ta chỉ còn quán chiếu cái *không tự tính* mà thôi. Bởi thế mà Santideva nói: “Khi còn thấy tướng nhị nguyên thì không thấy được chân đế.”

3. CÁC HẠNG NGƯỜI TRÌNH BÀY VỀ HAI ĐẾ

Có hai hạng: những thiền giả như Santideva, Atisha, Long Thọ... theo quan điểm Trung Quán Prasangika (tuyệt đối) thì thấy các pháp đều không tự tính. Những thiền giả khác, như phái Trung quán Svatantrika, Duy thức, Kinh Lượng Bộ và Tỳ bà sa thì chủ trương tất cả pháp đều có tự tính. Hạng trước bác bỏ quan điểm của hạng sau, và hạng trước cũng có nhiều trình độ cao thấp nên có cái thấy khác nhau.

4. DO TRÌNH ĐỘ TU CHỨNG MÀ CÁI THẤY KHÔNG CỦA HỌ KHÁC NHAU

Lời Phật dạy chia ra bốn trường phái triết học trong đó hai trường phái Tỳ bà sa và Kinh Lượng bộ là tiểu thừa, Duy thức và Trung quán là Đại thừa. Những trường phái này giải thích tánh Không một cách khác nhau, nhưng cái thấy tối hậu của Phật chính là lập trường của phái Prasangika thuộc Trung quán.

Theo quan điểm sau cùng này thì tánh Không của một pháp là sự không có tự tánh, bản chất tự nội của nó. Muốn thấy tánh Không của một vật thì phải nhận ra cái gì cần phải phủ nhận, đó là phủ nhận tự tánh hay bản chất tự nội của vật ấy. Nhưng phải hiểu tự tánh nghĩa là gì thì mới bác bỏ hay phủ nhận nó được. Tâm ta đã quen với những cái thấy sai lầm từ vô lượng kiếp nên rất khó mà hiểu được ngay quan điểm Trung quán Prasangkiga. Bởi vậy cần phải được huấn luyện dần dần qua bốn trường phái triết học Phật giáo để cuối cùng đi đến tánh Không, chánh kiến tối hậu. Do vậy mà Phật giảng dạy bốn hệ thống triết học khác nhau.

Ta hãy xem xét vấn đề tự tánh trong ý thức về tự ngã hay *cái tôi*. Tất cả chúng ta đều chấp thủ một tự ngã dựa trên năm uẩn thân và tâm. Nhưng không phải mọi cái thấy có *tôi* đều gọi là chấp ngã. Trong sự thấy có cái *tôi*, vận hành hai khía cạnh khác nhau của tâm: một là chỉ thấy có cái *tôi* hiện hữu trên bình diện tục đế; hai là thấy cái *tôi* hiện hữu tự nội, có tự tánh. Chính cái thấy sau này gọi là tâm chấp ngã. Hiện tại hai kiểu hiện hữu này của cái *tôi*, một chân thật (cái *tôi* tục đế), và một hư vọng (cái *tôi* có tự tính), dường như hòa lẫn rất khó tách ra, nhưng đôi lúc cái ngã bị thấy một cách sai lầm ấy quả có xuất hiện một cách rõ rệt, ví dụ như khi đứng trên bờ vực thẳm sắp rớt xuống thì ta không nghĩ rằng cái thân hay tâm sẽ rớt xuống mà ta nghĩ *tôi* sẽ rớt xuống.

Khi ấy rõ ràng có một cái *tôi* xuất hiện biệt lập với thân tâm. Nếu cái *tôi* ấy hiện hữu thực, thì nó mới là một cái *tôi* có tự tính; nhưng sự thật cái tâm thấy có *tôi* (như *tôi* sợ, *tôi* mừng, *tôi* sắp rớt xuống hố,...) ấy là vọng tâm, và đối tượng nó ôm giữ hoàn toàn không thực có. Tâm này là một điển hình của ngã chấp, và cái *tôi* mà nó bám riết ấy là đối tượng cần phải phủ nhận để hiển thị tánh Không. Cũng thế, các hiện tượng sống động có vẻ như thực hữu nội tại kia cần phải được hiểu là những đối tượng cần phủ nhận trong sự liễu tri Không tánh.

Có hai kiểu chấp ngã thô và tế. Chấp ngã thô là chấp cái tôi là năm uẩn thân tâm. Chấp ngã vi tế là chấp các uẩn thân tâm đều có tự tánh. Trên lập trường Trung quán tuyệt đối, thì cái tôi chỉ là giả danh tạm gán cho hợp thể năm uẩn, và đây chỉ là tục đế, còn theo chân đế thì không có cái ngã dù thô hay tế.

Mọi hiện tượng (*hay pháp*) đều giống như con voi ta thấy trong chiêm bao, vì đâu là con voi mà ta đã thấy khi nằm ngủ trong gian phòng bé nhỏ của mình? Nó ở trong phòng hay trong tâm ta? Nó không ở đâu cả, nó chỉ hiện ra một thoáng trong tâm ta. Vậy rõ ràng con voi không hiện hữu một cách độc lập, mà chỉ do quan niệm của ta bày đặt. Cũng tương tự, tất cả hiện tượng ta thấy trong lúc thức cũng chỉ do tâm ta dựng lên mà thôi.

5. BÁC BỎ QUAN NIỆM KHÔNG CẦN CHỨNG TÁNH KHÔNG CŨNG GIẢI THOÁT

Các phái khác, Tỳ bà sa, Kinh lượng bộ và Duy thức thuộc về chủ trương Duy thức đều phản đối lập trường Trung quán và bị Trung quán bác lại như sau.

- *Duy thức chủ nghĩa*: Nếu ông cho không có gì thực hữu nội tại, thì sáu Ba la mật cũng thế. Và khi Sáu ba la mật đã không thực, thì tu hành làm gì?

- *Trung quán*: Mặc dù sáu Ba la mật không thực hữu nội tại, vẫn cần tu để đạt thành Phật quả. Sáu ba la mật trên bình diện chân đế là không, nhưng trên tục đế thì vẫn có, như những con đường cần phải vượt qua để đạt đến mục đích là thành Phật.

- *Duy thức*: Vì sao ông cho rằng thấy được các pháp là không, như huyền thì có thể trừ khử được vọng tưởng vô minh? Như một phù thủy biến ra được một cô gái đẹp rồi lại đâm ra say mê nàng, thì sao?

-*Trung quán*: Đó là tại nhà phù thủy chưa trừ khử được sự chấp vào tính thực hữu của cô gái đẹp, sự chấp thực này đã ăn sâu trong ông ta từ vô thủy kiếp. Khi trông thấy cô gái đẹp, khuynh hướng nhận chân tính phi thực của cô gái ở nơi ông quá yếu, nên vẫn say mê nàng. Cần phải qua một thời gian dài tập quen với cái thấy tất cả đều không thực chất nội tại thì ta mới có thể từ bỏ được mọi dấu vết của sự chấp có thực. Hơn nữa, nhờ thấy được cái không của vạn pháp chính nó cũng không thực, mà ta thấy luôn tánh Không của cái không, và từ bỏ được quan niệm rằng Không là thực có.

(Trích từ *Đường Về* - Đúc kết một số Pháp thoại từ 1979-2000)

Trong bài tham luận *Ni Trưởng Trí Hải một đóa sen ngát hương*, Thích nữ Hương Nhũ đã viết:

Ni trưởng là một bậc thông tuệ tài hoa mà phẩm cách lại thanh cao như một đóa sen vi diệu, tinh khiết và thông thái như một nhà “hiền triết”. Tài năng của Ni trưởng đã làm cho Ni trưởng trở thành một trong những vị tu sĩ xuất sắc của nữ giới Phật giáo.

Tài liệu tham khảo:

- Thích nữ Trí Hải Web: ahvinhnghiem.org
- *Trí tuệ* Web: quangduc.com

4) Thích Đức Nhuận



Thích Đức Nhuận - Đồng Văn Kha (1924-2002)

Thiền sư Thích Đức Nhuận, pháp hiệu Trí Tạng, thế danh Đồng Văn Kha, sinh ngày 19 tháng Giêng 1924 (14 tháng Chạp năm Quý Hợi), tại làng Lạc Chính, xã Duyên Bình, huyện Trục Ninh, phủ Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

Là con thứ tư trong một gia đình thanh bần - dòng quý tộc. Ngài có 2 anh, 1 chị và 3 người em dị bào (2 trai, 1 gái).

Xuất gia năm 1937 (do nhân duyên đọc báo *Đuốc Tuệ* mà giác ngộ). Y chỉ sư là Hòa thượng Thích Tâm Thường, trụ trì chùa làng Liêu-Hải, phủ Nghĩa Hưng, thuộc Sơn môn Phú Ninh (Nam Định).

Năm 1941, thụ Sa di giới tại chùa Cổ Lễ, huyện Trục Ninh.

Năm 1943, thụ đại giới Tỳ Khưu tại giới đàn Tổ đình Phú Ninh.

Đã học tại các Tùng Lâm :

- Tổ đình Phú Ninh
- Phật học viện chùa Cồn (Nam Định)
- Tổ đình Tế Xuyên (Hà Nam)
- Phật học viện Báo Quốc (Huế)

Năm 1949, chính thức hoạt động Phật sự với chức vụ phó chủ tịch Hội Phật Giáo Nam Định (Miền Xuân Trường Hải Hậu); chủ tịch là Hòa thượng Thích Trung Quán, trụ trì chùa làng Quần Thượng (Hải Hậu) và cuối năm 1950, xin từ chức trở về sống nếp sống của một tăng sĩ, tiếp tục sự nghiệp học vấn và nghiên cứu Phật học.

Đầu năm 1954 vào Nam sống cuộc đời tĩnh tu.

Năm 1956-57, được sự tín nhiệm của chư Tăng cử giữ chức Trị sự trưởng Giáo hội Tăng Già Bắc Việt tại Miền Nam.

Năm 1959-61, giữ chức ủy viên văn hóa Tổng hội Phật giáo Việt Nam.

Năm 1960-61, tái nhận chức Trị sự trưởng GHTGBV tại Miền Nam.

Năm 1962-63, đảm nhận chức Tổng thư ký Giáo hội Tăng Già Việt Nam.

Năm 1963, khởi động phong trào đầu tiên chống chế độ độc tài nhà Ngô tại Sài Gòn, trong vụ triệt hạ cờ Phật Giáo và đàn áp Phật tử tại Huế, nhân mùa Phật Đản PL 2507 (năm 1963).

Năm 1964-65, giữ chức Vụ trưởng Vụ kiểm duyệt GHPGVNTN.

Năm 1965-66, chủ nhiệm kiêm chủ bút nguyệt san *Vạn Hạnh*, tạp chí nghiên cứu, phát huy Văn hóa Phật giáo và văn hóa Dân tộc, với sự cộng tác của một số học giả, giáo sư đại học, văn nghệ sĩ tại thủ đô Sài Gòn (tạp chí xuất bản được tròn 2 năm, 24 số), và lập nhà xuất bản Vạn Hạnh.

Năm 1969-70, giáo sư Phân khoa Phật học và Triết học Đông phương Viện Đại học Vạn Hạnh (sau niên khóa đó, vì bận công việc nên đã xin nghỉ dạy).

Năm 1967-73, giữ chức Chánh thư ký Viện Tăng Thống, do Đệ nhất Tăng Thống Thích Tịnh Khiết lãnh đạo và là hội viên Hội đồng giáo phẩm trung ương GHPGVNTN.

Năm 1969-71, trùng tu tổ đình Giác Minh. Nguyên trụ sở giáo hội Tăng Già Bắc Việt tại Miền Nam.

Năm 1971-72, chủ bút nguyệt san *Hóa Đạo*, cơ quan truyền bá chính pháp của Tổng vụ Hoằng pháp GHPGVNTN.

Năm 1975-81, giữ chức trụ trì tổ đình Giác Minh.

Ngày 6-8-1985, TT. Thích Đức Nhuận bị bắt chung với ĐĐ. Tuệ Sĩ, Trí Siêu, Ni cô Trí Hải.

Ngày 30-09-1988, Tòa án Cộng Sản tại Tp HCM đã xử tử hình, ĐĐ. Tuệ Sĩ và Trí Siêu, TT. Đức Nhuận 10 năm tù, Ni cô Trí Hải 4 năm tù vì đã dám phát động phong trào bảo vệ nhân quyền qua Mặt Trận Nhân Quyền Việt Nam sau cải danh là

Lực Lượng Tự Do Việt Nam, còn có 2 Sĩ Quan QLVNCH Phan Văn Tý và Tôn Thất Kỳ bị án chung thân và 17 người khác bị tù 4 đến 15 năm tù.

Ngày 15-11-1988, do áp lực quốc tế và sự vận động của người Việt ở nước ngoài, Hà Nội phải mở phiên xử phúc thẩm để giảm hai án tử hình xuống còn 20 năm tù. Hai án chung thân giảm xuống còn 18 và 16 năm. Thượng Tọa Thích Đức Nhuận giảm xuống còn 9 năm tù.

Năm 1993, Thượng Tọa Đức Nhuận được phóng thích, quản chế tại chùa Giác Minh. Hòa Thượng vẫn tiếp tục đọc, viết và ưu tư về đường hướng phát triển của Phật giáo Việt Nam.

Từ năm 1999, Hòa Thượng Thích Đức Nhuận được cung cử vào chức vụ Cố vấn Ban Chỉ Đạo Viên Hóa Đạo, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.

Đã viết cho các nhật báo : *Thời Luận, Tin Sáng, Dân Chủ, Gió Nam* và các tạp chí: *Phật giáo Việt Nam, Văn Hóa Á Châu, Liên Hoa, Văn, Vấn đề, Tư tưởng...*

Vào cuối tháng 12 năm 2001, Hòa Thượng cảm thấy pháp thể khiếm an, được đệ tử đưa tới bệnh viện Thống Nhất khám, chữa trị bệnh tim. Đến ngày 21 tháng giêng, Ngài cảm thấy khó thở được đệ tử và phật tử đưa tới Bệnh viện Đại học Y Dược chữa trị, mặc dù được các bác sĩ tại bệnh viện này tận tâm chăm sóc chữa trị, nhưng vì tuổi cao sức yếu, Ngài đã an tường xả báo thân lúc 16 giờ 53 phút chiều ngày thứ hai, 21 tháng giêng năm 2002 (nhằm ngày mùng chín tháng chạp năm Tân Ty, tại bệnh viện Đại học Y Dược, lúc đó có sự hiện diện của

TT. Tuệ Sỹ, ĐĐ. Thiện Hiền, phật tử Trần Đình Hùng... Hòa Thượng Thích Đức Nhuận thọ thế 79 tuổi đời, 59 tuổi đạo.

Tác phẩm:

- *Gió thiêng* (thơ, Vạn Hạnh, 1959)
- *Phật học tinh hoa* (Vạn Hạnh, 1960)
- *Chuyển hiện đạo Phật vào thời đại* (Vạn Hạnh, 1967)
- *Trao cho Thời đại một nội dung Phật chất* (sách đã dịch ra Anh ngữ, Vạn Hạnh, 1969)
- *Sứ mệnh người Phật tử đối với dân tộc và đạo pháp* (VTLVN&THTG)
- *Kiến thiết văn minh Phật giáo* (VTLVN&THTG)
- *Đạo Phật và dòng sử Việt* (VTLVN&THTG)
- *Sáng một niềm tin* (thơ dịch và sáng tác, VTLVN&THTG, 1999)
- *Hương đi của thời đại* (VTLVN&THTG, 2001)
- *Những điều Phật dạy - Phật Thuyết Tứ Thập Nhị Chương*
- *Lời dạy cuối cùng của đức Phật - Thủy Bát Niết Bàn Lược Thuyết Giáo Giới Kinh.*
- *Khái luận triết lý kinh Hoa Nghiêm* (VTLVN&THTG, California, 1999)

Tài liệu:

Những Đóng Góp To Lớn Của Đạo Phật Cho Dân Tộc Và Nhân Loại

Không thể chối được rằng một tôn giáo có trên hai nghìn năm trăm năm mà lại không đóng góp gì trong cuộc sống cho con người. Cũng không thể từ chối được rằng một tôn giáo đã vào

với dân tộc Việt từ hai nghìn năm, đã thăng trầm cùng với vận nước lâu đời như vậy mà không đóng góp gì trong cuộc sống dân tộc.

Phải nhận rằng đạo Phật, là một biện chứng giải quyết những vấn đề suy tư của tâm thức con người và là một biện chứng cách mạng toàn triệt về mặt xã hội đối với nhân loại. Đạo Phật đã xuất hiện trong một thực tại suy tư đa diện phức tạp của nền văn minh Ấn Độ, xuất hiện để dung hòa toàn bộ các trào lưu tư tưởng đối nghịch đương thời, xuất hiện để san bằng những ngăn cách xã hội giữa các đẳng cấp *Tăng lữ, Cai trị, Thương nhân và Tiện dân*.

Rồi, từ những căn bản đó, đạo Phật đã duỗi dài nguyên lý vào cuộc sống của con người khắp các nơi cho tới ngày nay và mãi mãi... Trong dòng vận động lịch sử dân tộc Việt, đạo Phật đã là chất liệu thiết yếu để kết thành nền văn minh tiêu biểu cho toàn bộ tinh hoa văn hóa của vùng Á Châu thảo mộc. Đạo Phật lại còn là một trong những nhân duyên chính cho cuộc Cách Mạng Tự Chủ của Việt Nam vào thế kỷ thứ 9 thứ 10. Và cụ thể hơn hết, trong năm 1963, đạo Phật đã thắp lên những ánh lửa thiêng liêng soi sáng cho thời đại chúng ta.

Đạo Phật Với Vấn Đề Chính Trị

Sinh hoạt của đạo Phật trong những năm qua, đã đặt cho đồng bào cũng như chính Phật tử mỗi bản khoán lớn là: *Đạo Phật có phải là một thực thể chính trị hay không?* Chưa có trả lời thỏa đáng được câu hỏi ấy thì không những đồng bào nghi ngại, mà chính Phật tử cũng không thoải mái và tin tưởng vào những đóng góp của mình trong đại cuộc dân tộc.

Một tôn giáo đúng nghĩa, có giáo chủ, có giáo lý, có giáo hội, đương nhiên đã can thiệp vào cuộc sống xã hội thì, dù muốn dù không, cũng đã trở thành một thực thể chính trị rồi. Chi khác

một điều tôn giáo đó đã can thiệp vào sinh hoạt xã hội qua thể chính trị nào? Thế cai trị, thế cách mạng hay thế văn hóa?

Với đạo Phật, vị giáo chủ đã được xưng tụng là “*Thiên, nhân sư*”, tức là thầy của chư thiên và loài người. *Đức Phật là bậc thầy, là người chỉ đạo, là nhà văn hóa hướng dẫn, chứ không phải là nhà thống trị, dù là cai trị thiên quốc hay nhân gian, dù thống trị tinh thần hay tổ chức.* Vì giáo lý có ghi rõ: đạo Phật chỉ giúp cho con người tự giác ngộ chứ không buộc tín đồ phải tin theo bất cứ một giáo điều nào. Với bản chất đó, đạo Phật đã trở thành vô cùng phóng khoáng, tự tại. Tuy có tăng sĩ vượt hình thái sinh hoạt thường nhân, có vị truyền thừa, nhưng giáo quyền không đặt thành vấn đề, và hành đạo không đặt ở trung ương mà đặt ở đại chúng. Giáo luật tuy rất khắt khe, nhưng thi hành giáo luật là ở đại chúng và từng môn phái, có những bản sắc riêng - đại chúng đây được hiểu là đa số tăng sĩ ở chung một tu viện hoặc một sơn môn – Nói rộng ra, đối với toàn thể Phật tử, thì ý lực của toàn thể Phật tử có tính quyết định vận mệnh giáo hội và thể cách sinh hoạt của đạo Phật.

Chính vì đặc tính ấy, đạo Phật đã tùy thời, tùy thế, tùy cảnh, trải ra hòa nhập với nếp sống quần chúng, hoặc tụ lại thành các thế lực quyết định vận mệnh từng thời đại. Tuy tán tụ, nhưng vẫn không mất tính cách trường tồn vì các tu sĩ vẫn còn đó, vẫn là một thực thể đại biểu cho truyền thống của đức Phật, vẫn duy trì địa vị của “ông thầy” đối với các vua chúa cũng như quần chúng. Tuy được lợi thế, được độc tôn trong các triều đại Asoka (Ấn Độ), Tùy - Đường (Trung Hoa), Lý - Trần (Việt Nam); nhưng đạo Phật không lợi dụng ưu thế để nắm quyền thống trị, cũng như không dựa vào thế lực thống trị để truyền đạo; và nhất là không để biến thành công cụ cho phe thống trị mở mang đế quốc.

Đạo Phật do đó, đối với các nước Á Đông là đạo chung của mọi tầng lớp người trong xã hội, là đạo của mọi dân tộc, không

phân biệt đế quốc, hay thuộc quốc. Riêng ở Việt Nam, đạo Phật đã hòa nhập với bản chất dân tộc như một thực thể bất khả phân. Dân tộc thịnh, đạo Phật thịnh. Dân tộc suy, đạo Phật suy. Chính vì vậy, (mà) đạo Phật đã trở thành một thế lực cách mạng của dân tộc suốt nghìn năm lệ thuộc Trung Hoa, đã hội tụ được lòng người mở mùa Tự Chủ và Thống Nhất cho xứ sở, vào các đời Ngô – Đinh - Tiền Lê và nhất là hai triều đại Lý – Trần.

Sau ngót một trăm năm lệ thuộc Pháp, đạo Phật đã chìm đi cùng với chủ quyền dân tộc. Cho tới ngày gần đây, sau khi bị các thế lực quốc tế chèn nén, đạo Phật đã trở dậy cùng với dân tộc, hủy bỏ chế độ tào, và quyết tâm theo đuổi công cuộc phục hồi Chủ Quyền Quốc Gia. Những thành công, thất bại đều mang một ý nghĩa: *Đạo Phật tại Việt Nam đang là một thực thể cách mạng của dân tộc*. Đã là thực thể cách mạng tất nhiên phải vận động cách mạng; mà các cuộc vận động như vậy đương nhiên là những sinh hoạt chính trị rồi. Không riêng gì ở Việt Nam, mà ở trên toàn thế giới, đạo Phật vẫn đang ứng hợp với thời đại, vẫn củng cố tổ chức, thống nhất hành động, để góp phần kiến tạo an bình cho thế giới.

Nhưng, bản chất của đạo Phật và quá trình lịch sử đã bảo chứng rằng: đạo Phật, dù có xây dựng được một thế lực ưu thắng, cũng không bao giờ trở thành lớp người thống trị, mà luôn luôn giữ vai trò *hướng dẫn* của nhà văn hóa, tức là làm chính trị theo phương pháp của một thực thể văn hóa. Đó cũng là vai trò của các tôn giáo thời xưa và của những nhà văn hóa thời nay vậy.

Đạo Phật Với Vấn Đề Văn Hóa

Nếu tôn giáo là văn hóa, và được hiểu theo nghĩa làm sáng - mới - đẹp cho chính bản thân và cuộc đời, thì đó là tùy ở bản chất của mỗi tôn giáo. Nếu một tôn giáo nào đó có khả năng

cung ứng cho con người về nhu cầu thăng hóa những giá trị sáng - mới - đẹp thì tôn giáo đó, không còn đủ khả năng hướng dẫn nhận thức con người, bị con người vượt bỏ, thì tôn giáo đó không còn mang nổi sứ mệnh văn hóa trường cửu nữa. Tuy nhiên, tôn giáo đó vẫn được nhìn nhận là một thể lực văn hóa của một gian đoạn lịch sử nào đó.

Như vậy, tôn giáo đã là một thể lực văn hóa trong lịch sử, nhưng còn việc tôn giáo có thể là một thực thể văn hóa miên viễn hay không thì đó lại là vấn đề khác.

Vì tôn giáo là một thể lực văn hóa, để hạn chế thế quyền thống trị, để thỏa đáp nhu cầu siêu linh của tâm thức con người, nên các tôn giáo đã xuất hiện. Xuất hiện dưới thời bộ lạc bằng tính cách đa thần, mà đại diện là lớp phù thủy. Xuất hiện dưới thời quốc gia, bằng cách độc thần mà đại diện là các tôn giáo duy thần và siêu thần ngày nay.

Trong thời kỳ xã hội chuyển từ bộ lạc sang quốc gia, tư tưởng con người tư đa thần tiến lên độc thần thì quả thực các tôn giáo đã là một thể lực thăng hoa: là văn hóa đúng nghĩa. Suốt thời tư tưởng độc thần trỗi lên nhận thức của con người, thì mọi sinh hoạt từ tâm linh xã hội tới nghệ thuật, học thuật, và kỹ thuật nữa, đều do các tôn giáo duy thần hướng dẫn. Trong khi các tôn giáo duy thần nắm trò thế lực văn hóa, vừa kiểm soát thế quyền thống trị, vừa hướng dẫn sinh hoạt văn hóa của nhân loại, thì cũng là lúc các tôn giáo đó bị biến thành đối tượng của các tư tưởng văn hóa có khuynh hướng vượt bỏ mọi ràng buộc của thần quyền. Do đó các tôn giáo vừa phải bảo thủ tính chất văn hóa của mình để ứng phó với các thể lực văn hóa mới. Sự kiện này đã làm cho nguồn sinh động của văn hóa nhân loại cuộn cuộn dâng lên không ngừng.

Hiện nay nguồn tư tưởng của nhân loại giác ngộ đang cố gắng vươn lên và thể chứng cho bằng được giá trị Nhân Chủ đích

thực của mình. Nhận thức nhân chủ này hiện là mối nguy cơ cho các tôn giáo duy thần. Vì, trên bản chất duy thần, không còn phù hợp với bản chất nhân chủ nữa. Con người hiện tại đang tích cực để thể chứng giá trị nhân chủ trên khắp mặt sinh hoạt: *tâm tư, xã hội và vụ trụ*.

Như vậy có nghĩa là các tôn giáo độc thần đã sắp hoàn toàn mất vai trò hướng dẫn văn hóa nhân loại rồi?

Câu hỏi này cũng được đặt ra với đạo Phật, liệu rồi đây đạo Phật có cùng chung số phận như các tôn giáo duy thần hay không?

Xét về bản chất thì, đạo Phật là đạo của *Con Người Giác Ngộ*. Vì con người có đủ điều kiện và khả năng để thành Phật, còn các sinh chủng khác cho tới thần linh, chư thiên, đều chưa thể thành Phật được. Với bản chất này, đạo Phật đã mang giá trị Nhân Bản đúng nghĩa rồi vậy. Nhận thức nhân bản không phải là một nhận thức chủ quan duy tâm, cũng không phải là nhận thức khách quan duy vật, mà là nhận một thức toàn diện, đi từ tâm tư tự giác, ứng dụng vào thực tế xã hội có tổ chức, để vượt lên siêu việt giải thoát. Đạo Phật là một tôn giáo, *giác ngộ* và *giải thoát*, nên có thể trở thành một thực thể văn hóa của thời đại ngày nay.

Một trở ngại khác đã được đặt ra cho đạo Phật, là vì đạo Phật đã xuất hiện trên hai nghìn năm trăm năm, và suốt thời kỳ truyền đạo ở khắp nơi, đạo Phật đã *vì phải* dung hợp với các hình thái sinh hoạt đa thần, độc thần của quan niệm đại chúng, nên phần nào đã mang một hình thái tôn giáo với những lớp vỏ do các quan niệm từng thời đại bồi bọc. Tuy bản chất giác ngộ và giải thoát con người vẫn còn đó, vẫn là nội dung linh động, đích thực của đạo Phật, vẫn là một thực tại văn hóa tiềm ẩn, nhưng để khơi lòng văn hóa đó, những Phật tử suy nghĩ hiện tại, cần phải cố gắng, can đảm, uyển chuyển, phá bỏ những

hình thái của lớp vỏ nặng nề để đạo Phật giữ vững căn cơ nhân bản sinh động hiển hiện trong dòng văn hóa nhân loại.

Đạo Phật đang đi lên trong sự đi lên của dòng vận động văn hóa nhân loại.

Đạo Phật Với Vấn Đề Dân Tộc

Đạo Phật đã thể nhập vào Việt Nam hai mươi thế kỷ - thể nhập bằng ý niệm *hiếu sinh*, *hiếu hòa* và *giải thoát*. Đạo Phật không những chỉ có khả năng dung hợp các thuyết lý và nếp sống khác biệt để chuyển các thuyết lý và nếp sống đó vào một nền văn minh Nhân Bản Toàn Diện, mà chính còn là nền tảng nhận thức tạo dựng cho nền văn minh Đại Việt thêm phong phú, sáng, đẹp. Do đó, cuộc sống của dân tộc mặc nhiên hay ý thức đã sống theo chiều hướng *giác ngộ* và *giải thoát* của tinh thần đạo Phật.

Nếu có một sức mạnh tinh thần nào đó làm cho dân tộc Việt bền vững đến ngày nay, thì sức mạnh ấy chính là sức mạnh của ánh sáng *Từ bi* và *Trí tuệ* của đạo Phật vậy.

Trong quá khứ cũng như trong hiện tại, những trang sử vàng son của đạo Phật, qua các triều đại Việt Nam, lúc thịnh đạt cũng như buổi suy vi, người Phật tử nhất định không bao giờ có thể đi ngược lại sức mạnh tinh thần truyền thống ấy.

Xét về lượng số, thì đạo Phật Việt Nam là sự phối kết của tám mươi lăm phần trăm dân số toàn quốc.

Xét về thời gian, đạo Phật đã gắn liền với dân tộc Việt từ hai thiên niên kỷ, tạo cho dân tộc một tinh thần tự chủ bền vững.

Nếu cùng nhìn dân tộc qua sự hiện diện về lượng số và thời gian, thì *đạo Phật* và *dân tộc* tuy hai mà một. Dân tộc và đạo

Phật đã gắn kết với nhau đến nỗi chỉ còn là hai danh từ thể hiện của một thực thể duy nhất. Sự tồn vong của dân tộc chính là sự tồn vong của đạo Phật và, ngược lại, sự tồn vong của đạo Phật cũng chính là sự tồn vong của dân tộc.

Từ nhận thức ấy, nếu ai trong chúng ta, hoặc vô tình hay cố ý, làm suy nhược tinh thần dân tộc tức là làm suy nhược đạo Phật, và làm suy nhược đạo Phật cũng chính là làm suy nhược dân tộc. Nên mọi hành vi làm suy nhược đạo Phật và dân tộc nhất định kẻ đó có tội với lịch sử dân tộc và đạo Pháp.

Sự thật đạo Phật hôm qua chính là sự thật của dân tộc. Những mưu đồ và hành động đàn áp đạo Phật mới đây đã phát xuất từ những ý thức ý hệ bạo hành, do những hình thái sinh hoạt ngoại nhập hoàn toàn đi ngược lại tinh thần dân tộc. Chính những độc tố này đã phá hoại cơ thể, tinh thần dân tộc.

Quê hương thân yêu của chúng ta nhất định không thể là nơi để cho các thế lực phi nhân bản, phi dân tộc giày xéo, khuynh loát. Đất nước Việt Nam không thể là địa bàn thí nghiệm của bất cứ một thế lực nào – vì dân tộc ta đã quá đau khổ, đất nước ta đã quá điêu tàn.

Niềm đau khổ quằn quại của đại đa số người Việt hôm nay, chính là niềm đau khổ của Phật giáo đồ Việt Nam. Và nếu có một ý niệm *giải phóng cuộc đời, giải thoát tâm tư*, thì ý niệm ấy chính là ý niệm của dân tộc Việt Nam. Không chấp nhận ý niệm ấy cũng chính là phản bội dân tộc rồi, chứ đừng nói gì tới những hình thái của những dị thuyết đang lẫn chìm trong dân tộc.

Phật giáo đồ Việt Nam không bao giờ khép kín, nhưng chỉ dung hòa và điều hợp với những ý thức hệ nào *không phản bội con người, không phản bội dân tộc, không phản bội thăng hóa, không phản bội đất nước*. Cũng chính là ý nghĩa ấy, những dị

thuyết có thâm ý phá vỡ *nhân tính và tinh thần dân tộc* sẽ không được dân tộc chấp nhận. Mọi ý niệm về đất nước này, Dân tộc này, phải tùy thuộc vào Văn Hóa Dân Tộc – vì văn hóa dân tộc qua thời gian tựu thành, đã dung hợp các nguồn văn hóa dị biệt, để xây dựng một nền Văn hóa tổng hợp “*Tam Giáo Đồng Nguyên*” ở thế kỷ thứ XI – XIV. Đó là công cuộc *HÓA GIẢI* của dân tộc ta đã hoàn thành một cách vẻ vang!

Dân tộc Việt Nam nhất định tồn tại cùng với giải đất thân yêu này. Và sức mạnh của văn hóa dân tộc vẫn mãi mãi hiện diện trong mọi sinh hoạt quốc gia và trong mọi giai đoạn lịch sử.

Chúng tôi thấp hương cầu nguyện cho *tình tự dân tộc* mãi được nở hoa.

Đạo Phật Với Thực Tại Thế Giới

Đạo Phật được coi như một tôn giáo siêu tổ chức. Từ nguyên thủy, căn bản của đạo đã rộng rãi, không nhằm buộc ai phải tin theo bất cứ một giáo điều nào, mà chỉ cốt hướng dẫn con người trên con đường giác ngộ. Với bản chất đó, đạo Phật đã không tách biệt ra thành một đoàn thể cùng lý tưởng biệt lập, mà lại luôn luôn dung hợp với các luồng tư tưởng khác, rồi lấy đức *Từ Bi* và *Trí Tuệ* để hướng dẫn con người, *cùng hoặc khác* lý tưởng, đến chỗ giác ngộ thực tại và chân lý nghĩa cuộc đời. Trong khi truyền bá, đạo Phật (tuyệt nhiên) không dùng phương pháp bạo hành, mua chuộc, hay ý thế của chính trị để truyền đạo, mà chỉ dùng phương pháp thấm nhuần kiên nhẫn của văn hóa mà thôi. Chính điểm này đã làm cho đạo Phật trở thành một tôn giáo chung của nhân loại.

Mọi nỗ lực của nhân loại tiến bộ từ xưa đến nay, đều cố gắng tiêu diệt ngu tối, tiêu hủy những chướng ngại mê muội đã ngăn cản sự thể hiện giá trị nhân văn đích thực của con người. Đạo Phật quả là nơi chung tụ mọi nỗ lực rốt ráo đó của nhân loại.

Như lịch sử đã chứng minh: tại các nước Á Đông, mọi nền đạo học, thần học thật hết sức phong phú, nhưng cho đến nay dần dần tan biến đi để còn lại một đạo Phật tồn tại và đại diện cho Đông Phương trong thực tại sinh hoạt thế giới hiện đại.

Đạo Phật đã ứng thân trong khắp các thời đại, dùng ngay những hình thức và phương pháp của các thời đại để khai quang những ngu tối của từng thời đại đó.

Đạo Phật là một đạo giác ngộ giữa những suy tư mê muội ở thời đại mà tà giáo, ngoại đạo chiếm địa vị độc tôn. Bao nhiêu tôn giáo khác đang đi lần đến độ hóa thân để cùng thể nhập chân lý, thể nhập vào nguồn đạo lớn: *GIÁC NGỘ*. Đạo Phật còn đó, còn vững bền trong tâm khảm của mỗi người và mỗi thời đại.

Thời đại chúng ta đang đứng trong đầu trường ý thức hệ. Đạo Phật đang là hiện thân của giác ngộ để *chuyển hóa* những ý thức hệ mê tối. Tất nhiên trong khi đứng trước các ý thức hệ hiện thời, đạo Phật đã kinh qua nhiều thử thách, nhiều gạn lọc để giúp cho *người tỉnh* cũng như *người mê* cùng tìm cho mình một lối ứng thân thích hợp với thời đại mới.

Chính vì vậy mà những thử thách trước mắt chẳng đáng kể gì so với dòng tiềm lực vô biên của đạo Phật cả.

Đạo Phật sẽ giải quyết những tranh chấp tư tưởng và tranh chấp quyền lợi của thời đại chúng ta.

Trên mặt tư tưởng, con người đã và đang vượt bỏ các quan niệm *thần hóa siêu nhiên* và *vật hóa nhân loại*, để mong đưa nhau tới *Địa Vị Nhân Chủ* đích thực của mình. Đạo Phật, trên bản chất, vốn chủ trì tất cả qui về *Con Người Giác Ngộ*, nên có thể thỏa đáp được đòi hỏi chung cho nhân loại hiện tại và vị lai.

Đạo Phật sẽ từ chỗ làm giảm sự căng thẳng giữa các lý tưởng duy thần, duy vật, tiến đến chỗ cùng với mọi con người giác ngộ chuyển đổi thân phận toàn thể nhân loại đi vào cõi An Lạc chung.

Đó là công cuộc hiện đại hóa Phật Pháp của thời đại chúng ta.

(Trích *Phật Học Tinh Hoa - Một tổng hợp đạo lý*)

Ngay sau khi Hòa Thượng Thích Đức Nhuận viên tịch, ngài Tuệ Sỹ đã viết thư cho Hòa Thượng Thích Mãn Giác:

Con nhớ ngày ngày đầu tiên, khoảng năm 1965, con lên hầu Thầy ở Giác Minh, và trình Thầy xem bài con mới viết về Trung quán. Thầy khen, và cho đăng lên tạp chí Vạn Hạnh. Rồi Thầy khích lệ, con tiếp tục viết. Vừa học, vừa nghiên cứu vừa viết; nhờ thuận duyên này mà sự học hỏi giáo lý của con rất tiến bộ. Sau đó Thầy gọi con về làm Thư ký tòa soạn cho tạp chí; cho đến khi con trở về Huế, cuối năm 1966. Thầy là vị Thầy đã dìu dắt con những bước đầu trong cuộc đời học đạo và hành đạo của con.

Hiện nay, Chư vị Tôn túc đồng hàng với Thầy không còn bao nhiêu vị. Con biết Thầy là một trong các vị Sư Trưởng của con, mà đạo tình đối với Thầy Đức Nhuận rất thâm thiết, và đã cùng với Thầy Đức Nhuận lãnh đạo Tăng Ni Phật tử Việt nam vượt qua những thử thách gian nan nhất trong những ngày đen tối của lịch sử dân tộc và đạo pháp. Cho nên, trước sự đời biến chuyển không thường, đạo tích của bậc Cao tăng thực học đã đến và đã đi, vĩnh viễn ra đi, còn ghi lại đậm nét trong tư duy thiền quán của Chư vị Trưởng bối đồng hàng. Trong cảm xúc đó, con kính gởi đến Thầy mấy dòng suy tưởng, ước nguyện rằng ân đức của các bậc Sư Trưởng hiện tiền vẫn luôn luôn là

bóng cây trí tuệ che mát chúng con trong vô vàn thử thách mà chúng con vẫn đang phải cố gắng tự mình vượt qua để thành tựu một phần trong tâm nguyện vô biên của những người đã dâng hiến cả cuộc đời của mình tu học và hành trì Chánh pháp.

Tài liệu tham khảo:

- Thích Đức Nhuận Web: quangduc.com
- Nguyên lý sáng lập đạo Phật Web: quangduc.com

Chương sáu: Thời kỳ Đổi mới

Đổi Mới là một chương trình cải cách kinh tế và một số mặt xã hội do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng vào thập niên 1980. Chính sách Đổi Mới được chính thức thực hiện từ Đại hội đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam lần VI, năm 1986.

Đổi Mới về kinh tế được thực hiện trước tiên. Nó là đòn bẩy thúc đẩy Đổi Mới trên các mặt khác như xã hội, chính trị, văn hóa... Chính trị không có những thay đổi nhiều so với Kinh tế, nhưng Đổi Mới về mặt văn hóa, nhất là trong lĩnh vực văn học tại Việt Nam vào những năm 1986-1990 là điều đáng nói đến.

Tiến trình này bắt đầu vào tháng 10 năm 1986 khi ông Nguyễn Văn Linh, bấy giờ là Ủy viên Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, kêu gọi nhà văn trong nước hỗ trợ cuộc cải cách kinh tế bằng cách viết về sự thật, song song với thời kỳ Đổi mới đang diễn biến. Danh từ của ông là "cởi trói" tư tưởng.

Tháng 12 năm 1986 Bộ Chính trị theo đó thông qua Nghị quyết số 5 do tướng Trần Độ thuộc Ban Văn hóa soạn ra. Nghị quyết đó cho phép tự do sáng tạo. Sách báo được lưu hành dễ dãi hơn nếu không có nội dung "phản động". Kết quả là những tác phẩm của văn nghệ sĩ trước kia bị cấm vì lập trường chống cộng sản như Nhất Linh và Khái Hưng được tái bản. Ảnh

hưởng của *perestroika* và *glasnost* ở Liên Xô cũng mở rộng con đường cải cách.

Sang năm 1987, năm nhân vật trong Phong trào Nhân Văn-Giai Phẩm của thập niên 1950 cũng được phục hồi danh dự sau nhiều năm bị cấm hoạt động trong sự nghiệp văn chương. Trong số đó có nhạc sĩ Văn Cao (được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh năm 1996, một năm sau khi mất), triết gia Trần Đức Thảo...

Bán nguyệt san *Văn nghệ*, dưới sự điều hành của Tổng biên tập Nguyên Ngọc, lần lượt cho đăng nhiều tác phẩm của những nhà văn trẻ như Nguyễn Huy Thiệp, Dương Thu Hương, Phạm Thị Hoài, Bảo Ninh, Trần Huy Quang, Phùng Gia Lộc và Lê Lựu. Nhiều tác phẩm như *Cái đêm hôm ấy đêm gì*, *Vua lớp*, *Tướng về hưu*, *Phẩm tiết* và *Vàng lửa* được cho là có ẩn ý chỉ trích xã hội đều được đại chúng ưa thích.

Trong các tác phẩm tiểu thuyết như *Thời xa vắng*, *Nỗi buồn chiến tranh*, *Tiểu thuyết Vô đề* thì đề tài chiến tranh được ghi nhận theo một quan điểm khác vì nhân vật trong truyện không nhất thiết theo mẫu mực của con người cộng sản lý tưởng khi ra chiến trường.

Tháng 6 năm 1988 giới báo chí gồm Xuân Cang, chủ nhiệm báo *Lao động*, và tướng Trần Công Mẫn, chủ nhiệm báo *Quân đội Nhân dân*, gửi thư lên Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đề xin làm rõ nghĩa về giới hạn thông tin. Đảng Cộng sản sau đó quyết định không bắt báo chí phải xin phép Trung ương để viết về khuyết điểm xã hội nữa. Từ đó các báo *Sài Gòn Giải phóng*, *Tuổi Trẻ*, *Lao động* ... thường đăng phóng sự phơi bày những khiếm khuyết mọi mặt trong đời sống. Chính Nguyễn Văn Linh cũng góp bài phê bình và chỉ trích những tham nhũng và trì trệ xã hội dưới bút hiệu "NVL" trên báo *Nhân dân*.

Chiều hướng này đưa đến những sự kiện chưa từng thấy ở Việt Nam như trường hợp vợ của tướng Văn Tiến Dũng bị tố giác buôn lậu. Văn Tiến Dũng sau đó mất ghế trong Bộ Chính trị và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Cũng trong thời gian này những đoàn thể tự phát xuất hiện như Câu lạc bộ Những Người Kháng chiến cũ ở Thành phố Hồ Chí Minh. Nhóm này quy tụ thành phần cựu chiến binh của Mặt trận Giải phóng Miền Nam Việt Nam. Ngoài mục đích thiện nguyện tổ chức này còn công khai vận động chống tham nhũng, chống lạm quyền, đòi nói rộng tự do và thực thi dân chủ. Hội còn đứng tên in tờ *Truyền thống Kháng chiến* để phát biểu ý nguyện.

Báo chí, sách vở nở rộ. Tính đến năm 1988 theo Bộ Nội vụ thì chỉ 50% trong số 400 tờ báo trong nước là có giấy phép. Về sách thì 40% tựa sách phát hành năm đó cũng rơi vào diện bất hợp pháp.

Vào cuối năm 1988, xu hướng Đổi mới trong văn học nghệ thuật bị chính quyền cho là quá đà nên Nguyễn Ngọc của tạp chí *Văn nghệ*, người từng ủng hộ các nhà văn trẻ, bị cắt chức và địa vị của ông trong Hội Nhà văn cũng chấm dứt. Hai đảng viên Tiêu Dao Bảo Cự và Bùi Minh Quốc vì vận động phục chức cho Nguyễn Ngọc cũng bị bắt. Hai ông sau đó bị đuổi khỏi đảng.

Tạp chí *Phê bình và Dư luận* do Trần Độ chủ trương, sau khi ra được một số thì có lệnh cấm vì nội dung chỉ trích chính quyền.

Cùng khi đó trước hiện tượng khối Cộng sản Đông Âu tan vỡ và biến động công khai ở Bắc Kinh trong phong trào sinh viên xuống đường ở Công trường Thiên An Môn, vào tháng 3 năm 1989 ở Hà Nội trong cuộc họp kỳ 6 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Nguyễn Văn Linh đòi đình chỉ

những Cởi Mở trong ba năm vừa qua. Trần Độ thì bị chỉ trích vì ông vẫn ủng hộ tiến trình nói lỏng.

Sự quản chế của Ban Văn hóa sau đó thêm nghiêm ngặt; tạp chí bị tước giấy phép, phải đình bản. Tô Hòa, tổng biên tập báo *Sài Gòn Giải phóng* bị thôi việc. Chủ bút báo *Vũng Tàu Côn Đảo* bị bắt vì tội đưa tin không thuận lợi cho chính quyền. Bùi Minh Quốc của báo *Đà Lạt Lang Bian*, Tô Nhuận Vỹ của tạp chí *Cửa Việt*, Lê Trường Giang của báo *Giáo dục và Thời đại* đều bị kỷ luật.

Tờ *Truyền thống Kháng chiến* của Câu lạc bộ Những Người Kháng chiến cũ cũng bị cấm vì phê bình đường lối thống nhất hai Miền do Đảng thi hành năm 1975 mà họ cho là quá vội vã và nhiều sai lầm. Tổ chức này còn lên án chế độ và đòi toàn thể ban lãnh đạo thôi chức.

Dù vậy giới văn nghệ sĩ, báo chí và hội đoàn vẫn muốn hoạt động độc lập. Trong cuộc bỏ phiếu bầu ban điều hành mới của Hội Nhà văn vào tháng 10 năm 1989, Nguyễn Ngọc tuy đã bị truất năm trước, vẫn là 1 trong 3 người được nhiều phiếu hơn cả mặc dù Đảng CSVN đã đề cử nhà văn Anh Đức là người nên lãnh đạo Hội.

Tháng 12 năm 1989 Đảng CSVN ban hành Luật Báo chí để vạch rõ những vi phạm khi ai phát biểu quan điểm chống chế độ hay phá đoàn kết.

Sang năm sau chính quyền ra lệnh bắt cấm Câu lạc bộ Những Người Kháng chiến cũ không được hoạt động. Tổ chức duy nhất cho cựu chiến binh là "Hội Cựu chiến binh Việt Nam" thuộc Mặt trận Tổ quốc do Nhà Nước chỉ đạo. Ban lãnh đạo của Câu lạc bộ Những Người Kháng Chiến Cũ đều bị bắt.

Tiết một: Câu lạc bộ Những Người Kháng Chiến Cũ

Câu lạc bộ Những người Kháng chiến cũ, là một tổ chức tự phát với mục đích tương tế ái hữu cho những người từng tham gia các cuộc kháng chiến trước đây, vốn đang tìm cách hòa nhập với xã hội sau chiến tranh. Một số thành viên nòng cốt, là những đảng viên cộng sản hay cựu chiến binh như Nguyễn Hộ, Tạ Bá Tòng, Đỗ Trung Hiếu, Nguyễn Phong Hồ Hiếu, đã đứng tên nộp đơn hoạt động lên chính quyền Việt Nam từ năm 1985, nhưng mãi đến tháng 5 năm 1986, Câu lạc bộ mới chính thức được Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy phép hoạt động.

Có thể nói, tổ chức này đáng được ghi nhận là một tổ chức do quần chúng tự lập kể từ sau năm 1975. Ngày thành lập chính thức của Câu lạc bộ được chọn là ngày 23 tháng 9 năm 1986, với mục đích kỷ niệm ngày Nam Bộ kháng chiến. Mặc dù khởi đầu tự phát, nhưng Câu lạc bộ nhanh chóng tổ chức hoạt động có quy củ và gia tăng nhanh chóng số lượng thành viên. Vào thời điểm thành lập chính thức, Câu lạc bộ đã có 6.000 thành viên. Chỉ trong hai năm đầu hoạt động, Câu lạc bộ phát triển rất nhanh với số hội viên lên đến 20.000 người, trong số đó có không ít những đảng viên Cộng sản kỳ cựu như Trần Văn Giàu, Trần Bạch Đằng, Trần Nam Trung... cùng nhiều nhân sĩ trí thức không đảng phái tại miền Nam.

Bây giờ, do những biến động của khối Đông Âu, nền kinh tế suy thoái do ảnh hưởng của chiến tranh, bị cấm vận kinh tế và mất đi nguồn viện trợ từ Liên Xô và khối Đông Âu, đã buộc các lãnh đạo cấp cao của Đảng Cộng sản Việt Nam phải cho thi hành chính sách Đổi mới để tìm cách chuyển hướng tư duy kinh tế và khuyến khích phong trào Cải Mở nhằm thu thập những góp ý cho quá trình đổi mới.

Trước sự "cởi mở" đó, Câu lạc bộ đã tổ chức nhiều cuộc hội thảo và mít tinh góp ý và phê bình đường lối cải cách trong thời kỳ Cởi Mở, dần chuyển hướng từ tính cách tương tế sang thúc đẩy việc chống tham nhũng và lạm quyền trong xã hội. Tháng 4 năm 1988, Câu lạc bộ lập Ban Tư vấn Chính trị để xúc tiến công việc đổi mới. Đáng kể là kiến nghị gửi lên chính phủ kêu gọi thực thi bầu cử tự do, không lệ thuộc vào Đảng. Lá thư còn đề xướng Quốc hội phải biểu quyết bằng phiếu kín thay vì lối xướng danh. Ký tên là hơn 100 hội viên gồm có tướng Trần Văn Trà; tướng Nam Long; tướng Phan Trọng Tuệ; Nguyễn Văn Trấn, cựu đại sứ Việt Nam tại Liên Xô; Nguyễn Khánh cựu đại sứ Việt Nam tại Trung Quốc; và Hà Huy Giáp, cựu Thứ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin. Bấy giờ, một số lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đồng ý với chủ trương ngoài đề cử của Trung ương Đảng, cho phép các đoàn đại biểu đề cử thêm ứng viên. Vì vậy, sau khi Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm Hùng qua đời khi đương chức, Câu lạc bộ đã vận động Quốc hội bầu Phó chủ tịch thường trực Hội đồng Bộ trưởng Võ Văn Kiệt lên nắm chức vụ này bởi đường lối của ông được cho là cấp tiến, mặc dù bấy giờ Bộ Chính trị đã đề cử một Phó chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng khác là Đỗ Mười. Kể từ khi thống nhất, đến trước năm 1988, Quốc hội Việt Nam thường biểu quyết thông qua mọi việc y nguyên gần như tuyệt đối theo đề nghị của Đảng. Tuy nhiên, tại kỳ họp tháng 6 năm 1988, lần đầu tiên Quốc hội có 2 ứng viên cho chức vụ Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng và ứng viên Võ Văn Kiệt mặc dù không do Bộ Chính trị đề cử lại có được 168 phiếu bầu, tức 36% trên tổng số 464 đại biểu, một tỷ lệ chưa từng có ở nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Sau các tuyên bố tự giải thể của các lãnh đạo đảng Dân chủ Việt Nam và đảng Xã hội Việt Nam, nhiều đảng viên của 2 đảng này đã tham gia hoạt động trong Câu lạc bộ Những người Kháng chiến cũ. Với tập hợp này, vô hình trung, Câu lạc bộ trở thành một tổ chức mở rộng ra nhiều màu sắc chính trị hơn, tập

hợp mở của nhiều chính khách cao cấp trước đây, thuộc hoặc không thuộc Đảng Cộng sản, có được ảnh hưởng lớn trong quần chúng và cả chính giới. Tháng 9 năm 1988, Câu lạc bộ cho ra mắt tờ báo *Truyền thống Kháng chiến* có những bài chỉ trích việc thống nhất vôi vữa hai miền Nam Bắc sau năm 1975. Sau số báo thứ nhì in ra thì có lệnh cấm. Dù vậy số báo thứ ba vẫn ra và bị tịch thu.

Sau 2 năm thực hiện, các lãnh đạo cao cấp của Đảng cho rằng xu hướng Cởi Mở đã đi quá đà khi thiên quá nhiều vào việc chỉ trích chính quyền. Trước hiện tượng khối Cộng sản Đông Âu tan vỡ và biến động công khai ở Bắc Kinh trong phong trào sinh viên xuống đường ở Quảng trường Thiên An Môn, vào tháng 3 năm 1989 ở Hà Nội trong cuộc họp kỳ 6 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh, người khởi xướng phong trào Đổi mới, đã yêu cầu đình chỉ phong trào.

Nhiều đảng viên cao cấp tỏ thái độ phản ứng trước quyết định này. Hầu hết trong số họ bị cách chức và bị khai trừ ra khỏi Đảng. Các lãnh đạo của Câu lạc bộ Những người Kháng chiến cũ cũng cùng chung số phận, nhiều hội viên cốt cán như Tạ Bá Tông, Hồ Văn Hiếu, Đỗ Trung Hiếu, Lê Đình Mạnh đều bị bắt giam, hoặc bị quản thúc tại nhà riêng. Các sinh hoạt chính trị của Câu lạc bộ đều bị cấm hoàn toàn. Cởi Mở khép lại cũng chấm dứt luôn vai trò của Câu lạc bộ Những người Kháng chiến cũ trên chính trường Việt Nam.

Sang năm 1990, đảng cho thành lập Câu lạc bộ Truyền thống Kháng chiến. Những người lãnh đạo mới của tổ chức tuyên bố Câu lạc bộ là một thành viên của Hội Cựu chiến binh Việt Nam, sinh hoạt trở lại với mục đích tương tế mà thôi.

1) Nguyễn Hộ



Nguyễn Hộ (1916-2009)

Nguyễn Hộ sinh ngày 1 tháng 5 năm 1916, tại Gò Vấp, Sài Gòn và gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1937. Năm 1940 bị chính quyền Đông Dương thuộc Pháp ghép tội kích động đình công ở xưởng đóng tàu Ba Son, ông bị tuyên án tù 5 năm ở Côn Đảo.

Sau khi được thả, ông chuyển sang hoạt động chống chính quyền Việt Nam Cộng hòa, nắm chức Ủy viên Thường trực của Ban Thường vụ Ủy ban Kháng chiến Sài Gòn - Chợ Lớn (1950-1952). Sau năm 1975 ông làm Phó Chủ tịch Tổng công đoàn Việt Nam, Thư ký Liên hiệp Công đoàn thành phố Hồ Chí Minh, rồi Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 1986 ông là một trong những người thành lập Câu lạc bộ Những Người Kháng chiến cũ cùng các ông La Văn Lâm, Đỗ Trung Hiếu, Trần Văn Giàu, Trần Bạch Đằng, Tạ Bá Tòng và thượng tướng Trần Nam Trung. Tờ báo *Truyền thống Kháng chiến* của nhóm này ra mắt số đầu tiên vào tháng 9 năm 1988 nhưng sau đó vì quan điểm bị cho là chỉ trích chính quyền nên

báo buộc phải đình bản. Tổ chức này năm 1989 cũng bị chính quyền giải tán.

Bất bình, ông từ bỏ Đảng năm 1991 sau hơn 53 năm trong đảng. Sau đó ông bị bắt và quản thúc tại gia vì tội "chống Đảng".

Từ đó ông càng phản đối mãnh liệt hơn qua những văn bản như bài luận "Giải pháp Hòa hợp Hòa giải" và cuốn sách *Quan điểm và cuộc sống*. Sách của ông kêu gọi Đảng Cộng sản Việt Nam hãy từ bỏ Chủ nghĩa Marx-Lenin. Cũng vì quan điểm của ông mà ông bị nhà chức trách bắt lần thứ hai năm 1994. Theo ông Việt Nam ở thời điểm năm 2008 chỉ có độc lập chứ không có tự do.

Vì hoạt động của ông, Tổ chức Theo dõi Nhân quyền (Human Rights Watch) đã trao ông giải thưởng Hammett-Hellman (Giải Tự do Phát biểu).

Ông mất ngày 2 tháng 7 năm 2009, hưởng thọ 93 tuổi.

Tác phẩm:

- *Quan Điểm và Cuộc Sống* (20/05/1993)
- *Chỉ Có Con Đường Duy Nhất : "Lột Xác"* (17/02/1995)

Trích văn:

Quan Điểm và Cuộc Sống

Mấy lời của tác giả

Tôi tên Nguyễn Hộ, sanh ngày 01 tháng 5 năm 1916 (77 tuổi), tại xã Hạnh Thông (tức phường 10), quận Gò Vấp, thành phố

Hồ Chí Minh. Lúc còn nhỏ, tôi chỉ học hết cấp 2 (sơ học yếu lược) thời Pháp thuộc năm 1933. Vì gia đình nghèo, tôi không thể tiếp tục đến trường mà phải đi học nghề, làm thợ tại xưởng đóng tàu Ba Son (1935) vào lúc 19 tuổi. Tại đây từ năm 1936 (20 tuổi), tôi bắt đầu tham gia cách mạng, tham gia phong trào đấu tranh dân sinh dân chủ và được kết nạp vào đảng cộng sản Đông Dương (tức đảng cộng sản Việt Nam sau này) năm 1937 (tức 21 tuổi). Sau 5 năm hoạt động, tôi bị bắt vào tháng 4 năm 1940 trên đường đi vào nhà máy và bị tù 5 năm ở Côn Đảo. Đến cuối năm 1945, tôi được cách mạng tháng 8 giải phóng về và tiếp tục hoạt động đến sau này. Suốt quá trình cách mạng ấy tôi đã kinh qua các trách nhiệm như sau:

a/ Thời kỳ đấu tranh dân sinh dân chủ (1936-1940).

- Chi ủy chi bộ Ba Son (đảng cộng sản Đông Dương)
- Bị tù đày ở Côn Đảo (1940-1945).

b/ Thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1946-1954).

- Phó thư ký kiêm bí thư đảng đoàn liên hiệp công đoàn Nam Bộ, phụ trách công đoàn Sài Gòn - Chợ Lớn.
- Ủy viên ban kháng chiến hành chính đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn, phụ trách dân quân; Trưởng ban dân quân Sài Gòn - Chợ Lớn.
- Thành đội trưởng dân quân Sài Gòn - Chợ Lớn.
- Phụ trách thành đảng bộ Sài Gòn - Chợ Lớn (cuối năm 1948 đến cuối năm 1950), kiêm phó chủ tịch ủy ban hành chính Sài Gòn - Chợ Lớn.
- Ủy viên thường vụ đặc khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn, phụ trách cán sự 2 đặc khu, kiêm phó chủ tịch ủy ban hành chính Sài Gòn - Chợ Lớn, kiêm chỉ huy phó ban chỉ huy quân sự đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn (cuối năm 1950 đến cuối năm 1952).

- Đau nặng, nằm bệnh viện (cuối năm 1952 đến cuối năm 1954).

c/ Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ (lúc đất nước chia cắt hai miền Nam Bắc).

- Ra Bắc, đau nặng, nằm bệnh viện (1955-1956).

- Ủy viên ban chấp hành, ban thường vụ tổng liên đoàn lao động Việt Nam (1957-1960).

- Ủy viên ban thư ký, ủy viên đoàn chủ tịch tổng công đoàn Việt Nam; đảng đoàn tổng công nhân Việt Nam (1961-1963).

d/ Về miền Nam công tác (1964-1975)

- Ủy viên thường vụ khu ủy Sài Gòn - Gia Định (T4) phụ trách dân vận, công vận, hoa vận.

e/ Thời kỳ sau 30/04/75 trở đi (1975-1987)

- Ủy viên thường vụ thành ủy thành phố Hồ Chí Minh phụ trách dân vận.

- Chủ tịch liên hiệp công đoàn thành phố Hồ Chí Minh kiêm phó chủ tịch tổng công đoàn Việt Nam.

- Chủ tịch mặt trận Tổ Quốc Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh kiêm ủy viên đoàn chủ tịch ủy ban trung ương mặt trận Tổ Quốc Việt Nam.

- Chủ tịch hội Việt - Xô hữu nghị thành phố Hồ Chí Minh kiêm phó chủ tịch ban chấp hành trung ương hội Việt-Xô hữu nghị.

- Chủ tịch ủy ban đoàn kết và hữu nghị với nhân dân thế giới thành phố Hồ Chí Minh.

- Chủ tịch ban thiếu niên nhi đồng thành phố Hồ Chí Minh.

- Trưởng ban vận động đồng bào thành phố Hồ Chí Minh ủng hộ xây dựng công trình thủy điện Trị An, xây dựng con

đường Nhà Bè - Duyên Hải và xây dựng kinh Đông - Củ Chi.

- Giữa năm 1987, tôi được cơ quan cho nghỉ hưu lúc tôi 71 tuổi.

Liên sau đó Câu lạc bộ kháng chiến thành phố ra đời. Tôi tham gia hoạt động với tư cách Chủ nhiệm câu lạc bộ. Kể ra, ngay từ đầu, anh em kháng chiến thiết tha xin lập hội những người kháng chiến thì bị thành ủy và UBND thành phố từ chối và chỉ cho phép thành lập Câu lạc bộ những người kháng chiến mà thôi, mặc dù điều 67 của hiến pháp còn ghi rành rành các quyền tự do của công dân: tự do hội họp, tự do lập hội....Tất nhiên, tổ chức hội và tổ chức Câu lạc bộ có thực sự khác nhau về nội dung, quyền hạn và phạm vi hoạt động. Tuy vậy, dựa vào nội dung quyết định của ủy ban nhân dân thành phố về nhiệm vụ, quyền hạn của Câu lạc bộ kháng chiến:

- Tập hợp những người kháng chiến trong hai thời kỳ (chống Pháp và chống Mỹ) nhằm phát huy truyền thống yêu nước trong nhân dân ta.

- Đóng góp vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ Quốc Việt Nam XHCN.

- Đoàn kết tương trợ giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống.

Những người tham gia câu lạc bộ kháng chiến đã tiến hành hoạt động bằng các hình thức: hội thảo, mít tinh, kiến nghị, viết báo, ra báo nhằm các mục tiêu cụ thể chống tiêu cực, quan liêu, cửa quyền, ức hiếp trù dập quần chúng, tham nhũng, bè phái, bao che lẫn nhau vì đặc quyền, đặc lợi trong hàng ngũ cán bộ đảng và nhà nước, ngoài ra xây dựng tổ chức, phát triển hội viên, thực hiện đoàn kết tương trợ, thăm hỏi chăm sóc gia đình kháng chiến, thương binh liệt sĩ.

Với tinh thần đấu tranh chống trì trệ, tiêu cực nói trên, câu lạc bộ kháng chiến thành phố đã kiến nghị:

- Bộ chính trị và Ban bí thư trung ương đảng cần có sự kiểm điểm định kỳ, phê tự phê về sự lãnh đạo của mình trước ban chấp hành trung ương để qua đó điều chỉnh, kiện toàn cơ quan lãnh đạo: ai có đủ đức, tài thì tiếp tục phát huy, còn ai không đủ đức, tài thì cần cho rút lui để đưa người có đức có tài thay thế, chứ không thể cứ "sống lâu lên lão làng".

- Không nên 'độc diễn' khi quốc hội bầu Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng (1988) mà nên có một số người ra ứng cử chức vụ nói trên với chương trình hành động cụ thể của mình. Quốc hội sẽ chọn một chủ tịch hội đồng bộ trưởng trong số các ứng viên ấy bằng lá phiếu kín của mình.

- Quốc hội cần cách chức một số bộ, thứ trưởng có liên quan không làm tròn trách nhiệm, dẫn đến hậu quả là có trên 10 triệu người ở miền Bắc bị đói năm 1987, và nhân dân cả nước sống cơ cực kéo dài...

Thế nhưng đối với lãnh đạo (đảng và nhà nước) các cuộc đấu tranh bằng hình thức nói trên của câu lạc bộ kháng chiến thành phố là một sự đe dọa. Do đó, lãnh đạo đã tìm mọi cách hạn chế, ngăn chặn các hoạt động của câu lạc bộ như: không cho hội thảo, mít tinh hoặc có hội thảo, mít tinh nhưng số người dự ít thôi; tịch thu ấn bản để câu lạc bộ không ra báo được. Trước khó khăn đó, với tinh thần bám chặt các quyền tự do dân chủ của công dân đã ghi rõ trong hiến pháp như: tự do ngôn luận, tự do báo chí... anh em câu lạc bộ phải cấp tốc đem bài vở chạy xuống Mỹ Tho - Tiền Giang để nhờ giúp đỡ. Tại đây, anh em địa phương rất nhiệt tình, hì hục suốt ngày đêm làm xong ấn bản lần thứ hai thì lại được lệnh của ban tuyên huấn tỉnh uỷ là không được in báo cho câu lạc bộ kháng chiến thành phố. Thế

là anh em câu lạc bộ phải chạy xuống Cần Thơ - Hậu Giang cầu cứu với ấn bản có sẵn. Nhờ sự thông cảm và tận tình của anh em địa phương, chỉ trong vài ngày, 20 ngàn tờ báo 'truyền thống kháng chiến' đã được in ra. Sở văn hóa thông tin ra lệnh tịch thu tờ báo số 03 này đang được phát hành và sau cùng cơ quan chính quyền đóng của vĩnh viễn báo 'truyền thống kháng chiến'. Tờ báo được nhiều cảm tình của đồng đảo bạn đọc luôn luôn chờ đón.

Ngay lúc ấy, trung ương đảng cộng sản Việt Nam đứng đầu là Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh và bí thư thành uỷ Võ Trần Chí cùng nhiều cán bộ khác kể cả Trần Văn Trà, Trần Bạch Đằng đã họp bàn kế hoạch tỉ mỉ nhằm đàn áp câu lạc bộ kháng chiến thành phố và nhiều nơi khác. Ý kiến phát biểu, lên án, buộc tội câu lạc bộ kháng chiến thành phố của Trần Văn Trà, Trần Bạch Đằng trong cuộc họp nói trên được in ra và phát hành khắp cả nước. Thế là, liền sau đó CLBKC/TP bị cấm hoạt động. Một câu lạc bộ kháng chiến mới với ban chủ nhiệm mới - như một thứ 'kiềng' trang trí, hình thành nhằm vô hiệu hóa, tê liệt hóa phong trào đấu tranh chống tiêu cực, suy thoái trong hàng ngũ đảng và nhà nước vừa mới dâng lên và cũng nhằm củng cố chế độ độc tài, phản dân chủ.

Trước không khí ngột ngạt ấy, tôi đã quyết định rời bỏ thành phố về sống ở nông thôn để tiếp tục cuộc đấu tranh vì dân chủ tự do, vì âm no hạnh phúc của nhân dân đến hơi thở cuối cùng. Ngày 21/03/1990, tôi rời khỏi Sài Gòn cũng là ngày tôi ly khai đảng cộng sản Việt Nam. Đảng mà sau 54 năm đeo đuổi cách mạng (với tư cách đảng viên) của tôi, nay đã trở thành vô nghĩa. Sau cái ngày đáng ghi nhớ ấy khoảng hơn một tháng, một số anh em CLBKC/TP gồm: Tạ Bá Tòng (Tám Cần), Hồ Văn Hiếu (Hồ Hiếu), Đỗ Trung Hiếu (Mười Anh) bị bắt, cả Lê Đình Mạnh - người ủng hộ tích cực CLBKCTP cũng bị bắt sau đó.

Vào cuối tháng 08/90, Phó chủ tịch hội đồng bộ trưởng Võ Văn Kiệt đi gặp tôi ở vùng Phú Giáo - miền Đông Nam Bộ, cách Sài Gòn khoảng 60 cây số, tại cái chòi sản xuất của nông dân. Ông Kiệt hỏi tôi: "Thế này là sao? ". Tôi trả lời: "Thành phố ngọt ngọt quá, tôi về nông thôn ở cho khỏe". Ông Kiệt nói: "Anh cứ về thành phố ai làm gì anh". Tôi đáp: "Rất tiếc, phải chi anh gặp tôi sớm hơn độ hai tháng thì tốt quá, tôi trở về thành phố ngay. Còn bây giờ thì đã muộn rồi, bởi vì dưới sự lãnh đạo của trung ương ĐCSVN lúc bấy giờ đứng đầu là Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh cùng các ông: Mai Chí Thọ, Võ Trần Chí, Trần Trọng Tân, Trần Văn Trà, Trần Bạch Đằng... cả nước được chỉ đạo, phổ biến rằng tôi (Nguyễn Hộ) là tên phản động, gián điệp, móc nối với CIA, nối giáo cho giặc, tiếp tay báo chí nước ngoài tuyên truyền chống đảng, chống nhà nước. Lập tổ chức quân chúng (CLBKCTP) chống đảng, lật đổ chính quyền, ăn tiền của Mỹ, chủ trương đa nguyên, đa đảng nhằm lật đổ đảng cộng sản Việt Nam. Tất cả sự quy chụp ấy nói lên rằng đảng cộng sản Việt Nam đã đập tôi xuống tận bùn đen, chôn vùi cả cuộc đời cách mạng của tôi trong nợ nhục để tôi không làm sao ngóc đầu dậy được. Tình hình như vậy tôi trở về thành phố làm gì trừ khi đất nước Việt Nam có dân chủ tự do thật sự. Do đó tôi quyết sống ở thôn quê cho đến ngày cuối cùng của đời tôi."

Cuộc gặp gỡ giữa tôi và ông Kiệt diễn ra từ 7 giờ 30 phút sáng đến 11 giờ trưa thì kết thúc và chia tay. Được biết là từ sau lần gặp gỡ đó, ông Kiệt tỏ ra phấn khởi và nhắn muốn gặp tôi lần thứ hai ở một địa điểm nào đó gần Sài Gòn để tiện việc đi lại. Khi được tin này, tôi có viết thư trả lời cho ông Kiệt rằng cuộc gặp gỡ lần thứ hai không cần thiết.

Sau đó, khoảng nửa tháng thì tôi bị bắt (07/09/90) trên sông Sài Gòn vào lúc 7 giờ sáng khi tôi bơi xuống vừa cập vào bờ, định bước lên vào đám ruộng cạnh đó để hái rau má, rau đắng về ăn. Đúng vào thời điểm ấy, một chiếc ghe lớn đang chạy trên sông

lại cặp sát xuống tôi, trong đó có 6-7 thanh niên khỏe mạnh. Bỗng có tiếng hỏi to: "Bác ơi! bác có thấy một chiếc ghe nhỏ chạy ngang qua đây không?" "Không!" tôi trả lời. Liên đó có tiếng hét to: "Đúng nó rồi!".

Lúc bấy giờ, tôi mới biết là ghe của công an và nghe tiếng súng lên cò rộp rộp. Tức thời có hai công an cường tráng, tay cầm súng đã nạp đạn nhảy xuống mũi xuống nơi tôi đang đứng. Tôi bình tĩnh hỏi: "Mấy chú muốn gì?". "Muốn gì về sở thì biết" tiếng trả lời xác xược của một công an. Hai công an đồng loạt nắm tay tôi, kéo mạnh ra phía sau rồi còng ngay. Họ điều động tôi sát chiếc ghe lớn có tấm ván dài bắt từ mũi ghe xuống đáy. Họ xô mạnh tôi chúi mũi và tuột xuống đáy ghe. Ghe nổ máy chạy dọc con sông lên hướng Tây Bắc độ 15 phút thì rẽ vào rạch nhỏ đi sâu đến bến. Tại đây có chiếc xe hơi nhỏ đậu sẵn. Tôi được điều lên xe và đổi còng từ phía sau ra phía trước, với bộ y phục: quần xà lỏn đen và cái áo đen ngắn tay đã xuống màu, hai bên có hai công an ngồi sát và một công an khác ngồi phía trước. Sau nửa giờ xe chạy thì đến nơi. Người ta đưa tôi vào một nhà lá trống trải, không có cửa. Tôi được ngồi nghỉ trên cái giường gỗ nhỏ có trải chiếu chiếu cũ. Lúc bấy giờ tôi mới nhận ra rằng chính lực lượng công an huyện Củ Chi đã sẵn bắt tôi (tất nhiên theo lệnh của sở công an thành phố và Bộ nội vụ).

Củ Chi tôi rất quen thuộc và thân thiết - đã gọi lên trong đầu óc tôi biết bao cảm nghĩ: Củ Chi địa đạo, bom địa, pháo bầy, Củ Chi tan nát, anh dũng, chịu đựng, gian khổ, hy sinh, nước mắt đau thương xen lẫn với nụ cười chiến thắng mà bản thân tôi trong một số năm chia xẻ đắng cay, ngọt bùi cùng đồng bào Củ Chi trong cuộc chiến tranh không cân xứng, vô cùng ác liệt giữa Mỹ và Việt Nam; hoặc nó gợi nhớ cho tôi bao nhiêu những kỷ niệm tốt đẹp trong hoà bình (1975-1989): đi thăm và uỷ lạo anh em thanh niên xung phong đang lao động xây dựng công trình thủy lợi Kênh Đông Củ Chi để đưa nước từ hồ Dầu

Tiếng về tưới cho hàng ngàn héc ta ruộng lâu nay thiếu nước của huyện; đi thăm và uỷ lạo các gia đình có công với cách mạng, gia đình thương binh liệt sĩ trong những ngày kỷ niệm lịch sử; hoặc đi thăm và tặng quà cho các thiếu nhi, học sinh nghèo của huyện; đi dự lễ trao tặng nhà tình nghĩa của ban, ngành, đoàn thể, cơ sở kinh doanh, sản xuất cho gia đình đối tượng chính sách trong huyện. Ôi! Ý nghĩ sao mà miên man.

Đúng 4 giờ rưỡi chiều hôm đó, tôi được đưa lên ô tô để về Sài Gòn. Trước và sau xe tôi còn có mấy xe khác đầy nhân viên công an. Khi đèn đường thành phố rực sáng thì xe tôi đến cơ quan Bộ nội vụ (tức Tổng Nha Cảnh Sát cũ trước đây). Tôi ngồi ở cơ quan nội vụ hơn 1 giờ thì được đưa thẳng lên Xuân Lộc (Đồng Nai), có nhiều xe công an hộ tống. Hơn 10 giờ đêm thì tới Xuân Lộc, tôi được đưa đến một nhà trống (nhà tròn) của k4 với một bán đội công an vũ trang đầy đủ. Được một tuần, người ta đưa tôi trở về thành phố quản thúc tại Bình Triệu, ở một địa điểm đối diện với cư xá Thanh Đa. Sau hơn bốn tháng sống biệt lập luôn luôn có một tiểu đội công an canh giữ, tôi được đưa về quản thúc tại gia vào đúng ngày 30 tết nguyên đán (đầu năm 1991) từ đó về sau này. Khi gặp tôi tại 3 địa điểm nói trên, các ông: Võ Văn Kiệt (Phó chủ tịch Hội đồng bộ trưởng), Mai Chí Thọ (Bộ trưởng bộ nội vụ), Võ Trần Chí (Bí thư thành uỷ), Võ Viết Thanh (Thứ trưởng bộ nội vụ), Nguyễn Võ Danh (Phó bí thư thành uỷ), Trần Văn Thanh (Thành uỷ viên) ... đều bảo tôi phải làm kiểm điểm (để qua đó lãnh đạo sẽ xem xét và giải quyết vấn đề của tôi theo cách giải quyết nội bộ). Nhưng tôi nghĩ: tôi không có tội lỗi gì trong hành động của mình - hoạt động câu lạc bộ kháng chiến, không lẽ đấu tranh chống tiêu cực (theo chủ trương, nghị quyết của ĐCSVN): chống tham nhũng, chống quan liêu cửa quyền, ức hiếp, trù dập, hãm hại quần chúng; chống tư tưởng bè phái, bao che cho nhau, những người đã gây biết bao tác hại cho nhân dân, đất nước, không đức, không tài mà cứ ngồi lì ở cương vị lãnh đạo; đấu tranh chống tiêu cực, suy thoái như vậy là hành

động phản cách mạng, phản động, nổi giáo cho giặc sao? Do đó, tôi không làm kiểm điểm mà chỉ phát biểu quan điểm của mình về tình hình chung trong nước và sự lãnh đạo của đảng cộng sản Việt Nam. (trên 20 trang)

Kiểm điểm là mang tính chất nội bộ. Còn đây là việc hoàn toàn khác hẳn: người ta chia súng vào tôi, bắt công tôi, đem giam và quản thúc. Như vậy, vấn đề đã đi quá xa, còn đâu là nội bộ nữa, vì tôi bị coi là kẻ thù của ĐCSVN rồi kia mà. Cho nên điều chủ yếu của tôi là chờ được đưa ra tòa xét xử, xem tôi đã phạm tội gì, nặng cỡ nào với những chứng cứ chính xác của nó. Khi tôi bị bắt không hề có lệnh của tòa án hay Viện kiểm sát. Hơn nữa, đã trên 2 năm bị quản thúc, vấn đề của tôi chưa được phơi bày trước ánh sáng công lý. Điều đó cho thấy ở Việt Nam hiến pháp, luật pháp bị chà đạp cỡ nào.

Câu lạc bộ kháng chiến thành phố bị đàn áp, tôi bị bắt cũng như một số anh em khác trước đó. Chúng tôi được ném mùi còng sắt của ĐCSVN - cũng giống như còng sắt của đế quốc ngày xưa - rồi bị giam, bị quản thúc, trở thành người hoàn toàn mất tự do, cách ly với thế giới bên ngoài. Đó là điều bất hạnh.

Tuy nhiên, vì tôi đã ly khai ĐCSVN lúc tôi rời thành phố về sống ở nông thôn (21/03/90), nên hơn lúc nào hết, về tinh thần và tư tưởng, tôi thấy mình hoàn toàn tự do, hoàn toàn được giải phóng. Bây giờ, trên đầu tôi không còn bị kẹp chặt bởi cái "kềm sắt" của chủ nghĩa Mác - Lê Nin, của đảng cộng sản nữa. Do đó, nó cho phép tôi dám nhìn thẳng vào sự thật và dám chỉ ra sự thật, đặc biệt trong tình hình sụp đổ của Đông Âu và sự tan rã của Liên Xô. Khác với trước đây, khi còn là đảng viên của đảng cộng sản Việt Nam - một thứ tù binh của đảng - tôi chỉ biết nói và suy nghĩ theo những gì mà cấp trên nói và suy nghĩ. Còn hiện nay, tôi suy nghĩ rất thoải mái, không bị một sự hạn chế nào khi tư tưởng của tôi đã thực sự được giải phóng - tư tưởng đã bay bổng. Bởi vậy, tôi tự phát hiện cho mình nhiều

điều lý thú mà bạn đọc sẽ có dịp tìm thấy trong bài viết này của tôi.

Tôi làm cách mạng trên 56 năm, gia đình tôi có 2 liệt sĩ: Nguyễn Văn Đảo (anh ruột) - Đại tá quân đội nhân dân Việt Nam - hy sinh ngày 09/01/66 trong trận ném bom tấn công đầu tiên của quân xâm lược Mỹ vào Việt Nam (vào Củ Chi); Trần Thị Thiệt (vợ tôi) - cán bộ phụ nữ Sài Gòn - bị bắt và bị đánh chết tại Tổng Nha Cảnh Sát hồi tết Mậu Thân (1968), nhưng phải thú nhận rằng, chúng tôi đã chọn sai lý tưởng: cộng sản chủ nghĩa. Bởi vì suốt hơn 60 năm trên con đường cách mạng cộng sản ấy, nhân dân Việt Nam đã chịu sự hy sinh quá lớn lao, nhưng cuối cùng chẳng được gì, đất nước vẫn nghèo nàn, lạc hậu, nhân dân không có ấm no hạnh phúc, không có dân chủ tự do. Đó là điều si nhục.

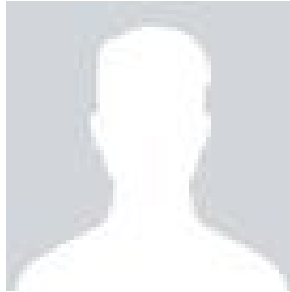
Giữa tôi và bài viết của tôi là một thể thống nhất dựa trên nền tảng của cuộc cách mạng "lột xác" đã diễn ra trong đầu óc tôi. Vậy xin mời bạn hãy đọc tiếp. Cảm ơn.

Nguyễn Hộ

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Hộ Web: vi.wikipedia.org
- *Quan điểm và cuộc sống* Web: anhduong.net

2) Đỗ Trung Hiếu



Đỗ Trung Hiếu (? - ?)

Ông Đỗ Trung Hiếu bí danh Mười Anh, là người Khánh Hòa, nguyên là giáo sư của trường Trung học Bồ Đề Nha Trang. Khoảng năm 1962-1963, Ông xuất hiện trong phong trào tranh đấu Phật Giáo Nha Trang và Hội Đồng Nhân Dân Cứu Quốc . Sau đó không ai biết tông tích ông. Sau năm 1975 ông xuất hiện và giữ vai trò trọng yếu trong Ban Tôn Giáo chính phủ. Năm 1990 ông đã khai trừ khỏi đảng do bất đồng chính kiến.

Tài liệu:

Tiến trình thống nhất Phật Giáo

Tôn giáo là một vấn đề lớn của Dân tộc. Thống nhất Phật Giáo Việt Nam là một chủ trương chiến lược của Đảng Cộng Sản VN trong vấn đề tôn giáo.

Các nhà lãnh đạo Đảng Cộng sản VN, quý Hòa-Thượng lãnh đạo, các hệ phái và tổ chức Phật Giáo đều có trách nhiệm trong việc thống nhất Phật giáo.

Với tư cách là một cán bộ tham mưu của Đảng Cộng Sản VN, tôi có một vai trò trọng yếu trong thời điểm đó. Đúng, sai trong việc thống nhất Phật giáo Việt Nam tôi đều có phần trách nhiệm.

Ngày nay, viết lại phần này, trước hết tôi tự xác định trách nhiệm, tự nhìn lại mình và đáp lời với chư tăng, ni và đồng bào phật tử. Đồng thời tôi tha thiết mong những ai có liên quan, đặc biệt là những nhà lãnh đạo Đảng Cộng sản VN, bình tâm xem lại mọi việc, thấy rõ nguồn căn, chân thành giải quyết hợp với nguyện vọng của phật tử VN : DÂN TỘC VỚI ĐẠO PHÁP NHƯ NƯỚC VỚI SỬA.

Rồi, đối với các tôn-giáo khác cũng nên làm như thế.

Được vậy nhân dân Việt Nam sẽ hạnh phúc, mọi người sẽ thanh thân biết bao !

Mùa Phật đản 2538 (1994)

ĐỖ-TRUNG-HIẾU.

*

ÔN GIÀ LAM

Ôn Già Lam tức Hòa thượng Thích Trí Thủ.

Khi đến chùa Già Lam ở quận Gò Vấp Tp Hồ-Chí-Minh, viếng tháp Ôn, đọc bia đặt trước tháp là đủ :

Tưởng-niệm Hòa-Thượng THÍCH TRÍ THỦ (1909 – 1984)

Hòa-Thượng họ Nguyễn, húy Văn Kính, pháp danh Tâm Như, tự Đạo Giám, hiệu Thích Trí Thủ, sinh ngày 19-9 năm Kỷ Dậu (1909) tại Trung-Kiên, Quảng-Tri.

17 tuổi xuất-gia, 20 tuổi thọ Cụ túc, di pháp đời thứ 43 phái Thiền Lâm-Tê.

Với chí nguyện thượng cầu hạ hóa, hòa thượng là một trong những vị đi đầu trong công cuộc chấn hưng Phật giáo nước nhà, mở nhiều Phật học viện, trùng tu nhiều phạm vũ, khai sơn Quảng Hương già lam, mở nhiều Đại giới đàn và phiên dịch giảng giải Kinh, Luật, Luận. Hòa thượng không ngừng tiến dân hậu lai cho tăng, tín đồ được nhờ ơn Pháp vũ.

Xuất thế tinh chuyên đã vậy, nào quên nhập thế độ sinh, dầu tuổi già chẳng ngại dần thân, hạnh phổ hiền lợi đời, lợi đạo. Biết thế sự lắm phen khe khát, tâm hồn luôn hoan hỷ bao dung. Mãn cơ duyên tứ đại trả về đây, song thọ ta la chúng sinh truy niệm:

*NHƯ THỊ CHÂN, NHƯ THỊ HUYỄN
NHƯ THỊ CÔNG ĐỨC TRANG NGHIÊM*

Hòa thượng viên tịch ngày 20 tháng 3 năm Giáp Tý (1984)

*Hòa thượng THÍCH THIÊN SIÊU
(19-9 năm Ất Sửu – 1985)*

Tháp bia hoàn thành ngày 19-9 năm Ất Sửu (1985)

Thất chúng đệ tử phụng lập.

*

Con đường Khúc khuỷu

Phật giáo Việt-Nam trải qua nhiều bước thăng trầm. Đời Lý, Trần Phật giáo cực thịnh, là quốc đạo. Triều Lê Phật giáo bắt đầu suy vi. Đến triều Nguyễn Phật giáo sa sút, mất hẳn vị trí trong chính trị văn hóa và xã hội ở Việt-Nam.

Thăng trầm này do sự biến đổi và nhiều nhượng của xã hội, đồng thời cũng do tự bản thân Phật giáo không cải tiến kịp với thời đại.

Khi nghiên cứu lịch sử Phật giáo tôi nhận thấy việc đạo thời nào cũng có thể quyền ít nhiều tác động vào, chứ không chỉ duy có các nhà tu hành tính toán lo liệu. Ngay Hội Phật Giáo Thế Giới thành lập năm 1950 tại Tích-lan cũng vậy.

Đầu thế kỷ 20 tại Trung-Hoa, xuất hiện một nhà sư kiệt xuất : THÁI HU Đại Sư. Ngài họ Lã, người đất Sùng-Đức, tỉnh Chiết-Giang, sinh ngày 18 tháng 12 năm Quang Tự thứ 15 (1890). Bẩm sinh thông minh, sau khi tốt nghiệp trường Cao đẳng, Ngài xuất gia năm 16 tuổi (1906, là năm sinh vua Phổ-Nghi) . Tu học với pháp sư Kỳ-Xương. Năm 23 tuổi, ngài đến tu trì chùa Song Khê, núi Bạch-Vân. Ngài dốc tâm nghiên cứu Phật học, sáng lập và chủ bút Giác xã Tùng thư, sau chuyển thành nguyệt san Hải triều âm. Ngài cổ súy phong trào hiện đại hóa Phật giáo và tuyên bố :

Cách-mạng Giáo lý
Cách-mạng Giáo chế
Cách-mạng Giáo sản

Phong trào này ảnh hưởng sâu đậm vào Phật giáo VN cận đại. Những người Việt-Nam quan tâm đến tiền đồ Phật giáo đã hưởng ứng và khởi xướng phong trào chấn hưng Phật giáo VN. Năm 1932 Hội Phật học VN được thành lập do các vị đại sư Giác Tiên và cư sĩ Tâm Minh (Lê-Đình-Thám) sáng lập. Ngoài ra ngài Phước Huệ ở chùa Thập Tháp là người có nhiều ân đức

nhất đối với Hội. Trong việc đào tạo tăng tài phải kể đến công đức của pháp sư Mật Khế, đại sư Trí Độ.

Mục đích của phong trào là đoàn kết các tổ chức Phật giáo, thống nhất thành một đề tu học, duy trì và xiển dương Chánh pháp.

Trong những chặng đường chấn hưng Phật giáo đó. Ôn Già Lam đã tích cực đóng góp phần mình.

Năm 1951, Hội nghị thống nhất Phật giáo lần thứ nhất tại chùa Từ-Đàm Huế, gồm 6 tập đoàn tăng, cư sĩ Bắc, Trung, Nam. Thành lập Tổng hội Phật giáo VN (THPGVN, lúc đó bị ràng buộc bởi dụ số 10, chỉ chấp nhận đạo Thiên Chúa là Giáo hội, còn các đạo khác đều là HỘI đoàn).

Năm 1964 Hội nghị thống nhất Phật giáo lần thứ 2 tại chùa Xá Lợi Sài Gòn gồm 11 đoàn tăng, cư sĩ Bắc tông, Nam tông ở phía Nam vĩ tuyến 17 của Việt-Nam, thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (GHPGVNTN). Lúc này là sau cuộc đấu tranh của phong trào Phật giáo chống chế độ độc tài Ngô-Đình-Diệm thành công, nên không còn bị ràng buộc trong dụ số 10 nữa.

Năm 1981 Hội nghị thống nhất Phật giáo lần thứ ba tại chùa Quán Sứ Hà-nội gồm 9 tổ chức và hệ phái Bắc tông, Nam tông và khất sĩ trong toàn cõi Việt-Nam, thành lập Giáo hội Phật giáo Việt-Nam (GHPGVN) trong chế độ xã hội chủ nghĩa.

Cuộc thống nhất Phật giáo lần này, bên ngoài do các hòa thượng gánh vác, nhưng bên trong bàn tay Đảng Cộng sản VN xuyên suốt quá trình thống nhất để nắm và biến Phật giáo VN thành một tổ chức bù nhìn của Đảng.

Hòa thượng Minh Nguyệt thuộc Giáo hội cổ truyền Nam bộ. Hòa Thượng tham gia Cách mạng từ năm 1945, bị tù 15 năm ở Côn đảo. Sau Hiệp định Paris 1973 hòa thượng được trao trả về Lộc-Ninh. Sau 30-4-1975 hòa thượng liền lập Ban liên lạc Phật giáo yêu nước (BLLPGYN), theo sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản VN, và chịu sự chỉ đạo trực tiếp và thường xuyên của Thành ủy tp Hồ-Chí-Minh. BLLPGYN mang tính chất là một tổ chức quần chúng năng về vận động chính trị hơn là một tổ chức tôn giáo.

Hòa thượng Minh Nguyệt muốn trở thành Giáo chủ của Phật giáo VN, đồng thời là đảng viên chân chính của Đảng Cộng sản VN. Nhưng hòa thượng chưa đủ chuẩn để trở thành Giáo chủ, nên sự tập hợp tăng ni phật tử chỉ đến một mức độ nhất định, đa số vẫn hướng về phía khác. Là đảng viên Đảng Cộng sản VN, hòa thượng tự nguyện chấp hành những điều Đảng đề ra và thực hiện những chủ trương về thống nhất Phật giáo của Đảng một cách nghiêm túc.

Hòa thượng Thích Đôn Hậu, chánh thư ký Viện Tăng thống GHPGVNTN, thoát ly vào chiến khu trong dịp Tết Mậu Thân (1968), tham gia Liên minh các Lực lượng Dân tộc Dân chủ và Hòa bình Việt-Nam với tư cách phó chủ tịch và chủ tịch là luật sư Trịnh-Đình-Thảo. Sau giải phóng hòa thượng gởi kiến nghị đến tổng bí thư Đảng Lê-Duẩn, chủ tịch Nước Tôn-Đức-Thắng, chủ tịch Quốc hội Trường-Chinh và thủ tướng Phạm-Văn-Đông về việc thống nhất Phật giáo Việt Nam. Hòa thượng nói rõ : *“Khi đất nước bị xâm lược tôi làm nghĩa vụ công dân, nay đất nước độc lập, tôi trở lại chu toàn việc Đạo, và trước hết là vận động cho công cuộc thống nhất Phật giáo Việt-Nam”*. Về nguyên tắc các nhà lãnh đạo Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt-Nam đồng ý. Nhưng đi vào cụ thể thì không chấp nhận quan điểm thống nhất Phật giáo của hòa thượng Đôn-Hậu.

Theo hòa thượng, thống nhất Phật giáo VN là Giáo hội Phật giáo VN Thống nhất (GHPGVNTN) ở miền Nam và Hội Phật giáo Thống nhất VN (HPGTNVN) ở miền Bắc hợp lại thành một Giáo hội Phật giáo VN duy nhất. Trong phạm vi chính trị, Đảng Cộng sản VN, có quyền có ý kiến về phương hướng chung đối với Giáo hội. Nhưng mọi việc của Giáo hội thì hàng giáo phẩm, tăng ni và đồng bào Phật tử tự quyết định. Điều này các nhà lãnh đạo Đảng Cộng sản VN không đồng tình. Bởi vì dưới chế độ chuyên chính vô sản tất cả các tổ chức và cá nhân nhất nhất đều phải tuân thủ sự lãnh đạo chỉ đạo của Đảng một cách cụ thể chi ly. Trong tôn giáo lại càng chặt chẽ kỷ luật hơn nhiều. Huống chi GHPGVNTN hoàn toàn độc lập ngoài sự kiểm soát của Đảng. Còn HPGTNVN là một tổ chức hình thức, có xác không hồn, chỉ làm theo sự lãnh đạo chỉ đạo của Đảng một cách thụ động. Nếu để cho HPGTNVN tự mình thống nhất với GHPGVNTN thì sẽ bị GHPGVNTN đồng hóa dễ dàng. Do đó Đảng Cộng sản VN từ chối đề án thống nhất Phật giáo của hòa thượng Đôn-Hậu, và gán cho hòa thượng có ý đồ xấu, chống Đảng và Nhà nước VN Cộng sản. Hòa thượng thì nhất mực giữ vững lập trường, không hề lay chuyển cho đến ngày viên tịch (ngày 21 tháng 3 năm Nhân Thân, tức ngày 23-4-1992).

Trong tình hình đó, ban Tôn giáo chính phủ đưa ra một đề án thống nhất Phật giáo Việt-Nam, nội dung chính là gồm HPGTNVN, GHPGVNTN và BLLPGYN thành một tổ chức Phật giáo duy nhất. Về nguyên tắc Ban Bí thư Trung-ương Đảng Cộng sản VN nhất trí, còn cụ thể ra sao, ban Bí thư đòi ban Tôn giáo phải trình đề án chi tiết rõ ràng. Ban Tôn giáo chính phủ điện mời tôi tham gia đề án này.

Máy bay hạ cánh xuống sân bay Gia Lâm Hà nội vào đầu xuân Kỷ Mùi (1979). Ba tuần sau Trung Quốc tấn công 6 tỉnh biên giới phía Bắc. Hà nội dằng vè thành phố ngàn năm văn hiến,

vừa kiêu ngạo vừa xông xáo nhón nháo trước những tin tức từ biên giới Việt Trung bay về.

Tôi hỏi thượng tọa Thanh Tứ ở chùa Quán Sứ về tình hình quân ta thế nào ? TT cười châm biếm:

– Ở Lạng-son, Cao-bằng ta có hai “su”. Hiện thất lạc một, còn một chạy về Hà nội, đang ở chùa Quán-Sứ.

Tôi đi thăm một vòng các vùng Thiên Chúa giáo ở Hà-Nam-Ninh, tòa Tổng giám mục Hà-nội, đặc biệt là khu Bùi-Chu Phát-Diệm, nhà thờ Đá. Tôi đi thăm các ngôi chùa cổ từ tháp Phổ-Minh, di-cảo Vạn-Kiếp, chùa Keo, chùa Tây-Phương, chùa Thầy, vùng Trúc-Lâm Yên-Tử, Côn-Son của Nguyễn-Trãi, tìm hiểu về Tam Tổ đời Trần, vụ án Lê-Chi-viên đời Lê, chùa Bộc thờ vua Quang-Trung Nguyễn-Huệ gần gò Đống-Đa và về Đền Hùng ở Vĩnh-Phú chiêm nghiệm sự đời.

Sau đó ban Tôn giáo chính phủ tổ chức phổ biến tình hình tôn giáo và công tác tôn giáo vận ở miền Bắc cho tôi nghe. Tất cả đi theo đúng chỉ thị 20 (?) của ban Bí thư Trung Ương Đảng Cộng sản VN. Đây là một chỉ thị đầu tiên về công tác tôn giáo vận do Trần-Xuân-Bách soạn thảo và bí thư thứ nhất Lê-Duẩn duyệt và ký vào năm 1960. Nội dung nói rõ chủ trương của Đảng Cộng sản VN đối với tôn giáo, chỉ đạo cụ thể những công tác tôn giáo vận ở miền Bắc và chuẩn bị lực lượng cán bộ cho công tác tôn giáo vận ở miền Nam khi miền Nam được giải phóng. Người ta khen Trần-Xuân-Bách là bậc thầy trong nghề tôn giáo vận, nhất là qua chỉ thị này.

Đối với tôi, thực tế miền Bắc và lý luận của các bậc đàn anh làm công tác tôn giáo vận ở miền Bắc đều không có sức thuyết phục. Ngược lại chính những điều đó đã gây cho tôi cảm giác ngao ngán. Tôi đã nói những bản khoản này với ông Nguyễn-

Văn-Hiệu và ông Nguyễn-Quang-Huy, nhưng chưa hề được trả lời nghiêm chỉnh.

Hầu hết chùa, nhà thờ ở miền Bắc mà tôi đã đến thăm đều rêu phong tàn tạ. Các nhà sư (sư ông, sư bà) lấm cặm sọ sệt, một báo cáo cụ, hai báo cáo cụ. Các linh mục, giám mục đóng kín cửa lặc hậu với thời cuộc, Phật tử gần như không còn gì nữa, chỉ ẩn hiện dưới dạng mê tín, cúng bái linh tinh và rất e dè trước khách lạ. Tín đồ Thiên Chúa giáo thì khổ cực, hẳn sâu trong mắt họ những nét u uất thâm nghiêm, nhưng rục rữa và sẵn sàng bốc cháy khi có mối. Đó là mối nguy lớn, chứ không phải thành công của tôn giáo vận.

Cán-bộ tôn giáo vận ở trung ương và các tỉnh miền Bắc văn hóa thấp kém, chính trị non nớt, nghiệp vụ chuyên môn giáo điều cũ kỹ và tổ chức bộ máy tôn giáo vận xộc xệch què mùa. Như vậy làm sao đối ứng nổi với bộ máy hiện đại của các tôn giáo ở miền Nam. Cho nên rốt cuộc chỉ áp-dụng “chuyên-chính vô-sản”.

Ban Tôn giáo chính phủ đưa ra những ý kiến về việc thống nhất Phật giáo VN. Tôi chỉ nghe và im lặng. Sau đó tôi thưa lại với cụ Xuân-Thủy ý đồ của ban Tôn giáo chính phủ về việc thống nhất Phật giáo VN, và xin cụ với tư cách Bí thư Trung ương Đảng, trưởng ban Dân vận và Mặt trận Trung ương, Bí thư Đảng đoàn Ủy ban Mặt trận Trung ương, cho biết ý kiến thế nào ? Cụ trầm ngâm một lát nhìn tôi hỏi :

– Ý anh thế nào ?

– Đây là việc lớn, ảnh hưởng cả nước, cháu không dám.

– Nhưng anh là người hoạt động liên tục trong Nam, sâu sát tình hình hơn tôi.

Tôi mạnh-dạn thưa với cụ :

– Thưa bác, cháu không đồng tình với dự án của ban Tôn giáo chính phủ.

– Vậy theo anh phải thế nào ?

– Cháu muốn nghe chủ trương của Đảng. Cháu sẽ nghiên cứu thực tế và thưa lại với bác sau. Bây giờ cháu chưa suy nghĩ chín chắn.

– Việc thống nhất Phật giáo Việt-Nam theo tôi biết, Đảng chủ trương thống nhất Phật giáo của ta với GHPGVNTN khối Ấn-Quang. Phật-giáo của ta là HPGTNVN ở miền Bắc và BLLPGYN ở miền Nam. Ở miền Bắc, phật tử đã vào các đoàn thể quần chúng hết rồi, chỉ còn những cụ già đi lễ bái ở chùa ngày rằm, mừng một theo tục lệ cổ truyền. Sư tiêu biểu thật hiếm. Cụ Trí-Độ đã luống tuổi, quanh đi quẩn lại vẫn cụ Phạm-Thế-Long, nhưng khả năng đức độ của cụ, ảnh hưởng trong nước và quốc tế hạn chế. BLLPGYN có khá hơn một tí. Cụ Minh-Nguyệt có thành tích ở tù 15 năm Côn Đảo, cụ Thiện-Hào có thành tích đi kháng chiến, nhưng điều phật tử cần ở nhà sư, cả hai cụ đều hạn chế. GHPGVNTN khối Ấn-Quang là một tổ chức tôn giáo và tổ chức quần chúng mang tính xã hội chính trị có màu sắc dân tộc, thu hút đông đảo quần chúng và có uy tín trên thế giới, nhiều nhà sư tài giỏi. Nếu thống nhất theo kiến nghị của cụ Đôn-Hậu, có nghĩa là giải thể BLLPGYN, sát nhập HPGTNVN vào GHPGVNTN và chịu sự lãnh đạo của họ. Như thế GHPGVNTN phát triển ra toàn lãnh thổ Việt-Nam, chứ không chỉ ở miền Nam như trước năm 1975. Quan trọng là Đảng không bao giờ lãnh đạo được GHPGVNTN, mà ngược lại GHPGVNTN trở thành một tổ chức tôn giáo rộng lớn có đông đảo quần chúng, là một tổ chức áp lực chính trị thường trực đối với Đảng và chính phủ Việt Nam. Thống nhất theo dự án của ban Tôn giáo chính phủ chưa ổn lắm, vì chung qui cũng

đưa các cụ ở HPGTNVN và BLLPGYN xách cặp cho GHPGVNTN mà thôi. Bởi vì các cụ ta đứng gần thượng tọa Thích Trí-Quang sẽ bị hút vào tay áo tràng của thượng tọa hết.

Vậy muốn thống nhất Phật giáo Việt-Nam phải làm tốt các khâu này :

– Tranh-thủ được hòa thượng Thích Đôn-Hậu và Viện Tăng Thống, hòa thượng Thích Trí Thủ, thượng tọa Thích Trí-Quang và Viện Hóa-Đạo GHPGVNTN.

– Giải quyết được số cực đoan quá khích, đứng đầu là thượng tọa Thích Huyền-Quang, thượng tọa Thích Quảng-Độ bằng biện pháp thuyết phục là thượng sách.

Anh nghĩ sao, Có ý-kiến gì cho tôi biết ?

– Thưa bác, cháu cảm ơn bác. Nếu bác muốn cháu sẽ viết thành đề án đại cương trình bác sau. Bây giờ cháu xin thưa với bác một điều khác.

Theo cháu nghĩ. Trung-Quốc hơn nửa triệu quân đánh 6 tỉnh biên giới phía Bắc và định đánh thẳng xuống thủ đô nếu trót lọt, là vì Việt-Nam đã đưa quân sang đánh Pôn-Pốt giải phóng Campuchia. Ta đã thắng Campuchia về mặt quân sự, nhưng về chính trị thì phức tạp nhiều khê vô cùng. Ngay tại đất Campuchia và dư luận quốc tế, ảnh hưởng rất lớn đến công tác đối ngoại.

Cháu nghĩ muốn giải quyết tốt vấn đề chính trị ở Campuchia phải làm tốt hai việc : Phật giáo và Hoàng thân Sihanouk. Pôn-Pốt đã tiêu diệt toàn thể tôn giáo ở Campuchia. Phật giáo là Quốc đạo cũng bị triệt hạ sạch sành sanh. Việt Nam nên sớm đưa phái đoàn Phật giáo VN lên phục hồi lại Phật giáo Campuchia, dân Campuchia sẽ biết ơn Việt-Nam. Phật giáo

VN cũng nên mời một một số nhà sư Thái-lan, Miến-điện, Sri Lanka để quốc tế hóa việc này và làm tăng ý nghĩa của buổi thọ giới. Phật giáo Campuchia toàn là Nam tông, nên Phật giáo tp Hồ-Chí-Minh và Nam bộ mới làm được. Công việc này còn có ý nghĩa về hoạt động của Phật giáo sau giải phóng, chuẩn bị cho cuộc vận động thống nhất Phật giáo VN sắp tới.

Cụ Xuân-Thủy cười với ánh mắt sáng trong :

– Tôi đồng ý. Anh về Nam chuẩn bị ngay. Điện ra cho tôi biết. Tôi sẽ chỉ thị cho ban Tôn giáo chính phủ thi hành. Anh chịu trách nhiệm về đề án này và sẽ là chính ủy của đoàn.

Tôi bay về Saigon và sau một thời gian ngắn đã hình thành một phái đoàn Phật giáo VN như sau:

- 1) Hòa thượng Bửu-Chơn, trưởng đoàn tp HCM
- 2) Hòa thượng Giới-Nghiêm, phó đoàn ”
- 3) Thượng tọa Siêu-Việt thành viên ”
- 4) Thượng tọa Minh-Châu thành viên ”
- 5) Thượng tọa Thiện-Tâm thành viên. ”
- 6) Đại đức Danh-Dĩnh thành viên Rạch-Giá
- 7) Đại đức Danh-Bân thành viên ”
- 8) Đại đức Danh-Đệm thành viên ”
- 9) Đại đức Danh-Ám thành viên ”
- 10) Cư sĩ Danh-Ôn thành viên ”
- 11) Nhà thơ Hải-Như thành viên Tp HCM
- 12) Đỗ-Thế-Đông (Đ.T.Hiếu) thành viên ”

Đoàn có những ưu thế và thích hợp với Phật giáo Campuchia.

Hòa thượng Bửu-Chơn xuất-gia tu học suốt 12 năm tại chùa Lankar, gần đài độc lập, trung tâm thành phố Phnompênh.

Năm 1951 hòa thượng đưa Phật giáo Thêrevada về Việt-Nam và lập nên ngôi chùa Phổ-Minh ở số 2 Thiên-Hộ-Dương, quận Gò-Vấp Saigon. Năm 1952 hòa thượng sang Sri-Lanka nghiên cứu Phật học. Năm 1954 hòa thượng làm trưởng đoàn dự hội nghị kết tập Tam tạng Pali lần thứ 6 tại Rangoon. Năm 1957 hòa thượng sáng lập Giáo hội Tăng già Nguyên thủy VN và được bầu làm Tăng Thống. Năm 1960 hòa thượng được bầu làm Phó Chủ tịch Phật-giáo thế giới trong kỳ họp Phật giáo thế giới lần thứ năm tại Thái-lan. Hòa thượng dự nhiều hội nghị Phật giáo và tôn giáo thế giới tại Ấn-độ, Tích-lan, Miến-điện, Anh, Pháp, Đức ...

Hòa thượng là người đứng ra vận động xây dựng Thích ca Phật đài ở Vũng-Tàu.

Ngoài thượng tọa Minh-Châu, tất cả sư đều là Nam tông, thượng tọa Minh-Châu, thượng tọa Thiện-Tâm không nói được tiếng Campuchia, những nhà sư khác trong đoàn đều nói thạo tiếng Campuchia, đặc biệt thượng tọa Siêu-Việt nói giỏi hơn người Campuchia vì thượng tọa sinh trưởng và tu học tại Campuchia từ thơ ấu, đến năm 1970 Lôn-Nôn đảo chánh Sihanouk, thượng tọa mới bỏ chạy về Việt-Nam.

Tôi gặp riêng hòa thượng Bửu-Chơn và hòa thượng Giới-Nghiêm trao đổi nội dung và chương trình làm việc ở PnomPênh theo nguyên tắc : *“mọi việc thuộc đạo, hai hòa thượng cứ tự quyết định không cần trao đổi, điều gì dính đến chính trị mới cho tôi hay để tính toán trước khi quyết định. Những gì thuộc về chính trị và hành chánh tôi lo liệu và báo lại hai hòa thượng biết. Việc lãnh đạo đoàn hai hòa thượng làm cho đứng phép không cần bàn bạc. Nhà thơ Hải Như đi với tư cách một thành viên phải làm bốn phận là một cư sĩ như những cư sĩ khác trong đoàn.”*

Ban Tôn giáo chính phủ, với danh nghĩa HPGTNNVN điện mời Phật giáo Ấn-độ và Sri Lanka sang dự, nhưng họ dè dặt không muốn đi, còn Phật giáo Liên-Xô, Mông-cổ nhiệt tình sang tham dự, nhưng họ là sư Bắc tông, tôi thấy không hiệu quả nên từ chối.

Ngày 17-9-1979 đoàn Phật giáo VN lên đường. Hơn nửa giờ bay hạ cánh xuống phi trường Pochentong. Ông Mác-Ti tiếp đón đoàn tại phi trường. Ông Chia-Xim ủy viên Bộ chính trị Đảng Nhân dân Cách mạng Campuchia, chủ tịch Mặt trận đoàn kết Campuchia làm Trưởng ban tổ chức lễ thọ giới. Ông Chia-Xim quì lạy chư Tăng. Mấy ông chuyên gia cộng sản VN ở Pnom Pênh rất khó chịu, luôn miệng càu nhàu : “*Cộng sản lại quì lạy nhà sư !*”.

Trong khi tôi làm việc với chuyên gia Việt-Nam . Quý hòa thượng, thượng tọa kiểm-tra những nhà sư bị Pôn-Pốt lột áo, nay xin tu lại gồm :

- 1) Bru Dit 70 tuổi
- 2) Ich Sum 60 tuổi
- 3) Ken Von 50 tuổi
- 4) Non Ngoét 60 tuổi
- 5) Dinh Sarum 50 tuổi
- 6) Tep Von 50 tuổi

Tối ngày 18-9-1989 hòa thượng Bửu-Chơn và Hòa thượng Giới-Nghiêm gặp riêng tôi. Ý hai hòa thượng đề nghị nếu có một nhà sư Campuchia đứng chủ lễ, làm Thầy tế độ thì hay hơn cả, vì Campuchia đang mặc cảm với Việt-Nam và dư luận quốc tế không thuận lợi trong việc Việt-Nam đưa quân sang Campuchia. Tôi đồng ý và trao đổi với chuyên gia Việt-Nam. Đoàn chuyên gia nhất trí, Mặt trận đoàn kết Campuchia cũng nhất trí. Nửa tiếng đồng hồ sau, một cuộc lũng súc khắp lãnh thổ Campuchia xem còn sót vị sư nào không ? Ba tiếng đồng

hồ sau, tin về cho biết có một vị sư tên là Cót Vai 80 tuổi ở phía Bắc Kompong Cham còn giữ chiếc áo cà sa vàng. Máy bay trực thăng tức tốc bay tận nơi, rước cụ Cót-Vai về đền Pnompênh vào lúc nửa đêm. Một cuộc chất vấn giữa các nhà sư Campuchia sắp tu lại và cụ Cót-Vai hơn một tiếng đồng hồ. Cụ Cót-Vai công nhận còn giữ áo nhưng đã cởi khỏi người giấu trong rừng rậm chứ không mặc thường xuyên trong người sợ Pôn-Pôt phát hiện. Như vậy kết luận cụ Cót-Vai xem như đã ra thế, không còn đủ tư cách nhà sư nữa. Và cụ Cót-Vai lại xin các nhà sư Việt-Nam cho cụ tu lại. Cụ Cót-Vai được xếp vào hàng đầu trong 7 nhà sư Campuchia thọ giới lại đầu tiên.

Chiều 18-9-1979 hòa thượng Bửu-Chơn trở bệnh nặng. Hòa thượng bị bệnh gan và đã mổ một lần vào năm 1967. Từ đó sức khỏe hòa thượng sa sút dần. Trước khi đoàn Phật giáo VN đi Pnom-pênh hòa thượng đã thấy triệu chứng bệnh tái phát, nhưng hòa thượng một mực muốn đi. Tôi đề nghị đưa hòa thượng vào bệnh viện Pnompênh, cử hòa thượng Giới-Nghiêm làm quyền trưởng Đoàn, không có phó Đoàn.

9 giờ sáng ngày 19-9-1979 làm lễ xuất-gia cho 7 vị sư Campuchia tại chùa UNALON (chùa lớn nhất Pnompênh, nơi vua Sãi ở). Hòa thượng Giới-Nghiêm làm Thầy tế độ, thượng tọa Siêu-Việt, thượng tọa Thiện-Tâm làm Yết-ma, các vị khác là thành viên buổi lễ. Riêng thượng tọa Minh-Châu vì là Bắc tông nên chỉ tham dự với tư cách khách danh dự. Ngày 20-9-1979 lễ xuất gia kết thúc thì, lúc 2 giờ 00 ngày 21-9-1979 (ngày mồng 1 tháng 8 năm Kỷ Mùi) hòa thượng Bửu-Chơn viên-tịch.

Tôi tiễn đoàn Phật giáo VN về bằng máy bay, thượng tọa Thiện-Tâm (đệ-tử hòa thượng Bửu-Chơn) và tôi ở lại đưa nhục thể hòa thượng Bửu Chơn về bằng đường bộ. Đường đi rất vất vả vừa gập gềnh vừa có khả năng bị Khmer đỏ phục kích bất cứ lúc nào, nên đội bảo vệ đoàn trang bị vũ khí rất bén. Một tổ

mở mũi, một tổ bọc hậu và mãi 2 giờ sáng ngày hôm sau 22-9-1979 mới tới bệnh viện Thống Nhất Tp Hồ-Chí-Minh.

Chuyến đi Pnompênh hoàn tất vừa hoan hỷ vừa đau thương, thì lại nhận một tin chẳng lành khác hòa thượng Thích Trí-Độ viên-tịch tại chùa Quán-Sứ Hà-nội ngày 04 tháng 9 Kỷ Mùi (ngày 24-10-1979).

Ôn Già Lam viếng hòa thượng Trí-Độ câu liền “*Nhập Bất Nhi Môn*” lấy trong kinh Duy Ma Cật. Quý hòa thượng, thượng tọa nói như vậy là Ôn Già Lam ý đã quyết, Phật giáo phải thống nhất. Nhưng thống nhất như thế nào thì từ trong Phật giáo cũng như trong Đảng Cộng sản VN còn nhiều ý kiến khác nhau.

Tôi lại gặp cụ Xuân-Thủy trình bày đại cương nội dung thống nhất Phật giáo Việt-Nam.

Thống nhất Phật giáo Việt-Nam về tôn giáo có nghĩa là :

- Thống nhất Bắc tông, Nam tông, Khất-sĩ và các tổ chức Phật giáo khác.
- Thống nhất về mặt tổ chức, vẫn tôn trọng các truyền thống khác nhau.
- Thống nhất Phật giáo về chính trị có nghĩa là thêm sức mạnh của dân tộc, tạo điều kiện thuận lợi để Việt-Nam hòa hợp với các nước Đông-Nam-Á.

Trọng tâm thống nhất Phật giáo VN là miền Nam Việt-Nam mà trọng điểm là Tp Hồ-Chí-Minh. Tổ chức Phật giáo cần quan tâm là GHPGVNTN, vì đây là Phật giáo lớn nhất, tầng ni có trình độ, lực lượng phật tử có tổ chức đông đảo và có uy tín quốc tế. Vì vậy phải thuyết phục được Viện Tăng Thống, Viện Hóa Đạo và ban Đại diện các tỉnh Giáo hội, nhất là những vị

đứng đầu. Nhưng một điểm mấu chốt phải thuyết phục cho được là thượng tọa Thích Trí-Quang.

Muốn vậy cần chú-ý :

- 1) Tổ chức Phật giáo sắp tới là Giáo hội chứ không phải là hội đoàn như các tổ chức đoàn thể. Giáo hội có tổ chức hệ thống hành chánh của Nhà nước.
- 2) Nhân sự phải tiêu biểu về đức độ và năng lực, tức là những người chân tu có học.
- 3) Nội dung hoạt động của Giáo hội độc lập trong luật pháp nhà nước. Đạo pháp gắn với dân tộc là nội dung chính.

Cụ Xuân-Thủy trầm ngâm hỏi đi hỏi lại nhiều việc và những nhân vật Phật giáo. Bỗng cụ nhìn tôi hỏi :

– Anh nghĩ thế nào về thượng tọa Thích Trí-Quang ?

– Thưa bác, đây là một nhà sư uyên thâm Phật học, hoạt động chính trị thông minh.

– Quan điểm chính trị của thượng tọa Thích Trí-Quang ra sao ?

– Thưa bác, cháu biết thượng tọa Trí-Quang từ năm 1959. Trong cuộc đấu tranh chống chính quyền Ngô-Đình-Diệm năm 1963, thượng tọa là linh hồn của phong trào và của Phật giáo miền Trung, và sau đó là nhà chiến lược của GHPGVNTN. Thượng tọa đứng trên lập trường dân tộc. Nhưng ý anh Tư Ánh (Trần-Bạch-Đằng) khác cháu.

– Trần-Bạch-Đằng nói sao ?

– Anh Tư Ánh nói thượng tọa Trí-Quang là loại CIA chiến lược. Cháu hỏi bằng cứ ? Anh Tư Ánh nêu những sự-kiện : 1964 nhân trận lụt lớn ở miền Trung, quân Giải phóng chuẩn bị

nhỏ các đồn bót nguy, thượng tọa Trí-Quang nêu khẩu-hiệu “*GHPGVN TN cứu lụt*“. Cờ năm màu dựng trên các ca-nô, tàu, máy bay trực thăng cứu sạch bộn nguy quân. Cũng năm 1964 nhân dân phần nộ trước chính quyền quân phiệt nguy, MTGPMN nêu khẩu hiệu chống quân phiệt để đẩy mạnh phong trào đô thị, thượng tọa Trí-Quang lập Hội đồng Nhân dân cứu quốc (HĐND CQ) miền Trung đòi chính phủ dân sự; gom hết quân chúng về phía mình và đập xẹp khẩu hiệu của ta. Năm 1965 Mỹ đổ quân trắng trợn xâm lược miền Nam Việt-Nam, MTGPMN đẩy mạnh phong trào chiến tranh Cách mạng chống Mỹ xâm lược. Thượng tọa Trí-Quang nêu khẩu-hiệu “*Cầu nguyện hòa bình*” làm hạn chế cuộc đấu tranh chống Mỹ của ta. Cháu cho rằng những điều đó chưa đủ thuyết phục, vì mỗi người có thể hiểu một cách khác theo vị trí của mình. Anh Tư Ánh mỉa mai ; “*đi tìm bằng có ư ? còn khuya. Cờ tình báo chiến lược chỉ có trung tâm CIA ở Washington và lâu năm góc mới xác nhận được*“. Cháu vẫn chưa tin, anh Tư Ánh nói anh Út (Nguyễn-Văn-Linh) giận Thích Trí-Quang lắm, và MTGPMN chưa hề thua ai, thế mà bị Trí-Quang cho đo ván ba lần. Ba lần đó Thích Trí-Quang đã cứu Mỹ nguy một cách nhẹ nhàng. Bao nhiêu triệu Dollars mới trả nổi những đồn chiến lược đó ? Cháu vẫn thấy chưa đủ dữ kiện để thuyết phục cháu nghe theo nhận định của anh ấy. Thế là anh Tư Ánh nói với anh Nguyễn Quang Huy cháu là “*Thích Trí Anh*“.

Cụ Xuân-Thủy cười sảng khoái.

– Này, cái anh lúc thì Trần-Bạch-Đề, lúc thì Tư Ánh, lắt khắt như con lật đật, lúc nào cũng cao ngạo, tỏ ra thông minh xuất chúng, nhưng thực chất rỗng tuếch. Anh có thể bố trí cho tôi gặp thượng tọa Thích Trí-Quang được không ?

Câu hỏi bất ngờ của cụ Xuân-Thủy làm tôi cẩn thận từng lời nói.

– Thưa bác, sau giải phóng, anh Năm Xuân (Mai-Chí-Thọ) và cháu đến thăm Viện Hóa Đạo tại chùa Ấn-Quang. Hòa thượng Viện trưởng Thích Trí-Thủ tiếp và gặn đủ thành viên Viện Hóa Đạo. Thượng tọa Trí-Quang ngồi cạnh hòa thượng Trí-Thủ và là người phát biểu duy nhất toàn bộ nội dung hôm ấy với anh Năm Xuân. Cuộc gặp gỡ chẳng đem lại kết quả gì. Năm 1978, cháu mời thượng tọa Trí-Quang đến Văn phòng Mặt trận Tổ quốc thành phố Hồ-Chí-Minh vào buổi tối. Anh Sáu Tường (Nguyễn-Vĩnh-Nghiệp) ủy viên thường vụ Thành ủy, trưởng ban Dân vận và anh Phạm-Văn-Ba thành ủy viên phó chủ tịch Ủy ban Mặt trận thành phố tiếp. Nhưng những nhà chiến thuật nói chuyện với những nhà chiến lược, nên chẳng đến đâu cả.

Bây giờ cháu chưa biết ý định, yêu cầu và nội dung bác muốn gặp thượng tọa Thích Trí-Quang như thế nào ? Nếu bác thấy được, bác có thể cho cháu biết để cháu chủ động tính toán sao cho phù-hợp.

– Tôi sẽ tiếp thượng tọa Trí-Quang với tư cách Bí thư Trung ương Đảng, tốt nhất là tại Hà-nội. Tôi sẽ nói rõ ý kiến của Đảng đối với Phật giáo Việt-Nam và sẵn sàng nghe ý kiến của thượng tọa về tình hình chính sách chung của cả nước, quốc tế. Tôi sẽ tiếp thượng tọa trang trọng, anh lo liệu được chứ ?

– Thưa bác, cháu cố gắng.

Trong đầu tôi luôn luôn suy nghĩ một kế hoạch hoàn hảo để công việc được tốt đẹp. Tôi thông báo cho anh Nguyễn-Quang-Huy, người bạn thân của tôi ở ban Tôn giáo chính phủ biết. Một hôm anh Huy nói chuyện với anh Trần-Bạch-Đề, ông ta vẫn một mực nói thượng tọa Trí-Quang là CIA. Anh Huy bật luôn “*Thế mà cụ Xuân-Thủy Bí thư Trung ương Đảng sẽ tiếp đấy*“. Ông Trần Bạch Đề phản ứng : “*Tại sao tôi không biết ?*” Anh Huy còn nói : “*Cụ Xuân-Thủy khen anh Mười Anh và muốn mời anh ấy ra Trung ương làm việc đấy*”. Trần-Bạch-

Đặng mia mai : “*Ông thích thì vào thành phố Hồ-Chí-Minh xin với Thành ủy. Tôi không có ý-kiến*“. Không ngờ chuyện lại phức tạp đến thế.

Gần đến ngày thất tuần (49 ngày) của hòa thượng Trí-Độ, thầy của thượng tọa Trí-Quang. Tôi được tin thượng tọa muốn ra Hà-nội cúng giỗ thầy để báo hiếu. Tôi đến chùa Ấn-Quang thăm thượng tọa Trí-Quang một cách tự-nhiên.

Quả thật thượng tọa đang sốt ruột muốn đi Hà-nội dự lễ thất tuần của hòa thượng Trí-Độ. Chỉ còn hơn một tuần nữa, thượng tọa chưa biết thủ tục hành chánh ra sao ? (Bởi lúc đó đi lại rất khó khăn). Đi bằng máy bay hay tàu lửa ? Thượng tọa ngó ý nếu không phiền, nhờ tôi giúp đỡ. Tôi hứa cố gắng giúp những gì thượng tọa yêu cầu, hy vọng là có thể được. Thượng tọa cảm ơn tiễn tôi ra về.

Tôi điện báo cáo nội dung gặp thượng tọa Trí-Quang với cụ Xuân-Thủy và điện cho anh Huy ở 34 Ngô-Quyên Hà-nội, xin ban Tôn giáo chính phủ yểm trợ. Cụ Xuân-Thủy ra lệnh cho các nơi thi hành. Tôi chuẩn bị toàn bộ kế hoạch chặt chẽ, từ phương tiện đi lại, thị giả (người phục vụ), điều kiện tiếp cận trên máy bay, nơi ở và tài xế xe con để thượng tọa sử dụng tại Hà-nội và đi nơi nào tùy thượng tọa, đồng thời tôi tạo hoàn cảnh thật tự nhiên, chu đáo để đưa tới buổi gặp gỡ ngẫu nhiên “*Xuân-Thủy / Trí-Quang*“.

Hai hôm sau, thượng tọa Trí-Quang nhắn tôi đến chùa Ấn-Quang chơi. Thượng tọa cảm ơn và đổi ý không đi Hà-nội nữa vì sức khỏe yếu, chỉ lập bàn thờ ngay tại chánh điện chùa Ấn-Quang để cúng hòa thượng Trí-Độ vào ngày rằm tháng 10 Kỷ-Mùi (04-11-1979). Tôi nói với thượng tọa không có vấn đề gì phải cảm ơn, vì chưa mua vé nên chưa phải sao cả. Đúng là “*muu sự tại nhơn, thành sự tại thiên*“. Tôi báo tin cho cụ Xuân-Thủy và anh Huy biết. Ít hôm sau cụ Xuân-Thủy gặp tôi cho

biết có một cán bộ công an thành phố Hồ-Chí-Minh quá nhiệt tình đến xin tự nguyện mua vé máy bay và giúp mọi việc cho thượng tọa Trí-Quang đi Hà-nội cúng 49 ngày giỗ thầy. Thượng tọa Trí-Quang lại biết người đó là công an, nên nghi có vấn đề, liền hủy cuộc đi. Cụ Xuân-Thủy cười : *“Cọp vừa ló đầu ra miệng hang, ta lại vung về làm cọp thực vào rồi. Thôi đợi lúc khác”*.

Bây giờ cụ bàn tiếp về việc thống nhất Phật Giáo VN. Cụ nói :

– Về nét chung anh trình bày tôi đồng ý. Nhưng anh nên cùng ban Tôn giáo chính phủ quan tâm mấy điểm cần thiết :

* Hệ thống tổ chức Phật giáo sắp tới theo hình tháp lật ngược và ở trong Mặt trận Tổ quốc VN.

* Đạo Phật gắn với dân tộc. Nhưng thời đại ngày nay là thời đại xã hội chủ nghĩa nên phải gắn với xã hội chủ nghĩa.

* Nhân sự tiêu biểu là của GHPGVNTN khối Ấn-Quang, nhân sự hành động phải là các nhà sư của ta.

Tôi tường thuật lại toàn bộ ý kiến tôi trình bày với cụ Xuân-Thủy và ý kiến của cụ Xuân-Thủy cho ban Tôn giáo chính phủ nghe. Anh Hiệu, anh Huy đều khen ngợi cụ Xuân-Thủy nhạy bén, sắc sảo và đề nghị tôi viết thành đề án cụ thể. Tôi thở ra :

– Đây là công việc của Trung ương , ban Tôn giáo chính phủ phải làm Tôi không thể có cái nhìn cả nước, nên không làm được.

Tôi định đứng ngoài xem sự tình. Nhưng khi thăm Ôn Già Lam nghe Ôn tâm sự về việc đạo việc đời, tôi lại không nỡ để Ôn một mình. Tôi vào cuộc, nhưng dần thân thế nào trong guồng máy chuyên chính vô sản này là một vấn đề rất khác nghiệt.

Tôi nhậm câu nói của Ý Lan Thứ Phi : “*Vạn biến như lôi, nhất tâm thiên định*“. Cần phải uyển chuyển linh hoạt để xử lý mọi việc.

Ban Tôn giáo Trung ương phân tôi đi Mông-cổ cùng thượng tọa Minh Châu để dự hội nghị thường trực Phật giáo Châu-Á vì Hòa bình. Việc này do anh Nguyễn-Quang-Huy xếp đặt. Ban Dân vận thành ủy không muốn cho tôi đi. Ông Trần-Bạch-Đàng điện thoại thẳng với ông Nguyễn-Vĩnh-Nghiệp can thiệp.

Trước khi chúng tôi lên đường, cụ Xuân-Thủy tiếp tại văn phòng ban Tôn giáo chính phủ, dặn dò những điều cần thiết. Sau đó, tôi gặp riêng cụ Xuân-Thủy. Tôi thưa với cụ về cách hành xử công việc :

– Thượng tọa Minh Châu nắm nội dung chính, phát biểu tại Hội nghị và bất cứ nơi nào, bất cứ ai mà thượng tọa tiếp xúc, không đọc bài diễn văn viết sẵn của ban Tôn giáo chính phủ.

– Nội dung chính là Phật giáo VN đoàn kết với Phật giáo các nước, tích cực đóng góp vào công cuộc vận động hòa bình cho thế giới Phật giáo VN giúp Phật giáo Campuchia phục hồi Phật giáo Campuchia vì hòa bình và nhân ái,

– Ngoài ra có vấn đề gì phát sinh tại Hội nghị, đoàn Phật giáo VN được quyền linh hoạt phát biểu ý kiến của mình.

Cụ Xuân-Thủy đồng ý và giao tôi quyền hành động.

.....

Khi về lại Hà-nội, gặp cụ Xuân-Thủy tôi thưa thêm :

1. Nên thống nhất Phật giáo VN theo yêu cầu của tăng ni và phật tử Việt-Nam, đồng thời cũng phải quan tâm đến tình hình Phật giáo thế giới.

2. Nên tổ chức nhiều đoàn trí thức, giáo phẩm các tôn giáo Việt-Nam đi thăm Liên-Xô và các nước Đông Âu

Cụ Xuân-Thủy đồng tình.

Một biến cố xảy ra. Ông Nguyễn-Văn-Linh làm trưởng ban Dân vận Trung ương Đảng CSVN thay cụ Xuân-Thủy. Cụ Xuân-Thủy vẫn là bí thư Trung-ương Đảng bí thư Đảng đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt-Nam. Tôn giáo vận chịu sự lãnh đạo của ông Nguyễn-Văn-Linh và cụ Xuân-Thủy. Một thời điểm khá phức tạp và tế nhị.

Ngày 12, 13-02-1980, ông Nguyễn-Văn-Linh ủy-viên Bộ chính trị trưởng ban Dân vận Trung ương mời đại diện các tổ chức, hệ phái Phật giáo Việt-Nam họp tại số 31 đường 30/4 (nay là Lê-Duẩn) thành phố Hồ-Chí-Minh, gồm có :

1. HT Thích Đức Nhuận – Quyền Hội trưởng HPGVNTN
2. HT Thích Đôn Hậu – Chánh thư ký Viện Tăng Thống GHPGVNTN
3. HT Thích Trí Thủ – Viện trưởng Viện Hóa Đạo GHPGVNTN
4. HT Phạm Thế Long – Phó Hội trưởng HPGVNTN
5. HT Thích Minh Nguyệt – Chủ tịch BLLPGYN
6. HT Thích Trí Tịnh – Phó Viện trưởng Viện Hóa Đạo GHPGVNTN
7. HT Thích Bửu Ý Viện trưởng Viện Hoằng Đạo GHPGCTVN
8. HT Thích Mật Hiền – Giáo phẩm Viện Tăng Thống GHPGVNTN
- 9 HT Thích Giới Nghiêm – Tăng Thống GHTGNTVN

10. HT Thích Thiện Hào – Phó chủ tịch BLLPGYN
11. HT Thích Giác Nhu – Đại diện GHTGKSVN
12. HT Thích Đạt Hào – Đại diện Thiên thai giáo quán tông
13. TT Thích Minh Châu – Viện trưởng Viện Đại học Vạn-Hạnh
14. TT Thích Từ Hạnh – Tổng thư ký BLLPGYN
15. TT Thích Thanh Tứ – Thư ký HPGVNTN
16. TT Thích Giác Toàn – Đại diện GHTGKSVN
17. NS Thích Nữ Huỳnh Liên – Ni sư Trưởng Ni giới KS VN
18. CS Võ Đình Cường – Nhân sĩ trí thức Phật giáo
19. CS Tống Hồ Cầm – Đại diện Hội Phật học Nam Việt
20. CS Nguyễn Hữu Thiện – Nhân sĩ trí thức Phật giáo

Phía Đảng Cộng sản VN có ông Nguyễn-Văn-Linh, Trần-Bạch-Đăng (phó ban Dân vận Trung ương), ông Nguyễn-Văn-Hiệu, Nguyễn-Huy-Quang (ban Tôn giáo chính phủ) và tôi ban Tôn giáo Tp Hồ-Chí-Minh.

Ông Nguyễn-Văn-Linh trình bày chính sách tự do tín ngưỡng và tự do không tín ngưỡng của Đảng và chính phủ Cộng sản VN nhẹ nhàng có sức thuyết phục. Ông mở đầu bằng một câu nổi tiếng : *“Nếu quý hoà thượng cho phép tôi xin được gọi đạo Phật của chúng ta, và nếu quý hoà thượng không ngần ngại cũng có thể gọi Đảng của chúng ta“*.

Sau đó ông đề nghị các vị đại biểu nên bàn việc thống nhất Phật giáo VN. Xong ông ra về. Ông Trần-Bạch-Đăng, ban Tôn giáo chính phủ và tôi ở lại nghe các vị đại biểu thảo luận. Hoà thượng Đôn Hậu phát biểu trước vẫn giữ lập trường của mình, đặt lại vấn đề rõ ràng . Hoà thượng Giới Nghiêm phản đối ý kiến của hoà thượng Đôn Hậu, hưởng ứng lời kêu gọi của ông Nguyễn-Văn-Linh (ông Trần-Bạch-Đăng rất thích, nói với tôi : Có thể cho họ thức tỉnh. Tôi im lặng). Hoà thượng Đôn Hậu cáo mệt về sớm và ở luôn trong chùa Vạn-Phước quận 11 không ra dự Hội nghị nữa, mặc dầu ban Dân vận Trung ương

nhiều lần tha thiết mời hòa thượng. Tuy nhiên Hội nghị vẫn tiếp tục trọn hai ngày, bầu ra ban Vận động thống nhất Phật giáoVN (BVĐTNPGVN) do hòa thượng Thích Trí Thủ làm trưởng ban, hai hòa thượng Thích Đức Nhuận, hòa thượng Thích Đôn Hậu làm cố vấn.

Khi gặp lại cụ Xuân-Thủy tôi trình bày hết sự thật và tỏ ý lo lắng, vì mới thuyết phục hòa thượng Trí-Thủ, còn hòa thượng Đôn Hậu thì không lay chuyển, ý của thượng tọa Trí Quang ra sao chưa biết, nên vấn đề còn rất nhiều ẩn số. Cụ Xuân-Thủy cười :

– Chuyện bây giờ thuộc ông Nguyễn-Văn-Linh.

Trong lúc đó BVĐTNPGVN hoạt động theo tình tự của mình. Các hòa thượng tự quyết định mọi việc. Nhưng lại sinh ra những mâu thuẫn nội bộ. Hòa thượng Trí Thủ làm trưởng ban hợp với thực tế và yêu cầu của Đảng, nhưng hòa thượng Đôn Hậu không bằng lòng, các bộ phận trong GHPGVNTN, đặc biệt là Phật giáo miền Trung chống lại, không đồng tình sự thống nhất này. Ngày 18 tháng 5 1980 BVĐTNPGVN ra Huế để ngày 24-5-1980 ra mắt. Hòa thượng Trí Thủ rất lo, tâm sự với tôi, ngại sợ gặp khó khăn ở Huế và không vượt qua nổi. Tôi nhắc hòa thượng, khi xưa vua Quang-Trung đem quân ra Bắc đánh đuổi quân Thanh , phải dừng lại ở Nghệ-An để cầu La-Sơn Phu-Tử. Nay Ôn ra Huế làm việc thống nhất Phật giáo, muốn Phật sự được thành tựu cần ghé lại Nha-Trang để cầu La-Sơn Phu-Tử trong đạo Phật. Ôn hỏi tôi : “là ai ?” Tôi thưa : “Ôn TỪ-ĐÀM”. Hòa thượng Trí Thủ vui vẻ và cầu được thượng tọa Trí Siêu cùng ra Huế. Mọi việc ở Huế đều êm thấm.

Trong Viện Hóa Đạo, thượng tọa Huyền Quang, Quảng Độ chống quyết liệt. Thuyết phục mãi không được, chính quyền phải dùng biện pháp chuyên chính vô sản, quảng thúc thượng

tọa Huyền Quang tại Bình-Định và thượng tọa Quảng Độ tại Thái-Bình.

Hòa thượng Minh Nguyệt cũng không vui, phải chấp hành ý kiến của Đảng, nhưng làm phó cho hòa thượng Trí Thủ thì không thích chút nào. Hòa thượng Phan-Thế-Long cũng thế. Giáo hội Phật giáo cổ truyền mặc cảm thua kém về nhiều mặt, cũng không mấy hài lòng, nhưng không dám cãi lại ý Đảng. Như vậy Phật giáo của Đảng chẳng mấy yên tâm, GHPGVNTN cũng không toàn ý.

Lại một biến cố xảy ra trong Đảng. Vì cho ông Hoàng-Văn-Hoan đi chữa bệnh tại Cộng hòa Dân chủ Đức. Nửa đường khi máy bay tạm nghỉ ở Karachi, Ông Hoàng-Văn-Hoan trốn sang toà Đại sứ Trung-Quốc và từ đó đi Bắc-Kinh, nên cụ Xuân-Thủy mất Bí-thư Trung-ương Đảng, ông Trần-Quốc-Hoàn thôi bộ trưởng Bộ NỘI vụ, chuyển sang làm trưởng ban Dân vận Trung ương thay ông Nguyễn-Văn-Linh (ông Linh thôi Bộ Chính trị chỉ còn ủy viên trung ương Đảng, về làm Bí thư Thành ủy tp Hồ-Chí-Minh. Ông Linh bị thất sủng vụ khác). Một ông từng lãnh đạo và tổ chức mạng lưới công an trên 30 năm, nay làm dân vận và trực tiếp lãnh đạo tôn giáo vận. Ai cũng sợ. Ông Trần-Bạch-Đặng bị kỷ luật, bị cách chức phó ban Dân vận Trung-ương vì ba cái lẳng nhăng. Ông Đặng Thành Chơn (Tám Lý) thay thế và phụ trách công tác tôn giáo vận.

Sự-khiện này như một quả búa tạ giáng xuống đầu tôi. Tôi phải vận nội công để đỡ và tiến hành công việc đang dở dang

Tôi kiểm lại thế lực mình ở tp Hồ-Chí-Minh : ông Nguyễn-Hộ ủy viên thường vụ Thành ủy phụ trách toàn khối vận, ông là lớp đảng viên 37 cùng trào với ông Nguyễn-Văn-Linh, tin và có cảm tình nhiều với tôi; ông Trần-Văn-Cầu (Ba Cầu). Thành ủy viên, trưởng ban Dân vận, hiền hòa đồng quan điểm với tôi. Ở ban Tôn giáo chính phủ, anh Nguyễn-Quang-Huy là bạn

thân, anh Nguyễn-Văn-Hiệu thuyết phục được. Nhưng ông Trần-Quốc-Hoàn thì khó lắm, con người hét ra lửa, đã quyết là không ai dám có ý kiến sửa sai.

Tôi áp dụng ngay bài bản của Mác-Lenin “Sự-nghiệp cách mạng là của quần chúng Đảng là đội tiên phong đồng thời là người đầy tớ trung thành của quần chúng. Tôi thông qua thượng tọa Từ Hạnh, phó thư ký BVĐTNPGVN đưa ý kiến đề xuất với Ôn Già Lam cử hòa thượng Trí Tịnh làm trưởng tiểu ban nội dung, và tiến hành những cuộc tham khảo ý kiến rộng rãi trong các tổ chức Phật giáo về nội dung thống nhất Phật giáo Việt-Nam, vừa làm biên bản gửi cho ban Dân vận Trung ương, vừa làm cơ sở soạn thảo Hiến chương của Giáo Hội Phật giáo VN (GHPGVN). Đây là chỗ dựa vững chắc và cơ sở thực tiễn để thuyết phục ông Trần-Quốc-Hoàn.

Thế là BVĐTNPGVN mở hàng loạt cuộc thăm viếng và tham khảo ý kiến từ GHPGVNTN, GHTGNTVN, GHPGCTVN, Ni giới khắp sĩ. Hội Phật học Nam Việt... Ý kiến phong phú và hợp với tình hình thực tế Phật giáo VN. Ôn Già Lam bàn bạc với thượng tọa Trí Tịnh tiến hành soạn thảo Hiến chương GHPGVN tại chùa Vạn-Đức huyện Thủ-Đức. Buổi khai bút trang nghiêm tại thiền viện lâu 3. Hòa thượng Trí Tịnh. Mật Hiến, thượng tọa Minh Châu, Từ Hạnh tẩm gội tinh khiết. Toàn thiền viện xông trầm thơm phức, ngập phòng trầm hương nghi ngút, bay quyện linh thiêng. Tất cả quỳ trước Đức Phật nguyện cầu và khai bút. Hòa thượng Trí-Tịnh trình trọng viết dàn bài chi tiết bản Hiến chương và Lời nói đầu.

Trong lời nói đầu hôm đó không có những câu :

“cũng như trong sự nghiệp giải phóng dân tộc ngày nay do Hồ Chủ tịch và Đảng Cộng sản Việt nam lãnh đạo”

“cả nước đang xây dựng chủ nghĩa xã hội”

“Giáo hội Phật giáo VN là một tổ chức Phật giáo duy nhất đại diện cho Phật giáo VN về mọi mặt quan hệ ở trong nước và nước ngoài.”

“Giáo hội Phật giáo VN hoạt động trong khuôn khổ hiến pháp và luật pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam.”

Những phần này do ban Tôn giáo chính phủ thuyết phục các hòa thượng thêm vào cho đúng với khẩu vị của Đảng và chính phủ Cộng sản.

Trung tuần tháng 4-1980 ông Đặng-Thành-Chơn, phó ban Dân vận Trung ương mang đề án thống nhất Phật giáo Việt-Nam vào làm việc với ban Dân vận tp Hồ-Chí-Minh. Nội dung của đề án là biến hoàn toàn Phật giáo VN thành một hội đoàn quần chúng. Còn thấp hơn hội đoàn vì chỉ có tăng ni không có phật tử; chỉ có tổ chức bên trên không có tổ chức bên dưới. Tên gọi là Hội Phật giáo Việt-Nam (HPGVN) với một bản điều lệ thô sơ. Đứng đầu là hội trưởng hay chủ tịch, một số hội phó một thư ký hai phó thư ký, một số ủy-viên. Ở dưới từ tỉnh trở xuống không có tổ chức, tỉnh nào có đông tăng ni thì có ban liên lạc, tỉnh nào ít thì thôi. Nội dung hoạt động là lo việc cúng bái chùa chiền, không có hoạt động gì liên quan tới quần chúng và xã hội. HPGVN ở trong Ủy ban Mặt trận Tổ quốc VN, tuân thủ luật pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-Nam.

Ông Đặng-Thành-Chơn nói đề án này đã được ban Dân vận Trung ương thông qua và đã trình ban Bí thư, ban Bí thư đã nhất trí Đây là một đề án tốt giúp Phật giáo tiến bộ. Bởi vì đạo Phật gắn bó với Dân tộc, có công với Cách mạng, nên Đảng qua tâm muốn làm sao cho đạo Phật mau thoát khỏi sự lạc hậu, tiến bộ ngang với các đoàn thể Cách mạng khác.

Cả ban Dân vận thành phố im phăng phắc. Anh Trần-Văn-Cầu nhìn tôi với ánh mắt trông đợi. Tôi mạnh dạn phát biểu.

– Thừa anh Tám (Tám Lý), những ý kiến anh Tám truyền đạt là chân thành. Ở góc độ người Cộng sản, đó là sự tốt bụng đối với đạo Phật. Nhưng ở về phía tăng ni và phật tử chắc chắn là họ không chấp nhận. Họ không thể nào hiểu nổi ý tốt của Đảng. Ngược lại, họ sẽ oán hận Đảng, họ cho rằng Đảng áp đặt sự thống nhất theo ý Đảng. Sự thống nhất Phật giáo hoàn toàn thất bại. Bởi vì điều Đảng cho rằng lạc hậu, họ tôn vinh là thiêng liêng. Điều Đảng cho rằng giải phóng họ, họ cho rằng Đảng đàn áp họ. Theo ý tôi, làm Cách mạng là xuất phát từ nguyện vọng quần chúng. Điều gì trái nguyện vọng quần chúng là không nên làm. Quần chúng như con bệnh. Bệnh còn yếu, chỉ cần uống nước cháo, ta cho ăn cơm gà, dù cơm gà ngon và bổ hơn, nhưng chắc chắn con bệnh chết. Do đó, tôi không tán thành dự án của ban Dân vận Trung ương.

Tôi nhìn ông Đặng-Thành-Chơn và toàn ban Dân vận thành phố một lượt. Anh Trần Văn Cầu mỉm cười gật gật đầu, các anh phó ban dáo dác nhìn nhau, ú ớ nhìn tôi trách móc và đang tìm lời để lập luận bào chữa những ý kiến nghịch nhĩ của tôi. Ông Đặng Thành Chơn lặng người. Hình như ông chưa hề nghe kiểu nói này, mà quen nghe ý và lời ngoan ngoãn chấp hành và minh họa theo thôi. Nhưng ông cũng không quen ứng xử đối với những tình huống phản biện, nên không nhạy bén trong suy tư và diễn đạt. Không khí im lặng căng thẳng trôi qua hai, ba, năm phút... Vẫn im lặng. Anh Trần-Văn-Cầu khá bản lĩnh :

– Tôi đề nghị tuần sau làm việc tiếp, anh Tám nhi !

Mọi người “ồ” lên một tiếng vui vẻ ra về. Anh Ba Cầu kéo tôi nói riêng.

– Anh bác hết đề án của Trung ương. Vậy anh có sẵn đề án khác chưa ?

– Anh Ba yên tâm, tôi đã có.

Tôi ngồi trên sân thượng nhà tôi, ngắm trăng lưỡi liềm đầu tháng, trong đầu biết bao ý nghĩ bồn chồn.

Khi tiếp xúc với ban Bí thư, tôi mới hiểu rõ từ “tập thể” trong Đảng là tương đối, không giống trong lý luận về các nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ chút nào. Bộ chính trị là một “tập thể” mỗi-người-làm-mỗi-cách theo ý của tổng Bí thư. Ban Bí thư cũng là một “tập thể” mỗi-người-cát-cử-một-lĩnh-vực theo sự chỉ huy của tổng Bí thư, và tổng Bí thư là tập trung dân chủ. Một chế độ vừa độc tài vừa phong kiến khủng khiếp.

Ông Trần-Quốc-Hoàn là ủy viên Bộ chính trị, bí thư trung ương Đảng, trưởng ban Dân vận trung ương, tức là ông cát cử lãnh vực Dân vận. Ý kiến của ông căn bản là ý kiến của Bộ chính trị, ban Bí thư, ban Dân vận trung ương. Tổng Bí thư phán quyết vấn đề trên cơ sở ý kiến của ông. Chỉ có tổng Bí thư mới phủ định ý kiến của ông. Khi chuyện đó xảy ra là phải ghê gớm lắm.

Đề án thống nhất Phật giáo Việt-Nam, theo ông Đặng-Thành-Chơn là đã thông qua ban Dân vận trung ương và ban Bí thư đã nhất trí, tức có nghĩa là ông Trần-Quốc-Hoàn đã chỉ đạo làm đề án này, đã thông qua và ký duyệt. Đây “tập thể” là thể đấy, tập trung dân chủ là thể đấy. Cho nên vấn đề hiện nay là tôi đang đối mặt với ông Trần-Quốc-Hoàn, con người đầy quyền lực, gốc là trùm công an, ai cũng sợ. Ngày nay, người ta sợ đụng đầu với ông Trần-Quốc-Hoàn. Tôi dám bác đề án của ông Trần-Quốc-Hoàn, tức là đem đầu chọi vào đá tảng. Người ta sợ cho tôi và sợ hành động của tôi lây đến người ta. Con người thật vĩ đại, nhưng cũng rất tầm thường. Thân phận mình rồi sẽ ra sao? Tôi nghĩ đến Ôn Già Lam, đến quý Thầy hiền lành đáng kính đáng thương. Khi tôi lên 10 tuổi, mẹ tôi xuống tóc tu tại

gia và mẹ tôi quy y Ôn Già Lam. Tôi nghĩ đây cũng là một công nghiệp.

Tuần sau cuộc họp tái nhóm, hai phó ban Dân vận thành phố vắng mặt không có lý do. Còn lại anh Ba Cầu trưởng ban, anh Bảy Lâm (Huỳnh-Văn-Lâm) phó ban thứ nhất phụ trách tổ chức, và tôi. Ông Đặng-Thành-Chơn giải thích thêm về ý nghĩa của đề án, nhưng thấy không thuyết phục được ban Dân vận thành phố, ông nói toạc :

– Đây là đề án đã được anh Trần-Quốc-Hoàn, trưởng ban Dân vận trung ương, đồng thời thay mặt ban Bí thư trung ương Đảng đã thông qua ký duyệt. Bây giờ chỉ còn triển khai thi hành. Nếu có thêm bớt là phân biện pháp thực hiện đề án, phân công giữa trên dưới sao cho ổn.

Quả thật, con bài tẩy cuối cùng ông Đặng-Thành-Chơn đưa ra làm cho trưởng, phó ban Dân vận thành phố đều rúng rính, cúi đầu chấp hành hết. Tôi bật đứng dậy :

– Thừa anh Tám, ý thức tổ chức kỷ luật và chấp hành là thước đo đảng tính của mỗi đảng viên. Tôi là một đảng viên cũng tuân thủ như thế. Nhưng có những sự việc lợi ích chung cho sự nghiệp Cách mạng bắt buộc người đảng viên phải vì lợi ích này hơn tuân thủ tổ chức kỷ luật Đảng một cách máy móc. Vì vậy, ở trong tù, ngoài chiến trường mỗi đảng viên phát huy tính độc lập sáng tạo để chiến đấu là căn bản. Đó là một thứ tổ chức kỷ luật và chấp hành cao hơn, thiêng liêng hơn, vì nó hoàn toàn tự giác.

Với tinh thần đó, thừa Anh Tám, tôi không tán thành đề án thống nhất Phật giáo VN của ban Dân vận trung ương. Nếu ban Dân vận trung ương vẫn cương quyết tiến hành thì, từ giờ này tôi xin rút ra khỏi công tác tôn giáo vận, xin Thành ủy chuyển tôi sang công tác khác.

Không khí rất căng thẳng. Ông Đặng-Thành-Chơn không nói được tiếng nào. Anh Ba Cầu, anh Bảy Lâm đều có cảm tình với tôi, nhiều quan điểm thống nhất với tôi, trong tình hình này, cả hai đều lẩn cấn. Anh bảy Lâm cười xuề xòa :

– Thôi, làm gì căng dữ anh Mười. Tôi đề nghị anh Mười không rút lui. Xin anh Tám ngưng tại đây để ban Dân vận Thành ủy nghiên cứu tiếp, trình với Thành ủy xin ý kiến và báo cáo với ban Bí thư. Đồng thời, mong anh Tám báo cáo lại với ban Dân vận trung ương tình hình thực tế ở tp Hồ-Chí-Minh.

Ông Đặng-Thành-Chơn đồng ý, vì đây là lối thoát duy nhất. Tôi hiểu ý anh Bảy Lâm muốn dùng Thành ủy để đối trọng với ban Dân vận trung ương và làm cho ban Bí thư phải lưu tâm. Còn với tôi, ý kiến của Thành ủy là trực tiếp áp lực. Nếu tôi không chấp hành, chỉ còn nghỉ việc, từ quan về vườn.

Nhưng Thành ủy là ai ? Đó là một tập thể mỗi-người-tự-tung-tự-tác-một-lãnh-vực theo ý của Bí thư. Trong lĩnh vực Dân vận, ông Nguyễn-Hộ, ủy viên thường vụ Thành ủy phụ trách, là ý kiến tối thượng.

Ông Hộ với tôi là mối quan hệ thân tình từ những năm 1973 còn nằm gai nếm mật. Bí thư Thành ủy là ông Nguyễn-Văn-Linh, cùng trào với ông Hộ, nhà chiến lược miền Nam, có một số định kiến với ông Nguyễn-Hộ, nhưng trong vấn đề dân vận thì giống nhau, và ông Linh bao giờ cũng quyết định trên cơ sở ý kiến của ông Hộ. Ông Linh khá nể nang ông Hộ. Hơn nữa đối với tôi, ông Linh cũng đã từng biết và từng làm việc nhiều lần về vấn đề tôn giáo. Tôi đã từng thừa ủy nhiệm ông mang thơ của ông đến trao và làm việc với cụ Tổng giám mục Nguyễn-Văn-Bình. Hiện thời ông Linh bị thất sủng, vì bất đồng ý kiến với ông Lê-Duẩn, nên chỉ còn ủy viên Trung ương Đảng, về làm Bí thư Thành ủy, ông Võ-Văn-Kiệt ra Trung ương làm Phó chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, phụ trách ủy ban

Kế hoạch Nhà nước. Vì thế ông Linh càng bất bình nhiều chính sách của Trung ương đề ra. Ông đang chuẩn bị trở lại nắm quyền lực bằng ba con đường sáng : “chính sách đối với nông dân và sản xuất nông nghiệp; công tác dân vận; công tác tôn giáo vận và Hoa vận”. Như vậy đối với Thành ủy, tôi không ngại mà còn có chỗ dựa vững mạnh. Vấn đề còn lại là ban Dân vận trung ương, tập trung là ông Trần-Quốc-Hoàn. Ngay trong ban Tôn giáo chính phủ tôi có người bạn thân được phân công thực-hiện đề-án này : ông Nguyễn-Quang-Huy. Việc này chắc chắn ông Trần-Quốc-Hoàn phải triệu anh Huy ra tay.

Tuần sau, anh Huy điện thoại báo cho tôi biết sẽ vào thành phố Hồ-Chí-Minh làm việc. Đề nghị tôi xếp lịch làm việc riêng với tôi một ngày, sau đó mới làm việc với ban Dân vận thành phố. Tôi sẵn sàng và thấy dự đoán mình là đúng.

Hôm sau anh Huy vào, mời tôi đến nhà khách Trung ương, vào phòng riêng của anh. Đóng kín cửa. Anh Huy tâm sự :

– Tôi không rõ anh Tám Lý vào làm việc trong này thế nào. Khi về Hà-nội, anh Tám buồn lắm, xin gặp ông Trần-Quốc-Hoàn và nói mình bất lực, không thuyết phục được ban Dân vận tp Hồ-Chí-Minh. Anh Tám xin từ chức. Ông Hoàn đỏ mặt nói gay gắt : “Bộ ông muốn nổi gót thằng cha Trần-Bạch-Đằng há? Nếu muốn tôi cho nghỉ luôn”. Xong, ông Hoàn chỉ thị tôi vào làm việc với ban Dân vận thành phố, đặc biệt tìm hiểu Mùoi Anh là anh chàng nào ? Quan điểm chính trị thế nào báo cáo cụ thể với ông ấy. Vấn đề trở thành nghiêm trọng.

– Anh nên nhớ rằng, chưa thời nào trưởng ban Dân vận lại là ủy viên Bộ chính trị, Bí thư Trung ương Đảng. Hơn nữa, ông trưởng ban Dân vận vốn là ông Bộ trưởng Nội vụ hơn 30 năm, một nhân vật rất được tin tưởng của Trung ương, đã từng hét ra lửa, từng sinh sát bao nhiêu người, nắm toàn bộ vấn đề an ninh quốc gia trong một thời gian rất dài, đến nỗi trong Đảng, trong

dân, người ta ớn lạnh khi nghe đến tên Lê-Đức-Thọ, Trần-Quốc-Hoàn.

Tôi rất lo cho anh. Anh nên biết rằng Đảng không phải là của mình, mà là của mấy ông, chỉ là của mấy ông thôi, dù mình là đảng viên. Tất cả đảng viên chỉ là con cờ cho mấy ông sử dụng thôi, giỏi lắm là được học Nghị quyết và được giơ tay biểu quyết theo ý mấy ông. Phật giáo là của mấy cụ hòa thượng. Tội gì anh nhảy vào cẳng đảng cho mang họa. Thôi thì để cho Đảng và Phật, tức mấy ông và mấy cụ hòa thượng tính với nhau. Tội mình, Đảng bảo đâu làm đấy cho yên thân. Tôi còn cả đàn con, anh cũng còn hai cháu nhỏ. Anh nên nghĩ kỹ lại đi, anh Mười.

Rồi, anh Huy mở cặp lấy xấp hồ sơ, rút đề án thống nhất Phật giáo của ban Tôn giáo chính phủ viết theo chỉ đạo của ban Dân vận Trung ương, và bên lề trên đầu một hàng chữ duyệt, viết tay bằng mực đỏ của ông Trần-Quốc-Hoàn. Chữ viết đẹp, nét sắc sảo, ghi cả ngày giờ, ký và viết tên ở phía dưới.

Tôi nghĩ té ra vậy. Dưới chế độ chuyên chính vô sản, cán bộ đảng viên mềm nhũn như bún, khác hẳn thời kháng chiến, thật khí phách hiên ngang biết bao. Không, tôi không đánh mất lương tâm. Tôi tỉnh bơ đến độ anh Huy nhìn tôi kinh ngạc. Có lẽ anh Huy nghĩ rằng tôi điếc không sợ súng. Tôi hỏi anh Huy :

– Anh Tám Lý bị ông Trần-Quốc- Hoàn bố, bây giờ anh ngại tới phiên mình cũng bị như thế chứ gì ? Anh Huy ơi, tôi không quen không khí “triều đình” ngoài đó. Không phải tôi ỷ thế cụ Xuân-Thủy mà bất chấp đâu. Bình sinh từ thơ ấu tôi đã vậy. Có lẽ cụ Xuân-Thủy tin yêu tôi là vì tính khí đó. Xin nói thẳng với anh, tôi không thay đổi ý kiến. Nhưng anh là người anh, người bạn thân thương, nên tôi đề nghị cách này. Anh hãy đến thăm hòa thượng Trí Thủ và toàn BVĐTNPGVN nghe các cụ phát biểu ý kiến. Hiện nay BVĐTNPGVN đi thăm tất cả các tổ chức

và hệ phái Phật giáo, nghe và ghi nhận ý kiến của mỗi nơi, tập hợp lại và trên cơ sở đó soạn thảo sơ bộ một bản Hiến chương của GHPGVN. Để khách quan, anh cho vài cán bộ tôn giáo Trung ương cùng đi với anh, có thể vừa ghi chép vừa ghi âm. Sau đó anh suy nghĩ làm báo cáo với ông Trần-Quốc-Hoàn kèm tất cả những gì anh ghi nhận được. Tôi nghĩ ông Trần-Quốc-Hoàn là một người lãnh đạo ắt sẽ đồng tình.

Anh Huy cười tươi tắn, mắt anh sáng ra, đứng dậy đập vai tôi :

– Quả là Thích Trí Anh. Hay, hay lắm ! Tôi đồng ý.

Hôm sau anh Huy đến thăm Ôn Già Lam, hòa thượng Trí Tịnh, hòa thượng Minh Nguyệt, hòa thượng Bửu Ý, hòa thượng Giới Nghiêm, thượng tọa Minh Châu, thượng tọa Từ Hạnh, thượng tọa Giác Toàn, ông Võ-Đình-Cường, ông Tống-Hồ-Cầm, ni sư Huỳnh-Liên... Và, khi gặp tôi anh tâm sự :

– Thật cảm động, các hòa thượng, thượng tọa các anh... rất chân tình. Họ nghĩ đến việc xây dựng đạo chín chắn, có tầm nhìn xa. Hòa thượng Trí Thủ xứng đáng là người lãnh đạo Phật giáo VN. Mình không thể áp đặt theo kiểu miền Bắc xã hội chủ nghĩa được đâu. Qua mấy ngày làm việc với mấy cụ, tôi tìm được cơ sở để trình bày lại với ông Trần-Quốc-Hoàn. Đề-án thống nhất Phật giáo của ban Dân vận Trung ương tôi không yên lòng, nhưng không có cơ sở để phản biện. Tôi đành chấp bút viết theo sự chỉ đạo của ông trưởng ban Dân vận Trung ương. Nay tôi tự tin và bình tĩnh làm cuộc phản biện với ban Dân vận Trung ương và ban Bí thư Trung ương Đảng được rồi. Tôi muốn gặp thượng tọa Trí Quang nhưng ngặt nỗi, không biết từ đâu báo cáo, năm trước tôi đi với anh đến thăm thượng tọa tại chùa Ấn-Quang, họ bảo tôi theo đuôi anh và là hữu khuynh. Từ đó ban Dân vận Trung ương không cho tôi gặp thượng tọa Trí-Quang nữa. Thật đáng tiếc

Tôi ân cần :

– Anh nên tìm hiểu sâu thêm trong phật tử và giới tăng ni bình thường. Bao giờ về Hà-nội, anh cho tôi biết, tôi có việc cần nói riêng với anh.

Hai hôm sau, anh Huy đến thăm tôi để từ giả về Hà-nội. Sắc khí anh trông sáng rõ, không bèo nhèo như lúc mới từ Hà-nội vào thành phố Hồ-Chí-Minh lần này. Chúng tôi tâm sự những điều tăng ni và phật tử đặt ra cho Đảng và Nhà nước. Rõ ràng ý nghĩ giữa Đảng và giới Phật giáo còn cách biệt. Bốn phận chúng tôi phải làm cho các vị lãnh đạo Đảng biết sự thật để điều chỉnh chính sách phù hợp với tình-hình. Anh Huy khẳng định hầu hết các vị lãnh đạo các tổ chức và hệ phái Phật giáo miền Nam đều ở tại thành phố Hồ-Chí-Minh, và tất cả muốn thống nhất Phật giáo để có một GHPGVN trang nghiêm đúng nghĩa với lịch sử hai ngàn năm của đạo Phật gắng bó với dân tộc Việt-Nam. Không ai, kể cả các vị trong BLLPGYN tp Hồ-Chí-Minh, muốn tập hợp Phật giáo thành một hội đoàn quân chúng, gọi là tiền bộ Cách mạng.

Tôi xen vào :

– Có lẽ thâm tâm HPGTNNVN ở miền Bắc cũng vậy, mà không dám biểu lộ, bởi sự trấn áp của các anh dữ quá.

Anh Huy cười hiền lành :

– Chắc phải xem lại hết mọi vấn đề. Nhưng phải có thời gian. Bởi những tảng băng đó, phần lớn là ít học, làm sao tiếp thu cái mới nhanh chóng được. Thế mà Đảng là của mấy ông. Mấy ông là Đảng, tội mình có nghĩa lý gì !

– Anh Huy, bây giờ tôi thưa vài điều cần thiết trước khi anh về Hà-nội.

Tôi kể cho anh nghe hai mẫu chuyện về Ôn Già Lam :

– BVĐTNPGVN tổ chức một buổi họp mở rộng tại chùa Vĩnh-Nghiêm để sơ vấn ý kiến tăng chúng và tín đồ về nội dung của tổ chức Phật giáo thống nhất sắp tới. Ni sư Huỳnh Liên và bà Ngô-Bá-Thành hăng hái góp ý, trong đó phần lớn là muốn đấu tranh cho quyền bình đẳng nam nữ, đặc biệt là trong tổ chức Phật giáo. Hai vị này cho rằng ở ngoài xã hội nam nữ mất bình đẳng một, thì trong tôn giáo mất bình đẳng mười. Phật giáo cũng như thế, đôi khi còn quá lắm.

Không khí trở nên căng thẳng, quý hòa thượng cho rằng hai vị nữ này kém lễ độ đối với các bậc tôn trưởng. Các thượng tọa và tăng ni thì chê trách hai vị cậy công tranh đấu trước năm 1975, cậy có học cao và có vị trí quốc tế, nói năng nhiều điều quá quắt. Ôn Già Lam vẫn ôn tồn tươi cười, nói một cách hiền lành với mọi người. -“Ni sư và bà luật sư quên đấy. Trong Đạo Phật ai cũng nói ‘Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu ni Phật’, chứ không ai nói ‘Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Tăng Phật’. Ni ở gần Phật, còn tăng thì xa lắm. Vậy đâu tranh bình đẳng nam nữ làm gì. Phải không ni sư và bà luật sư ?” Tất cả mọi người kể cả ni sư Huỳnh Liên và bà Ngô-Bá-Thành, đều cười oà nhẹ nhàng thoải mái.

Sức hoà hợp và thuyết phục của Ôn duyên dáng, sâu sắc như thế.

– Hôm về Huế, Ôn và tôi ngồi ở trong liêu của chùa Bảo-Quốc, Ôn trầm ngâm đọc cho tôi nghe bài thơ “Nhớ Làng” Ôn sáng-tác năm 1969.

*Tôi nhớ làng tôi sống cực nghèo,
Lũy tre soi bóng, nước trong veo.
Quanh năm phảng lạng giòng sông Hãn,
Đùm-boc thân yêu tám nhiễu điều.*

*

*Làng tôi xa lánh cảnh phồn hoa,
Sớm tối chuông ngân khắp mọi nhà.
Luống cải vườn rau sanh hoạt thú,
Tiếng cười xen lẫn tiếng dân ca.*

*

*Làng tôi cát mịn nước hồ trong,
Gió mát sen thơm dân một lòng,
Chạp giỗ sum vầy tình nội ngoại.
Buồn vui san sẻ đời no chung.*

*

*Làng tôi khó tả hết tình yêu.
Dù nói bao nhiêu chẳng thấy nhiều.
Bể rộng trời cao tôi thấy nhỏ.
TRUNG KIÊN đất tổ ngập tình yêu.*

Một bậc chân tu có tâm hồn gắn bó với đất nước sâu thẳm như thế, anh cũng là dân Quảng-Tri, anh có xúc động không ?

Anh Huy trầm ngâm, rồi siết chặt tay tôi :

– Xin biết ơn anh. Trong việc riêng gia đình, trong việc chung công tác, anh luôn luôn là người bạn thân tình, hết lòng với bè bạn. Nhưng cần thận trọng, có người tung dư luận anh là đệ tử hoà thượng Trí Thủ, thậm chí còn là con nuôi của hoà thượng Trí Thủ nữa.

Tôi thở dài :

– Anh Huy ! Mẹ tôi qui y Ôn, tức đệ tử Ôn. Năm 1959, trong bước đường cùng bị địch truy găt, tôi vào Phật học viện Hải-Đức Nha-Trang nương thân. Lúc đó Ôn là Giám viện đã đùm bọc tôi mặc dù Ôn biết tôi là cộng sản. Bấy nhiêu đủ tôi kính trọng và ghi ơn Ôn suốt đời. Ai nói sao tùy họ. Nhưng tôi không bao giờ phản lại lòng mình. Vì vậy, ngày 30.4.75 giải phóng Sài Gòn. Sáng ngày 01-5-75 tôi đến thăm Ôn tại chùa Già-Lam, và sẵn sàng đứng ra làm những việc tốt đẹp cho Ôn với khả năng mình. Tôi giới thiệu về Ôn một cách trung thực với tất cả các đồng chí lãnh-đạo Đảng và Nhà nước. Rất tiếc còn nhiều việc chưa làm tốt, và trong tăng ni phật tử, nhất là hàng đệ tử Ôn, cứ nghi nghi ngại ngại và cho rằng đôi lúc tôi làm khó dễ Ôn. Anh Huy ơi ! làm sao tôi có thể quay lưng bỏ mặc cho một ân nhân vào bậc thầy, bậc cha của mình trong bước ngặt nghèo này. Nhưng anh biết đấy, muôn vàn khó khăn. Kỳ này anh trình với ông Trần-Quốc-Hoàn thành công, tức là anh đã vì việc chung, trong đó cũng có phần đắp lại tình riêng của tôi mà tôi đã dành cho các con anh, cho cả anh chị.

Anh Nguyễn-Quang-Huy chia tay tôi vừa thân tình vừa tin tưởng sự phản biện sẽ thành công.

Ba hôm sau, khoảng 9 giờ tối, anh Huy gọi điện vào nhà tôi với giọng nói phấn khởi :

– Anh Mười, tôi đã gặp Thủ trưởng. Ly kỳ nhưng kết quả tốt đẹp. Hai hôm nữa tôi sẽ bay vào tp Hồ-Chí-Minh kể hết tự sự cho anh nghe. Vì ít hôm sau, Thủ trưởng sẽ vào làm việc trực tiếp với anh.

Tôi thấy vui. Trong đầu miên man nghĩ đến những điều ly kỳ với đủ dáng vẻ “hỷ, nộ, ái, ó”. Tôi liền đến thăm Ôn Già Lam để nghe Ôn thuật lại những chuyện vui buồn, thuận chiều trắc trở trong công cuộc vận động thống nhất Phật giáo Việt-Nam.

Ôn Già Lam ngẫm lại quá khứ gần trọn cuộc đời tu hành, trong đó có một điều tâm niệm là thống nhất Phật giáo Việt-Nam.

Ôn bảo đó là nguyện vọng chung của toàn thể tăng ni và phật tử. Nhưng trong thực hiện lắm nhiều khê, vì mấy lẽ : Tổ chức Phật giáo nào cũng muốn mình có một vai trò và vị trí quan trọng bậc nhất trong việc thống nhất. Vị lãnh đạo Phật Giáo nào cũng muốn mình là Giáo chủ của tổ chức Phật giáo thống nhất. Người đủ đức độ tài ba để hòa hợp chung thì hiếm. Người tham vọng đ? vị quá sức mình thì nhiều. Phật giáo lại nhiều hệ phái và tổ chức. Ngoài Đại thừa và Tiểu thừa có truyền thống khắp thế giới xưa nay, còn thêm những tổ chức mang tính địa phương như Tăng già khát sĩ và Ni giới khát sĩ. Y phục gần giống Nam tông, trai giới lại giống Bắc tông. Kinh kệ phiên chế theo kiểu nô m na của Nam bộ. Trong Bắc tông còn có nhiều hệ phái khác nhau. May là tất cả đều hướng tâm về Đức Phật Thích ca. Vì vậy, thống nhất Phật giáo VN phải rất tế nhị và uyển chuyển. Phần nào thống nhất thành một mối. Phần nào vẫn duy trì tính khác biệt trong pháp môn và phương tiện tu hành của mỗi hệ phái.

Ôn kể, ngay trong GHPGVNTN cũng không đơn giản. Sau giải phóng. Giáo hội đã chính thức gửi văn thư cho HPGTNVN và gửi lên chính phủ cũng như Ủy ban quân quản thành phố để đề xuất việc thống nhất Phật Giáo cả nước. Đó là nguyện vọng của toàn Giáo hội. Nhưng trong từng thành viên của Viện Tăng Thống và Viện Hóa Đạo đâu có hoàn toàn đồng nhất. Mãi đến Đại hội GHPGVNTN ngày 23-01-1977 mới thông qua Thông bạch 7 điểm, trong đó điểm thứ 6 “*Đại hội cầu ủy Giáo hội Trung ương tiếp tục vận động thống nhất Phật giáo cả nước trong tinh thần Đạo pháp và truyền thống*“. Thế nhưng khi tôi tham gia BVĐTNPGVN với tư cách Viện trưởng VHDGHPGVNTN thì không ít người trong Giáo hội không tán thành.

Ôn có hỏi tôi, có nhớ bài thơ của ngài Vạn-Hạnh thiền sư đời Lý nói về sự thịnh suy, sau khi vua cật vấn. Tôi thưa Ôn đó là bài thơ nổi tiếng và Ôn đọc luôn :

*Thân như điện ảnh hữu hoàn vô.
Vạn mộc Xuân vinh Thu hựu khô.
Nhâm vận thịnh-suy vô bổ úy,
Thịnh suy như lộ thảo đầu phô*

Tôi thưa với Ôn, khi ở Phật học viện Hải-Đức, tôi có nghe bài thơ mấy thầy thường đọc thế này :

*Có thời có tự mây may,
Không thì cả thế gian này cũng không.
Kìa trong bóng nguyệt dòng sông,
Ai hay không có, có không là gì ?*

Ôn cười, Ôn bảo ý Đạo huyền nhiệm, ai có tâm Đạo sẽ đạt Đạo, ai không thì muôn vạn kiếp cũng thế thôi. Ôn nói một hôm Ôn ngắm trăng, cảm hứng làm bài thơ :

*Đâu sào trăm thước câu buồn,
Một làn sóng động, ngàn luôn sóng theo.
Đêm thanh nước lạnh cá nghèo,
Đầy thuyền chở nặng trăng gieo bóng về.*

Một ngày đẹp trời thượng tuần tháng 5-1980 anh Nguyễn-Quang-Huy vào, liền đến nhà tôi với khí thế hồ hởi. Vừa ngồi xuống ghế, anh liền kể :

Anh Mười ơi, hết biết ! Tôi vừa đến Hà-nội Thủ trưởng gọi tôi 1g30 đến làm việc với Thủ trưởng tại nhà riêng. Tôi hình dung mọi sự gay go và những lý lẽ mình sẽ biện bạch.

Tôi bước vào cửa đúng 1g25 thấy Thủ trưởng đã chỉnh tề đứng ngoài hành lang đợi tôi. Mặt Thủ trưởng hồng hào, hót tóc demi-court, tạo nên một nét sắc sảo đặc biệt. Đây là lần đầu tiên tôi làm việc một mình trực tiếp với Thủ trưởng, từ lúc Thủ trưởng về nhậm chức trưởng ban Dân vận Trung ương. Tôi từng nghe danh ông trùm công an khét tiếng này, nên hơi ớn lạnh.

Mới an tọa phân ngôi chủ khách, Thủ trưởng phủ đầu :

– Sao, thất bại trước ban Dân vận tp Hồ-Chí-Minh rồi hả ? Bị anh chàng Mười Anh quyền rũ rồi hả ?

Tôi cười xen vào !

– Thế anh bị kẹt chứ gì ? Và phải đối ứng ra sao ?

– Không, tôi mềm mỏng và linh hoạt chứ không trực chiến.

Vì trực chiến là bị đánh gục ngay. Tôi thưa với Thủ trưởng: *“Thưa anh, tôi không đến làm việc với ban Dân vận tp Hồ-Chí-Minh. Tôi thăm và làm việc với BVĐTNPGVN và một số trí thức Phật tử, những đại biểu tiêu biểu trong các tầng lớp Phật giáo để nghe tâm tư nguyện vọng của họ về việc thống nhất Phật giáo ra sao. Tôi nghĩ đó là cơ sở thực tiễn để báo cáo với lãnh đạo quyết định chính sách”*.

Mới mở đầu như vậy, Thủ trưởng hào hứng liền : *“O, có thể chứ. Sáng tạo đấy. Ai như ông Đặng-Thành-Chơn, làm hỏng việc rồi xin từ chức. Hay, tôi nghe anh báo cáo tường tận, cụ thể. Hay đấy !”*

Thủ trưởng gọi phục vụ hai ly cà phê sữa thật ngon. Mặt Thủ trưởng sáng lên. Tôi cũng mở cờ trong bụng, nhưng vẫn cảnh giác và rất thận trọng, vì Thủ trưởng từng là Bộ trưởng Bộ Nội

vụ hơn 30 năm, lắm mưu mô và nhiều bẫy gài lắm. Cho nên tôi tiếp lời : *“Thưa anh, tuân theo lệnh anh tôi xin báo cáo trung thật những gì chính tai tôi đã nghe, ghi chép đầy đủ. Nếu có gì sơ sót, hoặc không đúng, xin anh thứ lỗi. Bởi đó là do trình độ tôi không nhận thức ra hết, chứ không phải xuất phát từ một động cơ nào”*.

Thủ trưởng thúc-giục : *“Được, không sao. Anh cứ báo cáo cho tôi nghe thật tỉ mỉ, đừng bỏ sót việc gì.”*

Thế là tôi trình bày một mạch hơn hai tiếng đồng hồ. Cứ vừa nói vừa nhìn ánh mắt, cử chỉ của Thủ trưởng để lựa lời. Thủ trưởng nghe say sưa, ghi chép không sót một tí gì. Xong, Thủ trưởng ngồi bật ngửa người ra, trầm ngâm gần 5 phút. Năm phút đó là thời gian rất căng thẳng đối với tôi. Thủ trưởng ngồi chỉnh người lại, phán :

– Thực tế phong phú, có lý có tình phải rất quan tâm. Đề án của chúng ta đơn giản quá. Về nguyên tắc phải làm lại hết. Còn ý kiến ông Mười Anh thế nào ? Anh có gặp không ?

– Anh biết không, tôi cố tránh không đề cập đến anh vì sợ bất lợi. Thế mà cũng không thoát được với Thủ trưởng. Câu hỏi trực diện buộc tôi phải trả lời.

Tôi vồn vã :

– Anh nói sao ?

Anh Huy mỉm cười :

– Tất nhiên tôi nói rất khéo. Tôi thưa với Thủ trưởng có gặp anh Mười Anh, nói rõ quan điểm của ban Dân vận Trung ương. Anh ấy vẫn không thay đổi ý kiến, và mời tôi cùng đi thực tế với anh ấy. Nhưng tôi đi một mình.

Thủ trưởng kết luận buổi làm việc : *“Tôi sẽ vào tp Hồ-Chí-Minh làm việc với ban Dân vận thành phố và anh Mười Anh. Mai anh vào trước sắp xếp công việc cho tôi. Điện cho tôi biết lịch làm việc, tôi vào ngay và mọi việc tôi sẽ quyết định tại đó.”*

Anh nên nhớ, Thủ trưởng nói và làm như đinh đóng cột. Bây giờ tới phiên anh chuẩn bị lời lẽ, tinh thần để báo cáo với Thủ trưởng.

Tin trưởng ban Dân vận Trung ương vào làm việc với ban Dân vận Thành ủy về công tác tôn giáo – cụ thể việc thống nhất Phật giáo Việt-Nam – làm cho mấy ông phó ban Dân vận Thành ủy lo ra mặt. Anh Ba Cầu gặp tôi niềm nở :

– Anh Mười chuẩn bị báo cáo nghen. Tôi hoàn toàn tin tưởng anh, anh cứ làm việc.

8 giờ sáng một ngày tháng 5 năm 1980, tôi ngồi đối diện với ông Trần-Quốc-Hoàn ở phòng họp của ban Dân vận Thành ủy, 28 đường Phùng-Khắc-Khoan quận 1 thành phố Hồ-Chí-Minh. Anh Ba Cầu giới thiệu ông Trần-Quốc-Hoàn và một chuyên viên theo ghi chép. Xong giới thiệu thành phần phía thành phố tham dự, gồm Trần-Văn-Cầu, trưởng ban, Huỳnh-Văn-Lâm, phó ban phụ trách tổ chức và tôi, phó ban thường trực ban Tôn giáo thành phố. Ông Trần-Quốc-Hoàn nhìn tôi mỉm cười, mắt sắc lẹm và nói liền :

– *Hôm nay tôi gặp một chuyên gia nổi tiếng. Tôi muốn nghe và sẵn sàng nghe trực tiếp ý kiến của anh đây.*

Tôi không ngần ngại, e dè phát biểu liền :

– Thừa đồng chí trưởng ban Dân vận Trung ương, thừa các đồng chí. Đảng chủ trương thống nhất Phật giáo Việt-Nam, tức

là đoàn kết tất cả các tổ chức Phật giáo Việt-Nam, trong đó GHPGVNTN là một tổ chức lớn, có qui củ về tổ chức, nhiều tầng ni uyên thâm Phật học, có trình độ văn hóa, có khả năng và kinh nghiệm hoạt động cả trong đạo và ngoài đời. GHPGVNTN đã từng có uy tín với quốc tế, nhất là sau cuộc đấu tranh năm 1963. Các tổ chức Phật giáo khác hoặc là của ta, hoặc dễ thuyết phục. Đối với GHPGVNTN không đơn giản chút nào. Như vậy, theo chủ trương của Đảng, thống nhất Phật giáo Việt-Nam cốt lõi là đoàn kết được GHPGVNTN. Muốn đoàn kết thì phải đề ra chính sách cho người ta chấp nhận được. Huống chi tôi biết các tổ chức Phật giáo khác, kể cả HPGTNVN ở miền Bắc, bên ngoài tỏ ra tuân thủ theo ý kiến lãnh đạo của Đảng, nhưng trong lòng nào có thích thú gì, bên ngoài tỏ ra bài bác GHPGVNTN cho vừa lòng Đảng, hoặc vì ganh tị kiêu các tổ chức Phật giáo khác. Cụ thể, các đồng chí cứ kiểm tra, ngay tại chùa Quán Sứ, các nhà sư nghe và rậm rắp làm theo ban Tôn giáo chính phủ chỉ đạo. Nhưng khi họ đóng cửa lại, họ đọc sách gì ? Có phải là Lục Tổ Huệ Năng và bộ Tâm Ảnh Lục của thượng tọa Trí Quang, Phật giáo hiện đại hóa, Phật giáo ngày nay của thượng tọa Thích Nhất Hạnh. Chắc có người sẽ bảo họ đọc vì tò mò, vì hiếu kỳ. Không, tôi biết rõ họ đọc với sự say sưa, với cả tấm lòng, vì chính sự thu hút của các tác phẩm đó, và vì bao nhiêu năm họ bị bung bít không có sách gì để đọc.

Tôi nghĩ thống nhất Phật giáo VN là nguyện vọng tha thiết của toàn thể tăng ni Phật tử, kể cả những nhà sư đồng chí. Vậy thì Đảng lãnh đạo sao cho sự thống nhất này là sự nghiệp của chính họ, là sản phẩm của họ, chứ không phải của Đảng áp đặt. Đảng lãnh đạo là vạch đường và tạo điều kiện cho họ làm. Đó cũng là đường lối quản chúng của Đảng. Đảng sẽ ở trong lòng họ, nếu Đảng giúp họ thực hiện được nguyện vọng chính đáng của họ. Ngược lại, sự tác hại chính trị không lường.

Tôi dừng lại nhìn ông Trần-Quốc-Hoàn để dò xét phản ứng. Nét hớn hờ lộ rõ trên mặt con người mà tiếng đồn ác nhiều hơn thiện. Tôi còn đang chần chừ. Ông Hoàn hào hứng :

– Anh nói tiếp đi. Tôi đồng tình quan điểm anh trình bày. Đó là ý kiến xác đáng. Bây giờ, anh hãy nói cho tôi nghe các nguyên tắc, nội dung và từng bước cụ thể ra sao ?

Thế là tôi yên tâm, lật bản đề án ra báo cáo từng phần. Đến đâu tôi đều thấy ông Trần-Quốc-Hoàn gật đầu vui vẻ. Sau ba tiếng đồng hồ, nghe hết đề án của tôi, ông Trần-Quốc-Hoàn kết luận.

– Bỏ đề án mà tôi đã duyệt, lấy đề án của anh Mười Anh, tu chỉnh thêm và thi hành ngay.

Anh Ba Cầu mời cơm trưa tại nhà riêng của anh. Tôi đề nghị mời thêm bạn tôi, anh Hồ-Hiếu, cùng dự. Ông Trần-Quốc-Hoàn bắt tay tôi đồng ý.

Tôi thở phào nhẹ nhõm đến gặp anh Nguyễn-Quang-Huy.

– Sao anh không dự họp ?

– Tôi tránh vì đang có dư luận cho rằng tôi bị anh tác động. Thế nào ? Tốt chứ ?

– Như anh dự kiến. Chắc Thủ trưởng sẽ truyền đạt lại cho anh thôi. Bây giờ tôi xin nói lại những điểm chính :

. Bỏ đề-án của Thủ trưởng đã duyệt, chấp thuận đề án của tôi. Ban Tôn giáo tu chỉnh thêm và thực hiện ngay.

. Nội dung đề BVĐTNPGVN tự đề ra và quyết định. Ban Tôn giáo chính phủ và ban Tôn giáo tp Hồ-Chí-Minh theo dõi từng

bước để giúp đỡ và phản ánh với ban Dân vận, cần thì báo cáo với ban Bí thư và Thành ủy tp Hồ-Chí-Minh.

. Nhân sự tham dự Đại hội thống nhất Phật giáo cũng do BVĐTNPGVN đặt tiêu chuẩn và lựa chọn. Có khó khăn gì ban Tôn giáo chính phủ và ban Tôn giáo tp Hồ-Chí-Minh can thiệp với các cấp chính quyền công an để tạo sự thuận lợi.

. Ban Bí thư sẽ ra một Thông tri hướng dẫn các cấp ủy Đảng, các cấp chính quyền, công an và ban ngành yểm trợ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho công việc thống nhất Phật giáo VN.

Anh Huy khui một chai bia. Hai chúng tôi cùng ly chúc mừng ***“Phật sự viên thành, Ôn Già Lam vạn phúc”***

Tháng 8 năm 1981 khi BVĐTNPGVN gửi bản Dự thảo Hiến chương cho ban Dân vận Trung ương và ban Tôn giáo chính phủ, sau một tuần đã có những ý kiến bổ sung như sau:

. Lời nói đầu thêm một đoạn như đã nói ở trên.

. Chương II điều 4 thêm “...và Tổ quốc xã hội chủ nghĩa”

. Chương V điều 18. Qui định hoạt động của Giáo hội gồm vào trong 6 ban một cách hình thức.

. Chương VI. Từ điều 23 đến 26, 27 tổ chức Giáo hội teo dần và cơ sở là Tự viện, Tịnh xá, Tịnh thất, Niệm-Phật đường, tức lấy chùa làm cơ sở chứ không phải lấy quần chúng Phật tử làm đơn vị cơ sở của tổ chức Giáo hội.

Như vậy tinh thần của cụ Xuân-Thủy được thể hiện trong bản Hiến chương này rõ rệt: ĐẠO PHÁP – DÂN TỘC – Chủ nghĩa xã hội, và cơ cấu tổ chức là HÌNH THÁP LỘN NGƯỢC.

Ban Tôn giáo chính phủ đề nghị tôi gặp Ôn Già Lam để thuyết phục theo hướng này. Tôi từ chối. Anh Nguyễn-Quang-Huy đến gặp Ôn Già Lam và BVĐTNPGVN để đa thông. Trong tình thế ‘chẳng đặng đừng’ Ôn Già Lam và các vị trong BVĐTNPGVN phải thuận theo. Nhưng tăng ni và phật tử rất nhạy cảm, nhất là trong GHPGVNTN. Họ phản ứng gay gắt. Ôn Già Lam gặp không biết bao nhiêu áp lực và khó khăn chồng chất. Ôn tâm sự với tôi. Thống nhất kiểu này, tới cũng khó mà lui cũng khó. Tôi thưa với Ôn : *“Thực tế diễn ra có thể tốt hơn. Máu chót bây giờ là con người. Mình phải uyển chuyển”*. Ôn đồng tình nhưng lòng không vui. Điềm lại nhân sự, tôi nhớ lại hai nhân vật, tuy hiện nay không có tại Việt-Nam, nhưng ảnh hưởng không phải không có: Thượng tọa Thích Nhất Hạnh và nữ trí thức phật tử Cao-Ngọc-Phượng. Thượng tọa Nhất Hạnh là một nhà văn hóa, một nhà lý luận của GHPGVNTN, yêu hòa bình và có tham vọng chính trị. Năm 1966, 1967 tôi quen với thượng tọa và gặp nhau trong những cuộc Hội thảo về Hòa bình cho Việt-Nam. Tôi được thượng tọa mời cơm trưa cùng với thượng tọa tại phòng riêng lầu 1 chùa Pháp Hội. Hơn ba lần nói chuyện với thượng tọa, tôi vẫn cảm nhận có cái gì bí ẩn khó hiểu nơi thượng tọa khác với giáo sư Nguyễn-Ngọc-Lan, một trong những người dẫn thân trong phong trào đấu tranh thời đó. Cao-Ngọc-Phượng (*) là một trí thức phật tử, yêu hòa bình tha thiết. Chị như hiến trọn đời mình cho công cuộc hoà bình cho Việt-Nam. Chị là bạn thân của Nhất-Chi-Mai. Năm 1966, chị biết tôi là cộng sản, chị nói : *“Anh có lý tưởng của anh, điểm nào phù hợp tôi hết lòng giúp anh. Tôi không cản trở và làm hại anh, cũng không theo anh.”* Chị đã làm đúng như chị nói.

Tôi cố xoay sở về nhân sự cho các bên đều vui lòng, rất vất vả Ban Tôn giáo chính phủ giao tôi chịu trách nhiệm các tỉnh miền Nam. Anh Huy phụ trách các tỉnh miền Bắc và thường xuyên quan hệ với tôi để giải quyết các vấn đề khúc mắc. Ban Bí thư Trung ương Đảng cho một nguyên tắc:

. Pháp chủ, chủ tịch, tổng thư ký Hội đồng trị-sự ban Tôn giáo chính phủ trình ban Bí thư duyệt.

. Các thành phần khác trong Hội đồng chứng minh và Hội đồng trị sự, anh Huy và tôi được quyền thông qua khỏi báo cáo.

Đó là một cố gắng, chúng tôi tranh thủ ban Bí thư và đã được quyết.

Anh Huy dựa vào tôi và tin tưởng những đề xuất của tôi, nên công việc tương đối chủ động. Về nội dung quan trọng nhất là bản Hiến chương thì đã thông qua, các văn bản khác chỉ là minh họa để trình diễn. Tôi không quan tâm. Nhân sự tiêu biểu đã xong. Nhân sự hành động, anh Huy đề cử thượng tọa Thanh Tứ và anh Trần-Khánh-Dur, tôi đề nghị thượng tọa Từ Hạnh và bà Nguyễn-Thị Thanh-Quyên. Ban Bí thư thấy chưa đủ sức lèo lái GHPGVN, đề-nghị anh Huy và tôi tham gia Hội đồng trị-sự. Cả hai chúng tôi đều từ chối. Ban Bí thư tìm người khác không có nên đành để vậy.

Về đại biểu tham dự Đại hội là cả một sự dằng co. Ôn Già Lam bị sức ép các nơi đòi phân chia số lượng đại biểu đông cho tổ chức của mình. Có vị đòi cử đại biểu theo tỷ lệ tăng ni và phật tử của mọi tổ chức Phật giáo. Khá phức tạp

Tôi gặp hòa thượng Minh Nguyệt trình bày với cụ rằng: thực sự đại biểu là giữa Phật giáo của ta và GHPGVNTN. BVĐTNPGVN đều là đại biểu dự Đại hội, trong đó đại biểu của ta đa số. Chính tổ chức và hệ phái Phật giáo, GHPGVNTN là một, còn lại tám với danh nghĩa khác nhau, nhưng tất cả đều là ta hoặc là chịu sự lãnh đạo của Đảng. Điều đó GHPGVNTN cũng biết. Cho nên, mỗi tổ chức cử một số đại biểu vừa phải, cộng lại đông hơn GHPGVNTN. Hòa thượng Minh Nguyệt đồng tình nhận định đó và chấp thuận nguyên tắc phân chia số lượng đại biểu dự Đại hội.

Tôi đến gặp Ôn Già Lam và thưa với Ôn. “*Bên phía PGIN kể cả miền Bắc nhiều danh nghĩa nhưng số lượng ít, hệ thống tổ chức đến các tỉnh không có. GHPGVNTN là một tổ chức lớn, cũng là một đơn vị. Số lượng đại biểu ngang với HPGTNNV và đông hơn các hệ phái khác cộng lại.*” Ôn lắc đầu ‘rắc-rối quá’.

Nhưng việc đề cử đại biểu các tỉnh BVĐTNPGVN có nhiều ý kiến không thống nhất và chuyển thành mời một số đại biểu tiêu biểu ở miền Nam và miền Bắc. Ôn Già Lam lại lo lắng, vì ngại nhiều vấn đề sẽ biểu quyết không thuận lợi cho Đại hội. Như thế Ôn sẽ ăn nói làm sao với GHPGVNTN. Tôi hiểu tâm trạng Ôn và hứa cố gắng từ sau hậu trường, với khả năng mình, sẽ vận động cho mọi việc được suông sẻ tốt đẹp.

Tôi được một cái hẹn gặp thượng tọa Trí Quang, lúc 7giờ 00 đêm 26.10.1981 tại chùa Già Lam. Tôi hiểu đây là cuộc gặp gỡ quan trọng. Tôi báo cáo với ông Nguyễn-Hộ để xin phép. Ông Nguyễn-Hộ đồng ý và cho phép tôi được linh hoạt giải quyết mọi tình huống trong nguyên tắc đã được ban Bí thư duyệt.

7 giờ kém 15 tôi lên xe. Ô tô tôi vừa quẹo trái từ No-Trang-Long sang Lê-Quang-Định thì thấy phía trước xe tôi khoảng 50 mét một chiếc taxi màu trắng đang hướng về chùa Già Lam. Quả thật xe ấy rẽ vào ngõ hẻm rồi tiến thẳng vào sân chùa, dừng lại. Ba nhà sư trẻ, ngồi phía trước một, sau hai cùng bước xuống và thượng tọa Trí Quang xuống sau cùng. Tất cả đều mặc áo Nhật bình màu lam. Ôn Già Lam ra đón, bốn người chấp tay chào Ôn. Ba sư trẻ đi nhanh vào nhà khách. Thượng tọa Trí Quang mời tôi đến gốc cây Bồ đề giữa sân chùa nói chuyện cho mát. Thượng tọa xoay sang phía Ôn Già Lam .

– Ôn cùng đàm đạo với chúng tôi cho vui. Việc chung mà !

Ôn xoa tay cười :

– Hai người cứ nói chuyện. Tôi không thiết phải có mặt. Tôi còn phải sửa soạn lễ Phật.

Ôn ung dung đi lên chánh điện. Thượng tọa nhìn theo cười. Nụ cười cả miệng và mắt, duyên dáng và nhiều cảm tình. Mắt thượng tọa lúc nào cũng sâu và sáng. Thượng tọa đưa tay lên xoa xoa cái đầu bóng với chiếc trán cao. Hình như động tác này là thói quen của thượng tọa.

– Anh Mười Anh ! Ôn đức độ chơn chất lắm. Ôn lãnh đạo việc tu hành hay hơn việc hành chánh. Không có người giỏi và tốt trợ lý Ôn, công việc chung khó trôi chảy. Anh có biết có một người đức độ như Ôn. Phật học uyên thâm, điều hành xuất sắc mà Ôn cũng kính trọng nữa không ?

– Thưa thầy, có phải Ôn Từ Đàm ?

– Vâng, đúng. Thuở cùng học ở trường Phật học Báo-Quốc với hòa thượng Trí Độ, cụ Lê-Đình-Thám, thầy Thiện Siêu giỏi, đứng đầu mọi mặt.

– Nhưng về luận và tài tổ chức không hơn thầy.

– Đó là ý anh. Thôi mình bàn chuyện khác. Hôm nay tôi muốn qua anh, ý kiến tôi được đến người cao nhất trong Đảng phụ trách việc thống nhất Phật giáo Việt-Nam, hoặc nếu được anh bố trí cho tôi gặp trực tiếp vị đó.

– Thưa thầy, thời gian còn ít quá. Tôi không dám hứa bố trí cuộc gặp gỡ giữa thầy và vị lãnh đạo Đảng. Còn những ý kiến gì của thầy, tôi sẽ báo cáo trung thực lên lãnh đạo. Điều gì có thể giải đáp được trong phạm vi trách nhiệm của tôi, tôi sẽ đáp ứng ngay bây giờ.

Thượng tọa Trí Quang bắt đầu nêu vấn đề thống nhất Phật giáo Việt-Nam. Nội dung có thể tóm tắt :

. Về mặt Đạo, thống nhất Phật giáo VN tức là phát huy bản sắc duy nhất của đạo Phật là Giác ngộ – Giải thoát, và tôn trọng phương tiện tu hành của mỗi hệ phái. Thực chất chỉ có Nam tông, Bắc tông. Việt-Nam có cả hai. Các nước Phật giáo khác có Nam tông, không có Bắc tông hoặc ngược lại.

. Về mặt tổ chức, thống nhất Phật giáo VN tức là Phật giáo VN chỉ có một tổ chức có tư cách pháp nhân ở trong nước và quan hệ với quốc tế. Tổ chức Phật giáo đó có hệ thống thông suốt từ Trung ương đến địa phương cơ sở. Tất cả chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo duy nhất của Trung ương. Các hệ phái được quyền giữ phương tiện tu hành riêng, nhưng phải nằm trong và chịu sự lãnh chung của một tổ chức.

. Về mặt xã hội, thống nhất Phật giáo VN tức là mọi hoạt động xã hội đều phải tuân theo sự lãnh đạo của Trung ương Giáo hội, độc lập và phù hợp với Giáo lý Đức Phật.

. Về nhân-sự , thống nhất Phật giáo VN tức là các vị cao tăng đức độ được tăng ni phật tử cả nước tín nhiệm, cung thỉnh và suy cử, chứ không phải sự thỏa thuận hoặc áp đặt theo yêu cầu chính trị.

Nói chung thống nhất Phật giáo VN là tăng cường sự thanh khiết và sức mạnh của Phật giáo VN chứ không phải là làm bài toán cộng.

Tôi thưa với thượng tọa:

– Những điểm thầy nêu ra, cá nhân tôi đồng tình. Tôi cố gắng với sức mình để đạt được những ý nghĩ tốt đẹp. Còn thực tế thường nhiều khê không như ý mình muốn, không như lý

tương mình tôn thờ. Thầy là người lịch duyệt hẳn dễ thông cảm.

Cuộc gặp gỡ kéo dài gần hai tiếng đồng hồ. Tôi ra về trước, thượng tọa Trí Quang còn ở lại với Ôn Già Lam. Tôi vẫn miên man suy nghĩ, xe ô-tô dừng lại nơi nhà tôi lúc nào tôi không hay biết.

Ngày 01.11.1981 tất cả đại biểu tề tựu đông đủ tại Hà-nội. Đại biểu miền Bắc ở chùa Bà-Đá, đại biểu miền Nam ở chùa Quán-Sứ và nhà khách chính phủ. Anh Ba Cầu và tôi ở tại 34 Ngô-Quyên gần hồ Hoàn-Kiểm. Không khí đại biểu về dự Đại hội hớn hở vui vẻ. Nhưng tại sao nét mặt ông Đặng-Thành-Chơn, anh Nguyễn-Quang-Huy và anh ba Cầu đượm vẻ tư lự u buồn, và tìm cách gặp nhau riêng, tránh không cho tôi dự. Tôi đoán hình như có điều cơ mật gì đây, nhưng không tiện hỏi. Tối ngày 03.11.1981, anh Ba Cầu, anh Huy gặp tôi trong phòng ngủ của anh Ba Cầu. Hai anh vui vẻ thuật lại cho tôi biết việc trực trặc vừa mới đây.

Ngày 30.10.1981 tổng Bí-thư Lê-Duẩn, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Trường-Chinh, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm-Văn-Đông, Chủ tịch Quốc hội Nguyễn-Hữu-Thọ, các vị đứng đầu Viện Kiểm sát tối cao, Tòa án Nhân dân tối cao, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt-Nam, ban Dân vận Trung ương và các đoàn thể Trung ương, cũng như cụ Xuân-Thủy cùng một lúc nhận một lá thư tố cáo. Bi thư đề tên người gởi là Trương-Minh-Hoàng, địa chỉ đường 3 tháng 2 quận 10 tp Hồ-Chí-Minh. Thư dày hơn 20 trang đánh máy, ký tên những đại diện Phật giáo Việt-Nam hơn 30 người gồm tăng ni phật tử (*không biết tên thật hay tên giả*). Nội dung tố cáo ông Mười Anh, một người hữu khuynh, trù dập những cán bộ đảng viên có năng lực như ông Tăng-Quang-Tuyền, Trần-Văn-Phú, các vị chân tu theo kháng chiến như hòa thượng Minh Nguyệt, Thiện Hào, thượng tọa Hiền Pháp, tìm mọi cách đưa những tay chân CIA

vào nắm các vị trí chủ chốt của Phật giáo như Trí Thủ, Minh Châu, Từ Hạnh... Những người này yêu cầu xử lý đích đáng Mười Anh, gạt Trí Thủ, Minh Châu, Từ Hạnh và những cốt cán khác của Phật giáo Ấn Quang ra khỏi sinh hoạt Phật giáo thì việc thống nhất Phật giáo VN mới có ý nghĩa và thành công tốt đẹp.

Các nơi nhận thư đều điện về Văn phòng ban Bí thư Trung ương Đảng xin ý kiến giải quyết. Ban Bí thư Trung ương Đảng giao cho các đồng chí lãnh đạo kháng chiến miền Nam quyết định. May mắn ban Chấp hành Trung ương Đảng đang họp, có đủ mặt những người có thẩm quyền, như ông Nguyễn-Văn-Linh (Mười Ut), nguyên Bí-thư Trung ương cục miền Nam, ông Võ-Văn-Kiệt (Sáu Dân), nguyên Bí thư khu ủy khu Sài Gòn – Gia-Định, ông Trần-Quốc-Hương (Mười Hương), nguyên phó bí thư khu ủy khu Sài Gòn – Gia-Định, phụ trách mạng lưới tình báo miền Nam, ông Mai-Chí-Thọ (Năm Xuân) nguyên phó bí thư Thành ủy Sài Gòn – Gia-Định phụ trách Công an Nam bộ. Các ông hiện nay đều là ủy viên Bộ chính trị, ủy viên Trung ương Đảng, giữ những vị trí quan trọng trong bộ máy Trung ương và tp Hồ-Chí-Minh. Các ông đọc lá thư tố cáo xong đều phát biểu thống nhất: *“Nội dung không đúng sự thật, anh Mười Anh không có vấn đề gì, chúng tôi biết anh ấy từ lâu và rất rõ.”*

Ban bí thư điện trả lời cho các nơi, mọi người thở phào nhẹ nhõm và Đại hội thống nhất Phật giáo VN ngày mai (4.11.1981) tiến hành.

Anh Huy hỏi tôi:

– Nội bộ ban Dân vận Thành phố và BLLPGYN có gì mâu thuẫn không anh Mười ?

Tôi cười chua chát:

– Có, có những chuyện không bằng lòng nhau, nhưng tôi biết chắc các anh Tăng-Quang-Tuyền, Trần-Văn-Phú và hòa thượng Minh Nguyệt không bao giờ làm điều này. Các đồng chí ấy có thể không thích tôi. Nếu cần các đồng chí ấy nói trực diện với tôi, chứ không làm kiêu đó. Bao nhiêu năm làm việc chung, tôi hiểu nhân cách mỗi người. Việc này dù không ảnh hưởng đến Đại hội thống nhất Phật giáo VN, nhưng tôi cảm thấy buồn.

Tôi bước ra khỏi phòng, đi thẳng đến hồ Hoàn-Kiểm, dạo quanh hồ một vòng, ra đứng trên cầu Thê-Húc nhìn về phía Tháp Rùa. Tôi mơ màng thấy thuyền rồng vua Lê đang lướt trên mặt hồ. Thuyền đi nhanh về phía tôi. Tôi cố nhìn vua quan trên thuyền rồng thì lạ thật, toàn là nhà sư. Tám vị Sư y áo vàng rực rỡ chỉnh tề đứng hai bên thuyền rồng, mỗi bên bốn vị. Ở giữa một vị Cao Tăng đầu đội mũ Tỳ lư, tay cầm thiền杖, nhìn tôi chăm chăm, đôi mắt hiền từ nhân hậu. Thuyền rồng lướt gần sát bên cầu tôi đang đứng thì, lạ lùng thay vị Cao Tăng đó là hòa thượng Thích Trí-Độ. Ngài cất tiếng đôn hậu:

– Anh Mười, tôi biết tâm lòng anh. Anh gắng giúp quý thầy trong Nam giữ Đạo được yên lành.

Tôi rùng mình, mở mắt nhìn bóng đêm, đèn điện lóm đóm quanh hồ. Tôi mơ ư ? Tôi đang đứng trơ trọi một mình trên cầu Thê-Húc vắng teo và đèn Ngọc-Son im lặng. Mặt hồ vẫn xanh màu lá cây, yên tĩnh như nước trong thau, không có chút gì gợn động.

Tôi nhớ ra câu nói đó của hòa thượng là lúc tôi đến viếng hòa thượng tại chùa Quán-Sứ. Khi đó hòa thượng Trí Độ và tôi đang đi từ từ dưới hiên nhà Tổ. Hòa thượng nói xong nhìn tôi. Tôi chấp tay đánh lễ và hứa cố gắng với sức mình. Bảy hôm sau hòa thượng tịch trong lúc đang nằm trên ghế xích đu xem

truyền hình, không hề đau ốm gì cả. Phải chăng đó là câu DI-HUẤN của hòa thượng ?

Một luồng gió thoáng qua. Tôi ớn lạnh. Dư âm câu nói của vị thiền sư như còn phẫn phất đâu đây !

*Nhạn lướt mặt hồ không để bóng
Gió luồn khóm trúc chẳng lưu vang.*

Đại hội thống nhất Phật giáo VN thành công rực rỡ. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm-Văn-ĐỒNG tiếp toàn thể đại biểu tại phủ Chủ tịch đầm ấm và cảm động.

Hầu hết trên 140 đại biểu miền Nam ở chùa Quán-Sứ và nhà khách chính phủ mở liên hoan thâu đêm, và mỗi vị mua từ 2 đến 10 thước pháo Hà-nội mang về Nam đốt mừng Giáo Hội Phật Giáo VN. Đến sân bay Tân-Sơn-nhút mới tóa hỏa, chuyên bay dành riêng chở đại biểu Phật giáo chở đầy chất dễ cháy, dễ nổ !

Nhưng các nhà sư cười : “Không sao, Phật độ mà”

* * *

Niềm riêng

Về phía Đảng và Nhà nước, ban Bí thư khen sự chỉ đạo nhạy bén, sát thực tế của Thường vụ Thành ủy tp Hồ-Chí-Minh, mặc dầu suốt thời gian sóng gió Thường vụ Thành ủy im hơi lặng tiếng. Ban Tôn giáo mỗi người lên một bậc lương, riêng anh Nguyễn Quang Huy lên hai bậc, lên Vụ trưởng vụ Tôn giáo ban Dân vận Trung ương, rồi Trưởng ban Tôn giáo chính phủ.

Thường vụ Thành ủy đánh giá việc thống nhất Phật giáo VN là một thành công kỳ diệu. Nhưng tôi vẫn thấy bình thản, và lác

đặc nghe phản ảnh tình hình từ các nơi về kết quả Đại hội Phật giáo không đúng đắn lắm, nên tìm cách lui dần...

Ngày 2 tháng 3 năm Giáp Tý (tức ngày 2-4-1984) Ôn Già Lam viên-tịch. Khi cầm cành hoa huệ trắng bỏ xuống phần mộ Ôn, tôi thảm nguyện : *“Từ nay, con xếp bàn cờ tướng Ôn tặng, không chơi cờ nữa.”*

Mới đây, tối 26-4-1994, vợ chồng anh Nguyễn-Ngọc-Sang (Bảy Việt) trưởng ban Tôn giáo tp Hồ-Chí-Minh đến thăm tôi tại nhà riêng số 7D Phùng-Khắc-Khoan quận 1. Anh Bảy nói anh Sáu Đông, phó ban Thường trực ban Dân vận Thành ủy cho biết tôi có nhiều tài liệu tôn giáo, nên mong tôi cho mượn và trao đổi kinh nghiệm tôi đã trải qua.

Tôi thưa rõ. Năm 1984, số tài liệu tôn giáo tôi đã bàn giao cho ông Châu-Quốc-Tuấn và Đỗ-Quốc-Dân hết rồi. Số tài liệu riêng của tôi, phần trường Nguyễn-Ái-Quốc mượn không trả, phần bị công an xét nhà lấy hồi năm 1990.

Còn kinh nghiệm ư ? Chiều ngày 28-5-1993 anh Nguyễn-Chính, phó ban Tôn giáo chính phủ là bạn tôi, cùng tôi ngồi bên hồ Tây Hà-nội tâm sự. Anh Nguyễn-Chính cũng hỏi về vấn đề tôn giáo, đặc biệt là vấn đề thống nhất Phật giáo, đây dựa đến vụ rắc rối ở Huế ngày nay. Tôi không nói một lời nào. Đối với anh Bảy Việt cũng là bạn tôi, tôi cũng không nói gì hơn, Điều mà tôi muốn nói với hai anh là:

– Nếu làm giám đốc một công ty, sai, bị lỗ đôi ba tỷ đồng, gây đau khổ đấy, nhưng anh có thể làm giỏi kiếm tiền bù lại. Còn lãnh vực này, sai, ít nhất gây buồn phiền đau khổ cho biết bao nhiêu triệu con người, lớn hơn là làm cho nhiều người bị tù đầy chết chóc. Điều đó không lấy gì và làm sao bù đắp được. Tốt nhất các anh hãy suy nghĩ thật chín chắn, phác họa một đề án chiến lược hợp lòng dân trên nguyên tắc CÁI GÌ CỦA CÉSAR

HÃY TRẢ LẠI CHO CÉSAR, trình ban Bí thư. Thuận thì làm, không thì từ nhiệm về vườn hoặc xin chuyển sang công tác khác.

Các anh nhớ đừng làm gì để họa cho Dân tộc, gây đau khổ cho đồng bào các tôn giáo. Nghiệp báo đời đời.

Phật Đản 2538, ngày 15-4 Giáp Tuất
(ngày 25-5-1994)

Đỗ-Trung-Hiếu

Tài liệu tham khảo:

- Đỗ Trung Hiếu Blog: aonau.wordpress.com
- *Thống nhất Phật Giáo* Web: ahvinhnghiem.org

Tiết hai: Tạp chí Lang Biang và nhóm Thân hữu Đà Lạt

Sau năm 1975, Bùi Minh Quốc ở Đà Nẵng, làm Phó Chủ tịch hội Văn Nghệ tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng, Tổng biên tập *Tạp chí Đất Quảng*.

Mùa thu năm 1985, ông vào thăm Đà Lạt, được đưa lên gặp Bí thư Tỉnh ủy Lâm Đồng, và được ông này đề nghị về giúp lập Hội Văn Nghệ Lâm Đồng - Đà Lạt. Trong kỳ đại hội thành lập hội Văn Nghệ, ông được bầu vào chức vụ Chủ tịch.

Tại Đà Lạt, ông cùng đồng nghiệp thành lập tờ báo Lang Biang, lấy tên theo một câu chuyện thần thoại của vùng này.

Những người cộng tác với Tạp chí Lang Biang có Tiêu Dao Bảo Cự, Hà Sĩ Phu, Mai Thái Lĩnh... Về sau bốn người này, thành lập Nhóm thân hữu Đà Lạt.

Tờ báo này, phải ngưng xuất bản chỉ sau 03 số báo. Nguyên nhân theo lời Bùi Minh Quốc là do họ đã "đăng tải những bài viết mà các vị lãnh đạo địa phương cũng như vĩ mô không hài lòng".

Ngày 4-11-1988, cùng với nhà thơ Bùi Minh Quốc (Chủ tịch Hội Văn Nghệ Lâm Đồng - Đà Lạt và Tổng biên tập tạp chí Lang Biang), Tiêu Dao Bảo Cự đã tổ chức một chuyến đi xuyên Việt để vận động văn nghệ sĩ, trí thức đòi hỏi tự do sáng tác, tự do báo chí, dân chủ và đổi mới thực sự. Chuyến đi này có nhà thơ Hữu Loan cùng đi. Họ đã đi trong 1 tháng 14 ngày.

Tại các tỉnh Miền Trung và Tây Nguyên, thông qua các Hội Văn nghệ địa phương, đoàn đã gặp gỡ văn nghệ sĩ, trí thức và công chúng để trao đổi quan điểm, vận động ký các kiến nghị và tuyên bố, trong đó có một tuyên bố với 128 người ký đòi

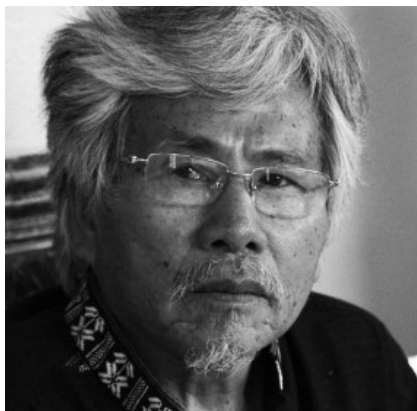
Cách chức những người có trách nhiệm trực tiếp ở các cơ quan Đảng và Nhà nước ở Trung ương, đặc biệt là ở Ban Tuyên huấn Trung ương, Bộ Thông tin, Ban tổ chức chính phủ đã làm trái với nghị quyết của Đảng, thay thế những người không tích cực trong việc thể chế hoá nghị quyết của Đảng...

Chuyến đi này gây tiếng vang lớn và chấn động cả Ban Bí Thư Trung Ương Đảng, sau này được đánh giá như một “cuộc biểu tình chạy của văn nghệ sĩ, trí thức tập dượt chống chế độ”. Đến Huế, theo chỉ đạo của Ban Bí Thư, Tỉnh Ủy Lâm Đồng điện gọi Bùi Minh Quốc và Tiêu Dao Bảo Cự quay về để kiểm điểm nhưng Bùi Minh Quốc và Tiêu Dao Bảo Cự không chấp hành, tiếp tục đi ra Hà Nội, vào tận Ban Bí Thư và một số Ban, Bộ ở Trung Ương để đấu tranh và giao các kiến nghị, tuyên bố của các văn nghệ sĩ, trí thức và công chúng.

Sau chuyến đi này, Bùi Minh Quốc và Tiêu Dao Bảo Cự bị kiểm điểm trong Hội và trong Đảng kéo dài cả năm trời, cuối cùng cả hai đều bị cách chức và khai trừ ra khỏi Đảng.



1) Bùi Minh Quốc



Bùi Minh Quốc (1940-20)

Bùi Minh Quốc sinh ngày 3 tháng 10 năm 1940, tại Mỹ Đức, Hà Tây, 11 tuổi ông theo gia đình lên sống tại Hà Nội.

Sau khi học đại học, năm 1963 ông về làm công tác cho Đài Tiếng nói Việt Nam.

Ông quen và yêu nhà văn – nhà báo Dương Thị Xuân Quý từ năm 1961, và làm đám cưới năm 1966. Năm 1967, Bùi Minh Quốc xung phong vào chiến trường miền Nam, công tác tại Ban Văn nghệ Khu V, nổi tiếng với tập thơ *Mảnh đất nuôi ta thành dũng sĩ*, với bút danh Dương Hương Ly đặt theo tên con gái đầu lòng. Năm 1968, bà Xuân Quý cũng lên đường vào chiến trường miền Nam. Hai vợ chồng cùng công tác tại một tờ báo tuyên truyền được đặt trên núi, họ gom góp lại một số bài thơ và truyện ngắn của mình đã được đăng rải rác trên các báo hay các tuyển tập, đem in thành một tuyển tập riêng của hai người, và đặt tên là *Chỗ đứng* (NXB Hội Nhà Văn, 1968). Ngày 8 tháng 3 năm 1969, Dương Thị Xuân Quý hy sinh trên đường đi công tác xuống Quảng Đà, trong một trận càn ở Duy

Xuyên, khi tuổi đời mới vừa 28. Năm 2006, 37 năm sau ngày bà hy sinh, ông mới tìm được mộ vợ mình.

Sau năm 1975, Bùi Minh Quốc ở Đà Nẵng, làm Phó Chủ tịch Hội Văn nghệ tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng, Tổng biên tập Tạp chí *Đất Quảng*.

Mùa thu năm 1985 Bùi Minh Quốc vào thăm Đà Lạt, được đưa lên gặp Bí thư Tỉnh ủy Lâm Đồng, và được ông này đề nghị về giúp lập Hội Văn nghệ Lâm Đồng. Trong kỳ đại hội thành lập Hội, ông được bầu vào chức vụ Chủ tịch.

Tại Đà Lạt, ông cùng đồng nghiệp thành lập tờ báo *Lang Biang*. Tờ báo này bị đóng cửa, chỉ sau ba số báo.

Năm 1988 Bùi Minh Quốc cùng với nhà văn Tiêu Dao Bảo Cự, nhà thơ Hữu Loan và một số văn nghệ sĩ khác hình thành Đoàn Lang Biang thực hiện một chuyến đi từ Nam ra Bắc vận động các văn nghệ sĩ ủng hộ kiến nghị đòi tự do báo chí và xuất bản, yêu cầu thực hiện dân chủ và đổi mới và đòi cách chức một số quan văn nghệ, gây được tiếng vang lớn trong toàn quốc. Sau chuyến đi này, Bùi Minh Quốc và Tiêu Dao Bảo Cự bị lãnh đạo tỉnh Lâm Đồng kiểm điểm và khai trừ khỏi đảng Cộng sản Việt Nam, còn nhà thơ Hữu Loan bị quản thúc trên đất Bắc.

Năm 2007, khi Trung Quốc lập thành phố Tam Sa nhằm trực tiếp quản lý các quần đảo trên biển Đông, trong đó có Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam, Bùi Minh Quốc và một số trí thức văn nghệ sĩ Việt Nam đã lên tiếng phản đối. Với tư cách là hội viên, ông đã gửi một lá thư ngỏ cho Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam cùng toàn thể các đồng nghiệp trong Hội, mong muốn Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam sớm có tuyên bố chính thức về vụ việc này, đồng thời cho xuất bản ngay cuốn sách về Hoàng Sa, Trường Sa đã được soạn thảo, để người dân trong nước có thể nắm vững thông tin. Lá thư này

cũng được gửi cho báo chí trong nước, nhưng đến nay không có báo nào đăng.

Bùi Minh Quốc là một nhà thơ, nhà báo, hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Ông làm thơ rất nhiều. Những bài thơ do ông sáng tác thời chiến tranh đã là một dấu ấn rất lớn cho một thời kỳ quê hương máu lửa. Bùi Minh Quốc sống và viết, lúc nào cũng hùng hực ngọn lửa nhiệt thành. Thơ ông thường viết về người mẹ già Việt Nam nhiều năm cuộc đất đào hầm nuôi giấu cán bộ, như các bài *Đất quê ta mệnh mông*, *Mẹ ngăn ngor đi*, *Mẹ đi chọn mặt gửi vàng*, *Không, mẹ ơi*, *Một thoáng phố phường*. Sau năm 1975, Bùi Minh Quốc có nhiều bài thơ mang tư tưởng phê phán, điển hình như bài *Cay đắng thay*, được tướng Trần Độ trích dẫn trong tác phẩm *Nhật kí rừng rần*. Tập thơ gần đây nhất của ông mang tên *Thơ vụn hiện trong phòng thám vấn*, gồm những bài thơ được sáng tác trong hai năm 1995 và 1997. Tập thơ thể hiện sự uất ức trước những o ép, trấn áp của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với bản thân ông và những tiếng nói dân chủ khác tại Việt Nam, đồng thời phản ánh tình trạng tụt hậu của đất nước và nói lên khát vọng tự do.

Tài liệu:

25 năm, hành trình giấc mơ Việt

Món quà xuân 2014 dành tặng vợ Hiền Thục và con trai Minh Quân, hai bạn Bảo Cự – Bạch Yến, các bạn trong Hội Văn Nghệ Lâm Đồng, tạp chí Lang Bian thời khởi dựng, cùng toàn thể bạn đọc gần xa của tôi

“Đoàn văn nghệ Langbian xuất phát xuống núi lúc 8 giờ sáng ngày 4.11.1988 : Bùi Minh Quốc, Tiêu Dao Bảo Cự, Hoàng Như Thủy An, Lưu Hữu Nhi Dũ, chiến sĩ lái xe Bùi Thanh Thảo và con chiến mã Lada 49A-3842. Phải nhắc ngay đến Bùi Thanh Thảo và con chiến mã Lada, vì nếu không có những

người bạn đường trung thành và tận tụy này thì chúng tôi không thể nào làm được cuộc hành trình gần 6.000 cây số từ Nam ra Bắc (và trở về) với thời gian đúng một tháng mười bốn ngày, không phải chỉ đi ban ngày mà cả ban đêm, không chỉ giờ hành chính mà cả đến 11, 12 giờ khuya, không chỉ trên đường lớn mà cả trong những ngõ nhỏ đến với bạn bè văn nghệ khắp dọc đường đất nước”.

Đây là đoạn mở đầu cuốn HÀNH TRÌNH CUỐI ĐÔNG* của bạn tôi Tiêu Dao Bảo Cự, ở phần 1, có dòng ghi chú đặt trong ngoặc đơn bên dưới tên sách: Bút ký về một chuyến đi có thật. Giờ đây, trong đêm đông Đà Lạt sau 25 năm, tôi ngồi đọc lại, không thể không tủm tỉm cười một mình. Bút ký thì đương nhiên phải ghi thật rồi, những việc thật, những người thật, những thời gian và địa điểm thật. Ấy thế mà ông bạn tôi, với quá nửa đời cầm bút, vẫn phải thêm hai chữ “có thật”. Phải chăng Bảo Cự e ngại bạn đọc sẽ khó mà tin nổi có một việc như vậy đã xảy ra, dù ngay giữa hành trình, chúng tôi đã nghe bậc trưởng thượng yêu kính của mình, lão thi sĩ Hữu Loan, mấy lần thích thú nhắc đi nhắc lại: “Này, các cậu nghĩ mà xem, văn nghệ sĩ trong phe xã hội chủ nghĩa, một cuộc như thế này của chúng mình là chưa hề có đấy !”.

Là dân làm thơ rất lười ghi chép, giờ đây một lần nữa tôi phải cảm ơn Bảo Cự. *Hành trình cuối Đông* - Bút ký về một chuyến đi có thật giúp tôi nhớ lại nhiều chi tiết mà tôi đã quên. Chẳng hạn giờ đây tôi thấy hiện ra cái buổi sáng 4.11.1988 của 25 năm trước ấy, Hiền Thục vợ tôi bỗng thặng cu Boong (Minh Quân) mới gần 5 tháng tuổi đứng giữa sân cơ quan nhìn theo chúng tôi bước lên xe bắt đầu chuyến đi mà sau này nhiều đồng nghiệp gọi là “chuyến đi xuyên Việt”. Trong chuyến đi ấy, chúng tôi đã thực hiện 15 buổi gặp gỡ của Đoàn Văn Nghệ Lâm Đồng với văn nghệ sĩ và công chúng ở bảy tỉnh, chủ động thảo ra và bàn bạc rồi ký chung với lãnh đạo văn nghệ của ba tỉnh Phú Khánh, Quảng Nam – Đà Nẵng, Bình Trị Thiên các

kiến nghị gửi Trung ương yêu cầu sớm thể chế hoá nghị quyết 05 của Bộ chính trị – một nghị quyết làm nức lòng văn nghệ sĩ cả nước bởi tinh thần giải phóng sức sản xuất xã hội trên lãnh vực văn hoá văn nghệ. Đặc biệt, tại Nha Trang, chúng tôi đã chủ động đề xuất, viết dự thảo, bàn bạc thống nhất thông qua nội dung với các anh Đào Xuân Quý, Cao Duy Thảo cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Hội văn nghệ Phú Khánh ra một bản TUYÊN BỐ và tổ chức lấy chữ ký tập thể. Đó là bản “Tuyên bố của những người hoạt động, yêu thích văn nghệ và hưởng ứng đổi mới về một số vấn đề thời sự văn nghệ và chính trị hiện nay” (mấy chữ “hưởng ứng đổi mới” là gợi ý trước đó của anh Hồ Nghinh – nguyên bí thư đặc khu ủy Quảng Đà thời chiến tranh (đã qua đời năm 2007), trong một cuộc trò chuyện riêng giữa tôi với anh; xin nêu rõ chi tiết này để tưởng nhớ và ghi ơn anh, một bậc thầy về chỉ đạo đấu tranh chính trị. “Kiến nghị” và “Tuyên bố” có những điểm vẫn luôn là thời sự ngày càng gay gắt trong suốt 25 năm qua cho đến tận giờ :

-... “Cách chức những người có trách nhiệm trực tiếp ở các cơ quan Đảng và Nhà nước ở Trung ương, đặc biệt là ở Ban Tuyên huấn Trung ương, Bộ Thông tin, Ban tổ chức chính phủ đã làm trái với nghị quyết của Đảng, thay thế những người không tích cực trong việc thể chế hoá nghị quyết của Đảng...”

- “Vụ tuần báo Văn Nghệ là một điểm nóng trong cuộc xung đột giữa xu thế đổi mới với bảo thủ trên lãnh vực văn nghệ nói riêng và trên toàn xã hội nói chung. Chúng tôi ủng hộ sự đổi mới trên tuần báo Văn Nghệ thời gian vừa qua và phản đối nghị quyết của Ban chấp hành Hội nhà văn cho rằng tuần báo Văn Nghệ có những lệch lạc nghiêm trọng”

- “...một tình trạng nguy hiểm cho đất nước, cản trở sự phát triển, tạo ra một sự đổi mới nửa vời, lời nói không đi đôi với việc làm, làm cho người ta nghĩ rằng Trung ương không quyết tâm đổi mới”. “Nguyên nhân của tình hình này là vấn đề tổ

chức cán bộ. Những kẻ bảo thủ không thể thực hiện được đổi mới dù ngoài miệng nói đổi mới. Chỉ có thực sự đổi mới về tổ chức mới thực sự củng cố khối đoàn kết để thực hiện đổi mới. Đề nghị các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước thực sự thay đổi về tổ chức, cách chức hoặc thay thế ngay những người phụ trách các cơ quan của Trung ương trong ngành văn hoá văn nghệ cũng như các ngành khác đã tỏ ra chống đổi mới, thiếu tích cực hoặc thiếu năng lực để thực hiện đổi mới”

Từ Nha Trang ra đến Hà Nội, chúng tôi lấy được 128 chữ ký vào “Tuyên bố” (lúc đầu chỉ công bố 118 do chưa kịp tổng hợp đầy đủ). Ngay khi sắp rời gót khỏi Huế thì nhận được điện của tỉnh ủy Lâm Đồng yêu cầu quay về, nhưng chúng tôi vẫn quyết định đi tiếp. Tới Hà Nội, việc đầu tiên của tôi là đến bưu điện thủ đô bên Hồ Gươm gửi điện khẩn về cho phó bí thư thường trực tỉnh ủy Nguyễn Duy Anh báo cáo vắn tắt và khẳng định : “...chúng tôi đang chờ gặp Ban bí thư, xong việc sẽ về ngay, các anh yên tâm, mọi việc chúng tôi làm đều đúng điều lệ Đảng, đúng Hiến pháp”. Những ngày ở Hà Nội đầy sôi nổi, hào hứng xen lẫn lo lắng qua các cuộc tiếp xúc với các cán bộ lãnh đạo cao cấp Đào Duy Tùng (ủy viên Bộ chính trị phụ trách văn hoá tư tưởng), Trần Độ, Nguyễn Văn Hạnh (trưởng, phó ban Văn hoá văn nghệ trung ương), Nguyễn Hữu Thọ (chủ tịch Đoàn chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam), Phan Hiền (thứ trưởng bộ thông tin). Đúng vào buổi sáng rời Hà Nội ảm đạm và rét căm căm thì báo Nhân dân có bài của trưởng Ban tuyên huấn trung ương Trần Trọng Tân kết “tội” chúng tôi với mấy chữ : “...hoạt động bè phái của một số người trong Hội Văn Nghệ Lâm Đồng”. Ngồi trên xe, mở báo đọc xong, tôi và Bảo Cự cùng bàn việc ứng phó với cơn giông bão sắp kéo tới. Sau này, Nguyễn Trung Thu bạn tôi (tác giả bài thơ “Đêm Trường Sơn nhớ Bác” nổi tiếng qua giai điệu của nhạc sĩ Trần Chung) chuyên viên cao cấp ở Ban tuyên huấn trung ương kể với tôi : bộ trưởng bộ công an Mai Chí Thọ định cho bắt chúng tôi ở Thanh Hoá, nhưng sau lại đổi ý. Thông tin

này khớp với điều mà Hiền Thục thốt lên ngay khi tôi về đến nhà : ôi trời, thế mà người ta nói anh và anh Cự bị bắt rồi, làm em lo thất cả ruột !

Thường vụ tỉnh ủy ra chỉ thị (theo lệnh của Ban bí thư) yêu cầu tôi và Bảo Cự viết kiểm điểm. Như đã bàn trước từ hôm rời Hà Nội, chúng tôi “kiểm điểm” bằng một bản báo cáo cả hai cùng ký chung ngày 24 tháng 12.1988 về chuyên công tác. Xin dẫn trích đoạn kết của báo cáo:

“Chúng tôi yêu cầu được công bố toàn bộ văn bản này trên báo Đảng và các báo khác để đồng chí Trần Trọng Tân chính thức viết bài nhận xét và chúng tôi sẽ cùng đồng chí đối thoại trên báo”

“Chúng tôi đòi được đặt toàn bộ việc làm trong chuyến đi vừa qua của mình trước sự xem xét của công luận, với niềm tin sâu sắc rằng mình đã hành động đúng tinh thần nghị quyết Đại Hội Đảng lần thứ VI, đúng Hiến Pháp nước CHXHXN Việt Nam, với tấm lòng và lương tri của một người Cộng sản, một công dân lương thiện bình thường, và sẽ được ghi nhận như một dấu hiệu tích cực góp vào quá trình dân chủ hoá xã hội đang diễn ra không đơn giản”.

Chúng tôi họp hội nghị Ban chấp hành Hội Văn Nghệ Lâm Đồng. Nghe kỹ và thảo luận kỹ báo cáo, hội nghị biểu quyết 100% nhất trí đánh giá những việc làm trong chuyến công tác của chúng tôi là “bình thường, bổ ích, phù hợp với quá trình dân chủ hoá”. Chúng tôi gửi báo cáo lên tỉnh ủy kèm biên bản nghị quyết hội nghị Ban chấp hành Hội. Trong khi lãnh đạo tỉnh nghiên cứu báo cáo, chúng tôi tổ chức họp mặt hội viên, cộng tác viên tạp chí Lang Bian trình bày báo cáo và nghị quyết của Ban chấp hành Hội về chuyên đi đã gửi tỉnh ủy. Tuyệt đại đa số anh chị em đều nhất trí với đánh giá của Ban chấp hành Hội.

Nghe tin tỉnh ủy dự tính sẽ khai trừ cách chức tôi và Bảo Cự, trí thức văn nghệ sĩ trong và ngoài Đảng ở Đà Lạt và các nơi đều gửi thư, kiến nghị bày tỏ ý kiến can ngăn đến lãnh đạo tỉnh Lâm Đồng và Trung ương. Các anh chị Hà Sĩ Phu, Mai Thái Lĩnh, Đặng Việt Nga cùng 12 anh chị cán bộ đảng viên khác đã ký kiến nghị và cử đại diện đem trao trực tiếp cho phó bí thư thường trực tỉnh ủy.

Mọi người đều thấy : rõ ràng lẽ phải thuộc về chúng tôi - Bùi Minh Quốc, Bảo Cự.

Nhưng bí thư tỉnh ủy Nguyễn Xuân Du (Tám Cảnh) vẫn ký quyết định khai trừ, cách chức tôi và Bảo Cự. Nội dung cốt lõi để kết “tội” ghi trong quyết định kỷ luật là “hoạt động bè phái”. Tôi và Cự bảo nhau : án kỷ luật đã được định trước từ bài báo của Trần Trọng Tân, mà gốc là từ Ban bí thư.

Ở Hội nhà văn Việt Nam, liên tục tại Đại hội lần thứ 4 họp tháng 10.1989 và Đại hội lần thứ 5 họp tháng 3.1995, vấn đề Bùi Minh Quốc, Bảo Cự và Hội Văn Nghệ Lâm Đồng luôn làm nóng diễn đàn với hàng loạt phát biểu của các văn nghệ sĩ tiêu biểu ủng hộ bên vực bảo vệ chúng tôi, bảo vệ lẽ phải. Hai tràng vỗ tay vang dội nhất, dài nhất của đại hội là dành cho phát biểu của trưởng Ban văn hoá văn nghệ trung ương Trần Độ (do phó ban Nguyễn Văn Hạnh đọc thay) và nhà văn Trần Thùy Mai. Trong bài diễn ca tường thuật Đại hội 4, nhà thơ Nguyễn Duy có câu “Thùy Mai nước mắt lưng tròng/Cống Bùi Minh Quốc thoát vòng hiểm nguy”. Quả thật, giọng chị Mai có lúc nghẹn lại như muốn khóc. Cái hình ảnh nhỏ nhắn mảnh mai với giọng Huế ngọt ngào của Trần Thùy Mai trên diễn đàn giữa hội trường Ba Đình đã hiện thành một biểu tượng sáng đẹp mãi mãi của tình đồng nghiệp cầm bút chiến đấu cho lẽ phải. Tại Đại hội lần thứ 5, nhà văn Xuân Cang trưởng Ban kiểm tra Hội nhà văn Việt Nam công bố bản báo cáo của Ban khẳng định “những hoạt động của hai nhà văn Bùi Minh Quốc, Bảo Cự

trong chuyến đi tháng 11 – 12/1988 là bình thường, bổ ích, phù hợp với quá trình dân chủ hoá, không có biểu hiện bè phái”. Đây là điều đặc biệt tôi chưa thấy có tiền lệ : tiếng nói bên vực chúng tôi được cất lên không phải chỉ từ những cá nhân mà từ một tổ chức - Ban kiểm tra Hội nhà văn Việt Nam Có lẽ vì vậy mà cũng trong khuôn khổ Đại hội lần thứ 5 Hội nhà văn Việt Nam, Tổng bí thư Đỗ Mười mời gặp tôi. Cuộc gặp diễn ra gần 2 tiếng đồng hồ vào buổi tối ngày 17.03.1995 tại trụ sở Ban bí thư số 4 Nguyễn Cảnh Chân. Tổng bí thư và hai ủy viên Bộ chính trị Đào Duy Tùng, Nguyễn Đức Bình cùng dự đã nghe tôi trình bày toàn bộ sự thật về chuyến đi như đã báo cáo với tinh uỷ và Ban chấp hành cùng đồng đảng hội viên Hội Văn Nghệ Lâm Đồng. Kết thúc buổi gặp, Tổng bí thư Đỗ Mười hứa với tôi : “Tôi sẽ cho Ban tổ chức trung ương và Ủy ban kiểm tra trung ương tìm hiểu nắm rõ lại vụ việc và có văn bản kết luận gửi đến anh”.

Nhưng Tổng bí thư Đỗ Mười đã không thực hiện lời hứa, không phải vì quên mà là cố ý, bởi trong vòng 2 tháng sau cuộc gặp ấy, tôi đã 2 lần gửi fax nhắc Tổng bí thư món nợ văn bản kết luận như đã hứa.

Một món nợ chính trị và văn hoá.

Món nợ Quyền Dân

Trong một số bài viết, tôi đã hơn một lần nhắc Tổng bí thư Đỗ Mười cùng các vị kế nhiệm Lê Khả Phiêu, Nông Đức Mạnh, và hôm nay qua bài viết này nhắc vị đương nhiệm Nguyễn Phú Trọng, về món nợ chính trị và văn hoá ấy. Và không chỉ với riêng chúng tôi – Bùi Minh Quốc, Bảo Cự. Mà với tất cả các đảng viên và công dân thuộc tất cả các gia đình Việt Nam đã theo Đảng lên đường chiến đấu cho Tổ Quốc và Quyền Dân từ Cách mạng Tháng Tám 1945.

Khi bị khai trừ, tôi và Bảo Cự cùng xác quyết với nhau: Họ khai trừ chúng ta ra khỏi Đảng nhưng dứt khoát không bao giờ có thể khai trừ nổi phẩm chất, bản lĩnh, khí phách người chiến sĩ cách mạng tiên phong gương mẫu gắn bó máu thịt với Nhân Dân (đã được ghi trong điều lệ Đảng) ra khỏi con người chúng ta. Một thực tế không thể chối cãi 25 năm qua cho thấy, cùng với việc khai trừ Bùi Minh Quốc, Bảo Cự thì hầu hết những người trong cơ quan lãnh đạo tối cao đã “tự diễn biến” theo chiều hướng xa rời đi đến phản bội lập trường Tổ Quốc trên hết, Quyền Dân trên hết; phản bội điều lệ Đảng, phản bội một thời hăng say trong sáng của chính bản thân, họ không ngừng tự khai trừ mình ra khỏi phẩm chất người chiến sĩ cách mạng tiên phong gương mẫu gắn bó máu thịt với Nhân Dân, và cuối cùng tự bộc lộ một cách ngang nhiên là những phần tử lấy xương máu đồng chí đồng bào dựng thành ngai ghế vua quan cách mạng, kết thành một thế lực bám ghế đê dân mà cự chủ tịch Quốc Hội Nguyễn Văn An gọi bằng cái tên rất xác đáng : “Vua tập thể”.

Tôi vừa đọc thông điệp đầu năm 2014 của thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng – một trong 5 thành viên chủ chốt của “Vua tập thể” – khẳng định hùng hồn “phải đổi mới thể chế và phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ của nhân dân”, “Đảng phải nắm ngọn cờ dân chủ”.Mấy lời này không có gì mới, nhưng hơi hướng thì mới và tạo được dấu ấn cá nhân, đặc biệt trong bối cảnh Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng liên tiếp có những phát biểu với nội dung rất đổi bảo thủ, cũ kỹ và thái độ thì phải nói thẳng là hư hỏng. (xin mở ngoặc nói cho rõ : “cũ kỹ” và “hư hỏng” là hai cặp từ trong di chúc của chủ tịch Hồ Chí Minh, tôi thấy rất khớp với trường hợp Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng mà biểu hiện điển hình là phát biểu tại Vĩnh Phúc và hành động chỉ đạo Quốc Hội biểu quyết thông qua Hiến pháp sửa đổi 2013).

Thông điệp đầu năm 2014 của thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng được công luận quan tâm đặc biệt. Phần lớn ý kiến của giới

quan sát đều hoan nghênh nhưng đầy hoài nghi và lo lắng : nói rất hay nhưng có làm không ?

Có làm không ?

Xin phép nhắc lại lời cảnh báo rất quan trọng 25 năm trước trong TUYÊN BỐ với chữ ký của 128 công dân đã nêu trên về tình trạng “đổi mới nửa vời, lời nói không đi đôi với việc làm” .Tôi hy vọng sức ép của một “thực tiễn tự tìm đường” (cụm từ của cố thượng tướng Nguyễn Nam Khánh) đã đủ chín muối để giúp thủ tướng, dù thâm tâm mưu tính vị kỷ thế nào, có đủ thức thời để xác quyết rằng nếu không bắt tay ngay vào một kế hoạch chu đáo có tính khả thi tính hiệu quả đáng tin cậy để làm cho bằng được những điều mình nói thì chỉ càng đẩy nhanh tốc độ tự sát về chính trị và văn hoá. Trong danh sách ký tên “KIẾN NGHỊ 72” góp ý sửa đổi dự thảo Hiến pháp 1992 gồm những người khởi xướng và hưởng ứng lên đến 15 ngàn chữ ký, tôi vui mừng gặp lại những tên tuổi tiêu biểu đã xuất hiện trong “Kiến nghị” và “Tuyên bố” 25 năm trước : Cao Duy Thảo, Nguyễn Trung Dân, Tô Nhuận Vỹ, Nguyễn Đắc Xuân, Thanh Thảo, Nguyễn Quang Lập, Nguyễn Trọng Tạo, Ngô Minh, Trần Thùy Mai, Trần Kỳ Trung... Mỗi tác giả ấy đều có hàng ngàn, hàng chục ngàn người đọc ngưỡng mộ và tin tưởng. Và mỗi người đọc lại có hàng chục người thân và bạn hữu cùng chia sẻ niềm tin. 15 ngàn chữ ký khởi xướng và hưởng ứng “KIẾN NGHỊ 72” góp ý sửa đổi dự thảo Hiến pháp 1992 cùng sự ra đời gần đây của các hội đoàn do công dân tự hình thành và phát triển “làm tất cả những gì mà pháp luật không cấm” chỉ là phân nổi của một khối ngày càng lớn những công dân – cử tri đang đẩy nhanh tốc độ tự xây dựng mình thành những công dân – cử tri – chiến sĩ, chủ thể chủ lực của tiến trình dân chủ hoá.

Đà Lạt đêm 31/12/2013, sáng 02/01/2014

Trích thơ:

Cay đắng thay

*Cái guồng máy nhục mạ con người
Mang bộ mặt hiền lành của người cuốc đất
Ừ lì quay
Quay
Thao thao bài đạo đức
Liệu máy ai còn ngậy ?
Cay đắng thay
Mía mai thay
Trọn tuổi xuân ta hiến dâng cuồng nhiệt
Lại đức nên chính cổ máy này.*

Thơ vụn hiện trong phòng thẩm vấn

(Tặng Vũ Thư Hiên, Hà Sĩ Phu, Tiêu Dao Bảo Cự)

*Xuân hỏn hỏn ngục đòi cỏ thắm
Đà Lạt dậy mùa hoa
Anh nghiền răng trong phòng thẩm vấn
Giữa ban ngày mà ngập đêm đen.*

*Những câu hỏi làm anh lộn mửa
– Bài thơ này anh gửi cho ai ?
– Ai gửi cho anh bài này bài nọ ?
Trái tim thơ muốn nổ chuổi cười dài! ...*

*Thật dễ quá đầu môi yêu Tổ Quốc
Đây tình yêu như máu cuộn không lời
Người quần quai người nát thây làm đất
Vẫn người đi, người tiếp mãi bên người.*

*Tổ Quốc hồi tình chi đau đớn vậy
Con yêu người, ngực tối nuốt trời xanh
Ôi Tổ Quốc vào tay qui dũ
Tiếng hát tự do uất nghẹn khắp thân mình.*

*Con đối diện những tia nhìn cú vọ
Cả một thời xung trận lại trào sôi
Đôi cánh thơ vẫy vùng trong bão tố
Tiếng hát tự do trong biển mãi dâng đời.*

Xuân Hà 97

Bùi Minh Quốc là một nhà thơ, nhà báo, hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Ông làm thơ rất nhiều. Trên Bách Khoa toàn thư mở, có nhận định về thơ Bùi Minh Quốc.

Những bài thơ Thơ của Bùi Minh Quốc thường viết về "người mẹ già" Việt Nam nhiều năm cuốc đất đào hầm nuôi giấu cán bộ, như các bài "Đất quê ta mênh mông", "Mẹ ngăn ngơ đi...", "Mẹ đi chọn mặt gửi vàng", "Không, mẹ ơi", "Một thoáng phố phường".

Sau năm 1975, Bùi Minh Quốc có nhiều bài thơ mang tư tưởng phê phán, điển hình như bài "Cay đắng thay". Bài thơ được tướng Trần Độ trích dẫn trong Nhật ký Rồng Rắn của mình.

Tài liệu tham khảo:

- Bùi Minh Quốc Web: vi.wikipedia.org
- 25 năm hành trình giấc mơ Việt Blog: boxitvn.blogspot.com

2) Tiêu Dao Bảo Cự



Tiêu Dao Bảo Cự - Nguyễn Phúc Bảo Cự (1945-20)

Tiêu Dao Bảo Cự, thuộc dòng dõi hoàng tộc, tên thật là Nguyễn Phúc Bảo Cự, sinh năm 1945 lớn lên và đi học tại Huế.

Năm 1963-1967, ông theo học Đại học Sư Phạm và Văn khoa Huế, thời gian này ông đã tích cực tham gia phong trào sinh viên chống chính quyền Việt Nam Cộng Hòa, nên bị tù nửa năm. Sau tù ông trở về học hết bậc đại học và đi làm giáo viên ở Ban Mê Thuột. Trong thời gian dạy học, ông tiếp tục làm việc với Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam và sau đó vào bưng hoạt động với cộng sản.

Ông gia nhập đảng cộng sản năm 1974 nhưng đến sau 1975, mới được kiểm tra hồ sơ và xác nhận đảng tịch; ông là cán bộ các đoàn thể và Mặt trận đến 1987-88 là ủy viên thường trực Hội văn nghệ tỉnh Lâm Đồng và phó tổng biên tập báo Langbian.

Cuối năm 1988, được Nguyễn Văn Linh cho “đổi mới” và “cởi trói văn nghệ”, Tiêu Dao Bảo Cự cùng Bùi Minh Quốc, Chủ tịch Hội văn nghệ Lâm Đồng, và nhà thơ Hữu Loan, cùng vài

người khác tổ chức một chuyến đi suốt đất nước vận động cho tự do dân chủ, đi ngược lại đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đoàn vận động dân chủ đã đi từ Nam chí Bắc, hơn 6.000 km trong một tháng rưỡi, đòi hỏi đổi mới thật sự, gây tiếng vang trong giới trí thức, văn nghệ và chấn động cả Ban Bí Thư Trung Ương Đảng, sau này được đánh giá như một “cuộc biểu tình chạy của văn nghệ sĩ, trí thức tập dượt chống chế độ”.

Đoàn đến Huế, theo chỉ đạo của Ban Bí Thư, Tỉnh Ủy Lâm Đồng điện gọi Bùi Minh Quốc và Tiêu Dao Bảo Cự quay về để kiểm điểm nhưng cả hai không chấp hành, tiếp tục đi ra Hà Nội, vào tận Ban Bí Thư và một số Ban, Bộ ở Trung Ương để đấu tranh và giao các kiến nghị, tuyên bố của các văn nghệ sĩ, trí thức và công chúng.

Sau chuyến đi này, cả hai bị kiểm điểm trong Hội và trong Đảng kéo dài cả năm trời, cuối cùng cả hai đều bị cách chức và khai trừ ra khỏi Đảng. Riêng Tiêu Dao Bảo Cự đến năm 1992 tự ý nghỉ việc, ra khỏi cơ quan nhà nước.

Từ 1993, Tiêu Dao Bảo Cự bắt đầu viết các bài phân tích tình hình đất nước và phê phán nhà cầm quyền, bài đăng trên các báo, tạp chí ở hải ngoại. Ngoài các bài chính luận Tiêu Dao Bảo Cự có hai tác phẩm xuất bản *Nửa Đời Nhìn Lại* và *Hành Trình Cuối Đông*.

Sau mấy năm bị theo dõi, bao vây, cô lập và công an gọi tới thẩm vấn triền miên, nhưng ông không thay đổi quan điểm và thái độ, nên bị 2 năm quản chế hành chính (1997-1999) theo nghị định 31/CP. Sau một thời gian im lặng, Tiêu Dao Bảo Cự cho xuất hiện tập truyện *Trên cả hận thù* (tạp chí *Văn Học* Mỹ, 2004) và từ tháng 8-2005 với hàng loạt bài trên DCV Online và Talawas.

Tác phẩm:

- *Nửa đời nhìn lại* (Thế Kỷ, 1994)
- *Mảnh trời xanh trên thung lũng* (Văn Mới - California)
- *Hành trình cuối Đông* (Văn Nghệ, 1998)
- *Tôi Bày Tổ, Nhật ký Tiêu Dao Báo Cựu 1996-1998* (2006)
- *Mảnh Trời Xanh Trên Thung Lũng* (in tại Hoa Kỳ, 2007)
- *Tiếng chim báo bão* (Tiếng Quê Hương Virginia, 2009)

Trích văn:

" Cơ hội vàng - lần thứ hai " cho dân tộc và Đảng Cộng sản Việt Nam



"...Cuộc tập hợp đã quy tụ được nhiều thành phần, từ những quá khứ chính trị khác nhau..."

Cách đây hơn 3 năm, ngày 9/12/2007, khi sinh viên Sài Gòn và Hà Nội lần đầu tổ chức cuộc biểu tình phản đối Trung Quốc xâm lược Việt Nam, tôi đã viết bài về sự kiện này với tựa đề:

“Trung Quốc xâm lược: Cơ hội vàng cho dân tộc và Đảng Cộng sản Việt Nam” (*Talawas* ngày 14/12/2007). Ý tôi muốn nói đây là cơ hội để toàn dân đoàn kết lại, chung sức chung lòng khi cùng có chung một mục đích cao quý; cũng là cơ hội cho Đảng Cộng sản Việt Nam nếu đảng đứng về phía dân tộc, dựa vào nhân dân để chống xâm lược, từ đó có thể lấy lại được niềm tin, uy tín và sự ủng hộ của nhân dân.

Tiếc thay cơ hội vàng lần thứ nhất đã bị bỏ lỡ khi Đảng Cộng sản Việt Nam và nhà nước chủ trương trấn áp biểu tình, rồi sau đó thực hiện một chính sách ngoại giao khiếm nhục đối với Trung Quốc.

Hôm nay, ngày 5/6/2011, thanh niên – sinh viên lại tổ chức biểu tình đồng loạt ở Sài Gòn và Hà Nội để phản đối Trung Quốc xâm lược. Tôi gọi đây là “cơ hội vàng – lần thứ hai”.

Như mọi người đều biết, Trung Quốc có ý đồ xâm lược Việt Nam và từng bước thực hiện từ lâu trên nhiều mặt: xâm chiếm lãnh thổ, lãnh hải và các hoạt động quân sự, kinh tế, chính trị. Nguyên cơ gài của cuộc biểu tình năm 2007 là hành vi “xâm lăng trên giấy” của Trung Quốc khi quyết định thành lập thành phố Tam Sa bao gồm cả Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam. Năm 2011 này là do vụ việc tàu hải giám Trung Quốc cắt đứt cáp thăm dò dầu khí của tàu Bình Minh 02 trong vùng lãnh hải của Việt Nam.

Cuộc biểu tình lần này có một số nét mới so với lần trước.

Việc tổ chức biểu tình được quy định rõ ngày giờ, địa điểm, gợi ý cụ thể về khẩu hiệu, thái độ, phản ứng... được tung lên mạng từ cả tuần trước và được cộng đồng mạng thông tin rộng

rãi, trao đổi bàn bạc công khai.

Việc tập hợp mau chóng, khí thế, biểu ngữ đa dạng bằng ba thứ tiếng Việt, Anh, Hoa với những nội dung: Phản đối Trung Quốc gây hấn; Phản đối “đường lưỡi bò” phi pháp; Phản đối Trung Quốc xâm lấn lãnh hải Việt Nam; China – hàng xóm to xác xấu tính; Hoàng Sa – Trường Sa là của Việt Nam; Chấm dứt ngay thái độ hiếu chiến, bành trướng tại Biển Đông; Hòa bình và Công lý cho Biển Đông; Việt Nam tinh nhuệ hóa quân đội...; kể cả cờ Trung Quốc có vẽ hình đầu lâu và xương người. Cuộc biểu tình kéo dài suốt buổi sáng ở Sài Gòn và Hà Nội.

Thành phần người tham dự, bên cạnh đa số là sinh viên, thanh niên, còn có thêm các văn nghệ sĩ, nhà báo, nhà nghiên cứu, blogger tự do như lần trước. Đặc biệt còn có những người nguyên là sinh viên tranh đấu đô ở thị miền Nam trước 75, cựu quan chức của nhà nước với những tên tuổi quen thuộc như Huỳnh Tấn Mẫm, Lê Hiếu Đằng, Lê Công Giàu, Cao Lập... và một ông Tây quốc tịch Việt – “đồng chí cũ” André Menras Hồ Cương Quyết. Những người này đã công khai đổi thoai, phản đối những bạn bè, đồng chí hiện còn đương chức đương quyền ở Sài Gòn khi được yêu cầu không tham dự biểu tình. Tinh thần đấu tranh bất khuất ngày nào vì độc lập tự do của tổ quốc lại được khơi dậy sau nhiều năm trầm lắng.

Cuộc biểu tình nói chung khá thuận lợi khi công an chỉ giữ trật tự hay hay yêu cầu giải tán một cách nhẹ nhàng. Hoạt động này đã được nhiều trang web và tổ chức của người Việt ở nước ngoài hoan nghênh. Tinh thần chống xâm lược, bảo vệ tổ quốc là cái gì lớn lao đã vượt lên những dị biệt về chính kiến.

Về phía Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà nước, cách xử lý đối

với cuộc biểu tình cũng có nét mới. Dù đã biết trước và huy động nhiều lực lượng như an ninh, cảnh sát giao thông, cảnh sát cơ động, dân phòng, nhưng chủ yếu là giữ trật tự và ngăn chặn có chừng mực để giữ cuộc biểu tình trong vòng kiểm soát, không có những hành động thô bạo tại chỗ đối với người biểu tình như lần trước. Tuy nhiên đây chỉ là biểu hiện bề mặt. Bên trong nhiều biện pháp đã được áp dụng để hạn chế tác động của cuộc biểu tình.

Một trường đại học (Đại học Công nghiệp TP HCM) bị phát hiện đã ra chỉ thị cấm sinh viên tham gia biểu tình và dọa đuổi học những ai bất tuân. Những người hoạt động cho dân chủ từ trước bị bao vây, cô lập và ngăn chặn không cho tham gia như Tạ Phong Tần, blogger Mẹ Năm, blogger Người Buôn Gió, Bùi Chát, Nguyễn Văn Đài, Nguyễn Khắc Toàn...

Báo chí chính thống không hề đưa tin về cuộc biểu tình, chỉ đến ngày hôm sau mới đưa theo tinh thần nội dung bản tin của *Thông Tấn Xã Việt Nam* chiều hôm trước. Bản tin *Thông Tấn Xã* này “chán mớ đời”, làm cho người ta vô cùng thất vọng. Bản tin có tựa đề “Về việc một số người tụ tập gần Đại sứ quán Trung Quốc” cho rằng “nói biểu tình chống Trung Quốc là sai sự thật” và chỉ có một số ít người “tụ tập” để biểu lộ lòng yêu nước. Thật không hiểu nổi cơ quan *Thông Tấn Xã* này, vì đọc qua bản tin người ta có cảm tưởng đây là một bản tường trình báo cáo để làm hài lòng “ông anh Trung Quốc”. Thật là đáng xấu hổ.

Thực ra đây chỉ là một biểu hiện nhỏ trong chính sách ngoại giao khiếm nhược đối với “người hàng xóm to xác xấu tính”. Ai cũng biết đối với Trung Quốc, chính sách ngoại giao của Việt Nam luôn là hòa hiếu, giữ vững chủ quyền, độc lập, và lịch sử Việt Nam đã có biết bao nhiêu bài học. Hòa hiếu nhưng không

phải là hèn nhát cúi đầu chịu nhục hay dâng đất cho ngoại bang. Các triều đại phong kiến ngày xưa đã từng không chịu nhường một tấc đất của núi sông; khi cần đã đánh cho bọn xâm lược tan tành, đại bại, được cấp thuyền, ngựa về đến nước mà còn “hồn kinh phách lạc, ngực đập chân run”; cử người giả hoàng đế sang triều cống trong khi chuẩn bị lực lượng để tấn công... Thời Pháp thuộc, dù trình độ văn minh và vũ khí quá chênh lệch, phải chịu cảnh nô lệ nhưng tinh thần chiến đấu của dân tộc là khi còn một ngọn cỏ, người Việt vẫn còn đánh Tây.

Đối với người Cộng sản Việt Nam, đã một thời không hiếm những người yêu nước nồng nàn, không tiếc máu xương trong cuộc chiến đấu giành độc lập, kiên cường bất khuất trong tù đầy tra tấn, không hề hèn nhát. Đảng Cộng sản và nhân dân Việt Nam cũng đã từng đọ sức với Trung Quốc trong cuộc chiến biên giới năm 1979 và những năm tiếp theo, hiểu rất rõ “lông lang dạ sói” của người “láng giềng bốn tốt”.

Dĩ nhiên hoàn cảnh lịch sử bây giờ đã khác. Mọi quan hệ cũng như thế và lực của chúng ta với Trung Quốc khác xưa, bối cảnh quốc tế cũng hoàn toàn khác, nhưng tinh thần Việt Nam vẫn không có gì khác. Để giữ hòa hiếu, hòa bình, đâu cần phải nhượng đất nhượng biển, đâu cần không dám phản kháng khi Trung Quốc xâm phạm lãnh hải, bắt bớ bắn giết ngư dân (thậm chí không dám gọi tên mà chỉ gọi là “nước lạ”), đâu cần làm ngơ trước nhiều âm mưu thâm độc như khai thác bauxite Tây Nguyên, thuê rừng đầu nguồn và rất nhiều thủ đoạn bỉ ổi trong hoạt động kinh tế làm Việt Nam suy yếu và trở nên lệ thuộc?! Có người cho rằng, đối với Trung Quốc, Việt Nam chỉ biết “đánh võ mồm”. Và tiếc thay võ mồm này với vũ khí là “cái lưỡi gõ” của người phát ngôn Bộ Ngoại giao quanh đi quẩn lại cũng chỉ có một câu “bùa chú” mà ngay người Việt cũng chán không muốn nghe vì nó chẳng có tác dụng gì cả.

Về vụ tàu Bình Minh 02, người phát ngôn Bộ Ngoại giao có nói dài hơn một tí, nhưng đâu phải thế là đủ. Đối với bất cứ nước nào (như Philippines đã từng làm), trước sự việc tương tự, việc tối thiểu là phải cho tàu chiến, máy bay đánh đuổi tàu xâm phạm, triệu tập đại sứ Trung Quốc đến để cảnh cáo (chứ không phải cử người đến tòa đại sứ của họ). Đó mới là cách hành xử xứng đáng của một quốc gia có chủ quyền. Dĩ nhiên tiếp theo phải có nhiều biện pháp khác, như việc Bộ trưởng Quốc phòng Phùng Quang Thanh vừa làm trong Hội nghị Shangri-la, nêu vấn đề ra với quốc tế và với Bộ trưởng Quốc phòng Trung Quốc.

Trong bất kỳ thời đại nào của lịch sử Việt Nam, giữ nước luôn là việc của toàn dân chứ không phải chỉ là việc của một triều đình, một thế lực, một đảng, một nhà nước, một quân đội. Hơn ai hết, những người Cộng sản Việt Nam hiểu thế nào là dựa vào dân, chiến tranh nhân dân. Nhân dân đã tự phát nêu cao lòng yêu nước, ý thức giữ gìn lãnh thổ, tại sao không phát huy, dựa vào sức mạnh nhân dân để đối phó với xâm lược. Một thiếu sót nào đó trong bộ máy cầm quyền, vì một lý do nào đó như lợi ích cá nhân, gia đình, phe nhóm muốn ngăn cản điều này chính là đưa đất nước vào họa diệt vong.

Cơ hội vàng lại vừa xuất hiện nhưng e rằng lạ liệu có bị bỏ lỡ lần thứ hai? Trách nhiệm này thuộc về Đảng Cộng sản Việt Nam và nhà nước.

Tiêu Dao Bảo Cự
Đà Lạt 5-6/6/2011

Trên Blog Bạch Hóa Dân Chủ có nhận định về Tiêu Dao Bảo Cự như sau:

Tiêu Dao Bảo Cự có công lớn trong việc cùng với các bạn ông là Hà Sĩ Phu, Bùi Minh Quốc, Mai Thái Lĩnh, Huỳnh Nhật Hải, Huỳnh Nhật Tấn, Trần Minh Thảo, và một số bạn khác đã tạo ra một hiện tượng mà nhiều người thường gọi là “Nhóm Đà Lạt”, “Nhóm thân hữu Đà Lạt”, hay nhóm “Hiền sĩ cao nguyên”, làm cho Đà Lạt trở thành một điểm nóng chính trị”, cùng với Sài Gòn và Hà Nội trong một thời gian dài.

Tài liệu tham khảo:

- Tiêu Dao Bảo Cự Web: ahvinhngkiem.org
- Cơ hội vàng lần thứ hai... Blog: to-quoc.blogspot.com

3) Hà sỹ Phu



Hà Sỹ Phu - Nguyễn Xuân Tụ (1940-20)

Tiến sĩ Hà Sĩ Phu, tên thật là Nguyễn Xuân Tụ, sinh ngày 22 tháng 4 năm 1940 tại Thuận Thành, Bắc Ninh.

Năm 1958, ông tốt nghiệp Phổ thông, làm giáo viên phổ thông rồi tiếp tục học đại học.

Năm 1965, tốt nghiệp đại học ngành Sinh Học, làm giảng viên Đại học Dược Khoa Hà Nội và nghiên cứu ở Viện Dược Liệu Hà Nội.

Năm 1979 ông sang Tiệp khắc học, bảo vệ bằng phó tiến sĩ tại Praha, năm 1982 về ngành Sinh Học Tế Bào.

Sau đó ông về nước giữ chức vụ Viện Phó Phân Viện Đà Lạt của Viện Khoa Học Việt Nam, về hưu năm 1993^[1].

Năm 1987, ông tham gia Hội Văn Nghệ Lâm Đồng Đà lạt, là cộng tác viên của tạp chí *Langbian* từ năm 1988.

Hà Sĩ Phu là ủy viên của Ban Cố Vấn Hội Ái hữu tù nhân chính trị và Tôn giáo Việt Nam^[2].

Ông bắt đầu nổi tiếng với các tác phẩm "*Dắt tay nhau đi dưới tám biển chỉ đường của trí tuệ*" (1988), "*Đôi điều suy nghĩ của một công dân*" (1993), "*Chia tay ý thức hệ*" (1995). Ông bị bắt giữ trong chuyến ra Hà Nội vào ngày 5 tháng 12 năm 1995 sau khi bài viết "*Chia tay ý thức hệ*" được công bố trong và ngoài nước^[3].

Ngày 6 tháng 12 năm 1995, tại tư gia của ông bị công an tỉnh Lâm Đồng lục soát, nhiều tư liệu bị tịch thu. Sau gần một năm bị bắt giữ ngày 22 tháng 8 năm 1996 ông bị tuyên án một năm tù ở vì tội "có hành vi tiết lộ bí mật nhà nước". Cùng bị xử trong phiên tòa này là hai ông Lê Hồng Hà^[4] và Nguyễn Kiến Giang^[5].

Ngày 28 tháng 4 năm 2000 do viết thư trao đổi với 2 ông Nguyễn Gia Kiểng và Đỗ Mạnh Tri công an đã khám xét nhà riêng của ông, tịch thu máy tính cá nhân và nhiều tài liệu. Ngày 12 tháng 5 năm 2000 ông nhận 2 văn bản của công an, quy định không được phép rời nơi cư trú và buộc ông tội "phản bội tổ quốc" chiếu theo điều 72 Bộ Luật Hình Sự Việt Nam^[7]. Cùng bị khởi tố với ông là ông Mai Thái Lĩnh - một nhà giáo, nguyên Phó chủ tịch Hội Đồng Nhân Dân Thành phố Đà Lạt.^[8]

Đầu năm 2001, mặc dù vụ án "phản bội Tổ quốc" bị hủy bỏ vì không đủ căn cứ để buộc tội, ông bị quản chế hai năm dựa theo Nghị Định 31/CP (một hình thức buộc tội không xét xử). Từ khi hết hạn quản chế (tháng 2 năm 2003) đến nay, thỉnh thoảng ông vẫn bị sách nhiễu bằng cách này hay cách khác, Năm 2012, không được cấp hộ chiếu vì lý do thuộc diện "không được phép xuất cảnh". Mới nhất là vào ngày 20-3-2014, ông bị cơ quan An ninh điều tra tỉnh Lâm Đồng mời lên "làm việc".

Phản ứng lại hành động sách nhiễu này, ông công bố một lá thư "khước từ làm việc".^[9]

Hà Sỹ Phu cùng với Hoàng Tiến, nhà văn Lữ Phương, Phạm Thái Thụy, Nguyễn Ngọc Tần, Thích Trí Siêu và Thích Tuệ Sỹ được tổ chức Human Rights Watch trao tặng Giải Hellmann/Hammett, năm 1998.

Các tiểu luận triết học-chính trị:

- *Dắt tay nhau đi dưới những tấm biển chỉ đường của trí tuệ,*
- *Đôi điều suy nghĩ của một công dân*
- *Chia tay Ý thức hệ*

Tài liệu:

Chia tay ý thức hệ

SỰ IM LẶNG nuôi dưỡng ÁP BỨC ! -FRANCOIS
MITTERRAND

Kính tặng những người Cộng sản Việt Nam

Lời mở đầu

Kỷ nguyên Văn minh Tin học chẳng những đem lại một cuộc canh tân tuyệt vời về thông tin và điều khiển, một thị trường năng động toàn cầu, một trào lưu dân chủ đa nguyên, một chủ nghĩa quốc tế mới nhân bản và khoa học...mà bao trùm lên hết thảy là ánh sáng của một phương pháp tư duy mới tương xứng với thời đại. Nhưng cùng với một nền Nhân văn mới, thì một cục diện đấu tranh sinh tồn mới và một phản lực "thú hóa" mới cũng bắt đầu. Một sự đảo lộn ghê gớm với cả mặt phải,mặt trái

.Và từ cả hai mặt đều cần một hệ tư duy mới để ứng xử, để thích nghi.

Những xã hội chẳng may bị lịch sử buộc chặt vào những khuôn vàng thước ngọc của những quốc giáo, những ý thức hệ, thì về lý luận đang đứng trước một cuộc khủng hoảng sinh tử về phương pháp luận, và về thực tiễn đang đứng trước một cuộc đấu tranh về phương pháp ứng xử để tìm lối ra.

Để giữ yên cái ghế thống trị của mình, giới tăng lữ hoặc lãnh tụ của các nước ấy một mặt cố sức trói buộc xã hội ở tình trạng ngu dân bằng phương pháp tư tưởng cũ và nhất là đạo đức cũ dưới bàn tay bảo trợ của bạo lực; nhưng một mặt họ cũng như tất cả mọi người, đang lao như điên vào cuộc "đổi mới" kinh tế và ngoại giao mà thực chất là cuộc đấu tranh sinh tồn để mau chóng thích nghi, để khỏi bị gạt ra bên lề dòng chảy. Miệng nói một đằng tay làm một nẻo. Chẳng cần thông minh gì lắm cũng nhận ra rằng "sự nghiệp đổi mới" do Đảng ta "khởi xướng" và lãnh đạo, dưới ánh sáng Mác-Lê và tư tưởng Hồ chí Minh, làm kinh tế thị trường theo định hướng Xã hội chủ nghĩa chính là một ví dụ điển hình của cái cục diện xã hội ấy.

Ở nước ta, hệ tư tưởng Mác xít cũng không khác gì một "quốc giáo", thực chất chỉ là biến tướng của tư tưởng phong kiến. Nhân dân mang tiếng là người làm chủ xã hội, nhưng không được biết gì về sự thật to lớn ấy; ai nói sự thật ấy là làm lộ "bí mật quốc gia". Người dân không có thông tin ắt không hiểu vì sao giữa lúc bộ mặt đất nước đang rạng rỡ chưa từng có, (như vẫn hiện ra trên mọi phương tiện truyền thông nhà nước) thì Ông Cộng sản Ba-son Nguyễn Hộ, cả nhà và cả đời làm Cộng sản, đã từng sát cánh với các ông Nguyễn văn Linh, Võ văn Kiệt, lại quyết ly khai Đảng vì đã "chọn nhầm lý tưởng"; không hiểu vì sao ông Cộng sản trí thức Ba-Lê Nguyễn Khắc Viện, người đã rời nước Pháp hoa lệ để theo cụ Hồ về nước kháng chiến, bỗng dưng lại kêu lên "Hãy bước vào cuộc kháng

chiến mới"! Tiếng kêu chìm ngấm như tiếng sỏi rơi xuống ao tù lạnh tanh !

Cuộc kháng chiến nào?

Mia mai thay cho những người Cộng sản bảy-tám mươi tuổi gần đất xa trời ấy phải chống gậy bước vào "cuộc kháng chiến từ bỏ ý thức hệ" !

Nhưng khôn thay, ý thức hệ đang trói buộc ta ấy không phải từ trên trời rơi xuống, lúc đầu không do ai áp đặt. Nó là sản phẩm lịch sử của nhân loại trong cơn "Khủng hoảng do tăng tốc" (thế kỷ 18-19) của con tàu Văn minh. Về lý luận, nó không là gì cả (sẽ phân tích sau), nhưng về thực tiễn nó đã là người mang "thông điệp Giải phóng" của Nhân dân. Hơn thế nó đã luyện khát vọng và sức mạnh của Nhân dân thành chiếc gậy thần của Tôn Ngộ Không , giáng vào mặt bọn vua chúa Tư bản , và dạy cho chúng (cũng là dạy cho cả nhân loại) biết rằng : không thể hướng sức mạnh của nền văn minh mới để phục vụ cho mưu đồ cá nhân, hòng thiết kế những ngai vàng mới trên đầu nhân loại!. Và đầu còn điều này điều khác thì vai trò lịch sử ấy của trào lưu Cộng sản mãi mãi vẫn được ghi nhận. Và cùng với hiệp sĩ ấy, nhân dân ta đã có những ngày sống đẹp thanh khiết như thần tiên. Và phải nhận rằng Người "anh hùng áo vải" này đã ôm trong vòng tay của mình cả mấy thế hệ những người Việt nam tử tế, rất tử tế, số đông đến hôm nay vẫn còn tử tế và tội nghiệp !

Bi kịch là: sứ giả mang "thông điệp giải phóng" ấy lại lên ngôi báu. Ở ngôi báu anh ta đã phản lại chính "thông điệp" này. Trừ một số tòi tệ ma quái ra, nhìn chung sự phản bội lúc đầu không tự ý thức. Bởi tất cả đã được "chương trình hóa" ở trong cảm nang, mà chính người viết cảm nang thì cũng không vượt ra khỏi được sự "chương trình hóa" của thời đại. Chỉ có cái khát vọng là vượt bay lên phía trước.

Theo điều tôi nhận thức được thì..... bản chất của dòng tư tưởng Mác-Lê về xã hội là dòng tư tưởng Phong kiến phục hưng, cộng với ảo tưởng Cộng sản nguyên thủy (hoặc ảo tưởng Nô lệ) trong cơn khủng hoảng tăng tốc của nền Văn minh Công nghiệp.

Học thuyết Mác-Lê không phải là cái gì cao xa chưa tới mà chỉ là cái hoài vọng đã bị vượt qua , chỉ là biến tướng mới mang cái một công nghiệp của chủ nghĩa phong kiến đã bị lịch sử vượt qua trước đây nhiều thế kỷ. Nó không phải là thứ cảm nang dẫn đường đầy tính súc tích huyền bí đến mức hàng thế kỷ sau chưa có ai hiểu đúng, mà chỉ là những dự đoán lảm cẩm không bao giờ có thực trên đời.

Một hệ tư tưởng như thế, trong thế giới Văn minh Tin học chẳng cần ai đánh cũng tự tan rã.

Về mặt hệ tư tưởng mà nói, chủ nghĩa Mác-Lê đang rút chạy ra khỏi đời sống xã hội, Đảng Cộng sản vẫn còn đó , nhưng cái hồn Mác-Lê cứ từng bước rút chạy khỏi những Đảng viên của mình. Có hương khói, chiêng trống thanh la gọi hồn cũng không ích gì.

Chủ nghĩa Mác-Lê suy tàn, chạy về cố thủ ở những vùng còn ít ánh sáng dân chủ, nơi mà tư tưởng phong kiến vẫn cứ sống lai rai trong núi rừng châu Á hết đời nọ sang đời kia. Trong cuộc sống lưu vong này của chủ nghĩa Mác-Lê (vì quê hương của chủ nghĩa ấy không dung nạp nó nữa), nó đã mất tư cách là ngọn cờ đề tuyên chiến với cái gọi là Chủ nghĩa Tư bản giầy chết, mà được dùng như một thuật trị dân, một công cụ để trị dân. Từ một chủ nghĩa Quốc tế nó thu dần về thành một thể chế Quốc gia, mang tính quốc nội là chính. Nó trút bỏ tính mục đích mà nhận lấy tính phương tiện.

Chẳng những là phương tiện để trị dân , nó chuyển sang làm phương tiện chở những người "Vô sản" cầm quyền vào cõi Tư bản, phản lại mục đích tự thân ban đầu của nó. Giai cấp cần lao không sớm ý thức được điều này thì sẽ đấm đuổi như kẻ bị phụ tình, bơ vơ trước hàng hùm nọc rắn của một thế giới cạnh tranh như điên của Tư bản buổi đầu tích lũy, nhất là khi thế hệ những người Cộng sản khởi lập không còn nữa. Sự lộn ngược tình thế như vậy mới thực là một cuộc "diễn biến hòa bình" vĩ đại, nó "lật đổ" hết thảy một cách êm đềm.

Sự thế của lịch sử đã như thế thì chút lòng thương người của cái chủ nghĩa Đạo đức liệu sẽ xoay chuyển được gì , hay chỉ là sự vỗ về, là liều ma túy, là tấm màn che cho cuộc diễn biến hòa bình kia, cho cuộc phụ tình vĩ đại kia được muôn phần êm thấm, và để lại sau nó cả một khoảng trống ghê rợn?...

Che đây điều ấy là bất nhân.

Không nhận thức tới nơi, không có những phút dừng...để nghe thêm những điều khác với báo, với đài...,để sống với cái gì đó xa hơn,lớn hơn cuộc sống cá nhân trước mắt thì người trí thức,cán bộ,đảng viên ...chúng ta bây giờ khó có thể tìm cho mình một phép ứng xử đảng hoàng, đẹp đẽ trước cuộc chia tay ý thức hệ lịch sử này.

Dẫu cho bạn chưa hài lòng với lời nói của tôi...

Nhưng sự đời, cái gì phải đến cứ đến, bịn rịn nữa cũng không được.

Đánh xong giặc Ân,thánh Gióng phải lên trời.Gióng ở lại Gióng sẽ gây tội ác, và ta sẽ mất thánh Gióng.

Tôn Ngô Không của Ngô Thừa Ân "nhân bản" hơn Tôn Ngô Không của Mác: dạy xong bài học cho các vua chúa và thánh

thần , Ngô Không không tiếp tục múa cây thiết bãng để đập vào đầu đàn khí của mình ở Hoa quả sơn, để thiết lập ở đây một thiên đường nhất khoảnh.

Tôi, chúng ta, các anh các chị...

Chúng ta vẫn sống với nhau hòa thuận.

Chỉ cái ý thức hệ của chúng ta chắc chắn phải ra đi, đang ra đi rồi.

Hãy là cuộc chia tay bi tráng!.Bậc anh hùng hãy chọn cái "bi"(nếu không, nó sẽ thành hài), một thứ bi kịch của nhận thức, bi kịch của khát vọng nhân văn , bi kịch trong tự tôn nhân phẩm ! Bi kịch trong sự trưởng thành, biểu hiện của trưởng thành, mở đầu cho trưởng thành !

Trào lưu Cộng sản đã xuất hiện như một tất yếu lịch sử và vô cùng chính đáng, nhưng phải nhận rằng đó chỉ là một nấc thang Văn hóa thấp của tiến trình đấu tranh bất tận cho Quyền Con người. Muốn tìm lối ra lại phải bắt đầu bằng cái nhìn Văn hóa, ở tầm Văn hóa cao hơn.

Nếu đủ tầm văn hóa , chúng ta sẽ làm cho Ý thức hệ ấy một dấu son để lại.

Bằng không,nếu chúng ta không đủ tầm văn hóa, Ý thức hệ sẽ được chia tay trong uất hận, hoặc ngược lại, cứ len lén rút lui khỏi lịch sử không một lời tuyên bố như một kẻ khôn vặt hay một tên đại bịp nào đó ra đi , không trống không kèn. Để lại trên non nước này một món nợ.

Tôi là người Việt nam, tôi không muốn cái lịch sử " tiên rồng" lấm thõng mình và nhiều quẩn quại này của chúng ta, giữa vận hội hôm nay lại chọn cách "hóa rồng" lươn lẹo đó.

Bạn đọc kính mến.

Có thể có người coi bài viết này là quá lạ tai, nhưng nhiều người lại bảo : thực tiễn đã chạy trước nhận thức của anh lâu rồi.

Đà Lạt ngày 22- 4- 1995

HSP
4E - Bùi thị Xuân , Đà Lạt

Nội dung

Trang

Lời nói đầu	1
Nội dung	4
Phần 1 : Triết học Mác-Lê : khủng hoảng phương pháp luận .	5
Phần 2 : Chính trị Mác-Lê : Phong kiến biến tướng .	14
Phần 3 : Tính Văn hóa thấp của trào lưu Cộng sản	25
Phần 4 : Đổi mới là tự vượt qua mình.	35
Thay lời kết : Triều đại Phong kiến cuối cùng và chiếc bình phong	56

Phụ lục 1 : Sơ bộ tập hợp Ý kiến độc giả về những bài viết của HSP

Phụ lục 2 : Hồi ức về cuộc khủng bố Chủ nghĩa xét lại ở Việt nam

Phụ lục 3 : Ba bài thơ di cảo của Chế Lan Viên

Phụ lục 4 : Lời những người Cộng sản lão thành gửi Đảng và toàn dân.

(trích tại <http://www.hasiphu.com/113.html>)

Tiêu Dao Bảo Cự có nhận định về Hà Sỹ Phu trong bài viết *Hà Sỹ Phu và nhân cách của người trí thức dám sống trung thực* như sau:

Thực ra , ông chỉ là một người trí thức trung thực, luôn băn khoăn về vận nước, và muốn đem trí tuệ của mình góp phần soi sáng đường đi của đất nước. Ông phát biểu ý kiến của mình thẳng thắn, nhưng ôn hoà.

Hà Sĩ Phu , cũng chỉ đơn giản có thế !.

Tài liệu tham khảo:

- Hà Sỹ Phu Web: vi.wikipedia.org
- Chia tay ý thức hệ Web: hasiphu.com

4) Mai Thái Lĩnh



Mai Thái Lĩnh (1946-20)

Mai Thái Lĩnh tức Hoàng Thái Lĩnh, sinh ngày 2 tháng 4 năm 1946 tại Lâm Đồng.

Mai Thái Lĩnh có cha là người Thanh Hóa, mẹ người Hà Tĩnh, cùng vào Nam khoảng năm 1942-1943. Cha ông tham gia Việt Minh năm 1945 tại Đồng Nai Thượng (Di Linh). Khi mẹ ông mang thai ông vào năm 1946, người Pháp trở lại Đồng Nai Thượng, cha ông và những người trong Ủy ban Kháng chiến phải rút ra ngoài rừng về vùng Bình Thuận, cho nên mãi đến sau năm 1975 ông mới gặp được cha mình.

Ông sống ở Di Linh đến năm 14 tuổi; hết cấp 2 lên Đà Lạt học tiếp và từ đầu thập niên 1960 trở đi thì gia đình ông mới chuyển lên Đà Lạt. Sau đó ông học môn triết tại Sài Gòn, Đà Lạt và lấy bằng Cử nhân Giáo khoa Triết học tại Đại học Văn khoa Đà Lạt năm 1969. Trong thời gian học ở Sài Gòn, ông gia nhập Ban nhạc Trầm Ca và sau đó cùng Nguyễn Đức Quang và Đinh Gia Lập sáng lập Phong trào Du ca Việt Nam.

Năm 70-71 ông giảng dạy tại Đại học Văn khoa Đà Lạt. Sau đó đến năm 1972 ông vào trường sĩ quan Thủ Đức, nhưng sau khi ra trường không nhận nhiệm sở mà đào ngũ, và sau Hiệp định Paris thoát ly ra ngoài bưng và ở đó cho đến năm 75 mới trở về.

Sau 1975 ông làm Phó Hiệu trưởng một trường trung học, rồi được cho đi học Trường Đảng, tốt nghiệp với bằng Đại học Sư phạm môn Chính trị. Ông công tác trong ngành giáo dục đến năm 1988, rồi được bầu làm Phó Chủ tịch Hội đồng Nhân dân Thành phố Đà Lạt (nhiệm kỳ 1989-94).

Năm 2000, ông và ông Hà Sĩ Phu bị khởi tố về tội "Phản bội Tổ quốc", dựa vào điều 72 Bộ luật hình sự hiện hành. Tuy không bị kết án, ông đã phải chịu 8 tháng quản thúc tại gia từ lệnh "cấm đi khỏi nơi cư trú" (từ tháng 5 năm 2000 đến tháng 1 năm 2001).

Ngày 10 tháng 7 năm 2009, khi chuẩn bị lên máy bay tại Phi trường Tân Sơn Nhất (Sài Gòn) để đi thăm thân nhân, ông bị cấm xuất cảnh, tịch thu hộ chiếu mà không cho biết rõ lý do, mặc dù hộ chiếu chỉ mới được cấp hồi tháng 4. Trả lời phỏng vấn của đài Châu Á Tự do (RFA), ông cho rằng có lẽ vì trước đó ông đã ký vào đơn kiến nghị ngưng dự án bê-xít. Ông nhận xét: "Giao cho công an một quyền quá lớn mà không có ai kiểm soát và như vậy vi phạm quyền dân sự của con người về quyền tự do đi lại."

Cuối tháng 5 năm 2014, ông trở thành thành viên thứ 86 của Hội Cựu Tù nhân Lương tâm (FVPOC).

Một số tác phẩm và bài viết theo chủ đề:

- Về chủ nghĩa Marx, chủ nghĩa cộng sản và con đường dân chủ-xã hội'

- Về Phan Châu Trinh
- Vấn đề biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc
- Dân chủ và nhân quyền
- Đà Lạt và bác sĩ Alexandre Yersin

Tài liệu:

**Huyền thoại về một nhà nước tự tiêu vong
Bàn về lý thuyết Nhà nước của Karl Marx**

Mục lục

Lời nói đầu của Mai Thái Lĩnh

- | | |
|-------------|---|
| Chương I | Quan niệm của Marx về Nhà nước |
| Chương II | Quan niệm “Chuyên chính Vô sản” |
| Chương III | Cuộc đấu tranh giữa những người xã hội chủ nghĩa |
| Chương IV | Những đóng góp của F. Engels |
| Chương V | Những nghịch lý của Chuyên chính Vô sản |
| Chương VI | Cuộc đấu tranh giữa hai phái: Cải cách và Cách mạng |
| Chương VII | Dân chủ Vô sản: Từ lý luận đến hiện thực |
| Chương VIII | Từ Chuyên chính Vô sản đến Chuyên chính của Đảng |
| Chương IX | Phê phán quan niệm của Marx về Nhà nước |
| Chương X | Sự tan vỡ của một huyền thoại |
| Chương kết | Đi tìm một định nghĩa đúng đắn về Nhà nước |
- Thư mục

Lời nói đầu

Ngay từ thời kỳ còn công tác tại Hội đồng Nhân dân TP Đà Lạt, tôi đã quan tâm đến vấn đề Nhà nước. Trong một số bài báo đăng trên các tờ *Thanh Niên*, *Tuổi Trẻ* vào cuối thập niên 1980 - đầu thập niên 1990, tôi đã bắt đầu đề cập đến việc tách Đảng ra khỏi Nhà nước, tăng cường vai trò của các cơ quan dân cử (như Quốc hội và Hội đồng Nhân dân các cấp), cũng như việc áp dụng nguyên tắc “tam quyền phân lập” để cải tổ bộ máy Nhà nước nhằm ngăn chặn các tệ nạn lạm quyền và tham nhũng. Thái độ thờ ơ của các cấp lãnh đạo Đảng và Nhà nước đối với các kiến nghị mang tính xây dựng nói trên cũng như những cản trở của bộ máy quan liêu trong thực tế càng thôi thúc tôi đi sâu tìm hiểu tận gốc lý thuyết về Nhà nước của Karl Marx và Lenin. Nhưng do công tác khá bận rộn, mãi đến giữa thập niên 1990, tôi mới có thể thực sự bắt tay vào việc.

Bản thảo đầu tiên của tác phẩm này mang tên *Những nghịch lý của chuyên chính vô sản*. Bản thảo này mới được phác thảo thì đã bị xoá theo yêu cầu của công an, khi tôi bị kiểm tra máy vi tính lần thứ nhất trong vụ “chiếc cặp đựng tài liệu” của Tiêu Dao Bảo Cự (cuối năm 1996). Sau đó ít lâu, tôi cố gắng khôi phục lại bản thảo để tiếp tục công trình, nhưng những gian truân, trắc trở trong cuộc sống khiến tôi không thể hoàn thành được tác phẩm. Do đó, vào cuối tháng 4 năm 2000, khi tôi bị kiểm tra máy vi tính lần thứ hai (trong cùng một “vụ án” với Hà Sĩ Phu), bản thảo này vẫn còn dang dở. Lần này thì máy vi tính không được trả lại, và bản thảo mất luôn theo nó.

Mất bản thảo lần thứ hai, tôi quyết định mở rộng đề tài: không phải chỉ nghiên cứu riêng quan niệm “chuyên chính vô sản” mà nghiên cứu toàn bộ lý thuyết Nhà nước của Marx. Mặc dù không có điều kiện thuận lợi như Marx ngày trước (được tham khảo tài liệu tại một trong những thư viện lớn nhất thế giới), tôi vẫn quyết định bắt tay vào việc bằng tất cả những gì mình có thể có được. May mắn cho tôi là vào lúc đó, bộ Bách khoa Toàn thư nổi tiếng thế giới *Encyclopedia Britannica* đã được in

thành đĩa CD-ROM, ngoài ra hãng Microsoft còn cho ra đời bộ *Encyclopedia Encarta*. Cộng với những tư liệu thu thập được trong nhiều năm, tôi đã hoàn thành được cuốn sách vào khoảng đầu năm 2001. Sau khi hoàn thành tác phẩm, tôi đã dành thêm thời gian để biên tập, viết lại một số chương trước khi gửi bản thảo đến bạn bè và một số trí thức để tham khảo ý kiến.

Tập sách nhỏ mà độc giả cầm trên tay ra đời trong hoàn cảnh như thế. Nó không phải là một tác phẩm được sản sinh trong môi trường đại học hay viện nghiên cứu, do đó không thể tránh khỏi thiếu sót về mặt học thuật. Nhưng để bù lại, nó mang hơi thở của cuộc sống, mang tâm huyết của một con người “dấn thân”. Dấn thân lần đầu vào giữa lứa tuổi hai mươi, khi già từ giảng đường đại học để lao vào cuộc đấu tranh trên đường phố, để rồi sau đó, rời bỏ cuộc sống thành thị đầy tiện nghi để vào bưng, chịu đựng gian khổ trong rừng sâu với niềm hy vọng đem lại hoà bình, dân chủ cho đất nước. Đất nước có hoà bình nhưng không có tự do dân chủ, vì vậy phải dấn thân một lần nữa vào lứa tuổi bốn mươi, lần này thì hành trình trí thức dấn vật hơn, gian nan thử thách cũng gay gắt hơn nhiều.

Để có thể phê phán lý thuyết của một nhà tư tưởng có tầm cỡ như Karl Marx, tôi buộc phải dùng giọng văn hàn lâm với khá nhiều trích dẫn, vì vậy một số chương có thể trở nên khô khan, nặng tính chất học thuật. Riêng đối với ba chương cuối, tôi đã cố gắng viết một cách thật cô đọng, dễ hiểu, trong đó độc giả có thể tìm thấy toàn bộ kết quả nghiên cứu sau khi đã đối chiếu giữa lý luận với thực tiễn.

Sẽ có người trách tôi tại sao đã một thời tin vào chủ nghĩa Marx mà nay lại phê phán Marx, tôi chỉ xin nhắc lại câu ngạn ngữ nổi tiếng thường được gán cho Aristotle: *Amicus Plato, magis amica veritas!* (Là bạn của Plato, nhưng trước hết phải là bạn của chân lý). Là học trò của nhà triết học Plato (Platon) lừng danh thời cổ đại, Aristotle (Aristote) đã nêu một tầm

gương sáng cho hậu thế khi ông cố gắng tư duy với một tư thế độc lập, thoát ra khỏi cái bóng của thầy mình. Ngẫm lại quãng đời đã qua, tuy chưa làm được điều gì đáng kể cho quê hương đất nước, song tôi vẫn có thể tự hào vì đã luôn luôn trung thành với nguyên tắc: Tư duy bằng cái đầu của chính mình! Ai tư duy bằng cái đầu của chính mình, kẻ đó sẽ không bao giờ trở thành nô lệ!

Nhân dịp tập sách được ra mắt lần đầu, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn của tôi đối với những người thân trong gia đình, đối với bạn bè thân hữu - những người đã giúp đỡ, động viên tôi hoàn thành công trình nghiên cứu này. Tôi cũng xin chân thành cảm ơn tạp chí điện tử talawas đã có nhã ý công bố toàn văn tác phẩm với độc giả trong và ngoài nước.

Cuối năm 1969, nhờ sự giúp đỡ của các giáo sư Lê Thành Trị, Nguyễn Khắc Dương và Nguyễn Ngọc Lan, tôi đã ghi danh làm tiểu luận Cao học Triết tại Đại học Văn khoa Sài Gòn; nhưng sau đó vì mải mê dần thân vào dòng đời cuộn cuộn những biến cố và đầy dẫy những bất trắc, tôi đành bỏ dở dang, không hoàn thành được tiểu luận. Cuốn sách này có thể được xem như một tiểu luận muộn màng để bày tỏ lòng tri ân đối với các vị thầy khả kính nói trên.

Đà Lạt, những ngày Tháng Tám năm 2005,

Mai Thái Lĩnh

Trong bài: *Từ Nguyễn Mạnh Tường đến Mai Thái Lĩnh*, Tường Năng Tiến đã viết:

Mai Thái Lĩnh, nghĩ cho cùng, chỉ là một thí dụ cay đắng điển hình của thế hệ sau - "thế hệ không chịu học bài" và vì "chưa thấy quan tài nên chưa đổ lệ." Ông sinh trưởng ở miền Nam, tốt nghiệp cử nhân triết học và trở thành giảng viên phụ giảng

của trường Văn Khoa thuộc viện Đại Học Đà Lạt - lúc còn rất trẻ. Được lệnh động viên vào mùa hè đổ lửa 1972, thay vì gia nhập quân đội miền Nam để bảo vệ phần đất đã bảo bọc và nuôi dưỡng mình nên người, Mai Thái Lĩnh - vì thất vọng trước cảnh bất toàn của xã hội mà ông đang sống - đã từ chối nhập ngũ và "nhảy núi" gia nhập Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam.

Mặt trận này bị bức tử ngay sau khi miền Nam được "giải phóng". Còn "giấc mơ đổi đời" của Mai Thái Lĩnh thì cũng dần phai màu "cách mạng" và biến thành ác mộng sau đó, không lâu.

Tài liệu tham khảo:

- Mai Thái Lĩnh Web viwikipediaorg
- Huyền thoại về một nước tự tiêu vong Blog: talaws.org

Tiết ba: Cựu Trưởng ban VH-VNT Ư Đảng bị khai trừ

Sau cuộc gặp giữa ông Nguyễn Văn Linh, Tổng bí thư ĐCSVN, với gần 100 văn nghệ sĩ và các nhà hoạt động văn hóa trong hai ngày 6 và 7-10-1987 tại Hà Nội, khẩu hiệu “cởi trói trong văn hoá văn nghệ” đã chính thức vang lên. Tiếp theo đó, Hội nghị Bộ chính trị trung ương Đảng khóa VI - với sự có mặt của các thành viên Bộ Chính trị và các ông Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Lê Đức Thọ, cố vấn của Bộ Chính trị - đã họp để thông qua dự thảo Nghị quyết về Văn hóa Văn nghệ do Ban Văn hoá Văn nghệ Trung ương, đứng đầu là ông Trần Độ, soạn thảo. Ngày 28-11-1987, ông Nguyễn Văn Linh, Tổng Bí Thư ĐCSVN đã ký Nghị quyết 05 này.

Nhưng sau đó, do sự bất đồng chính kiến với một số lãnh đạo đảng sau chính sách Đổi mới, nên Trần Độ bị buộc phải viết kiểm điểm, rồi sau đó, bị khai trừ khỏi đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1999.

1) Trần Độ



Trần Độ - Tạ Ngọc Phách (1923 - 2002)

Trần Độ tên thật là Tạ Ngọc Phách sinh ngày 23-9-1923 tại làng Thu Điền, tổng An Bồi, huyện Trực Định (nay thuộc xã Tây Giang, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình). Cha ông làm thông phán tại Phủ Thống sứ tại Hà Nội, mẹ ông làm ruộng tại quê nhà.

Năm 1930, ông được đi học tại trường tiểu học Đông Hường (thuộc Trình Phố, nay là xã An Ninh, huyện Tiên Hải, Thái Bình), rồi qua sơ học yếu lược Tiên Hải (xã Ngoại Đê).

Năm 1938 – 1939, ông vào học thành chung ở trường Duvillier (Hàng Đẫy), phố Nguyễn Thái Học, Hà Nội. Thời gian này, ông tiếp xúc với các ông Đào Duy Kỳ, Thành Ngọc Quán, Nguyễn Thượng Khanh (tức Trần Mai Ninh) ở báo “Thế giới mới”.

Đến hè năm 1939, ông tham gia làm báo “Người mới” của ông Trần Mai Ninh. Tháng 7/1939, ông bị mật thám Pháp bắt giam và đe dọa khủng bố. Sau khi được thả, ông bỏ học, về quê. Từ đây ông bắt đầu tham gia hoạt động cách mạng, được tổ chức

Cộng sản giao nhiệm vụ tập hợp thanh niên vào tổ chức Thanh niên Phản đế ở xã rồi ở phủ Kiến Xương.

Đầu năm 1940, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam ở chi bộ Bát Điều – Thư Điền. Trong cuộc mít tinh ở cánh đồng Đông Lang vào tối 11-10-1940, ông tham gia diễn thuyết vận động nhân dân ủng hộ cách mạng.

Tháng 01-1941, ông được công nhận là Đảng viên chính thức - đặc cách và trong Đại hội Đảng tỉnh Thái Bình, ông được bầu là tỉnh Ủy viên dự khuyết, phụ trách Bí thư Tỉnh đoàn Thanh niên, Bí thư phủ uỷ Kiến Xương. Cuối năm 1941, ông bị thực dân Pháp bắt, giam ở Thái Bình và bị kết án ông 15 năm tù khổ sai, giam ở nhà tù Hoà Lò, Hà Nội.

Đầu năm 1942, ông bị đày đi nhà tù Sơn La. Đến đầu năm 1943, ông được kết nạp lại vào Đảng trong tù, ông tham gia làm báo “*Suối reo*”.

Cuối năm 1943, ông trốn thoát trên đường về Hà Nội để đi Côn Đảo, trở lại hoạt động cách mạng. Lúc đầu, ông được giao làm công tác tuyên truyền của Trung ương Đảng Cộng sản, giúp việc cho Tổng Bí thư Trường Chinh, tham gia làm báo “*Cờ Giải phóng*”, sau chuyển sang làm Bí thư Công tác đội của Trung ương ở An toàn Khu, vùng Đông Anh, Hà Nội.

Tháng 8-1945, tham gia lãnh đạo khởi nghĩa giành chính quyền ở huyện Đông Anh, sau đó về nhận công tác quân sự ở Hà Nội.

Năm 1946, ở mặt trận Hà Nội, ông làm Ủy viên Ủy ban quân sự cách mạng Bắc Bộ, chính trị viên khu Hà Nội, Bí thư khu uỷ rồi Phó Chính uỷ khu II. Từ đây, ông lấy tên là Trần Độ.

Tháng 3-1947, ông lên Chiến khu Việt Bắc, ở đây ông làm Phó Phòng Tuyên truyền, Chính trị cục trong Bộ Tổng Tư lệnh, Bí

thư chi bộ, Ủy viên BCH liên chi uỷ Đảng bộ Bộ Tổng Tư lệnh, Chủ nhiệm báo “*Vệ Quốc quân*” (nay là báo QĐND).

Đầu năm 1950, ông làm Chính uỷ Trung đoàn Sông Lô (E.209), Bí thư Đảng uỷ Trung đoàn, tham gia chiến dịch Biên Giới.

Ngày 27-12-1950 thành lập Đại đoàn 312, ông được cử làm phó Chính uỷ, quyền Chính uỷ Đại đoàn, Bí thư đảng uỷ. Làm Chính uỷ Đại đoàn, tham gia các chiến dịch : Trần Hưng Đạo, Hoàng Hoa Thám, Lý Thường Kiệt, Hoà Bình, Tây Bắc, Thượng Lào và Điện Biên Phủ.

Tháng 10-1954, ông làm cán bộ của Tổng cục Chính trị, phụ trách tổng kết công tác chính trị.

Tháng 10-1955, ông là Bí thư Quân khu uỷ Quân khu Hữu Ngạn.

Tháng 6-1957, Chính uỷ Quân khu Hữu Ngạn, Bí thư đảng uỷ Quân khu.

Tháng 3-1958, ông được phong cấp Thiếu tướng.

Tháng 7-1960, Đại biểu Quốc hội khóa II.

Tháng 9-1960, tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III, được bầu vào BCH trung ương (Ủy viên dự khuyết).

Năm 1960, 1961 ông được cử đi học ở Viện Hàn Lâm quân sự Vô-rô-chi-lốp (Liên Xô), mỗi năm học 6 tháng.

Năm 1962, tham gia chỉ huy chiến dịch giải phóng Nậm Thà ở Bắc Lào.

Tháng 11-1963, ông được cử làm Chính uỷ Quân khu III, Bí thư Đảng uỷ Quân khu.

Tháng 12-1964, ông được cử vào miền Nam Việt Nam chiến đấu.

Tháng 3-1965, ông vào B2, tại đây ông là Ủy viên BCH Trung ương Cục, Phó Bí thư Quân uỷ Miền, Phó Chính uỷ Bộ Chỉ huy Quân giải phóng miền Nam kiêm Chủ nhiệm Chính trị (đến tháng 12/1966)

Tháng 5-1965, Chính uỷ chiến dịch Đồng Xoài.

Năm 1968, Tham gia chuẩn bị và chỉ huy Xuân Mậu Thân.

Tháng 8 đến tháng 10-1969, ra Hà Nội dự Hội nghị.

Tháng 2-1970, trực tiếp tham gia chỉ đạo chiến dịch ở Cam pu chia

Tháng 4-1971, tham gia chiến dịch Nguyễn Huệ.

Tháng 10-1973, được cử làm uỷ viên BCH Trung ương.

Thời gian ở chiến trường miền Nam, ông viết nhiều bài bình luận quân sự, tổng kết kinh nghiệm công tác chính trị với các bút danh Trần Quốc Vinh, Chín Vinh, Cửu Long.

Tháng 3-1974, ông được thăng cấp Trung tướng.

Tháng 6-1974, ông ra Hà Nội họp Hội nghị quân sự cao cấp toàn quốc, rồi được giao làm Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị phụ trách công tác tổng kết chiến tranh, đồng thời là Phó Ban miền Nam của Trung ương Đảng (đến tháng 9/1975).

Tháng 11-1976, sau Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng, ông rời quân đội và được cử làm Phó trưởng Ban Tuyên huấn Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Văn hoá, Bí thư Ban cán sự Đảng Bộ Văn hoá.

Tháng 3-1981, ông là Trưởng Ban Văn hoá - Văn nghệ Trung ương (đến tháng 5-1982),

Tháng 7-1981, ông là Đại biểu Quốc hội khoá VII, Chủ nhiệm uỷ ban Văn hoá và Giáo dục của Quốc hội.

Tháng 6-1982, sau Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng, ông là Ủy viên BCH Đảng, cố vấn Viện Văn hoá của Bộ Văn hoá.

Tháng 12-1986, Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng, ông là Trưởng Ban Văn hoá - Văn nghệ Trung ương Đảng.

Tháng 6-1987, ông là Đại biểu Quốc hội khoá VIII, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Hội đồng Nhà nước, Chủ nhiệm Ủy ban Văn hoá giáo dục Quốc hội đến tháng 9-1992.

Ông đã được tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Quân công (hạng nhất và hạng ba),...

Ngày 4-1-1999, do bất đồng chính kiến với một số lãnh đạo cao cấp khác của Đảng Cộng Sản Việt Nam, ông bị khai trừ khỏi Đảng khi đã có 58 tuổi đảng.

Ông mất ngày 9 tháng 8 năm 2002 sau một thời gian dài lâm bệnh nặng, tuổi cao, sức yếu, thọ 79 tuổi.

Trong đôi câu đối tặng Trần Độ, Hà Sĩ Phu viết:

*Văn võ tung hoành, trung tướng phong **trần**, thế sự song
kiên song trọng đảm*

Bắc Nam xuất nhập, đại quân tế độ, hùng binh nhất trọng, nhất đan tâm.

Tác phẩm:

- *Lòng tin* (Quân đội Nhân dân, 1953)
- *Nỗi lòng đồng chí Mão* (Quân đội Nhân dân, 1955)
- *Kể chuyện Điện Biên* (bút ký, Văn Nghệ, 1955)
- *Tìm hiểu khẩu hiệu “Sống, học tập và làm việc như những người cộng sản”* (Quân đội Nhân dân, 1961)
- *Lý tưởng, ước mơ và nghĩa vụ* (Thanh niên, 1964)
- *Bên sông đón súng* (Hồi ký, Thanh niên, 1964)
- *Một số kinh nghiệm giáo dục chính trị, lãnh đạo tư tưởng của Quân giải phóng miền Nam* (Quân đội Nhân dân, 1970)
- *Anh bộ đội* (tập tùy bút, Quân đội Nhân dân, 1975)
- *Mấy vấn đề về xây dựng nền văn hoá mới xã hội chủ nghĩa* (Sự thật, 1978)
- *Phân đấu xây dựng nền văn hoá mới xã hội chủ nghĩa* (Sự thật, 1982)
- *Văn hoá, văn nghệ trong cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Mục tiêu và động lực* (Văn hoá, 1986)
- *Nghĩ về cuộc sống* (Tp. HCM, 1987)
- *Đồng đội* (Văn nghệ Tp. HCM, 1987)
- *Những kỷ niệm ... ảnh* (Hội Nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam, 1987)
- *Mấy vấn đề văn hoá cần nghiên cứu* (Tp. HCM, 1987)
- *Văn hóa ở cơ sở và văn hoá ở huyện* (Tp. HCM, 1987)
- *Văn hóa văn nghệ dưới ánh sáng Đại hội VI của Đảng* (Sự thật, 1987)
- *Đổi mới và chính sách xã hội, văn hóa* (Tp. HCM, 1988)

.....
Một số sách chủ biên hoặc chỉ đạo biên soạn :

- *Chiến thắng Điện Biên Phủ* (tập 1, tập 2, Quân đội Nhân dân, 1964)
- *Trận đánh 30 năm* (tập 1, tập 2, tập 3, tập 4, Quân đội Nhân dân, 1983)
- *Văn hoá Việt Nam tổng hợp 1989 – 1995* (Memento, Ban VHVNTU, 1989)

Trích văn:

Hỏi ký Trần Độ

Bút ký xuân kỷ mảo

1- Vì đâu tôi viết bài bút ký này?

Vì nhiều lẽ.

Lẽ thứ nhất là: Thông thường mọi người, phần nhiều là người già, đầu xuân hay khai bút, làm thơ hoặc viết văn nói lên cảm nghĩ của mình về ngày xuân. Các nhà văn hay viết văn, các nhà thơ hay làm thơ, các cụ không phải là nhà thơ cũng làm thơ. Mấy năm nay, nhà văn Hoàng Tiến đều viết: "Cảm xúc mùa xuân" và đều gửi tặng tôi. Vì thế tôi là hội viên hội nhà văn, cũng muốn nghĩ ngóáy đôi dòng nói lên nhiều điều ứ tràn trong người.

Lẽ thứ hai là : Kể từ ngày tôi được nổi tiếng là "chống" "..."
(Tuy không ai nói tên), và từ ngày bị được khai trừ thì càng nổi tiếng hơn và rõ tên tuổi hơn. Tôi nhận được rất nhiều thư từ của nhiều người gửi đến. Có người là bạn quen, có người chưa quen. Thư là một bài viết, một tiểu luận, một kiến nghị, một khiếu nại, một tố cáo, một bài thơ. Có bài có ghi tên để gửi tôi, có bài không, có bài qua đường bưu điện, có bài cứ thấy được vút vào nhà các con cháu tôi nhặt được đưa cho tôi. Có bài có nội dung liên quan đến tôi, hoặc hoan nghênh tôi ở điểm này,

điểm khác, hoặc ngỏ ý muốn bổ xung cho tôi điểm nọ, điểm kia, hoặc ngỏ ý muốn thảo luận với tôi. Cũng có bài phê phán tôi. Tôi không có văn phòng để có người "Công văn đi đến" nên tôi không thống kê và ghi chép ngày giờ được. Nhưng tôi nhớ đại khái là thời gian tôi nhận được nhiều nhất là từ tháng 11 năm 1998 đến nay. Tôi không ghi được số lượng bản viết, có bản vài trang, có bản trên dưới chục trang. Tổng cộng số lượng có đến mấy trăm trang giấy. Nội dung thì có thể thu xếp vào một số hồ sơ như:

- Hồ sơ quan trọng nhất là hồ sơ chống tham nhũng ở cấp cao, vụ thủy cung Hồ Tây.
- Hồ sơ vụ án Lê Hồng Hà, Hà Sĩ Phu, vụ Nguyễn Trung Thành, vụ Bùi Minh Quốc.
- Hồ sơ về các góp ý về lãnh đạo và xây dựng Đảng...

Tôi thấy trong các ý kiến đó, có nhiều ý kiến giống tôi, có nhiều ý kiến có thể bổ xung cho tôi. Tôi mơ ước có điều kiện thuận lợi gặp nhau (Ví dụ có một hình thức Câu lạc bộ nhỏ nào đó, hoặc một cơ quan ngôn luận nào đó) thì có sự trao đổi, tôi chắc chắn là tuyệt vời, vui vẻ và rất bổ ích, củng cố thêm an ninh Quốc gia. Nhưng tôi chỉ dám mơ ước như hồi nhỏ mơ ước làm võ sĩ vậy thôi. Một lẽ khác nữa là gần đây tôi được nghe thuật lại có một vị lão thành trí thức phát biểu ở một hội nghị quan trọng, đặt vấn đề là Tình hình thế giới và trong nước bây giờ đã thay đổi lớn lắm rồi, không thể dùng cách nhìn cũ mà nhìn được nó. Xu hướng toàn cầu hóa các mặt ở thế giới đang là xu hướng quan trọng chủ yếu. Ta cần đặt vấn đề nghiên cứu và xác định đường lối. Phải giải quyết vấn đề đường lối, chứ không thể chạy theo giải quyết những việc cụ thể nó có hàng vạn, hàng triệu. Tôi rất tâm đắc ý kiến này. Dòng suy nghĩ của tôi như được tiếp một sức mới, và tôi thấy có lẽ cũng có nhiều người khác nữa cũng thấy như tôi.

Một lẽ nữa là trong năm vừa qua tôi xem tivi, được xem nhiều phim của Trung Quốc (Lục Địa, Đài Loan, Hồng Kông) được đọc nhiều tiểu thuyết của Trung Quốc (nhất là tiểu thuyết lịch sử, tiểu thuyết xã hội, tạp văn). Tôi thấy nhiều giá trị và tài năng ở các văn nghệ sĩ Trung Quốc (cả tư bản và xã hội chủ nghĩa). Tôi cứ ám ức trong người rằng: Các văn nghệ sĩ Việt Nam, thanh thiếu niên Việt Nam tuyệt nhiên không thể kém hơn Trung Quốc. vậy tại sao các tài năng Việt Nam không xuất lộ được để có những giá trị cao, đẹp ra đời??? Cái tội làm thui chột tài năng trải qua nhiều thế hệ là tội nặng nhất trong các tội đối với nhân dân và tổ quốc. Tôi nhìn hình ảnh các cháu nhỏ tươi vui, thông minh, nhanh nhẹn trên tivi mà thấy thất ruột, thất gan với câu hỏi: Các cháu lớn lên có được hưởng hạnh phúc tự do và được tự do phát biểu không hay lại chỉ có thể trở thành những con rối? Công lao của Hồ Chí Minh và Đảng cộng sản lớn nhất là mang lại độc lập, tự do cho Việt Nam? Vậy tự do đâu? Mùa xuân ơi! Còn nhiều lẽ khác nữa, nhưng kể thế tạm đủ rồi.

Chương 5

Đối với tôi đây là điều không may nhưng cũng là điều may, vì thực ra tôi cũng không muốn có mặt ở đại hội lắm, tôi có phải là nhà văn đâu mà ngồi chung với các nhà văn. Tôi vào hội là do yêu cầu lãnh đạo, chứ tôi tự xét, về mặt nghề nghiệp tôi chưa xứng đáng được gọi là nhà văn. Điều quan trọng nhất mà tôi mong chờ ở đại hội nhà văn lần này là được công bố bản kiểm điểm của mình... Và điều này tôi đã đạt được một cách may mắn. Với lý do bận công tác không dự Đại hội được, tôi nhờ Nguyễn Văn Hạnh gửi đến các đồng chí chủ trì Hội nghị các Đảng viên Hội nhà văn "bản kiểm điểm" kèm theo lá thư với nội dung:

Hà Nội ngày 20//0//989

Kính gửi:

- Các đồng chí chủ trì Hội nghị
- Các Đảng viên Hội nhà văn

Tôi cũng là một hội viên Đảng viên, nhưng thời gian này tôi phải thực hiện một chương trình công tác của ủy Ban Văn hóa Giáo dục của Quốc Hội ở các tỉnh phía Nam, nên không dự được hội nghị.

Theo thông báo của Ban Tư Tưởng Văn Hóa, trong chương trình Hội nghị có sự báo cáo kiểm điểm của Ban Văn Hóa Văn Nghệ Trung ương (cũ). Tôi đã chuẩn bị bản báo cáo đó xong từ vài tháng trước. Rất tiếc là tôi không dự được hội nghị để trực tiếp đọc báo cáo. Vậy tôi xin gửi đến Hội nghị bản báo cáo đó (ba bản) để các đồng chí sử dụng. Có thể đọc chung trong Hội nghị hoặc chuyển cho những đồng chí cần biết đến nó. Những ý kiến của tôi viết trong báo cáo cũng là những ý kiến tôi đã phát biểu nhiều lần trước Ban Bí thư Trung ương và Hội đồng tư tưởng. Xin chúc Hội nghị nhiều kết quả và xin gửi lời kính chào tất cả các đồng chí.

Trần Độ

Khi Đại hội diễn ra ở Hà Nội thì tôi đang ở miền Nam. Tuy ở xa nhưng tôi rất quan tâm tới Đại hội. Tôi biết nhiều anh đang bước vào cuộc chiến đấu với niềm lạc quan vốn có của những người luôn tự tin ở sự đúng đắn của mình. Tôi cũng nhìn rõ những khuôn mặt trên Chủ tịch đoàn và cảm thấy cuộc đấu này sẽ diễn ra quyết liệt. Nhưng tôi tin Đại hội Nhà văn sẽ thắng, sẽ vui như Nguyễn Khải đã dự đoán hơn một năm trước đó... Bởi bối cảnh lần này đã khác xa bối cảnh của Đại hội III. ở Đại hội III, vụ án đề dẫn của Nguyên Ngọc vẫn còn treo lơ lửng trên đầu mọi người như một chiếc thòng lọng. Không khí của Đại

hội III tôi cho vẫn còn theo cách cũ, chỉ đạo từ trên xuống là chính.

Còn bây giờ Đại hội IV diễn ra sau Đại hội VI, sau nghị quyết 05, sau những trao đổi thẳng thắn trong mục "Văn nghệ phỏng vấn" suốt hai năm qua, đã tiếp thêm sức mạnh cho họ vững vàng bước vào cuộc chiến đấu mới.

Từ đồng bằng sông Cửu Long tôi về tới thành phố Hồ Chí Minh đúng lúc Đại hội Nhà văn kết thúc, tôi tìm gặp Nguyễn Duy và một số đại biểu hội viên và nhìn thấy rõ sự vui mừng hớn hở trên nét mặt mỗi người. Tay bắt, mặt mừng, họ chuyển sự phấn khởi sang tôi như niềm vui của những người lính thắng trận từ chiến trường trở về. Khi tôi hỏi về không khí của đại hội và diễn biến cụ thể của Đại hội, Nguyễn Duy không nói mà trao cho một bài thơ song thất lục bát dài, với nhan đề "Nhìn từ gần... Đại hội Nhà văn".

Trở về nhà nghỉ T78, suốt đêm tôi cứ đọc hoài bài thơ của Nguyễn Duy, vừa đọc vừa cười một mình. Bài thơ thật là hay, thật là dí dỏm, nhưng cũng thật là chân thực.

Bài thơ đó như sau:

Nhìn Từ Gần... Đại Hội Nhà Văn

1-

*Thuở trời đất nổi cơn đại hội
Dân làng vẫn lắm nỗi truân chuyên
Xanh kia thăm thẳm từng trên
Vì ai cách trở cho nên nổi này.*

2-

*Trống Hà thành lung lay bóng nguyệt
Sương Ba Đình mờ mịt như mây*

*Bảy lần nghị quyết trao tay
Đêm đêm bàn bạc ngày ngày tung tin*

3-

*Phút khai mạc hội trường ngơ ngác
Nghe Đông Hoài giảng Mác Lênin
Nhà văn phải có niềm tin
Đổi mới, dân chủ kẻ bên kết đoàn*

4-

*Hội thảo thọ tràng giang hùng biện
Tới Bắc Kinh bàn chuyện Xô Nga
Dài như chuyện nước nam ta
Đứt thôi lại nối thấp đà lại cao*

5-

*Ngôn luận chiến cứ ào ào sấm nổ
Trường cơ đồ sụp đổ tới nơi
Bác Sáu à - Bác Sáu ơi
Nhà ta nó phá tan rồi còn đâu*

6-

*Trang giấy trắng một màu quan ái
Oan khiên này biết giải cùng ai
Giận hờn quá hóa thiên tai
Văn đàn bỗng hóa văn đài phải chăng?*

Đọc xong, tôi cứ thú vị và cười một mình. Lớp trẻ bây giờ thật tuyệt vời - vừa có tài vừa có bản lĩnh. Tôi rất yêu quý họ và nhiều người trong số họ cũng yêu quý tôi. Tôi không chủ quan khi khẳng định điều này. Và đây chính là lại thêm một hạnh phúc lớn nữa của đời tôi...

Sau Đại hội Hội nhà văn lần thứ IV, tôi lại có một sự kiện nữa. Đó là chuyện báo Cửa Việt phỏng vấn tôi. Khi các tỉnh Quảng

Trị, Quảng Bình tách ra khỏi anh Bình Trị Thiên, tỉnh Quảng Trị có một hội văn nghệ riêng và Hội đó ra một tờ báo riêng, đó là báo Cửa Việt, anh Hoàng Phủ Ngọc Tường làm Tổng biên tập. Sau khi Cửa Việt ra số 1 tôi nhận được một thư phỏng vấn của Cửa Việt. Thư phỏng vấn có 4 câu hỏi:

- Về Nghị quyết 05.
- Về tình hình văn học hiện nay.
- Về Nguyễn Huy Thiệp.
- Về Đại Hội lần IV của Hội nhà văn.

Tôi vốn rất có cảm tình với nhóm Sông Hương trong đó có Hoàng Phủ Ngọc Tường, trong không khí đang còn hào hứng của đôi mới, tôi đã trả lời phỏng vấn. Ba câu hỏi trên tôi đã trả lời tóm tắt nội dung bản "kiểm điểm". Còn về câu hỏi thứ tư tôi đã không do dự trả lời đúng như những gì tôi nghĩ, đúng như những gì nó đã diễn ra mặc dầu một số người có ý không chấp nhận điều đó

Báo Cửa Việt hỏi: Anh không tham gia nhưng đã theo dõi Đại hội Nhà Văn lần thứ tư, xin anh cho biết suy nghĩ của anh về Đại hội này?

Trả lời: *Đại hội Nhà văn là một đại hội rất tốt đẹp, tôi rất vui mừng và yêu mến thêm các nhà văn rất nhiều. Đại hội đã chứng minh được giúp tôi một nhận định của tôi đã có từ lâu mà có nhiều người phản bác: Nhận định đó là các văn nghệ sĩ của ta rất đáng tin cậy, được rèn luyện khá nhiều đã có đủ sức để biết giải quyết công việc của mình tốt hơn những người khác cứ muốn làm hộ. Tất nhiên, các việc Hội Nhà văn và các Hội khác đã làm chưa đầy đủ chưa hoàn toàn. Nhưng đã là tốt đẹp. Sau này các Hội sẽ bổ sung, sẽ chỉnh lý, sẽ làm thêm, và cũng chỉ các Hội mới biết làm thế nào cho tốt. Có những việc, các Hội có thể làm không tốt làm sai, làm có hại vì nhiều lý do. Nhưng rồi cuối cùng cái gì là sự thật, cái gì là tốt hơn cũng sẽ*

có người nói lên, vạch ra. Đại hội Hội Nhà văn đã làm việc đó, đã cất lên những tiếng nói vừa xúc động vừa có sức mạnh vạch trần những sai lầm, bất công, những dối trá, xuyên tạc vu cáo. Tiếng nói đó có khi là những lá phiếu. Vì vậy Đại hội Nhà văn là một sự kiện có ý nghĩa quan trọng đặc biệt trong quá trình dân chủ hóa của Đảng ta và của nước ta.

Trong Đại hội có một sự việc liên quan đến tôi tiện đây tôi muốn nói rõ, để có một số người nghe những tin đồn khác nhau cứ đến hỏi tôi rằng: sự thật thế nào?

Sự thật là như sau: Trong thời kỳ chuẩn bị cho Đại hội Hội Nhà văn, thời gian mà Ban Văn hóa Văn nghệ Trung ương không còn, tôi được thông báo là sẽ có Hội nghị Hội viên là Đảng viên và trong Hội nghị đó Ban Văn hoá Văn nghệ Trung ương cần có bản kiểm điểm, vì trước đó giữa Ban Văn hoá Văn nghệ Trung ương và Ban thư ký cũ của Hội Nhà Văn có một sự việc quan hệ không thuận lắm. Tôi đã chuẩn bị một bài viết gọi là kiểm điểm. Có những người cho rằng bản kiểm điểm đó sẽ là sự nhận hết những tội lỗi mà họ đã báo cáo với cấp trên. Tôi gửi lại bản tài liệu, tôi xin phép vắng mặt vì tôi cũng là Hội viên, Đảng viên. Tôi không yêu cầu công bố bản đó mà chỉ gửi cho các đọc chủ trì Hội nghị. Nhưng tất nhiên, tôi cũng không yêu cầu không công bố. Thế rồi ra Hội nghị chính thức, có người và sau đó nhiều người yêu cầu công bố, Chủ tịch đoàn quyết định cho công bố, yêu cầu anh Nguyễn Văn Hạnh phó Ban Văn hoá Văn nghệ cũ và cũng là một hội viên đọc tài liệu đó giữa Đại hội. Tôi đã nói tôi viết tài liệu đó không phải để xưng tội, mà là để góp tiếng nói trung thực làm sáng tỏ những sự thực về quan điểm nhận thức và về một vài sự kiện. Tôi được biết đa số đại hội chấp nhận những điều tôi trình bày - Tất nhiên cũng có những người không chấp nhận, không dám chấp nhận và không muốn chấp nhận. Thật ra tôi còn muốn bài đó được đăng báo nữa. Và ai muốn bác bỏ nó thì cũng viết báo nói lại cho mọi người cùng xem và xét. Nhưng tất nhiên sau

Đại hội, tự nhiên tất cả các báo từ Nam chí Bắc đều im hơi lặng tiếng. Báo Đất Quảng có đăng một số tham luận của Đại hội thì bị giữ lại, không được phát hành. Ai và ở đâu có chỉ thị ngầm này. Đồng thời sau Đại hội lại có lan truyền một tin tức nghiêm trọng là anh Nguyễn Văn Hạnh bị kiểm điểm nặng nề và bị cách chức! Tôi đã công khai đặt ba câu hỏi (tôi không tiện nói đặt ra với ai):

1 - Tài liệu của tôi có phải tài liệu bị cấm lưu hành không? Có phải tài liệu loại "tuyệt mật" không? Nếu không bị cấm, không tuyệt mật thì anh Hạnh hay ai đó có truyền đi, tại sao lại có thể là "phải kiểm điểm" phải có tội

2- Tôi không yêu cầu công bố vì tôi tự thấy không thể tự tôi yêu cầu công bố kiến của tôi trước Đại hội - vì nó là tài liệu quá dài nên đọc nó gấp ba lần thời gian cho phép tham luận - nhưng tôi cũng không yêu cầu không công bố. Trong thâm tâm, tôi muốn được nhiều người biết để xóa bỏ một loạt ý kiến xuyên tạc vu cáo có thể nói là bỉ ổi.

3- Sự việc rành rành như vậy tại sao anh Nguyễn Văn Hạnh cứ bị yêu cầu kiểm điểm làm cho anh Hạnh không biết mình phải kiểm điểm như thế nào?

Đại hội vui thế, tốt thế, thế mà sau Đại hội lại có việc "vớ vẩn" thế. Tôi cũng muốn bắt chước Nguyễn Duy quát to lên rằng : Ai? Ai định làm gì? Ai định làm thế để làm gì? Hãy nói công khai huých toẹt ra xem nào? Thời kỳ dân chủ và công khai sao lại còn có những việc úp úp mở mở, lắt léo, mù mờ, ám muội thế này? Có người bảo là ý kiến Ban bí thư yêu cầu, tôi trực tiếp hỏi anh Đào Duy Tùng là bí thư phụ trách tư tưởng, anh Tùng bảo là không có. Vậy có bao nhiêu việc mà người ta cứ nhân danh Ban bí thư áp đặt quyền uy một cách ám muội như thế này? Tôi đã trả lời một cách thẳng thắn các câu hỏi của các đồng chí. Cảm ơn các đồng chí Cửa Việt đã hỏi để tôi được nói

lên những điều cần nói. Ai muốn bác bỏ những điều tôi nói xin báo Cửa Việt cũng thu nhận và đăng bài công khai... cho nó vui.

Trong sự kiện Đại Hội Nhà Văn, anh Nguyễn Văn Hạnh có bị liên lụy nặng nề. Số là trước khi tôi đi công tác ở miền Nam, tôi gửi lại anh Hạnh, lúc ấy là phó ban văn hóa văn nghệ cùng với tôi, ba bản "kiểm điểm" như tôi nói trên và tôi có tặng riêng anh Hạnh một bản "làm kỷ niệm". Vì tôi gửi cho các đồng chí chủ trì Hội nghị Hội viên - Đảng viên, nên Chủ tịch đoàn của Đại hội không có trong tay bản nào.

Khi trong Đại hội có người đòi công bố bản kiểm điểm của Trần Độ với dụng ý là được nghe những lời "xung tội của Trần Độ, để sau đó có dịp đánh hô thêm, tấn công rầm rộ vào xu hướng đổi mới. Những người công khai thì thành thật muốn biết ý kiến của tôi, thế là trong đại hội nổi lên một yêu cầu rầm rộ và gay gắt. Chủ tịch đoàn đành phải đáp ứng yêu cầu này. Trong Hội nghị Đảng viên, các đồng chí chủ trì không thông báo sự việc "có bản kiểm điểm" và chủ trương "cất kín" không công bố. Đến nay ở Đại hội có việc này, Chủ tịch đoàn bảo là Chủ tịch Đoàn không có bản đó trong tay và cất tiếng hỏi "Ai có không?" Anh Hạnh với lòng trung thực của mình liền bảo: "Tôi có". Thế là Chủ tịch đoàn yêu cầu anh Hạnh đọc luôn cho Đại hội nghe. Tôi nghe nói lại là, khi anh Hạnh đọc, không khí Đại hội rất sôi nổi, nhiều đại biểu tán thành và hưởng ứng, nhiều tràng vỗ tay.

Nhưng sau đó thì anh Nguyễn Văn Hạnh mang một vạ lớn: Cấp nào đó yêu cầu anh Hạnh phải kiểm điểm! Thương thay, anh Hạnh không biết phải kiểm điểm thế nào, vì anh tự thấy anh không hề có khuyết điểm gì? Anh không làm việc gì có hại hoặc không có lợi. Anh liền viết bản "Trình bày về việc... đọc bản kiểm điểm của anh Trần Độ. Nhưng cấp lãnh đạo cho rằng kiểm điểm thế là không thành khẩn, không đạt yêu cầu. Anh

Hạnh phải kiểm điểm lần thứ hai. Lần này anh cũng không biết nói gì hơn, anh chỉ biết sửa đầu đề từ chỗ "bản trình bày" thành "Bản kiểm điểm" và thế là lại không đạt yêu cầu. Lãnh đạo lại yêu cầu anh Hạnh phải kiểm điểm trước Hội nghị Chi bộ của Ban Văn hóa văn nghệ. Tôi đã thôi làm Trưởng ban, nhưng vẫn là một đảng viên trong chi bộ của Ban. Tôi đi công tác miền Nam về Hà Nội đúng vào dịp có Hội nghị chi bộ đó. Hội nghị đó anh Trần Trọng Tân trưởng ban mới của Ban tư tưởng văn hóa đến dự. Trong cuộc Hội nghị đó có đồng chí phê bình anh Hạnh là "thiếu ý thức tổ chức kỷ luật", biểu hiện ở chỗ không biết đón ý cấp trên. Cấp trên đã không muốn cho công bố tài liệu đó của Trần Độ, mà anh Hạnh lại cứ tạo điều kiện cho tài liệu đó được công bố. Tôi phát biểu ý kiến bác bỏ ý kiến đó. Tôi nói: Nếu quan niệm ý thức tổ chức kỷ luật là phải biết "đón ý cấp trên" thì là sai lầm và bản thân tôi cũng không muốn có cái ý thức đó.

Anh Trần Trọng Tân thì cho là anh Hạnh không khéo ứng xử. Anh Tân nói nếu như anh Tân gặp trường hợp đó thì anh sẽ ứng xử khác. Anh Hạnh đáp lại là mỗi người có một cách ứng xử riêng. Và cách ứng xử của anh Hạnh không có tội lỗi gì.

Tôi đề ra ba câu hỏi, như đã nêu trong cuộc trả lời phỏng vấn của báo Cửa Việt. Cuối cùng anh Tân cũng chỉ kết luận được là anh Hạnh đã ứng xử "không khéo". Vậy là cuộc kiểm điểm đã kết thúc dưới dạng một cái đuôi chuột. Và sự việc không đi đến đâu.

Sau khi báo Cửa Việt số 2 đã phát hành. Tôi được ban bí thư thông báo cho biết là có nhiều ý kiến phản ứng ở các nơi gửi về Ban bí thư, đặc biệt là có một số ý kiến của một số đảng bộ trong quân đội.

Tiếp theo đó, tôi phải có mặt làm việc với Ban bí thư và Bộ chính trị và tôi được Ban kiểm tra Đảng thông báo là sự việc

của tôi phải được đem ra trong Hội nghị Trung ương sắp tới. Trong Hội nghị này Trung ương sẽ xem xét mấy vụ kỷ luật. Những vụ kỷ luật thì Ban kiểm tra Đảng sẽ báo cáo trước Hội nghị. Còn việc của tôi, Bộ chính trị không coi là vụ kỷ luật, mà chỉ là một sự việc có các phản ứng của Đảng bộ. Sự việc này sẽ do Bộ chính trị thông báo lại với Trung ương và Bộ chính trị không đề nghị kỷ luật.

Đến Hội nghị Trung ương sự việc diễn ra đúng như thế Nhưng sau khi Bộ chính trị, mà anh Đào Duy Tùng là đại diện thông báo, Chủ tịch đoàn Hội nghị hỏi Trung ương có ý kiến gì, thì lập tức có một số đồng chí phát biểu (độ 5, 6 người tôi không nhớ rõ) lên án tôi gay gắt cho tôi là vì bênh vực các văn nghệ sĩ nên gây rất nhiều khó khăn cho các địa phương. Các địa phương không đưa văn nghệ sĩ vào trật tự được, có người thì lên án tôi là đã phát biểu như là nói Ban bí thư có những việc làm mờ ám, như thế là xúc phạm cơ quan lãnh đạo của Đảng.

Sau đó Chủ tịch đoàn nói là "Yêu cầu Trung ương cho ý kiến về kỷ luật", và văn phòng phát phiếu kỷ luật cho toàn thể các đồng chí chính thức để ghi ý kiến. Tôi cũng nhận được một phiếu. Tôi có lưu ý đến một số chi tiết: Phiếu này được in sẵn với đầu đề: "Phiếu về thi hành kỷ luật đồng chí Trần Độ" và có 4 mức kỷ luật: Khiển trách, cảnh cáo, cách chức và khai trừ. Tôi chỉ nhớ được kết quả là có 65 ý kiến: Cảnh cáo, chỉ có 3 ý kiến là không kỷ luật còn độ hơn mười ý kiến là khiển trách. Như vậy kết luận là tôi bị kỷ luật cảnh cáo.

Tôi còn nhớ một chi tiết nữa là các bản thông báo kỷ luật thì hai đồng chí bị thi hành kỷ luật thông báo tội trạng chỉ có khoảng nửa trang đánh máy và riêng bản thông báo kỷ luật của tôi dài tới 5 trang, trong đó có cả những nội dung như là tranh cãi lý luận với tôi vậy.

Thế là kết thúc một quãng đời tôi 15 năm (1975 - 1991) là

quãng đời hoạt động trong hòa bình và thống nhất của đất nước.

Cuộc đời tôi có nhiều quãng:

1940 - 1 945 hoạt động bí mật và ở tù.

1946 - 1954 Kháng chiến chống Pháp.

1955 - 1964 Xây dựng quân đội trong hòa bình.

1965 - 1974 Chiến đấu chống Mỹ ở B2.

Và quãng 15 năm này nghĩ lại cũng thấy có nhiều việc vui buồn đáng tiếc và đáng nhớ. Nhưng nói chung, tôi không có gì phải ân hận. Hiện nay tôi được nghỉ ngơi hoàn toàn, lấy việc theo dõi tin tức, tiếp nhận những kiến thức mới làm niềm vui cuộc sống.

Trong bài *Nhìn lại những quan điểm của tướng Trần Độ, 4 năm sau ngày ông qua đời*, Nguyễn An của đài RFA đã viết ngày 9-8-2006 như sau:

Ông đã đứng về phía nhân dân để nói lên những yêu cầu mặc dù đơn giản, và hợp lý mà chưa hề được đáp ứng. Nhưng cũng vì thế mà có những người khác tiếp bước ông trên con đường dân chủ hoá đất nước. Con đường ấy dẫu có dài, nhưng đã đi thì ắt là có lúc đến.

Tài liệu tham khảo:

- Trần Độ Web: vi.wikipedia.org

- *Hồi Ký Trần Độ* Web: lmvn.com

Tiết bốn: Nhà văn, nhà báo, trí thức phản tỉnh

Sau năm 1975, một số nhà văn, nhà báo là đảng viên là những người được đào tạo, trưởng thành dưới chế độ cộng sản ở miền Bắc, họ thấy rõ chế độ nên đã phản tỉnh qua những bài viết, bày tỏ tâm tư của họ về tự do, dân chủ, họ can đảm tranh đấu ngay tại quê hương mình, chấp nhận tù đày, để cho mọi người cùng biết, cùng thức tỉnh, có người được dịp, xin tị nạn chính trị ở nước ngoài, để có thể tranh đấu cho nền dân chủ cho tự do tư tưởng, ngôn luận. Họ chỉ là một số người tiêu biểu, được trình bày trong tiết này.

1) Dương Thu Hương



Dương Thu Hương (1947-20)

Dương Thu Hương sinh năm 1947 tại Thái Bình, sống nhiều năm ở Hà Nội.

Năm 1967, lúc mới là sinh viên 20 tuổi tại Hà Nội, bà tình nguyện tham gia Thanh niên xung phong, phong trào Tiếng hát át tiếng bom, phục vụ trong một đoàn văn công tại một trong những khu vực chiến tranh ác liệt nhất lúc đó: Bình Trị Thiên. Bà là một trong bốn người trong đoàn sống sót trở về.

Bà lập gia đình trong thời gian này, có hai con một trai, một gái, năm 1980 hai người li dị.

Năm 1975, khi miền Bắc xua quân chiếm miền Nam, Dương Thu Hương từ Quảng Bình theo đoàn quân vào Sài Gòn, bà đã sáng tác truyện ngắn *Loài hoa biến sắc*. Sau một thời gian, bà trở ra Bắc.

Năm 1980, Dương Thu Hương tham dự khóa đầu tiên Trường viết văn Nguyễn Du. Ngoài viết văn bà còn công tác trong ngành điện ảnh.

Năm 1980, Dương Thu Hương đã có tác phẩm *Những Bông Bần Ly*, *Một bờ cây đổ thắm*, tiếp theo các tác phẩm khác ra đời, bà nhanh chóng nổi tiếng.

Năm 1984, Dương Thu Hương có theo chân đoàn phim ảnh sang Liên Xô.

Bà là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, nhưng đã bị khai trừ khỏi Đảng vào năm 1989, do "đấu tranh cho tự do dân chủ" và phê phán thể chế hiện hành. Bà viết nhiều tác phẩm nổi tiếng như *Bên kia bờ ảo vọng*, *Những thiên đường mù...* nói lên sự vỡ mộng của mình đối với chế độ cộng sản.

Năm 1991, Dương Thu Hương bị bắt vào tù từ 14-4-1991, cho đến 20-11-1991, với lý do là bán tài liệu ra nước ngoài, nhờ được Đệ nhất phu nhân Pháp bà Danielle Mitterrand vận động can thiệp, nên bà được trả tự do.

Năm 1994, bà sang Pháp được Bộ trưởng Văn hóa Pháp, ông Jacques Toubon, trao tặng Huân chương Văn hóa Nghệ thuật *Chevalier des Arts et des Lettres* năm 1994, được chính phủ Pháp mời ở lại tị nạn, nhưng bà trở về Việt Nam.

Dương Thu Hương có 6 tác phẩm được dịch ra tiếng Anh, tiếng Pháp và tiếng Đức. Đặc biệt, với cuốn *Chốn vắng*, bà đã lên truyền hình Pháp TF1. Đây được xem là cuốn tiểu thuyết xuất sắc nhất của bà, nằm trong danh sách đề cử giải Femina và nhận Giải thưởng lớn Đọc giả của tạp chí Elle (*Grand prix des lectrices de Elle*) 2007.

Tháng 4 năm 2006, bà được mời sang Paris, Pháp và sau đó sang New York, Mỹ dự một hội nghị Văn bút Quốc tế, chuẩn bị viết thêm tác phẩm mới, và cũng để ra mắt bạn đọc khắp nơi. Kết thúc chuyến đi này, bà trở lại Pháp xin lưu trú, nói là để tiếp tục sáng tác và không can dự vào chính trị nữa.

Giữa năm 2008, bốn tác phẩm của bà đã được đưa vào bộ sách Bouquins ở Pháp: *Bên kia bờ ảo vọng*, *Những thiên đường mù*, *Tiểu thuyết vô đề* và *Chốn vắng*.

Năm 2009, Dương Thu Hương được GS.TS. Joseph Pivato, dạy môn văn chương Anh ngữ tại đại học Athabasca ở Alberta, Canada đề cử vào danh sách cứu xét cho giải Nobel văn chương của năm.

Nhà văn Dương Thu Hương hiện sống tại Pháp.

Tác phẩm:

- *Loài hoa biến sắc* (Truyện ngắn, 1975)
- *Miền cỏ tơ* (Truyện ngắn, 1976)
- *Những bông bần ly* (Tập truyện, Tác Phẩm Mới, 1980)
- *Một bờ cây đổ thắm* (Tập truyện, 1980)
- *Quầng trăng lơ* (Kim Đồng, 1981)
- *Chàng trai trên sân thượng* (Tập truyện, TCCT, 1985)
- *Hành trình ngày thơ ấu* (bản tiếng Pháp: *Itinéraire d'enfance*, Kim Đồng, 1985)
- *Ban mai yên ả* (Tập truyện, Thanh Niên, 1985)
- *Đổi thoại sau bức tường* (Tập truyện, TPM, 1985)
- *Chân dung người hàng xóm* (Tập truyện, Văn Học, 1985)
- *Hoa tàn xuân của mùa thu* (Truyện dài, 1985)
- *Chuyện tình kể trước lúc rạng đông* (Tập truyện, Hà Nội, 1986)
- *Bên kia bờ ảo vọng* (bản tiếng Pháp: *Au-delà des illusions*, Phụ Nữ, 1987)
- *Những thiên đường mù* (bản tiếng Pháp: *Paradis aveugles*, Phụ Nữ, 1988)
- *Các vĩ nhân tỉnh lẻ* (Tập truyện, Thanh Niên, 1988)
- *Quãng đời đánh mất* (Hải Phòng, 1989)
- *Tiểu thuyết vô đề* (còn có tên là *Khải hoàn môn*; bản tiếng Anh: *Novel Without a Name*)

- *Lưu ly* (bản tiếng Anh: *Memories of a Pure Spring*, 1996; bản tiếng Pháp: *Myosotis*, 1998)
- *Chốn vắng* (bản tiếng Anh: *No Man's Land*; bản tiếng Pháp: *Terre des oublis*, 2002)
- *Đỉnh cao chói lọi* (được dịch sang tiếng Pháp với tựa *Au Zénith*, 2009)
- *Sanctuaire du cœur* (2011)

Tài liệu:

Trong cuộc phỏng vấn với chủ đề: **40 năm, nhìn lại về ngôn từ**, do Tường An thông tin viên RFA thực hiện, nhà văn Dương Thu Hương đã phát biểu:

“Vào miền Nam tôi khóc vì sao? Là bởi vì tôi hiểu đạo quân chiến thắng ở miền Bắc phụ thuộc vào một chế độ man rợ. Rất nhiều dân tộc văn minh bị tiêu diệt bởi một chế độ man rợ hơn, bởi vì họ hung hăng hơn, vì họ có thể văn minh hơn vì văn hoá nhưng họ kém về phương diện tổ chức quân sự.

Sau này tôi mới hiểu tôi cũng ngây thơ tôi khóc thế thôi. 30-4 tôi còn khóc vì một lý do khác nữa là vì chúng tôi bị lừa. Chúng tôi đi không nghĩ ngày về, nhưng mà chúng tôi tưởng chiến thắng quân ngoại xâm nhưng thực sự hoàn toàn là không phải. Và tất cả tuổi trẻ của chúng tôi đã bị tiêu huỷ đi. Và vì vậy mà tôi khóc, trong những giọt nước mắt của tôi có cái phần chung cho dân tộc và có phần riêng của chúng tôi, của những người bạn tôi đã chết và của bản thân tôi đã hy sinh tuổi xuân một cách vô ích.

.....

Cái sự chiến thắng đó đem cho họ một lòng kiêu hãnh quá độ. Cho nên cái chiến thắng ấy là mở màn cho tất cả những thất bại sau này. Và bây giờ, mặc dù họ còn giữ được chính quyền

nhưng cái thất bại thì rõ ràng không ai có thể chối cãi được là họ đã trở thành một bộ phận nô lệ của triều đình Cộng sản phương Bắc và cái sự bán nước của họ dù diễn ra trong bóng tối, nhưng nhân dân và tất cả những người có lương tâm đều đoán được một cách chính xác.

Chiến thắng 30/4 khiến cho những người Cộng sản có món mồi bở béo giống như ông Nguyễn văn Trấn viết trong cuốn «Viết cho Mẹ và Quốc hộ» - tôi cho ông Nguyễn văn Trấn là một người rất chính trực - ông ấy nói : nhà của người ta lấy, vợ của người ta ngủ v.v... và tức là một sự chiếm đoạt về mặt tài sản đối với tất cả những người mà đã chiến bại.

Họ đã thực hiện phương sách của Mao Trạch Đông, tức là «Toạ sơn quan hổ đấu» tức là để cho người Việt đánh nhau với người Mỹ, một cuộc chiến tranh sức tàn lực kiệt để mà dễ biến thành một thứ thuộc địa nghìn năm Bắc thuộc lần thứ hai.

.....

Về mặt những người miền Nam mà gọi là « Quốc hận » thì họ cũng phải nhìn lại. Tại sao ? Tại sao lại là « Quốc hận » Trước khi hận những người khác họ phải hận chính họ . Tại sao cùng một thời điểm, người Mỹ tạo ra những điều kiện để tạo ra chính sách dân chủ của 2 nơi : miền nam Việt Nam và miền Nam Hàn Quốc. Tại sao Hàn Quốc chiến thắng mà Việt Nam chiến bại ? Tại sao cùng một cơ hội lịch sử như thế, người Nam Triều Tiên họ đã chớp lấy cơ hội để biến đất nước của họ thành một xứ sở văn minh phồn thịnh, còn miền Nam thì không ? Cái đó phải xét lại.

.....

Bây giờ nhìn lại những phong trào chống Cộng của người Việt hải ngoại, ta thấy cái gì ? Trừ những vụ treo đầu dê bán thịt chó

như Hoàng Cơ Minh ra, rất nhiều chính khách khác chỉ chờ cơ hội để về Việt Nam thương thuyết với Cộng sản để chia ghế. Những nhà chống Cộng ở đây tôi biết thì hoàn toàn là một thứ trò du hí để thoả mãn cái lòng tự tôn của họ. Bởi vì sống ở nước ngoài họ không có một gương mặt hãnh diện, một vị trí xứng đáng cho nên là họ nêu chiêu bài chống Cộng, nhưng lúc nào cũng ngóng chờ Cộng sản chia tay ra để trở về chia ghế. Và có những ông Cộng sản chưa cần mời đã vội vàng đến sứ quán làm lạnh trước . Vì sao . vì họ thấy đấu tranh mệt mỏi quá, hàng Cộng sản đi kiếm được một chút vui thú trong cuối đời. Cho nên bây giờ muốn chiến thắng Cộng sản thì trước tiên phải chiến thắng chính bản thân mình.

Bây giờ rất nhiều Việt kiều ở nước ngoài chửi Cộng sản nhưng về trong nước lại vui thú, bởi vì Cộng sản cho làm ăn, cho kiếm tiền, cho chơi gái rẻ. Cho nên cái tinh thần chống Cộng của rất nhiều người theo tôi nó cũng giống như cái đuôi con chó, vẫy lên rồi vẫy xuống theo cái lợi ích của họ.

.....

Tóm lại, tôi thấy cần phải chống Cộng, nhưng trước hết cần phải soi lại bản thân mình. Thế còn người Cộng sản nhìn lại ngày 30/4 như một điều hãnh diện thì tôi đó là sự ngu ngốc . Bởi vì bây giờ, cái đũa ngu nhất thì cũng hiểu là họ đang bán nước và sẽ còn bán nước một cách trầm trọng hơn. Và nếu không có một sự kiện nào có thể thay đổi được vận mệnh quốc gia thì chắc chắn 1000 năm Bắc thuộc lần thứ hai sẽ diễn ra. Không phải với một đoàn quân phương Bắc kéo sang nữa mà là một sự không chế toàn bộ về mặt chính trị và kinh tế bắt đầu từ đảng Cộng sản Trung quốc đối với đảng Cộng sản Việt Nam và sau đó là hai nhà nước cùng một hệ thống mà tôi gọi là một thứ phong kiến trá hình.”

Trích thơ:

Có Một Ngày

*Biển xanh rờn
Cát trắng dịu êm
Đã có một ngày em yêu anh như thế
Ngọt mía lau và nồng hương quế
Em yêu anh như những tín đồ thấm giọng Thánh Kinh
Với Maria và nhịp dương cầm
Như kẻ tìm vàng ngắt ngây bên suối cát
Như đứa trẻ say mê chum pháo tét
Và nhấp nhô trong làn áo biếc
Biển làm mê những trái tim non
Những ai lần đầu tiên đến với đại dương.*

*Nhưng em làm sao giữ được
Cái ngày xưa đã quá xa xôi
Em như kẻ chài
Sống mòn tay với biển
Biển ấm nồng âu yếm
Biển dạt dào con sóng yêu đương
Và biển hung tàn ngạo nghệ cuồng điên
Biển bọt bèo và cát bờ dơ dáy
Những lưỡi đá ngầm giương dao dưới đáy
Những con sứa lầy trong đám rêu rong
Xác cá trôi nát rữa với cát rờng*

*Có một ngày
Và phải có một ngày như thế
Chẳng ai hối tiếc vì một thời thơ trẻ
Chẳng nên đau buồn vì khoảnh khắc ngây ngô*

*Dấu sao thì ta cũng đã sống qua
Dấu sao, ta cũng từng ném trái*

*Và ngày ấy sẽ còn điên đảo mãi
Những lứa tuổi dại khờ đang bước sau ta.*

- 0 -

Dương Thu Hương nhà văn bất đồng chính kiến, tác giả của những tựa sách như “Thiên đường mù”, “Bên kia bờ ảo vọng”, “Đỉnh cao chói lọi” ... là những tác phẩm phê phán đường lối chủ trương của nhà cầm quyền Cộng Sản Việt Nam. Trong Đỉnh cao chói lọi, bà vẫn còn thần tượng lãnh tụ Hồ Chí Minh, là người đem lại độc lập cho Việt Nam, có lòng nhân từ yêu vợ, thương con.

Tài liệu tham khảo:

- Dương Thu Hương Web: vi.wikipedia.org
- 40 năm, nhìn lại về ngôn từ Web: rfa.org



Nhà văn Dương Thu Hương tại Văn Phòng RSF

2) Bùi Tín



Thành Tín - Bùi Tín (1927-20)

Bùi Tín có bút danh Thành Tín sinh năm 1927 tại Huế, là con của Bùi Bằng Đoàn, nguyên Thượng thư Bộ Hình của triều đình Huế và nguyên Chủ tịch Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Thuở thiếu thời ông học ở Huế.

Năm 1945, cách mạng tháng Tám xảy ra, ông trở thành người hoạt động chính trị về mặt báo chí. Sau đó ông nhập ngũ. Ông đã chiến đấu trên hai mặt trận: một người lính cầm súng và viết lách là một nhà báo của Quân đội Nhân dân Việt Nam với bút danh *Thành Tín*.

Theo các tài liệu công bố tại Hoa Kỳ, Bùi Tín có tham gia trong việc phỏng vấn các tù nhân Hoa Kỳ và có tham dự việc lấy lời khai của tù binh John McCain, sau này là Thượng nghị sĩ, ứng viên Tổng Thống Mỹ

Bùi Tín đã có mặt ở dinh Độc Lập ngày 30 tháng 4 năm 1975 với tư cách phóng viên chiến trường.

Sau năm 1975, ông giải ngũ, tiếp tục viết báo, là Phó tổng biên tập báo *Nhân Dân*, kiêm Tổng biên tập tuần báo *Nhân Dân Chủ Nhật*.

Tháng 9 năm 1990, Bùi Tín sang Pháp dự hội hàng năm của báo *L'Humanité* (Nhân Đạo, báo của Đảng Cộng sản Pháp), rồi quyết định xin tỵ nạn tại Pháp, với lý do là để đấu tranh cho tự do, dân chủ và nhân quyền theo cách của ông.

Ban đầu ông phê phán đường lối hiện hành của ban lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam, ông cho rằng đã xa rời lý tưởng cộng sản. Dần dần, quan điểm của ông ngả sang phê phán cả chế độ cộng sản và lý thuyết xã hội chủ nghĩa, đòi hỏi một sự đổi mới tự do dân chủ một cách thật sự và nhanh chóng ở Việt Nam.

Hai tác phẩm nổi tiếng của ông viết sau khi ra nước ngoài là *Hoa xuyên tuyết* và *Mặt thật*. Cuốn *Hoa xuyên tuyết* được có mặt trong nhiều danh sách tài liệu tham khảo của các dự án nghiên cứu về Chiến tranh Việt Nam.

Hiện nay ông định cư tại Paris, thủ đô Pháp Quốc, thỉnh thoảng có sang Hoa Kỳ thuyết trình hay dự hội thảo.

Tác phẩm:

- *Hoa xuyên tuyết* (1991)
- *Mặt thật* (Turpin Press, 1994)
- *Về Ba Ông Thánh* (*Việt Luận*, Sydney, 1995)
- *Mây Mù Thế Kỷ*
- *Following Ho Chi Minh* (1995)
- *From Enemy To Friend* (2002)

Tài liệu:

Chỗ đứng của Đảng CS phải là vành móng ngựa

Chiến cuộc hơn 30 năm trên đất nước Việt Nam đã được nhận định, tranh luận, mổ xẻ trong một thời gian dài, đến nay những ý kiến trái ngược nhau vẫn còn tồn tại dai dẳng.

Một bên cho đó là “sự nghiệp chống ngoại xâm về vang của dân tộc VN”, một dân tộc anh hùng đã đánh bại phát xít Nhật, thực dân Pháp, đế quốc Mỹ thuộc ba lục địa Á, Âu, Mỹ, đánh bại hoàn toàn «ngụy quân và ngụy quyền Sài Gòn, tay sai đế quốc Mỹ», thống nhất đất nước, mở ra kỷ nguyên «xã hội chủ nghĩa cho cả nước». Công đầu thuộc về «Đảng CSVN quang vinh». Do đó ngày 30/4/1975 là ngày «lịch sử oai hùng» của dân tộc. Năm nay kỷ niệm 40 năm ngày «chiến thắng về vang» đó, Bộ Chính trị đảng CS quyết định tổ chức kỷ niệm long trọng trong cả nước, đặc biệt là ở các thành phố lớn: Hà Nội, Sài Gòn, Huế, Hải Phòng, Cần Thơ... có mít-tinh, duyệt binh, bắn pháo hoa, mở hội liên hoan quần chúng.

Ngược lại, một bộ phận không ít người Việt coi đây là ngày «quốc hận».

Suốt 40 năm nay, tôi đã suy nghĩ, tìm hiểu, dẫn đo, đọc không biết bao nhiêu tài liệu, tranh luận với hàng trăm bạn bè trong và ngoài nước, với gần một trăm nhà báo nước ngoài - Pháp, Mỹ, Anh, Đức, Nhật Bản, Trung Quốc - để rồi cố gắng độc lập suy nghĩ bằng đầu óc tỉnh táo của chính mình, không theo đuôi số đông, không dựa dẫm, lập dị, chỉ lấy sự thật và lẽ phải làm mục tiêu.

Từ đó tôi hoàn toàn tự tin để kết luận trong dịp này là trong 70 năm qua Đảng CSVN đã liên tiếp phạm hết sai lầm này đến sai lầm khác:

- đã chọn sai lầm học thuyết chính trị Mác – Lênin và chế độ toàn trị độc đảng cực kỳ tệ hại,
- đã phạm tội ác chống chất trong việc chủ trương bạo lực vũ trang, chủ động gây nên cuộc nội chiến huynh đệ tương tàn với hàng mấy triệu sinh mạng nhân dân, chủ yếu là thanh niên ưu tú thuộc cả 2 bên chiến tuyến,
- đã tàn phá vô kể sức lao động và của cải xã hội trong thời gian dài, trong các cuộc cải cách ruộng đất ở miền Bắc, cải tạo công thương nghiệp trong cả nước, đã vi phạm những hiệp định đã long trọng ký kết tại các Hội nghị Geneve năm 1954 và Hội nghị Paris năm 1973, đặc biệt là các điều khoản về «tôn trọng quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam», «không đe dọa dùng vũ lực và không dùng vũ lực», «thực hiện hòa hợp và hòa giải dân tộc», «không trả thù những người đã hợp tác với đối phương».
- đã đày đọa, trả thù hàng chục vạn viên chức và sỹ quan VN Cộng hòa trong hệ thống nhà tù mang nhãn hiệu «các lớp học cải tạo» để đánh lừa dư luận thế giới..

Có thể nói trên đây là những tội ác hiển nhiên có suy tính theo hệ thống, không thể chối cãi của đảng CSVN, của Ban Chấp hành Trung ương, của Bộ Chính trị, bằng chứng là các nghị quyết của Trung ương và Bộ Chính trị, đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 15 khóa II đầu năm 1959 chủ trương đồng khởi và khởi nghĩa ở miền Nam, xây dựng đường mòn Hồ Chí Minh từ Bắc vào Nam qua đất Lào và Campuchia, rồi Nghị quyết Trung ương 9 khóa III cuối năm 1963 chủ trương tăng cường chi viện quân sự quy mô của miền Bắc cho miền Nam, các quyết định về chiến lược của Bộ Chính trị năm 1974 và đầu năm 1975 dốc toàn bộ lực lượng để giải phóng miền Nam trong chiến dịch Hồ Chí Minh.

Các văn kiện trên chứng tỏ Bộ Chính trị đảng CSVN đã sớm xé bỏ triệt để các Hiệp định Geneve và Paris, công khai vi phạm sự cam kết và phản bội chữ ký của chính mình, chà đạp thô bạo «quyền tự quyết của nhân dân miền Nam VN được tự do lựa chọn chế độ của mình», 2 lần gây nên thảm họa di cư quy mô lớn năm 1954-1955 từ Bắc vào Nam và thảm kịch thuyền nhân từ 1975 đến 1980, với biết bao sinh mạng bị biển cả cuốn đi, bộ máy công an còn thu cơ man nào là vàng của hàng triệu người vượt biên.

Tất cả những điều kể trên là tội ác đối với toàn dân tộc, đặc biệt là đối với nhân dân miền Nam Việt Nam đã bị thôn tính bằng vũ lực công khai, phi pháp, trắng trợn, cũng là tội ác chống nhân loại, vi phạm Hiến chương của Liên Hiệp Quốc chủ trương quyền Tự quyết của các dân tộc là bất khả xâm phạm. Do đó ngày 30/4 có thể gọi là ngày Đen Tối, ngày Tội Ác, từ đó cũng là ngày Ô Nhục của Đảng CSVN.

Nếu như nhân dân Việt Nam được sống dưới một chế độ pháp quyền đầy đủ thì Bộ Chính trị đảng CSVN tự nhận là cơ quan lãnh đạo thường xuyên, liên tục và toàn diện đất nước phải bị đưa ra vành móng ngựa của Tòa án Nhân dân và của Tòa án Quốc tế về những Tội ác chồng chất trên đây.

Nhân dân Việt Nam vào thời điểm hiện tại số đông không còn ngu ngơ để đảng CS lừa dối bằng những thủ đoạn gian manh như Mặt trận Tổ Quốc (do chính đảng CS dựng lên), Mặt trận Dân tộc Giải phóng và Chính phủ Cách mạng lâm thời (cũng do đảng CS tổ chức), tự giải tán đảng CS Đông dương tháng 11/1945 (thật ra chỉ là rút vào bí mật), đổi tên đảng Lao động VN từ 1952 đến 1976 (vẫn là bản chất Cộng sản, luôn theo lệnh từ Moscow), đế quốc Mỹ xâm lược (là một kiểu vu khống), nguy quân nguy quyền (cũng là vu cáo bỉ ổi vì chính CS mới tự nguyện làm nguy quân nguy quyền cho CS Quốc

tế). Họ cho trên đây là những nét sáng tạo cao tay, thật ra là trò bịp rẻ tiền.

Trống kèn âm ỹ, pháo hoa khắp nơi, duyệt binh hoành tráng chỉ còn là màn khói mỏng che đậy những sai lầm và tội ác chồng chất cùng những bất công kinh khủng mà xã hội không còn có thể chịu đựng nổi.

Đến nay mọi sự sai lầm, giả dối, lừa lọc, my dân của các khóa Bộ Chính trị đều đã và đang phá sản, nhiều đảng viên CS có công tâm, trọng danh dự đã lên tiếng đòi đảng phải từ bỏ cái tên CS tội lỗi, thực hiện chế độ đa nguyên để có kiểm tra, tranh đua, thay thế cùng với các đảng khác trên cơ sở bình đẳng, tạ tội với toàn dân. Nếu Bộ Chính trị vẫn cứ chủ quan ngang ngược, họ sẽ vấp phải sự phẫn nộ của toàn dân được thế giới dân chủ hỗ trợ, họ sẽ ngày càng bị cô lập, và họ sẽ không trách khỏi là những kẻ phạm tội ác bị toàn dân hỏi tội trước vành móng ngựa của luật pháp công minh.

Hồ sơ tội phạm đã đầy đủ đến thừa thãi.

Tôi xin thách nhân dịp này, Học viện chính trị Mác – Lenin mang tên Hồ Chí Minh tranh luận tay đôi với tôi về Hồ sơ Tội ác của đảng CSVN tôi phác họa trên đây. Tôi là một nhà báo tự do đang sống ở nước ngoài, từng ở trong đảng CS 44 năm, am hiểu không ít về chế độ CS, cuộc tranh luận công khai này sẽ lấy dư luận xã hội làm trọng tài.

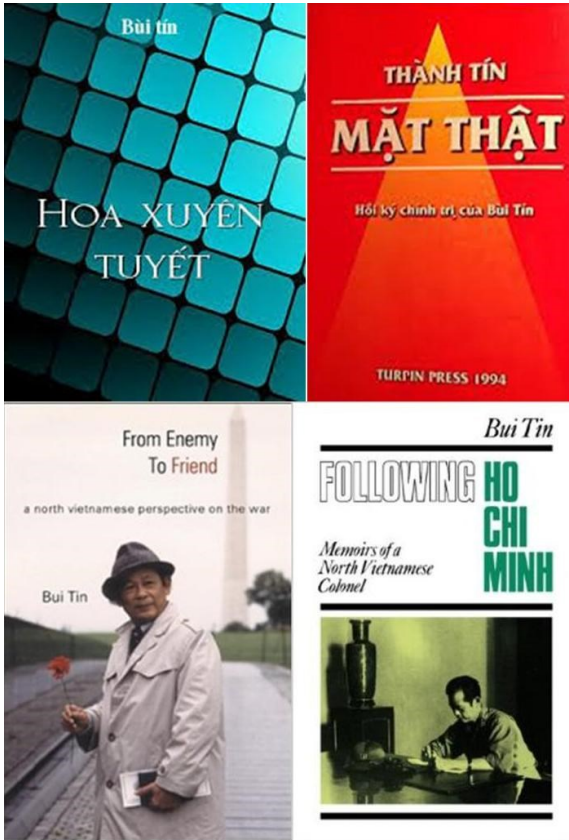
-0-

Trên VOA, Đài Tiếng Nói Hoa Kỳ đã viết giới thiệu về nhà báo Bùi Tín:

Nhà báo Bùi Tín hiện sống tự do ở Pháp, là một nhà báo chuyên nghiệp, một nhà bình luận thời sự quốc tế, và là cộng

NHỮNG NHÀ BẤT ĐỒNG CHÍNH KIẾN

tác viên thường xuyên của đài VOA. Đối tượng chính của nhà báo Bùi Tín là giới trí thức trong và ngoài nước, đặc biệt là tuổi trẻ Việt Nam quan tâm đến quê hương tổ quốc.



Tài liệu tham khảo:

- Bùi Tín Web: vi.wikipedia.org
- *Chỗ đứng của Đảng CS phải là vành móng ngựa* Web: voatiengviet.com

3) Trần Khải Thanh Thủy



Trần Khải Thanh Thủy (1960-20)

Trần Khải Thanh Thủy sinh ngày 26 tháng 11 năm 1960 tại Hà Nội.

Năm 1982, tốt nghiệp trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Từ năm 1986 đến 1993 bà là giáo viên tại tỉnh Hà Tây.

Năm 1993 bà bỏ nghề dạy học về Hà Nội viết báo Cựu chiến binh và các báo khác như Người cao tuổi, Văn hóa văn nghệ công an, Lao động thủ đô.... Bà dùng nhiều bút danh như: Nguyễn Thái Bình, Nguyễn Quý Dân, Nguyễn Hải, Võ Quế Dương, Nguyễn thị Hiền, Trần Thị Thanh Hằng, Phạm Xuân Mai, Mai Xuân Thương, Đồ nghệ Việt Nam.

Năm 1999 bà bị buộc thôi việc, bắt đầu viết tự do.

Trần Khải Thanh Thủy là hội viên Hội Văn học Nghệ thuật Hà Nội, hội viên danh dự Hội Văn bút Quốc tế Anh (Honorary

Member of PEN UK 2007). Bà là một người bất đồng chính kiến với nhà cầm quyền Việt Nam.

Ngày 2 tháng 9 năm 2006 công an đã bắt bà khi đang chuyển tài liệu ra nước ngoài và khám xét nhà bà sau đó.

Tháng 2 năm 2007 tổ chức Human Rights Watch tặng Giải Hellmann/Hammett cho bà (và nhiều người Việt khác: Đỗ Nam Hải, Lê Chí Quang, Nguyễn Chính Kết, Nguyễn Khắc Toàn, Nguyễn Văn Đài, Nguyễn Vũ Bình, Phạm Quế Dương).

Ngày 21 tháng 4 năm 2007 Trần Khải Thanh Thủy bị Cơ quan An ninh điều tra Công an TP. Hà Nội bắt khẩn cấp vì tội "tuyên truyền chống Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam".

Ngày 5 tháng 2 năm 2010, bà bị xử 3 năm rưỡi tù vì tội cố ý gây thương tích. Có ý kiến cho rằng đây là một vụ việc được cơ quan an ninh Việt Nam dàn dựng. Những hình ảnh và chứng cứ đưa ra để bắt bà được cho là giả mạo.

Trần Khải Thanh Thủy sau 21 tháng tù, bà được trả tự do nhờ dân biểu Loretta Sanchez vận động, nên Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ gây sức ép với nhà cầm quyền Việt Nam, nên bà được đưa sang Mỹ định cư với con gái út 14 tuổi. Bà đặt chân đến đất Mỹ vào sáng sớm ngày Thứ Năm 23-6-2011 tại phi trường San Francisco, Mỹ.

Tác phẩm:

- *Thơ đó* (Văn hóa Dân Tộc, 1989)
- *1001 chuyện lừa đời* (Phóng sự, Thanh Niên, 1998)
- *Ngôi nhà của Gấu* (Kim Đồng, 1998)
- *Vợ chồng như thớt với dao* (truyện vui, Thanh Niên, 2000)
- *Sông không đến, bến không vào* (Kim Đồng, 2000)

- *Làm chị* (Kim Đồng, 2001)
- *Bấm sáu cái nồn nường...* (Văn hóa Dân Tộc, 2002)
- *Từ trong cổ tích* (truyện ký, Kim đồng, 2003)
- *Lưu Hương Ký* (bình chú, Thanh Niên, 2004)
- *Khát sống* (truyện ký, Kim Đồng, 2004)
- *Âm thầm*, (th), Hội Liên Hiệp Nghệ Thuật Hà Nội, 2004)
- *Biết yêu từ thờ còn thơ*, (phóng sự, Hội Nhà Văn, 2005)
- *Song hỉ lâm môn*, (truyện vui, Hà Nội, 2005)
- *Khúc khích xuân Hương* (Văn hóa Dân Tộc, 2005)
- *Tôn Thất Bách- Y Đức một đời* (Kim Đồng, 2006)
- *Viết từ hang đá, nhỏ lệ cùng dân* (2007)
- *Chết ngoài kế hoạch*, *Chuyện cười XHCN* (Cội Nguồn, 2013)

Trích văn:

Chết ngoài kế hoạch

Lời giới thiệu truyện ngắn "Chết Ngoài Kế Hoạch" là một trong những truyện ngắn tiêu biểu cho ngòi bút trào lộng của nhà văn Trần Khải Thanh Thủy - nụ cười và nước mắt đồng hành. Mặc dầu cảnh trong truyện là cảnh trước đây hơn chục năm trên miền Bắc xã hội chủ nghĩa, nhưng nhờ biết nó ta mới giải thích được vì sao trong các cơ quan công quyền hôm nay ở nước ta vẫn còn những hiện tượng không hiểu nổi nếu nhìn bằng con mắt của người đã từng sống ở những nước dân chủ. Chúng tôi nhận được truyện ngắn này trong dạng bản thảo. Một tập truyện chưa xuất bản của Thanh Thủy nay mai sẽ ra mắt bạn đọc.

*Paris 25-9-2006
Nhà văn Vũ Thu Hiền*

"Chết sông chết suối, ngờ đâu chết đuối đọi đèn..."

Thằng cháu tôi đi bộ đội bốn năm, bảy tháng, lù lù dẫn xác về. Chưa kịp nhập hộ khẩu, đã sinh cò bạc, số đề, rượu chè, rồi thất tình, đau khổ... Một buổi trưa nó nốc rượu say mềm và gục mặt chết ở vũng nước tiểu của mình.

Gom góp họ hàng được gần ba trăm ngàn, tôi tức tốc đạp xe lên cửa hàng huyện, nơi chuyên bán áo quan, xô màn:

- Chị... chị làm ơn...

Chị bán hàng mặt lạnh như tiền:

- Hết rồi bác ạ!

- Kia thầy... - tôi lặng người, rón rén chỉ vào đồng áo quan trước mặt.

Chị ta bảo:

- Cửa quý bốn đây, bác ạ, quý ba bán hết từ ba hôm nay rồi. Tuần sau bác lại.

Tôi kêu lên:

- Trời ơi... có mà đau để chờ sáng giãng...

Thông cảm với bộ dạng nhón nhác, chán chường của tôi, chị bán hàng nói với giọng thông cảm:

- Thôi, thế này vậy, bác chịu khó đạp xe lên huyện xin chữ ký chứng thực, đề nghị linh động giải quyết, rồi về đây cháu bán cho...

Nhưng rồi thấy tôi cứ đứng lặng, tưởng như đang phải nói chuyện với thầy ma, chị bán hàng gắt:

- Kia, đi đi chứ bác. Quãng chục cây số nữa thôi... Nhưng bác nhớ phải quay về xã viết đơn và xin dấu má thật đầy đủ đây.

Gần sáu mươi tuổi đầu, bao lần đối mặt với cái chết, chưa bao giờ tôi trải qua tâm trạng bực bội và căng thẳng đến mức này... Xếp cả chồng tiền gần ba trăm ngàn, tháo luôn cả chiếc đồng hồ Citizen màu vàng chanh đặt lên quầy, tôi bảo:

- Đây, để làm tin, đề nghị chị linh động giải quyết, chứ sức vóc tôi không đập nổi ba chục cây số nữa đâu.

- Ấy chết, không được. - chị ta nguây nguây - có chỉ thị của trên rồi. Quý ba này chúng cháu chỉ được phép bán 2000 cái, mà đã vượt mức trên hai chục cái rồi... Khổ sao bác không chịu khó đến từ tuần trước? Sang quý tư cháu hụt chỉ tiêu trên giao thì khổ.

- Thế... - tôi ngỡ ngác -... chị nói... nói thế... có nghĩa là... cháu tôi chết ngoài kế hoạch?

- Vâng, có thể cháu mới yêu cầu bác phải có chứng thực của địa phương và giấy xác nhận của huyện chứ.

Lại còn thế nữa... Như cái xác không hồn, tôi lừ đừ dắt xe ra, đầu nhúc buốt.

Tôi quay điện thoại.

- A lô...

- Gì đấy - đầu dây bên kia có tiếng đáp khẽ kèm theo một tiếng găt... Thủ trưởng đi họp rồi.

- Đề nghị... - tôi lớn tiếng

Mặt thái độ nôn nóng của tôi, người bên kia, giọng còn trẻ lắm, lên giọng:

- Đại sự quốc gia bỏ già oi... Tuần sau bỏ quay lại nhá!

- Trời ơi...! - tôi rên lên, tưởng đất dưới chân sụp lở hàng mông.

- Khổ lắm... đã bảo đại sự quốc gia mà lị - giọng anh ta càng lúc càng thêm chót nhả - Bố không chờ được đâu. Mà chờ cũng chẳng để làm gì. Thủ trưởng không giải quyết đâu. Trừ có cái chết.

- Dạ... - tôi đổi sợ thành mừng, líu lưỡi - Chết ả?... Vâng, thế thì trường hợp này của tôi đúng là chết, chết thật đấy ả... Cháu tôi...

- Mẹ bố khi - hấn cười khàn khạch - Cháu bố thì liên quan gì đến đây?

- Nhưng... - tôi chung hửng

- Định hỏi lộ hả?... Bất cóc thủ trưởng về tận quê ăn cỗ cơ đây... Dịp khác nhé. Hấn tuyên bố.

Tôi đột ngột nôi con lôi đình.

- Không còn dịp nào hết!

- Bố cưới hay thằng cháu bố chẳng hạn?

Nghe tiếng máy xập, tôi thất vọng đạp xe ra về, cảm giác rõ hai đầu gối cù lặc sắp long ra đến nơi.

Đúng giờ ngộ hôm sau mọi ước muốn của tôi rồi cũng được thực hiện (cũng may, cuộc họp chỉ kéo dài... có một ngày). Nhờ sự "ngoài kế hoạch" của thằng cháu, tôi được dịp tham quan một lô phòng ban và nhận diện không biết bao nhiêu "ngài đáng kính". Hoá ra từ cái váy quan liêu để ra lắm ban bệ, chức tước thật. Chả trách thằng cháu tôi chưa kịp nhập hộ tịch

đã nóng lòng chui đầu ra khỏi váy để rồi rơi tọt xuống đất đen theo kiểu "ngoài kế hoạch" thế này.

Hộc tốc đưa giấy về nhà tôi mới ngã ngựa... Dưới hàng loạt chữ ký và con dấu đo đờ ở phía dưới là dòng chữ "Đề nghị xem xét lại". Hoặc "Chờ xác minh"... Thì ra vì cuồng, vì cái bệnh quên không đeo kính, vì cái đầu u mê, nên khi ở trụ sở công an xã bước ra tôi đã không chịu xem lại, xem thật kỹ cho chắc ăn. Tưởng đơn thuần là giấy chứng thực báo tử, ai ngờ họ còn ghi thêm mấy dòng nghi vấn:

"Chết không rõ lý do. Công an địa phương đang tiến hành điều tra".

Tôi vò đầu, bứt tai, muốn dựng xác cháu lên mà đánh cho hả giận. Cái ngữ nó sống báo hại bố mẹ, chết báo hại chú... Hai ngày trời đạp xe giữa trời nắng chang chang như đổ lửa với sáu bạn đi về hơn trăm cây số có ít đâu... trời ơi! Trời có mắt không hả trời? Hay trời cũng mắc bệnh quan liêu nốt?

Nhìn nét mặt chung hững của tôi, thằng cả kịp hiểu ra tất cả, nó dúm tút thuốc lá và cả bọc chè vài cân vào tay tôi, rồi giục:

- Bố chịu khó quay lại chỗ công an xã, nói khó với các anh ấy, nhờ các anh ấy chứng thực cho.

Bảo họ ghi thật rõ vào. "Đã chết hẳn vì lý do thất tình do uống rượu"...

Chưa đủ, nó còn dặn thêm:

- Dù hoàn cảnh thế nào bố cũng phải giữ bộ mặt cho thật tươi tỉnh cho con nhờ... Chứ như người sắp đưa ma thế kia, bố ai dám nhận chè thuốc của bố?

Lại một ngày đạp xe, châu chực, rút kinh nghiệm, lần này tôi thủ sẵn một bao thuốc trong túi và nụ cười thường trực... trên

khỏe miệng. Đến phòng ban nào cần chứng thực đóng dấu, tôi lập tức bấm bật lửa tanh tách và... vén môi cười xoè... Cuối cùng một dòng chữ loằng ngoằng nửa giun, nửa đế kiêu... bỏ tức văn hoá lớp 3 của ông chủ tịch huyện cũng phải bỏ ra:

"Chết ngoài kế hoạch. Linh động giải quyết."

Cô bán hàng hôm xưa đã nghĩ. Thay cho cô là một thị trẻ hơn, cong cớn khi nhận xấp giấy từ tay tôi:

- Dấu má gì mà mờ thế này?

- Thì dấu của huyện mà chị!

- Huyện nào. Cháu bảo cái dấu ở giấy báo tử kia.

- Ô hay, cháu tôi chết thật mà chị.

- Biết thật hay giả??... Lần sau bác lưu ý rút kinh nghiệm. Dấu mờ thế này mà còn cầm lên đây là cháu bắt về xã xác minh lại đây.

- Ô...

Vẫn biết tất cả sự lo lắng quan tâm cho sự ra đi của người đã chết chỉ có tác dụng an ủi với người sống. Còn "cát bụi lại trở về với cát bụi". Song "nghĩa tử là nghĩa tận". Tôi cố gắng chọn lấy một cái áo quan đẽo đẹp, không nứt, không vênh, không hụt quá hoặc to quá. Khổ một nỗi đồng gỗ hòm này quá dở. Không chừng nọ cũng tật kia.

Chị bán hàng thấy tôi có vẻ phân vân, phát bực:

- Thôi, bác ôm nhanh hộ cháu một cái đi. Còn nhiều thủ tục phải giải quyết lắm đấy!

- ? vâng, - tôi vội vàng cầu cứu - Chị duyệt cho tôi ít xô màn tiêu chuẩn.

- Bác ra đầu phố mà mua. Hay chữa, đã "chết ngoài kế hoạch" còn đòi duyệt xô màn trong tiêu chuẩn.

Há miệng mắc quai, tôi đành chữa thẹn:

- Thôi được, chị cho tôi nộp tiền thuê xe.

- Chỉ xe tang thôi đấy bác nhớ. Công tác phục vụ tang lễ đã hoàn thành kế hoạch quý ba rồi, tất cả xe khách bây giờ được trên huy động vào đám cưới để làm kế hoạch ba hết. Mùa này là mùa cưới mà.

Run run cầm tấm hoá đơn thuê xe trên tay, tôi khật khưỡng đạp về nhà. Thăng cả bàn:

- Bố cứ ra công ty xe khách mà thuê. Những năm, sáu trăm người cơ mà. Phần lý do thuê bố cứ ghi đại là "đám cưới".

- Đồ...

Tôi trợn mắt, chưa kịp quát nó đã cười ngoác miệng chữa thẹn:

- Thì đang mùa cưới mà bố. Lên tận đấy mà nói lý do: thuê xe tang cho đám ma. Bố ai người ta đám...

Nhìn dòng chữ nguệch ngoạc "10 giờ sáng 25/8" trên hợp đồng, tôi giật thót mình:

- Ấy chết, bác linh động cho. Gia đình tôi nhớ đã ba bốn hôm nay rồi, nóng nực thế này....

- Thì "ngoài kế hoạch" mà bác, Hợp đồng chúng em kín cả rồi, nể bác lắm đấy, nhưng mà chịu...

Thôi chịu khó chờ mấy hôm vậy, bác ạ. Có tổn kém thêm một chút, nhưng vui vẻ. Cả đời mới có một lần ấy mà. Nóng nực sợ thiu bác cứ quăng hết vào tủ lạnh là khỏi lo... Có ế ảm nữa, bác cứ quay lại đây, anh em cánh xé chúng em xài giúp... Nhồi vào "tủ nóng" còn tốt hơn tủ lạnh đấy bác ạ.

Dở cười dở mếu tôi quay trở lại nhà.

Công việc liệm thi hài bắt đầu. Thay vì những tiếng thút thít, nỉ non, ai oán và lén giơ tay áo lên quệt nước mắt, người ta lảm bảm chửi lũ ruồi nặng chét tiệt và lén giơ tay... bịt mũi, xua ruồi. Chiếc quan tài đem đẹp tôi đã mất công chọn cả buổi sáng hoá ra quá chật so với thi thể người quá cố. Một phần vì thi hài "nóng nở ra", phần khác vì sản phẩm của công ty là "ngoài kế hoạch", nên những người gia công đóng hòm đã cố gắng tận dụng cả chiều rộng lẫn chiều dài tấm ván. May mà đặt được cháu nằm nghiêng.

Chết đâu phải đã hết. 10 giờ sáng, quang cảnh nhà anh chị tôi hết như một đám "hát bội". Nửa bung mặt khóc, nửa bung miệng cười. Hai chàng tài xế văng tục chửi um. Thực hiện đúng hợp đồng, chàng Công ty xe khách vòng vo tìm nhà. Quay ra quay vào mấy lần thấy vẫn đúng số nhà ghi trên hợp đồng, nhưng không phải đám cưới mà là đám tang. Biết bị "ăn quả lừa" chàng ta làm toáng lên, một hai đời huỷ hợp đồng. Chàng xe tang (dù đã được lót tay trước bao thuốc, chai rượu), nhân cơ hội cũng khăng khăng đòi huỷ hợp đồng luôn vì đã quá quy định những... bốn ngày. Chỉ khổ cho anh chị tôi, khóc con năm sáu ngày đã cạn kiệt cả nước mắt rồi, trước tình cảnh "không khóc không xong với chúng nó" này, đành phải chạy ra nỉ non, khóc lóc, hứa hẹn "bồi thường đâu ra đó", nghe chùng tang thương hơn cả lúc khóc con.

Hai xe bon bon trên đường tới khu vực công nghĩa trang, cả mấy trăm con người đã quên dần "cõi thế", hướng cả vào cõi

âm. Trạm dừng cuối cùng của mọi số kiếp sang hèn, đói khổ. Bỗng có tiếng quát giật giọng:

- Dừng lại!... dừng lại!

Anh lái xe khách khựng người trên vô lăng, cặp mắt đảo tứ phía, miệng lảm bảm:

- Lại chuyện gì nữa thế này?

Tôi giật mình, trước khi nhảy xuống phòng bảo vệ nghĩa trang còn kịp dõng dõng mắt về phía trước, nơi chiếc xe tang đã mất hút trong lòng nghĩa trang...

Trên xe đám đông hốt hoảng, nhón nháo. Sẵn kinh nghiệm trong một tuần phục dịch, tôi... vén môi nở nụ cười thường trực và đánh bật lửa tanh tách... Hoá ra trăm sự tại cái chữ... hỉ này. Thật khỉ gió cái nhà anh tài. Xe đưa tang mà đám dân kín cả các hình thù nhảy nhót điên loạn, lại còn trưng cả cái chữ hỉ to bằng... mà bố thằng ăn mày ngay đầu xe nữa. Có chết cha con người ta không?

Tài hùng biện, bao thuốc loại sang và chiếc bật lửa "bỏ quên" đã phát huy tác dụng. Chiếc thanh chắn từ từ được nâng lên, anh tài tăng hết ga đâm đánh xâm vào đít xe tang trước mặt.

Tôi cúi đầu, theo mọi người chui ra khỏi xe, cố nén một tiếng thở phào nhẹ nhõm. Bỗng từ đâu anh tôi chạy lại, như hiện về từ thế giới bên kia. Mặt xanh mét, líu cả lưỡi. Khổ thân tôi không. - anh nói - Cháu nó chưa có hộ khẩu, người ta bảo không được phép chôn ở đây.

Sau lưng tôi đám đông biến thành cuộc biểu tình, cãi cọ, giằng co, la ó. Mấy bà cô hờ:

- "Ôi cháu ơi... biết chết khổ, chết nhục thế này thì tội gì cháu chết cháu ơi!"

Chàng lái xe tang tức khí mở toang cửa, đuổi hết mọi người xuống, rú ga, lùì sát đít xe đưng áo quan vào tận cửa văn phòng, rồi nhảy xuống, văng tục:

- Mẹ chúng mày. Không để yên cho ông đi, ông khênh quan tài vào giữa văn phòng cho mà ngửi. Lúc nào ngán thì tự chôn. Xem chúng mày có dám ăn thịt nó không?

Nhìn theo dáng điệu tự tin của thằng cả nhà tôi đi vào phía trong, tôi thở ra một hơi nhẹ nhàng.

Đúng nửa tiếng sau, nó quay ra bám tôi: "Xong rồi... Bỏ tưởng nhập khẩu cho người chết dễ hơn người sống chắc?..."

Nó dúì vào tận mặt tôi tám thẻ mộ: Lô 38, khu II, số mộ 1078... Rồi lên giọng giảng giải: Bó ơi, đồng tiền đi trước bao giờ cũng khôn, bó ạ. Tháng trước con đưa ông bạn con ra đây, gia đình lóng ngóng không biết đường lo lót chu đáo, cho nên phải vào nằm trong khu nghĩa trang làm phúc. Ở đây toàn tứ cố vô thân, chết đường, chết chợ cả thôi bó ạ. Người ta lại vừa bốc mộ xong, nước ngập trắng xoá, dép nhựa, giẻ rách, mảnh áo quan không tan rữa được nổi lên phênh kín mặt hồ. Thật đúng là thế giới của người chết nghèo... Vừa nãy con phải nhờ "Bác" ba lần đưa đường chỉ lối(!) chúng nó mới chịu cho anh ấy được ra ở lô II này đây, ngay gần khu các vị lãnh đạo.

Hoá ra, trong thế giới vĩnh hằng của người đã chết đẳng cấp vẫn còn phân biệt, quy luật giá trị vẫn còn tác oai tác quái.

... Đúng nghi lễ của người Việt Nam, chiều hôm ấy anh chị tôi làm com cúng ba ngày, mời bạn bè, họ hàng và người đưa tiễn ở lại thấp nén nhang để cùng tưởng nhớ tới người đã khuất. Trong vòng khói nhang nghi ngút, tôi rợn người khi nghe thấy tiếng khóc thút thít của cháu.

- Làm sao? - tôi thì thăm hỏi cháu tôi - Cháu làm sao?

- Cháu khổ quá chú ơi!
- Biết rồi! Khổ, chết ngoài kế hoạch thì sướng làm sao được!
- Biết thế này thà cháu sống mang tiếng là thằng ăn tàn, phá hoại cho xong.
- Thôi, dẫu sao mọi việc cũng qua rồi. Cháu bây giờ yên ấm dưới suối vàng.
- Chưa qua đâu chú ơi... Hu...hu... hu, cháu không nằm ngửa được... hòm chật quá! Mà sao khi đắp mộ cháu chú không "chi đẹp" cho mấy thằng phu mộ để chúng nó trừng phạt cháu, đắp điểm qua loa, ầu không chịu được, đề đến nỗi bây giờ suốt dọc sống lưng và phía dưới chân cháu đất sụt từng mảng, hờ toác hoác. Gió nghĩa trang lồng lộng, lạnh buốt sống lưng, chú ơi... hu... hu...

Tôi đâm bỏ đến chỗ thằng cả đang ngồi "chén chú chén anh", lòi xềnh xệch nó đi trước con mắt ngơ ngác của cả nhà:

- Đi! Ra ngay nghĩa trang với tao. Chỉ có mày đi tao mới yên tâm. Sau này bỏ có làm sao, nhớ là bỏ chỉ trông cậy vào một mình mày thôi đấy, con ạ... Trời ơi! Chết mà còn khôn nạn khôn khổ thế này sao?!!

Sấp ngựa chạy ra chỗ dựng chiếc xe đạp cà tàng, thằng cả bảo:

- Bố ơi, đến lượt bố, bố nhớ phải chết trong kế hoạch đấy nhớ, cho chúng con nhờ, chứ ngoài kế hoạch thế này, khổ lắm...

(Hà Nội cuối 1986)

Nhà văn Chu Tất Tiến trong bài *Viết về sách của Trần Khải Thanh Thủy*, ông đã viết:

Văn của Trần Khải Thanh Thủy đây tiếng cười, nhưng lại ngập tràn nước mắt. Tuy thế, những bông hoa yếu ớt kia vẫn kiên

cường chiến đấu bằng mấy cái gai nhọn lưa thưa, những cánh bướm kia cố gắng các động tác đập, vẫy cuối cùng trước khi chịu nằm im. Thà tan nát xác mình nhưng không cho kẻ ác thỏa mãn nhìn ngắm mình nguyên vẹn. Đọc văn của Thanh Thủy, tôi tưởng như nhìn thấy một bé gái đang bị côn đồ nắm tóc giật tai, nhưng vẫn cố gắng chiến đấu, bằng hàm răng nhỏ bé, bằng nắm đấm không hơi

Tài liệu tham khảo:

- Trần Khải Thanh Thủy Web: vi.wikipedia.org
- *Chết ngoài kế hoạch* Web: music.vietfun.com

4) Phạm Hồng Sơn



Phạm Hồng Sơn (1968-20)

Phạm Hồng Sơn sinh ngày 3 tháng 11 năm 1968, tại Nam Định, là con ông Phạm Văn Thân và bà Vũ Thị Mùi.

Năm 1992, tốt nghiệp Bác sĩ Y Khoa tại trường Đại học Y Hà Nội.

Phạm Hồng Sơn kết hôn với bà Vũ Thúy Hà, sinh năm 1971, hai vợ chồng có được hai cháu trai Phạm Vũ Anh Quân sinh năm 1997 và Phạm Vũ Duy Tân sinh năm 1999.

Ông hành nghề y sĩ đến năm 1996.

Năm 1997, Phạm Hồng Sơn tốt nghiệp Cao học quản trị kinh doanh (MBA) của Trung tâm Pháp Việt Huấn luyện ngành Quản trị (Centre Franco-Vietnamien de Formation à la Gestion). Ông chuyển nghề, lúc đầu làm việc cho công ty dược phẩm Thụy Sĩ Alcon với chức vụ giám đốc văn phòng Hà nội. Sau đó, ông được tuyển làm Giám đốc thương mại cho công ty

dược phẩm Tradewind Asia Pharmaceuticals có trụ sở chính ở Hung Gia Lợi, cho tới ngày ông bị bắt.

Phạm Hồng Sơn đã dịch một bài viết đăng trên website của Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Việt Nam nhan đề "*Thế nào là dân chủ*". Ông đã phổ biến bản dịch này bằng cách gửi cho Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, các thân hữu và một số website. Vào 6 tháng 3 năm 2002, Phạm Hồng Sơn công khai gửi bài "*Những Tín Hiệu Đáng Mừng Cho Dân Chủ Tại VN*" tới ông Nông Đức Mạnh, Tổng bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam, và các cơ quan thông tấn, báo chí.

Bác Sĩ Phạm Hồng Sơn bị bắt ngày 27 tháng 3 năm 2002 ngay tại nhà số 72B Thụy Khê, Hà Nội, Việt Nam. Bs Phạm hồng Sơn bị giam giữ tại trại giam B 14 thuộc Bộ Công an, ở Thanh liệt, Hà Đông cũ, nay là ngoại thành Hà nội.

Theo bản cáo trạng đã phổ biến, nhà cầm quyền Hà Nội đã cáo buộc Bác Sĩ Phạm tội danh gián điệp vì đã phổ biến các tài liệu quốc cấm, nhận tài trợ cũng như đã có các hoạt động trao đổi qua mạng lưới internet với các lực lượng ở nước ngoài. Trên thực tế, Bác Sĩ Phạm Hồng Sơn chỉ có tội vì đã dám dịch bài viết "*Thế Nào Là Dân Chủ*" trên trang nhà của Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ và phổ biến rộng rãi trên mạng.

Phạm Hồng Sơn cho biết ông đã dịch bài "*Thế nào là dân chủ*" vì ông "khao khát Tự do, Hòa bình và mưu cầu một cuộc sống đầy đủ trên đất nước Việt Nam." Tuy nhiên, chính quyền Việt Nam trong bản cáo trạng đã cáo buộc Phạm Hồng Sơn đã quan hệ với các "đối tượng phản động lưu vong tại nước ngoài" để "vu cáo nhà nước về vi phạm nhân quyền". Bản cáo trạng còn nói rằng ông đã có "hoạt động tích cực để thành lập và phát triển lực lượng đa nguyên và dân chủ ở Việt Nam".

Trong thời gian 15 tháng tạm giữ trước khi ra tòa, ông Sơn không được phép gặp mặt vợ con. Vụ xử kín diễn ra vào ngày 18 tháng 6 năm 2003. Tại phiên tòa, Phạm Hồng Sơn bị tuyên án 13 năm tù vì tội gián điệp. Xét kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và kháng cáo của Phạm Hồng Sơn, vào ngày 26 tháng 8 năm 2003, Tòa án Tối cao tại Hà Nội đã mở phiên tòa phúc thẩm, tuyên mức án cho Phạm Hồng Sơn được giảm từ 13 năm tù xuống còn 5 năm tù, 3 năm quản chế.

Chính phủ Hoa Kỳ, Liên minh châu Âu, và một số tổ chức nhân quyền quốc tế như tổ chức Ân xá Quốc tế và Human Rights Watch cho rằng ông Sơn là một tù nhân lương tâm và không được xử một cách công bằng trong một toà kín và kêu gọi nhà nước Việt Nam thả tự do cho ông.

Cuối tháng 8 năm 2006, Phạm Hồng Sơn bị tù hơn 4 năm, 5 tháng được hưởng chế độ đặc xá, tha tù theo quyết định của Chủ tịch nước, nhân đợt đặc xá vào dịp lễ Quốc khánh 2-9-2006, để về nhà dưỡng bệnh. Ông phải chịu lệnh quản thúc tại gia trong vòng 3 năm.

Tài liệu:

Thế nào là dân chủ ?

*Bản dịch của **Phạm Hồng Sơn** và **Thư Lê**
Tác giả giữ bản quyền và chịu mọi trách nhiệm về bản dịch*

Hà nội 01-2002

*Xin kính tặng tất cả những người khao khát Tự do, Hòa bình
và mưu cầu một Cuộc sống đầy đủ trên đất nước Việt nam*

- Chúng tôi xin bày tỏ tấm lòng tri kỷ, tri ân với những người dám thể hiện sự yêu chuộng tự do và dân chủ đã mang lại nhiều gợi mở cho chúng tôi trong cuộc sống.

- Chúng tôi xin chân thành cảm ơn Đại sứ quán Hoa kỳ tại Việt nam đã giúp đỡ về tư liệu và thiện chí cho bản dịch này được hoàn thành.

Vài dòng tâm sự: Những năm gần đây tại Việt nam chúng ta, từ “Dân chủ” đã xuất hiện trở lại trong một số nghị quyết, khẩu hiệu của đảng cộng sản, tuy nhiên vẫn thể hiện một cách dè dặt và trong dân chúng vẫn có gì đó e ngại khi đề cập. Điều này cũng tương tự như trước đây đối với các từ hoặc tập hợp từ “khoán nông nghiệp”, “buôn bán tư nhân”. Trong lĩnh vực kinh doanh hiện nay đã có rất nhiều giáo trình cơ sở về quản trị, giao tiếp, marketing mà phần lớn được soạn hoặc dịch hoặc nguyên bản từ các nước kinh tế tư bản phát triển nhất như Hoa kỳ, Pháp, Nhật bản, Canada,... giúp cho chúng ta tìm hiểu, học hỏi để thực hành kinh doanh thành công. Đó là một điều đáng mừng! Tuy nhiên, trong lĩnh vực xã hội và chính trị, hầu như chưa có sự trao đổi tương tự. Chúng tôi thiên nghĩ, một đất nước phát triển, phải là một đất nước phát triển cả về kinh tế và tư tưởng cũng như một con người không thể chỉ chú ý đến việc bồi bổ thể lực cơ bắp mà quên đi phát triển tinh thần, trí tuệ. Mà để phát triển tinh thần, trí tuệ thì không có con đường nào khác tốt hơn là để con người đó được tiếp xúc, trao đổi, và chạm với xã hội xung quanh trong đó có các cá thể khác và thiên nhiên rộng lớn. Trên tinh thần đó, chúng tôi đã cố gắng hoàn thành sớm bản dịch “What is Democracy?” từ trang web của đại sứ quán Hoa kỳ tại Việt nam, với sự nóng lòng của chính bản thân chúng tôi và hy vọng cũng là mong đợi của quý vị, như một kiến thức cơ sở tham khảo cho những người quan tâm tới vấn đề chính trị, xã hội của Việt nam. Mong muốn thì nhiều, nhưng hạn chế về kiến thức chính trị, luật pháp, cũng

như ngôn ngữ Việt và Anh của chúng tôi, có thể sẽ dẫn đến một số sai sót ngoài ý muốn hoặc chưa làm vừa lòng quý vị, mong quý vị hết sức thông cảm và chúng tôi mong đón nhận sự chỉ bảo, góp ý.

Cuối cùng, chúng tôi xin chân thành cảm ơn quý vị đã lưu tâm tới bản dịch này và chúc quý vị sức khỏe, hạnh phúc.

Hà nội, ngày 04-02-2002
Phạm Hồng Sơn

Mọi ý kiến xin gửi về:

Phạm Hồng Sơn 72B Thụy Khuê - Tây hồ - Hà nội

ĐT: 847 35 83; 0903 21 3776

E-mail: sonhqv@hn.vnn.vn

<http://home.scarlet.be/lngu1008/bnphsthenao dc.html>

Trong bài: *Cần Thả Tắt Cả Tủ Lương Tâm* của Liên Hội Nhân Quyền Việt Nam ở Thụy Sĩ, đã viết:

Tuy tốt nghiệp y khoa bác sĩ và được đào tạo thành chuyên viên quản trị kinh doanh xí nghiệp, ông Phạm Hồng Sơn lại tự nguyện dấn thân vào những hoạt động nhằm ủng hộ khuyến khích cải cách chính trị. Ông đã viết và dịch nhiều bài tiểu luận cổ xúy diễn biến hòa bình, đưa Việt Nam tới một chế độ thật sự dân chủ và xây dựng một hệ thống chính trị đa nguyên đa đảng. Những bài biên soạn và phiên dịch được ông cho phổ biến trên nhiều trang thông tin Internet khác nhau, phần đông ở hải ngoại.

Tài liệu tham khảo:

- Phạm Hồng Sơn Web: vi.wikipedia.org

- *Thế nào là dân chủ ?* Web: home.scarlet.be

Chương bảy: Khối 8406 ra tuyên ngôn Tự do Dân chủ cho Việt Nam.

Ngày 8 tháng 4 năm 2006, một số nhà tranh đấu đồng ký tên chung trong Tuyên ngôn Tự do Dân chủ cho Việt Nam 2006, họ là những người từ Bắc chí Nam, từ những giáo phái Thiên chúa giáo, Phật giáo, Phật giáo Hòa Hảo, Cao Đài, Tin Lành, đồng đứng tên chung trong tuyên ngôn này.

Ban đầu nhóm chỉ có 118 thành viên là người Việt trong nước. Đến ngày 22 tháng 8 năm 2006, số thành viên công khai đã lên đến 1951 thành viên là người Việt trong nước. Ngoài ra, Khối cũng đã có 3881 thành viên công khai là người Việt đang sinh sống ở nước ngoài. Có 139 chính khách quốc tế bao gồm đại diện các tổ chức, 50 nhân sĩ Hiến chương 77 Tiệp Khắc và 50 dân biểu, nghị sĩ Hoa Kỳ

Tuyên ngôn này đã có ảnh hưởng phát sinh ra các tổ chức như: Tập hợp Thanh niên Dân chủ (6-5-2006), Đảng Thăng Tiến Việt Nam (8-9-2006), Câu lạc bộ nhà báo tự do (19-9-2007)....

Tuyên ngôn này ra ngày 8 tháng 4 năm 2006, để cho gọn và dễ nhớ, người ta thường gọi là Nhóm hay Khối 8406.

Tiết một: Tuyên ngôn Tự do Dân chủ cho Việt Nam 2006

Của 118 Nhà Đấu Tranh Dân Chủ Quốc Nội Việt Nam

Việt Nam, 8-4-2006

Kính gửi Đồng bào Việt Nam ở trong và ngoài Nước,

Chúng tôi, ký tên dưới đây, đại diện cho hàng trăm nhà đấu tranh dân chủ ở quốc nội và tất cả mọi người Dân nào đang khao khát một nền Dân chủ chân chính cho Quê hương Việt Nam hôm nay, đồng thanh lên tiếng:

I. Thực trạng của Việt Nam

1- Trong cuộc Cách mạng tháng 8-1945, sự lựa chọn của toàn Dân tộc ta là *Độc lập Dân tộc*, chứ không phải là *chủ nghĩa xã hội*. Bản Tuyên Ngôn Độc Lập ngày 2-9-1945 chẳng nhắc đến một từ nào về chủ nghĩa xã hội hay chủ nghĩa cộng sản cả. Hai nguyên nhân chính làm nên thắng lợi của cuộc Cách mạng ấy

là *Khát vọng Độc lập Dân tộc và Khoảng trống quyền lực* lúc bấy giờ ở Việt Nam (quân Nhật đã đầu hàng phe Đồng minh ngày 15-8-1945 và thực dân Pháp đã bị quân Nhật đảo chính cướp quyền từ ngày 9-3-1945).

Rõ ràng mục tiêu của cuộc cách mạng ấy đã bị đảng Cộng sản Việt Nam đánh tráo. Và dĩ nhiên, *Quyền Dân tộc tự quyết* cũng hoàn toàn bị thủ tiêu. Đã có ít nhất 2 cơ hội lịch sử rất thuận lợi là năm 1954 ở miền Bắc và năm 1975 trên cả nước, để Dân tộc khẳng định *Quyền tự quyết* của mình. Nhưng tất cả đều đã bị đảng Cộng sản Việt Nam tráo trở không thực hiện. Vì một khi nền chuyên chính vô sản đã được thiết lập, thì theo Lenin, chức năng đầu tiên của nó chính là: *bạo lực và khủng bố trấn áp!*

2- Tiếp đến, ngày 2-9-1945 tại Hà Nội, ông Hồ Chí Minh, Chủ tịch Chính phủ lâm thời Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã trình trọng tuyên bố với Dân tộc và với Thế giới rằng: "*Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc.* Lời nói bất hủ ấy ở trong bản *Tuyên ngôn độc lập* năm 1776 của nước Mỹ. Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: mọi dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do. *Bản Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* của Cách mạng Pháp năm 1791 cũng nói: "*Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi; và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi*". Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được...". (trích *Tuyên Ngôn Độc Lập* 2-9-1945).

Thế nhưng, tất cả những quyền thiêng liêng ấy của dân tộc đều bị chà đạp thô bạo ngay sau đó, khi mà chính quyền cộng sản được dựng lên.

3- Đến tháng 2-1951 Tuyên ngôn của đảng Lao động Việt Nam (nay là đảng Cộng sản Việt Nam) kỳ đại hội lần thứ 2, đã viết: “*Chủ nghĩa của Đảng là chủ nghĩa Mác-Lênin*”. Và trong Điều Lệ, phần Mục Đích và Tôn Chi còn khẳng định rõ ràng hơn: “*Đảng Lao động Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác - Ăngghen - Lênin - Xtalin và tư tưởng Mao Trạch Đông, kết hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng...*”.

Kể từ đó, nhất là ở miền Bắc sau năm 1954, rồi cả nước sau ngày 30-4-1975 thì bóng ma của chủ nghĩa cộng sản đã luôn đè ám lên đầu, lên cổ toàn Dân Việt Nam. Chính cái bóng ma ấy chứ không phải là cái gì khác đã triệt tiêu hầu hết những quyền con người của Nhân dân Việt Nam. Và hôm nay, nó vẫn đang tạm đô hộ, chiếm đóng lên cả 2 mặt tinh thần và thể chất của toàn Dân tộc Việt Nam.

II. Qui luật phổ biến toàn cầu

1- Lịch sử đã minh định rằng mọi quyền tự do, dân chủ ở bất cứ một chế độ độc đảng toàn trị nào, dù cộng sản hay không cộng sản, cũng đều *bị chà đạp không thương tiếc*, chỉ khác nhau ở mức độ mà thôi. Bất hạnh thay là cho đến nay, Dân tộc Việt Nam vẫn thuộc về một trong số ít các Quốc gia trên thế giới còn bị cai trị bởi chế độ độc đảng toàn trị cộng sản. Điều này thể hiện cụ thể tại Điều 4 của Hiến pháp Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam hiện hành, rằng : “*Đảng cộng sản Việt Nam... theo chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí*

Minh, là lực lượng lãnh đạo nhà nước và xã hội.” Chính vì điều này mà các quyền tự do, dân chủ của Nhân dân đã hoàn toàn bị triệt tiêu, may ra chỉ còn vài mẫu vụn mà thôi !

2- Chính hệ thống quyền lực *không hề chấp nhận cạnh tranh và không hề chấp nhận bị thay thế* này đã thúc đẩy mạnh mẽ đà thoái hoá, biến chất của toàn bộ hệ thống ấy. Vì chẳng có qui luật và nguyên tắc cạnh tranh công bằng nào trên chính trường, nên sau những kỳ bầu cử thì toàn Dân không thể chọn được những con người và những lực lượng chính trị xứng đáng nhất. Bộ máy lãnh đạo, quản lý và điều hành do vậy ngày càng hư hỏng, rệu rã từ trung ương xuống cơ sở địa phương. Hậu quả là Việt Nam hôm nay trở thành Quốc gia bị tụt hậu quá xa so với các Nước trong khu vực và thế giới. Quốc nhục này và các quốc nạn khác khó bề tẩy xóa. *Vấn đề của mọi vấn đề, nguyên nhân của mọi nguyên nhân* chính vì đảng cộng sản Việt Nam là lực lượng chính trị duy nhất lãnh đạo Đất nước! Thực tiễn đã xác minh rằng bất kỳ nước nào đã bị rơi vào quỹ đạo của chủ nghĩa cộng sản thì đều điều tàn thê thảm cả. Liên Xô, cái nôi cộng sản, cùng với các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu khác, đã dừng cảm vượt qua chính mình để quay lại tìm đường đi đúng cho dân tộc họ.

3- Chúng ta đều hiểu rằng: không ai có thể sửa được lịch sử, nhưng có thể bẻ chiều lịch sử. Và điều quan trọng hơn là qua những bài học của lịch sử, định hướng tốt cho tương lai. Con đường hôm qua của Dân tộc ta đã bị những người Cộng sản Việt Nam chọn một cách vội vàng, thiếu chín chắn và áp đặt cho cả Dân tộc một cách khiên cưỡng. Con đường ấy thực tế đã chứng minh là hoàn toàn sai lạc. Vì vậy Dân tộc ta hôm nay phải chọn lại con đường cho mình. Và chắc chắn cả Dân tộc

cùng chọn sẽ tốt hơn một người hay một nhóm người nào đó. Đảng cộng sản Việt Nam cũng chỉ là một bộ phận của Dân tộc, nên không thể mạo danh Dân tộc để chọn thay! Trước Dân tộc và lịch sử suốt hơn nửa thế kỷ qua (1954–2006), Đảng cầm quyền ấy đã tiếm danh chứ không chính danh chút nào! Bởi lẽ các cuộc bầu cử thực sự tự do hoàn toàn vắng bóng ở Việt Nam.

Từ thực trạng và qui luật trên đây, với ý thức trách nhiệm của Công dân trước vận mệnh Đất nước, chúng tôi xin được phép giải bày cùng toàn thể Đồng bào Việt Nam trong và ngoài Nước:

III. Mục tiêu, phương pháp và ý nghĩa cuộc đấu tranh

1- Mục tiêu cao nhất trong cuộc đấu tranh giành tự do, dân chủ cho Dân tộc hôm nay là làm cho thể chế chính trị ở Việt Nam hiện nay phải bị thay thế triệt để, chứ không phải được “đổi mới” từng phần hay điều chỉnh vặt vãnh như đang xảy ra. Cụ thể là phải chuyển từ thể chế chính trị nhất nguyên, độc đảng, không có cạnh tranh trên chính trường hiện nay, sang thể chế chính trị đa nguyên, đa đảng, có cạnh tranh lành mạnh, phù hợp với những đòi hỏi chính đáng của Đất nước, trong đó hệ thống tam quyền Lập pháp, Hành pháp, Tư pháp phải được phân lập rõ ràng, phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế và trải nghiệm của Nhân loại qua những nền dân chủ đắt giá và đầy thành tựu.

Mục tiêu cụ thể là thiết lập lại các quyền cơ bản của toàn Dân sau đây:

- Quyền Tự do Thông tin Ngôn luận theo Công ước Quốc tế về các quyền Dân sự và Chính trị của Liên Hiệp Quốc được biểu

quyết ngày 16.12.1966, Việt Nam xin tham gia ngày 24-9-1982, điều 19,2: *“Mọi người có quyền tự do ngôn luận, quyền này bao gồm cả quyền tự do tìm kiếm, nhận và truyền đạt mọi loại tin tức, ý kiến, không phân biệt ranh giới, hình thức truyền miệng, bằng bản viết, bản in, hoặc bằng hình thức nghệ thuật hoặc thông qua bất cứ phương tiện truyền thông đại chúng khác tùy theo sự lựa chọn của mình”*. Nghĩa là các đảng phái, tổ chức, cá nhân có quyền thông tin ngôn luận qua báo chí, phát thanh, truyền hình và các phương tiện truyền thông đại chúng khác mà không cần đợi phép của nhà cầm quyền.

- Quyền Tự do hội họp, lập hội, lập đảng, bầu cử và ứng cử theo Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị, điều 21: *“Mọi Công dân... đều có quyền và cơ hội để (a) tham gia vào việc điều hành các công việc xã hội một cách trực tiếp hoặc thông qua những đại diện được họ tự do lựa chọn”*; (b) bầu cử và ứng cử trong các cuộc bầu cử định kỳ chân thực, bằng phổ thông đầu phiếu, bình đẳng và bỏ phiếu kín nhằm đảm bảo cho cử tri tự do bày tỏ ý nguyện của mình”. Nghĩa là các đảng phái thuộc mọi khuynh hướng cùng nhau cạnh tranh lành mạnh trong một nền dân chủ đa nguyên, đa đảng chân chính.

- Quyền Tự do hoạt động Công đoàn độc lập và Quyền Đình công chính đáng theo Công ước Quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, được Liên Hiệp Quốc biểu quyết ngày 16-12-1966, điều 7 và 8: *“Các Quốc gia thành viên của Công ước công nhận quyền của mọi người được hưởng những điều kiện làm việc công bằng và thuận lợi..., quyền của mọi người được thành lập và gia nhập Công đoàn mà mình lựa chọn, chỉ phải tuân theo quy chế của Tổ chức đó để thúc đẩy và bảo vệ các lợi*

ích kinh tế và xã hội của mình... (với) quyền đình công...". Các công đoàn này phải là những tổ chức duy nhất hoạt động độc lập, không có những loại Công đoàn tay sai của nhà cầm quyền.

- Quyền Tự do Tôn giáo theo Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị, điều 18: *“Mọi người đều có quyền tự do tư tưởng, tín ngưỡng và tôn giáo. Quyền tự do này bao gồm tự do có hoặc theo một Tôn giáo hoặc Tín ngưỡng do mình lựa chọn, tự do bày tỏ Tín ngưỡng hoặc Tôn giáo một mình hoặc trong tập thể với nhiều người khác, một cách công khai hoặc thầm kín dưới hình thức thờ cúng, cầu nguyện, thực hành và truyền đạo”*. Các Tôn giáo này phải hoạt động độc lập, chứ không thể bị biến thành công cụ cho nhà cầm quyền.

2- Phương pháp của cuộc đấu tranh này là hòa bình, bất bạo động. Và chính Dân tộc Việt Nam chủ động thực hiện cuộc đấu tranh này. Tuy nhiên, chúng ta rất cảm ơn sự ủng hộ nhiệt tình và ngày càng hiệu quả của tất cả những bạn bè trên thế giới. Thông qua những phương tiện thông tin hiện đại và qua sự giao lưu quốc tế ngày càng rộng mở, chúng ta sẽ tìm mọi cách giúp Đồng bào kiện toàn nhận thức. Và một khi Nhân dân đã có nhận thức đúng và rõ thì nhất định sẽ biết hành động thích hợp và hiệu quả.

3- Ý nghĩa của cuộc đấu tranh này là làm cho chính nghĩa thắng phi nghĩa, tiến bộ thắng lạc hậu, các lực lượng dân tộc đang vận dụng đúng quy luật của cuộc sống và xu thế của thời đại thắng những tà lực đang tìm cách đi ngược lại những xu thế và quy luật ấy. Đảng cộng sản Việt Nam vẫn còn đồng hành cùng Dân tộc hay không là tùy ở mức độ đảng ấy có khách

quan, công bằng, sáng suốt và khiêm tốn chấp nhận các nguyên tắc bình đẳng của cuộc cạnh tranh lành mạnh hay không, chỉ có thể chế chính trị độc đảng ấy là dứt khoát phải bị chôn táng vĩnh viễn vào quá khứ. Từ đó, Dân tộc sẽ tìm được những con người tốt nhất, những lực lượng chính trị giỏi nhất sau mỗi kỳ bầu cử để lãnh đạo Đất nước. Nguyên tắc “lẽ phải toàn thắng” sẽ được thiết lập và cuộc sống cá nhân sẽ trở nên tốt hơn, xã hội sẽ trở nên nhân bản hơn và Đồng bào sẽ sống với nhau thân thiện hơn.

Chúng tôi mong ước Tuyên ngôn này thúc đẩy được sự đóng góp tích cực của Đồng bào trong ngoài Nước và sự ủng hộ của Bạn bè Quốc tế. Chúng tôi chân thành cảm ơn và kêu gọi các Cơ quan Liên Hiệp Quốc, các Quốc hội, Chính phủ, Tổ chức Quốc tế và Bạn bè trên toàn thế giới tiếp tục ủng hộ cách nhiệt tình và hiệu quả cho cuộc đấu tranh đầy chính nghĩa này, góp phần đưa Tổ quốc Việt Nam sớm sánh vai cùng các Nước văn minh, đạo đức, thịnh vượng, tự do trong cộng đồng Nhân loại hôm nay.

Đồng tuyên bố tại Việt Nam ngày 08 tháng 4 năm 2006

Đồng ký tên

1. Nguyễn Xuân An, Huế
2. Đặng Hoài Anh, Huế
3. Đặng Văn Anh, Huế
4. Lê Hoài Anh, Nha Trang
5. Nguyễn Kim Anh, Huế
6. Nguyễn Ngọc Anh, Đà Nẵng
7. Trịnh Cảnh, Vũng Tàu
8. Lm F.X. Lê Văn Cao, Huế
9. Lê Cần, Huế
10. Lm Giuse Hoàng Cần, Huế
11. Trần Thị Minh Cầm, Huế
12. Lm Giuse Nguyễn Văn Chánh, Huế
13. Nguyễn Thị Linh Chi, Cần Thơ
14. Hoàng Minh Chính, Hà Nội
15. Nguyễn Việt Cử, Quảng Ngãi
16. Đặng Quốc Cường, Huế
17. Nguyễn Đắc Cường, Phan Thiết
18. Hồ Ngọc Diệp, Đà Nẵng
19. Trần Doãn, Quảng Ngãi
20. Lê Thị Phú Dung, Sài Gòn
21. Hồ Anh Dũng, Huế
22. Trương Quang Dũng, Huế
23. Hà Xuân Dương, Huế
24. Phạm Quế Dương, Hà Nội
25. Nguyễn Văn Đài, Hà Nội
26. Trần Văn Đón, Phan Thiết
27. Hồ Đông, Vĩnh Long
28. Lm Phêrô Nguyễn Hữu Giải, Huế
29. Trần Văn Ha, Đà Nẵng
30. Lê Thị Bích Hà, Cần Thơ
31. Lê Thị Ngân Hà, Huế
32. Lê Nguyễn Xuân Hà, Huế

33. **Vũ Thuý Hà**, *Hà Nội*
34. **Đỗ Nam Hải**, *Sài Gòn*
35. **Trần Thạch Hải**, *Hải Phòng*
36. **Trần Việt Hải**, *Vũng Tàu*
37. **Đoàn Thị Diệu Hạnh**, *Vũng Tàu*
38. **Nguyễn Thị Hạnh**, *Đà Nẵng*
39. **Phan Thị Minh Hạnh**, *Huế*
40. **Đặng Minh Hảo**, *Huế*
41. **Trần Hảo**, *Vũng Tàu*
42. **Trần Mạnh Hảo**, *Sài Gòn*
43. **Lê Lệ Hằng**, *Huế*
44. **Lm Giuse Nguyễn Đức Hiểu**, *Bắc Ninh*
45. **Chế Minh Hoàng**, *Nha Trang*
46. **Văn Đình Hoàng**, *Huế*
47. **Lê Thu Minh Hùng**, *Sài Gòn*
48. **Nguyễn Minh Hùng**, *Huế*
49. **Lm Gk Nguyễn Văn Hùng**, *Huế*
50. **Phan Ngọc Huy**, *Huế*
51. **Lê Thị Thanh Huyền**, *Huế*
52. **Đỗ Thị Minh Hương**, *Huế*
53. **Mai Thu Hương**, *Hải Phòng*
54. **Trần Thu Hương**, *Đà Nẵng*
55. **Nguyễn Ngọc Kế**, *Huế*
56. **Nguyễn Chính Kết**, *Sài Gòn*
57. **Nguyễn Quốc Khánh**, *Huế*
58. **Nguyễn Đăng Khoa**, *Huế*
59. **Trần Khuê**, *Sài Gòn*
60. **Vũ Kính**, *Hà Nội*
61. **Bùi Lăng**, *Phan Thiết*
62. **Tôn Thất Hoàng Lân**, *Sài Gòn*
63. **Hội trưởng PGHHTT Lê Quang Liêm**, *Sài Gòn*
64. **Vũ Thị Hoa Linh**, *Sài Gòn*
65. **Lm G.B. Nguyễn Cao Lộc**, *Huế*
66. **Lm Phêrô Phan Văn Lợi**, *Huế*

67. **Ma Văn Lưu**, *Hải Phòng*
68. **Nguyễn Văn Lý**, *Hải Phòng*
69. **Lm Tadêô Nguyễn Văn Lý**, *Huế*
70. **Cái Thị Mai**, *Hải Phòng*
71. **Cao Thị Xuân Mai**, *Huế*
72. **Nguyễn Văn Mai**, *Sài Gòn*
73. **Hà Văn Mậu**, *Cần Thơ*
74. **Phan Văn Mậu**, *Huế*
75. **Lê Thị Thu Minh**, *Cần Thơ*
76. **Ma Văn Minh**, *Huế*
77. **Nguyễn Anh Minh**, *Sài Gòn*
78. **Huyền Tôn Nữ Phương Nhiên**, *Đà Nẵng*
79. **Bùi Kim Ngân**, *Hà Nội*
80. **Đặng Hoài Ngân**, *Huế*
81. **Lm G.B. Lê Văn Nghiêm**, *Huế*
82. **Lê Hồng Phúc**, *Hải Phòng*
83. **Lm Đa Minh Phan Phước**, *Huế*
84. **Võ Lâm Phước**, *Sài Gòn*
85. **Lm Giuse Cái Hồng Phượng**, *Huế*
86. **Ms Nguyễn Hồng Quang**, *Sài Gòn*
87. **Tạ Minh Quân**, *Cần Thơ*
88. **Lm Augustinô Hồ Văn Quý**, *Huế*
89. **Lm Giuse Trần Văn Quý**, *Huế*
90. **Võ Văn Quyền**, *Vĩnh Long*
91. **Trần Thị Sen**, *Nha Trang*
92. **Cư sĩ PGHHTT Lê Văn Sóc**, *Vĩnh Long*
93. **Hoàng Sơn**, *Hải Phòng*
94. **Lm Phaolô Ngô Thanh Sơn**, *Huế*
95. **Nguyễn Anh Tài**, *Đà Nẵng*
96. **Đỗ Hồng Tâm**, *Hải Phòng*
97. **Tạ Minh Tâm**, *Cần Thơ*
98. **Nguyễn Thành Tâm**, *Huế*
99. **Ms Phạm Ngọc Thạch**, *Sài Gòn*
100. **Nguyễn Bình Thành**, *Huế*

101. **Văn Bá Thành**, *Huế*
102. **Cư sĩ PGHHTT Nguyễn Văn Thơ**, *Đồng Tháp*
103. **Trần Mạnh Thu**, *Hải Phòng*
104. **Trần Hồng Thư**, *Sài Gòn*
105. **Nhà văn Hoàng Tiến**, *Hà Nội*
106. **Trần Dũng Tiến**, *Hà Nội*
107. **Lm Têphanô Chân Tín**, *Sài Gòn*
108. **Nguyễn Khắc Toàn**, *Hà Nội*
109. **Tôn Nữ Minh Trang**, *Phan Thiết*
100. **Chế Thị Hồng Trinh**, *Huế*
111. **Nguyễn Anh Tú**, *Đà Nẵng*
112. **Đoàn Minh Tuấn**, *Sài Gòn*
113. **Lê Trí Tuệ**, *Hải Phòng*
114. **Trần Thị Hoài Vân**, *Nha Trang*
115. **Ngô Thị Tường Vi**, *Quảng Ngãi*
116. **Nguyễn Lê Xuân Vinh**, *Cần Thơ*
117. **Hồ Ngọc Vĩnh**, *Đà Nẵng*
118. **Lâm Đình Vĩnh**, *Sài Gòn*

1) Nguyễn Xuân Nghĩa



Nguyễn Xuân Nghĩa (1949-20)

Nhà văn Nguyễn Xuân Nghĩa sinh ngày 21-10-1949 tại Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Thuở thiếu thời, ông theo học Trường Diễn Châu 4, thành phố Vinh.

Làm việc, sinh sống tại Hải Phòng. Ông Nguyễn Xuân Nghĩa là thành viên của Hội Nhà văn Hải Phòng, biên tập viên của *Bán Nguyệt San Tổ Quốc*, ông từng là phóng viên viết cho các tờ báo nhà nước cho đến năm 2003, ông bị cấm viết vì các hoạt động dân chủ.

Năm 2006, Nguyễn Xuân Nghĩa đã tham gia Khối 8406, cỗ sù y dân chủ đa đảng trong nước. Ông cũng là một trong những người đi tiên phong, trong cuộc vận động đòi lại chủ quyền biển đảo cho Việt Nam, trước những hành động lấn chiếm của Trung Quốc.

Ông bị bắt vào tháng 9 năm 2008 dựa trên điều 88 của Bộ Luật Hình sự Việt Nam, quy ông về tội “tuyên truyền chống phá nhà nước” về những hoạt động của ông trong phong trào đấu tranh cho dân chủ đa nguyên.

Ngày 9 tháng 10 năm 2009, trong một phiên tòa, ông đã bị kết án 6 năm tù với tội danh tuyên truyền chống phá chế độ, theo điều luật cấm “mọi tuyên truyền chống chế độ cộng sản” và “tuyên truyền xuyên tạc gây nguy hại đến an ninh quốc gia, phá rối trật tự công cộng và gây mất niềm tin của nhân dân vào đảng”

Vì nhất quyết không nhận tội, nhà văn đã 2 lần bị biệt giam, mỗi lần 3 tháng.

Sau khi thụ đủ án tù, lúc 23 giờ đêm 11-9-2014, người tù bắt khuất Nguyễn Xuân Nghĩa, thành viên ban điều hành Khối Tự do Dân chủ 8406, đã về đến nhà riêng tại 828 Trường Chinh, phường Quán Trữ, Kiến An, Hải Phòng.

Nguyễn Xuân Nghĩa được các giải thưởng:

- Năm 2013, ông được Trung Tâm Văn Bút Trung Hoa Độc Lập ICPC trao Giải Ngòi bút Can đảm Lưu Hiểu Ba.

- Ngày 21 và 22 tháng 3 năm 2015 tại Bristol Hotel ở Oslo. Ông được Hội Nhà Văn Na Uy trao tặng giải Tự Do Ngôn Luận, do vợ ông, bà Nguyễn Thị Nga đại diện nhận giải.

Trích thơ:

Chúng ta đang ở đâu

*Chúng nó chiếm mất đảo của ta rồi!
Chúng nó đổ thêm đất cho đảo to ra*

*Xây sân bay để có thể dội bom vào nước Úc
Chúng nó giết bao nhiêu chiến sỹ ngày nào giữ đảo
Bao ngư dân “bám biển” theo lời động viên hoa mỹ của lũ
cầm quyền
Một phần Bản giốc, mục Nam quan đã mất,
Và còn mất...*

*Hãy “giữ nguyên trạng”
Câu cải lương của lũ – vì-quyền
(không phải vì quốc gia dân tộc)
“Nguyên trạng” thế nào?
“Nguyên trạng” là không đòi lại mà để nguyên nó chiếm
Là để ngư dân bỏ mất ngư trường
Ai đi ra là bị chúng húc chìm
... và xả súng...*

*“Nguyên trạng” là gì?
Là để mất đất Nam quan vĩnh viễn
Là để mất thác Bản giốc ngàn đời
“Nguyên trạng” là im đi để chúng đổ đất vào đảo sau
“công hàm dâng nước”,
Đủ rộng sân bay,
Nếu năm 2020...
không làm theo mất ước “Thành đô”
Chúng ném bom vào Đà Nẵng ?*

*Ôi những vong linh cha ông ngàn xưa giữ đất
Những chiến sỹ giữ đảo của VNCH
Của sau đó dù dưới thời Cộng sản
Những vong linh của người chiến sỹ ngã xuống năm 1979
Ở tiền đồn phía Bắc
(Chưa bao giờ được tri ân một nén nhang)*

*Ở đâu?
Người Việt Nam quốc nội đâu?*

*(Hãy nhìn tâm gương từ Hải ngoại)
Sao để quốc gia im lìm như vùng đất chết?
Người Việt Nam quốc nội ở đâu?
Sao sống trên đất của mình mà như sống tạm ở quốc gia kẻ khác?
Rồi người sẽ không đủ tư cách
Để ngẩng cao đầu
Như cộng đồng thời nay đang tị nạn
Rồi người sẽ vật vờ trên khắp hành tinh như dân Di-gan
Làm nghề nhảy nhót, bói bài, mài dao và trộm cắp
Bởi lúc bấy giờ người không đủ năng lượng như người
Israen
Cho một “quốc gia khởi nghiệp”*

*Hãy lo cho tương lai
Mà xuống đường:
“Đả đảo đảng cộng sản Việt Nam
Lũ vì quyền mà bỏ rơi tổ quốc!”*

Ngày 28-11-2014

Nguyễn Xuân Nghĩa là nhà thơ, nhà báo bất khuất, kiên cường nên được những giải thưởng danh giá, để vinh danh cho những người yêu nước, đấu tranh cho tự do dân chủ.

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Xuân Nghĩa Facebook: Nguyễn Xuân Nghĩa
- Chúng ta đang ở đâu ? Blog: danlambaovn.blogspot.fr

2) Đỗ Nam Hải



Phuong Nam - Đỗ Nam Hải (1959-20)

Đỗ Nam Hải có bút hiệu là Phuong Nam, sinh năm 1959, tại Hà Nội.

Nghề nghiệp: Kỹ sư kinh tế ngân hàng.

Chuyên ngành: Tiền tệ – Tín dụng.

Cư ngụ tại: 441 Nguyễn Kiệm – Phường 9 – Quận Phú Nhuận – thành phố Sài Gòn.

Năm 2005, lúc 4g30 chiều ngày thứ năm 8 tháng 12 năm 2005 cho đến 5 giờ chiều thứ sáu 9 tháng 12 năm 2005, mới được thả về. Lý do nhà chức trách đưa ra khi bắt là ông đi là phát tán, tàng trữ nhằm mục đích lưu hành xuất bản ấn phẩm không được phép lưu hành cuốn sách mang tựa đề “Trung Cầu Dân Ý” do chính Phuong Nam-Đỗ Nam Hải là tác giả.

Năm 2006, Đỗ Nam Hải tham gia vào Khối 8406 và dấn thân vào công cuộc đấu tranh cho nhân quyền và dân chủ tại Việt Nam.

Tài liệu:

**Phát biểu của Ks Đỗ Nam Hải từ Việt Nam với Tổng Thống
George W. Bush
và Ủy Ban An Ninh Quốc Gia Hoa Kỳ ngày 29-5-2007**

Tôi là kỹ sư Phương Nam Đỗ Nam Hải đang phát biểu từ thành phố Sài Gòn, Việt Nam.

Kính thưa Quý Vị,

Hôm nay tôi rất hân hạnh được Ủy Ban An Ninh Quốc Gia Hoa Kỳ mời tham gia buổi thảo luận về vấn đề dân chủ và nhân quyền tại Việt Nam. Tôi cũng được biết rằng hôm nay có sự hiện diện của quý ông Đỗ Hoàng Điềm, Việt-Nam Canh Tân Cách Mạng Đảng; ông Đỗ Thành Công, Đảng Dân Chủ Nhân Dân; ông Lê Minh Nguyên, Mạng Lưới Nhân Quyền Việt-Nam, và BS Nguyễn Quốc Quân, Phong Trào Quốc Tế Yểm Trợ Cao Trào Nhân Bản... Tôi xin chân thành cảm ơn tất cả Quý Vị. Nếu như có ai lúc này hỏi tôi rằng : hôm nay ở Việt Nam đã có được tự do dân chủ, mà cụ thể là các quyền tự do tư tưởng, ngôn luận, báo chí, tự do lập hội lập đảng, v.v... một cách thực sự hay chưa, thì câu trả lời rõ ràng và dứt khoát của tôi là CHƯA! Và đó chính là nguyên nhân đồng thời cũng là động lực thúc đẩy nhiều người dân chúng tôi ở cả trong và ngoài nước đã và đang đứng lên quyết giành lại các quyền tự do thiêng liêng ấy.

Tôi nói giành lại là vì: cách nay trên 60 năm dân tộc chúng tôi đã có được các quyền ấy. Chúng được xác định rõ trong bản hiến pháp đầu tiên của nước VNDCCH được thông qua bởi 1

quốc hội đa đảng vào ngày 9 tháng 11 năm 1946. Thế nhưng điều bất hạnh cho dân tộc Việt Nam chúng tôi là các quyền tự do ấy đã bị các thể hệ lãnh đạo trong đảng CSVN ngang nhiên cướp đoạt. Vì vậy, mục tiêu tốt đẹp ban đầu của cuộc cách mạng tháng 8 năm 1945 là độc lập dân tộc cũng đã bị đánh tráo một cách rất không lương thiện thành mục tiêu chủ nghĩa xã hội.

Lịch sử đã chứng minh rằng trong suốt gần 62 năm qua từ tháng 8 năm 1945 đến tháng 5 năm 2007 dân tộc Việt Nam chưa bao giờ chọn mục tiêu chủ nghĩa xã hội cho mình cả.

Có 3 văn kiện quan trọng trong những ngày đầu thành lập nước VNDCCH:

- Nghị quyết đại hội quốc dân họp ở Tân Trào-Thái Nguyên ngày 16 tháng 8 năm 1945 thông qua lệnh tổng khởi nghĩa và 10 chính sách lớn của Việt Minh.

- Tuyên ngôn độc lập ngày 2 tháng 9 năm 1945.

- Bản hiến pháp đầu tiên ngày 9 tháng 11 năm 1946 đều không có một từ nào nói về chủ nghĩa xã hội hay chủ nghĩa cộng sản cả. Bởi vì theo nhận xét của cựu chủ tịch Công Đoàn Đoàn Kết, cựu tổng thống Ba Lan, Lech Walesa, thời hậu cộng sản thì "đó là con đường dài nhất để đi từ Chủ Nghĩa Tư Bản đến Chủ Nghĩa Tư Bản". Đại tướng W. Jaruzelski và cũng là cựu tổng thống Ba Lan thời cộng sản trong cuốn hồi ký "Xiềng Xích và Nơi Trú Ẩn" xuất bản năm 1992, cũng đã phải ngậm ngùi nhận xét về con đường ấy như sau: "... mô hình đã bị phá sản. Những lời nói của chúng ta không còn ý nghĩa gì nữa. Các lý tưởng của chúng ta ngày nay đang bị chìm trong bùn, ném vào hố rác của lịch sử ...".

Dân tộc Việt Nam đã không cam chịu tình trạng mất dân chủ, tự do nên có biết bao người con ưu tú dũng cảm đứng lên, bất chấp bạo lực của bộ máy chuyên chính vô sản trong suốt hơn nửa thế kỷ qua. Chính họ đã đặt nền móng vững chắc để phong trào dân chủ Việt Nam được phát triển về cả chiều rộng lẫn chiều sâu trong năm 2006 vừa qua.

Mở đầu là sự ra đời của bản tuyên ngôn Tự Do Dân Chủ cho Việt Nam vào ngày mừng 8 tháng 4, 2006 với sự tham gia đầu tiên của 118 người Việt Nam trong nước. Chỉ một thời gian ngắn sau, con số ấy đã được tăng lên hàng ngàn rồi hàng chục ngàn người Việt Nam ở cả trong và ngoài nước, còn được gọi là Khối 8406. Ngoài ra Khối 8406 còn được sự ủng hộ mạnh mẽ của nhiều nhà hoạt động chính trị, ngoại giao, nhân quyền, v.v... trên thế giới. Tiếp theo sự kiện lịch sử trên là sự xuất hiện của các tờ báo như Tự Do Ngôn Luận, Hoa Mai, Canh Tân, Tổ Quốc; sự xuất hiện của các đảng phái như Đảng Dân Chủ Thế Kỷ 21, Đảng Thăng Tiến Việt Nam, Hiệp Hội Đoàn Kết Công Nông, Công Đoàn Độc Lập, Liên Minh Dân Chủ Nhân Quyền Việt Nam, v.v... Tất cả những sự kiện trên, đánh dấu một bước ngoặt lớn của chặng đường đấu tranh giành lại tự do dân chủ nhân quyền cho dân tộc Việt Nam chúng tôi: Phong Trào đã đi từ tự phát đến tự giác, từ đơn lẻ cá nhân đến có tổ chức, từ ít đến nhiều, từ yếu đến mạnh.

Hốt hoảng trước sự lớn mạnh vượt bậc của phong trào dân chủ, nhà cầm quyền CSVN sau khi tổ chức xong Hội Nghị APEC, được giải tỏa PNTR, CPC, gia nhập với WTO, đã mở một chiến dịch đàn áp khốc liệt những chiến sĩ dân chủ Việt Nam ở khắp 3 miền Bắc Trung Nam vào cuối năm 2006 đầu năm 2007 vừa qua. Hàng chục người đã bị bắt giữ và đưa ra tòa xét xử với những bản án oan sai. Thế nhưng chiến dịch đàn áp này đã hoàn toàn thất bại. Phong trào dân chủ Việt Nam qua cơn thử thách khốc liệt vừa qua chẳng những không dừng lại mà lại còn trưởng thành và lớn mạnh hơn rất nhiều.

Một người bị đàn áp thì có hàng chục người khác đứng lên. Bao lực của nhà cầm quyền đã không thể đè bẹp, không thể đập nát được ý chí mãnh liệt quyết đứng lên đấu tranh giành lại tự do dân chủ của dân tộc Việt Nam mà biểu hiện cụ thể là Khối 8406 và các tờ báo tự do, cùng các đảng phái, và Liên Minh Dân Chủ Nhân Quyền Việt Nam vẫn tồn tại và phát triển. Tất cả ngày càng nhận được sự ủng hộ và tham gia của nhân dân Việt Nam ở cả trong và ngoài nước, cùng bạn bè quốc tế.

Kính thưa Quý Vị,

Chúng tôi những người đang đứng lên đấu tranh giành lại tự do dân chủ thực sự cho đất nước từ tay các thế lực bảo thủ trong đảng CSVN luôn ý thức sâu sắc rằng: lực lượng của cuộc đấu tranh này là dân tộc Việt Nam! Tuy nhiên, chúng tôi xin chân thành cảm ơn các chính phủ, các tổ chức nhân quyền, và nhân dân tiến bộ trên khắp thế giới đã và đang ủng hộ nhiệt tình và ngày càng có hiệu quả sự nghiệp chính nghĩa này của dân tộc Việt Nam. Xuất phát từ những suy nghĩ ấy, tôi xin được đề nghị sự ủng hộ của Quý Vị vào một số điểm cụ thể sau đây:

1/ Yêu cầu nhà cầm quyền CSVN trả tự do tức khắc và vô điều kiện cho những tù nhân chính trị đang bị giam giữ.

2/ Chấm dứt việc cho công an theo dõi và sách nhiễu các nhà dân chủ; tùy tiện cắt điện thoại, cắt internet và ngăn chặn các quyền tự do đi lại, tự do sinh sống v. v. của họ.

3/ Ủng hộ cho việc ra đời một tờ báo tự nhân ở VN.

4/ Ủng hộ cho việc tổ chức một cuộc trưng cầu dân ý ở Việt Nam với sự giám sát của quốc tế, để nhân dân Việt Nam được thực hiện quyền dân tộc tự quyết của mình là lựa chọn thể chế chính trị độc đảng hay đa đảng nhằm mở đường cho một cuộc

bầu cử thật sự tự do, dân chủ, cho dân tộc chúng tôi trong tương lai.

Cuối cùng, xin chân thành cảm ơn Quý Vị và chúc Quý Vị cùng gia đình luôn mạnh khỏe, hạnh phúc.

Sài Gòn, Việt Nam, ngày 29 tháng 5 năm 2007

Kính thư.

Đỗ Nam Hải – Thành viên Khối 8406

Đỗ Nam Hải nhận được giải:

- Giải Hellman-Hammett của Human Rights Watch (Hoa Kỳ), năm 2007.

Kỹ sư Đỗ Nam Hải từ trước năm 2006 đã dấn thân vào công cuộc đấu tranh cho tự do dân chủ, chấp nhận mọi gian lao, đồng hành với những tù nhân lương tâm ở Việt Nam, trước hiểm họa mất nước vào tay Trung Quốc, do sự toàn trị “hèn với giặc mà ác với dân” của đảng Cộng sản Việt Nam.



Tài liệu tham khảo:

- Đỗ Nam Hải Blog: vietnamdefence.info
- Phát biểu của ks Đỗ Nam Hải Web: vietbao.com

*



Tháng 2 năm 2006, Nguyễn Tiến Trung, khi đó là sinh viên công nghệ thông tin tại Đại học INSA, Rennes, Pháp, gửi lá thư ngỏ đến nguyên Bộ trưởng Bộ Giáo dục Nguyễn Minh Hiền về giáo dục chính trị tại Việt Nam, đồng thời gửi kiến nghị đến Đại hội X của Đảng Cộng sản Việt Nam về các cải cách chính trị.

Sau khi không nhận được phản hồi từ các lãnh đạo Nhà nước và Đảng Cộng sản Việt Nam, ngày 8 tháng 5 năm 2006, Nguyễn Tiến Trung cùng bạn bè đồng chí hướng thành lập Tập Hợp Thanh Niên Dân Chủ.

Tập Hợp Thanh Niên Dân Chủ được thành lập dựa trên điều 69 Hiến pháp Việt Nam về quyền tự do ngôn luận và tự do lập hội, cũng như các điều 20 Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền, điều 21, điều 22 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị.

Những người sáng lập ban đầu gồm: Nguyễn Tiến Trung, Nguyễn Hoàng Lan (tên thật là Nguyễn Thị Hường). Một số thành viên: Trần Chiêu Việt, Nguyễn Việt Quốc, Nguyễn Đăng Quang và Đỗ Thế Kỳ.

Tập Hợp chủ trương:

1. thúc đẩy dân chủ hóa đất nước bằng các biện pháp ôn hòa, phù hợp với Hiến pháp Việt Nam và luật pháp quốc tế
2. đối thoại trên tinh thần bao dung và tôn trọng sự khác biệt
3. xây dựng nền tảng Tri thức góp phần tạo nên một xã hội văn minh
4. quy tụ thanh niên ủng hộ dân chủ và hòa hợp dân tộc, không kỳ thị trong nước ngoài nước, không kỳ thị thân thế nguồn gốc

1) Nguyễn Tiến Trung



Nguyễn Tiến Trung (1983-20)

Nguyễn Tiến Trung sinh năm 1983 tại Thái Bình

Năm 1999 – 2001, Nguyễn Tiến Trung là học sinh Trung học Phổ thông chuyên Lê Hồng Phong Tp. HCM.

Năm 2001 – 2002, Trung là sinh viên trường Đại học Bách Khoa Tp. HCM.

Năm 2002, Trung du học tại trường Institut National des Sciences Appliquées (INSA) Pháp quốc, và tốt nghiệp thạc sĩ công nghệ thông tin tại trường này ngày 27 tháng 6 năm 2007.

Thời gian cuối năm 2004, tại Pháp, Nguyễn Tiến Trung cùng với nhóm du học sinh Nguyễn Hoàng Lan (tên thật là Nguyễn Thị Hường), Trần Chiêu Việt, Nguyễn Việt Quốc, Nguyễn Đăng Quang và Đỗ Thế Kỷ phổ biến trong cộng đồng du học sinh tư tưởng về tự do, dân chủ, nhân quyền.

Ngày 28 tháng 2-2006, Nguyễn Tiến Trung viết *Bản góp ý dự thảo Báo cáo chính trị* Đại hội Đảng X nhưng không nhận

được phản hồi từ phía chính quyền. Trong bài viết *Giải pháp nào cho Việt Nam* đăng trên BBC, Nguyễn Tiến Trung cho rằng giới lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam "vi phạm Hiến pháp khi vẫn không tôn trọng quyền tự do báo chí, cũng như quyền tự do lập hội, lập đảng của người dân Việt Nam", phê phán đảng cộng sản "không có khả năng tự giác, tự sửa đổi, tự làm trong sạch để giải quyết các vấn đề bức xúc của đất nước". Cũng trong bức thư ngỏ, Nguyễn Tiến Trung ca ngợi bản Hiến pháp 1946, bản hiến pháp đầu tiên của Việt Nam, "đã xác định rõ quyền bình đẳng tham gia chính quyền của mọi đảng phái, mọi thành phần trong xã hội" và khẳng định "các bản hiến pháp 1959, 1980, và 1992 không có giá trị pháp lý" "vì không có một cuộc trưng cầu dân ý thật sự". Cuối cùng, Nguyễn Tiến Trung đề xuất giải pháp "tự do báo chí", "bầu cử tự do" và kêu gọi thanh niên Việt Nam "thúc đẩy Đảng và Nhà nước làm cho đúng". *Báo An ninh thế giới*, báo công an Việt Nam, khẳng định hai bài viết trên đây là những tài liệu phản động nhằm xuyên tạc, chống phá Đại hội lần thứ X Đảng Cộng sản Việt Nam.

Ngày 2 tháng 3 năm 2006, Nguyễn Tiến Trung đã gửi ông Nguyễn Minh Hiền, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam lúc đó, bức *Thư ngỏ của một sinh viên bình thường* bàn về vấn đề giáo dục chủ nghĩa và tư tưởng trong nhà trường.

Ngày 6 tháng 5 năm 2006, Trung đã tập hợp một số sinh viên du học gồm Nguyễn Hoàng Lan, Trần Chiêu Việt, Nguyễn Việt Quốc, Nguyễn Đăng Quang, Đỗ Thế Kỳ... thành lập "Tập hợp Thanh niên Dân chủ".

Từ 1 tháng 7 tới tháng 10 năm 2006, Trung cùng các bạn Tập hợp Thanh Niên Dân Chủ tổ chức chương trình "Marathon Nói Vòng Tay Lớn", nội dung chính là thu thập chữ ký vận động dân chủ cho Việt Nam để gửi tới các lãnh đạo các quốc gia tới Việt Nam tham dự APEC cuối năm 2006. Trung sang Canada

gặp một số nhân vật trong chính phủ Canada để vận động họ ủng hộ cho phong trào dân chủ ở Việt Nam khi họ đến dự APEC. Theo Nguyễn Tiến Trung, thủ tướng Canada nói rằng ông hoàn toàn đồng ý với những gì anh trình bày và chính phủ nước ông sẽ ủng hộ, hỗ trợ cho các thành viên của Tập hợp Thanh niên Dân chủ cũng như các tổ chức dân chủ khác trong nước. Ngoài ra anh từng gặp tổng thống George Bush tại Hoa Kỳ và gặp chủ tịch hội đồng Âu Châu, thủ tướng Canada.

Ngày 11 tháng 8 năm 2006, Nguyễn Tiến Trung trở về Pháp và có viết một bài đăng BBC với nhan đề "*Suy nghĩ sau một chuyến đi xa*" để kêu gọi ủng hộ cho "công cuộc dân chủ hóa Việt Nam" và tổ chức vận động, thu thập chữ ký ủng hộ chiến dịch marathon "nổi vòng tay lớn".

Ngày 21 tháng 4 năm 2007, báo *Lao Động* tại Việt Nam viết "ngày 15 tháng 7 năm 2006, tại "Đại hội sinh viên Việt Nam" do các nhóm người Việt lưu vong tại Mỹ phối hợp tổ chức tại San Jose, bang California với chủ đề: "Tuổi trẻ Việt hãy đoàn kết vì tự do, dân chủ cho Việt Nam", trên diễn đàn của "đại hội", Nguyễn Tiến Trung đã phát biểu rằng: "Thanh niên Việt Nam đang phải sống trong chế độ toàn trị, quyền con người, quyền công dân bị vi phạm, không có tương lai"... Nguyễn Tiến Trung đã kêu gọi thanh niên trong và ngoài nước cùng nhau thúc đẩy cho "dân chủ hóa" ở Việt Nam và kêu gọi cộng đồng sinh viên du học nên trao đổi những thông tin về "dân chủ, pháp trị, xã hội công dân...", để khi về nước sẽ truyền bá những "tư tưởng" đó và dẫn thân và công cuộc đòi "dân chủ, tự do" cho Việt Nam".

Ngày 5 tháng 8 năm 2007, sau 5 năm học tập ở Pháp, Nguyễn Tiến Trung về Việt Nam.

Ngày 28 tháng 2 năm 2008, Nguyễn Tiến Trung được lệnh tham gia nghĩa vụ quân sự.

Ngày 5 tháng 3 năm 2008, Nguyễn Tiến Trung gia nhập quân đội theo lệnh gọi nhập ngũ. Theo lời mẹ của Nguyễn Tiến Trung, anh không chịu tuyên thệ *Mười lời thề danh dự của quân nhân* là "vì Trung nói nếu đọc 10 lời thề như Bác Hồ viết thì Trung đọc, nhưng 10 lời thề này đã sai với ý của Bác Hồ đi rồi, nên Trung không đọc."

Cơ quan điều tra cho biết, trong hơn một năm (5-3-2008 đến 6-7-2009) thực hiện nghĩa vụ quân sự tại Trung đoàn Gia Định, Nguyễn Tiến Trung đã liên tục vi phạm các quy định của quân đội như: tiết lộ bí mật hành quân, chống mệnh lệnh cấp trên, không đọc 10 lời thề, không thực hiện nhiệm vụ phân công.

Ngày 6 tháng 7 năm 2009, Trung bị quân đội loại ngũ.

Trưa ngày 7 tháng 7 năm 2009, Cơ quan An ninh điều tra- Bộ Công an đã khởi tố bắt tạm giam Nguyễn Tiến Trung một theo Điều 88 Bộ luật Hình sự về hành vi chống Nhà nước, có sự phê chuẩn của Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao. Theo báo Tuổi Trẻ, anh đã hợp tác với vài cá nhân ở trong và ngoài Việt Nam nhằm "*chống chính quyền và thay đổi chế độ chính trị ở Việt Nam*". Theo báo *Công an Nhân dân*, sau khi bị bắt, Nguyễn Tiến Trung đã thừa nhận: "*Đảng dân chủ Việt Nam*" chưa có văn phòng công khai, tôi lại ít kinh nghiệm nên chưa mời được ai tham gia vào "đảng". Số đảng viên do các ủy viên trung ương khác kết nạp như thế nào, bao nhiêu tôi cũng không rõ. Ông Hoàng Minh Chính nắm rõ nhất nhưng cũng chưa nói cho tôi..."

Ngày 19 tháng 8, truyền hình Việt Nam cho đăng 1 đoạn phim quay cảnh "nhận tội" của 4 người bất đồng chính kiến, trong đó có Nguyễn Tiến Trung. Trên đoạn phim này anh thừa nhận đã tham gia vào Đảng Dân chủ và theo sự chỉ đạo của Nguyễn Sỹ Bình và Nguyễn Xuân Ngãi đã vận động nhiều người như Lê Công Định, Trần Anh Kim, Trần Huỳnh Duy Thức thực hiện

các hoạt động vi phạm nghiêm trọng pháp luật của nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Nguyễn Tiến Trung nói rằng sau "một thời gian làm việc với cơ quan điều tra", anh đã "nhận ra" sự giúp đỡ "đấu tranh dân chủ" từ nước ngoài chủ yếu vì lợi ích của các nước đó trước và tuyên bố "từ bỏ" Tập hợp Thanh niên Dân chủ cũng như Đảng dân chủ Việt Nam, chấm dứt các hoạt động "chống Nhà nước". Anh cũng bày tỏ hy vọng được hưởng "khoan hồng" để sớm trở về "đóng góp thiết thực vào sự phát triển của đất nước".

Vụ "nhận tội" này đã gây ra phản ứng khác nhau trong dư luận, trong khi có một số ý kiến nghi ngờ về tính tự giác của lời khai hoặc thất vọng về việc phát biểu của Nguyễn Tiến Trung và một số người cùng bị bắt thì một số khác cho rằng họ đã rút ra được nhiều bài học.

Ngày 20 tháng 1 năm 2010 Nguyễn Tiến Trung cùng ba nhà bất đồng chính kiến khác: Trần Huỳnh Duy Thức, Lê Công Định và Lê Thăng Long đã được xét xử sơ thẩm tại Tòa án Nhân dân Tp. HCM. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát buộc tội Trung "hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân", vi phạm khoản 1 điều 79 bộ Luật Hình sự Việt Nam bằng cách móc nối với tổ chức bất hợp pháp Đảng Dân chủ Việt Nam và thành lập Tập hợp Thanh niên Dân chủ. Tại tòa, Nguyễn Tiến Trung đã thừa nhận hành vi phạm tội, khai rằng đã quá tin tưởng bởi dụ dỗ của Trần Huỳnh Duy Thức. Kết thúc phiên tòa, Nguyễn Tiến Trung bị tuyên án 7 năm tù và 3 năm quản thúc. Những bị cáo khác trong buổi xét xử cũng lãnh án tù từ 5 đến 16 năm.

Sau phiên xử này các tổ chức quốc tế như Tổ chức Theo dõi Nhân quyền, Phóng viên không biên giới, Ân xá Quốc tế, Freedom House cũng như bộ ngoại giao của Anh và Mỹ đều chỉ trích hành xử của chính quyền Việt Nam đối với những người vận động ôn hòa. Phái bộ của khối Liên minh châu Âu

cũng lên tiếng nhận xét rằng đây là một bước lùi đáng tiếc về mặt chính trị tại Việt Nam.

Dưới áp lực của quốc tế, chính quyền Việt Nam đã trả tự do cho Nguyễn Tiến Trung trước thời hạn vào ngày 12-04-2014. Cùng đợt trả tự do có ông Vi Đức Hồi và tiến sĩ Luật Cù Huy Hà Vũ.

Trả lời đài VOA ngay sau khi ra tù, Nguyễn Tiến Trung nói ông hối tiếc vì trước đó ông đã nhận tội và xin khoan hồng. Nguyễn Tiến Trung cũng khẳng định sự khác biệt giữa án của ông và án của Trần Huỳnh Duy Thức chính là ở chỗ nhận tội và xin khoan hồng trên.

Tài liệu:

Sau 40 năm, chế độ toàn trị cần được thay bằng chế độ dân chủ

Facebook Nguyễn Tiến Trung
April 24, 2015 at 8:52pm

Trong một bài viết mới đây, Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng vừa khẳng định phải tiếp tục sự “lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với quân đội”, và phải “Kiên quyết đấu tranh chống âm mưu, thủ đoạn ‘phi chính trị hóa’ quân đội của các thế lực thù địch.”

Nếu thật sự đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo "đúng đắn, sáng tạo" thì câu chuyện đảo Gạc Ma bị mất vào ngày 14/3/1988 vào tay Trung Cộng trong khi hải quân Việt Nam được lệnh không nổ súng phải giải thích thế nào? Không dám nổ súng chống giặc, để lãnh hải rơi vào tay quân thù cũng là "đúng đắn, sáng tạo"?

Ngay hiện tại, ngư dân Việt Nam đi đánh bắt hải sản trên lãnh hải của mình, bị tàu Trung Quốc bắt giữ, đánh đập, cướp bóc, nhưng hải quân Việt Nam lại không có khả năng bảo vệ ngư dân. Báo đài không dám đưa tin, nếu có đưa thì chỉ dám nói "tàu lạ". Đó là tư thế của một nền báo chí trong một quốc gia "độc lập"?

Lý tưởng của chủ nghĩa xã hội là đem lại tự do, bình đẳng cho mọi người, không còn cảnh người bóc lột người. Thế tại sao các công dân không cộng sản lại phải phục tùng sự cai trị của các công dân là đảng viên cộng sản? Tại sao dân thường phải đi lính để bảo vệ cho đảng viên cộng sản? Đảng viên cộng sản có bị buộc phải phục tùng dân thường không? Đó là sự công bằng kiểu chủ nghĩa xã hội?

Là công dân, dù cộng sản hay không cộng sản thì cũng đều bình đẳng với nhau. Không thể có chuyện thanh niên cả nước phải đi lính để bảo vệ cho một nhóm người có đặc quyền, đặc lợi. Quân đội chỉ phục tùng mệnh lệnh từ vị lãnh đạo do dân bầu ra, đó mới đúng là thể chế cộng hòa chính danh.

Ông Trọng viết: “Đặc điểm lớn nhất và cũng là nét độc đáo của cách mạng nước ta từ tháng 7-1954 đến tháng 5-1975, đó là Đảng ta đã thực hiện đường lối chính trị, đường lối quân sự độc lập, tự chủ, giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng: cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân ở miền Nam và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, nhằm một mục tiêu chung là hoàn thành độc lập, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.”

"Đi lên CNXH" thì xã hội ngày càng phải văn minh hơn, tham nhũng ít hơn, dân quyền ngày càng tự do hơn, nhưng thực tế thì "tham nhũng đang ngày càng tăng và lan qua cả khu vực có vốn đầu tư nước ngoài." Làm sao đi lên CNXH với một thể chế

tham nhũng, bất công rộng khắp?

TS Trần Ngọc Thơ khẳng định: "Chỉ có chủ nghĩa tư bản thân hữu chứ chưa có chủ nghĩa tư bản dân tộc tử tế ở Việt Nam!...Chỉ thấy phe cánh, lobby trong bóng tối, với việc nhóm tư bản thân hữu ngày càng thắng thế còn các doanh nghiệp chân chính chỉ sống lây lất."

"Chúng ta nói là kiên trì theo kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhưng thực tế chỉ thấy sự dư thừa tư bản hiện đang lấn át xã hội chủ nghĩa. Các chỉ dấu cho thấy sự lấn át này mà người dân ai cũng có khả năng nhận biết: một mặt là sự tiêu dùng xa xỉ của tầng lớp thượng lưu hay hoạt động sân sau của quan chức ngày càng tăng và khó kiểm soát; mặt khác là hố sâu giàu nghèo ngày càng gia tăng đáng ngại, với việc các hệ thống lừa đảo kiểu ponzi, cho vay nặng lãi ngày càng phổ biến để tước đoạt chút thu nhập ít ỏi của những người tuyệt vọng."

Nếu lãnh đạo đảng cộng sản tự nhận là "sáng suốt, tài tình" thì ngay tại sao những lý thuyết quá lỗi thời vẫn được rao giảng, thậm chí đưa cả vào hiến pháp? Trong khi các chuyên gia đã chứng minh chúng "không có cơ sở khoa học và lịch sử".

TS. Nguyễn Đức Thành thẳng thắn: "Một chiến lược trước hết phải xuất phát từ tư tưởng. Cần phải dứt khoát thay đổi lối quan niệm lỗi thời, không có cơ sở khoa học và lịch sử, rằng một nền kinh tế có thể phát triển bền vững và cạnh tranh quốc tế dựa trên một khu vực kinh tế nhà nước làm chủ đạo. Lại càng sai lầm hơn khi cho rằng các doanh nghiệp nhà nước có thể là công cụ để điều tiết nền kinh tế. Có thể hiểu đó là một di sản đáng tiếc của lịch sử, khi những nhận thức sai lầm tiếp tục được tái tạo mà vốn khởi nguồn từ quá khứ nhập khẩu lý luận chưa bao giờ được thực tiễn chứng minh."

Lời giải cho hiện trạng đất nước chắc chắn không phải là "kiên

trì sự lãnh đạo của đảng cộng sản", vì chính từ sự lãnh đạo của đảng cộng sản đã dẫn đến hiện tình đất nước như hiện tại với tham nhũng và bất công rộng khắp.

TS. Trần Ngọc Thơ đã đưa ra lời giải: "chúng ta cần là một nền kinh tế thị trường đúng với ý nghĩa của nó nhất và một thể chế tự do, dân chủ, minh bạch và biết thượng tôn pháp luật."

- 0 -

Giáo sư Philippe Echard, Đại học Rennes, người từng là trưởng khoa Quan hệ quốc tế của Viện INSA khi Nguyễn Tiến Trung còn theo học ở đây đánh giá về anh như sau: *"Ở đại học, Trung là một sinh viên rất giỏi, học hết năm thứ nhất, anh đã đỗ đầu khóa. Đó là lý do đầu tiên tôi chú ý đến Trung. Ngoài ra, Trung là một người có suy nghĩ rất nhanh nhạy. Tôi có thể khẳng định là trong các buổi thảo luận rất tự do trong lớp, Trung không bao giờ tỏ thái độ chống đối chính quyền Việt Nam. Trái lại, cũng như những sinh viên Việt Nam khác, Trung là một người có tinh thần dân tộc rất cao, theo nghĩa tốt của nó, tức là anh ta yêu đất nước mình, nhưng có lẽ anh ta nóng lòng muốn cho đất nước mình tiến nhanh hơn trên con đường dân chủ, chứ không phải theo con đường hiện nay ở Việt Nam."*

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Tiến Trung Web: vi.wikipedia.org
- Sau 40 năm, chế độ toàn trị... Facebook: Nguyễn Tiến Trung

Tiết ba: Đảng Dân Chủ Thế kỷ 21



Ngày 1 tháng 6 năm 2006, Hoàng Minh Chính, nguyên Tổng Thư ký và Trần Khuê Phó Tổng Thư ký Đảng Dân chủ Việt Nam trong thập kỷ 1950, ra tuyên bố phục hồi hoạt động của Đảng Dân chủ Việt Nam, tên *Đảng Dân chủ thế kỷ 21* hay *Đảng Dân chủ (XXI)* thường được sử dụng để nói lên rằng là đảng của thế kỷ 21.

Đảng Dân chủ thế kỷ 21 hay Đảng Dân chủ (XXI) được những người sáng lập coi là sự hoạt động trở lại của Đảng Dân chủ Việt Nam - một chính đảng được thành lập năm 1944 và đã tuyên bố giải thể vào năm 1988 - Nay khôi phục lấy lại tên gọi của chính đảng đã bị giải thể.

Tuy nhiên, theo Huỳnh Văn Tiểng, nguyên uỷ viên Thường vụ Đảng Dân chủ Việt Nam trong suốt thời gian tồn tại của đảng này, Hoàng Minh Chính do đã bị khai trừ khỏi Đảng Dân chủ Việt Nam và không được đa số cựu đảng viên đồng tình nên "không có quyền và không đủ tư cách đứng ra khôi phục Đảng", ông nói: "Đảng Dân chủ hiện nay mà ông Hoàng Minh

Chính lên tiếng "khôi phục" thì về bản chất đã khác Đảng Dân chủ từng tồn tại từ năm 1944 đến 1988"

Đảng Dân chủ thế kỷ 21 (tên gọi tắt của Đảng Dân chủ Việt Nam hiện nay) được xem là một đảng mới thành lập chứ không phải sự hoạt động trở lại của Đảng Dân chủ đã giải thể từ năm 1988.

Chủ trương, đường lối của Đảng Dân chủ thế kỷ 21:

- Phương pháp đấu tranh của Đảng là bất bạo động, hoà bình đối thoại, bình đẳng, bao dung, cùng nhau xây dựng xã hội tự do dân chủ, an bình, hạnh phúc, đích thực Của Dân-Do Dân-Vì Dân.

- Liên kết toàn thể quốc dân đồng bào trong nước và hải ngoại, tất cả các đảng phái hội đoàn, các phong trào dân chủ, các tôn giáo, các sắc tộc thành một mặt trận rộng lớn nhất, một sức mạnh tổng hợp hoá giải mọi lực cản để chấn hưng đất nước.

Năm 2005, Hoàng Minh Chính, cựu Tổng thư ký Đảng Dân chủ Việt Nam, sang Hoa Kỳ chữa bệnh, và đã có cuộc gặp với ông cùng với một số thành viên trong Đảng Nhân dân hành động. Hai bên đã có những trao đổi về tình hình chính trị Việt Nam cũng như thống nhất một số cách thức hoạt động chính trị trong nước. Tháng 06 năm 2006, ông Hoàng Minh Chính ra thông cáo khôi phục lại hoạt động của Đảng Dân chủ Việt Nam sau gần 20 năm giải thể. Tuy nhiên, trên thực tế, đây là một đảng chính trị hoàn toàn mới, phát triển từ nòng cốt là Khối 8406, nên thường được gọi là đảng Dân chủ 21.

Sau khi tuyên bố hoạt động, Nguyễn Sỹ Bình được ông Hoàng Minh Chính, với tư cách là Tổng thư ký đảng Dân chủ 21, đã chỉ định Nguyễn Sỹ Bình vào vị trí Trưởng ban Hải ngoại của đảng. Thông qua sự giới thiệu của Hoàng Minh Chính, ông đã

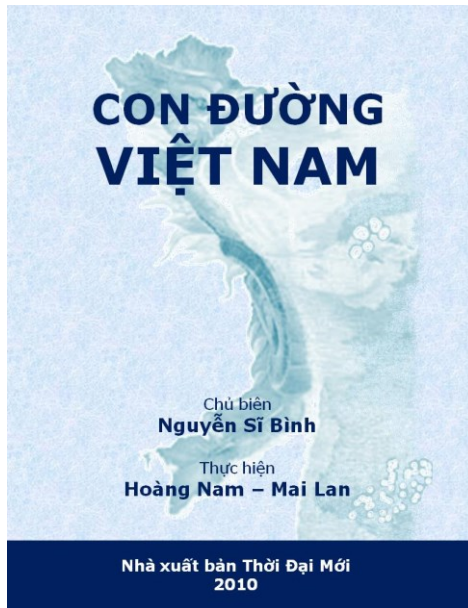
xây dựng các mối liên hệ với Nguyễn Tiến Trung, người đã thành lập Tập hợp Thanh niên Dân chủ. Sau đó, Nguyễn Tiến Trung chính thức gia nhập đảng Dân chủ và đảm nhận vai trò Phó tổng thư ký phụ trách thanh niên.

Năm 2008, ông Hoàng Minh Chính qua đời. Nguyễn Sĩ Bình đã thay ông Hoàng Minh Chính điều hành Đảng Dân chủ Việt Nam và đồng thời từ bỏ vai trò ở Đảng Nhân dân hành động do ông sáng lập.

Đảng Dân chủ 21 hiện nay do Nguyễn Sĩ Bình làm Chủ tịch, Lê Công Định làm Tổng Bí Thư.

Tài liệu tham khảo:

- Đảng Dân Chủ Web: vi.wikipedia.org



1) Nguyễn Sỹ Bình



Nguyễn Sỹ Bình (1955-20)

Nguyễn Sỹ Bình sinh năm 1954 tại tỉnh Bình Định, là người con thứ hai trong gia đình có sáu anh em.

Tháng 4-1975, giữa lúc đang học tại Sài Gòn, ông theo chương trình di tản từ Việt Nam sang Hoa Kỳ. Sau thời gian đi làm và tiếp tục học, ông tốt nghiệp kỹ sư hạt nhân (nuclear engineer) tại Đại học Maryland, College Park, Maryland, USA.

Năm 1981, ông làm việc cho Bechtel Power Corporation.

Năm 1983, ông chuyển ngành sang Công ty phát triển địa ốc General Development Corp.

Dù xa quê nhà nhưng ông luôn hướng về Việt Nam. Từ năm 1985, ông tập trung suy nghĩ những vấn đề đất nước. Sau khi Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, ông dành hầu hết thời gian cho hoạt động chính trị.

Năm 1991, ông thành lập Đảng Nhân Dân Hành Động tại Việt Nam với chủ trương đấu tranh ôn hòa cho dân chủ hóa đất nước, tiến tới tổ chức bầu cử tự do.

Tháng 4-1992, công an Việt Nam đánh phá tổ chức, Nguyễn Sỹ Bình và một số chí hữu tại Sài Gòn bị cáo buộc “lật đổ chính quyền nhân dân” và bị bắt giam.

Trước áp lực từ Chính phủ Hoa Kỳ, các tổ chức quốc tế và đồng bào ở hải ngoại, Nhà nước Việt Nam phải trả tự do vô điều kiện cho ông và các chí hữu sau hơn 14 tháng giam cầm. Ông đã chính thức đi vào con đường hoạt động chính trị sau sự kiện này.

Năm 1993, về lại Hoa Kỳ, ông gặp gỡ cộng đồng người Việt nhiều nơi, nhưng sau đó quyết định đến Campuchia, nơi gần với Việt Nam và có nhiều người Việt sinh sống. Chỉ trong thời gian ngắn, Đảng Nhân Dân Hành Động tại Campuchia đã xây dựng nhiều cơ sở, lớn mạnh nhanh chóng và thu hút đông đảo dân chúng tham gia.

Năm 1996, Hà Nội phối hợp với Phnom Penh triệt hạ Đảng Nhân Dân Hành Động. Nhiều đảng viên bị bắt và giải giao về Việt Nam trước sự phản đối của các viên chức trong Cao ủy nhân quyền LHQ tại Phnom Penh. Về nước, tất cả đều bị buộc tội “trốn đi nước ngoài nhằm chống chính quyền nhân dân”. Người chịu án tù cao nhất 20 năm là ông Lê Văn Tính, cựu dân biểu Việt Nam Cộng hòa, thành viên trong Ban trị sự Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo. Đến nay, vẫn còn một số đảng viên trong tù. Sau biến cố đó, Chính quyền Campuchia không cấp chiếu khán cho ông Bình đến quốc gia này nữa.

Tuy nhiên, trong thời gian dài từ năm 1997, ông vẫn đi lại khắp các nước láng giềng với Việt Nam vận động và phối hợp thành lập tổ chức chống tham nhũng trong nước.

Mùa hè năm 2005, ông Hoàng Minh Chính được sang Hoa Kỳ chữa bệnh qua bảo lãnh của bác sĩ Nguyễn Xuân Ngãi. Một giai đoạn mới trong hoạt động chính trị của ông Nguyễn Sỹ

Bình bắt đầu. Trước khi sang Hoa Kỳ, vào tháng 6-2005, ông Hoàng Minh Chính đã thành lập Phong Trào Dân Chủ Việt Nam ở trong nước và sau đó phối hợp hoạt động cả trong và ngoài nước với sự cộng tác đặc lực của ông Nguyễn Sĩ Bình. Tháng 6-2006, Đảng Nhân Dân Hành Động đã giúp ông Hoàng Minh Chính tuyên bố phục hoạt Đảng Dân Chủ Việt Nam.

Trong tình thế mới, ông Nguyễn Sĩ Bình được Đảng Nhân Dân Hành Động cho phép rời khỏi Đảng, thay thế lâm thời là cố vấn Nguyễn Tường Bá, người sau đó được bầu giữ chức vụ quyền Chủ tịch Đảng Nhân Dân Hành Động.

Tháng 9-2007, ông Nguyễn Sĩ Bình chính thức tham gia Đảng Dân Chủ Việt Nam với bí danh Nguyễn Tâm, được Tổng Thư ký Hoàng Minh Chính bổ nhiệm làm phụ tá, cố vấn cấp cao và được quyền quyết định các vấn đề thay cho Tổng Thư ký.

Tháng 2-2008, Tổng Thư ký Hoàng Minh Chính qua đời. Đầu tháng 7-2008, ông được bầu vào chức vụ Trưởng ban Thường vụ Trung ương Đảng Dân Chủ Việt Nam nhiệm kỳ 2006 – 2011, lãnh đạo Đảng tiếp tục con đường của cố Tổng Thư ký.

Ngày 1-9-2008, ông cùng Ban Thường vụ ra Tuyên bố quan điểm của Đảng Dân Chủ Việt Nam. Nội dung Tuyên bố nêu rõ tính chính danh của Đảng, vẫn đường lối hoạt động ôn hòa, xem đảng cầm quyền là đối tác chính trị, cùng các chính đảng xây dựng và bảo vệ đất nước. Với quan điểm này, Đảng Dân Chủ Việt Nam đã nhận được khá nhiều ủng hộ cả trong và ngoài nước.

Trong hai ngày 27 và 28 tháng 3-2009, ông Nguyễn Sĩ Bình đến Thái Lan, tổ chức cuộc họp tại Phuket với chí hữu Lê Công Định, Trần Huỳnh Duy Thức. Đây là cuộc họp bàn thảo các vấn đề và giải pháp quan trọng cho Việt Nam, trong đó quan trọng hàng đầu là giúp đảng viên phục hoạt Đảng Lao động và

Đảng Xã hội, thanh lọc đảng viên liêm chính ra khỏi thành phần tham nhũng trong hàng ngũ Đảng Cộng sản. Cuộc họp cũng quyết định cần phải thông báo cho toàn Đảng toàn dân biết thực chất của tình hình đất nước qua các giai đoạn lịch sử và đề ra hướng đi cho tương lai thông qua cuốn sách “*Con đường Việt Nam*”. Nhưng khi công cuộc mới bắt đầu, Nhà nước Việt Nam bắt chấp pháp luật và công luận, đã bắt giam ông Thức, ông Định cùng một số chí hữu nòng cốt Đảng Dân Chủ Việt Nam.

Tài liệu:

Con đường Việt Nam

Lời nói đầu

Việt Nam đã trải qua mấy nghìn năm lịch sử, còn sáng chói bao chiến công hào hùng trên những chặng đường. Trong quá trình dựng nước và giữ nước, cha ông đã để lại cho chúng ta một dải non sông thống nhất từ Bắc vào Nam, giàu tài nguyên thiên nhiên, nhiều truyền thống tốt đẹp. Đất nước cũng nằm ở giao điểm các nền văn hóa văn minh lớn gặp nhau, đã tiếp biến nhiều giá trị làm đa dạng các yếu tố dân tộc và lối sống.

Lật lại những trang sử các thời kỳ, mỗi người dân Việt, dù trong hay ngoài nước, luôn được khơi dậy tình yêu quê hương, niềm tự hào tổ quốc. Đó là thời nghìn năm Bắc thuộc với tinh thần chống Hán hóa, nhiều cuộc khởi nghĩa giành lại chủ quyền diễn ra mà trận chiến thắng Bạch Đằng là đỉnh cao. Đó là thời kỳ độc lập tự chủ, cha ông không những bảo vệ non sông mà còn mở mang bờ cõi, không những giữ gìn mà còn làm phong phú trường tồn bản sắc văn hóa Việt Nam. Với những chiến công hiển hách chống phương Bắc xâm lược, những anh hùng Thập đạo tướng quân Lê Hoàn, Lý Thường Kiệt, Trần Quốc Tuấn, Lê Lợi, Nguyễn Huệ... mãi mãi lưu danh. Đó còn là đời sống tôn giáo, lễ hội, tâm linh, phong tục

tập quán, ngôn ngữ, các công trình mỹ thuật và kiến trúc, cùng hàng loạt hệ giá trị giàu tính cộng đồng, nhân nghĩa, nhân văn Việt Nam.

Bước vào thời kỳ cận đại, những cuộc chiến tranh khốc liệt diễn ra, cả nước phải trả giá bằng biết bao hy sinh. Nhìn lại hệ tư tưởng cộng sản từ khi xuất hiện ở Việt Nam, ban đầu là gắn vào đấu tranh giải phóng dân tộc dẫn đến chia cắt hai miền năm 1954. Tiếp theo, Việt Nam là chiến trường đối đầu giữa các hệ tư tưởng. Sau thống nhất năm 1975 là cuộc chiến hai đầu biên giới... Ở giai đoạn hòa bình, có thời kỳ động lực phát triển xã hội gần như bị triệt tiêu. Thời kỳ đổi mới không toàn diện tạo ra nhiều nguy hiểm, tác hại trực tiếp có, hậu quả không dễ khắc phục vẫn tiềm tàng. Thời kỳ hội nhập sâu rộng hiện nay càng thêm nhiều rối ren trong đường lối nội trị lẫn ngoại giao. Câu hỏi mà nhiều người đang quan tâm: liệu Việt Nam sẽ tiếp tục tình trạng phân hóa giàu nghèo, bất công và tụt hậu đến mức nào? Gần một thế kỷ, các văn kiện, cương lĩnh, đường lối, kế cả hiến pháp và pháp luật thể hiện tư tưởng và đường lối cộng sản đã bất ổn, xã hội không thể tiếp tục chịu đựng và hy sinh mãi.

Theo quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, từ khi có đấu tranh vô sản, lịch sử dân tộc cũng chính là lịch sử của đảng phái này. Cho nên, phản ánh đã trở nên thiếu tôn trọng sự thật. Nhiều lỗi rẽ đau thương cùng đường bị che giấu. Nhiều góc khuất chưa được sáng tỏ, còn bị phủ lên đó giải thích chủ quan. Ở khởi điểm ban đầu, nhiều người có thể tin vào lý tưởng tốt đẹp, nhưng qua các giai đoạn cách mạng, lý tưởng ấy đã không còn. Sai lầm lớn nhất của Đảng Cộng sản là đã đặt lợi ích giai cấp lên trên lợi ích dân tộc, thậm chí không ít thời điểm và sự kiện cho thấy dân tộc phải chịu hy sinh vì nhiệm vụ Quốc tế cộng sản. Trong quá trình hoạt động, Đảng Cộng sản cũng tiêu diệt mọi lực lượng có tư tưởng và quan điểm đa dạng, tiến tới độc quyền. Ngày nay, lợi ích một nhóm nhỏ lại tiếp tục đặt trên

lợi ích dân tộc, mối quan hệ cộng sản giữa Việt Nam và Trung Quốc bất chấp quyền lợi toàn dân. Thế hệ trẻ sẽ bước tiếp như thế nào trên con đường nhiều hy sinh và nguy hiểm đó?

Vấn đề trước hết là phải nhìn lại lịch sử để có đánh giá xác thực, thấy sai lầm mà tránh lặp lại, để hình thành những tư tưởng và lực lượng tiên phong. Đây là việc làm quan trọng và cần thiết, tạo điều kiện cho mỗi người dân nhìn thấy con đường xuyên suốt của dân tộc, định hướng cho thế hệ trẻ đóng góp tích cực nhằm chấn hưng đất nước. Trong thời đại hội nhập, xã hội cần phát huy dân chủ và thượng tôn pháp luật, mỗi người cần được tôn trọng quyền công dân và quyền con người. Chúng ta cần có tầm nhìn rộng để thấy xu hướng thời đại, xác định đất nước đứng ở vị trí nào trên bản đồ thế giới.

Với tinh thần ấy, “*Con đường Việt Nam*” sẽ cố gắng làm rõ những chặng đường dân tộc đã qua và đề nghị một triển hướng cho tương lai. Cuốn sách là dịp gặp mặt hội thảo với nhiều quan điểm, chính kiến về các vấn đề bị che khuất lâu nay. Cuốn sách cũng nhằm tưởng nhớ ông Hoàng Minh Chính, cố Tổng Thư ký Đảng Dân Chủ Việt Nam, nguyên Viện trưởng Viện Triết học Mác-Lênin tại Việt Nam.

Xin kính tặng cuốn sách này cho tất cả đồng bào, anh chị em mọi tầng lớp đang mong muốn cho Việt Nam một Nhà nước pháp quyền, hội nhập và nhân bản.

Chủ biên
Nguyễn Sỹ Bình
Palo Alto, Mùa Xuân 2010

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Sỹ Bình Blog: baovecovang2012.wordpress.com
- *Con đường Việt Nam* Blog: baovecovang2012.wordpress.com

1) Trần Huỳnh Duy Thức



Trần Huỳnh Duy Thức (1966-20)

Trần Huỳnh Duy Thức, sinh ngày 29 tháng 11 năm 1966, sống tại phường 13, quận Tân Bình, TP.HCM

Năm 1990, ông tốt nghiệp khoa Công nghệ thông tin trường Đại học Bách khoa Tp. HCM.

Năm 1993, Trần Huỳnh Duy Thức mở một cửa hàng vi tính nhỏ. Chỉ một vài tháng sau, cửa hàng EIS của Thức đã có thể tự lắp ráp những chiếc máy vi tính cá nhân đầu tiên.

Năm 1994, ông cùng ông Lê Thăng Long thành lập Công ty tin học Duy Việt tại Hà Nội. Từ năm 1998 trở đi, Internet chính thức được sử dụng ở Việt Nam, tạo nên một nhu cầu truy cập Internet bùng nổ.

Năm 2000, công ty TNHH Tin học Duy Việt chuyển đổi thành công ty cổ phần Công nghệ thông tin EIS (EIS, Inc.)

Năm 2002, EIS có 3 công ty con gồm One-Connection Singapore, One-Connection USA và One-Connection Vietnam có mặt ở San Jose (California, Mỹ), Sài Gòn (Việt Nam) và Singapore. Kể từ đó Trần Huỳnh Duy Thức thường được mời

và đối đãi trọng thị bởi cơ quan phát triển kinh tế Singapore theo chính sách thu hút nhân tài và đầu tư của họ.

Năm 2005, ông cùng một số nhân vật như Lê Thăng Long lập ra “Nhóm nghiên cứu Chấn thông” qua việc nghiên cứu tình hình chính trị, kinh tế, xã hội ở Việt Nam.

Từ đầu tháng 11 năm 2008, ông lập hai Blog trên mạng internet: *Change We Need* và *Trần Đông Chấn* xuất hiện nhiều bài viết và bình luận về lãnh đạo cũng như nền chính trị Việt Nam, với tổng cộng khoảng 49 bài viết. Thông tin ở đây được một số hãng thông tấn quốc tế đăng lại.

Trong thời gian One-Connection Singapore đang phát triển mạnh mẽ sang các thị trường Mỹ, Úc, Canada, cuối năm 2008 Trần Huỳnh Duy Thức đã thuyết phục Hội đồng quản trị EIS, Inc. thông qua quyết định đưa doanh số ở nước ngoài về Việt Nam để tăng đóng góp cho ngân sách nhà nước.

Tháng 3 năm 2009, ông đi Phuket, Thái Lan. Tại đây ông gặp một số nhân vật bất đồng chính kiến khác, cùng họ thành lập các tổ chức chính trị nhằm thay thế Đảng cộng sản Việt Nam khi xảy ra biến cố chính trị trong tương lai.

Sau khi về nước, ông cùng với ông Lê Công Định, Nguyễn Sĩ Bình hợp tác viết cuốn sách *Con đường nước Việt*, trong đó Lê Công Định viết phần cải cách Tư pháp, Nguyễn Sĩ Bình viết về phần cải cách Xã hội, còn ông viết về phần cải cách Kinh tế

Là một doanh nhân thành đạt tại Việt Nam, ông cũng nổi bật với các ý kiến phê bình những rào cản từ phía các cơ quan quản lý viễn thông đối với sự phát triển của ngành công nghệ cao này. Vì vậy, ngay tại quê nhà, One-Connection Việt Nam không được nghênh đón. Tháng 3 năm 2009, sở Thông tin - Truyền thông Tp. HCM ra quyết định buộc One-Connection

Việt Nam ngừng cung cấp dịch vụ và xử phạt hành chính, tịch thu các máy móc thiết bị. Không chấp nhận quyết định trên, One-Connection Việt Nam khiếu nại lên bộ Thông tin - Truyền thông. Đồng thời, đến tháng 5 năm 2009, dưới sự chỉ huy pháp lý của luật sư Lê Công Định, One-Connection Việt Nam đã hoàn tất hồ sơ khởi kiện sở Thông tin - Truyền thông Thành phố Hồ Chí Minh ra tòa án hành chính Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông chính thức bị nhà cầm quyền Việt Nam bắt vào ngày 24 tháng 5 năm 2009 với tội danh ban đầu là *trộm cắp cước điện thoại*, sau đó với các cáo buộc hoạt động chính trị nhằm *lật đổ chính quyền nhân dân*. Cùng với một số nhân vật như Lê Công Định, Nguyễn Tiến Trung, Lê Thăng Long bị tòa án nhân dân Tp. HCM đưa ra xét xử vào ngày 20 tháng 01 năm 2010, riêng cá nhân ông bị tuyên án 16 năm tù giam và tịch thu một phần tài sản. Ít nhiều người hiểu biết và can đảm để tìm hiểu được sự thật đằng sau những tội danh này. Nhiều cá nhân trí thức đã viết đơn phản cáo, nhưng không thành công.

Tháng 6, năm 2013 ông Thức đã bị biệt giam vì giúp đỡ một tù nhân cách sử dụng điện thoại di động.

Việc nhà cầm quyền Việt Nam bắt và đưa ra tuyên án đối với ông cũng như các nhân vật trên vào ngày 20 tháng 01 năm 2010, đã bị các quốc gia phương tây như Anh, Hoa Kỳ và Liên minh Châu Âu lên tiếng phản đối. Bộ ngoại giao Anh ra thông cáo và bày tỏ quan ngại *Không thể cầm tù bất kỳ ai vì người đó bày tỏ quan điểm của mình một cách hòa bình*, Còn đại diện của Hoa Kỳ ra thông cáo *Chúng tôi cũng quan ngại về việc tiến hành phiên tòa rõ ràng đã thiếu trình tự chuẩn mực, các bản án đã "đi ngược lại với Tuyên ngôn Nhân quyền Liên Hiệp Quốc, việc kết tội này cũng đặt ra những câu hỏi nghiêm trọng đối với cam kết của Việt Nam về nền pháp trị và cải cách*

Ngoài ra, Tổ chức ân xá quốc tế cũng ra thông cáo với việc bắt và tuyên án này là *Những người này đáng ra không bao giờ nên bị bắt chứ đừng nói là bị buộc tội và nhận án tù, phiên tòa rõ ràng là sự nhạo báng công lý.*

Ngày 11 tháng 10 năm 2013, Trần Huỳnh Duy Thức đã được Mạng lưới nhân quyền Việt Nam có trụ sở tại California vinh danh cùng với 2 người khác là luật sư Lê Quốc Quân và ông Nguyễn Hoàng Quốc Hùng vì những đóng góp cho nhân quyền tại Việt Nam.

Tài liệu:

Thư viết từ trại giam Xuyên Mộc
Xuyên Mộc, 29/11/2014

Thưa ba thương yêu!

Chúc mừng sinh nhật ba. Chúc ba luôn khỏe mạnh, tinh thần vui vẻ làm chỗ dựa vững chắc và nguồn hạnh phúc cho con cháu. Hôm trước nghe chị Sáu nói bác sĩ khen ba và hỏi bí quyết làm sao mà giữ được phong độ như vậy ở tuổi này, con vui lắm. Quả thật là nếp sống của ba cần được chia sẻ cho mọi người. Con không ngờ là ba có thể phục hồi nhanh chóng sau khi bị sút cân rất nhiều sau chuyến bôn ba năm ngoái vì con. Thể trạng ba rất tốt mới được như vậy, cộng thêm nếp sinh hoạt khoa học.

Năm nay cũng trùng hợp, sinh nhật ba vào ngày giỗ má. Giờ chắc cả nhà đang tề tựu. Đã 3 cái giỗ con chưa thấp cho má được một nén nhang. Tang má con cũng chưa được đội. Dù biết không ai trách con nhưng con vẫn chạnh lòng, se thắt mỗi khi nghĩ đến mình đã không ở bên má những ngày cuối cùng. Càng lớn tuổi mình càng thấu hiểu tình yêu thương của cha mẹ, núi cao biển rộng cũng không thể nào diễn đạt được, có làm gì

cũng không thể đền đáp được. Đọc những bức thư của chị Hai, con biết thêm nhiều điều về ba má mà trước đây con chưa được biết. Con càng nguyện phải sống xứng đáng với những gì cha mẹ đã trao cho mình.

Sinh thời má hay nói cuộc đời má giống như cuốn tiểu thuyết. Quả thật gia đình mình nói chung, ba má nói riêng không thiếu chất liệu cho một tiểu thuyết sống động. Khi còn ở ngoài con đã nghĩ bước qua tuổi 50 con sẽ đủ trải nghiệm để viết một cuốn như vậy. Thật là hay, con đã có được hơn 5 năm tù vừa rồi để áp ủ nó và thêm nhiều trải nghiệm quý báu cho nó. Con sẽ hoàn thành nó để kính tặng ba má, con sẽ tái hiện những gì thuộc về ba má, từ quê hương đến văn hóa, ông nội bà nội, ông ngoại bà ngoại, v.v... Con sẽ cố gắng để những hình ảnh đó sống mãi trong lòng người đọc. Với sự cộng tác của chị Hai, con tin hai chị em sẽ làm tốt. Ba có muốn chuyển tải điều gì thì ba nói với chị Hai nha. Nghĩ cũng lạ, từ nhỏ con chẳng thích văn chương và chẳng bao giờ nghĩ mình sẽ làm gì dính dáng đến văn thơ cả. Vậy mà bây giờ. Cũng thật may là nhà mình lại có chị Hai theo nghiệp văn chương, giờ chỉ có đất dụng võ rồi. Ba thấy vui không?

Con xin lỗi ba, dù con biết ba không bao giờ bắt lỗi con cả. Đó là chuyện lúc còn ở ngoài có lúc con đã bùng nổ với ba. Ba biết không, con đã xử sự như một đứa trẻ con được cưng chiều, đòi hỏi ba mình hiểu mình mà mình chẳng thổ lộ, không được hiểu nên làm mình làm mầy như vậy. Chắc ba cũng hiểu phải không? Con nhiều lần nghe ba nói với những người khen con thành đạt là: “Nó vẫn còn là đứa trẻ của tôi”. Hồi đó con không thích lắm, nhưng giờ con nghĩ vài chục năm nữa mà ba nói như vậy thì thật là thú vị. Bây giờ cũng vậy, con mãi là đứa trẻ của ba.

Thư 31C viết cho ba, con đoán rằng trong năm 2015 giá dầu sẽ khoảng 50 USD/thùng và sản lượng dầu của Mỹ sẽ vượt xa 10

triệu thùng/ngày. Lúc con viết thì giá dầu đang 76 USD, sản lượng của Mỹ vừa mới đạt 9 triệu thùng/ngày. Lúc này xem TV, giá dầu chỉ còn 66 USD và đang tiếp tục lao dốc do OPEC không cắt giảm sản lượng như mong muốn của Venezuela, còn sản lượng của Mỹ đã đạt 11 triệu thùng/ngày. Không biết con số này có nhầm không, sao mà tăng nhanh khủng như vậy. Người ta cũng dự báo cuối năm nay giá dầu chỉ quanh quẩn 60 USD/thùng và OPEC sẽ không dám giảm sản lượng vì sợ bị Mỹ chiếm lấy thị phần của mình. Người Nga sẽ suy kiệt nhanh chóng và sẽ mất khá lâu để gượng dậy. Từ mức giá 115 USD/thùng, cứ mỗi 1 USD sụt giảm sẽ bào mòn 2 tỷ USD/năm ngân sách Nga. Nếu giá dầu trung bình trong năm sau là 60 USD/thùng thì nước này mất đứt nguồn thu 110 tỷ USD cho ngân sách (với giả định là họ giữ nguyên được sản lượng – một khả năng bất khả thi). Riêng trong năm nay thôi họ đã thất thu gần cả trăm tỷ đô-la rồi. Chẳng có thứ dự trữ nào chống đỡ nổi. Gần 15 năm dưới triều đại Putin, người Nga đã bị làm cho ảo tưởng về một “Đại Nga” nhờ vào sức mạnh quân sự và tài nguyên khổng lồ. Con đã viết rất nhiều về đề tài chưa có một nước nào trở nên thịnh vượng và văn minh mà nhờ vào tài nguyên, lại càng không có những cường quốc vì bán tài nguyên. Ngược lại, tài nguyên dồi dào luôn là mầm họa của quốc gia. Nước Mỹ có trữ lượng dầu hỏa hàng đầu thế giới nhưng họ vẫn cấm khai thác trong nước dù đã rất nhiều lần họ bị các nước xuất khẩu dầu dùng dầu làm cho lao đao và dẫn đến khủng hoảng năng lượng. Vì vậy mà ngày nay họ mới có công nghệ tăng đá phiến và sẽ còn làm nhiều công nghệ đột phá khác về năng lượng. Chỉ có sự vận động tự do của người dân trong xã hội Mỹ mới có thể có được những quyết định sáng suốt và thành tựu rực rỡ như vậy mà thôi. Ngược lại với Nga, sau gần 10 năm tự do khá hỗn loạn dưới thời Elsin khiến tình trạng cá lớn nuốt cá bé “hoành hành dữ dội, Putin lên ngôi và lợi dụng tâm trạng bất mãn của giới bình dân chiếm đại đa số đang phẫn uất vì nạn “cá lớn nuốt cá bé” để thiết lập nền độc tài trên chính sách dân túy (populism). Ông ta thể hiện mình là

người anh hùng của quần chúng theo kiểu “cướp của một số nhà giàu chia lại cho những người nghèo”. Từ đó ông ta thâm tóm tắt cả ngành dầu khí vào tay mình và dùng nguồn thu khổng lồ của nó để ban phát “đặc ân” cho dân chúng. Sự ủng hộ dành cho ông ta tăng lên cùng với sự thui chột ý chí phấn đấu của họ. Họ chấp nhận đánh đổi quyền tự do của mình để nhận lấy những lời hứa của ông ta sẽ ban phát nhiều hơn nữa. Sự vận động của xã hội Nga vì thế mà bị bóp nghẹt tự do. Nhưng trớ trêu là Putin không đủ trình độ để nhận ra rằng đó cũng chính là ông ta tự bóp nghẹt chính mình. Không có vận động tự do thì không thể bảo vệ LỄ PHẢI TUYỆT ĐỐI, tức là khoa học công nghệ không thể phát triển. Hậu quả là kinh tế Nga chẳng có thứ gì đáng kể ngoài lời tài nguyên trong lòng đất ra mà bán, nhưng lại cứ ảo tưởng rằng đó là vô tận, là vô địch thiên hạ. Thiệt khoa học thì làm sao mà có được tầm nhìn xa, làm sao có thể nghe thấu vào tai những cảnh báo rõ ràng về cái chết được báo trước do bán tài nguyên mà sống. Hẳn là vài năm trước đây, ai mà can đảm chỉ ra cái nguy cơ này thì sẽ bị Putin kết tội “gây hoang mang quần chúng”. Chẳng cần giỏi giang thì cũng thấy một nước lớn mà thu ngân sách 50% từ dầu khí, 80% tổng giá trị xuất khẩu cũng từ dầu khí là một điểm yếu có thể gây đột tử, chẳng có gì đáng tự hào cả. Vậy mà Putin vẫn thường xuyên ca ngợi đây là một thành tựu rực rỡ của ngành dầu khí Nga. Còn các quan chức ngành này thì ca ngợi lại đây là nhờ sự lãnh đạo tài tình của tổng thống. Họ dùng phần lớn tiền bán dầu đầu tư cho quân sự và tài trợ cho các hợp đồng xuất khẩu vũ khí vốn luôn lỗ vì không có công nghệ hiệu quả và vì tham nhũng. Họ hi vọng rằng việc này sẽ giúp họ tăng mãi được nguồn thu từ dầu khí, không ngờ đúng một cái nó bị đảo chiều và rơi tự do vì sức mạnh của công nghệ mới. Cách đây mấy hôm Nga phóng thử tên lửa liên lục địa từ tàu ngầm có thể mang 10 đầu đạn hạt nhân và Putin thì tuyên bố ngay: “Đây là sự răn đe bằng sức mạnh hạt nhân của Nga”. Như con từng viết trong các thư trước, bây giờ hơn lúc nào hết ông ta cần một cuộc chiến lan rộng để cứu bản thân mình.

Nhưng chẳng có ai đại gì mà mắc bẫy ông ta cả. Người ta sẽ để cho ông ấy diễn võ giương oai để thế giới lo ngại và siết chặt dầu cấm vận. Thực ra là ông ấy tự thất mình lại mà không biết. Con cũng lầy lăm lạp, những bài học kinh nghiệm chưa xa xôi gì mà những người như ông ta mau quên quá. Vào các thời Putin làm giám đốc K6B của LX, từ khoảng 1985 – 1990 là lúc mà nền kinh tế LX suy sụp cũng vì dầu hỏa. Trước giai đoạn này OPEC và LX làm mưa làm gió gây điều đứng cho Mỹ và Châu Âu vì dầu. Đầu năm 1985 chính quyền Rogan của Mỹ đã lôi kéo được Arập Xê út – thành viên quan trọng nhất của OPEC – trở thành đồng minh chiến lược của mình và hỗ trợ cho nước này những kỹ thuật cao trong khai thác dầu. Từ đó Arập Xê út tăng sản lượng lên 4 – 5 lần, đẩy giá dầu giảm chưa từng có trong lịch sử. Mỹ hưởng lợi còn LX thì rơi vào khủng hoảng kinh tế trầm trọng và cuối cùng sụp đổ cuối 1991. Vào lúc dầu lên giá trước đó, LX cũng dùng tiền bán dầu đầu tư điên cuồng vào quân sự. Kịch bản bây giờ lặp lại chẳng khác vì về bản chất nhưng hình như Putin không hiểu được gì từ đó. Nhưng điều đáng lo hơn cho ông ta là ông ta không hề thấy được rằng thế giới đang bước vào một kỷ nguyên năng lượng mới. Lịch sử thế giới sẽ sang trang như đã từng được lật bởi những công nghệ năng lượng mới.

Xét về mặt công nghệ năng lượng, ta có thể tóm lược các trang của lịch sử thế giới theo bảng dưới đây:

	Trang cũ	Trang hiện tại	Trang mới
Công nghệ năng lượng chính	Sức người và động vật	Động cơ hơi nước và đốt trong	Động cơ xanh
Nguồn năng lượng chính	Lương thực	Than đá và dầu hỏa	Năng lượng xanh
Tranh chấp thế giới	Đất đai và nô lệ	Thuộc địa và tài nguyên	Nhân tài

Đặc trung thời đại	Kinh tế nông nghiệp	Kinh tế công nghiệp	Kinh tế tri thức
-----------------------	------------------------	------------------------	---------------------

Đây là lúc giao thời giữa Trang hiện tại và Trang mới. Như con viết cho ba trong thư 27A, con đoán chỉ trong vòng 10 năm nữa sẽ lật hẳn qua trang mới. Đó cũng sẽ là lúc cuộc Cách mạng công nghệ vừa khởi động bằng việc ra đời những công nghệ động cơ mới sử dụng các nguồn năng lượng xanh nhưng sẽ ưu việt hơn các động cơ đốt trong hiện nay. Con gọi loại công nghệ này là Động cơ xanh. Lâu nay nhiều hãng xe hơi đã dùng động cơ điện thay cho động cơ đốt trong, tuy giảm được ô nhiễm nhưng lại không được người dùng ưa chuộng. Khi nào mà Động cơ xanh vượt trội tính năng so với động cơ đốt trong thì cuộc cách mạng sẽ nổ ra, tương tự như trước đây chuyển từ động cơ hơi nước qua động cơ đốt trong vậy. Công nghệ Động cơ xanh cũng sẽ tạo ra những loại máy móc thiết bị tiết kiệm năng lượng, tăng hiệu suất năng lượng. Nói chung sẽ có một trào lưu công nghệ xanh mà con gọi là TRÀO LƯU CỨNG, tức là những xu thế xanh hóa máy móc thiết bị bằng những công nghệ mới.

Cũng có một trào lưu khác mà con gọi là TRÀO LƯU MỀM, tức là những xu thế phát triển tiến bộ của con người và xã hội để tạo ra những nguồn năng lượng từ chính bản thân của con người và từ hiệu ứng tổng hợp của sự vận động của họ trong xã hội. Năng lượng bản thân chính là Sức mạnh ý thức của con người. Còn năng lượng tổng hợp của sự vận động của con người trong xã hội chính là NĂNG LƯỢNG XÃ HỘI mà con đã nhiều lần viết cho các cháu. Như con viết cho ba trong thư 21C, Năng lượng xã hội là phần quan trọng nhất trong KỶ NGUYÊN NĂNG LƯỢNG XANH – chính là TRANG MỚI mà lịch sử thế giới sắp lật tới. TRANG HIỆN TẠI có thể gọi là kỷ nguyên năng lượng hóa thạch.

TRÀO LƯU MỀM và TRÀO LƯU CỨNG là hai thành phần chính tạo nên Dòng chảy của Thời đại. Hai trào lưu này sẽ kết hợp và cộng hưởng với nhau tạo ra một sự tuôn chảy cuộn cuộn của sự tiến bộ xã hội và khoa học công nghệ, tương tác với nhau và hỗ trợ cho nhau cùng tạo nên các thành tựu vật chất và tinh thần vĩ đại cho loài người. Đây chính là ý nghĩa đầy đủ của LẠC HỒNG – tức là một Dòng chảy cuộn cuộn của khoa học dẫn tới an lạc mà con giải thích trong thư 27A. Muốn có tiến bộ xã hội thì phải khoa học. Muốn có công nghệ hiện đại cũng phải khoa học. Vì vậy mà TRÀO LƯU MỀM và TRÀO LƯU CỨNG đều là những xu thế của khoa học. TRÀO LƯU MỀM nhờ khoa học mà hiểu và áp dụng các quy luật phát triển xã hội để tạo ra sự tiến bộ xã hội. TRÀO LƯU CỨNG nhờ khoa học mà phát hiện và áp dụng các quy luật của tự nhiên để tạo ra các công nghệ mới. Các kỹ nguyên năng lượng trước đây thực ra cũng được hình thành từ các trào lưu mềm và trào lưu cứng tương tự.

Kỹ nguyên năng lượng hóa thạch khởi đầu từ việc phát minh ra động cơ hơi nước, tạo nên một trào lưu áp dụng công nghệ này thay thế tất cả những công việc dùng sức người và vật. Trào lưu này chính là cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật vĩ đại hồi thế kỷ 19 của thế giới, và là một Trào lưu cứng. Nó đã kéo theo sự phát triển của rất nhiều các máy móc thiết bị khác nhau như máy dệt, xe lửa, xe hơi, v.v... Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật này xuất phát từ nước Anh. Để có được Trào lưu cứng này vào thế kỷ 19, trước đó nước này đã trải qua một thời kỳ dài người dân đấu tranh bảo vệ quyền lợi cho mình từ thế kỷ 11. Đến thế kỷ 13 họ đạt được Đại hiến chương Magna Carta, được xem là Tuyên ngôn Nhân quyền đầu tiên trên thế giới. Từ đó đến suốt thế kỷ 14, 15 họ đấu tranh cho những cải cách sâu rộng về chính trị, xã hội, kinh tế, văn hóa để quyền lợi mình ngày càng bảo đảm hơn. Thế kỷ 16 diễn ra những cuộc cải cách tôn giáo nổi tiếng tách Anh ra khỏi ảnh hưởng của Giáo hội La Mã, nhờ vậy nước này không bị rơi vào khủng hoảng

của chủ nghĩa phong kiến thân quyền vốn hoành hành các nước Châu Âu khác thời đó. Cũng nhờ đó mà người Anh tiếp nhận làn gió Phục hưng của Châu Âu một cách mạnh mẽ, không bị sự bức hại của các Tòa án dị giáo kinh hoàng thời đó. Kết quả là họ đã tạo ra được một nền khoa học cơ bản rất phát triển vào thế kỷ 17, vượt xa các nước Châu Âu khác. Nhờ đó mà kinh tế Anh bức phá vào thế kỷ này, tạo ra một thành phần mới ngày càng có trọng lượng trong xã hội là giới tư sản – những người làm chủ các cơ sở kinh tế. Chính lực lượng này đã thúc đẩy các cuộc cách mạng và cải cách chính trị - xã hội, tạo nên một trào lưu dân chủ hóa sâu rộng nhất xã hội Anh vào thế kỷ 18 Đây chính là Trào lưu mềm đã tạo nên một xã hội vận động tự do giúp cho giới tư sản Anh phát huy năng lực. Mục đích chiến lược nhất của họ vào cuối thế kỷ 18 là làm sao tăng mạnh được sức sản xuất mà lúc đó vẫn đang dựa vào sức người và vật. Mục đích này là điểm chung của Trào lưu mềm và Trào lưu cứng vì cùng vào thời điểm này giới khoa học kỹ thuật Anh cũng đang tập trung nghiên cứu ra các loại máy móc thiết bị thay cho sức người và vật. Cuối cùng hai trào lưu này gặp nhau ở động cơ hơi nước, cộng hưởng nhau bùng nổ thành Thời đại của Kinh tế công nghiệp cho đến tận ngày nay, gắn liền với kỷ nguyên năng lượng hóa thạch. Hai trào lưu cứng và mềm không chỉ có cùng mục tiêu mà còn có chung nguồn gốc là sự tự do. Hai trào lưu này tương tác và hỗ trợ cho nhau, cùng thúc đẩy nhau tạo thành Dòng chảy của thời đại Kinh tế công nghiệp. Nó chảy khắp Châu Anh, băng qua Đại Tây dương đến Mỹ, từ Mỹ băng qua Thái Bình dương đến Nhật. Đến thế kỷ 20 nó còn chảy mạnh hơn nữa đến nhiều nước khác, trong đó có Hàn Quốc. Hai thành phần chính và bắt buộc của dòng chảy này là Cải cách dân chủ (Trào lưu mềm) và Cách mạng khoa học kỹ thuật (Trào lưu cứng). Hai trào lưu này phải đi song hành thì mới chảy vào Dòng chảy được. Rất nhiều nước đứng ngoài Dòng chảy này, bị nó bỏ lại phía sau vì thiếu một trong hai trào lưu này. Ví dụ như TQ đến giờ vẫn còn ở rất xa trình độ của quốc gia phát triển, chưa nói là quốc gia công nghiệp

phát triển như G7 vì chỉ chú trọng đến trào lưu cứng. Ấn Độ thì ngược lại, rất chú trọng đến cải cách dân chủ nhưng thiếu nền tảng khoa học nên không có được dân chủ thực chất lẫn khoa học kỹ thuật phát triển. Một trào lưu cứng tạo ra hiện tượng gây ấn tượng mạnh trên thế giới đầu thế kỷ 20 là cuộc công nghiệp hóa, điện khí hóa của LX. Nhưng các trào lưu mềm lại bị bóp nghẹt ở nước này nên kết quả cuối cùng là sự sụp đổ, để lại nhiều hậu quả nghiêm trọng. Nước Nga tiếp nối nhưng không học được gì từ bài học thất bại này nên lặp lại giống hệt. Nước Nga ngày nay thiếu dân chủ chẳng khác gì LX trước đây về bản chất, khác về hình thức của tên gọi, màu sắc. Vì vậy mà sẽ thêm một điểm giống nhau nữa là sự sụp đổ, không thể tránh khỏi. Điểm chung này cũng sẽ là của TQ nếu người dân nước này không kịp tỉnh ngộ mà đòi hỏi chính quyền cải cách dân chủ mạnh mẽ.

Một sứ mạng quan trọng khác của NĂNG LƯỢNG XÃ HỘI trong Kỷ nguyên năng lượng xanh là: tăng năng suất lao động. Như con đã viết cho các cháu trong các thư trước, 2 áp lực và cũng là động lực chính dẫn tới cuộc cách mạng công nghệ tới đây là biến đổi khí hậu và năng suất lao động bị tới hạn. Chống biến đổi khí hậu tạo ra đòi hỏi xanh hóa công nghệ năng lượng mà chúng ta đã nói từ đầu. Trong khi đó, nếu vẫn còn trong kỷ nguyên năng lượng hóa thạch hiện này thì việc gia tăng năng suất lao động sẽ đi ngược lại mục tiêu chống biến đổi khí hậu. Chưa nói đến các quốc gia phát triển sẽ tăng năng suất như thế nào. Chỉ riêng các nước đang phát triển thôi, muốn tăng năng suất lao động thì chỉ có một cách là công nghiệp hóa để thay sức người bằng sức máy theo đúng trào lưu của thời đại Kinh tế công nghiệp. Nếu điều này xảy ra được trong lúc mà kỷ nguyên năng lượng xanh chưa ra đời, thì lượng tiêu thụ năng lượng hóa thạch mà quá trình công nghiệp hóa này cần đến sẽ hủy diệt môi trường sống toàn cầu trước khi con người có thể hưởng được thành tựu công nghiệp hóa. Đó là hậu quả của biến đổi khí hậu, cũng có thể là của chiến tranh nổ ra bởi tác động

của dầu hỏa đối với sự xung đột địa hình chính trị thế giới vì nhu cầu tăng vọt của nguồn năng lượng này. Nhiều khả năng là của cả hai. Muốn tránh được hậu quả tồi tệ này thì phải có cách khác để gia tăng năng suất lao động. Hơn nữa, ở các nước phát triển, việc tăng năng suất đã không còn dễ dàng nữa mà đã tiệm tiến đến điểm tới hạn. Nguyên nhân là do già hóa dân số, người dân đòi hỏi hưởng thụ nhiều hơn, công nghệ tự động hóa không còn phát triển nhanh nữa, và quan trọng nhất là: mức độ tự động hóa đã rất rộng rãi rồi nên còn rất ít không gian để mở rộng. Nói chung là việc tăng năng suất lao động ở các nước phát triển lẫn đang phát triển đều gặp những cái cổ chai. Sự đột phá của năng suất lao động bằng dây chuyền máy móc trong thời đại Kinh tế công nghiệp không thể lặp lại được nữa. Sự đột phá này trong Kỷ nguyên mới sẽ đến từ sự bùng nổ của năng lượng xã hội được giải phóng. Một xã hội vận động tự do thì nó sẽ loại bỏ vô số sự phí phạm thời gian và năng lượng, năng suất lao động sẽ tăng lên chóng mặt mà chưa cần phải gia tăng công nghệ cứng. Nó sẽ tăng liên tục sau đó khi được đầu tư thêm công nghệ. Vì thế mà các quốc gia phát triển khôn ngoan sẽ tìm cách dự phần vào sự đột phá năng suất lao động theo cách này ở các quốc gia đang phát triển để được dự hưởng. Cho nên không chỉ có Mỹ mà cả EU cũng đang hướng đến ASEAN để thực hiện chiến lược này. Thời sự VTV lúc tối đưa tin EU chính thức triển khai gói hỗ trợ 400 triệu Euro cho VN nhằm mục đích sử dụng năng lượng hiệu quả, nâng cao quản trị công và cải cách pháp quyền. Như con đã viết cho các cháu, pháp quyền chính là bảo vệ trên hết quyền con người để xã hội vận động tự do. Khi đó NĂNG LƯỢNG XÃ HỘI sẽ được giải phóng. Đây cũng chính là mục đích chính của TRÀO LƯU MỀM của Dòng chảy Thời đại Kinh tế tri thức (Con thích gọi là Thời đại Quyền con người). Khi trào lưu này cuộn trào thì SỨC MẠNH Ý THỨC của con người sẽ tăng lên nhanh chóng, họ sẽ có nhiều tri thức; độc lập hơn và giảm lệ thuộc.

Mục đích chính của TRÀO LƯU CỨNG là: (1) Hỗ trợ sức mạnh ý thức cá nhân, (2) Xanh hóa công nghệ năng lượng. Chúng ta đã bàn nhiều đến cái thứ (2) và đang chờ một ẩn số của nó là Động cơ Xanh. NĂNG LƯỢNG XÃ HỘI của TRÀO LƯU MỀM sẽ hỗ trợ hiệu quả cho mục đích (2) này. Ngược lại, mục đích (1) là để hỗ trợ cho NĂNG LƯỢNG XÃ HỘI vì sức mạnh ý thức từng người càng lớn thì năng lượng xã hội cũng càng lớn. Trào lưu (2) xuất hiện chưa rõ nét nhưng trào lưu (1) thì đã quá rõ ràng và đang lớn mạnh. Đó chính là máy tính cá nhân, máy tính bảng, điện thoại thông minh và internet. Trong quyển Thế giới phẳng, Thomas Friedman đã nhận định rất sắc sảo rằng trong giai đoạn toàn cầu hóa mới hiện nay, từng cá nhân từ khắp nơi trên thế giới sẽ thay thế vai trò chủ đạo của các tập đoàn đa quốc gia và của các quốc gia vốn đã từng đóng vai trò chủ đạo trong các giai đoạn toàn cầu hóa trước: Có thể rất nhiều người chưa thấy được xu thế này rõ ràng thời gian qua nhưng họ sẽ choáng váng vì nó một khi Dòng chảy Thời đại mới bắt đầu chảy. Không lâu nữa, TRÀO LƯU CỨNG (1) đang hỗ trợ hiệu quả cho TRÀO LƯU MỀM. Chỉ vài năm nữa thì những dòng năng lượng xã hội đầu tiên sẽ được giải phóng để hỗ trợ cho TRÀO LƯU CỨNG (2). Chúng sẽ tiếp tục tương hỗ cho nhau theo cách như trên và làm Dòng chảy hình thành, lớn mạnh và tuôn chảy. Vai trò của cá nhân sẽ lớn mạnh và lan tỏa cùng Dòng chảy.

Nhiệm vụ chiến lược hiện nay là làm sao để TRÀO LƯU MỀM cuộn trào trên được tại một điểm thuộc trung tâm của Dòng chảy. Trung tâm này đã được xác định là ASEAN. Điểm này đang là cơ hội của VN, chính là ĐIỂM CÂN BẰNG mà con đã viết nhiều lần. Phải là ĐIỂM CÂN BẰNG thì mới có thể lan tỏa mạnh mẽ ra cả Trung tâm rồi chảy tiếp đến những nơi khác. Thời cơ đang mở ra cho chúng ta. Nhưng chúng ta phải cạnh tranh, phải chạy đua hiệu quả thì mới nắm bắt được nó, không để nó rơi vào tay nước khác. Như con đã phân tích trong thư 27B, VN ta có nhiều lợi thế làm ĐIỂM CÂN BẰNG.

Nhưng đó không phải là những lợi thế tuyệt đối. Thời gian để xác lập ĐIỂM CÂN BẰNG chỉ là vài năm nữa thôi. Có rất nhiều việc phải làm, phải chạy đua. Phải chắt chiu từng lợi thế của dân tộc đã có và đang có, không vì quá khứ, không vì định kiến, không vì những hệ quả xấu từng xảy ra mà phủ định tất cả. Cái gì đã tồn tại thì đều có đủ lý do để tồn tại với tất cả mặt tiêu cực và tích cực của nó. Ví dụ như văn hóa Nho giáo, con đã phân tích rất nhiều mặt tiêu cực của nó cần phải tránh, nhưng có những mặt tích cực phải gìn giữ và phát huy. Chẳng hạn như Xã hội Nho giáo không gắn xuất thân của con người vào đẳng cấp xã hội của họ, mãi bao đời không thể thay đổi. Vì xuất phát từ quan điểm trọng tài đức nói bất kỳ ai dù xuất thân nghèo hèn mà vận quyết học giỏi và đỗ đạt thì vẫn được làm quan, làm tướng và dễ dàng thay đổi đẳng cấp xã hội của mình bằng cách đó. Cái gọi là sĩ nông công thương chỉ là để chỉ kết quả phân đầu trong hiện tại của con người, chứ không phải là gắn chết với xuất thân gia đình. Đây là giá trị vô cùng lớn của Nho giáo, tốt hơn hẳn những xã hội đẳng cấp của Ấn Độ. Đến bây giờ nước này vẫn chưa thoát được vẩn nạn này dù luật pháp không thừa nhận, nhưng đạo lý xã hội vẫn ủng hộ nó. Xuất thân của con người gắn chết với đẳng cấp của họ, ăn sâu đến mức những người bị coi là hạ đẳng cũng tự rẻ rúng mình. Đó là nguyên nhân quan trọng nhất khiến Ấn Độ vẫn chưa đạt được dân chủ thực chất dù pháp luật của họ mong muốn dân chủ. QCN là nền tảng của dân chủ, mà đòi hỏi quan trọng nhất của QCN là sự bình đẳng, không phân biệt xuất thân, thành phần, màu da, địa vị xã hội, ... Nếu người Ấn không có những pháp luật hiệu quả như người Anh đã từng làm trong nhiều thế kỷ để xóa bỏ tư tưởng đẳng cấp trong từng con người và xã hội Anh, thì Ấn Độ sẽ không bao giờ đạt được dân chủ thực chất. Người Nhật bước vào cuộc Duy Tân Minh Trị, tham gia vào Dòng chảy Kinh tế công nghiệp dễ dàng và nhanh hơn nhiều nước Châu Âu đi trước, một phần quan trọng là nhờ giá trị bình đẳng của xã hội Nho giáo nói trên. Nhật đi sau mà về trước.

Cũng từ giá trị Nho giáo mà dân tộc ta hiếu học. Giờ làm sao để hướng cái học đến thực chất. Theo con là không phải học để làm người theo quan niệm cũ, mà là học Quyền con người. QCN kỳ diệu lắm, trải nghiệm của con và những người bạn Nhật, Hàn đều công nhận rằng khi mình hiểu rõ và tôn trọng những quy tắc của QCN thì tư duy mình trở nên khách quan và sáng suốt, thấy rõ bản chất và quy luật của vấn đề, không hận thù, không định kiến. Vì QCN là quy luật của tạo hóa. Những quy tắc của QCN chính là quy luật phát triển xã hội – Rules of the road. Mọi người hiểu và tuân thủ các quy tắc này thì chúng ta sẽ có một nhà nước pháp quyền vững mạnh và xây dựng được một CƠ CHẾ XÃ HỘI KHOA HỌC. NĂNG LƯỢNG XÃ HỘI được giải phóng và chúng ta sẽ thắng trong cuộc đua này. Đây là cuộc đua của cả dân tộc nên mọi người cần được trang bị QCN đầy đủ. Muốn vậy thì lúc nào cũng cần những tấm gương mà con biết là ba làm được: hướng đến QCN và bỏ lại hận thù và định kiến. Nên con mới viết cho ba. Hề hề.

Kính ba.
Con Thức

Luật sư Lê Công Định viết về Trần Huỳnh Duy Thức như sau:

Với tôi, Thức không chỉ là người bạn, mà còn là người thầy, bởi tôi học nhiều điều từ anh, không chỉ về kiến thức, mà còn ở tâm hồn cao thượng trong nhân cách ấy. Tôi luôn cầu nguyện ngày anh trở về không còn xa nữa và tri thức của anh sẽ hữu dụng cho quốc gia mai này. Hôm nay là sinh nhật của Trần Huỳnh Duy Thức, tôi chép ra vài suy nghĩ riêng để nhớ đến anh, một hạt giống tinh hoa của dân tộc."

Tài liệu tham khảo:

- Trần Huỳnh Duy Thức Web: viwikipediaorg
- Thư viết từ trại giam Xuyên Mộc Blog: danluan.org

3) Lê Thăng Long



Lê Thăng Long (1967-20)

Năm 1985 ông vào học Khoa Viễn thông, Trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh, tốt nghiệp Đại học năm 1990.

Năm 1990 ông được đào tạo sỹ quan dự bị quân đội nhân dân Việt Nam, tốt nghiệp với quân hàm thiếu úy.

Năm 1990, công tác tại Phân viện Điện tử và Tin học Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phân viện Nghiên cứu Điện tử, Tin học, Tự động hóa Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Công Thương).

Năm 1991 đến 1994, làm việc tại công ty VIETFRACHT TP. HCM. Cùng thời gian này ông học tiếp văn bằng 2 đào tạo cử nhân quản trị kinh doanh tại Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh và khóa đào tạo về Luật thương mại quốc tế của trường đại học ngoại thương TP. HCM.

Năm 1994 đến 1995, làm việc tại công ty liên doanh du lịch và dịch vụ dầu khí OSCAN, giám đốc chi nhánh OSCAN Hà Nội.

Năm 1995, ông cùng với ông Trần Huỳnh Duy Thức sáng lập nên Công ty Tin học Duy Việt tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

Từ năm 2001, chuyển Công ty Tin học Duy Việt thành Công ty Global EIS, ông giữ cương vị Phó tổng giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị EIS. Ông cũng đã kiêm một số vị trí của các công ty thành viên EIS: chủ tịch Hội đồng quản trị công ty Internet Một kết nối - OCI, Giám đốc trung tâm đào tạo CNTT EIS, Giám đốc công ty thương mại điện tử Tri thức Việt Nam, Trưởng văn phòng đại diện EIS Thailand.

Năm 2001 đến 2003, ông học và tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sỹ quản trị công nghệ thông tin của CBAM và INNOTECH France tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2005, ông cùng Trần Huỳnh Duy Thức lập ra “Nhóm nghiên cứu Chân thông” qua việc nghiên cứu tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, ở Việt Nam.

Trong thời gian tham gia nhóm nghiên cứu Chân, Lê Thăng Long đã viết ra 29 bài viết trong đó có 15 bài viết vạch ra đường lối, kế hoạch hành động, 13 tài liệu bị cáo buộc là có nội dung kích động, bộc lộ ý định lật đổ chính quyền.

Năm 2007, ông cùng các đồng sự thành lập thêm Công ty Innotech tại Hà Nội hoạt động trong lĩnh vực phát triển đầu tư công nghệ, với vị trí Chủ tịch HĐQT và tổng giám đốc.

Trong năm này, ông tự ứng cử vào Đại biểu quốc hội tại Hà Nội và đã vượt qua tất cả các vòng loại để được vào danh sách bầu cử chính thức. Tuy nhiên, ông không trúng cử ở vòng bầu cử cuối cùng mà không biết thực sự minh bạch kết quả.

Tháng 4 năm 2009, ông cùng với hòa thượng Thích Minh Tâm ở Australia lập ra phong trào Chân hưng nước Việt, website:chanhungnuocviet, kêu gọi mọi người tham gia, xây dựng các câu lạc bộ trực thuộc như: CLB phòng chống tham nhũng chân hưng nước Việt, CLB công an chân hưng nước

Việt, CLB quân nhân chấn hưng nước Việt, CLB nhà báo chấn hưng nước Việt, CLB luật sư chấn hưng nước Việt... Phong trào này là sự khởi đầu của phong trào Con đường Việt Nam, bảo vệ quyền con người, mà ông là một trong những người khởi xướng.

Mục tiêu tối thượng của phong trào Con Đường Việt Nam (PT CĐVN) là làm cho Quyền Con Người được tôn trọng và được bảo vệ trên hết và bình đẳng tại Việt Nam để người dân có thể tự tin sử dụng đầy đủ mọi quyền pháp định của bản thân để làm chủ đất nước và làm chủ cuộc sống của mình.

Ông tham gia nhiều hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, kinh tế. Ngay trước khi bị bắt, ông là phó ban đối ngoại Hội Dạy Nghề Việt Nam, Phó tổng thư ký Hội đồng Họ Lê Việt Nam, Phó chủ tịch Câu lạc bộ doanh nhân Họ Lê Việt Nam, Chủ tịch Câu lạc bộ doanh nhân - trí thức Chấn hưng nước Việt,... Khi còn là sinh viên, ông từng là Bí thư Đoàn thanh niên cộng sản khoa Điện trường Đại học bách khoa Tp. HCM, chủ tịch câu lạc bộ hùng biện nhà Văn hóa thanh niên Tp. HCM.

Ngày 4 tháng 6 năm 2009, Lê Thăng Long và cùng với các nhân vật khác như Trần Huỳnh Duy Thức, Lê Công Định, Nguyễn Tiến Trung.

Ngày 20 tháng 1 năm 2010, tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh ra xét xử những nhân vật trên với tội danh hoạt động chính trị nhằm *lật đổ chính quyền nhân dân*, Lê Thanh Long bị tuyên án 5 năm tù.

Việc chính quyền Việt Nam bắt và đưa ra tuyên án đối với ông cũng như các nhân vật trên vào ngày 20 tháng 01 năm 2010, đã bị các quốc gia phương tây như Anh, Hoa Kỳ và Liên minh Châu Âu lên tiếng phản đối. Bộ ngoại giao Anh ra thông cáo và bày tỏ quan ngại: *Không thể cầm tù bất kỳ ai vì người đó bày tỏ*

quan điểm của mình một cách hòa bình, Còn đại diện của Hoa Kỳ ra thông cáo: Chúng tôi cũng quan ngại về việc tiến hành phiên tòa rõ ràng đã thiếu trình tự chuẩn mực, các bản án đã "đi ngược lại với Tuyên ngôn Nhân quyền Liên Hiệp Quốc, việc kết tội này cũng đặt ra những câu hỏi nghiêm trọng đối với cam kết của Việt Nam về nền pháp trị và cải cách.

Ngoài ra, Tổ chức ân xá quốc tế cũng ra thông cáo về việc bắt và tuyên án này: *Những người này đáng ra không bao giờ nên bị bắt chứ đừng nói là bị buộc tội và nhận án tù, phiên tòa rõ ràng là sự nhạo báng công lý.*

Tài liệu:

Biện luận về người yêu nước Trần Huỳnh Duy Thức

Kính gửi: Đồng bào Việt Nam ở trong nước và nước ngoài cùng bè bạn quốc tế!

Tôi là Lê Thăng Long, tên bí danh là Lincoln Lê. Tôi xin bày tỏ đôi lời chứng minh cho sự vô tội của tù nhân lương tâm Trần Huỳnh Duy Thức. Doanh nhân yêu nước Trần Huỳnh Duy Thức năm nay 48 tuổi, hơn tôi 1 tuổi, anh là bạn thân của tôi từ hồi còn là sinh viên đại học tới nay. Chỉ vì đấu tranh đòi quyền con người cho nhân dân Việt Nam mà doanh nhân yêu nước Trần Huỳnh Duy Thức bị xử án 16 năm tù giam. Anh Thức bị giam tù từ năm 2009 đến nay, hiện anh vẫn còn bị giam tù tại Việt Nam. Anh Thức bị kết án theo điều 79 Bộ luật Hình sự nước CHXHCN Việt Nam với nội dung là: Hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân. Thật sự quá vô lý khi xử anh Trần Huỳnh Duy Thức với tội danh này. Tôi xin chứng minh rõ về sự vô tội của anh Thức:

Xét về bản chất sâu sắc tại Việt Nam từ mấy chục năm qua đến nay chưa hề có chính quyền nhân dân thật sự đúng nghĩa.

Chính quyền tại Việt Nam từ mấy chục năm qua đến nay thực sự về bản chất là chính quyền của đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam đã “tiếm quyền” (lời của nguyên chủ tịch quốc hội Nguyễn Văn An), đã chiếm chính quyền của nhân dân Việt Nam. Chính quyền chỉ thực sự là chính quyền nhân dân khi toàn bộ quyền lực của chính quyền là của nhân dân, đại diện cho nhân dân hoàn toàn. Tại Việt Nam có thực tế không thể chối cãi đó là quyền lực thực tế của chức vụ Tổng Bí thư đảng Cộng sản Việt Nam luôn cao hơn, bao trùm hơn quyền lực thực tế của các chức vụ như: chủ tịch nước, chủ tịch quốc hội, thủ tướng chính phủ. Nhân dân Việt Nam chỉ được tham gia bầu cử (theo kiểu đảng cử dân bầu), tạo nên các chức vụ: chủ tịch quốc hội, chủ tịch nước, thủ tướng chính phủ. Nhân dân Việt Nam từ trước đến nay chưa bao giờ được tự do tham gia bầu cử và ứng cử chức vụ Tổng Bí thư đảng Cộng sản Việt Nam.

Quyền lực thực tế của chức vụ Bí thư đảng Cộng sản Việt Nam luôn cao hơn, bao trùm hơn các chức vụ như: chủ tịch ủy ban nhân dân, chủ tịch hội đồng nhân dân ở các cấp chính quyền như: xã, phường, huyện, quận, tỉnh, thành phố.

Điều 4 hiến pháp Việt Nam có ghi nội dung là: đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo toàn diện xã hội Việt Nam. Xã hội Việt Nam là bao gồm toàn bộ nhân dân Việt Nam và chính quyền Việt Nam. Toàn bộ bộ máy lãnh đạo của đảng Cộng sản Việt Nam từ cấp địa phương tới trung ương nhân dân Việt Nam không được tự do tham gia ứng cử và bầu cử.

Thực sự tôi nhận thấy bản chất đảng Cộng sản Việt Nam đang cai trị toàn bộ cả nhân dân Việt Nam và chính quyền Việt Nam. Chính quyền của nhân dân Việt Nam đã và đang trở thành chính quyền của đảng Cộng sản Việt Nam. Chính quyền Việt Nam gồm các hệ thống cơ bản như: nhà nước, chính phủ, quốc hội, hội đồng nhân dân.

Khi tại Việt Nam chưa thực sự có chính quyền nhân dân thực sự thì anh Trần Huỳnh Duy Thức lấy đâu ra chính quyền nhân dân để mà lật đổ ??????!!!!

Nếu nói anh Thức lật đổ chính quyền của đảng Cộng sản Việt Nam thì may ra còn tí chút có lý có thể để mà xem xét.

Trên thực tế anh Thức không hề sử dụng bất kỳ một loại hình bạo lực nào tại Việt Nam. Anh Thức mới chỉ viết một số bài viết bày tỏ một số quan điểm về đòi quyền con người cho nhân dân Việt Nam mà thôi. Anh Thức muốn đảng Cộng sản Việt Nam hãy trả lại chính quyền cho nhân dân Việt Nam.

Tôi, luật sư yêu nước Lê Công Định, trí thức trẻ yêu nước Nguyễn Tiến Trung bị bắt giam tù và xử án cùng ngày với doanh nhân yêu nước Trần Huỳnh Duy Thức. Tôi, Định, Trung bị xử án nhẹ hơn anh Thức và đã ra tù.

Tôi và anh Thức đều bị bức cung, bị làm nhục hình rất tinh vi. Tôi rất phản đối chế độ chính trị độc tài và bộ luật vớ vẩn của đảng Cộng sản Việt Nam.

Anh Thức và chúng tôi đã xả thân để đòi quyền con người cho nhân dân Việt Nam. Vậy rất mong đồng bào Việt Nam ở trong nước và nước ngoài cùng bè bạn quốc tế hãy có tấm lòng bảo vệ quyền con người chính đáng của anh Thức cùng chúng tôi.

Cuối năm 2013 quốc hội Việt Nam có họp và bổ sung điều khoản quan trọng có nội dung là: coi trọng, tôn trọng và bảo vệ quyền con người cho nhân dân Việt Nam. Quyền con người phải nói cụ thể, không được chung chung mơ hồ. Việt Nam cần phải thực hiện cụ thể đúng theo nội dung của công ước về nhân quyền quốc tế do Liên Hiệp Quốc đã ban hành từ năm 1946 đến nay vẫn còn hiệu lực là:

1/ Quyền tự do lập hội (hội có nhiều hình thái khác nhau như: đảng chính trị, công đoàn, phong trào nhân dân, câu lạc bộ sở thích, hội nghề nghiệp ...)

2/ Quyền tự do tôn giáo.

3/ Quyền tự do bầu cử và ứng cử vào mọi chức vụ quyền lực của chính quyền, mọi bộ máy lãnh đạo xã hội.

4/ Quyền tự do ngôn luận. Tức là quyền tự do thành lập báo chí tư nhân, đài phát thanh tư nhân, đài truyền hình tư nhân. Quyền tự do nói lên sự thật, tự do hội họp, tự do phát biểu ý quan điểm riêng của mình trước công chúng là thuộc về quyền tự do ngôn luận.

5/ Quyền tự do biểu tình ôn hòa.

6/ Quyền tự do tổ chức trưng cầu dân ý.

7/ Quyền tự do học thuật.

8/ Nhiều quyền tự do khác nữa.

Chính quyền của đảng Cộng sản Việt Nam đã sử dụng vũ lực để cướp mất rất nhiều quyền con người của nhân dân Việt Nam. Chính quyền của đảng Cộng sản Việt Nam đã sử dụng sức mạnh bạo lực để cai trị, bắt giam tù, xử án oan sai anh Thức và tôi cùng nhiều tù nhân lương tâm khác. Không có một tù nhân lương tâm nào ở Việt Nam có tội hết. Yêu nước là không có tội. Tất cả mọi tù nhân lương tâm Việt Nam đều là những người rất yêu nước. Tôi đề nghị toàn thể đồng bào Việt Nam ở trong nước và nước ngoài cùng bè bạn quốc tế hãy làm tất cả những gì có thể nhất để can thiệp buộc chính quyền của đảng Cộng sản Việt Nam sớm trả tự do cho anh Trần Huỳnh Duy Thức cùng tất cả tù nhân lương tâm Việt Nam.

Tôi xin kính chúc toàn thể đồng bào Việt Nam ở trong nước và nước ngoài cùng bè bạn quốc tế luôn nhiều sức khỏe, bình an, may mắn, thành công, hạnh phúc.

Sài Gòn – TP. HCM, Việt Nam, ngày 23-07-2014

Lê Thăng Long – Lincoln Lê

Trong thông báo của Phong Trào Con Đường Việt Nam do ông Nguyễn Xuân Ngãi - Phó Tổng Thư Ký của Đảng Dân Chủ Việt Nam và bây giờ là Quyền Trưởng ban Quản trị của PTCĐVN, đã viết về Lê Thăng Long:

"... Chúng tôi mong rằng ông Lê Thăng Long sẽ thành công với những hoài bão của mình, như đã thành công với phong trào Con Đường Việt Nam. Chúng tôi cũng xin chân thành cảm ơn sự đóng góp của ông Lê Thăng Long dành cho phong trào trong thời gian vừa qua. Việc ông Lê Thăng Long vừa được trả tự do đã kêu gọi thành lập phong trào Con Đường Việt Nam để thúc đẩy và bảo vệ quyền con người ở Việt Nam đã giúp cho nhiều người cùng chí hướng tụ hợp được với nhau để tạo ra được những hoạt động có ý nghĩa. Kể từ đó tới nay, vấn đề quyền con người đã trở thành một xu hướng đấu tranh mạnh mẽ và tập hợp được nhiều tầng lớp tham gia tại Việt Nam. Phong trào Con Đường Việt Nam từ chỗ bị nghi ngờ và châm biếm đã dần dần lấy được niềm tin của quần chúng, tạo được những mối liên kết giữa các nhóm hoạt động xã hội trong và ngoài nước."

Tài liệu tham khảo:

- Lê Thăng Long Web: vi.wikipedia.org
- *Biện luận về người yêu nước* Blog: nguoivietdiendan.com

4) Lê Công Định



Lê Công Định (1968-20)

Luật sư Lê Công Định sinh ngày 1-10-1968 tại Sài Gòn nay là Tp. HCM. Cha là Lê Công Mẫn, mẹ là Nguyễn Thị Mai là những đảng viên kỳ cựu của đảng CSVN.

Năm 1989, tốt nghiệp cử nhân Luật Đại học Tổng hợp Tp. HCM.

Làm việc ở Phòng Công chứng số 1, sau nghỉ việc để học lớp luật do Luật sư Tiến sỹ Triệu Quốc Mạnh mở ở Đại học Tổng hợp TP. HCM.

Năm 1997, được học bổng ngành luật của Trường đại học Tổng hợp Pantheon - Assas (Paris 2). Học một khóa triết của Đại học Sorbonne.

Năm 1998, được học bổng Fulbright của Mỹ.

Đến tháng 5 năm 1999 rời Paris, (không thi những môn cuối cùng của bậc thạc sĩ, vào cuối tháng 6 năm 1999, đi sang Mỹ, theo học cao học luật ở Đại học Tulane - Columbia đến năm 2000.

Lê Công Định là thành viên của Đoàn luật sư Tp. HCM, phó chủ nhiệm Đoàn luật sư Tp. HCM. 2005-2008

Từ năm 2005, Lê Công Định đã liên lạc với Nguyễn Sỹ Bình của Đảng Nhân dân Hành động tại Mỹ và Đảng Dân chủ Việt Nam Thế kỷ 21

Với bí danh "chị Tư", Lê Công Định được phân nhiệm vụ phụ trách cải cách hành chính, tư vấn pháp luật cho các đối tượng chống đối trong nước: Nguyễn Văn Đài ở Hà Nội, Điều Cày Nguyễn Văn Hải, Nguyễn Tiến Trung ở Thành phố Hồ Chí Minh, biên soạn hàng chục tài liệu, phát tán trên các báo và trang web chống Nhà nước Việt Nam ở nước ngoài, phê phán đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước Việt Nam và kêu gọi thay đổi chế độ, lợi dụng vấn đề bô-xít Tây Nguyên, Trường Sa - Hoàng Sa để kích động tư tưởng chống đối Đảng Công sản và Nhà nước Việt Nam.

Luật sư Định đã biến việc bào chữa cho Nguyễn Văn Đài, Lê Thị Công Nhân, Nguyễn Văn Hải thành diễn đàn chống chế độ cộng sản Việt Nam, phán Hiến pháp, pháp luật, lên án nhà cầm quyền Việt Nam vi phạm dân chủ, nhân quyền.

Luật sư Định đã nhiều lần sang Mỹ, Thái Lan, gặp Nguyễn Sỹ Bình bàn bạc, đánh giá những vấn đề kinh tế, chính trị của Việt Nam và đề ra kế hoạch hoạt động chuẩn bị cho thời điểm Việt Nam xảy ra "biến động chính trị" vào năm 2010. Đã trực tiếp tham gia biên soạn cuốn sách mang tính chất cương lĩnh hành động của nhóm với tựa đề *Con đường Việt Nam* và soạn thảo *Tân Hiến pháp* cho Việt Nam. Bản thảo Tân Hiến pháp gồm 9 chương, 106 điều, dài 112 trang.

Luật sư Định có quan hệ chặt chẽ với một số đối tượng cầm đầu, cốt cán của các tổ chức phản động lưu vong, như Hà Đông Xuyên (Việt Tân), Phạm Nam Định (nhóm "Hợp mặt dân

chủ"), Đoàn Việt Hoạt (nhóm "Viễn tượng Việt Nam"). Luật sư Định được chấm chọn ra nước ngoài tham gia huấn luyện về phương thức "đấu tranh bất bạo động" để làm nòng cốt cho "phong trào dân chủ" trong nước.

Luật sư Định có các bí danh *Nguyễn Kha, Paul, C4 (Chị Tư)*.

Lúc 11 giờ 10 phút, ngày 13 tháng 6 năm 2009, nhân viên Cơ quan An ninh điều tra - Bộ Công an Việt Nam đã bắt khẩn cấp luật sư Lê Công Định theo Điều 88, Bộ Luật hình sự, do "có các hành vi cấu kết với bọn cầm đầu phản động nước ngoài chống Nhà nước CHXHCN Việt Nam".

Theo *Dân Trí*, ông Định khai rằng, từ 1-3-2009 đến 3-3-2009 ông đã tham gia "khóa huấn luyện bất bạo động", hướng dẫn các học viên cách thức tổ chức biểu tình, bạo loạn lật đổ chế độ theo phương thức cách mạng màu do tổ chức Việt Tân chủ trì tại Pattaya, dưới sự hướng dẫn của hai người Serbia. Ngày 26-3-2009, đến Phuket để bàn bạc với một số cán bộ của Việt Tân về tình hình kinh tế chính trị Việt Nam, bàn chủ trương thành lập Đảng Lao động Việt Nam và Đảng xã hội Việt Nam.

Ông Định cũng thừa nhận việc phụ trách viết blog của "Đảng lao động Việt Nam" trên mạng Internet và tham gia biên soạn, sửa chữa bản điều lệ của "Đảng Dân chủ Việt Nam", và ông đã ký bản tường trình nhận tội có nội dung: *"Tôi thấy những việc làm trên của tôi đã vi phạm pháp luật Việt Nam. Tôi rất ân hận với những hành vi sai trái của mình. Tôi mong được Nhà nước xem xét cho tôi hưởng lượng khoan hồng"*.

Ngày 19 tháng 8-2009, trên truyền hình Việt Nam, Lê Công Định và một số nhân vật bất đồng chính kiến khác đã phát biểu, trong đó ông Lê Công Định đã nêu tên một loạt nhà ngoại giao Mỹ tại Đông Nam Á và Việt Nam đã có những gọi mở và ủng

hộ hoạt động chống Đảng Cộng sản Việt Nam báo gồm cả ông tổng lãnh sự Hoa kỳ tại Tp. HCM.

Chiều 20 tháng 1 năm 2010, tòa tuyên án Lê Công Định 5 năm tù giam, quản chế 3 năm về tội "hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân". Theo Viện kiểm sát nhân dân, trong quá trình điều tra vụ án đến phần thẩm vấn tại tòa, bị cáo Lê Công Định thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội và tỏ ra hối hận về hành động của mình. Bị cáo có nhân thân tốt. Bị cáo Lê Công Định phạm tội do bị lôi kéo, có ông nội, cha mẹ và cô ruột tham gia 2 cuộc kháng chiến bảo vệ đất nước, được tặng thưởng Huân chương kháng chiến. Từ đó, tòa xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo so với khung truy tố.

Ngày 06 tháng 2- 2013, ông Định đã được phóng thích, với lý do chấp hành tốt nội quy trại giam trong quá trình thụ án. Theo nhận xét của giáo sư Thayer, quyết định thả hai ông Quân và Định có thể không phải vì lý do nhân đạo như giải thích mà là "một quyết định chính trị".

"Việc trả tự do cho hai ông Định và Quân khiến người ta nghĩ rằng Việt Nam đang mong muốn điều gì đó từ phía Mỹ,".

Ngày 18 tháng 11 năm 2014, báo Nhân Dân có bài viết, trong đó cho rằng Lê Công Định có tính tráo trở khi "Phát ngôn bừa bãi về ngày độc lập của dân tộc xong, Lê Công Định chuyển sang ca ngợi... chế độ Sài Gòn trước đây."

Để trả lời bài báo, Lê Công Định viết trên trang Facebook của mình, bày tỏ lý do tại sao ông ngưỡng mộ một số nhân vật Việt Nam Cộng Hòa, chẳng hạn Thiếu tướng Nguyễn Khoa Nam mà đã tự sát, vì cho là mình không làm tròn bổn phận của một vị tướng. Ông cũng cho biết lý do mà ông không "mong muốn chế độ mà cụ Hồ thiết lập từ năm 1945 mãi trường tồn", bởi vì "với bao vấn nạn tham nhũng và vi phạm nhân quyền" của nó.

Trong cuộc bàn tròn trực tuyến của BBC nhân chủ đề mùa 'Dân chủ' ngày 22-1-2015, Luật sư Lê Công Định nói “video nhận tội” mà chính quyền phát trên truyền thông chính thức đã bị an ninh VN thu làm nhiều lần, sắp đặt lại, cắt ghép cho tuyên truyền của nhà cầm quyền.

Về hòa hợp, hòa giải dân tộc nhân ngày 30-04-2015: "Bản thân tôi, cuộc đời tôi chả liên quan gì tới chế độ Việt nam Cộng hòa cả vậy thì tôi không cần sự hòa giải của bên thua cuộc và bên thắng cuộc. Cái tôi cần là sự hòa giải giữa người cộng sản và người không cộng sản."

Tài liệu:

Độc sử để nhìn nhận hôm nay

Từ khi bắt đầu vào đại học lúc 17 tuổi đến nay, tôi vẫn giữ thói quen đều đặn hàng năm dành khoảng hơn một tháng đọc sách vở và tài liệu viết về đề tài Việt Nam, quá khứ cũng như hiện tại, chủ yếu nhằm giúp trao đổi vốn kiến thức hạn hẹp của tôi về lịch sử nước nhà.

Tây Nguyên là vùng đất quan trọng chiến lược của Việt Nam

Tôi thường chọn thời gian làm công việc nhẹ nhàng, nhưng đây hào hứng này vào độ trung tuần tháng 3 đến cuối tháng 4 mỗi năm. Đó cũng là khoảng thời gian của một năm thường gọi nhớ trong tôi nhiều biến cố vui buồn lẫn lộn, vừa hào hùng nhưng cũng vừa bi thương, của dân tộc.

Vai trò Tây Nguyên

Năm nay, trong số những sách vở và tài liệu tôi đọc có một quyển sách đặc biệt mà năm 18 tuổi tôi đã có dịp xem qua, đó là tập hồi ký "Bên dòng Lịch Sử, 1940-1965" của Linh mục

Cao Văn Luận, nguyên Viện trưởng Đại học Huế và Giáo sư Đại học Văn khoa Sài Gòn. Hơn 20 năm trước tôi đọc quyển sách mang tính chất sử liệu này chủ yếu với ý định tìm hiểu các diễn biến lịch sử, mà vì nhiều lý do khác nhau thầy cô "dạy sử" của tôi ở trường trung học và cả những nhà "nghiên cứu" sử học sau 1975 tránh đề cập đến hoặc cố tình diễn giải sai lệch.

Tuần vừa rồi có dịp mượn lại "Bên Dòng Lịch Sử" từ người bạn lớn tuổi để tra cứu một số chi tiết cần cho công việc nghiên cứu cá nhân, tôi xem lại tập sử liệu một cách say mê, bởi lẽ lần đọc này mang đến cho tôi tâm trạng khác trước, gần như là khám phá mới lạ. Quả thật Linh mục Cao Văn Luận có nhiều cơ hội tiếp xúc và đối thoại với các nhân vật lịch sử khác nhau của Việt Nam ở hai bên chiến tuyến trong giai đoạn từ 1940 đến 1965, nhờ vậy thiên hồi ký của ông đã dẫn dắt người đọc đi qua các biến cố lịch sử trọng đại của đất nước một cách sinh động và lôi cuốn.

Trong phần kể về cuộc gặp gỡ và trò chuyện lần đầu tiên với cố Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Ngô Đình Diệm vào nửa đầu năm 1948 tại Đà Lạt, mà Linh mục Cao Văn Luận gọi là "câu chuyện bên lò sưởi năm 1948" (xem từ trang 165 đến 171 của bản in năm 1972), ông có nhắc đến một chi tiết lý thú trong nội dung câu chuyện mà tôi nghĩ ít nhiều liên quan đến một sự việc nghiêm trọng gần đây ở nước ta.

Khi được Linh mục Cao Văn Luận hỏi về chính sách của mình đối với Pháp trong cuộc chiến Đông Dương lần thứ nhất (1946-1954), ông Ngô Đình Diệm lúc ấy là nhà cách mạng khả kính tại Việt Nam, đã đề cập đến vấn đề Tây Nguyên như sau: "... ít người để ý là người Pháp lập ra Hoàng Triều Cương Thổ, để biến tất cả vùng cao nguyên Trung và Nam Phần thành đất thuộc địa trực tiếp của Pháp." Linh mục Cao Văn Luận không khỏi ngạc nhiên vì Cụ Ngô Đình Diệm dường như xem Tây nguyên là chuyện hệ trọng đối với chủ quyền quốc gia, mà khi

ấy dù chưa cầm quyền ông vẫn trần trở về vận mệnh đất nước trước ý đồ của thực dân Pháp.

Linh mục Cao Văn Luận tường thuật tiếp:

"Ông Diệm trầm ngâm một lúc. Tôi vẫn im lặng. Những lời ông nói ra nửa như suy tư, nửa như phân trần với tôi:

- Vùng Cao Nguyên này có một tầm quan trọng lớn về chiến lược và kinh tế. Về chiến lược, nó nằm ở giữa ba quốc gia Việt Miên Lào. Ai chiếm giữ được Cao Nguyên này có thể gây áp lực được đối với cả ba quốc gia đó. Người Pháp gọi vùng Cao Nguyên là Hoàng Triều Cương Thổ chỉ là một lối trá hình trên thực tế, chủ tâm của họ là biến vùng này thành thuộc địa Pháp. Về mặt kinh tế, thì vùng Cao Nguyên hết sức quan trọng đối với Việt Nam trong tương lai. Ở đó chắc chắn có nhiều tài nguyên thiên nhiên, nhiều khoáng sản chưa được khám phá và khai thác, nhưng chúng ta cần phải bảo vệ cho Việt Nam. Rồi còn vấn đề thể diện quốc gia, chủ quyền quốc gia nữa. Không thể bỗng dưng nhường cho Pháp một vùng đất quan trọng như thế, nằm ngay giữa lãnh thổ quốc gia, người Việt Nam nào muốn lên lại phải xin thông hành!

Tôi (tức là Linh mục Cao Văn Luận) chợt nhớ đến một cuốn sách khảo luận về địa dư Đông Pháp (tức là Đông Dương thuộc Pháp), không nhớ rõ tác giả, và tôi đem những ý kiến được nêu lên trong tập sách này trình bày lại với cụ Diệm:

- Cụ nói đúng. Tôi có đọc một cuốn sách viết đại ý rằng Pháp muốn ngăn chặn sức bành trướng của dân tộc Việt Nam về phía tây, muốn để dân tộc Việt Nam dừng lại ở các miền duyên hải, còn Pháp thì phải giữ vững vùng Cao Nguyên Trường Sơn, vừa để ngăn chặn sức bành trướng của dân tộc Việt Nam, vừa canh phòng phía Lào. Như vậy khi lập Hoàng Triều Cương Thổ, đặt

trực thuộc Pháp, thì Pháp đã bắt đầu thi hành đúng cái chính sách đó rồi."

Tiếp theo, tại trang 194 và 195, Linh mục Cao Văn Luận kể rằng vào năm 1953 khi ông gặp cụ Ngô Đình Diệm lần thứ hai ở Paris, cụ Diệm một lần nữa nhắc lại vấn đề Hoàng Triều Cương Thổ với nhiều ưu tư và lo lắng hơn, khiến mọi người có mặt lúc ấy đều tỏ ý trách cứ cựu hoàng Bảo Đại mãi mê ăn chơi mà không lưu tâm đến bảo vệ chủ quyền quốc gia, đã vậy còn trao hết cho người Pháp toàn quyền khai thác Tây nguyên.

Sử học trung thực

Đọc xong những đoạn đối thoại quan trọng này trong "Bên Dòng Lịch Sử", tôi hạ quyển sách xuống với tâm trạng bàng hoàng. Chuyện của hơn 60 năm trước đây thật chẳng khác lắm so với vấn nạn của ngày hôm nay. Có điều những nhân vật lịch sử ngày ấy, như cụ Ngô Đình Diệm chẳng hạn, xem chừng rất quan tâm đến lợi ích, chủ quyền và thể diện của quốc gia. Họ trăn trở về điều này và xem Tây Nguyên thực sự là vấn đề ưu tiên trong chính sách của các chính quyền miền Nam thời bấy giờ, nhất là giữa bối cảnh có nhiều kẻ mang dã tâm xâm lược Việt Nam dù công khai hay ẩn ý.

Thật đáng trân trọng biết bao cách viết sử trung thực, tất nhiên theo nhãn quan và hiểu biết tối đa của tác giả, trong đó lối diễn đạt và sử dụng ngôn ngữ chừng mực, thể hiện sự tôn trọng dành cho mọi nhân vật của một thời đã qua, đặc biệt với cả những người không cùng chính kiến với mình. Chính vì vậy, đọc các công trình khảo cứu của giới học giả ở miền Nam trước đây, nhất là trong lĩnh vực sử học mà tôi yêu thích, kẻ hậu sinh ở lứa tuổi tôi thường cảm thấy an tâm và có thể đặt phần lớn niềm tin vào những thông tin và kiến thức mà mình tiếp nhận. Bởi lẽ ít ra các tác giả đó không có gì phải lo sợ khi muốn viết sự thật và trình bày nhận định thật của mình.

Cái hay của sử học trung thực là giúp người đời sau hiểu được các diễn biến lịch sử trong quá khứ, bác bỏ lối đánh giá sai lệch với dụng ý bôi nhọ những nhân vật lịch sử ở bên kia chiến tuyến. Song điều quan trọng hơn cả, đọc sử giúp người đời nay có được cơ hội "ôn cố tri tân", học hỏi điều hay lẽ phải của đời trước để làm điều hữu ích cho dân tộc hầu lưu tiếng thơm muôn đời.

Tất nhiên, không chỉ có gương tốt, lịch sử còn đặc biệt răn dạy người đời sau bằng cả gương xấu. Trong lần đọc lại sử sách nước nhà năm nay, không hiểu vì sao tôi lại quan tâm nhiều đến các nhân vật "thân bại danh liệt" như Trần Ích Tắc, Lê Chiêu Thống và Hoàng Cao Khải, rồi tự hỏi không biết 30 năm nữa, nếu còn sống, tôi sẽ biết thêm những cái tên nào tương tự như vậy trong lịch sử hiện đại của dân tộc. Bất giác tôi cầu mong điều đó đừng xảy ra...

Một bài báo của tác giả Tom Knutsson, đăng trên tạp chí của Hiệp hội Luật sư Thụy điển, số ra tháng 02 năm 2009. Xin trích ph ần nhận xét về Lê Công Định dưới con mắt của người nước ngoài:

Người luật sư Lê Công Định thách thức chế độ cộng sản. Cho dù chế độ làm bất cứ thứ gì để ngăn cản ông, ông vẫn không mệt mỏi tiếp tục làm việc. Trong cuộc đấu tranh cho nền dân chủ, ngành luật giữ một vai trò quan trọng.

Tài liệu tham khảo:

- Lê Công Định Web: vi.wikipedia.org
- *Đọc sử để nhìn nhận hôm nay* Blog: conhau.wordpress.com

Tiết bốn: Đảng Thăng Tiến Việt Nam



Đảng Thăng Tiến Việt Nam là một tổ chức chính trị ra đời vào ngày 8 tháng 9 năm 2006. Tiền thân là Khối 8406 bao gồm những người đối lập và đấu tranh cho dân chủ tại Việt Nam. Một trong những mục tiêu của Đảng là "Thăng tiến Tổ quốc Việt Nam về các phương diện kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, tâm linh để Dân tộc được sống trong một Đất nước hòa bình, độc lập, tự do; Xã hội đạo đức, văn minh; Quốc Dân thịnh vượng, hạnh phúc."

Những người tham gia thành lập Đảng Thăng Tiến Việt Nam gồm có:

Nguyễn Phong, Nguyễn Văn Đài, Lê Thị Công Nhân, Thái Thanh Thủy, Hoàng Thị Anh Đào, Nguyễn Bình Thành.

Ngày 29-1-2007, Nguyễn Phong, Trưởng ban thành lập đảng Thăng Tiến Việt Nam đã bị bắt hôm tại Phú Nhuận. Được biết Nguyễn Phong đi từ Huế vào Saigon để giải quyết việc kinh doanh. Nhân đó, có đi thăm ông Lê Quang Liêm Hội trưởng giáo hội Phật Giáo Hòa Hảo Thuận Tuy. Sau đó, ghé thăm kỹ sư Đỗ Nam Hải, thành viên Liên minh Dân chủ, Nhân quyền Việt Nam.

Lúc ra khỏi nhà anh Đỗ Nam Hải để quay về Huế, Nguyễn Phong đã bị công an bắt. Anh chỉ kịp báo với linh mục Nguyễn Văn Lý qua điện thoại di động là anh đang ở đồn công an, phường 9, Quận Phú Nhuận Tp. HCM.

Ngày 6 tháng 3 năm 2007, Cơ quan An ninh điều tra Công an Hà Nội thực thi quyết định khởi tố, bắt tạm giam Nguyễn Văn Đài (Trưởng văn phòng Luật sư Thiên Ân) và Lê Thị Công Nhân về tội tuyên truyền chống nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Đối với đảng Cộng sản Việt Nam thì tất cả các đảng phái khác, trong đó có Đảng Thăng Tiến, đều bị cấm. Theo báo *An ninh Thế giới* trong nước, Trưởng ban đại diện của Đảng Thăng Tiến Việt Nam là Nguyễn Phong đã tuyên bố giải tán Đảng sau 4 tháng thành lập, tuy nhiên Đảng vẫn tiếp tục hoạt động với những thành viên còn lại.

1) Nguyễn Văn Đài



Nguyễn Văn Đài (1969-20)

Nguyễn Văn Đài sinh năm 1969 tại Thôn Yên Vĩnh, xã Dạ Trạch, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, trong một gia đình công chức. Sau khi tốt nghiệp phổ thông trung học, không đỗ Đại học, Nguyễn Văn Đài đã đi học Trung học Kỹ thuật điện ở Sóc Sơn - Hà Nội.

Ông từng làm việc tại Cộng hòa Dân chủ Đức trong một thời gian.

Năm 1990, Sau khi bức tường Berlin sụp đổ, ông trở về Việt Nam và theo học tại Đại học Luật Hà Nội.

Năm 1995, tốt nghiệp đại học, ông làm việc cho một số văn phòng luật sư. Tuy nhiên, khởi đầu ông không là thành viên của Đoàn Luật sư Hà Nội.

Đến năm 1999, ông xin làm thành viên đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Phúc, năm 2002 thì chuyển về Đoàn Luật sư Hà Nội.

Năm 1997, ông tự ứng cử đại biểu cho Quốc hội Việt Nam khóa XI nhưng không trúng cử.

Năm 2003, ông thành lập và làm giám đốc Công ty TNHH Dịch thuật và Tư vấn Việt Luật; đồng thời là Trưởng Văn phòng Luật sư Thiên Ân, có trụ sở tại số 10 Đoàn Trần Nghiệp, Hà Nội.

Từ năm 1999, Luật sư Nguyễn Văn Đài đã tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ tự do tôn giáo tại Việt Nam. Ông là luật sư bào chữa trong vụ xử Mục sư Nguyễn Hồng Quang và nhà truyền đạo Phạm Ngọc Thạch năm 2004. Ông cũng là thành viên của Hiệp hội Luật sư Cơ đốc Quốc tế, Hội Luật sư Cơ đốc Châu Á.

Tháng 4 năm 2004, ông cùng với 11 luật sư thành lập nhóm "Luật sư Vì Công lí", nhưng sau đó 11 luật sư này đều rút tên vì sợ bị thu giấy phép hành nghề.

Luật sư Nguyễn Văn Đài đã viết một số bài nghiên cứu luật học về các quyền tự do chính trị ở Việt Nam. Trong một bài viết năm 2006, ông khẳng định rằng tuy Điều 4 của Hiến pháp 1992 của nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thừa nhận sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam nhưng nó không ngăn cấm công dân Việt Nam thành lập các chính đảng mới, Ông lấy dẫn chứng là sự tồn tại của Đảng Dân chủ Việt Nam và Đảng Xã hội Việt Nam cho đến năm 1988 đã không vi phạm điều đó (đã ghi trong bản Hiến pháp 1980). Vì thế, ông cho rằng tuy chưa có hướng dẫn cụ thể, các công dân Việt Nam đều có quyền tuyên bố thành lập đảng chính trị mà không cần phải xin phép nhà nước. Tuy không trực tiếp tham gia, Luật sư Nguyễn Văn Đài sẵn sàng tư vấn về mặt pháp lí cho các đảng phái mới thành lập.

Luật sư Nguyễn Văn Đài đã góp phần đáng kể cho sự ra đời của Khối 8406 và Tuyên ngôn Tự do Dân chủ 2006. Ban đầu nhóm chỉ có 118 thành viên là người Việt trong nước. Đến ngày 22 tháng 8 năm 2006, số thành viên công khai đã lên đến

1951 thành viên là người Việt trong nước. Ngoài ra, nhóm cũng đã có 3881 thành viên công khai là người Việt đang sinh sống ở nước ngoài. Cùng với 139 chính khách quốc tế bao gồm đại diện các tổ chức, 50 nhân sĩ Hiến chương 77 Tiệp Khắc và 50 dân biểu, nghị sĩ Hoa Kỳ. Ngoài ra, Luật sư Nguyễn Văn Đài cũng đã hỗ trợ cho sự ra đời của các tổ chức công nhân và bảo vệ nhân quyền như "Công đoàn Độc lập", "Ủy ban Nhân quyền Việt Nam", "Liên minh dân chủ nhân quyền Việt Nam". Trước khi bị bắt, ông làm biên tập viên cho báo *Tự do dân chủ* và cộng tác viên của báo *Tự do ngôn luận*.

Ngày 3 tháng 2 năm 2007, công an đã khám xét văn phòng của luật sư Thiên Ân trong khi luật sư Lê Thị Công Nhân, cộng sự của luật sư Nguyễn Văn Đài, đang giúp cho một số sinh viên tìm hiểu về nhân quyền, công an tịch thu các tài liệu của ông. Ngày 28 tháng 2 năm 2007, phòng Đăng ký kinh doanh thuộc sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội ra quyết định và thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch thuật và Tư vấn Việt Luật mà ông Đài là thành viên.

Ngày 6 tháng 3 năm 2007, Luật sư Nguyễn Văn Đài bị bắt cùng với luật sư Lê Thị Công Nhân.

Ngày 11- 5-2007, Toà án Nhân dân thành phố Hà Nội đã mở phiên toà xét xử Nguyễn Văn Đài và Lê Thị Công Nhân với cùng tội danh trên, tuyên án Nguyễn Văn Đài 5 năm tù giam, 4 năm quản chế sau khi hết hạn tù; Lê Thị Công Nhân 4 năm tù giam, 3 năm quản chế sau khi hết hạn tù.

Ngày 27-11-2007. Tòa án nhân dân tối cao mở phiên xử phúc thẩm. Sau một ngày xét xử, Hội đồng xét xử nhận thấy do việc phát hiện đấu tranh vụ án được tiến hành nhanh chóng, kịp thời. Mặt khác về bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Bởi vậy, căn cứ vào khoản 2, điều 298, điểm C, khoản 1 điều 299 Bộ Luật tố tụng hình sự, Tòa tuyên án xử phạt Nguyễn Văn

Đài 4 năm tù giam và quản chế 4 năm và Lê Thị Công Nhân 3 năm tù giam và 3 năm quản chế kể từ sau khi hết hạn tù.

Nguyễn Văn Đài đã được nhận giải thưởng nhân quyền Hellman-Hemmet của Tổ chức Theo dõi Nhân quyền.

Vào lúc 8 giờ sáng, ngày 6-3-2011, luật sư bất đồng chính kiến Nguyễn Văn Đài, chính thức mãn hạn tù và trở về nhà tại Hà Nội.

Sau đó, ông bị quản chế tại nhà cho đến ngày 6-3-2015, đã hết thời hạn 4 năm bị quản chế. Ông tiếp tục theo con đường hoạt động chính trị của mình.

Tài liệu:

Tại sao tôi "bỏ phiếu" ủng hộ Việt Nam vào TPP?

I- Trước hết cần phải hiểu về bản chất và mục đích của TPP:

Chiến lược xoay trục của Mỹ về khu vực Châu Á – Thái Bình Dương nhằm mục đích kiềm chế tham vọng bá quyền của Trung Quốc về chính trị, quân sự, kinh tế và lãnh thổ. Bởi vậy Mỹ dựa vào 2 trụ cột chính để thực hiện chính sách xoay trục:

1) Về quân sự: Mỹ sẽ chuyển dịch 60% lực lượng và thiết bị quân sự về khu vực Châu Á – Thái Bình Dương để bảo vệ an ninh hàng hải và răn đe Trung Quốc.

2) Về kinh tế: Mỹ và Nhật Bản xây dựng TPP cùng 10 nước thành viên với mục đích từng bước hạn chế sức mạnh kinh tế của Trung Quốc. Thuế xuất khẩu hàng hóa trong các nước TPP chỉ từ 0-5%, bởi vậy hàng hóa xuất khẩu của các nước thành viên vào Mỹ và Nhật sẽ có giá rẻ hơn hàng hóa từ Trung Quốc. Do vậy hàng hóa xuất khẩu từ Trung Quốc vào thị trường Mỹ,

Nhật Bản và các nước thành viên khác của TPP sẽ giảm dần. Sức mạnh kinh tế của Trung Quốc cũng vì thế mà sẽ suy yếu.

II- Việt Nam vào TPP có lợi gì cho việc cải thiện nhân quyền và dân chủ hóa Việt Nam?

1) Việt Nam không vào TPP miễn phí.

Bộ ngoại giao và chính phủ Hoa Kỳ đã đưa ra các yêu cầu cụ thể về việc cải thiện nhân quyền, xây dựng pháp luật và nhà nước pháp quyền với phía Việt Nam. Và chỉ khi nào phía Việt Nam đáp ứng các yêu cầu căn bản của Hoa Kỳ thì khi đó việc đàm phán TPP giữa Hoa Kỳ và Việt Nam mới được kết thúc đàm phán. Tôi hoàn toàn tin tưởng vào Bộ ngoại giao và chính phủ Hoa Kỳ sẽ đạt những thỏa thuận tốt nhất về nhân quyền cho Nhân dân Việt Nam.

2) Việt Nam vào TPP sẽ giảm bớt ảnh hưởng của Trung Quốc.

Hiện tại kinh tế Việt Nam phụ thuộc nặng nề vào Trung Quốc về cả xuất và nhập khẩu. Nhưng khi Việt Nam vào TPP, xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường Hoa Kỳ sẽ tăng nhanh chóng, từ khoảng 20 tỷ USD hiện nay, có thể lên tới 40-70 tỷ USD trong vòng vài năm. Như vậy kinh tế Việt Nam sẽ giảm bớt phụ thuộc vào Trung Quốc và phụ thuộc vào Hoa Kỳ.

Lúc đó Hoa Kỳ có nhiều sức mạnh hơn trong việc thúc đẩy Việt Nam cải thiện nhân quyền, cũng như cải cách dân chủ.

III- Không có TPP, Việt Nam sẽ như thế nào?

1) Chế độ CS sẽ không bao giờ sụp đổ vì không có TPP.

Chúng ta đều biết rằng cộng sản sinh ra từ nghèo đói, lớn lên và trưởng thành trong chiến tranh. Họ đã từng chiến đấu chống

lại các cường quốc trên thế giới. Họ chưa bao giờ bị khuất phục bởi nghèo đói, chiến tranh, bom đạn, áp lực từ bên ngoài. (Ví dụ điển hình là Việt Nam trong giai đoạn 1945-1975 và giai đoạn bị cấm vận 1975-1995, Bắc Hàn, Cu Ba hiện nay).

Không có TPP, cộng sản VN sẽ càng phụ thuộc vào Trung Quốc, và phụ thuộc một cách toàn diện. Ông Trương Tấn Sang trong một lần tiếp xúc cử chi tại Sài Gòn đã từng nói là Trung Quốc sẵn sàng cho VN vay 20 tỷ USD để cứu nguy kinh tế. Như vậy Trung Quốc sẽ không bao giờ để cộng sản Việt Nam sụp đổ.

2) Không có TPP, tình trạng nhân quyền còn tồi tệ hơn.

Chắc chắn là như vậy, lúc đó cộng sản VN không có gì để mất, họ sẽ gia tăng đàn áp, thậm chí đàn áp khốc liệt hơn hiện nay. Có thể, họ hoàn toàn làm theo mệnh lệnh từ Bắc Kinh.

IV- Buổi chiều ngày 6-5-2015, tôi có café với hai vị Dân biểu có quyền lực trong Quốc hội Hoa Kỳ là ông Alan Lowenthal và ông Matt Salmon. Khi họ hỏi tôi về TPP, tôi trao đổi với họ như trên. Họ đã ủng hộ quan điểm của tôi.

V- Kết luận:

Tôi “bỏ phiếu” để Việt Nam vào TPP bởi tôi tin tưởng vào Bộ ngoại giao và chính phủ Hoa Kỳ sẽ nỗ lực để dành được kết quả tốt nhất trong việc đối thoại nhân quyền với Việt nam.

Tôi “bỏ phiếu” để Việt Nam vào TPP bởi tôi cho rằng chế độ CSVN sẽ không bị sụp đổ vì không có TPP. Nhưng chế độ CSVN được thay đổi khi Việt Nam vào TPP.

Nhân vật bất đồng chính kiến Phạm Quế Dương nói: *"những hoạt động của Nguyễn Văn Đài và Lê Thị Công Nhân là những hành động rất dũng cảm, trí tuệ, và họ đúng là những con người anh hùng. Bởi vì vấn đề dân chủ và vấn đề nhân quyền hiện nay là vấn đề bức xúc của nhân dân Việt Nam. Thế mà có những người rất trẻ như luật sư Nguyễn Văn Đài, như luật sư Lê Thị Công Nhân dám nói ra những vấn đề sự thật như vậy, lột trần tất cả những vi phạm nhân quyền và dân chủ của đảng Cộng sản và của chính phủ Việt Nam này ra; cho nên tôi hoàn toàn ủng hộ Nguyễn Văn Đài và Lê Thị Công Nhân"*

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Văn Đài Web: vi.wikipedia.org
- Tại sao tôi bỏ phiếu cho Việt Nam Blog: danluan.org



Nguyễn Văn Đài chụp kỷ niệm cùng hai dân biểu Hoa Kỳ, ông Alan Lowenthal và ông Matt Salmon.

2) Lê Thị Công Nhân



Lê Thị Công Nhân (1979-20)

Lê Thị Công Nhân sinh ngày 20-7-2979, tại Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Cư trú tại tập thể Văn phòng Chính phủ, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội. Xuất thân trong một gia đình công nhân viên chức.

Năm 2001, tốt nghiệp Đại học Luật Hà Nội.

Năm 2004, cô tốt nghiệp lớp luật sư và công tác tại bộ phận thư ký quan hệ quốc tế, Văn phòng Đoàn Luật sư Hà Nội. Năm 2005, thôi việc tại Văn phòng Đoàn Luật sư Hà Nội để về làm việc tại văn phòng Luật sư Thiên Ân.

Lê Thị Công Nhân tham gia phong trào đòi đa nguyên, đa đảng. Lê Thị Công Nhân đã từng viết tham luận, nội dung tố cáo Tổng Công đoàn Việt Nam hiện nay không bảo vệ quyền lợi của người lao động Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam vi phạm nhân quyền và kêu gọi thế giới hỗ trợ cả tinh thần lẫn vật chất để lập ra những công đoàn độc lập cho công nhân Việt Nam, thể hiện đúng chức năng của Đảng Cộng sản Việt Nam được nêu trong điều 4 Hiến pháp Việt Nam 1992: "*Đảng Cộng*

sản Việt Nam, đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành quyền lợi của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc."

Lê Thị Công Nhân là phát ngôn viên công khai của Đảng Thăng Tiến Việt Nam, cô đã trả lời một số cuộc phỏng vấn của các đài và báo chí ngoại quốc và viết bài nói về thực trạng của Việt Nam. Vào tháng 12 năm 2006, trả lời cuộc phỏng vấn hội đoàn Lên Đường ở hải ngoại với những lời lẽ phê phán chỉ thị số 37/2006/CT-TTg của Thủ tướng chính phủ về việc quy định một số biện pháp tăng cường lãnh đạo và quản lý báo chí, cô nói: *"Là một luật sư thì tôi xin khẳng định với những hiểu biết cá nhân của mình rằng chỉ thị 37-TTG ngày 29/11/2006 là hoàn toàn vi hiến"*.

Cô đã được mời tham dự Hội nghị Công đoàn Tự do tổ chức tại Warszawa, thủ đô của Ba Lan, từ ngày 28 đến 30 tháng 10 năm 2006, nhưng cô không tham dự được vì bị công an giữ lại trước khi lên máy bay.

Từ đầu tháng 12 năm 2006 đến tháng 2 năm 2007, cô đã cùng luật sư Nguyễn Văn Đài tổ chức các lớp học về dân chủ và nhân quyền, vận động giới thiệu các tổ chức như Đảng Dân chủ, Đảng Thăng Tiến Việt Nam, Khối 8406... cho một số sinh viên, trí thức và người khiếu kiện, tại văn phòng luật sư Thiên Ân. Theo báo *Lao Động*, một số người tham gia lớp học đã viết đơn tố cáo hoạt động này.

Lê Thị Công Nhân bị bắt tạm giam tại Hà Nội vào ngày 6 tháng 3 năm 2007 vì bị cáo buộc hoạt động "tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam", và bị xóa tên khỏi danh sách Đoàn Luật sư Hà Nội.

Ngày 11- 5-2007, Toà án Nhân dân thành phố Hà Nội đã mở phiên toà xét xử Nguyễn Văn Đài và Lê Thị Công Nhân với

cùng tội danh trên, tuyên án Lê Thị Công Nhân 4 năm tù giam, 3 năm quản chế sau khi hết hạn tù.

Ngày 27-11-2007. Tòa án nhân dân tối cao mở phiên xử phúc thẩm. Sau một ngày xét xử, Hội đồng xét xử nhận thấy do việc phát hiện đấu tranh vụ án được tiến hành nhanh chóng, kịp thời. Mặt khác về bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Bởi vậy, căn cứ vào khoản 2, điều 298, điểm C, khoản 1 điều 299 Bộ Luật tố tụng hình sự, Toà tuyên án xử phạt Lê Thị Công Nhân 3 năm tù giam và 3 năm quản chế kể từ sau khi hết hạn tù.

Ngày 06 tháng 03 năm 2010, Lê Thị Công Nhân đã thi hành xong 3 năm tù, cô được thả về và chịu sự quản chế tại địa phương.

Tài liệu:

**Lê Thị Công Nhân kể chuyện bị công an phường Thụy
Khuê đánh tra 19-11-2013**

Tố cáo một thành viên vừa gia nhập Hội đồng Nhân Quyền LHQ vi phạm "Công ước Liên Hiệp Quốc chống Tra tấn và những hình phạt hoặc sự đối xử tàn ác, hạ nhục nhân cách" (UNCAT)!

++++++

Xin gửi đến quý vị bản tường trình việc chúng tôi bị đánh đập dã man tại công an phường Thụy Khuê sáng nay thứ 3 ngày 19-11-2013.

Rất mong nhận được sự quan tâm chia sẻ của quý vị bằng việc kiên nhẫn đọc bản tin hơi dài của tôi.

Xin cảm ơn rất nhiều,
Lê thị Công Nhân

Số điện thoại:

Chị Nga dân oan: 0972.572.585

Anh Trương Văn Dũng: 097.3090.713

Chú Lê Hùng: 091.3341.791

Một bác dân oan mà tôi chưa kịp biết tên: 097.3492.881

LTCN: 0120.5115.496

Chúng tôi: Lê thị Công Nhân, Ngô Duy Quyền, Trương Văn Dũng, Lê Hùng, chị Nga dân oan Hà Nam, bé Tài 1 tuổi con chị Nga, cô Ly dân oan Vũng Tàu và nhiều cô dân oan khác vừa bị công an đồn Thụy Khuê kết hợp mật vụ, dân phòng, côn đồ đánh đập dã man tại đồn công an Thụy Khuê.

Sự việc như sau:

Mười một giờ sáng nay thứ 3 ngày 19.11.2013 gia đình chúng tôi (Nhân-Quyên-Lucas) và chú Lê Hùng (biên tập viên nhà xuất bản Thanh Niên đã về hưu) cùng anh Trương Văn Dũng đến đồn công an phường Thụy Khuê 23 phố Thụy Khuê, đề yêu cầu họ giải quyết việc anh Dũng, anh Lê Thiện Nhân và chị Bùi thị Minh Hằng đã bị công an đánh đập dã man gây thương tích (riêng anh Dũng bị gãy 3 xương sườn-khám thương tại bệnh viện Quân Y 103) vào tối ngày 25.10 chỉ vì đến đồn công an đòi lại lều bạt xong nôi... mà họ đã thu giữ bất hợp pháp của bà con dân oan H'mong xuống Hà Nội khiếu kiện oan sai. Những đồ dùng đó là do anh Dũng và những người bạn kêu gọi quyên góp và mang đến cho những người H'mong đau khổ này.

Khi chúng tôi đến nơi đã thấy gần 50 bà con dân oan Dương Nội và một số nơi khác tập trung ở vỉa hè bên kia đường đối diện đồn công an. Vào đồn, trực ban là một công an trẻ mặc

quân phục đeo hàm thiếu úy nhưng không đeo biển tên. Ngay lập tức anh Dũng nhận ra hắn là một trong những tên công an đã đánh đập nhóm anh.

Tên trực ban hỏi tôi đến có việc gì, tôi đáp là có việc và hỏi biển tên của hắn đâu. Tên này nói hắn mới về làm nên chưa có biển tên. Câu trả lời ngu ngốc ngày chúng tôi nói lại với hắn một lần cho hết nhẽ “Thôi đi, đeo hàm thiếu úy mà lại không có biển tên àh. Công an có biển tên, số hiệu từ khi còn là sinh viên kia.” Và yêu cầu gọi chỉ huy ra làm việc. Tên trực ban cứ ngồi ỳ ra không đáp và liên tục đuổi chúng tôi ra ngoài bằng từ “mời”. Thậm chí còn dọa cưỡng chế chúng tôi. Chúng tôi nói “Đây là phòng tiếp dân chứ không phải nhà riêng các anh. Chính người dân nộp thuế để trả cho mọi chi phí ở đây.”

Mật vụ trẻ đông như quân Nguyên bên Tàu (mà có khi chúng đã theo Tàu cả rồi!) chia nhau chen vào ngồi những chỗ còn trống trên băng ghế, và còn giả vờ làm dân vào hỏi công việc nhân tiện “bức xúc bọn quấy rối” thay cho công an quay sang chửi và cạ đánh chúng tôi. Chúng tôi nhận ngay ra hầu hết bọn chúng và chỉ mật gọi tên thương hiệu “mật vụ” từng tên. Còn bảo chúng “Thôi đi mà, đang chuẩn bị đánh dân thì đừng giả vờ làm dân nữa. Rờm đòi quá!”

Khoảng 20 phút sau thì công an Nguyễn Thanh Xuân 3 sao 2 vạch vào. Hắn hỏi có việc gì, lúc này tôi mới nói chậm rãi và rõ ràng từng chữ “Chúng tôi đến tìm gặp những thằng công an khốn nạn đã đánh đập dã man gây thương tích cho anh Trương Văn Dũng, Lê Thiện Nhân và chị Bùi thị Minh Hằng vào ngày 25.10. Sự việc xảy ra đã gần 1 tháng mà những kẻ đó không hề thăm hỏi, xin lỗi, bồi thường gì cho nạn nhân. Đánh người thì phải xin lỗi. Đánh người thì phải bồi thường. Đó là đạo đức và pháp luật. Sự việc diễn ra tại đây, thủ phạm làm việc ở đây, nên chúng tôi đến đây yêu cầu gặp họ với tư cách cá nhân để không phải kiện tụng. Việt Nam có câu vô phúc đáo tụng đình. Chúng

tôi dù là nạn nhân nhưng vẫn ưu tiên giải quyết với tư cách cá nhân cho sòng phẳng như những người văn minh. Và nếu không giải quyết được ở góc độ tự nguyện thì chúng tôi sẽ kiện. Và tôi báo trước với anh chúng tôi tin là chính quyền độc tài cộng sản Việt Nam này sẽ không giải quyết đâu. Nói vậy cho anh hiểu chúng tôi không phải kẻ ngây ngô.”

Lúc này hấn mới hỏi tên tôi rồi quay sang hỏi ngay anh Dũng đang ngồi ở băng ghế cùng chú Lê Hùng, 2 bác dân oan và 1 tên mặt vụ giả vờ dân (dù chẳng ai giới thiệu, tự khắc hấn nhận ra, hết chối là không biết gì!) “Tại sao anh khỏe mạnh thế kia, có bệnh tật ốm đau gì đâu mà không tự trình bày?” Anh Dũng đáp “Tôi thật sự rất mệt. Hôm nay mới đỡ, đến đây yêu cầu các anh giải quyết vụ việc tôi bị tra tấn đánh đập dã man ở ngay tại đồn Thụy Khuê này ngày 25.10. Tôi ủy quyền trực tiếp tại chỗ cho cô Lê Thị Công Nhân làm việc với các anh.” Tên Xuân ngay lập tức thể hiện trình độ hiểu biết pháp luật của một thượng tá công an bằng câu trả lời “Anh khỏe mạnh vẫn nói được thì không được ủy quyền. Anh phải trực tiếp làm việc.” Anh Dũng định lên tiếng thì tôi đáp “Anh không phải nói nữa vì anh đã tuyên bố ủy quyền trực tiếp tại chỗ rất rõ rồi. (quay sang tên thượng tá Xuân) Anh là thượng tá mà hiểu biết pháp luật kiểu gì vậy. Hóa ra theo anh thì chỉ có người câm, bệnh nằm một chỗ mới được ủy quyền àh?” Hấn bỗng dung nổi khùng lên “Chị không được nói đến cấp bậc của tôi! Cái đấy không liên quan đến công việc.” Ôh hay! Người ta gọi cấp bậc của mình ra vừa quy củ, sang trọng và đúng đắn chứ sao!

Thực ra công an Việt Nam đã bao giờ có 3 thứ ấy đâu nên nghe mình gọi như vậy họ ngượng ngừng chẳng?! Cộng với bản chất hung ác, ngạo mạn nên sự ngượng ngừng ấy được thể hiện ra bằng một câu trả lời không biết nói gì hơn là “Nhu thằng Saddam Husein mất trí bần như con cú cười nhả nhờ dưới hầm trú ẩn khi lính Mỹ rọi đèn vào lúc bị bắt.”

Tay Xuân quay sang nói với tôi “Chị không được phép gọi chúng tôi là thằng nọ thằng kia. Như thế là không lịch sự.” Tôi đáp “Tôi không gọi anh là thằng khốn nạn, tôi gọi những thằng đánh anh Dũng là những thằng công an khốn nạn và tôi sẽ vẫn gọi như thế, rõ chưa? Không gọi những kẻ đây là thằng công an khốn nạn thì gọi là gì, chiến sỹ àh, đồng chí àh?” Hấn không đáp gì.

Sau đó một tên mật vụ rất cao lớn mặc bộ đồ đen ngồi vào chiếc ghế còn lại cạnh tôi, giả vờ làm dân đến làm việc cứ tôi nói thì chen ngang. Đùng lúc đó bé Lucas đòi ăn quả ti ti của mẹ. Tôi kéo áo cho bé bú mẹ ngay tại đây, tên mật vụ này ngay lập tức chớp lấy cơ hội dè biau tôi “Vô duyên quá. Cho con bú thì ra chỗ khác.” Thề có Chúa là tôi biết trước là hấn sẽ nói thế vì chúng vẫn có truyền thống như vậy. Tôi bình thân cho con bú và đùng đĩnh đáp “Anh có biết mẹ cho con bú là một trong những điều đẹp nhất của nhân loại không? Liên Hợp Quốc và WHO luôn khuyến khích mẹ cho con bú bất kỳ lúc nào có thể. Anh mật vụ này anh tưởng câu khích đều vớ vẩn đây hay lắm sao. Anh không có vợ con àh?”

Sau đó tên thượng tá Xuân trả lời “Các anh chị bảo là bị đánh đập dã man chỉ có phía anh chị nói thế. Chúng tôi đang điều tra giải quyết. Khi nào có giấy mời thì các anh chị mới được đến làm việc. Bây giờ yêu cầu mọi người ra về” Tất nhiên chúng tôi không chấp nhận câu trả lời đó, đáp lại “Vâng, anh nói thế thì cũng được thôi. Anh ghi cho cái giấy hẹn ngày tháng cụ thể để chúng tôi đến. Chứ biết khi nào các anh giải quyết xong?” Tên Xuân hùng hổ đáp “Chúng tôi không bao giờ viết giấy hẹn.” Chú Hùng quá bất bình lên tiếng đòi hấn viết giấy hẹn. Tên Xuân kiên quyết đến cùng là bọn chúng (không đại gì!) mà viết giấy hẹn với dân. Chúng tôi đáp chúng tôi sẽ không về và ngồi lại. Trong lúc đó bọn mật vụ tràn ngập cả phòng, ngoài hành lang và ngoài đường chửi bới xia xói chúng tôi và cà khịa đánh nhau.

Sau đó tên Xuân đi ra ngoài, rồi chị Nga dân oan Hà Nam và 5 người phụ nữ dân oan lớn tuổi bộ dạng rất khốn khổ đáng thương đến đòi công an phường giải quyết vụ chị dân oan Ngọc Anh bị công an phường này đánh đến ngất xỉu phải đi cấp cứu mấy hôm trước, và đòi lại đồ dùng mà họ bị công an phường này cướp. Các bác dân oan này chỉ rõ cái xe chuyên dụng công an đang đỗ ngoài vỉa hè trước cửa đồn là chiếc xe mà công an đã dùng để cướp và đựng đồ của họ mang đi. Chị Nga thì tố cáo và chỉ thẳng mặt một tên mật vụ đang đứng nhõn nhõ ngoài cửa là kẻ đã đánh chị mấy hôm trước. Tên này ban đầu quay đi chỗ khác, sau khi bị chị Nga đến trước mặt chỉ thẳng vào hấn nói “Chính mày là thằng đã đánh tao hôm nọ. Có ảnh của mày và video mày đánh tao đây này.” Tên này trơ trẽn vừa cười cười nhưng mặt vẫn không giấu nổi vẻ hung ác nói “Mày bị điên àh. Tao đánh mày lúc nào.” Tôi nhìn hấn bảo “Cứ yên tâm đi. Những việc anh làm là hậu vận, là phúc phận của nhà anh đấy.”

Sau đó thấy những lời chửi bới đe dọa đánh người, thậm chí là dọa “lập biên bản tội gây rối trật tự công cộng” không hiệu quả, chúng tôi vẫn không về, tên Xuân quay trở lại, đứng giữa phòng nói “Thôi đừng giờ trò nữa!” Chú Hùng đứng bật dậy bảo hấn “Anh bảo ai giờ trò? Chúng tôi yêu cầu anh ghi cái giấy hẹn để chúng tôi về mà anh bảo là giờ trò àh? Anh ăn nói với dân thế àh?” Anh Quyền chồng tôi nói “Không ai làm trò giỏi bằng các anh đâu.” Không có gì đáp lại, hấn lại trả lời như cũ “Tôi đã giải quyết xong rồi. (Trời!) Yêu cầu mọi người ra về.” Và túm vào người anh Quyền đẩy ra ngoài. Anh Quyền chống lại và nói “Tôi phải đến đây với người nhà của mình vì đã có rất nhiều người dân bị đánh chết trong đồn công an. Và tôi cũng đương nhiên có quyền đến đây.” Khi nghe anh nói câu đó, tất cả những tên công an mật vụ nhìn anh với ánh mắt căm thù với thông điệp “Đúng đấy. Thì sao. Chúng tao cũng đang muốn đánh chết mày đây.” Nhìn mặt họ lúc đấy tôi rùng mình

ghê sợ, vì thần sắc của chúng y như quỷ, sự hung ác tỏa rực ra, kết hợp với cái âm u cô hồn của sự chết.

Lúc đó một tên dân phòng già khoảng 60 tuổi, người cũng không cao lớn gì, vào phòng và giở giọng côn đồ ngay lập tức. Hắn xác định mục tiêu là 2 bác dân oan lớn tuổi đang ngồi trên băng ghế và ngay lập tức đến túm vào tay vào người 1 bác và nói giọng vừa dê cụ vừa côn đồ “Ồi, em. Em định làm trò gì đây àh em. Ra đây anh bảo cái nào.” lời bác đứng lên. Bác giăng tay thẳng già đốn mặt đó ra, tôi cũng lao đến quát to “Ông bỏ tay ra. Ông già rồi lẽ ra phải an hưởng tuổi già mà đi làm những trò này àh?” Lúc đó nhiều người cũng la ó vì hành động đốn mặt của tên này nên hắn bỏ đi ra ngoài.

Sau đó công an phường và một số mật vụ rủ nhau sang phòng bên cạnh ăn cơm, còn lại toàn mật vụ ở lại theo dõi để trấn áp chúng tôi. Khi ấy chị Nga nhận diện chính xác thêm nhiều gương mặt mật vụ đã từng đánh đập chị. Anh Dũng cũng nhận ra thêm một tên đã trực tiếp đánh đập gây thương tích cho anh là tên Phạm Công Định, hàm tá. Chị Nga và anh Dũng chỉ thẳng vào mặt những kẻ đã đánh mình mà vạch tội và chụp ảnh chúng. Bọn chúng đang túm tụm trong phòng bên cạnh lao ra đánh chị Nga trước tiên, tôi lao vào can hô to công an đánh người (chị Nga vẫn bông bé Tài) thì tên Xuân lao ra gần giọng chửi luôn “Đ.C.M mày!” túm lấy tay trái của tôi và dùng nghiệp vụ đánh người được đào tạo bài bản bẻ quặt ngón tay cái khiến tôi bị sai khớp bong gân luôn.

Câu chửi cực kỳ hùng hồn với biết bao uất nghẹn vì này giờ phải đóng vai đạo đức giả lố bịch. Câu chửi này có lẽ là một dạng mệnh lệnh kiểu mới vô cùng ngắn gọn của ngành công an, ngay lập tức tất cả công an và mật vụ lao vào đánh đập chúng tôi. Chúng đánh rất bài bản với sự phân công từ trước thủ đoạn phong phú mà chúng được dạy, học lẫn nhau và tự sáng tạo. Đầu tiên là chia chúng tôi ra, cứ khoảng 5,6 tên vây

tròn lại đánh 1 người chúng tôi. Dùng số đông dồn người bị đánh vào tường, vào cửa hoặc bất cứ cái gì để họ không lui, không tiến, không thoát ra được. Đánh túi bụi phủ đầu. Thằng đứng sau cố luồn chân qua thẳng đứng trước để đá, đập nạn nhân ít nhất 1 cái (chắc để mai hộp có cái mà báo công và cả vì tính côn đồ!). Thằng đứng trước nạn nhân thì dùng cùi chỏ tay huých thật mạnh ngược ra phía sau. Nạn nhân là đàn bà thì chúng cho công an mật vụ côn đồ là cả đàn ông và đàn bà đánh. Khi trong đồn thì cả công an mặc sắc phục và mật vụ đánh, ở ngoài đường thì công an mặc sắc phục không ra chỉ còn mật vụ, dân phòng và côn đồ. Tha hồ mà lừa người đi đường!

Lúc đó tôi bị tên Phạm Công Định đá một cái rất đau vào ống chân phải, hiện giờ bị sưng và nhức tận xương. Ngoài ra một tên mật vụ mặc áo sơ mi trắng muốt không một vết nhàu đứng trước tôi dùng chiêu huých cùi chỏ tay ngược ra phía sau trúng ngực tôi. Cú huých khiến tôi choáng váng vì bất ngờ.

Tất cả mọi người đều bị chúng chia ra đánh đập và xô đẩy ra ngoài. Riêng chị Nga và bé Tài bị chúng đánh ngã xuống đất vẫn còn ở bên trong. Tôi bị chúng lôi đẩy đi nhưng không hiểu sao tôi vẫn vùng ra được và lao ngược trở lại túm vào bọn công an mật vụ đang xúm đánh túi bụi chị Nga. Các bác dân oan phụ nữ lớn tuổi đều bị chúng xúm vào đánh hội đồng. Khi đẩy đánh được chúng tôi ra sân thì bỗng nhiên một nam mật vụ trẻ bé Lucas ra đưa cho tôi, còn nói “Con chị chị không lo àh.” Trời! Tôi bị bọn chúng đánh hội đồng lạc mất cả con ngay trước mắt hần, lúc đó tôi vừa ngã xuống đất đứng dậy không vững, bay cả giày cả kính (may mà tìm lại được) ngay trước mắt anh ta nên ngay cả khi anh ta có ý tốt thì tôi cũng không thể chấp nhận được câu nói của này. Tôi chưa kịp nói gì thì chồng tôi lao đến bế Lucas và nói với cậu ta “Cậu bỏ cái giọng đạo đức giả ấy đi.”

Tình huống hỗn loạn vô cùng. Khi chúng đẩy chúng tôi ra ngoài đường, tôi lấy trong túi ra tờ giấy A2 in dòng chữ “Đã đảo công án tra tấn người dân” và giơ lên cho người đi đường xem. Tôi cố gắng đến nỗi làm rách một góc tờ giấy. Công an mật vụ vẫn tiếp tục đuổi đánh chúng tôi, thấy tôi làm thế thì chúng lại càng hăng. Tất cả chúng tôi kêu gào lên “Công an đánh người. Công an giết người. Xin giúp chúng tôi. Cứu chúng tôi với.” Rất nhiều xe các loại dừng lại nhưng không một người nào xuống giúp chúng tôi. Một số tên công an mặc thường phục ngay lập tức ngậm còi lao ra đường tuýt tuýt bắt mọi người phải đi thật nhanh.

Tôi để ý thấy bọn chúng tập trung 5, 6 thằng đánh anh Dũng rất dã man trong đó có tên mật vụ cao to mặc quần áo đen. Tôi cũng bị vây đánh nhưng không hiểu sao lúc đó tôi lại thoát ra được lao thẳng vào chỗ anh Dũng túm lấy 2 thằng mật vụ lôi ra. Tay thì cầm một chiếc giày đánh vào 1 tên nào đó. (Tiếc là giày đế bằng!) Không phải vì sức của tôi mà lôi được 2 thằng mật vụ ra, có lẽ bọn chúng không ngờ tôi lại lao đến như một mũi tên nên buông anh Dũng ra trong một vài giây và anh Dũng đã tận dụng được cơ hội đó để thoát ra. Sau đó nhóm mật vụ quay sang tập trung đuổi đánh tôi. Đặc biệt là tên dân phòng già và và một nữ côn đồ cũng già lao vào đuổi đánh đòi giết đích danh tôi “Tao phải giết con đeo kính.” Tên nữ côn đồ này gần 60 tuổi, cao to lực lưỡng khoảng 1,7m là chủ quán nước sát vách tường bên tay phải đồn nhìn từ ngoài đường vào, quán có cửa thông thoáng sang sân đồn. Tôi đoán nữ côn đồ già này là một chị cốt cán được sâu chuỗi bắt rết từ thời cải cách ruộng đất nên mới trâu diên như thế.

Chòng tôi bế Lucas ra giữa đường kêu cứu rất to thì ngay lập tức một nhóm mật vụ lao theo đuổi đánh. Lúc đó có đồng người dừng lại xem nên có vẻ bọn chúng được lệnh rút bớt sang bên kia đường, chừa lại khoảng 20 chục tên đứng rình đánh chúng tôi tiếp. Ngay lúc đó thì bà con dân oan Dương Nội

kéo đến sau khi bị chúng kết đàn hàng đẫy đi xa khỏi đồn (sau đó bà con dân oan đi ăn trưa luôn.) Bà con dân oan rất bất ngờ và ái ngại vì đã không tới giúp kịp khi chúng tôi bị đánh. Chúng tôi trò chuyện với nhau một lúc và quyết định đi về. Bà con dân oan Dương Nội đã đưa chúng tôi từng người về tận nhà. Chúng tôi rất xúc động và cảm ơn sự quan tâm của bà con dành cho chúng tôi. Lòng tôi hơi trách một chút xíu, là giá như bà con nhận ngay ra trò ly gián của bọn chúng để đánh đập chúng tôi, cử vài người ở lại để trợ giúp chúng tôi, ít nhất là mặt truyền tin thì tốt biết bao. Âu cũng là một kinh nghiệm!

Mãi đến lúc đó chúng tôi mới phát hiện ra bé Tài bị 2 cục u sưng to bằng quả ổi nhỏ trên trán. Thật tội nghiệp vô cùng! Còn bé Lucas thì không khóc, không nói gì, im lặng kinh hoàng, đôi mắt thất thần. Về đến nhà bé ngủ thiếp đi được nửa tiếng thì choàng dậy thét và khóc suốt nửa tiếng. Giọng bé uất nghẹn như chưa từng bao giờ như vậy. Chúng tôi dỗ dành mọi cách mà không dứt được cơn ác mộng của bé, đến nỗi vợ chồng tôi phát khóc theo. Cho dù chúng tôi hoàn toàn không gây ra sự kinh hoàng mà bé phải chứng kiến và nghe thấy nhưng trong lòng chúng tôi đều áy náy và đau đớn vô cùng. Mẹ tôi bị tai biến não, bại liệt đã 8 tháng nay. Vợ chồng chúng tôi đi cùng nhau, bắt buộc phải mang bé theo. Chúng tôi chỉ còn biết cầu Chúa mà thôi.

Chúng tôi đến đồn công an Thụy Khuê hôm nay để đòi lẽ phải cho anh Trương Văn Dũng và những người bạn theo một cách chưa từng có mà lẽ ra nên có từ lâu rồi. Đó là trực diện, chính tại nơi đã diễn ra sự việc, chỉ mặt gọi tên những thằng công an khốn nạn. Bọn chúng đã thật sự bối rối khi chúng tôi làm như vậy vì chúng quá quen với việc người dân bỏ qua hoặc tạm thời bỏ qua chưa tính sổ tội ác của chúng. Chúng tôi muốn tạo nên một tiền lệ để những người dân oan khác làm theo. Và chúng tôi đem chính mình ra làm gương. Chỉ khi nào từng người dân oan Việt Nam tự mình trực diện đối mặt với tà quyền độc tài

cộng sản thể hiện qua những tên công an, mật vụ, dân phòng, côn đồ, chỉ mặt gọi tên từng đứa yêu cầu chúng phải xin lỗi phải bồi thường những gì chúng đã gây ra thì sức mạnh nhân dân sẽ là con sóng thần cuốn phăng bọn chúng xuống địa ngục để được sống mãi với bác Hồ vĩ đại của chúng. (Tôi tự hỏi có bao giờ đám công an mật vụ này thắc mắc vong bác Hồ của chúng đang ở đâu không?)

Chúng tôi đã chuẩn bị trước cho những tình huống xấu xảy đến. Và cuối cùng thì nó cũng xảy đến. Nhưng dù cho đã chuẩn bị trước thì chúng tôi vẫn kinh hoàng ghê sợ trước sự tàn bạo, dã man, bầy đàn, tiểu nhân và bài bản của công an mật vụ dân phòng côn đồ Việt Nam trong việc đàn áp người dân.

Hiệu quả việc chúng tôi làm có thể không nhiều thậm chí rất ít. Nhưng giá như mọi người nhìn thấy sự bối rối chưa từng thấy trên gương mặt bọn chúng khi chúng tôi nói yêu cầu của mình. Chúng ta đã và đang dùng nhiều biện pháp để đòi lẽ phải, để tố cáo tội ác của công an cộng sản Việt Nam nhưng biện pháp này chúng ta chưa làm. Liệu rằng chúng ta chưa làm vì chúng ta thật sự cho rằng biện pháp khác tốt hơn? Hay là vì chúng ta sợ? Chúng ta chưa đủ can đảm đi đến và chỉ thẳng vào mặt những kẻ đã hãm hại chúng ta mà bảo “Chính mày là là người đã đánh tao. Mày phải xin lỗi và bồi thường cho tao.” Có thể những cách thức khác là khôn ngoan hơn. Nhưng dù nó có khôn ngoan hơn thì cuối cùng cũng đưa đến kết cục là từng tên tội đồ của người dân Việt Nam sẽ được chỉ mặt gọi tên để tố cáo tội ác của chúng, buộc chúng phải xin lỗi, phải bồi thường, phải ngồi tù, thậm chí là tử hình.

Thưa công an, mật vụ, dân phòng và côn đồ Việt Nam,

Vậy đó. Như tôi đã nói rõ ở trên. Khi đối mặt mang tính cá nhân với các anh như ngày hôm nay, chúng tôi chỉ yêu cầu các anh xin lỗi và bồi thường cho chúng tôi. Vậy mà các anh không

chịu. Đầu óc các anh để đi đâu vậy? Các anh định đợi ngày dân chủ đến để các anh đi tù, thậm chí là bị tử hình sao? Ngày đó cũng không còn xa. Hãy tìm đọc về gói cứu trợ bất động sản 30 nghìn tỉ triển khai đã hơn nửa năm và giờ thì “mất hút con mẹ hàng lươn”. Cùng với nó là nợ xấu ngân hàng lên tới 30%. Đùng có nói với tôi là các anh và gia đình các anh không vay nợ ai và cũng chẳng cho ai vay nợ!

QUAY ĐẦU LÀ BỜ là lời khuyên tôi dành cho những người hiêm hoi trong các anh còn lại chút lương tri.

Còn nếu các anh vẫn tiếp tục trung thành tuyệt đối với cái nhà nước này mà hãm hại người dân thì các anh sẽ được thăng tiến xuống địa ngục.

Chúng tôi không oán thù, thậm chí còn chẳng quen biết các anh vậy mà các anh theo lệnh ai hay tự ý vì muốn tăng công mà đánh đập hãm hại người dân như vậy? Nếu tự tin việc làm của mình là đúng thì sao phải khiếp sợ không dám công khai? Không dám công khai thì khi bị tố cáo sao không dám nhận, lại chối phắt đi, lại tiếp tục đánh đập hãm hại người tố cáo mình. Các anh không cứu được nữa rồi!

Tôi thật vô duyên khi khuyên nhủ các anh. Nhưng tính tôi là thế, nói hết ý một lần rồi đến đâu thì đến. Nói vô duyên là vì giờ này chắc các anh đang ngồi họp với sếp. Tự vuốt ve nhau rằng “Thật ra hôm nay bọn mình quá tử tế. Nói chung là cũng chỉ dọa chúng nó thôi. Bọn mình mà xuống đòn độc thủ thì làm gì chúng vẫn cười nói tay bắt mặt mừng với nhau được như thế.” Thế là yên tâm rồi! Tha hồ mà ăn no ngủ kỹ, giải trí yêu đương, gia đình trìu mến!

Chưa bao giờ tôi bị đánh đập và thấy ghê sợ như ngày hôm nay. Nhưng ngày hôm nay tôi cũng phát hiện ra tôi mạnh mẽ hơn là tôi tưởng. Tôi hạnh phúc vì đã giúp được nhiều người và

cũng được nhiều người giúp trở lại. Xin hãy truyền tin, chia sẻ và cầu nguyện cho chúng tôi!

Lê thị Công Nhân
8h tối thứ 3 ngày 19-11-2013

Trong bài: *Lê Thị Công Nhân - Người con cưng của Thượng đế*, Trần Phong Vũ trên Bất Khuất viết:

Cho đến hôm nay, Lê Thị Công-Nhân đã trở thành một tên tuổi lớn. Không phải lớn vì cô là một luật sư trẻ tuổi, tài ba. Cũng không phải lớn vì cô đã được cả thế giới biết đến. Theo quan điểm riêng của người viết những dòng này thì chính cái nhân cách phi thường ẩn giấu đằng sau vóc dáng mảnh mai, yếu đuối một trái tim nhân hậu, một thái độ can đảm, một ý chí kiên cường, bất khuất của một con người có niềm tin son sắt nơi Thượng Đế, Đấng tạo dựng muôn loài vạn vật, đã khiến cho tên tuổi của cô trở nên vĩ đại, lẫy lừng và sáng chói.

Tài liệu tham khảo:

- Lê Thị Công Nhân Web: vi.wikipedia.org
- *Lê Thị Công Nhân kể chuyện bị công an phường Thụy Khuê đánh trúa 19-11-2013* Blog: nguyentuongthuy2012.wordpress.com

Tiết bốn: Câu lạc bộ Nhà Báo Tự Do

Năm 2006 cũng như năm 2007 có nhiều sự kiện xảy ra, như việc ngư dân Thanh Hóa đi ra Hoàng Sa đánh cá bị ngư dân Trung Quốc bắt, phải chạy về đất liền, nhưng không một tờ báo nào đưa tin. Lúc đó blogger Phạm Thanh Nghiên từ Hải Phòng đã vào Thanh Hóa để viết bài, và đưa lên blog mình. Sau này Phạm Thanh Nghiên đã bị 4 năm tù. Ngay trước văn phòng 2 của Quốc Hội tại Sài Gòn, hàng trăm dân oan từ các tỉnh miền Tây lên, biểu tình đòi quyền lợi về đất đai, nhưng không một tờ báo nào của chính quyền đăng tin.

Lúc đó Điều Cày nhận thức rằng toàn bộ hệ thống truyền tin đã nằm trong tay nhà cầm quyền cộng sản, và họ đã làm ngơ trước những nỗi khổ của người dân, vì vậy Điều Cày thảo luận với nhiều người cùng chí hướng, về vấn đề tại sao báo chí Việt Nam lại không cất lên tiếng nói của người dân, và làm cách nào để đưa lên nguyện vọng chính đáng của họ.

Là những blogger, ông và các bạn nhận ra rằng với những trang blogs được nhiều người đọc, người dân sẽ có thể cất lên tiếng nói, kêu gọi được sự chú ý quan tâm của nhiều người, và có ý tưởng sử dụng blog để làm báo từ lúc đó.

Năm 2007, Lê Xuân Lập sinh năm 1958, công tác tại một tờ báo có văn phòng đại diện tại Tp. HCM, đệ đơn lên nhà cầm quyền Việt Nam xin thành lập “Hội nhà báo tự do” nhưng không được chấp thuận.

Sau đó, cùng trong năm 2007, qua trao đổi trên mạng, điện thoại, Lê Xuân Lập đã gặp gỡ Blogger Điều Cày Nguyễn Văn Hải, cùng một số người khác thành lập “Câu lạc bộ nhà báo tự do” (CLBNBTD), Lập được bầu làm chủ nhiệm.

Sau đó, Lê Xuân Lập rút tên ra, Nguyễn Văn Hải quản lý blog CLBNBTD rồi tập hợp thêm Tạ Phong Tần và Phan Thanh Hải.



Anh Ba Sài Gòn, Điều Cày, Tạ Phong Tần

Từ tháng 9-2007 đến tháng 10-2010, đã có 421 bài đăng trên CLBNBTD, trong đó có 94 bài do thành viên CLBNBTD viết và 327 bài lấy lại từ các blog, trang web của các tổ chức hoạt động chống nhà cầm quyền Cộng sản Việt Nam, như hô hào tẩy chay thể vận hội Bắc Kinh năm 2008, chống Trung Quốc chiếm các đảo trong quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa.

Nhà cầm quyền Việt nam đã đàn áp hoạt động của Câu lạc bộ nhà báo tự do, các thành viên chủ chốt là Điều Cày, Tạ Phong Tần, Anh Ba Sài Gòn bị bắt giam.

Ngày 24-9-2012, Tòa án nhân dân Tp. HCM xử sơ thẩm đã tuyên phạt Nguyễn Văn Hải sinh năm 1952, ngụ Tp. HCM, còn gọi là Hoàng Hải, Hải Điều Cày, mức án 12 năm tù, Tạ Phong Tần, SN 1968, quê Bạc Liêu 10 năm tù và Phan Thanh Hải, SN

1969, ngụ Tp. HCM 4 năm tù cùng tội “Tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam”. Ngoài ra, HĐXX còn tuyên, sau khi chấp hành xong bản án, bị cáo Nguyễn Văn Hải còn bị quản chế tại địa phương 5 năm, bị cáo Tạ Phong Tần và Phan Thanh Hải bị quản chế 3 năm.

Đến cuối tháng 12 năm 2012, Tòa án Tối Cao đã đưa ba thành viên của Câu Lạc Bộ Nhà Báo Tự Do ra xử phúc thẩm. Sau phiên phúc thẩm, chỉ có ông Phan Thanh Hải được giảm một năm tù. Hai blogger còn lại không được giảm án do không chịu nhận tội.

Tháng 9 năm 2013, ông Phan Thanh Hải được trả tự do trước thời hạn 1 tháng 17 ngày. Điều Cày Nguyễn Văn Hải, được Mỹ can thiệp, nhà cầm quyền Việt Nam trục xuất khỏi nước từ nhà tù, đã đặt chân xuống phi trường Los Angeles tối thứ Ba 21-10-2014 Hiện blogger Tạ Phong Tần vẫn còn bị giam giữ.

Blogger Điều Cày từng được Tổ chức báo chí tự do trao giải thưởng nhờ vào các hoạt động của mình vào năm 2013 khi ông còn đang ở tù tại Việt nam. Ông đã nhận giải này sau khi sang Mỹ vào năm ngoái tại New York.



Ngày 8 tháng 2- 2015, tại California Blogger Điều Cày và Uyên Vũ, hai thành viên cũ, tuyên bố Câu lạc bộ nhà báo tự do chính thức hoạt động trở lại.

Về phương thức hoạt động theo vẫn tiếp tục ý tưởng ban đầu của CLBNBTD đó là thực hiện quyền tự do báo chí, tự do ngôn luận và thúc đẩy thực hiện những quyền đó ở Việt Nam.

Blogger Điều Cày Nguyễn Văn Hải cũng tuyên bố thêm: Tôi cũng biết gần đây có trên 20 tổ chức xã hội dân sự được thành lập tại Việt Nam. Về việc này, CLBNBTD sẵn sàng phối hợp với các nhóm xã hội công dân khác cả trong và ngoài nước. Là một tổ chức dùng phương tiện truyền thông để đấu tranh thúc đẩy quyền Tự do báo chí Tự do ngôn luận, CLBNBTD sẵn sàng liên kết hỗ trợ chuyển tải thông tin cho các nhóm xã hội công dân, giúp tiếng nói của họ được lan toả nhanh hơn và hiệu quả hơn. Phương thức phối hợp cũng như chúng tôi sẽ phối hợp với các nhóm Blogger tại Việt Nam.



Tài liệu tham khảo:

- Câu lạc bộ nhà báo tự do Web: ngươi-viet.com, rfa.org

1) Điều Cà



Điều Cà - Nguyễn Văn Hải (1952-20)

Điều Cà là biệt danh của Blogger tên thật là Nguyễn Văn Hải, sinh năm 1952 tại Hải Phòng, cũng gọi là Nguyễn Hoàng Hải.

Từ 1971-1976, Nguyễn Văn Hải tham gia bộ đội, sau đó làm việc tại Công ty Kim khí Hải Phòng một thời gian, sau đó vào Tp. HCM học nghề sửa chữa điện tử và làm nghề sửa chữa điện tử tại Công ty Dịch vụ Thương mại Sài Gòn.

Nguyễn Văn Hải từng là thợ sửa chữa điện tử, chủ cửa hàng Video Camera Hoàng Hải, quận 3, Tp. HCM.

Nguyễn Văn Hải xuất bản các bài báo của mình thông qua một blog, gọi là blog Điều Cà, mà cũng là bút hiệu của ông.

Năm 2007, Lê Xuân Lập công tác tại một tờ báo có văn phòng đại diện tại Tp. HCM, đệ đơn lên nhà cầm quyền Việt Nam xin thành lập “Hội nhà báo tự do” nhưng không được chấp thuận.

Vào tháng 9 năm 2007, Lê Xuân Lập đã gặp Blogger Điều Cà Nguyễn Văn Hải, cùng một số người khác thành lập “Câu lạc bộ nhà báo tự do” (CLBNBTD), Lập được bầu làm chủ nhiệm.

Sau đó, Lập rút tên ra, Nguyễn Văn Hải quản lý blog CLBNTD rồi tập hợp thêm Tạ Phong Tần và Phan Thanh Hải.

Năm 2008, ông tham gia cũng như tường thuật về các cuộc biểu tình của người Việt Nam, chống lại Thế vận hội Mùa hè 2008 tổ chức ở Bắc Kinh, chống Trung Quốc chiếm các đảo thuộc quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam.

Ngày 20 tháng 4 năm 2008, Nguyễn Văn Hải bị bắt tại thành phố Hồ Chí Minh, và các máy tính cùng các dữ liệu của ông bị tịch thu.

Ngày 10 tháng 9 năm 2008, ông bị tòa án truy tố tội "trốn thuế" và bị xử phạt 30 tháng tù giam.

Ông được dự định phóng thích trong tháng 10 năm 2010, nhưng vào ngày đáng lẽ được phóng thích, thì bản án của ông bị gia hạn "để điều tra thêm".

Tháng 4 năm 2012, ông Hải bị tòa án xét xử thêm về tội "tuyên truyền chống nhà nước" theo điều 88 Bộ Luật Hình sự cùng với các blogger Tạ Phong Tần và Phan Thanh Hải. Trong phiên toà này, Nguyễn Văn Hải đã không nhận là mình có tội. Theo nhật báo *Thanh Niên*, Nguyễn Văn Hải và Phan Thanh Hải cũng bị cho là đã tham dự một cuộc huấn luyện do đảng Việt Tân ở hải ngoại tài trợ.

Tổ chức Theo dõi Nhân quyền đã lên án các vụ bắt giữ này và kêu gọi chính phủ Việt Nam hãy thả ngay 3 blogger nói trên. Năm 2009, tổ chức này đã trao tặng Nguyễn Văn Hải giải Hellman/Hammett "cho các nhà văn đã bị bách hại vì những bài viết của họ". Tổ chức Ân xá Quốc tế đã gọi ông là một tù nhân lương tâm, và bày tỏ sự quan ngại về các báo cáo nói rằng ông bị sự giám thê trọng và sức khỏe suy sụp.

Ngày 6-3-2012, cựu dân biểu Hạ viện Hoa Kỳ Cao Quang Ảnh đã tổ chức một cuộc vận động ngoài hành lang cho Nguyễn Văn Hải, linh mục Nguyễn Văn Lý, bác sĩ Nguyễn Đan Quế, cùng nhiều tù nhân chính trị Việt Nam khác, kêu gọi chính phủ của Tổng Thống Barack Obama và Quốc hội Hoa Kỳ lên tiếng bênh vực họ mạnh mẽ hơn. Tháng 4 năm 2012, tổ chức Những người bảo vệ quyền Công dân (*Civil Rights Defenders*) đã tặng ông Hải danh hiệu "Người bảo vệ quyền Công dân" trong tháng. Ngày 17.4.2012 một phát ngôn viên của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ đã kêu gọi chính phủ Việt Nam thả ông Hải cùng các blogger khác, nói rằng 3 blogger này "đã không làm gì khác hơn là thực thi quyền tự do ngôn luận của họ được cả thế giới công nhận". Tháng 5 năm 2012 tổng thống Hoa Kỳ Barack Obama đã phát biểu là "chúng ta không thể quên những nhà báo như blogger Điều Cày, người bị bắt năm 2008 trong vụ đàn áp lớn lao việc làm báo của công dân ở Việt Nam".

Tháng 9 năm 2012, trong phiên tòa chỉ kéo dài 1 ngày xử 3 nhà bất đồng chính kiến Nguyễn Văn Hải, Tạ Phong Tần và Phan Thanh Hải, ông Nguyễn Văn Hải đã bị tuyên án khắc nghiệt nhất là 12 năm tù giam. Phan Thanh Hải, người nhận tội, bị phạt 4 năm tù, còn bà Tạ Phong Tần bị phạt 10 năm tù giam.

Các bản án này đã bị chống án lên tòa thượng thẩm. Tòa án Tối Cao đã đưa ba thành viên của Câu Lạc Bộ Nhà Báo Tự Do ra xử phúc thẩm ngày 28-12-2012. Sau phiên phúc thẩm, chỉ có Phan Thanh Hải được giảm một năm tù. Hai blogger còn lại không được giảm án do không nhận tội.

Ông Nguyễn Văn Hải bất ngờ được Việt Nam cho ra khỏi tù và đưa ra sân bay Nội Bài trong ngày 21 tháng 10 năm 2014 đi sang Los Angeles, Hoa Kỳ.

Ngày 8-2-2015, tại Calioformia, Điều Cày tuyên bố tái lập lại Câu lạc bộ nhà báo tự do.

Ngày 1 tháng 5-2015, blogger Điều Cày được tổng thống Mỹ Obama mời vào Nhà Trắng tham dự họp báo trước thềm ngày Tự do Báo chí Thế giới 3-5. Ông đã có mặt cùng hai blogger khác là Simegnish 'Lily' Mengesha từ Ethiopia và Fatima Tlisova từ Nga tại Nhà Trắng ngày 1-5-2015 để tham gia hội luận về tự do báo chí trên thế giới. Ngày 2 tháng 5, VTV1 phần tin Quốc tế mục Chào buổi sáng có đưa tin và hình ảnh Điều Cày bên cạnh Obama.



Điều Cày đã nhận các Giải thưởng:

- Năm 2013, Nguyễn Văn Hải được trao Giải Tự do Báo chí Quốc tế của Ủy ban bảo vệ các nhà báo (*Committee to Protect Journalists*, viết tắt CPJ) có trụ sở ở New York. Tuy nhiên lúc đó Nguyễn Văn Hải vẫn còn bị giam nên việc trao giải diễn ra với người thắng giải khiêm diện. Mãi đến ngày 27 Tháng 11, 2014 Ủy ban mới trao được tận tay ông.
- Ngày 24 tháng 10 năm 2013 Nguyễn Văn Hải được trao "Giải One Humanity" của PEN Canada.

Từ tháng 10 năm 2014, Điều Cày Nguyễn Văn Hải sống và hoạt động tại Hoa Kỳ.

Tài liệu:

19-02-2008

Hai ngày làm việc với công an

Thứ bảy ngày 16/2/2006.

Tôi bật dậy vì tiếng đập cửa rất mạnh, tiếng Cảnh sát khu vực la lớn ở ngoài cửa: "Dậy đi, ông Hải dậy đi lên phường làm việc". Tôi vừa mở cửa 2 người ập ngay vào nhà. Đó là Tình cảnh sát khu vực và Long đội trưởng đội chống bạo động, người thường xuyên làm việc với tôi, cả 2 yêu cầu tôi ngay lập tức phải lên phường làm việc. Tôi hỏi tại sao không đưa giấy mời trước, CSKV móc ngay giấy mời trong túi ra và nói: "Không cần mời trước, anh có đi không thì bảo!". Tôi phản ứng: "Phải đưa giấy mời cho tôi trước 48 tiếng tôi mới làm việc". Long liền bảo: "Nếu anh không đi, chúng tôi sẽ gọi phường đưa xe xuống, cưỡng chế anh lên để làm việc". Họ yêu cầu tôi làm vệ sinh cá nhân, để lên phường ngay.

Trong lúc tôi thay đồ, tôi yêu cầu họ bước ra khỏi phòng để tôi thay đồ nhưng họ nhất định không chịu, họ bảo tôi cứ thay đồ trước mặt họ. Họ nói nếu họ ra ngoài tôi sẽ đóng cửa "cố thủ" bên trong. Giăng co hơn nửa tiếng, họ kêu xe xuống và buộc tôi phải đi cùng họ.

Khi đến CA phường 8, quận 3, Long lập tức xông vào giật điện thoại di động trong thắt lưng của tôi, cung cách này lần nào hắn cũng làm như vậy đối với tôi. Người công an cử ra làm việc với tôi không phải là người được ghi trong thư mời, anh ta mặt thường phục tự giới thiệu là công an kinh tế. Tôi yêu cầu được

làm việc với đúng người đã ghi trong giấy mời là anh Tình CSKV, tôi nói nếu không mặc cảnh phục và đeo băng tên tôi sẽ không làm việc. Anh ta báo cáo với Long. Long chạy lên yêu cầu tôi phải làm việc với CA kinh tế nhưng tôi cương quyết từ chối. Long nói: "Nếu vậy thì anh kia về lấy giấy mời để cùng làm việc với tôi", nói vậy nhưng Long lại buộc tôi phải ngồi tại chỗ để chờ, dù có đến chiều cũng phải chịu. Tôi ngồi đó với một người an ninh trẻ đến 2h chiều mới thấy anh cảnh sát kinh tế quay lại với đầy đủ băng tên và giấy mời. Anh ta là Đào Chí Thanh mã số 277244, nội dung làm việc là "một số việc liên quan đến việc kinh doanh 84D Trần Quốc Toản, P8, Quận 3" (đây là nhà hiện tôi đang ở). Chúng tôi làm việc đến 17h30p thì kết thúc. Nhưng Long vẫn không cho tôi về mà không nói lý do vì sao. Đến 20h họ mới mang điện thoại lên trả tôi và bảo tôi về.

Thứ hai, 8h sáng ngày 18/02/2008

Tôi lại bị đánh thức dậy với tiếng đập cửa rất mạnh, cũng lại là Tình và Long diễn lại cảnh cũ. Họ móc giấy mời từ trong túi và yêu cầu phải đi ngay. Tôi phản ứng không đi. Long gọi điện cho Trưởng CA Phường cho xe và người xuống cưỡng chế tôi đi.

Đi thì đi, nhưng hôm nay tôi quyết không làm việc với họ. Họ không thể làm mãi với tôi như vậy. Tôi là một công dân tự do được pháp luật bảo vệ chứ đâu phải một con vật mà họ muốn kéo đi lúc nào thì kéo. Nhớ lại những lần làm việc trước, Long nói "sẽ làm cho không một ai dám thuê nhà tôi nữa, những phần xây dựng cách đây 6 năm có sai phạm sẽ được lật lại để đập nhà tôi". Những lời đe dọa của Long đang được thực hiện. Tôi cảm nhận mình đang đứng dưới một cỗ máy nghiền nặng nề đang muốn nghiền nát tôi.

Lại tịch thu điện thoại, lại đe dọa nhưng tôi vẫn không làm việc. Tôi chỉ còn chút quyền nhỏ bé là không nói, không làm việc để tự bảo vệ mình. Nếu không, lần sau họ vẫn kéo tôi đi tức khắc như kéo một con vật.

8h40', Thanh đưa cho tôi tờ giấy yêu cầu tôi viết tường trình về lý do không làm việc. Tôi ghi rõ lý do là họ không gửi cho tôi giấy mời trước 48h, khi đến nhà tôi thì mới đưa giấy mời đồng thời cưỡng bức tôi phải đi ngay, đến CA phường còn tịch thu điện thoại và hành xử cưỡng bức hạn chế quyền công dân của tôi nên tôi không làm việc.

Thanh liền báo cáo với Long, sau đó yêu cầu tôi viết thêm vào bản tường trình theo ý của Thanh nhưng tôi không viết. Long hậm hực: "Cứ để ông ấy ngồi đó suy nghĩ tiếp vài tiếng nữa, khi nào chịu làm việc thì kêu". Trong lúc đó, họ triệu tập người kinh doanh trong nhà tôi lên hạch hỏi đến quá trưa. Tôi nghe thấy nhiều người quát nạt ở tầng dưới nhà, điều này có lẽ làm người đang kinh doanh tại nhà tôi khiếp đảm!

14h. Thanh lên gặp tôi hỏi đã làm việc được chưa? Tôi nói hôm nay tôi không thể làm việc được! Thanh bảo tôi viết bản tường trình nữa nhưng tôi không viết. Đã 15h chiều, từ sáng đến giờ họ không hề cho tôi đi ăn. Buổi trưa tôi nói tôi phải về nhà ăn cơm và nghỉ trưa nhưng họ ngăn cản không cho về. Tôi hỏi có phải các anh đang bắt giữ tôi không? Họ nói chỉ mời chứ không bắt !??? Mặc dù Thanh là người mời tôi làm việc đã về từ 15h nhưng nhóm an ninh vẫn không cho tôi về.

16h45. Cảnh sát khu vực đem lên một thư mời tôi làm việc tiếp ngày 19/02/2008.

Mãi đến 17h họ mới mang trả lại điện thoại và bảo tôi về.

Ngày mai họ sẽ dùng biện pháp nào nữa với tôi đây???

Điều Cày



Nhiều Tổ chức Nhân quyền quốc tế, và tổ chức Ân xá Quốc tế coi ông là một tù nhân lương tâm, nhưng ông chỉ đòi hỏi tự do báo chí, chống Trung quốc xâm chiếm biển đảo của Việt Nam, chứ ông không chống lại đảng cộng sản Việt Nam, nói cách khác, ông chưa đứng vào hàng ngũ chống cộng, ông chỉ là người yêu nước như Bùi Tín hay Dương Thu Hương trước kia, bởi vì họ có cả một thời phục vụ đảng và nhà nước cộng sản.

Tài liệu tham khảo:

- Điều Cày Nguyễn Văn Hải Web: vi.wikipedia.org
- Hai ngày làm việc với công an Blog: blogdieucay.blogspot.com

2) Tạ Phong Tần



Tạ Phong Tần (1968-20)

Tạ Phong Tần sinh năm 1968 tại huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu

Tạ Phong Tần bắt đầu viết blog, khi cô còn là đảng viên Đảng Cộng sản và là nữ sĩ quan ngành công an.

Năm 2004, cô đã trở thành một nhà báo tự do. Hai năm sau đó, cô bắt đầu điều hành một blog có tên "Công lý và Sự thật", để phổ biến cho các báo cáo về các vụ tham nhũng của công an. Vì các bài trên mạng phê phán chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam, nên cô bị khai trừ khỏi Đảng và mất việc vào năm 2006.

Trang CAND cho là, Blog "Công lý-Sự thật" của Tạ Phong Tần là nơi chứa đựng những quan điểm sai trái, những luận điệu vu khống, xuyên tạc chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước và hơn hết, là nơi để Tạ Phong Tần kiếm "đô la" từ những thế lực cực đoan, phản động ở nước ngoài.

Cô bị bắt vào tháng 9 năm 2011 cùng với các blogger bất đồng chính kiến khác bao gồm Nguyễn Văn Hải và Phan Thanh Hải,

họ đã đăng bài dưới tên blog "Câu lạc bộ Nhà Báo Tự Do Việt Nam". Ba người bị buộc tội "tuyên truyền chống nhà nước"

Văn phòng Cao ủy Nhân quyền Liên Hiệp Quốc đã chỉ trích các vụ bắt giữ, nêu rõ mối quan tâm của mình đối với sự hạn chế về quyền tự do ngôn luận ở Việt Nam. Trong chuyến thăm tháng 7 năm 2012 đến Hà Nội, Ngoại trưởng Mỹ Hillary Clinton thể hiện quan tâm của bà đến việc tạm giữ ba thành viên của Câu lạc bộ Nhà báo Việt Nam Tự do. Vào cuối tháng 9-2011, lúc bà Tần còn bị tạm giam, Tổ chức Theo dõi Nhân quyền đã trao cho bà cùng với 7 người Việt tranh đấu cho nhân quyền khác giải thưởng Hellman/Hammett. Tổ chức Ân xá Quốc tế đã mô tả ba blogger này như tù nhân lương tâm, "bị bắt giữ chỉ vì việc họ đã đấu tranh ôn hòa cho quyền tự do ngôn luận thông qua các bài viết trực tuyến của họ", và kêu gọi cho việc thả tự do các blogger này. Liên đoàn Quốc tế Nhân quyền và Tổ chức Thế giới chống Tra tấn cũng đã phát hành một tuyên bố chung kêu gọi chính phủ Việt Nam thả tự do cho ba blogger vô điều kiện.

Buổi sáng ngày 30 tháng 7- 2012, bà Đặng Thị Kim Liêng, mẹ của Tạ Phong Tần, đã tự thiêu bên ngoài Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bạc Liêu để phản đối việc bắt giữ con gái mình, một tuần trước khi bắt đầu vụ xét xử Tạ Phong Tần. Bà Liêng chết vì các vết bỏng của bà trên đường đến bệnh viện. Cái chết này là vụ tự thiêu đầu tiên tại Việt Nam kể từ những năm 1970.

Phương tiện truyền thông nhà nước Việt Nam cho biết vì cần điều tra thêm, nên vụ xét xử Tạ Phong Tần được hoãn lại vô thời hạn.

Đại sứ quán Mỹ tại Việt Nam cho biết họ "rất quan tâm và đau buồn" trước thông tin trên, và kêu gọi việc thả tự do cho các blogger. Ủy ban Bảo vệ Nhà báo ở Mỹ gọi cái chết của Liêng là "một lời cảnh tỉnh đau buồn khi chiến dịch chống lại các

blogger và nhà báo của chính phủ Việt Nam đã gây nên những tổn thất vô cùng đáng tiếc cho các cá nhân liên quan". Tổ chức Human Rights Watch kêu gọi cộng đồng quốc tế giải quyết cơ bản tình trạng nhân quyền, nêu rõ, "Đây không phải chỉ là một bi kịch đối với một gia đình. Đây là một bi kịch đối với cả một đất nước."

Một dòng dài người đưa tang đi đến nhà của Liêng để bày tỏ sự thương tiếc sau cái chết của bà, mặc dù nhiều báo cáo cho biết họ đã bị chặn trên đường do lực lượng an ninh nhà nước. Nhà cầm quyền địa phương cũng đặt đề các sĩ quan cảnh sát mặc thường phục, để theo dõi tang lễ của bà Liêng.

Ngày 24 tháng 9 năm 2012, Tạ Phong Tần đã bị Toà án nhân dân kết án 10 năm tù giam trong một phiên tòa xét xử 3 blogger là Nguyễn Văn Hải, Phan Thanh Hải và Tạ Phong Tần, diễn ra trong 1 ngày. Phan Thanh Hải, người đã nhận tội, đã bị kết án bốn năm tù giam, và Nguyễn Văn Hải lên đến mười hai năm.

Do họ kháng cáo nên 28-12-2012, Tòa án Tối Cao đã đưa ba thành viên của Câu Lạc Bộ Nhà Báo Tự Do ra xử phúc thẩm. Sau phiên phúc thẩm, chỉ có Phan Thanh Hải được giảm một năm tù. Hai blogger còn lại y án theo Tòa sơ thẩm, do họ không chịu nhận tội.

Theo một thông cáo ngày 4 tháng 3-2013, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ nói tân Ngoại trưởng John Kerry cùng Đệ nhất Phu nhân Mỹ Michelle Obama sẽ trao giải cho 10 phụ nữ vào ngày 8-3, đánh dấu Ngày Phụ nữ Quốc tế. Được thành lập từ năm 2007, giải này được Bộ Ngoại giao Mỹ tặng cho những phụ nữ trên thế giới "chứng tỏ sự dũng cảm đặc biệt và khả năng lãnh đạo để vận động cho quyền và sức mạnh phụ nữ, bất chấp rủi ro cá nhân". Trong số những phụ nữ được giải thưởng này năm này có Tạ Phong Tần. Theo đài VOA, Bà Tạ Phong Tần có trang

blog mang tên "Công lý và Sự Thật", với hàng trăm bài viết phản ánh những bất công xã hội, các vụ tịch thu đất đai, và tệ nạn tham nhũng trong các cơ quan chính quyền Việt Nam.

Blogger Tạ Phong Tần cũng được đề cử Giải thưởng Báo chí 2013 của Index on Censorship, tổ chức quốc tế chuyên bảo vệ quyền tự do bày tỏ quan điểm và quyền tự do báo chí có trụ sở tại London, Anh Quốc. Đây là giải thưởng hằng năm nhằm vinh danh những nhà văn, nhà báo, blogger trên thế giới bị đàn áp vì dám phơi bày thực trạng xã hội và đấu tranh cho công lý, nhân quyền, và dân chủ. Blogger Tạ Phong Tần lọt vào danh sách 4 ứng cử viên chung cuộc và Giải thưởng sẽ chính thức được trao vào ngày 21-3-2013

Tổ Chức Bảo Vệ Ký Giả Quốc Tế (The Committee to Protect Journalists) mở chiến dịch "Tháo còng báo chí" (Press Uncuffed) ngày 25-3-2015, bắt đầu tại Viện Bảo tàng Báo Chí ở thủ đô Washington nhằm "lưu ý mọi người về các nhà báo bị tù đầy khắp nơi trên thế giới chỉ vì họ thông tin phục vụ lợi ích công cộng". Trong danh sách 9 người được nêu tên có Tạ Phong Tần đang bị án tù 10 năm tại Việt Nam. Chiến dịch này có sự hợp tác của phân khoa báo chí đại học tiểu bang Maryland.

Tài liệu:

29/09/2009

Quyền được xét xử công khai

"Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc".



Quyền bình đẳng là quyền được đối xử như nhau (giống nhau, ngang bằng nhau) về các mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục,... không phân biệt thành phần và địa vị xã hội, trong đó, trước tiên và cơ bản nhất là bình đẳng trước pháp luật.

Bình đẳng trước pháp luật là nguyên tắc thể hiện sự bình đẳng về các quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của mọi công dân trước Nhà nước, pháp luật và Toà án, là một trong những nguyên tắc cơ bản của nền dân chủ. Nguyên tắc này được ghi nhận ở điều 52 Hiến pháp năm 1992 của nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội và gia đình.

Bình đẳng trước pháp luật còn là quyền được xét xử công khai, công bằng và đúng pháp luật. Tội danh truy tố bị cáo, chứng cứ buộc tội, gỡ tội, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ phải thuyết phục được đa số đồng tình và ủng hộ, nói nôm na là "tâm phục khẩu phục".

"Việc xét xử của Tòa án được tiến hành công khai, mọi người đều có quyền tham dự, trừ trường hợp do Bộ luật này quy định.

Trong trường hợp đặc biệt cần giữ bí mật nhà nước, thuần phong mỹ tục của dân tộc hoặc để giữ bí mật của đương sự theo yêu cầu chính đáng của họ thì Tòa án xét xử kín, nhưng phải tuyên án công khai." (Điều 18 BLTTHS)

"Mọi người" tức là không hạn chế một ai đã thành niên đến tham dự xem xét xử, bất kể người tham dự có liên quan hay không liên quan đến vụ án, có giấy triệu tập của Tòa án hay không có. Nếu có giấy triệu tập, bạn phải bắt buộc đến phiên tòa vì đó là nghĩa vụ và trách nhiệm công dân, bạn tham gia trực tiếp vào diễn biến phiên tòa với tư cách người bị hại, người làm chứng, người có quyền và nghĩa vụ (dân sự) liên quan, người phiên dịch, người giám định, người giám hộ, người đại diện theo ủy quyền, người bào chữa. Nếu không có giấy triệu tập, giấy mời, bạn tham dự với tư cách cử tọa, quan sát.

Về khoản "trừ trường hợp do Bộ luật này quy định" thì BLTTHS giới hạn không được mang trẻ em vào phòng xử, trừ phi do yêu cầu của Hội đồng xét xử. Nếu ai đó vào phòng xử mà gây ồn ào, náo động thì HĐXX có quyền mời ra ngoài, yêu cầu cơ quan chức năng lập biên bản xử phạt hành chính hay bắt giữ, xử lý hình sự (tùy trường hợp cụ thể); nhưng không được quyền hạn chế người tham gia vì lý do "Nghĩ làm ồn".

Khác với xét xử công khai, xử kín là người tham dự phiên tòa chỉ giới hạn ở một số người có giấy triệu tập được vào phòng xử, cử tọa không được vào, cũng không truyền hình ảnh diễn biến phần thủ tục, xét hỏi, tranh luận ra ngoài.

Những trường hợp cần giữ gìn thuần phong mỹ tục thường là xét xử các vụ án hiếp dâm, cưỡng dâm, giao cấu với người

dưới 16 tuổi.... và việc xử kín này thường theo yêu cầu của phía người bị hại; nếu bị hại không yêu cầu thì Tòa vẫn xét xử công khai, chớ không phải vụ nào liên quan đến tình dục thì đều xử kín.

"trường hợp đặc biệt cần giữ bí mật nhà nước" thì xử kín. Bí mật nhà nước là gì? Cụm từ này rất quen thuộc trên các báo, nhưng người dân ít ai hiểu rõ khái niệm của nó, mà người ta chỉ hiểu một cách chung chung cái gì thuộc Nhà nước thì... đều bí mật. Cách hiểu này không đúng và hạn chế quyền công dân.

Điều 1 Pháp lệnh Bảo vệ bí mật Nhà nước (số 30/2000/PL-UBTVQH10 ngày 28/12/2000) định nghĩa:

"Bí mật Nhà nước là những tin về vụ, việc, tài liệu, vật, địa điểm, thời gian, lời nói có nội dung quan trọng thuộc lĩnh vực chính trị, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, kinh tế, khoa học, công nghệ, các lĩnh vực khác mà Nhà nước không công bố hoặc chưa công bố và nếu bị tiết lộ thì gây nguy hại cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam."

Như vậy, những thứ gì của Nhà nước quản lý đã kể ở trên mà Nhà nước không công bố, chưa công bố, nếu tiết lộ thì gây nguy hại cho Nhà nước (phải đảm bảo đủ 2 điều kiện về hành vi và hậu quả) thì mới được coi là bí mật Nhà nước. Trường hợp Nhà nước không công bố, chưa công bố nhưng nếu tiết lộ mà không gây nguy hại gì cho Nhà nước thì cũng không được coi là "bí mật Nhà nước".

Bí mật Nhà nước được phân chia làm 3 mức độ: Tuyệt mật, Tối mật và Mật. Phạm vi của tuyệt mật và tối mật được quy định tại Điều 5, Điều 6 Pháp lệnh bảo vệ bí mật Nhà nước.

"Danh mục bí mật nhà nước thuộc độ Mật do người đứng đầu hoặc người được ủy quyền của cơ quan, tổ chức đề nghị Bộ

trưởng Bộ Công an quyết định" (Điều 7), "Việc lập, quyết định, thay đổi độ mật và giải mật đối với từng bí mật nhà nước phải được tiến hành theo thẩm quyền và thủ tục quy định tại Pháp lệnh này" (Điều 9). Danh mục này được lập, trình phê duyệt mỗi năm, chỉ những mục nào có tên trong Quyết định được phê duyệt mới được coi là bí mật Nhà nước; chớ không phải cứ tùy tiện đóng con dấu "mật" đỏ đỏ, vuông vuông vào rồi bảo nó là "mật" thì nó là "mật" thật. Hoặc khôì hài hơn là hành vi phát ngôn vô tội vạ "mật từ miệng" mà chả có mảnh giấy lộn lung. Cái loại "mật từ miệng" này cũng là "mật" nhưng không phải là "bí mật Nhà nước" mà là "lớn mật", dám ngang nhiên cho mình cái quyền ngòì trên pháp luật, tự đặt ra pháp luật để xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Từ trước đến nay, chúng ta vẫn thường thấy cơ quan tổ tụng viện dẫn lý do "bí mật" để cản trở cử tọa vào tham dự các phiên xét xử, nhất là khi bị cáo bị truy tố các tội thuộc chương xâm phạm An ninh quốc gia.

Tuy nhiên, căn cứ vào quy định của Pháp lệnh bí mật Nhà nước, căn cứ vào nội dung quy định tại 14 Điều luật ở chương này (từ Điều 78 đến Điều 91 BLHS) thì chúng ta thấy rằng chỉ duy nhất điểm c khoản 1 Điều 80 (Tội gián điệp) là dính dáng đến bí mật thuộc Nhà nước quản lý: "Cung cấp hoặc thu thập nhằm cung cấp bí mật Nhà nước cho nước ngoài; thu thập, cung cấp tin tức, tài liệu khác nhằm mục đích để nước ngoài sử dụng chống nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam"; các nội dung Điều luật còn lại thì mô tả hành vi phạm tội đều là do bị cáo tự mình làm ra, chớ không liên quan gì đến bí mật Nhà nước.

"Hình phạt không chỉ nhằm trừng trị người phạm tội mà còn giáo dục họ trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, ngăn ngừa họ phạm tội mới. Hình phạt còn nhằm giáo dục

người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm." (Điều 27 BLHS). Bộ luật TTHS nhấn mạnh tính giáo dục và phòng ngừa, vì vậy, trong thực tế cơ quan tố tụng thường tổ chức những phiên xử lưu động ngoài trời để tạo điều kiện rộng rãi, thoáng đảng cho cử tọa tham gia càng nhiều càng tốt.

Tuy nhiên, trong một số trường hợp, đáng lẽ phải công khai để người dân biết hành vi phạm tội cụ thể thế nào mà phòng tránh thì luôn bị lạm dụng để cản trở người tham dự. Tạm chưa bàn đến bản án có xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật hay không, nhưng trong trường hợp này, hình phạt dường như được dùng để trả thù, để trừng trị, để thỏa mãn, chớ không có ý nghĩa giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

Điều 10 Bộ Luật Tố Tụng Hình sự quy định: "Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Toà án phải áp dụng mọi biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ những chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, những tình tiết tăng nặng và những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo.

Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng. Bị can, bị cáo có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội.". Đồng thời, phải "Bảo đảm quyền bào chữa của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo" (Điều 11).

Một trong những biện pháp nhằm bảo vệ quyền bình đẳng trước pháp luật, hạn chế sự lạm dụng quyền lực, áp đặt chủ quan, chứng cứ sơ sài, buộc tội hàm hồ, bào chữa băng quơ, tuyên án bỏ túi... là nguyên tắc xét xử công khai. Nếu bị cáo may mắn được tại ngoại từ trước thì bị cáo còn có cơ hội để kêu gào về những sai phạm của cơ quan tố tụng, còn bị cáo đang bị tạm giam thì đương nhiên không có cơ hội kêu cầu công lý, nhất là những trường hợp án bỏ túi được "xét xử theo

chỉ đạo", có kháng cáo thì cũng chỉ "lưu hành nội bộ", trong vòng "bí mật" mà thôi, án xử đúng hay sai, đầy đủ hay thiếu sót không ai hay biết.

Điều 3 Pháp lệnh Bảo vệ bí mật Nhà nước quy định rõ: "Nghiêm cấm mọi hành vi thu thập, làm lộ, làm mất, chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy trái phép bí mật Nhà nước và việc lạm dụng bảo vệ bí mật Nhà nước để che giấu hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và công dân hoặc làm cản trở việc thực hiện các kế hoạch Nhà nước."

Trong thực tế, để che giấu hành vi cản trở người dân, báo chí tham dự phiên tòa, có nơi người ta không cho cử tọa vào phòng xử mà đặt màn hình truyền trực tiếp ra ngoài, nhưng điều lạ là mỗi khi HĐXX, Công tố nói thì âm thanh rất rõ, còn khi bị cáo, nhân chứng hay luật sư nói thì âm thanh cứ khếch khếch suốt từ đầu đến cuối làm bên ngoài chả ai nghe thấy gì. Hoặc người ta đem nhét các bị cáo vào cái phòng con con tít trên cao không phải là trụ sở Tòa án, rồi lấy lý do "phòng chật", "cơ quan nhà nước không phận sự cấm vào"... để cản trở cử tọa vào tham dự phiên tòa.

Như vậy, xét xử công khai không những là biện pháp để cho người dân, dư luận xã hội, báo chí tham gia kiểm tra, giám sát tính đúng đắn của hoạt động tố tụng, để giáo dục, phòng ngừa tội phạm; mà còn là quyền lợi hợp pháp của công dân.

Để bảo vệ quyền được xét xử công khai, khi xét thấy hành vi bị cáo buộc phạm tội của bạn không liên quan gì đến bí mật Nhà nước, mà trong phiên xử bạn không trông thấy người nhà, bạn bè quen thuộc, cơ quan báo chí... có mặt trong phòng xử, thì bạn có quyền từ chối xét xử, từ chối trả lời mọi câu hỏi. Đừng vội tin vào luận điệu là "không ai đến" của bất cứ ai. Hãy nhớ rằng chỉ có hạng súc sinh mới không đến, còn người thân, bạn

bè tốt của bạn không thể không đến, mà một khi họ vắng mặt tất có lý do mờ ám.

Bạn đừng sợ việc từ chối này sẽ làm bản án cho bạn thêm nặng nề, xin thưa với bạn rằng: Khi việc xét xử có nhiều khuất tất và phải dăm dúi, giấu giếm dư luận thì khả năng một bản án "không giống ai" được duyệt trước nằm sẵn trong túi vị Chủ tọa Hội đồng xét xử từ lâu, bạn có "ngoan ngoãn" hay từ chối xét xử cũng thế thôi.

Tạ Phong Tần

Tạ Phong Tần được nhiều người cho là Tù nhân lương tâm, chẳng những vậy cô còn là tù nhân can cường, nếu đọc truyện ngắn của cô “Lênh đênh chiếc lá ...”, sẽ cảm nhận được xúc cảm của tác giả về thân phận con người, chính tấm lòng đó thôi thúc cô đấu tranh cho tự do, công lý, công bằng xã hội.

Tài liệu tham khảo:

- Tạ Phong Tần Web: vi.wikipedia.org
- *Quyền được xét xử công khai* Blog: conglysuthat.blogspot.com

3) Phan Thanh Hải



Anh Ba Sài Gòn – Phan Thanh Hải (1979-20)

Anh Ba Sài Gòn hay Anhasg tức blogger Phan Thanh Hải, sinh năm 1979.

Ngày 17-7-2007, đã tham gia biểu tình phản đối Trung Quốc gây hấn tại Biển Đông. Là thành viên của Câu lạc bộ Nhà báo Tự do, viết blog với bút danh Anh Ba Sài Gòn hay Anhasg, đề cập đến nhiều vấn đề chính trị xã hội trong đó có những vấn đề nhạy cảm như Biển Đông, bauxite Tây Nguyên và các vụ tham nhũng.

Blogger Phan Thanh Hải là luật gia, nhưng năm 2008 bị Liên đoàn Luật sư Việt Nam từ chối cấp chứng chỉ hành nghề vì tham gia biểu tình và viết blog nêu trên.

Ông bị bắt ngày 18-10-2010, với tội danh bị cáo buộc là "tuyên truyền chống phá nhà nước" và vì hành vi được cho là "lưu trữ và tán phát tài liệu" đòi tự do dân chủ cho Việt Nam, bị Tòa án nhân dân Tp. HCM xử sơ thẩm, kết án bốn năm tù giam về tội tuyên truyền chống Nhà nước theo điều 88 Luật hình sự. Đến phiên xử phúc thẩm ngày 28-12-2012, ông được giảm án còn

ba năm, vì nhận tội. Trong phiên tòa này, hai blogger khác là Điều Cày Nguyễn Văn Hải và Tạ Phong Tần bị y án 12 năm và 10 năm tù giam.

Trong suốt thời gian ông Hải bị bắt giữ, một số tổ chức nhân quyền quốc tế đã bày tỏ sự quan ngại về việc bắt giữ ông, cũng như yêu cầu nhà cầm quyền Việt Nam trao trả tự do cho ông và nhiều blogger cùng các nhà hoạt động vì dân chủ và nhân quyền ôn hòa khác.

Blogger Phan Thanh Hải tức Anh Ba Sài Gòn đã được trả tự do sáng ngày 01-09-2013, trước thời hạn 1 tháng 17 ngày.

Năm 2011, trong khi đang ở tù Phan Thanh Hải nhận được giải thưởng Hellman/Hammett Award, của Tổ chức Theo dõi Nhân quyền.

Tài liệu:

20-9-2010

“Phần hồn” của pháp luật

Bởi được gán cho các đặc tính thượng tôn và cao quý nên hồn pháp luật rất nhạy cảm với sự vấy bẩn, chê bai, phỉ báng và nhất là khi nó bị một thứ quyền lực khác đè lên trên đầu. Các xác kền càng của pháp luật với đủ thứ trang bị vũ lực, phạt vạ, nhà tù càng trở nên nguy hiểm khi phần hồn của nó bị ma quỷ nhập vào.

- Hệ thống tư pháp bị phát hiện là thiếu tính độc lập, bị quyền lực chỉ đạo trước khi điều tra, xét xử... khiến cho hồn pháp luật hoảng sợ phải đi trú ẩn.

- Pháp luật bị quan chức lạm dụng thành đại lượng đổi chác và tham nhũng. Súng ống để phụng sự cho pháp luật lại trở thành công cụ dọa nạt và đem bắn vào dân chúng chưa rõ tội tình gì. Mới đây ở Hà Nội chỉ trong một tuần mà có đến hai cái chết ở trong đồn công an đều do bị đánh. Tìm kiếm trên Google cụm từ “công an đánh dân” sẽ ra hàng trăm ngàn kết quả với những tin tức, hình ảnh ghê hồn.

Sự lạm quyền khiến cho hồn pháp luật bị tha hóa.

Người xưa nói “nuôi tinh dưỡng khí tồn thân”, ý rằng thân khí là thứ cần phải nuôi dưỡng để sức mạnh tinh thần được phát huy trong thân thể vật chất của con người. Thần khí cũng là cái khiến cho các chức năng sinh học của con người được liên kết phối hợp thông suốt với nhau. Chính nó điều khiển và tạo ra tính tâm linh của con người.

Đối với một quốc gia cũng vậy, ngoài những yếu tố bề nổi về không gian, địa lý, dân cư và sản vật thì những giá trị văn hóa, lịch sử và dân trí, dân khí là yếu tố cốt lõi bên trong, có thể gọi đó là hồn dân tộc. Hồn dân tộc là thứ riêng biệt ẩn sâu, nó tồn tại độc lập với các vương triều thể chế và thường trở đi dậy mạnh mẽ nhất khi tổ quốc lâm nguy.

Phần vật chất của pháp luật chính là tổng thể các chế định pháp luật từ hiến pháp đến các ngành luật riêng, là các thiết chế quyền lực kèm theo, các cơ quan nhà nước, quốc hội, tòa án, đội ngũ công chức, công an, súng ống, nhà tù... để đảm bảo tính hiệu lực của nó. Tuy nhiên phần vật chất ấy chỉ được sinh ra nhằm phụng sự cho pháp luật, ngay cả hành động lập pháp cũng phải nằm dưới sự chi phối của pháp luật.

Những điều luật khô khan chỉ được phép hiểu theo nghĩa đen, vị thần công lý bị bịt mắt như kẻ vô cảm... khiến người ta

nhằm hiểu rằng pháp luật vô hồn. Thực ra không hẳn thế, đó là thuộc tính vô tư và bình đẳng khiến cho pháp luật đủ tầm vóc bao trùm lên trên và chi phối mọi thực thể trong xã hội.

Nếu chỉ có phần vật chất thì pháp luật chưa thể “linh ứng” và vận hành trôi chảy. Phần hồn của pháp luật khiến cho các phần vật chất của nó phối hợp với nhau một cách tự nhiên, sinh động và thông suốt.

Pháp luật có hồn bởi sự tín nhiệm và ngưỡng vọng của dân chúng đối với nó. Người ta có thể phó thác sinh mạng, sức khỏe, danh dự, tài sản của mình vào công lý và lẽ phải, vào sự vô tư và bình đẳng của pháp luật.

Nếu bị một tòa án vô tư phán xử về mình thì dầu có tội ngàn lần đáng chết người ta cũng hài lòng ngậm cười nơi chín suối. Ngược lại, nếu bị một tòa án thiếu vô tư, hoen ố và nhem nhuốc buộc tội thì linh hồn oan khuất ấy ắt còn lẩn khuất trên dương thế để trả thù và chắc chắn sẽ mưu toan tái phạm khi đầu thai...

Hồn pháp luật không chỉ đơn thuần là ý thức pháp luật trong mỗi công dân, nó là sự mặc nhiên thừa nhận, tin tưởng và thượng tôn vào lẽ phải và công lý, vào sự đúng đắn, công bằng, bình đẳng mà pháp luật đang đại diện. Được sống trong một xã hội có pháp luật là được hưởng thụ một sự an toàn và bình yên. Trong xã hội mà pháp luật được thượng tôn thì các giá trị tự do, dân chủ, nhân quyền đương nhiên được pháp luật bảo đảm.

Thành quả của cách mạng, giá trị cơ bản của đạo đức, tư tưởng tiên bộ nhất của một dân tộc, nguyên khí của những bậc hiền tài và sự chất lọc tinh hoa văn hóa nhân loại đều được kết tinh nơi pháp luật. Chính nhờ có nền pháp luật ổn định mà dân chúng được yên vui, văn chương nghệ thuật được bày tỏ, kinh

tế được phát triển, môi trường sống, lãnh thổ được bảo vệ và quốc gia trở nên hùng cường.

Khi dân chúng tôn thờ pháp luật và tự nguyện tuân theo thì công việc của công quyền không còn nặng tính cai trị cưỡng ép, các thủ tục hành chính không còn ai kêu ca. Khi họ thừa nhận pháp luật công bằng thì đất đai giải tòa cũng không mấy ai khiếu kiện chống đối. Chỉ còn lại những người hiểu việc, hiểu trách nhiệm của mình mà làm, quan là kẻ làm thuê cho dân nên quyền uy và khoảng cách giữa quan và dân không phải là điều đáng e sợ...

Tuy nhiên, nếu thiếu phần hồn cao đẹp, thì pháp luật chỉ còn trở ra thân xác phì nộn của một tên bạo chúa đầy sức mạnh nhưng chỉ phụng sự cho sự tham lam, độc ác và cảm tính của chính hắn mà thôi.

Có thể nói phần hồn hay khía cạnh tinh thần chính là sức mạnh cốt yếu nhất của pháp luật chứ không phải phần vật chất với hàng vạn điều cấm đoán mà dân chúng không tự nguyện thi hành.

Hồn pháp luật đang bị đe dọa nghiêm trọng

Bởi được gán cho các đặc tính thượng tôn và cao quý nên hồn pháp luật rất nhạy cảm với sự vấy bẩn, chê bai, phỉ báng và nhất là khi nó bị một thứ quyền lực khác đè lên trên đầu. Các xác kèn càng của pháp luật với đủ thứ trang bị vũ lực, phạt vạ, nhà tù càng trở nên nguy hiểm khi phần hồn của nó bị ma quỷ nhập vào.

- Hệ thống tư pháp bị phát hiện là thiếu tính độc lập, bị quyền lực chỉ đạo trước khi điều tra, xét xử... khiến cho hồn pháp luật hoảng sợ phải đi trú ẩn.

- Pháp luật bị quan chức lạm dụng thành đại lượng dối chác và tham nhũng. Súng ống để phụng sự cho pháp luật lại trở thành công cụ dọa nạt và đem bắn vào dân chúng chưa rõ tội tình gì. Mới đây ở Hà Nội chỉ trong một tuần mà có đến hai cái chết ở trong đồn công an đều do bị đánh. Tìm kiếm trên Google cụm từ “công an đánh dân” sẽ ra hàng trăm ngàn kết quả với những tin tức, hình ảnh ghê hồn.

Sự lạm quyền khiến cho hồn pháp luật bị tha hóa.

- Ở Việt Nam không những có “dân oan”, mà còn có những “nhà báo oan”, “nhà thơ oan”, “nhà văn oan”, “luật sư oan”, “doanh nghiệp oan” và “blogger oan”... ở khắp nơi. Dân oan mất đất mất nhà, nhà báo bị vào tù oan vì đưa tin chống tham nhũng, văn nghệ sĩ bị tước đoạt giải thưởng, bị vào sổ đen không cho đăng bài viết, bị buộc phải dẹp bỏ trang web cá nhân, luật sư bị tước thẻ hành nghề, doanh nghiệp bị phá sản, blogger bị bắt bớ, tù tội... Sự oan ức hằn sâu vào tư duy con người chính vì pháp luật không được thực thi đúng đắn.

Sự oan ức khiến cho hồn pháp luật bị teo tóp lại.

- Bao nhiêu đơn thư khiếu nại, tố cáo chỉ là thứ nước đổ đầu vịt, bật vô âm tín không được trả lời, thậm chí chỉ có đi nộp đơn và xin cái chữ ký đã nhận đơn mà đã bị gây khó khăn. Có người may mắn được trả lời thì lại vướng vào tình trạng trên bảo dưới không nghe, bị kẻ thi hành phớt lờ như không. Nhiều ngàn lá đơn khiếu nại chưa được giải quyết, có người làm hàng trăm tờ đơn khiếu nại lên nhiều cấp, kiên trì từ đời cha ông đến đời con cháu mà chưa biết công lý rốt cục có hình dáng như thế nào...

Sự im lặng và vô cảm của những người có thẩm quyền khiến cho hồn pháp luật trở nên thờ ẫn.

- Những dự án ô-xít gây nguy hại cho môi trường, cho an ninh quốc gia được thông qua bất chấp sự phản đối của hàng ngàn trí thức. Rừng đầu nguồn và phòng hộ biên giới được để đãi giao cho người Trung Quốc với giá rẻ mạt. Lãnh hải bị đe dọa, cuộc mưu sinh và sinh mạng của ngư dân trên biển không đảm bảo, những danh từ méo mó như “tàu lạ”... khiến cho hôn pháp luật bị nghi ngờ.

- Quân chúng tự phát dùng bạo lực, lưu manh côn đồ đánh đập sư sãi, dân thường ngay trước mặt công an... khiến cho hôn pháp luật dường như bị ma ám.

Khi hôn pháp luật bị thất thế thì con người vứt bỏ đi danh diện, sự hỗn loạn và luật của kẻ mạnh trở nên thắng thế. Người ta làm mọi thứ để có quyền thế hơn người và vợ vét tài sản vật chất về cho mình bằng mọi giá. Quan và dân làm hư hỏng lẫn nhau chỉ vì lợi riêng.

Người ta bỏ tiền mua từ cái chỗ học tốt cho con, đến sự tận tâm của ông bác sĩ. Mua điểm chác, mua luận án, mua văn bằng, mua cái “chỗ ngồi” và đặc biệt phổ biến là “mua quan hệ”. Khoe rằng mình quen thân với quan chức cấp cao thì có vẻ “vinh dự” và “oai phong” hơn cả chuyện khoe nhà mình giàu có như thế nào. Thậm chí một tấm hình chụp chung với lãnh đạo cấp nhà nước để treo lên tại văn phòng chính của một ban quản lý dự án khu dân cư cao cấp, khu công nghiệp... cũng bị người ta đồn là có thể mua được nếu trả giá đúng... Câu nói cửa miệng thế gian là “nhất thân nhì thế”. Đã có ô có dù thì “xin xỏ” cái gì cũng dễ...

Tất cả những hành động và lối suy nghĩ ấy đã đầu độc và hủy hoại hôn pháp luật nhanh chóng khiến nó lâm vào tình trạng hấp hối. Bảo rằng nó bị ung thư di căn cũng không phải là quá lời vì tính lây lan và khó chữa của nó.

Cách duy nhất để chữa trị là phải “thổi hồn” vào để cho pháp luật có thể “sống lại” và trở nên khỏe mạnh.

Kẻ say mà biết được mình say chỉ cần ngưng uống rượu thì sẽ tỉnh. Người có bệnh mà biết được nguyên nhân căn bệnh của mình thì ắt có cách chữa khỏi.

Sài Gòn, 04-04-2010

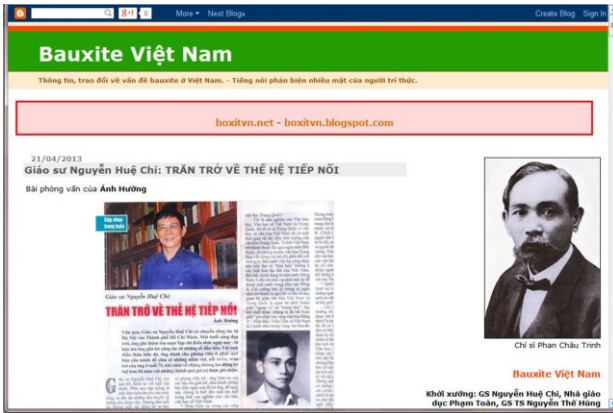


Anh Ba Sài Gòn hay Phan Thanh Hải đã được trả tự do từ 1-9-2013, cái giá tự do mà anh phải trả, nó đã dần vật anh, nên đã thổ lộ tâm tình: *“Mình thấy có cái gì đó như cái hố sâu làm mình rất đau buồn.”*

Tài liệu tham khảo:

- Phan Thanh Hải Web: vi.wikipedia.org
- *“Phần hồn” của pháp luật* Blog: anhbasaigon.blogspot.com

Tiết sáu: Bauxite Việt Nam



Bauxite Việt Nam, chính thức ra đời từ ngày 12-4-2009, khi cho đăng Kiến nghị về quy hoạch và các dự án khai thác Bauxite ở Việt Nam của Giáo sư Nguyễn Huệ Chi, nhà văn Phạm Toàn và GSTS Nguyễn Thế Hùng.

Trước đó vào ngày 17-7-2001, boxitvn.blogspot.com đăng 1 bài *Thư giãn Chủ nhật: 'Làm hàm chống mưa ngập là ý tưởng táo bạo'* của Đoàn Loa, đến ngày 6-3-2008 có đăng một bài Test, phải đợi đến ngày 12-4-2009, Bauxite Việt Nam mới thật sự hình thành với Kiến nghị của 3 nhân vật nêu trên và họ cũng là những người chủ trương trang Blog này từ đó.

Nó là trang Blog bất đồng với chủ trương khai thác của nhà cầm quyền Việt Nam, cho nên nó cũng thuộc bất đồng chính kiến với nhà nước.

Tài liệu:

12-04-2009

Kiến nghị về quy hoạch và các dự án khai thác Bauxite ở Việt Nam

Kính gửi:

- Ông Nguyễn Minh Triết Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam;
- Ông Nguyễn Phú Trọng cùng toàn thể Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam;
- Ông Nguyễn Tấn Dũng cùng các thành viên Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam

Chúng tôi, những người Việt Nam ký tên dưới đây, lo lắng trước vận mệnh nước nhà về vụ khai thác bauxite ở Tây Nguyên, xin kính gửi quý cơ quan bản kiến nghị này.

Thưa quý cơ quan,

Dân tộc Việt Nam chúng ta trải qua nhiều thập kỷ chiến tranh giành độc lập và thống nhất, ngày nay đang huy động tổng lực sức người sức của và sức trí tuệ vào công cuộc xây dựng đất nước theo định hướng đổi mới toàn diện.

Trong công cuộc xây dựng mới đất nước ta, trên nguyên tắc, không có sự đối lập về quyền lợi giữa Nhà nước và nhân dân – nhân dân ta ở trong nước cũng như ở ngoài nước, người giữ cương vị lãnh đạo cũng như người dân bình thường, ai ai cũng muốn đất nước ngày càng giàu mạnh, ngày càng văn minh, cả dân tộc sẽ là một gia đình lớn, vui tươi, ấm no, hạnh phúc.

Tiếc rằng, trong vụ bauxite đang diễn ra, những con người trung thực của đất nước bắt đầu thấy hẫng hụt, lý tưởng chung tay xây dựng đất nước gần như đang ít nhiều suy giảm vì cách

làm việc của cơ quan điều hành đất nước, một tình trạng cần được phân tích ngắn gọn như dưới đây.

Thưa quý cơ quan,

Việc khai thác tài nguyên của đất nước, trong đó có tài nguyên bauxite, là việc làm cần thiết, nhưng đó không thể là việc làm bằng mọi giá!

Công việc chuẩn bị cho dự án bauxite đã được nhiều nhà khoa học chỉ ra những thiếu sót toàn diện, mà chỉ riêng hai lá thư của Đại tướng Võ Nguyên Giáp cũng đủ cho thấy những bất cập về chính trị, quốc phòng, môi trường, kinh tế, kỹ thuật, và kiến nghị của Tiến sĩ Nguyễn Thanh Sơn, của Giáo sư Phạm Duy Hiền, và của các nhà nghiên cứu độc lập khác ở trong nước như nhà văn Nguyễn Ngọc, học giả Nguyễn Trung, nhà báo Lê Phú Khải, nhà văn Phạm Đình Trọng, và ở ngoài nước như Tiến sĩ Nguyễn Đức Hiệp chuyên gia về ô nhiễm môi sinh ở Úc, Kỹ sư tư vấn Đặng Đình Cung chuyên gia về mỏ ở Pháp... là những bổ sung toàn diện mang tính chất “kỹ thuật” cho hai lá thư tâm huyết của Đại tướng.

Tất cả các kiến nghị đó đã chỉ ra những kẽ hở hoặc những sai phạm khó chấp nhận trong chủ trương làm dự án bauxite này, mà chỉ ba điều sau cũng đủ để tất cả những ai có lương tri phải suy nghĩ:

- Chủ trương lập dự án được công khai hóa vào cuối năm 2008 sang đầu năm 2009, song thực ra nó đã được “ký tắt” với người Trung Quốc từ nhiều năm về trước mà không hề xin ý kiến nhân dân thông qua Quốc Hội do dân bầu ra; toàn bộ báo cáo tiền khả thi chưa bao giờ được trình ra trước nhân dân và đại diện của nhân dân tức Quốc Hội;

- Người Trung Quốc đóng cửa các mỏ khai thác bauxite của họ

để chuyển sang khai thác ở Việt Nam, định trút gánh nặng ô nhiễm môi trường cho các thế hệ Việt Nam hôm nay và nhiều đời mai sau – những hành động y hệt như họ đã và đang làm ở châu Phi với sự giúp sức của những chế độ cai trị tham nhũng tại châu lục này, và đang bị dư luận thế giới theo dõi chặt chẽ và hết sức công kích;

- Kỹ thuật, công nghệ và nhân công khai thác dự định du nhập chủ yếu từ Trung Quốc, một cường quốc mới nổi dậy với nền kinh tế đang giàu lên nhưng bên trong vẫn chứa đựng không ít thực trạng bất khả tín, trong đó liên quan đến vấn đề khai thác bauxite là sự “nổi tiếng” của Trung Quốc trên toàn thế giới hiện đại như là một quốc gia gây ô nhiễm môi trường vào bậc nhất, chưa kể những “vấn nạn” khác (chỉ mới trong tháng Ba vừa rồi Chính phủ nước Úc đã phải hủy bỏ một dự án khai thác khoáng sản ở Nam Úc ký với Trung Quốc vì lý do quốc phòng).

Thưa quý cơ quan,

Đất nước là của chung của cả dân tộc, chứ không là của riêng của một nhóm người nào, của một nhóm quyền lợi nào, hoặc một tổ chức nào dù tinh hoa đến đâu cũng vậy.

Tất cả những người có ý thức với dân tộc, với đất nước, xót xa trước những việc làm không được kiểm soát chặt chẽ xoay quanh vụ bauxite, đều thấy cần thiết phải lên tiếng.

Chúng tôi kiến nghị:

1) Phải đưa vấn đề dự án bauxite Tây Nguyên ra trước Quốc Hội và mọi chủ trương liên quan phải được Quốc Hội quyết định;

2) Dự án bauxite Tây Nguyên phải chính thức dừng ngay lại,

có giám sát chặt chẽ cho tới khi Quốc Hội xem xét toàn bộ báo cáo tiền khả thi và đưa ra những phê chuẩn thích hợp. Kính mong Quốc Hội thấu suốt được tinh thần của đại đa số dân chúng không muốn dự án này tiếp tục vì tất cả những hệ lụy nặng nề của nó;

3) Những nghiên cứu tiền khả thi với vấn đề bauxite Tây Nguyên cần được dư luận rộng rãi tham gia và theo dõi.

Thưa quý cơ quan,

Những người ký tên dưới bản kiến nghị này bày tỏ sự lo lắng khôn cùng trước phương cách làm việc chưa thấu triệt và hoàn bị về nhiều mặt cho một dự án có tầm chiến lược sống còn của đất nước như dự án bauxite.

Xin quý cơ quan nhận ở đây lòng kính trọng của chúng tôi và rất mong được thông hiểu cho nỗi trăn trở của chúng tôi cả ở trong nước lẫn ở ngoài nước.

Nhân dịp này, chúng tôi cũng kêu gọi người Trung Hoa nhất là giới trí thức hãy ủng hộ dân tộc Việt Nam, giúp cho môi trường sống của nước láng giềng phía Nam được trong lành, giúp cho nhiều vấn đề còn dở dang giữa hai quốc gia được giải quyết trong hòa bình và hữu nghị.

Việt Nam, ngày 12 tháng 4 năm 2009

Ký tên

*GS Nguyễn Huệ Chi, Nhà văn Phạm Toàn và GSTS Nguyễn
Thế Hùng*

Tài liệu tham khảo:

- Bauxite Việt Nam Blog: boxitvn.blogspot.com

1) Nguyễn Huệ Chi



Nguyễn Huệ Chi (1938-20)

Nguyễn Huệ Chi, sinh ngày 14 tháng 7 năm 1938, quê quán tại làng Ích Hậu, huyện Can Lộc nay là huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Nguyễn Huệ Chi còn được biết đến với các bút danh: Phương Tri, Huệ Chi, Cảnh Hồng, Hy Tuệ.

Thuở nhỏ, ông học tại Trường Phan Đình Phùng, Hà Tĩnh, và khi bước vào đời sinh viên, ông theo học khóa đầu tiên của Khoa Ngữ văn Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, tốt nghiệp vào năm 1959.

Trong khoảng từ năm 1959 đến năm 1960 ông là biên tập viên Nhà xuất bản Lao động. Từ tháng 1 năm 1961, sau khi rời Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội một năm, ông chuyển về làm việc tại Viện Văn học. Tại đây, ông tốt nghiệp lớp Đại học Hán học do Viện Văn học tổ chức năm 1968 và năm 1972 (chuyển sang hệ 4 năm). Ông nhận học hàm phó giáo sư năm 1984 và giáo sư năm 1991.

Trong quá trình làm việc ở Viện Văn học, ông lần lượt đảm nhiệm các cương vị: cán bộ nghiên cứu Phòng Văn học Việt Nam cổ cận đại, nghiên cứu viên chính, phó trưởng Phòng Văn học Việt Nam cổ cận đại (1976-1978), trưởng Phòng Văn học Việt Nam cổ cận đại (1978-2003), nghiên cứu viên cao cấp (từ 1991). Ngoài ra ông còn đảm nhiệm các chức vụ: Ủy viên Hội đồng Khoa học Viện Văn học (từ 1968), chủ tịch Hội đồng Khoa học Viện Văn học (1988-1996), Ủy viên Hội đồng Khoa học Xét Phong Học hàm Nhà nước Liên ngành Ngữ Văn (1990-1995).

Năm 1994 ông được Hội Partage ở Pháp mời sang Pháp trình bày về văn hóa truyền thống của Việt Nam. Tại đây ông có dịp gặp gỡ Thiền sư Thích Nhất Hạnh. Trước đây ông đã viết bài giới thiệu bộ sách *Việt Nam Phật giáo Sử luận* của Nguyễn Lang (bút danh của Thiền sư Thích Nhất Hạnh) và cho in lại bộ sách này đầu tiên ở Việt Nam vào năm 1992.

Năm 2001, William Joiner Center thuộc Viện Đại học Massachusetts mời ông và Giáo sư Hoàng Ngọc Hiến sang Hoa Kỳ tham gia một chương trình nghiên cứu văn hóa Việt Nam ở hải ngoại.

Nguyễn Huệ Chi được xem là người có kiến thức, có tầm suy nghĩ, song về quan điểm thường tỏ ra độc lập, không chịu lệ thuộc vào "khuôn khổ". Nhiều bài báo của ông đăng trên mạng tuy nêu kiến giải học thuật, vẫn không tách hẳn cái nhìn phán xét thời sự ở một cự ly xa gần nào đấy, hoặc gửi gắm mục tiêu dân chủ hóa xã hội, tự do đa nguyên mà ông luôn tâm niệm.

Năm 2009, cùng với nhà văn Phạm Toàn và Giáo sư Nguyễn Thế Hùng, ông khởi xướng trang mạng *Bô xít Việt Nam*, "tiếng nói phản biện nhiều mặt của người trí thức" về vấn đề khai thác quặng bauxite và những vấn đề xã hội có liên quan ở Việt Nam.

Ngày 5-9-2013, Nguyễn Huệ Chi đã rút khỏi vị trí quản trị trực tiếp trang blog Bauxitvn sau 4 năm làm chủ biên tập, nhóm sáng lập đã mời GS Phạm Xuân Yêm đứng ra đảm nhiệm trang này.

Ngày 18-5-2015, vào lúc 12 giờ kém 15 khuya, Giáo sư Nguyễn Huệ Chi đã bị công an phi trường Tân Sơn Nhất tịch thu hộ chiếu không cho xuất cảnh, mà không cho biết lý do cụ thể ông đã vi phạm điều gì của pháp luật Việt Nam.

Tác phẩm:

- *Máy vấn đề về sự nghiệp và thơ văn Nguyễn Trãi* (1963)
- *Máy về mặt thi ca Việt Nam - Thời kỳ cổ cận đại* (1983)
- *Hoàng Ngọc Phách, đường đời và đường văn* (1996)
- *Văn học cổ cận đại Việt Nam từ góc nhìn văn hóa đến các mã nghệ thuật* (2013)

Chủ biên:

- *Thơ văn Lý-Trần* (2 tập, 1977, 1989)
- *Nguyễn Trãi, khí phách và tinh hoa của dân tộc* (1981)
- *Văn học Việt Nam trên những chặng đường chống phong kiến Trung Quốc xâm lược* (1981)
- *Từ điển Văn học* (2 tập 1983, 1984)
- *Gương mặt văn học Thăng Long* (1990)
- *Suy nghĩ mới về Nhật ký trong tù* (1990)
- *Bản dịch trọn vẹn Nhật ký trong tù* (1990)
- *Nguyễn Bình Khiêm, danh nhân văn hóa* (1990)
- *Thi hào Nguyễn Khuyến - đời và thơ* (1992)
- *Nguyễn Gia Thiều - Tiếng khóc nhân loại* (1992)
- *Nguyễn Quang Bích, nhà yêu nước, nhà thơ* (1992)
- *Cao Xuân Huy, tư tưởng phương Đông gợi những điểm nhìn tham chiếu* (1995)
- *Đường vào văn hóa Phần Lan* (1996)

- *Nguyễn Huy Tụ và "Truyện Hoa tiên" (1997)*
- *Hoàng đế Lê Thánh Tông (1999)*
- *Truyện truyền kỳ Việt Nam (quyển 2 và 3, 1999)*
- *Liêu trai chí dị (nghiên cứu và dịch, 5 tập, 1999)*
- *Từ điển văn học (bộ mới) (2005)*
- *Thơ văn Lý-Trần (tập II Quyển hạ)*

Tài liệu:

**Họp mặt kỷ niệm ngày Quốc tế Nhân quyền bằng một cuộc
"chạy ma ra tông" giữa phố xá Thủ đô**



Cầm bút ghi lại cuộc gặp mặt sáng nay, 7-12-2014, của một nhóm trí thức Thủ đô Hà Nội, nhằm kỷ niệm ngày Liên Hiệp Quốc ra Tuyên ngôn Nhân quyền mà giờ đây tôi vẫn chưa hết cảm giác buồn cười, chỉ chực bật lên thành tiếng, làm vợ tôi ngạc nhiên cứ phải lân la dò hỏi: “Có gì mà anh vui thế? Ăn lẩu dê ngon lắm hay sao?” Tôi không nhin được nữa phải cười

to: “Ôi, ngon quá đi chứ! Dê núi kia mà!” Hết trận cười thì đành bắm bụng cầm chuột máy ghi lại đầu đuôi chuyện đã xảy ra.

Mấy hôm trước, vài người bạn nhắn miệng cho biết: “Đến Chủ nhật tới sẽ họp mặt kỷ niệm ngày Quốc tế Nhân quyền, thế nào anh cũng phải có mặt... Thì lâu ngày không gặp, cũng chỉ cốt để trò chuyện cho vui rồi cùng nhau kết thúc bằng một bữa lẩu dê”. Nghe nói tôi sướng ron, ha ha, thế là được một bữa thoát khỏi chế độ “thực dưỡng” bằng rau củ quả suông do bà vợ Tổng bí thư của tôi nghe lời con gái đưa ra điều lệ bắt Ủy viên trung ương đảng gia đình là tôi phải thực hiện, đang chán đến phát óm. Nay có dịp “tham nhũng” một bữa lẩu dê thì còn gì bằng! Nhưng cái tật đi ngủ quá muộn vì thói quen đọc sách trong màn vẫn không sửa được, nên sáng đến gần 7 giờ rồi mà cứ còn ngon giấc. Thành linh tiếng điện thoại réo làm giật thót cả mình. Tưởng nghệ sĩ Kim Chi đã đến gọi xuất hành, tôi hoảng quá, chồm ngay dậy. Hóa ra đầu dây bên kia là một giọng đàn ông: “Cháu H. đây, bác dậy chưa?” Ô, thì ra là anh cảnh sát địa phương. Tôi đáp: “Vừa mới mở mắt. Có gì thế cháu?” “Cháu muốn mời bác đi uống cà phê...”. “Bác không quen uống cà phê buổi sáng đâu”. “Thì uống trà vậy. Cháu sẽ đến thăm bác ngay bây giờ”. Thôi rồi, anh ta đến quản chế mình không cho ra cửa đây. Tôi nhấn vào điện thoại cho chị Kim Chi: “Tôi được thăm hỏi”. Rồi trở dậy đánh răng, súc miệng, để kịp đón anh cảnh sát đã bấm chuông ở cổng dưới. Chúng tôi gặp nhau rất vui, riêng tôi thì “bên ngoài cười nụ” mà bên trong đang phải nhả tính rất dữ. Thật ra, với cảnh sát nào ở khu phố mình ở, tôi cũng thấy họ đều nhã nhặn với mình, kể cả anh cảnh sát Q. năm 2009 vừa chân ướt chân ráo đến địa phương này, đang được anh cảnh sát cũ dẫn đi giới thiệu từng nhà, mới bước vào nhà tôi chừng 5 phút thì bỗng đâu một đoàn cảnh sát trên Bộ quân áo chỉnh tề dáng bộ uy nghi, bước vào đọc lệnh khám nhà, làm anh ta cứ đứng ngây ra, không biết đầu đuôi xuôi ngược ra sao nữa. Hôm nay, anh cảnh sát này cũng là

“lính mới” song cũng đã gặp nhau vài ba bận. Rất vui tính và cởi mở, vì thế chuyện con cà con kê chẳng ai giữ kẽ với nhau. Nhưng đến 9 giờ, nhân anh ta hỏi: “Bác có bận đi họp hành gì không?” tôi liền quyết định phải nói thẳng: “Tớ bận một cuộc họp, đi ngay bây giờ đây”. Và nói tiếp: “Họp kỷ niệm ngày Quốc tế Nhân quyền, là một ngày trọng đại đấy, vắng không được đâu”. Cậu ta đáp: “Họp ở Hà Đông có phải không?”. Thôi thế là anh ta biết hết rồi. Tôi đánh bài ngựa: “Cậu được lệnh đến đây cản mình chứ gì? Tớ đã nói với các cậu việc gì cần là tớ đi, không ai cản được cả”. Nào ngờ anh ta trả lời rất nhẹ nhàng: “Thì bác cứ chuẩn bị đi đi, cháu không làm phiền bác nữa. Nhân phiên trực cháu chỉ đến thăm bác thôi”. Tôi biết cậu ta nói khách sáo chứ ai lại đến thăm đúng vào lúc mình đang phải đi dự một cuộc họp long trọng thế này. Nhưng mà thôi cũng chẳng sao, bởi lời nói của cậu ấy đã là một biểu hiện của sự cởi mở mà tôi mong đợi. Tôi gọi điện cho chị Kim Chi báo chờ mình, gọi điện cho hãng taxi và xin phép anh an ninh lên thay quần áo. Và hai phút sau đã tề chỉnh, bước ra đường để đón xe, trong khi anh cảnh sát cũng đi theo một quãng rồi gạt đầu mỗi bên một đường. Thật là hồ hởi trong dạ. Nào ngờ mọi sự lại không phải như mình mong.

Xe taxi chạy đến Royal City đúng chỗ hẹn quá Ngã Tư Sở thì dừng. Vừa bước xuống đã nhìn thấy bạn già Nguyễn Khắc Mai cũng đang đứng đấy, đang trò chuyện với một người áo xanh lá cây, có lẽ là anh xe ôm. Tôi đã quen dáng chiếc xe dãi dầu của anh Trung chuyên đi phục vụ miễn phí cho anh em nhân sĩ trí thức, nên hút thấy bóng nó đổ về bên trái liền kéo Mai cùng mình đi sang phía đó. Lên ô tô thì có mấy mặt toàn người quen đang chờ: Kim Chi, Chu Hảo và Nguyên Bình, con gái lão tướng Nguyễn Trọng Vĩnh. Xe lập tức nổ máy chạy ra đường Nguyễn Trãi trực chỉ Hà Đông. Nhưng chợt anh Trung nhìn vào kính chiếu hậu và nói ngay: “Này, xem mà xem, hai vị đèo nhau trên xe máy lại đeo theo mình rồi. Mình dừng họ dừng, mình đi là họ bám đuôi ngay”. Nhìn ra phía sau xe, quả nhiên

có hai chàng thường phục trên chiếc xe máy đang chạy cầm chừng sau chiếc ô tô cầm chừng 40 mét. Tất cả nhìn nhau. Anh Chu Hảo bấy giờ mới ghé tai tôi nói: “Khi trước xe chạy không có “cái đuôi” này đâu, nhưng từ khi tôi lên xe thì nó xuất hiện, thế có lẽ là do tôi “mọc đuôi” rồi”. Chưa kịp đáp lời gì thì anh Chu Hảo đã gọi anh Trung cho xe chạy chậm lại, ngoặt vào một con đường khác, và bảo với cả đoàn: “Ta làm một phép thử nhé. Nếu “cái đuôi” là vì có mặt tôi thì tôi sẽ xuống đây để “cắt đuôi” cho các anh chị. Rồi tôi sẽ tìm cách đến sau vậy. Mọi người không biết cảnh thế nào, đành để anh xuống xe, nhưng khi anh bước xuống thì nghệ sĩ Kim Chi cũng tình nguyện xuống cùng với anh. Xe vòng về một lúc để quay trở lại đường cũ và tôi bỗng cảm thấy ngay cái vị hài hước ở đầu lưỡi mình, bèn bật ra một câu: “Vui nhỉ, một nước thành viên Hội đồng Nhân quyền LHQ có khác, con dân đi làm lễ kỷ niệm Tuyên ngôn Nhân quyền là phái người đi bảo vệ. Còn gì oái hơn nữa”. Ai nấy cùng cười và chuyện trò lại râm ran. Đột nhiên một người nhắc đến Bọ Lập và mọi tiếng nói cười đều vụt tắt. Chỉ còn tiếng máy xe rù rì cổ len qua các dòng người trên con đường có những trụ cầu dự án đường sắt trên cao mọc nghênh ngang như những anh khổng lồ đang đứng dang tay cười nhạo sự tất tả của người đi phía dưới. Hình ảnh một chàng văn sĩ nổi tiếng, liệt nửa người, một tay chống gậy, bước chân tập tễnh theo đoàn công an điều tra dẫn mình về nơi thẩm vấn, còn quay lại dặn vợ: “9 ngày, nếu không thì 3 năm” bỗng hiện rõ mồn một trong trí như là một nghịch lý trớ trêu của cái ngày mà tất cả chúng tôi từ mọi hướng đang cố gắng tìm đến một địa điểm chung để tổ chức lễ kỷ niệm cho nó. Trớ trêu và thật là oái oăm.

Khi xe chạy đến Hà Đông, ngoặt trái một quãng rồi ngoặt phải vào Khu đô thị Xa La, không thấy bóng dáng hai anh xe máy đuổi theo nữa, chúng tôi đã mừng thầm: đúng “đuôi” của anh Chu Hảo rồi. Nhưng hơi ôi, mừng hụt. Chỉ cần chạy thêm một quãng hơn 100 mét nữa là đến đích: nhà hàng Dê Hoa Lư, tuy nhiên từ xa mọi người đã nhìn rõ một tấm biển to viết nguệch

ngoạc: **Hôm nay nhà hàng không mở cửa vì hết hàng.** Và cửa quán thì đóng chặt. Ngay ngôi nhà bên cạnh, lối nhỏ kẻ đứng người ngồi có chừng chục chàng mặc nhiều loại áo đang ngó ra phía chiếc xe của chúng tôi. Ai nấy tê điếng cả người. “Cuộc họp long trọng này đã được nước thành viên Nhân quyền LHQ dời sang ngày khác”, ai đó nói thêm một câu đùa chua chát. Thôi, còn xuống mà làm gì nữa. Đi thôi! Xe chúng tôi lăn bánh theo tốc độ rùa bò thêm dăm chục mét thì chợt nhận ra cái dáng đi dẻo dai của anh Nguyễn Quang A. Anh cũng đang hồi hả hành tiến về phía quán Hoa Lư. Nguyễn Khắc Mai vội hạ cửa kính xuống gọi và nhanh chóng Nguyễn Quang A chạy tới leo lên xe. Khi biết ra cơ sự, anh cười: “Có hề gì, thì mình đi kiếm một quán khác”. Và thế là mấy người reo lên hưởng ứng. Lại chạy thêm một quãng chừng 3, 400 mét nữa thì đến chiếc cầu Kiên Hưng. Bên kia cầu có một quán thịt cây, mặt bằng phía trước rất thoáng dăng. “Thôi vào đây đi!”, Quang A quyết định chắc nịch, như anh đã quyết định đi bộ 13 km từ bên kia sông Hồng sang đến tận Giáo xứ Thái Hà lần thuyết trình Nghị quyết của LHQ về bảo vệ người bảo vệ nhân quyền hôm 26-11-2014, mặc cho có đến vài chục anh chức năng săn đuổi và ra sức ngăn cản mình. Nghe lời anh, xe qua cầu Kiên Hưng liền vòng lại, chạy trờ lên hè phố ngay trước quán, đỗ chệch về một bên cửa. Bước xuống thì có hai người từ trong quán đi ra: “Chúng em chờ các bác ở đây lâu rồi. Đặt tại nhà hàng Hoa Lư nhưng họ làm khó dễ, bắt chủ quán đóng cửa, biết thế nào các bác cũng lên đây nên đã đứng sẵn ở đây”. Vui quá là vui, những cái đầu lớn gặp nhau. Chúng tôi ủa vào và các cô tiếp viên chạy ra sẵn đón, sắp xếp bàn ghế. Chàng Thanh Hà, người đợi chúng tôi, cho biết: “Có anh Phạm Đình Trọng cũng ra dự với chúng ta, vừa đi xe máy tới đây, thầy Vũ Hùng đèo, nhưng hình như ngại công an làm khó dễ sao đây nên lại đi rồi”. Quang A vội bảo: “Gọi ngay các cậu ấy quay lại. Công an đến ta mời vào luôn. Có gì đâu, càng đông vui. Ngày này là ngày vui của nước ta, một nước thành viên Hội đồng Nhân quyền mà”. Không khí phấn khởi bùng lên trở lại.

Trong chốc lát hai anh Phạm Đình Trọng và nhà giáo Vũ Hùng đã dựng xe máy bước vào. Rồi có hai người bạn từ Thái Bình cũng kịp lên nhập cuộc. Chúng tôi gọi điện cho chị Kim Chi, thì chừng 10 phút sau, Kim Chi và anh Chu Hảo đã xuống xe ngay trước quán, mặt tươi hơn hớn, chừng như có chuyện gì đó mà không nói ra lời. Những cốc bia hơi đầy tràn được mang ra và trong không khí nâng ly vui vẻ, Chu Hảo bật mí cho biết: “Một cuộc “cắt đuôi” thật ngoạn mục. Lúc xuống xe ở chỗ anh Trung dừng lại, chúng tôi nhìn thấy hai anh xe máy đèo nhau cũng dừng, biết là mình đoán trúng, bèn đem nhau vào một cửa hàng bán thời trang bên đường để tạm lánh mặt họ. Cô bán hàng trẻ trung, nhìn thấy khách bèn tươi hẳn nét mặt, tưởng hai ông bà này đem nhau đi sắm đồ bộ, đến gần niếm nở mời chào: “Buổi sáng hai bác ăn mặc đẹp đẽ quá, đi sắm đồ bộ thật là hợp. Mời hai bác xem hàng cho em đi”. Chị Kim Chi nhác thấy “cái đuôi” vẫn lấp ló phía xa xa liền thổ lộ: “Em cho chị và anh đây vào ngồi ghế phía trong một tí, anh chị đi dự cuộc họp ngày lễ kỷ niệm Nhân quyền LHQ, nhưng đến đây thì... bỗng mệt quá... mệt muốn đứt hơi... Mà phía trong có cái toilette nào không em?” Cô hàng ý nhị đáp lời: “Có đấy hai bác ạ, hai bác cứ đi vào đi, tận phía trong ấy đấy”. Cô nói đến đấy thì dừng, tin cậy để cho hai người khách lạ đi toilette, tiếp tục trông coi hàng. Hai người vội đi sâu vào trong thì phát hiện ra phía sau toilette lại có một cửa ngách thông sang một con đường khác. Mừng còn hơn bắt được vàng. Chỉ một bước là ra đường, lên ngay xe taxi, trên taxi nhận được điện thoại vội phóng đến đây”. Quá kịch tính! Mọi người lặng ngậy ra nghe. Thế này là nội dung cuộc họp mặt kỷ niệm ngày Nhân quyền phong phú quá rồi chứ còn gì nữa. Anh Thanh Hà bèn đứng dậy khai mạc cuộc họp và thông báo các anh Nguyễn Mạnh Hùng, Bà Đầm Xòe và một số người nữa không đến được vì sáng sớm bận có khách thăm hỏi tới tấp (người Tàu xưa gọi là “bắt tốc chi khách”), nhưng 15 người thế này cũng đã là đáng quý lắm.

Thầy giáo Vũ Hùng đứng lên mà chẳng nói gì. Sự im lặng nói nhiều hơn nói.

Ai nấy vỗ tay vang rân. Mọi gương mặt nhướng lên chăm chú nghe, tuy trong lòng vẫn không giấu được tiếng cười, bởi câu chuyện hấp dẫn của hai vị Kim Chi và Chu Hảo vẫn đang nóng hổi, không kém gì câu chuyện anh Quang A mấy hôm trước.



Nhưng rồi bỗng có tiếng còi vang lên ở ngoài. Một xe cảnh sát chạy tới. Một tiếng loa cất lên rất to: “Chiếc xe nào đỗ trên hè ở đây không được phép. Mời lái xe ra đây cho chúng tôi gặp”. Có chuyện rồi. Anh Trung chạy ra gặp họ. Một sự thương lượng nhẹ nhàng nào đấy, lát sau đã thấy chiếc xe do anh Trung lái lùi từ trên hè xuống bờ đường. Tưởng mọi việc thế là xong, anh Trung quay trở vào, cuộc vui lại tiếp tục. Thì bỗng lại có tiếng loa: “Mời lái xe ra để chúng tôi cho cần cầu tới cầu xe đi”. Ô hay! Dùng cần cầu để cầu xe người ta về đồn ư? Quái nhỉ! Anh Trung lại phải đứng lên: “Đây không có biển cấm,

chẳng sao đâu. Để tôi ra nói năng ôn tồn với họ lần nữa”. Anh Trung ra một lúc rất lâu không thấy vào. Chúng tôi nghĩ đến cái kẻ “cần cầu” mà cảm thấy trong lòng nôm nớp. Anh Quang A nói: “Tôi phải ra mời họ vào dự cùng cho vui mới được”, và anh đứng dậy sải bước đi ngay, trong khi hai chị Kim Chi và Nguyên Bình thì đã theo ra cùng lúc với anh Trung. Không biết hai bên đã trao đổi như thế nào nhưng trong này nghe ngoài đó anh Quang A tuy giọng nói rất to mà không có vẻ gì là giận dữ.



Thế rồi một chốc thì cả ba người cùng vào, còn anh Trung leo lên lái xe đi. Chiếc xe công an cũng rời khỏi hiện trường. Việc cầu xe đã không xảy ra (lấy đâu ra cần cầu ngày Chủ nhật, dọa nhau cho hoảng chút thôi). Nhưng lấy lý do gần cầu, không được đỗ, dù không có biển cấm, họ vẫn bắt anh Trung đưa xe đi gửi cách nhà hàng khoảng 300 mét. Thì đi gửi rồi quay lại, chẳng sao, anh em công an muốn gì chúng tôi chiều nấy. Mọi người lại tiếp tục hội họp trong khi chờ nhà hàng làm các món ăn trưa theo thực đơn. Cũng chẳng ai nói gì thêm về nội dung bản Tuyên ngôn Nhân quyền. 30 điều của Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc thì ai mà chẳng nhớ, nào quyền tự do và bình đẳng

về nhân phẩm cũng như quyền được mưu cầu hạnh phúc. Nào quyền được có quan điểm chính trị khác biệt, được tham gia vào các tổ chức mà mình muốn, được hội họp, đi lại và phát ngôn, được bình đẳng và bảo vệ trước pháp luật..., và trong lúc này, dù có chạnh lòng nghĩ đến điều 30 “*Không một điều nào trong Bản Tuyên ngôn này được hiểu và hàm ý cho phép một nước, một nhóm hay một cá nhân nào được quyền có những việc làm hay hành động nhằm hủy diệt nhân quyền và tự do được thừa nhận trong bản Tuyên ngôn này*” như một cái gì đang mơ hồ bày ra thấp thoáng, thì ai nấy cũng chỉ để bụng, xem đám người chức năng sẽ còn làm chuyện gì đây.

Tôi để ý thấy cậu Long ngồi bên cạnh tôi hình như có điều gì lo lắng. Cậu ta nhấp nhòm đi ra đi vào và ghé tai tôi nói nhỏ: “Ông chủ nhà hàng được công an gọi điện rồi. Ông đang nghe điện đây”. Chốc sau, ông chủ, nét mặt không vui ra cáo từ với khách: “Xin lỗi các bác, chẳng may món ăn các bác đặt nhà hàng em hết cả, mong các bác thông cảm”. Đám đông ò lên: “Thế à?”. Nhiều người lên tiếng: “Hết thì thôi chứ có gì đâu, chỉ cần uống bia với lạc rang cũng đủ”; “Cốt nhất là được ngồi vui với nhau chứ thật tình cũng có ai đói đâu, mà cũng chẳng có chuyện gì để nói cả”; “Ngày Nhân quyền là ngày vui của cả nước ta, Nhà nước vui trước nhất. Vui thì không còn thấy đói”. Lại tiếp tục gọi bia và mỗi người buông ra một vài câu đùa, chẳng ai có tâm địa gì mà giận. Người ta hỏi thăm anh Trọng, người trước đây mấy hôm còn bị kèm cặp sát nút. Anh Trọng không thay đổi nét mặt và khuôn miệng dèch xuống, mới nhìn tưởng như rầu rĩ, nói: “Đã được thả lỏng một thời gian rồi”. “Hoan hô! Chúc mừng!”.

Nhưng anh Thanh Hà thì không vui vì món ăn bị từ chối. Cái lý của anh là đúng bữa thì phải được ăn chứ, trưa rồi còn gì. “Trời đánh cũng tránh bữa ăn kia mà”. Anh bèn gọi điện đến một nhà hàng khác, gần quán Hoa Lư, hỏi xem còn gì để ăn không. Nhận được trả lời là vẫn còn, anh bảo mọi người: “Gặp mặt thế

này coi như cũng là mỹ mãn. Xin mời tất cả chúng ta đi bộ trở lại, cách đây chừng 300 mét để ăn trưa trước khi ai về nhà nấy”. Có vài lời bàn ra nhưng ý kiến chóng vánh ngã ngũ. Trước khi giã từ quán bia chúng tôi chụp ảnh chung kỷ niệm cuộc họp mặt kỷ niệm ngày Quốc tế Nhân quyền để rồi lại tiếp tục cuộc bộ đến hàng ăn Thảo Nguyên trong khi anh Trung và vài người lật đật đi lấy xe.



Bốn chàng đũa Đông Tây Nam Bắc chụp chung tấm ảnh kỷ niệm ngày vui

Lên đường. Vừa đi vừa trò chuyện, chẳng mấy chốc đã gần đến nơi. Khi đi qua nhà hàng Hoa Lư thì tấm biển báo hết thức ăn đã được cất bỏ, tuy cửa hàng vẫn kéo sập xuống như cũ. Kể cũng tội nghiệp cho ông hay bà chủ hàng phải một ngày mất khách, thôi thì hy sinh vì nhân quyền cũng là một đóng góp cho nước nhà.

Anh em đi trước ra đón tại nhà hàng Thảo Nguyên, tiếp viên cũng ân cần xuống đón chúng tôi lên cầu thang tầng hai. Bàn

ghế lại được dịch lại và mọi người ngồi xuống ăn tạm món nem, lạc rang, trong khi các chị gọi thực đơn “gà đồi đệ nhất”.

Nhưng chờ khoảng 20 phút mà không thấy động tĩnh gì, một người có kinh nghiệm bèn bảo: “Có anh nào xuống gặp ông chủ trực tiếp hỏi xem, chứ có thể là “họ” lại can thiệp rồi đấy. Nếu không hỏi thì có khi ngồi đây nửa tiếng nữa người ta cũng cứ để yên mà mình chẳng có gì vào bụng đâu”. Một anh đứng dậy đi xuống. Quả nhiên chốc sau một cậu tiếp viên trẻ măng nhô đầu lên với nét mặt cười có vẻ ái ngại: “Các bác ơi, món gà đồi lại không có rồi. Chủ cháu có lời xin lỗi các bác. Món khai vị hết 40 nghìn thôi không tính các bác nữa”. Lời nói dễ thương làm sao! Thì đành đứng dậy và quyết định chia tay nhau ở đây bởi cũng đã qua con đỏi hay gọi là “quá đỏi”. Không thấy còn cào nữa.

Thôi thì quyết định chia tay nhau ở đây.

Khi chúng tôi xuống cầu thang vẫn còn kịp nhìn thấy hai chàng đội mũ bảo hiểm từ phòng chủ quán bước ra. Nhìn thấy chúng tôi họ quay mặt vội đi, leo lên xe máy lủi mất. Anh Quang A giờ máy ảnh ra chỉ bấm được một “pô” hai cái lưng đang cong lên như lưng tôm chạy tít.

Chia tay. Trên xe anh Trung chỉ còn lại vền vện 6 người. Chúng tôi quyết định rời Hà Đông và anh lái sẽ đưa từng người về tận nhà. Nhưng xe chưa đi khỏi Hà Đông thì lại đã thấy phía sau vài “cái đuôi” lộ diện. Chúng tôi đi chậm “đuôi” cũng đi chậm, dừng lại, “đuôi” lại cũng dừng. Thì bắt chước anh Quang A xuống xe chụp một “pô” ảnh, nhưng chụp để vui, biết chắc hai anh này vì phận sự theo đuổi chúng tôi cũng đã phải đỏi mèm, đáng thương hơn là đáng giận.

Mãi khi về đến đường Đào Duy Anh, yên trí không còn “đuôi” nào nữa, trước lúc anh Nguyễn Khắc Mai rời xe, chị Kim Chi

đề nghị tìm một quán ăn vào ăn chút gì đỡ mệt, kéo chị thấy không đành rời nhau mà trong bụng không có chút chất bột nào. Anh Mai chỉ tay vào một quán phở ngay trước mặt đề rõ to “Phở ngon”. Ai nấy đều ồ lên vui mừng. Anh Trung cũng nhìn thấy một xe tải to đùng đỗ gần phía trước nên yên tâm dừng xe. Chúng tôi thông thả bước vào, chân bước đã có hơi lãnh đăng. Quả là một nhà hàng ít khách, nhưng nhìn vào cách bày biện và trang trí thì dám chắc cửa hàng này không phải dành cho khách ít tiền. Cầu thang đi lên gác bằng lim sáng bóng và trên tầng hai hoàn toàn tĩnh lặng, không có khách ăn. Chúng tôi yên tâm ngồi xuống để lấy lại chút thoải mái cho mình mà có lẽ trong bọn, từ sáng đến giờ anh Trung là người cực nhọc nhất. Gọi mỗi người một tô phở, riêng anh Mai xin ăn bún mọc. Đây, cái quyền được ăn và được nghỉ hoàn toàn nằm trong 30 điều của Tuyên ngôn Nhân quyền.



Vậy mà cả 6 nhân mạng vẫn không đạt được mục tiêu ăn ngon. Một tiếng còi toe từ phía dưới cùng với tiếng loa cất lên làm anh Trung giật bắn người khi chưa kịp ăn hết nửa bát. Anh vội chạy xuống và lên ô tô rồi... biến đâu không thấy. Nhìn xuống, lại một xe công an đã đỗ ngay dưới tầm mắt của mình. Rồi cậu

thanh niên bung phở cho chúng tôi bước lên, nở nụ cười, ngập ngừng, nói ngắt quãng những lời chúng tôi đều đã biết trước. Không đợi cậu nói hết, chúng tôi xua tay cười xòa. Nhưng chúng tôi cũng ngồi đủng đỉnh ăn cho xong vì đằng nào thì cũng ăn rồi, mà chủ nhà tuy báo cho biết thế nhưng cũng không giục thêm lần nữa. Đến lúc này mới thấy cái câu tục ngữ “Trời đánh cũng tránh bữa ăn” thật là thiêng liêng.

Khi bước xuống chào các chủ nhân để ra đường, chị Kim Chi chỉ kịp nói một câu: “Chúng tôi đi họp mặt ngày Quốc tế Nhân quyền, đói quá ghé vào ăn tô phở làm các chú công an phải đợi”. Và chị chỉ tay ra ngoài: hình như họ đã phải kiên nhẫn đợi vì anh mặc áo xanh trong xe đang nhỏ râu. Các chủ nhân không nói gì chỉ dùng nụ cười tiễn cả bọn.

Anh Trung lái xe đến đón chúng tôi, cho biết: anh đã phải chạy lòng vòng, do chỗ anh vừa gửi xe xong, toan lên ăn tiếp thì nhà gửi đã lại chạy theo vẫy tay rồi rít báo: “Phiền anh quá, trả lại tiền anh, chỗ đậu xe... không còn nữa”. Hay thật! Tuyệt là hay! Nói như võ thuật thì... tuyệt chiêu!

Từ đây cho đến khi về không còn chuyện gì để nói nữa. Về đến nhà mình tôi kịp nhìn đồng hồ. Đã ngót 3 giờ chiều.

Đúng là một ngày cảm nhận thấm thía cái quyền được làm người. Càng thấy tin con người, những người Việt trầm lặng, bình tĩnh và yêu đời hơn.

N.H.C.

Trong bài giới thiệu sách *Văn học Cổ cận đại Việt Nam, từ góc nhìn văn hóa đến các mã nghệ thuật* của Nguyễn Huệ Chi, Tiến sĩ Đặng Thị Hảo đã viết:

Tóm lại, từ những đóng góp thâm lặng nhỏ mà không nhỏ ấy, có thể khẳng định, Nguyễn Huệ Chi là một nhà khoa học vững cổ thông kim, những đóng góp của ông cho thành tựu chung trên các lĩnh vực sưu tầm, nghiên cứu, khảo chứng, dịch thuật các giá trị văn hóa nói chung và văn học nói riêng là thiết thực và quan trọng. Lâu nay, học giới vẫn định danh cho ông là “chuyên gia hàng đầu” về văn học Việt Nam Cổ cận đại, tưởng không phải là nhận định quá ưu ái. Là nhà học giả cẩn trọng, nghiêm túc đến mức nghiêm khắc với mình và kỹ lưỡng với người, suốt 50 năm qua ông đã góp sức đào tạo nên một số lượng đáng kể học trò thành đạt, kể cả trong giới nhà văn hàng đầu hiện nay. Cũng là một học giả năng động, từng không ít lần vận dụng kiến thức chuyên sâu vào việc góp phần đấu tranh cho cái đúng, cái mới ở trong xã hội, đơn cử như việc nhờ ông mà khu di tích Nguyễn Văn Siêu tại quê quán đã không bị thoán đoạt bởi một toan tính từ trong dòng họ; ít ai biết cũng qua việc đó ông đã trở thành nhân vật chính – Giáo sư Huệ – trong một cuốn tiểu thuyết khá tiếng tăm một thời của nhà văn Đoàn Lê. Vâng, ông đúng là Giáo sư Huệ, không riêng với những cặp mắt biệt nhãn nào đấy mà còn với khá nhiều người thuộc thế hệ trên chúng tôi, thế hệ chúng tôi và cả những thế hệ sau chúng tôi.

Hà Nội, xuân Tân Mão 2011

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Huệ Chi Web: vi.wikipedia.org
- *Hợp mắt kỷ niệm ngày Quốc tế Nhân quyền* Blog: danluan.org

Tiết bảy: Nhóm Kiến nghị 72

Nhóm chủ xướng Kiến nghị về sửa đổi Hiến pháp, còn gọi là Kiến nghị 72, đề 'chuyển từ toàn trị sang dân chủ là yêu cầu cấp bách' của đất nước và nhân dân.

Sở dĩ có tên Kiến nghị 72 là vì có 72 người đứng tên trong danh sách đầu tiên ký vào Kiến nghị, bao gồm nhiều nhân sỹ trí thức được nhiều người biết đến như Nhà văn Nguyên Ngọc, Giáo sư Trương Lai, Thiếu tướng Nguyễn Trọng Vĩnh, Tiến sỹ Lê Đăng Doanh, Tiến sỹ Nguyễn Quang A...

Một số người đại diện cho nhóm này vào ngày 4-2-2013, đã tới trao kiến nghị cho Quốc hội Việt Nam.

Tuy nhiên, trong thời gian một tháng qua, Kiến nghị 72 dường như đã trở thành mục tiêu chỉ trích của phương tiện truyền thông nhà nước.

Kiến nghị 72 gồm 7 điểm, đặt khuyến nghị bỏ Điều 4 Hiến pháp về quyền lãnh đạo của Đảng CSVN lên hàng đầu, coi đó là điều kiện cần thiết để có thay đổi thực sự.

THÔNG BÁO CỦA NHÓM SOẠN THẢO VÀ KÝ KIẾN NGHỊ 72 VỀ SỬA ĐỔI HIẾN PHÁP

*Hà Nội ngày 16 tháng 4
năm 2013*

Kính gửi các vị Đại biểu Quốc hội khoá XIII

Chúng tôi thay mặt những người đã ký *Kiến nghị về sửa đổi Hiến pháp năm 1992*, xin gửi tới quý vị, các thành viên cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước ta, lời chào trân

trọng với niềm tin rằng những ý kiến dưới đây của chúng tôi sẽ được quý vị lưu tâm.

1. *Kiến nghị về sửa đổi Hiến pháp năm 1992* có chữ ký trực tiếp của 72 người (dưới đây gọi tắt là KN72, xin gửi kèm thư này như một phụ lục), được công bố ngày 19 tháng 1 năm 2013 và chính thức trao trực tiếp cho Ủy ban Dự thảo sửa đổi Hiến pháp vào ngày 4 tháng 2 năm 2013. KN 72 đã đề cập thẳng thắn một số vấn đề cốt lõi về đổi mới thể chế chính trị cần được thảo luận rộng rãi, công khai và dân chủ, để góp phần tạo đồng thuận xã hội và đoàn kết dân tộc về một bản Hiến pháp khả dĩ đáp ứng nhu cầu phát triển và bảo vệ đất nước, phù hợp với xu thế tiên bộ của thời đại. Như vậy, KN 72 hoàn toàn phù hợp với Nghị quyết số 38/2012/QH13 của Quốc hội về việc *Tổ chức lấy ý kiến nhân dân về Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992, trong đó nêu rõ: “Quốc hội kêu gọi đồng bào, chiến sĩ cả nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài hưởng ứng và tích cực tham gia đóng góp ý kiến để Hiến pháp thể hiện đầy đủ ý chí, nguyện vọng của nhân dân, đáp ứng yêu cầu xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới.”*

Bản KN72 được nhiều người thuộc mọi tầng lớp xã hội nhiệt tình hưởng ứng, trong đó có hơn 14 nghìn người tính đến nay đã đăng ký ghi tên tán thành. Tuy nhiên, KN72 đã không được Ủy ban Dự thảo Sửa đổi Hiến pháp công bố sau khi tiếp nhận, cũng không được các phương tiện truyền thông của Nhà nước phổ biến để mọi người có thể tham khảo và tham gia thảo luận. Trong khi không đăng tải nội dung cụ thể của kiến nghị, một số đài báo lại đưa ra những bình luận mang tính quy chụp, không đúng với tinh thần góp ý xây dựng của KN72. Không chỉ kiến nghị của chúng tôi, mà nhiều ý kiến đóng góp khác của nhân dân không phù hợp với Dự thảo do Ủy ban Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 công bố cũng bị xử tương tự. Điều đó trái với Nghị quyết số 38/2012/QH13 của Quốc hội, trong đó quy định rõ: *“Các cơ quan thông tấn, báo chí có trách nhiệm*

tuyên truyền và tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân tham gia đóng góp ý kiến; mở chuyên trang, chuyên mục về Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 và đưa tin, đăng tin đầy đủ, kịp thời, trung thực, khách quan ý kiến đóng góp của nhân dân.”

Ngoài việc đưa tin và bình luận một chiều, thiếu minh bạch, cách tổ chức lấy ý kiến của nhân dân về sửa đổi Hiến pháp đang được tiến hành mang nặng tính hình thức, áp đặt thiếu dân chủ và quá tốn kém khiến cho dư luận xã hội tiến bộ bất bình, hoài nghi chính quyền về thái độ tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân và về sự nghiêm túc trong việc sửa đổi Hiến pháp. Vì vậy, chúng tôi đề nghị quý Đại biểu can thiệp một cách có hiệu quả và đề xuất Quốc hội triển khai những biện pháp thiết thực, kịp thời để chấn chỉnh tình trạng hình thức, mất dân chủ, thiếu trung thực... trong quá trình lấy ý kiến của nhân dân.

Về phần mình, chúng tôi sẵn sàng đối thoại công khai trên mọi diễn đàn trong cả nước, cùng nhau tìm ra phương án tối ưu cho một bản Hiến pháp mới, thích hợp với hoàn cảnh hiện tại của đất nước.

2. Quyền lập hiến nhất quyết phải là của toàn dân. Vì vậy, một lần nữa chúng tôi kiến nghị Hiến pháp cần quy định: *“Bảo đảm quyền phúc quyết của nhân dân đối với Hiến pháp, thông qua trưng cầu ý dân được tổ chức thật sự minh bạch và dân chủ với sự giám sát của người dân và báo giới”*. Việc lấy ý kiến đóng góp của nhân dân không thể thay thế cho việc trưng cầu ý dân. Trưng cầu ý dân là để nhân dân được lựa chọn và quyết định bằng phiếu kín những điều dân muốn. Còn lấy ý kiến đóng góp của dân như cách làm hiện nay thì kết quả bị phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của tổ chức đứng ra lấy ý kiến.

Trong cuộc trưng cầu ý dân về sửa đổi Hiến pháp lần này, những vấn đề cốt lõi còn có ý kiến khác nhau, như một số vấn

đề đã được nêu trong KN72, cần được đưa ra để **nhân dân lựa chọn bằng phiếu kín**, tương tự như trong các cuộc bỏ phiếu phổ thông được tổ chức theo đúng thông lệ và chuẩn mực quốc tế.

Chúng tôi khẩn thiết yêu cầu quý Đại biểu và toàn thể Quốc hội sớm quyết định việc sẽ tổ chức trưng cầu ý dân về sửa đổi Hiến pháp để có thời gian chuẩn bị công việc hệ trọng này lần đầu tiên được thực hiện ở nước ta. Điều đó sẽ tỏ rõ ý chí của Quốc hội trong việc thực hiện quyền làm chủ của dân, động viên được đồng bào trong và ngoài nước tham gia tích cực và thiết thực hơn vào việc xây dựng Hiến pháp của nước ta.

Xin trân trọng cảm ơn.



DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI KÝ TÊN

(Gồm 15 người đã đến trao KN72 trực tiếp cho UBĐTSĐHP1992 ngày 4 tháng 2 năm 2013)

1. **Nguyễn Quang A**, nguyên Viện trưởng Viện IDS, Hà Nội

2. **Phan Hồng Giang**, TSKH, nhà nghiên cứu văn hóa, Hà Nội
3. **Lê Công Giàu**, nguyên Phó Bí thư thường trực Đoàn TNCS HCM, TP HCM
4. **Chu Hảo**, nguyên Thứ trưởng Bộ KH&CN, nguyên thành viên Viện IDS, Giám đốc NXB Tri thức, Hà Nội
5. **Phạm Duy Hiễn**, GS, nguyên Viện trưởng Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt, nguyên thành viên Viện IDS, Hà Nội
6. **Tương Lai**, nguyên Viện trưởng Viện Xã hội học, nguyên thành viên Tổ Tư vấn của Thủ tướng Chính phủ, nguyên thành viên Viện IDS, TP HCM
7. **Phạm Chi Lan**, nguyên thành viên Ban nghiên cứu của Thủ tướng chính phủ, nguyên thành viên Viện IDS, Hà Nội
8. **Hồ Uy Liêm**, nguyên Phó chủ tịch LH các Hội KH&KT Việt Nam, Hà Nội
9. **Nguyễn Đình Lộc**, nguyên Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Hà Nội
10. **Huyền Tấn Mẫn**, BS, Đại biểu Quốc hội khóa 6, nguyên Chủ tịch Tổng hội Sinh viên Sài Gòn trước năm 1975, TP HCM
11. **Nguyễn Ngọc**, nhà văn, nguyên thành viên Viện IDS, Hội An
12. **Hoàng Xuân Phú**, GS, Viện Toán học, Hà Nội
13. **Nguyễn Minh Thuyết**, GSTS, nguyên Phó Chủ nhiệm UB Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội, Hà Nội
14. **Nguyễn Trung**, nguyên trợ lý Thủ tướng Võ Văn Kiệt, nguyên thành viên Viện IDS, Hà Nội
15. **Tô Nhuận Vỹ**, nhà văn, Huế

KIẾN NGHỊ SỬA ĐỔI HIẾN PHÁP NĂM 1992

Thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về việc góp ý kiến vào Dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992 (dưới đây gọi tắt là Dự thảo), chúng tôi, những người Việt Nam ký tên dưới đây, xin trình bày với Quốc hội và Ủy ban Dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992 một số kiến nghị, đồng thời mong mỗi toàn thể đồng bào trong và ngoài nước thẳng thắn nói lên ý kiến để nhân dân ta có một Hiến pháp bảo đảm sự toàn vẹn lãnh thổ và sự phát triển bền vững của đất nước, mang lại tự do hạnh phúc cho các thế hệ hiện tại và tương lai.

Hiến pháp của một quốc gia do dân làm chủ bảo đảm quyền lực thực sự thuộc về nhân dân và được hình thành từ sự thỏa thuận giữa các thành phần đa dạng trong xã hội. Dự thảo chưa thấu suốt bản chất của một hiến pháp dân chủ, chưa thể hiện sự tin cậy, tín nhiệm của nhân dân với chính quyền theo tinh thần thỏa thuận kiến tạo một môi trường có sự kiểm soát bên trong và bên ngoài đối với quyền lực. Kiểm soát bên trong giữa các nhánh quyền lực nhà nước bằng các cơ chế đối trọng kiểm chế lẫn nhau, các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp không thể vượt quá giới hạn được ấn định. Kiểm soát từ bên ngoài đối với công quyền được thực hiện bởi nhân dân với vai trò quan trọng của xã hội dân sự mà tiền đề là các quyền tự do về ngôn luận, báo chí, lập hội, hội họp, biểu tình,...

Hiến pháp phải mang tính chính đáng được đo bằng nhiều tiêu chí. Thứ nhất, hiến pháp phải có mục tiêu bảo vệ độc lập chủ quyền, kiến tạo tự do, dân chủ, công bằng, hạnh phúc; đồng thời đoàn kết toàn dân, loại bỏ mọi sự chia rẽ hay áp bức, hướng đến sự phát triển bền vững của dân tộc. Thứ hai, hiến pháp phải thể hiện ý chí chung của nhân dân, thể hiện sự đồng thuận của nhân dân để lập ra các cơ quan nhà nước. Thứ ba, hiến pháp phải được xây dựng theo các nguyên tắc pháp luật phổ biến của thế giới văn minh, phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã tham gia.

Theo tinh thần đó, trước mắt chúng tôi kiến nghị 7 điểm như sau.

Kiến nghị thứ nhất về Lời nói đầu và về Chương I

Lời nói đầu của Dự thảo không làm rõ mục tiêu của hiến pháp và chủ thể quy định hiến pháp. Hiến pháp cần xác định mục tiêu trước hết là để bảo đảm sự an toàn, tự do và hạnh phúc của mọi người dân. Một bản hiến pháp tốt phải hạn chế sự lạm quyền của những người cầm quyền, tạo dựng khuôn khổ cho các sinh hoạt chính trị, kinh tế và văn hoá diễn ra một cách an bình và hiệu quả. Hiến pháp cũng phải hướng đến hạnh phúc của các thế hệ tương lai.

Quyền lập hiến (xây dựng, ban hành hay sửa đổi hiến pháp) là quyền sinh ra các quyền khác (lập pháp, hành pháp và tư pháp) phải thuộc về toàn dân, chứ không thể thuộc về bất kỳ một tổ chức hay cơ quan nào, kể cả Quốc hội. Lời nói đầu cần xác định rõ chủ thể quyết định, ban hành hiến pháp là nhân dân.

Lời nói đầu không phải là chỗ để tuyên dương công trạng của bất kỳ tổ chức hay cá nhân nào.

Lời nói đầu của Dự thảo không đáp ứng được các yêu cầu trên nên chúng tôi đề nghị bỏ và thay bằng:

“Kế tiếp nền văn hiến và truyền thống bất khuất của các thế hệ tiền nhân đã dựng xây và bảo vệ đất nước, đã đấu tranh vì độc lập, tự do và hạnh phúc của nhân dân, vì một xã hội dân chủ, công bằng và pháp quyền, vì tự do và hạnh phúc của các thế hệ hiện tại và tương lai, chúng tôi, nhân dân Việt Nam, quyết định xây dựng và ban hành bản Hiến pháp này.”

Trong Chương I, cần nhấn mạnh nguyên tắc chủ quyền nhân dân đòi hỏi phải tôn trọng ý của dân tộc. Nếu hiến pháp thực sự do nhân dân quyết định thì việc định trước vai trò lãnh đạo nhà nước và xã hội thuộc về một tổ chức chính trị hay một tầng lớp là trái với quyền làm chủ của nhân dân, quyền con người, quyền công dân và ngược với bản chất của một nhà nước pháp quyền.

Chủ thể nào lãnh đạo xã hội sẽ do nhân dân bầu chọn ra trong các cuộc bầu cử tự do, dân chủ, định kỳ. Một chính đảng thực sự có chính nghĩa, phục vụ lợi ích của nhân dân sẽ không lo bị thất bại trong các cuộc bầu cử như vậy. Hiến pháp của Liên Xô năm 1977 quy định ở Điều 6 vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản đối với nhà nước và xã hội đã không tránh được sự sụp đổ của chế độ Xô-viết khi không còn lòng tin của dân.

Việc đảng cầm quyền chấp nhận cạnh tranh chính trị là phù hợp với xu thế lịch sử, là điều kiện cho sự phát triển của đất nước, đáp ứng đòi hỏi của nhân dân, kể cả các đảng viên trung thực của Đảng Cộng sản Việt Nam trước bối cảnh hiện nay của đất nước.

Ý kiến nêu trên được tiếp thu sẽ tạo cơ hội cho Đảng Cộng sản Việt Nam lấy lại niềm tin đã từng có trong dân để thực sự trở thành lực lượng lãnh đạo chính trị được xã hội chấp nhận.

Kiến nghị thứ hai về quyền con người

Một mục đích của việc thành lập Nhà nước là để bảo vệ các quyền đương nhiên của con người.

Dự thảo đã điều chỉnh thứ tự để đề cao các quyền này so với Hiến pháp hiện hành, nhưng lại có nhiều điểm chưa phù hợp với các quy định và chuẩn mực quốc tế về quyền con người; như các quy định trong Dự thảo về giới hạn quyền (Điều 15), “*không lợi dụng quyền con người, quyền công dân*” (Điều 16), “*quyền không tách rời nghĩa vụ*” (Điều 20). Dự thảo còn quy định quá nhiều nghĩa vụ một cách tùy tiện (Điều 41, Điều 42, Điều 49,...). Việc nhấn mạnh trong Dự thảo các lý do về quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, ổn định chính trị, việc đưa cụm từ “theo quy định của pháp luật”, ... nhằm hạn chế những quyền đó sẽ mở đường cho việc nhân danh hiến pháp để vi phạm quyền con người, đàn áp các công dân thực thi quyền tự do như đã diễn ra trong thực tế những năm qua ở nước ta.

Chúng tôi yêu cầu sửa Dự thảo theo đúng tinh thần của Tuyên ngôn về Quyền Con người năm 1948 và các công ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia.

Nếu các quyền này được ghi trong Hiến pháp mà không được thực thi nghiêm túc như hiện nay, thì việc quy định các quyền ấy cũng trở nên vô nghĩa. Vì vậy chúng tôi yêu cầu Hiến pháp quy định thành lập một Ủy ban Quốc gia về Quyền Con người hoạt động độc lập.

Kiến nghị thứ ba về sở hữu đất đai

Chế độ sở hữu tư nhân về đất đai đã tồn tại từ lâu trên đất nước ta. Quy định đất đai thuộc sở hữu toàn dân kể từ Hiến pháp Việt Nam 1980 là sự sao chép Hiến pháp Liên Xô, một điều hoàn toàn xa lạ với nhân dân Việt Nam và đã gây ra rất nhiều bất ổn xã hội. Điều 57 Dự thảo tiếp tục khẳng định đất đai “*thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu*” là duy trì quy định sai trái, bỏ qua những vấn đề ngày càng trầm trọng do quy định này gây ra mà hàng triệu khiếu nại, khiếu kiện về đất đai trong những năm qua chỉ là phần nổi của tảng băng chìm hết sức nguy hiểm.

Không thừa nhận sở hữu tư nhân, tập thể, cộng đồng về đất đai cùng tồn tại với sở hữu nhà nước là tước đoạt một quyền tài sản quan trọng bậc nhất của người dân. Đánh đồng sở hữu nhà nước với sở hữu toàn dân về đất đai là tạo điều kiện cho quan chức các cấp chính quyền tham nhũng, lạm quyền, bắt tay với nhiều tư nhân, doanh nghiệp cùng trục lợi, gây thiệt hại cho nhân dân, đặc biệt là nông dân.

Dự thảo còn “hợp hiến hóa” việc thu hồi đất, trong đó lại mở rộng phạm vi áp dụng cho các dự án phát triển kinh tế - xã hội; đây là một sự thụt lùi so với Hiến pháp 1992 và có thể gây bùng nổ bất ổn xã hội.

Vì thế chúng tôi kiến nghị sửa đổi Điều 57 của Dự thảo, trở lại như Hiến pháp 1946 và Hiến pháp 1959. Có thể quy định như sau: “*Sở hữu tư nhân, tập thể, cộng đồng và nhà nước về đất*

đại được tôn trọng. Nhà nước có trách nhiệm bảo vệ và thống nhất quản lý đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản và các tài nguyên, nguồn lợi khác ở vùng biển, thềm lục địa, vùng trời và các tài sản khác do Nhà nước đầu tư.”

Thay thế quy định *thu hồi đất bằng trưng mua đất* và không áp dụng cho các dự án phát triển kinh tế-xã hội như nêu trong Điều 58 của Dự thảo.

Kiến nghị thứ tư về tổ chức Nhà nước

Tổ chức bộ máy Nhà nước phải phân biệt rạch ròi các nhánh lập pháp, hành pháp và tư pháp cũng như các cơ quan hiến định khác. Tất cả các cơ quan nhà nước phải tuân thủ Hiến pháp và luật. Các nhánh quyền lực ràng buộc, chế ước lẫn nhau nhưng không thể bị chi phối bởi bất kỳ một tổ chức hay cá nhân duy nhất nào, nghiêm cấm mọi sự độc quyền quyền lực. Đặc biệt, hệ thống tư pháp phải được bảo đảm trên thực tế quyền xét xử độc lập, chỉ dựa vào Hiến pháp và luật. Tòa án Hiến pháp phải được thành lập, có chức năng phán quyết, chứ không phải là tư vấn, kiến nghị như chức năng của Hội đồng Hiến pháp được quy định trong Dự thảo.

Kiến nghị thứ năm về lực lượng vũ trang

Hiến pháp đặt lợi ích của toàn dân lên trên lợi ích của bất kỳ một tổ chức hay cá nhân nào. Mọi hoạt động của các lực lượng vũ trang chỉ để bảo vệ sự toàn vẹn của lãnh thổ quốc gia và phục vụ nhân dân. Lực lượng vũ trang phải trung thành với Tổ quốc và nhân dân chứ không phải trung thành với bất kỳ tổ chức nào, như quy định tại Điều 70 của Dự thảo. Chúng tôi yêu cầu bỏ quy định lực lượng vũ trang phải trung thành với Đảng Cộng sản Việt Nam.

Kiến nghị thứ sáu về trưng cầu dân ý đối với Hiến pháp

Quyền lập hiến là quyền của toàn dân, phải phân biệt với quyền lập pháp của Quốc hội. Vì vậy phải có trưng cầu dân ý để phúc quyết Hiến pháp. Chúng tôi đề xuất quy định trong Hiến pháp:

“Bảo đảm quyền phúc quyết của nhân dân đối với Hiến pháp, thông qua trưng cầu dân ý được tổ chức thật sự minh bạch và dân chủ với sự giám sát của người dân và báo giới.”

Kiến nghị thứ bảy về thời hạn góp ý kiến sửa đổi Hiến pháp

Việc lấy ý kiến đóng góp của toàn dân về sửa đổi Hiến pháp là một việc hệ trọng đến vận mệnh quốc gia, phải được tiến hành một cách nghiêm chỉnh, không thể tắc trách, lầy lệ. Vì vậy, thời hạn lấy ý kiến của nhân dân chỉ trong vòng ba tháng là quá ngắn, dễ dẫn đến tình trạng làm một cách hình thức cho qua chuyện. Vì vậy chúng tôi kiến nghị gia hạn thời gian lấy ý kiến của nhân dân đến hết năm 2013, đồng thời khuyến khích đề xuất các dự thảo khác để Quốc hội, Ủy ban Dự thảo sửa đổi Hiến pháp cùng toàn thể đồng bào tham khảo, so sánh, thảo luận nhằm xây dựng một bản hiến pháp phù hợp nhất cho quốc gia.

Sửa Hiến pháp theo tinh thần của các kiến nghị nêu trên sẽ phát huy dân chủ và hòa hợp dân tộc – những đòi hỏi hết sức bức xúc của nhân dân trong giai đoạn trước mắt, cũng như cho sự phát triển bền vững lâu dài của đất nước.

Chúng tôi tha thiết mong mỗi đồng bào trong và ngoài nước hưởng ứng bản Kiến nghị này bằng cách đăng ký tham gia ký tên theo địa chỉ thư điện tử:

kiennghisuadoihienphap2013@gmail.com

Hà Nội, ngày 19 tháng 1 năm 2013

** Chú thích: Theo tinh thần đó, một số chuyên gia luật ở trong nước đã soạn một dự thảo hiến pháp được gửi kèm Kiến nghị này như một tài liệu để tham khảo và thảo luận.*

DANH SÁCH NGƯỜI KÝ KIẾN NGHỊ SỬA ĐỔI HIẾN PHÁP 1992

1. Nguyễn Quang A, nguyên Viện trưởng Viện IDS, Hà Nội

2. Lại Nguyên Ân, nhà nghiên cứu, Hà Nội
3. Huỳnh Kim Báu, nguyên Tổng thư ký Hội Trí thức yêu nước TP Hồ Chí Minh, TP HCM
4. Huỳnh Ngọc Chênh, nhà báo, TP HCM
5. Nguyễn Huệ Chi, GS, nguyên Chủ tịch Hội đồng Khoa học Viện Văn học, Hà Nội
6. Tống Văn Công, nguyên Tổng biên tập báo Lao động, TP HCM
7. Phạm Vĩnh Cư, nhà nghiên cứu, Hà Nội
8. Nguyễn Xuân Diện, TS, Hà Nội
9. Lê Đăng Doanh, nguyên thành viên Ban Nghiên cứu của Thủ tướng Phan Văn Khải, nguyên thành viên Viện IDS, Hà Nội
10. Hoàng Dũng, PGS TS, TP HCM
11. Nguyễn Văn Dũng, nhà văn, võ sư, Huế
12. Hồ Ngọc Đại, GS TS, nhà giáo, Hà Nội
13. Lê Hiếu Đằng, nguyên Phó Tổng Thư ký Ủy ban Trung ương Liên minh các lực lượng Dân tộc, Dân chủ và Hòa bình Việt Nam, nguyên Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam TP Hồ Chí Minh, đại biểu Hội đồng Nhân dân TP Hồ Chí Minh khóa 4, 5, TP HCM
14. Nguyễn Đình Đầu, nhà nghiên cứu, TP HCM
15. Lê Hiền Đức, Giải thưởng Liêm chính 2007, Tổ chức Minh bạch Quốc tế, Hà Nội
16. Phan Hồng Giang, TSKH, Hà Nội
17. Lê Công Giàu, nguyên Phó Bí thư thường trực Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Thành phố Hồ Chí Minh, nguyên Phó Giám đốc Tổng công ty Du lịch Thành phố (Saigontourist), TP HCM
18. Chu Hảo, nguyên Thứ trưởng Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường, nguyên thành viên Viện IDS, Hà Nội
19. Nguyễn Gia Hảo, nguyên thành viên Tổ tư vấn của Thủ tướng Chính phủ Võ Văn Kiệt, Hà Nội
20. Đặng Thị Hảo, TS, Hà Nội
21. Võ Thị Hảo, nhà văn, Hà Nội

22. Phạm Duy Hiền, GS, nguyên Viện trưởng Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt, nguyên thành viên Viện IDS, Hà Nội
23. Hồ Hiếu, cựu tù Côn Đảo, nguyên Chánh văn phòng Ban Dân vận Mặt trận, Thành uỷ TP Hồ Chí Minh, TP HCM
24. Nguyễn Xuân Hoa, nguyên Giám đốc Sở Văn hóa Thừa Thiên - Huế, Chủ tịch Hội Văn nghệ Thừa Thiên - Huế
25. Nguyễn Văn Hồng (tức Cung Văn), nguyên Tổng Thư ký Ban chấp hành Sinh viên đoàn Đại học Văn khoa Sài Gòn 1964-1965, Đà Nẵng
26. Phaolô Nguyễn Thái Hợp, Giám mục Giáo phận Vinh
27. Nguyễn Thế Hùng, GS TS, Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng, Phó Chủ tịch Hội Cơ học Thủy khí Việt Nam, Đà Nẵng
28. Trần Ngọc Kha, nhà báo, Hà Nội
29. Trương Lai, nguyên Viện trưởng Viện Xã hội học, nguyên thành viên Tổ tư vấn của Thủ tướng Chính phủ Võ Văn Kiệt, nguyên thành viên Viện IDS, TP HCM
30. Phạm Chi Lan, nguyên thành viên Ban Nghiên cứu của Thủ tướng Chính phủ Phan Văn Khải, nguyên Phó Viện trưởng Viện IDS, Hà Nội
31. Cao Lập, cựu tù chính trị Côn Đảo, nguyên Giám đốc Làng Du lịch Bình Quới, TP HCM
32. Hồ Uy Liêm, nguyên Phó Chủ tịch Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, Hà Nội
33. Nguyễn Đình Lộc, nguyên Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Hà Nội
34. Nguyễn Khắc Mai, nguyên Vụ trưởng Ban Dân vận Trung ương, Hà Nội
35. Huỳnh Tấn Mẫm, bác sĩ, Đại biểu Quốc hội khóa 6, nguyên Chủ tịch Tổng hội Sinh viên Sài Gòn trước 1975, TP HCM
36. Huỳnh Công Minh, linh mục Giáo phận Sài Gòn, TP HCM

37. Phạm Gia Minh, TS, Hà Nội
38. Kha Lương Ngãi, nguyên Phó Tổng biên tập báo Sài Gòn Giải phóng, TP HCM
39. Nguyễn Ngọc, nhà văn, nguyên thành viên Viện IDS, Hội An
40. Hạ Đình Nguyên, cựu tù chính trị Côn Đảo, nguyên Chủ tịch Ủy ban Hành động thuộc Tổng hội Sinh viên Sài Gòn trước 1975, TP HCM
41. Trần Đức Nguyên, nguyên Trưởng ban Ban Nghiên cứu của Thủ tướng Phan Văn Khải, nguyên thành viên Viện IDS, Hà Nội
42. Phạm Xuân Nguyên, Chủ tịch Hội Nhà văn, Hà Nội
43. Phạm Đức Nguyên, PGS TS, giảng viên cao cấp Đại học, Hà Nội
44. Hồ Ngọc Nhuận, Ủy viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam TP Hồ Chí Minh, nguyên Giám đốc chính trị nhật báo Tin sáng, TP HCM
45. Nguyễn Hữu Châu Phan, nhà nghiên cứu, Huế
46. Hoàng Xuân Phú, GS Viện Toán học, Hà Nội
47. Trần Việt Phương, nguyên trợ lý Thủ tướng Phạm Văn Đồng, nguyên thành viên Viện IDS, Hà Nội
48. Nguyễn Đăng Quang, nguyên Đại tá Công an, Hà Nội
49. Đào Xuân Sâm, nguyên thành viên Tổ Tư vấn của Thủ tướng Võ Văn Kiệt, nguyên thành viên Ban Nghiên cứu của Thủ tướng Phan Văn Khải, Hà Nội
50. Tô Lê Sơn, kỹ sư, TP HCM
51. Trần Đình Sử, GS TS, Hà Nội
52. Nguyễn Trọng Tạo, nhà văn, Hà Nội
53. Lê Văn Tâm, TS, nguyên Chủ tịch Hội Người Việt Nam tại Nhật Bản, Nhật Bản
54. Trần Công Thạch, hưu trí, TP HCM
55. Nguyễn Quốc Thái, nhà báo, TP HCM
56. Trần Thị Băng Thanh, PGS TS, Hà Nội
57. Lê Quốc Thăng, linh mục Giáo phận Sài Gòn, TP HCM

58. Đào Tiến Thi, thạc sĩ, Hà Nội
59. Nguyễn Minh Thuyết, GS TS, nguyên Phó Chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội, Hà Nội
60. Phạm Toàn, nhà giáo, Hà Nội
61. Phạm Đình Trọng, nhà văn, TP HCM
62. Nguyễn Trung, nguyên trợ lý Thủ tướng Chính phủ Võ Văn Kiệt, nguyên thành viên Viện IDS, Hà Nội
63. Vũ Quốc Tuấn, nguyên trợ lý Thủ tướng Chính phủ Võ Văn Kiệt, nguyên thành viên Ban Nghiên cứu của Thủ tướng Phan Văn Khải, Hà Nội
64. Hoàng Tuy, GS, Viện Toán học, nguyên Chủ tịch Viện IDS, Hà Nội
65. Lưu Trọng Văn, nhà báo, TP HCM
66. Trần Thanh Vân, kiến trúc sư, Hà Nội
67. Nguyễn Viện, nhà văn, TP HCM
68. Nguyễn Hữu Vinh, doanh nhân, Hà Nội
69. Tô Nhuận Vỹ, nhà văn, Huế
70. Nguyễn Đắc Xuân, nhà văn, Huế
71. Nguyễn Đông Yên, GS TS, Viện Toán học, Hà Nội
72. Nguyễn Phú Yên, nhạc sĩ, TP HCM

1) Nguyễn Ngọc



Nguyễn Ngọc – Nguyễn Văn Báu (1932-20)

Nhà văn Nguyễn Ngọc tên thật là Nguyễn Văn Báu, sinh ngày 5 tháng 9 năm 1932 quê ở xã Bình Triều huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam. Năm 1950, khi đang học trung học chuyên khoa (nay là trung học phổ thông), ông gia nhập Quân đội Nhân dân Việt Nam, chủ yếu hoạt động ở Tây Nguyên – chiến trường chính của Liên khu V bấy giờ. Sau một thời gian ở đơn vị chiến đấu, ông chuyển sang làm phóng viên báo *Quân đội nhân dân* Liên khu V và lấy bút danh Nguyễn Ngọc.

Sau Hiệp định Genève, ông tập kết ra Bắc và viết tiểu thuyết *Đất nước đứng lên*, kể về cuộc kháng chiến chống Pháp của người Ba Na, tiêu biểu là anh hùng Núp và dân làng Kông-Hoa, dựa trên câu chuyện có thật của anh hùng Đinh Núp. Tác phẩm khi xuất bản được nhiều người yêu thích và hâm mộ. Sau này cuốn truyện được dựng thành phim.

Năm 1962 ông trở lại miền Nam, lấy bí danh Nguyễn Trung Thành, hoạt động ở khu V, là Chủ tịch chi hội Văn nghệ giải phóng miền Trung Trung Bộ, phụ trách Tạp chí *Văn nghệ Quân giải phóng* của quân khu V. Thời gian này ông sáng tác truyện Rừng xà nu.

Sau chiến tranh, ông có thời gian làm Phó Tổng thư ký Hội Nhà văn Việt Nam, Tổng biên tập báo *Văn nghệ*. Trong thời kỳ Đổi mới và phong trào Cởi Mở, ông đã có những đổi mới quan trọng về nội dung tư tưởng của tờ báo và được coi là người có công phát hiện, nâng đỡ nhiều nhà văn tên tuổi sau này như Nguyễn Huy Thiệp, Nguyễn Ngọc Tư, Phạm Thị Hoài... Ông cũng dành nhiều tình cảm trân trọng đối với các nhà văn khác như Nguyễn Thi, Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Khải.

Tuy nhiên, khoảng đầu thập niên 1990, báo *Văn nghệ* một số lãnh đạo đảng Cộng sản chính thức phê phán là "chệch hướng". Sau đó, Nguyễn Ngọc đã từ chức Tổng biên tập và nghỉ hưu. Người kế nhiệm ông là nhà báo Hữu Thịnh.

Sau thời kỳ làm báo, ông tham gia tích cực trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục, gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc và chấn hưng giáo dục Việt Nam. Ông đã dịch một số tác phẩm lý luận văn học như *Độ không của lối viết* (Roland Barthes), *Nghệ thuật tiểu thuyết* (Milan Kundera), tác phẩm của Jean-Paul Sartre, Jacques Dournes...

Được xem là một chuyên gia về Tây Nguyên, trong buổi hội thảo vào tháng 4 năm 2009 về vấn đề khai thác bauxite ở Việt Nam, ông cho biết ý kiến chưa đồng tình với chính sách của chính phủ.

Ông cũng từng tham gia phong trào quần chúng biểu tình phản đối việc gây hấn, xâm lược của Trung Quốc ở Biển Đông năm 2011 trong bối cảnh có sự ngăn cấm. Ngày 22 tháng 8 năm 2011, Đài truyền hình Hà Nội có làm một chương trình về sự việc này, trong đó có đoạn phát thanh viên nói "*một số phần tử phản động tham gia biểu tình*", đồng thời khung hình đang quay cảnh Nguyễn Ngọc và hai trí thức khác là giáo sư Nguyễn Huệ Chi, tiến sĩ Nguyễn Văn Khải. Sự việc này làm ông bất bình và đã gửi thư phản kháng lên Bí thư Thành ủy Hà Nội.

Gần đây, ông đã xin rút tên khỏi danh sách đề cử Giải thưởng Hồ Chí Minh năm 2011, một giải thưởng cao quý của Việt Nam, một động thái được nhiều người cho rằng nhằm phản đối quy trình bầu chọn bất hợp lý của hội đồng giải thưởng.

Tác phẩm:

- *Đất nước đứng lên*
- *Rẻo cao*
- *Đường chúng ta đi*
- *Đất Quảng*
- *Rừng xà nu*
- *Có một đường mòn trên biển Đông*
- *Cát cháy*
- *Tản mạn nhớ và quên* (Văn Nghệ Tp HCM, 2004)
- *Nghĩ dọc đường* (Văn Nghệ Tp HCM, 2005)
- *Lắng nghe cuộc sống* (Văn Nghệ Tp HCM, 2006)
- *Bằng đôi chân trần* (Văn Nghệ Tp HCM, 2008)

Trích văn:

Người anh hùng đã ra đi



Nguyễn Ngọc & Bùi Ngọc Tấn

Tôi quen anh Bùi Ngọc Tấn nhiều là từ khi đọc bản thảo “*Mộng du*”, tên ban đầu của “*Chuyện kể năm 2000*”, anh Tấn từ Hải Phòng gửi lên dự cuộc thi tiểu thuyết do nhà xuất bản Hà Nội tổ chức. Chị Hoàng Ngọc Hà giám đốc nhà xuất bản nhờ tôi đọc, đọc xong tôi nói với chị: nếu được làm trưởng ban giám khảo tôi sẽ xin trao ngay giải nhất cuốn này không chút đắn đo ... *Chuyện kể năm 2000* có số phận của những tác phẩm lớn, nó thuộc những cuốn sách như một danh ngôn đã nói: Các bản thảo là thứ không cháy (Les manuscrits ne se brûlent pas). Long đong, mà không, không thể chết. Nó không được giải thưởng, sách cũng không được in, dù chị Hà biết rõ giá trị lớn của nó. Phải đợi đến mấy năm sau mới có một người làm biên tập dám đánh đổi cả sự nghiệp và điều ở ta thường được gọi là “sinh mệnh chính trị” của mình để trang trọng đưa nó ra đời, cho nhân dân, cho đất nước, cho con người: anh Bùi Văn Ngợi ở nhà xuất bản Thanh Niên. Anh Ngợi bị kỷ luật, phải về hưu sớm. Và một vị bộ trưởng, khôn thay, từng là nhà thơ có tiếng, đã cho xử tử ngay *Chuyện kể năm 2000*. Cuốn sách vừa ra lò bị đem xay thành bột. Nhưng, danh ngôn kia là chân lý, mà hết lứa này đến lứa khác những người cầm quyền tư tưởng không chịu, không thể hiểu: bản thảo là thứ đốt không cháy, nghiền không nát. Như trong một truyện thần kỳ, bằng nhiều cách nó đến tay và được hàng triệu người Việt Nam đọc. Rồi nó đi vòng ra thế giới, trong bản dịch tiếng Pháp nó có tên là *Conte pour les siècles à venir*, *Chuyện kể cho các thế kỷ mai sau*. Vậy đó, không thể bầm vụn nó trong không gian, cũng không thể hòa thiêu nó trong thời gian. Rất đơn giản: vì nó chứa tư tưởng, là thứ không thể diệt, là thứ mà các các triều đại liên tục không sao thoát khỏi được căn bệnh u mê tin có thể hạ sát bằng bạo lực. Càng không thể đánh bại được vì đây là sức mạnh của tư tưởng về lòng nhân từ. Cuốn sách của anh Tấn nói về một sự kỳ lạ đến tưởng khó tin: sức mạnh bất tử của lòng nhân từ. Chiến thắng của lòng nhân từ trước mọi bạo lực và nham hiểm. Tôi nói điều này mà không sợ quá sai: Bùi Ngọc Tấn có lẽ là nhà văn nhân từ nhất từng có ở ta. Hiền hậu, khiêm nhường, trữ

tình, đến ngậy thơ. Yêu đời, yêu người, yêu thiên nhiên, đất trời, cây cỏ... đến ngậy dại. Hóm hỉnh, nhẹ nhàng, thông dong, từ tốn đến hơi vụng về và chậm chạp... Nhưng cũng là người dũng cảm nhất trong những người cầm bút chúng tôi. Một dũng khí phi thường trước cái ác cùng mọi sáng tạo nham hiểm nhất của nó.

Bùi Ngọc Tấn kể chuyện một người bị bắt và bị tù oan, vì những chuyện ở đâu đâu, hẳn là chuyện người ta đấu đá tranh dành nhau ở tận đâu đó trên cung đình xa tít kia chẳng dính dáng gì đến anh, anh là một con tốt vô danh trên một bàn cờ xấu xa bản thủ, bị tù mà chẳng hề có án gì hết, cũng tức là có thể vô tội, như đột nhiên bị rơi vào khoảng không mịt mù về cả không gian lẫn thời gian. Cái nhà tù kiểu Kafka đó lại có chỗ khác Kafka, nó có một mục tiêu rất rõ ràng: đánh bại con người, hạ nhục con người đến tận cùng, quá cả sự tận cùng nữa, cho đến chỗ không thể, không còn là con người, cho đến chỗ cái con từng là con người kia mất đi cho kỳ hết chất người, chỉ còn hoàn toàn là con vật. Sạch sành sanh nhân tính, sạch sành sanh nhân cách, nhầy nhụa như con vật. Tôi cho rằng một trong những kỳ tích văn học, văn hóa lớn lao của *Chuyện kể năm 2000* là nó đã chỉ ra, một cách hết sức cụ thể, vô cùng sống động và đáng sợ, cái mục tiêu sâu thẳm thẳm và đen ngòm của những thể lực chủ trương kiểu nhà tù của một ý thức hệ đòi bại và tàn phá đó. Bùi Ngọc Tấn nói rằng cái đó đang có, ở đây. Một phát hiện cảnh báo và dũng cảm.

Có một câu hỏi: vì sao bọn họ lại làm như thế? Hình như Jean Paul Sartre, trong tác phẩm lý luận đặc sắc *Văn học là gì?* đã có lần trả lời khi nói về tra tấn của bọn đầu hàng trong thời phát xít Đức chiếm đóng nước Pháp. Ông bảo đấy là bọn đã sa xuống hàng thú vật, nên chúng vô cùng căm ghét những ai còn là người. Chúng căm thù nhân cách của con người. Tao đã thành thú vật sao mày còn là người?

Câu chuyện Bùi Ngọc Tấn kể cho các thế kỷ mai sau là một câu chuyện như thế đó. Từ tốn, nhỏ nhẹ, không chút hằn học, hận thù, anh kể chuyện một con người, chuyện những con người, bị đày đọa đến tận cùng, đã uông đến cận đáy của khổ đau, vẫn từng ngày, từng phút, từng giây giữ chắc phẩm giá của con người. Sự bình tĩnh, nhân hậu của ngòi bút anh cho thấy đức dũng cảm ở con người của anh cao cả biết dường nào. Để cho ta, cho mỗi chúng ta, cho con người mãi mãi mai sau hiểu và tin rằng không gì đánh bại được con người. Vậy đó, lạ thay, tác phẩm đề đòi của Bùi Ngọc Tấn, cuốn sách của khổ đau cùng cực, lại là cuốn sách của niềm tin. Niềm tin vĩ đại ở con người. Là bản tráng ca về con người bất tử. Bản anh hùng ca về phẩm giá không thể nghiền nát của con người.

Chỉ con người có lòng nhân hậu mệnh mông mới có được lòng dũng cảm phi thường đó.

Vâng, Bùi Ngọc Tấn, một người anh hùng như vậy vừa ra đi.



Cách đây hơn hai tháng, ngày 4 tháng 10, tôi nhận được bức thư này của anh Tấn, hóa ra là bức thư cuối cùng:

“Tôi đã về Hải Phòng được 1 tháng rồi. Ít ngủ lắm anh ạ.

Ngày mai, thành đoàn Thanh Niên Hà Nội mời tôi lên họp mặt kỷ niệm 60 năm tiếp quản Thủ Đô, đã định đi, một bạn đọc, anh Cư (người đã gặp anh, đã in CKN2000 thật đẹp để tôi tặng) cho một chuyến xe về Hà Nội mà rồi không đi được vì sức khỏe.

.....

Quyển “Các bạn tôi trên ấy” của anh còn đang phiêu bạt,

không biết bao giờ mới trở về với tôi. Trông anh trong bức ảnh yêu quá đấy. Cuộc đời qua thật nhanh, nghĩ cũng tiếc là mình chưa sống cho mình được bao nhiêu. Tôi sẽ cố cầm cự với khô u này một ít thời gian vì còn mấy việc lật vật nữa phải làm.

Tết này, mong lại được đón các anh...”

Anh Tấn ạ, lỡ hẹn mất rồi, Tết này không còn được gặp lại nhau.

Bùi Ngọc Tấn là một tài năng văn học lớn. Một trong những đặc điểm của tài năng nghệ thuật là nó luôn đơn nhất, không có hai, không lặp lại. “Mấy việc lật vật nữa” anh Tấn bảo anh phải cố cầm cự với khô u để làm là những gì, không còn ai có thể biết.

Không đâu, dẫu có an ủi nhau trước nỗi đau hôm nay, ta cũng không thể biết ta đã mất gì khi Bùi Ngọc Tấn ra đi, mãi mãi, mãi mãi ...

Năm 2012, trong bài *Bát tuần rồi Nguyên Ngọc ơi !* Phạm Duy Hiền viết:

“.... Mà Nguyên Ngọc vẫn viết truyện ngắn đầy chữ, và những tác phẩm hay nhất của anh vẫn là về Tây Nguyên. Vẫn giọng văn đó, không lẫn với ai, nhưng truyện Tây Nguyên của anh bây giờ, theo tôi, còn hay hơn ngày trước nhiều. Trước đây anh là một tráng sĩ – nhà văn, bây giờ anh viết văn trên tư thế một nhà văn hóa được trang bị đầy đủ kiến thức Đông - Tây kim cổ.”

Tài liệu tham khảo:

- Nguyên Ngọc Web: vi.wikipedia.org
- Người anh hùng đã ra đi Facebook: NguyenNgocTayNguyen

2) Nguyễn Quang A



Nguyễn Quang A (1946-20)

Tiến sĩ Nguyễn Quang A sinh tại Quế Võ, Bắc Ninh năm 1946, là con trai duy nhất trong gia đình có cha là Liệt sỹ chống Pháp.

Năm 1965, được Nhà nước cử đi học đại học tại Hungary ngành vô tuyến điện, rồi ở lại học tiếp Phó Tiến sĩ.

Năm 1975, ông làm việc tại Viện Kỹ thuật Quân sự Việt Nam.

Năm 1982, Ông trở lại Hungary làm nghiên cứu sinh cấp cao và bảo vệ thành công Luận án Tiến sĩ Khoa học chuyên ngành Điện tử Viễn thông.

Năm 1987, ông chuyển từ làm việc trong Quân đội Nhân dân Việt Nam sang làm việc tại Tổng cục Điện tử và Kỹ thuật Tin học Việt Nam. Sau đó, lại chuyển sang làm việc tại Công ty Liên doanh Máy tính Việt Nam Genpacific.

Năm 1989, Ông thành lập Công ty Máy tính Truyền thông Điều khiển 3C.

Năm 1993, tham gia sáng lập Ngân hàng ngoài Quốc doanh VP Bank nay là Ngân hàng TMCP Việt nam thịnh vượng.

Ngày 27 tháng 9 năm 2007, ông cùng 8 nhà nghiên cứu có tên tuổi là: Hoàng Tụy, Phạm Chi Lan, Lê Đăng Doanh, Chu Hảo, Trương Lai, Phan Huy Lê, Trần Đức Nguyên, Trần Việt Phương thành lập *Viện Nghiên cứu Phát triển IDS*. Viện IDS với tư cách một tổ chức độc lập, vừa là tổ chức mở, phi lợi nhuận chuyên nghiên cứu các vấn đề liên quan đến các chính sách, chiến lược, kế hoạch phát triển cho các cơ quan nhà nước và các tổ chức kinh tế xã hội.

Ngày 24-7-2009 Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng ký Quyết định số 97/2009/QĐ-TTg ban hành danh mục các lĩnh vực cá nhân được thành lập tổ chức khoa học và công nghệ (sau đây gọi là Quyết định 97), có hiệu lực từ ngày 15-09-2009.

Ngày 14-09-2009, Hội đồng Viện IDS đã họp phiên toàn thể, quyết định tự giải thể để biểu thị thái độ dứt khoát của Viện đối với Quyết định 97.

Ông từng giữ chức Chủ tịch Hội Tin học Việt Nam.

Hiện đang là Chủ tịch Hiệp hội Doanh nghiệp Việt Nam - Hungary.

Trong năm 2011, với những sự kiện gây hấn liên tiếp của Trung Quốc ở biển đông và những phản ứng chính phủ Việt Nam, ông đã cùng nhiều trí thức, cùng nhân dân tham gia các cuộc biểu tình ôn hòa tại Hà Nội để phản đối Trung Quốc bành trướng.

Đứng đầu trong danh sách những người đã ký trong "Kiến nghị về sửa đổi Hiến pháp 1992" phổ biến vào ngày 19 tháng 01 năm 2013 tại Hà Nội.

Được bình chọn là một trong 10 người có ảnh hưởng đến sự phát triển của Internet Việt Nam trong 10 năm qua.

Giải thưởng Quan hệ Quốc tế của Hungary "*Vì các Mối Quan hệ quốc tế*", tháng 8 năm 2008.

Tài liệu:

Việt Nam là công xưởng mới của châu Á: mừng hay lo?



Nhiều công ty đa quốc gia khác cũng rục rịch chuyển cơ sở sản xuất từ Trung Quốc sang Việt Nam. (Ảnh chỉ mang tính minh họa)

Việt Nam đang trở thành một công xưởng mới của châu Á, báo chí trong và ngoài nước đang bàn luận. Nhiều người nghĩ đây là điều tốt, những người khác lại lo là chúng ta chỉ làm thuê cho tư bản nước ngoài, đến cái đỉnh vít cũng chẳng làm nổi.

Việt Nam đã trở thành công xưởng đáng kể của Samsung, Intel, Microsoft (Nokia) và một số nhà sản xuất quần áo và giày dép. Nhiều công ty đa quốc gia khác cũng rục rịch chuyển

cơ sở sản xuất từ Trung Quốc sang Việt Nam. Liệu Việt Nam có nên đi theo hướng này khi việc trở thành công xưởng của khu vực hay thế giới cũng đầy những hậu quả xấu như đã từng xảy ra ở nơi khác?

Đầu tiên hãy nhìn lại chính mình (chứ không phải ước muốn của mình) để có câu trả lời thỏa đáng. Xét ở tầm khu vực và quốc tế, từ xưa đến nay, Việt Nam chưa chế tạo được bất cứ thứ gì có tiếng cả. Từ xuất phát điểm như vậy, mong muốn chúng ta phải làm được cái này cái nọ cho ra hồn là rất chính đáng nhưng phải khiêm tốn và thực tế. Việc chế tạo ra các sản phẩm như vậy cần nhiều điều kiện mà chúng ta phải rất tốn công, tốn sức để tạo dựng một cách bền bỉ, liên tục. Chê chúng ta chưa làm được mấy là đúng nếu nó kích thích chúng ta phải nỗ lực hơn nữa, nhưng chê mà không đưa ra giải pháp gì khả thi để cải thiện tình hình thì chỉ là “chém gió” cho sướng mồm mà thôi.

Chính vì thế nếu các công ty nước ngoài đưa cơ sở chế tác sang Việt Nam là điều đáng mừng. Đầu tiên nó giải quyết công ăn việc làm cho nhiều người Việt Nam. Dẫu công việc đầu tiên đó có thể là đơn giản, lắp ráp, giá trị gia tăng chưa nhiều trong tổng giá trị của sản phẩm. Làm sao mà có thể đòi hỏi lao động mới từ nông thôn ra các khu công nghiệp làm được những công việc có giá trị cao? Đây là mong muốn phi thực tế. Khi họ có công ăn việc làm, gia đình họ khá giả hơn thì con em họ mới có khả năng học hành, đào tạo để dần dần làm được những công việc có giá trị cao hơn.

Khi trở thành công xưởng thì cần đến nhiều dịch vụ đi kèm, từ cung cấp linh, phụ kiện đến dịch vụ hậu cần, tài chính. Việc này lại tạo thêm công ăn việc làm, tăng cơ hội kinh doanh của các tổ chức khác, tăng kỹ năng và trình độ của người lao động để bước lên những bậc thang cao hơn của chuỗi giá trị. Và rất có thể từ môi trường này sẽ nảy sinh các nhà tư bản nội địa có

sản phẩm, dịch vụ có giá trị cao và có ảnh hưởng ở khu vực và thậm chí thế giới, nhưng việc này cần rất nhiều nỗ lực của doanh nhân, người lao động và Nhà nước.

Nếu trở thành công xưởng và nếu có chính sách khéo thì các công ty đa quốc gia có thể chuyển cả những khâu có giá trị cao (tiếp thị, thiết kế, nghiên cứu phát triển...) sang Việt Nam. Nghe nói Samsung đang xây dựng một trung tâm như vậy ở Hà Nội với gần 4.000 người làm việc (nếu được 50% nhà nghiên cứu phát triển là người Việt Nam thì quả là một bước rất quan trọng, liệu chúng ta có đáp ứng được số kỹ sư, nhà nghiên cứu đó không?).

Nếu Nhà nước trung ương và địa phương có chính sách khéo về nhân lực, đào tạo, về tạo dựng môi trường thông thoáng, thì việc trở thành công xưởng là điều rất đáng mừng.

Ngược lại, nếu chỉ chạy theo con số và có tầm nhìn thiên cận, thì biết đâu chúng ta lại tạo điều kiện cho việc chế tác các sản phẩm mà có thể tốn năng lượng (vì các công ty ấy có thể đòi điện giá rẻ) hay gây ô nhiễm môi trường... Nếu thế thì quả rất đáng lo vì khi hết ưu đãi, khi giá nhân công tăng lên thì các công ty nước ngoài lại bỏ đi ngay và để lại các khu công nghiệp tiêu điều. Đó là việc nên tránh, nên tạo điều kiện để họ ở lại, mang các khâu có giá trị gia tăng cao vào Việt Nam.

Tiến sĩ Nguyễn Quang A là một nhà khoa học, một nhà kinh doanh, ông quan tâm đến nhng vấn đề của đất nước, luôn bên cạnh những nhà yêu nước, đòi hỏi tự do dân chủ nhân quyền cho Việt Nam.

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Quang A Web: vi.wikipedia.org
- *Việt Nam là công xưởng mới ...* Blog: danluan.org

Tiết 7: Những nhà bất đồng chính kiến khác.

Có những nhà bất đồng chính kiến, họ tham gia những cuộc biểu tình chống Trung Quốc về sự lấn chiếm lãnh hải Thác Bản Giốc, Ải Nam Quan, Hoàng Sa - Trường Sa hoặc họ có thái độ, có bài viết nhưng không nằm trong tổ chức hay nhóm nào cả, vì vậy chúng tôi đưa họ vào trong tiết này.

Chẳng hạn như tham gia các cuộc biểu tình ở Hà Nội về biển, đảo có mặt của Tiến sĩ Nguyễn Quang A, Nguyễn Ngọc hoặc kỷ niệm ngày Quốc Tế Nhân quyền có Tiến sĩ Nguyễn Quang A, Nguyễn Huệ Chi...



Nguyễn Huệ Chi, Nguyễn Văn Khải, Nguyễn Ngọc

1) Trần Đĩnh



Trần Đĩnh (1930-20)

Trần Đĩnh sinh năm 1930, tại Hải Hưng

Năm 1946 lúc mới 16 tuổi Trần Đĩnh tham gia Việt Minh

Năm 1948, gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tháng 12 năm 1945 do hoàn cảnh lịch sử, Đảng Cộng sản Đông Dương tuyên bố tự giải tán cùng với cơ quan ngôn luận của nó là tờ *Cờ Giải Phóng*, nhưng thực chất là rút vào hoạt động bí mật. Hội nghiên cứu Chủ nghĩa Mác ở Đông Dương ra đời và xuất bản tờ báo *Sự Thật*. Trong thời gian này Trần Đĩnh được điều về viết cho báo *Nhân dân*.

Năm 1955-1959, ông được đưa qua Trung Quốc, học 5 năm tại đại học Bắc Kinh.

Trần Đĩnh nhận mình là người chấp bút viết tiểu sử của Hồ Chí Minh và tự truyện của nhiều nhân vật như Phạm Hùng, Lê Văn Lương, Bùi Lâm.

Khi Đảng Cộng sản Việt Nam đưa vấn đề chọn lựa tư tưởng Mao để chống xét lại, tức là chống lại chủ trương sống chung

hoà bình do Tổng bí thư đảng cộng sản Liên Xô lúc bấy giờ là Nikita Khrushchev đưa ra, theo Trần Đĩnh, ông đã ủng hộ lập trường của Khrushchev và chống tư tưởng Mao, nên bị khép vào tội chống đảng. Mặc dù không bị bắt như anh ruột ông là Trần Châu, hay như những người khác như Hoàng Minh Chính, Vũ Thư Hiên, hoặc phải sống lưu đày như Nguyễn Minh Cần.v.v..., ông đã phải đi cải tạo lao động. Sau đó tuy ông được làm báo trở lại nhưng có nhiều hạn chế như:"

- 1) Không được ký tên Trần Đĩnh.
- 2) Chỉ viết nông nghiệp, cụ thể là lúa, bò, phân bón, lợn gà. Không được viết anh hùng, chiến sĩ thi đua và cấp ủy cao. Bởi lẽ không đủ tư cách tiếp cận các vị.
- 3) Không được gân thanh niên, "bởi lẽ sẽ đầu độc họ."

Năm 1976, Trần Đĩnh bị khai trừ khỏi Đảng Cộng sản Việt Nam.

Trần Đĩnh tuyên bố mình là một người yêu chuộng tự do dân chủ, ủng hộ những người đang tranh đấu cho dân chủ tại Việt Nam như Thích Quảng Độ, Nguyễn Văn Lý, Nguyễn Đan Quế, Trần Độ, Dương Thu Hương, Hà Sĩ Phu....

Tác phẩm:

- *Bát khuất* (hồi ký của Nguyễn Đức Thuận, 1965)
- *Đèn cù*, (hồi ký, 2 tập, Người Việt books, 2014)
- *Linh Sơn* (dịch của Cao Hành Kiện)
- *Ngâm* (dịch của Murakami Haruki)

Trích văn:

Đèn Cù
Chương 27

Đi từ nửa đêm ở Chợ Đồn Con, Phú Bình, Thái Nguyên, chỗ vợ con sơ tán, mờ sáng ngày 28 tháng 7 năm 1967, qua phà Đông Xuyên sông Hồng, tôi đến ngay báo Nhân Dân. Rất sốt ruột. Muốn gặp Châu. Muốn xem anh đã bình thường lại chưa.

Mấy hôm trước tôi rủ anh xem “Chiến tranh và Hoà bình”, phim Liên Xô chiếu nội bộ ở Viện bảo tàng cách mạng. Ghét Liên Xô, ghét “hoà bình”, người xem chửi cả cụ Lev Tolstoi, “Sao cái bọn này chúng nó sợ chiến tranh đến thế chứ nhỉ, lại đem chiến tranh ra dọa ta nữa”. Nhưng Châu rất đăm chiêu, không để ý tới những cái đó. Lát sau thấy vẽ anh vẫn nghĩ ngợi, bồn chồn, tôi hỏi có chuyện gì thì anh nói có chuyện hơi lôi thôi, anh vừa bị mất mấy đoạn trích biên bản hội đàm mới đây của Đảng cộng sản Trung Quốc và Việt Nam. Mất kèm cả cái quần lụa của vợ.

Tôi nói ngay:

- Kẻ trộm rồi. Nếu là công an thì họ cứ việc đưa lệnh khám nhà rồi bắt luôn đi thôi chứ việc gì phải bày chuyện ăn trộm?

- Hoàng Minh Chính bảo công an lấy - Châu nói - Ủ, Đĩnh thử đến Chính nói là kẻ trộm xem.

Sớm hôm sau tôi đến Chính. Cửa ra vào hành lang đóng, không muốn gọi âm, tôi leo lên nóc bể nước rộng bằng hai gian phòng, toan mượn nó đi qua dãy cửa sổ hành lang, ở trước buồng nhà sư Thiện Chiếu bên cạnh nhà Chính. Ai ngờ mái tôn ọp ẹp, tôi bỗng hoá thành tên trộm trong một phim gián điệp kẻ gian hài. Loảng xoảng thanh la chũm chọe kinh kịch diễn ngoài trời có đến ba phút. Ngay cạnh dãy nhà trung đội lính bảo vệ trụ sở Quốc hội bên kia đường kèm theo dõi Chính và sư Thiện Chiếu.

Chính bảo tôi dứt khoát là công an lấy rồi. Tôi đã bàn với

Châu, bảo Châu nếu họ hỏi thì cứ nói là đến tôi chơi, khi tôi đi rửa ấm chén pha nước, Châu thấy trên bàn có tài liệu hay thì lấy về xem xong trả sau, sợ mượn tôi không đưa vì là tài liệu tuyệt mật.

Biên bản này là một trong vài phần tử quan trọng cấu thành vụ án chống đảng, lật đổ, tay sai nước ngoài... Nhưng bản thân nó thì rất hay: cho thấy Bắc Kinh và Hà Nội bắt đầu mâu thuẫn nhau về hai vấn đề. Một là Đảng cộng sản Trung quốc cho rằng Mỹ thế nào cũng đánh Trung Quốc và khi ấy Liên Xô sẽ nhất định theo Mỹ đánh hô; do đó hai, Việt Nam cần đánh đến cùng chứ nghĩ đến đàm phán. Stalin từng khuyên đừng vượt Trường Giang Nam hạ nhưng Trung Quốc không nghe. Không nói ra nhưng ngụ ý Việt Nam đừng đánh là nó sẽ rảnh tay đánh Trung Quốc dữ, vậy hãy ra sức phen giậu khỏe vào cho tôi.

Còn nay hốt vì Cách mạng văn hoá ngày thêm rối bết, triển vọng nguy hiểm, Lê Duẩn không dại hết lòng nghe đại hậu phương nữa mà muốn quay lại với “hai vai hai gánh ân tình” nên đáp lại rằng thứ nhất, nếu Mỹ đánh Trung Quốc thì Liên Xô nhất định giúp Trung Quốc chống Mỹ. Thế là hết theo Mao coi Liên Xô là phản thù, đầu hàng Mỹ bỏ rơi Việt Nam cho Mỹ xâm lược như hồi Hội nghị trung ương 9. Và thứ hai, Việt Nam đánh đến cùng nhưng vẫn cần vừa đánh vừa đàm.

Một cuộc họp vậy là vô cùng quan trọng, theo chúng tôi. Một khe nứt ngoài sức tưởng tượng! Ngày nào ai nói vừa đánh vừa đàm, ai nói Liên Xô cũng bên Trung Quốc mà chống Mỹ thì cầm chắc chết. Nay lại chính là Bộ chính trị.

Thay đổi quả là nhanh gọn. Trước kia ai li khai Liên Xô, tổ quốc của cách mạng vô sản thế giới thì chết, ai dè đến Nghị quyết 9 chửi Liên Xô phản động lại là tuyệt vời cách mạng.

Dân từ đó đẻ ra câu: sáng đúng chiều sai đến mai lại đúng. Và

ông Trung Quốc bà Liên Xô, ông nhảy dây, bà đá bóng. Lộn tùng phèo hết.

Còn tại sao biên bản này đến tay Châu? Mỗi Trung ương uỷ viên có một bản. Ung Văn Khiêm cho Thiện Chiếu mượn. Thiện Chiếu đưa cho Chính. Chính chép lại những đoạn cốt yếu rồi đưa Châu. Thì lộ từ chỗ Châu. Sau này khi đề nghị xoá án cho vụ xét lại, Nguyễn Trung Thành bảo tôi đó là do đặc tình nó báo. Và, cũng theo Thành, nhờ cú bố trí “đánh cắp” tài liệu và cái quần lụa “hoả mù” này, Lê Kim Phùng đã được Trung ương cấp cho cái nhà rất sang, số 3 Lý Thường Kiệt, bên cạnh nhà Vũ Đình Huỳnh. Năm 1995, theo Nguyễn Trung Thành gợi ý, “Phùng thích anh đấy, anh có khi vận động được Phùng ủng hộ tôi”, tôi đã đến đưa thư động viên Phùng nên cùng Thành xin Trung ương xem lại vụ án. Nhà quá đẹp, Trung Thành thêm một đời hàm bộ trưởng nữa cũng chưa chắc có nổi. Nhưng Phùng đã theo Nguyễn Đình Hương khẳng định lại vụ án xét lại.

Thiện Chiếu ở cạnh buồng Hoàng Minh Chính xem vẽ ý hợp tâm đầu với nhau. Em trai nhà sư, Mười, học lý luận hội hoạ ở Liên Xô, chuyện với tôi cũng ghè Mao ra phết. Thế nhưng Thiện Chiếu lên tên phổ còn Chính thì rẽ xà lim.

Trong bài: *Độc Đèn Cù của Trần Đình*, Phan Tấn Hải đã viết: *Trần Đình đã cầm bút lên để viết như một chứng nhân của cách mạng, viết như một nạn nhân của vụ án xét lại, viết như một nhà văn trôi nổi với lịch sử dân tộc, và trong tận cùng là viết như một người con rất mực yêu thương đất mẹ.*

Tài liệu tham khảo:

- Trần Đình Web: vi.wikipedia.org
- *Đèn Cù* Web: sachhiem.net

2) Nguyễn Thanh Giang



Nguyễn Thanh Giang (1936-20)

Tiến sỹ Nguyễn Thanh Giang sinh ngày 6 tháng 7 năm 1936 tại Thị xã Thanh Hóa, trong một gia đình trí thức.

Tuổi thơ ông rất gian nan. Cha mẹ ly dị từ ngày mới một tuổi, ông phải về sống với bà nội. Do nhà cửa bị phá trong “tiêu thổ kháng chiến”, phải tản cư về nông thôn nên gia đình bà nội trở nên nghèo khó. Ông vừa đi học vừa phải góp phần tự kiếm sống từ năm lên tám. Lúc lê la công chợ bán xôi bán nước, lúc ra đồng kéo te kéo tép, lúc ngồi xe bông kéo sợi, lúc đi cày thuê cuốc mướn ... Mặc dầu vậy, nhờ chăm chỉ học hành nên năm 1947 ông đã đỗ Primaire (văn bằng Tiểu học)

Năm 1952, ông phải khai tăng tuổi để được vào biên chế nhà nước và được bổ làm giáo viên dạy học ở Hoàng Đức, Hoàng Hóa, Thanh Hóa. Không yên lòng sống với nghề giáo tĩnh lặng, ông tự tạo trục đầu xung phong đi bộ đội chống Pháp nhưng vì sức yếu ông được cho giải ngũ sau một thời gian ngắn.

Năm 1962, tốt nghiệp khoa Lý –Toán Đại học Tổng hợp Hà Nội, ông được phân công công tác tại Vụ Kỹ thuật Tổng cục Địa chất rồi sau đó về làm giám đốc bộ môn Địa Vật lý Cục Bản đồ Địa chất. Ông là người đầu tiên phát hiện khả năng

chứa Uranium của địa tầng than Nông Sơn, là người tự thiết kế và lắp ráp phòng thí nghiệm Cổ từ đầu tiên ở Đông Nam Á và đã thực hiện gần 30 công trình nghiên cứu cùng một số tập sách khoa học đã được xuất bản ... Ông được chính quyền cơ sở đề nghị phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động nhưng vì “ lý lịch có vấn đề ” (thân sinh ông di tản sang Hoa Kỳ) nên không được xét duyệt

Năm 1980, ông là nhà khoa học Việt Nam đầu tiên trong ngành địa chất được một tổ chức khoa học kỹ thuật của Liên Hiệp Quốc (CCOP) mời đọc báo cáo về Cổ từ học trong một Hội thảo Quốc tế ở Kuala Lumpur. Nhờ vậy, trong thế hệ ông, ông là một trong số rất ít nhà khoa học Việt Nam được Phương Tây biết đến sớm nhất. Năm 1989, được mời trình bày báo cáo tại Hội nghị Địa chất Quốc tế lần thứ 28 tổ chức tại Washington DC., ông là nhà khoa học Việt Nam XHCN đầu tiên đọc báo cáo khoa học tại Thủ đô Hợp chủng quốc Hoa Kỳ. Ông cũng là nhà khoa học Việt Nam xã hội chủ nghĩa đầu tiên đã tham gia tổ chức một vài cuộc Hội thảo khoa học Địa chất – Địa Vật lý tại các trường đại học Illinois- Chicago, Texas A&M, và đại học UCLA ở Los Angeles vào các năm 1991, 1996. Từ đấy, chính ông đã bắc những nhịp đầu tiên cho cây cầu nối quan hệ Việt Nam-Hoa Kỳ qua việc mời mấy đoàn cán bộ khoa học Địa Vật lý và Địa chất Dầu khí đầu tiên vào Việt Nam. Thông qua mối quan hệ với các nhà khoa học Mỹ và quan chức Đại sứ quan Hoa Kỳ tại Việt Nam ông đã thiết thực vận động cho BTA, PNTR và cho tiến trình hội nhập Việt Nam vào thế giới tiên tiến từ rất sớm.

Năm 1996, tiến sỹ Nguyễn Thanh Giang nghỉ hưu và chuyển dần sang hoạt động chính trị. Mặc dù phương pháp đấu tranh cho dân chủ, nhân quyền của ông không những hoàn toàn bất bạo động mà còn chỉ gồm những bài viết, những thư từ góp ý gửi lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Quốc hội với lời lẽ rất ôn hòa.

Ngày 4-3 năm 1999 ông bị nhà cầm quyền Việt Nam bắt giam điều tra trong 2 tháng. Không đưa được ông ra tòa vì không thể chính thức ghép ông tội gì, nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam đã lẳng lẳng thả ông ra nhưng sau đó vẫn tiếp tục hành hạ, đày đọa ông.

Năm 2009, Nguyễn Thanh Giang chủ trương bán nguyệt san Tổ Quốc, số 1 ra mắt ngày 15-9-2006. Hội Đồng cố vấn gồm có: Nguyễn Minh Cần, Phạm Quế Dương, Nguyễn Thanh Giang, Nguyễn Hộ, Nguyễn Gia Kiểng, Bùi Tín. Ban Biên Tập gồm có: Nguyễn Phương Anh, Phạm Quế Dương, Phạm Hồng Đức, Nguyễn Thanh Giang, Phan Thế Hải, Nguyễn Văn Hiệp, Vương Quốc Hoài, Nguyễn Chính Kết, Trần Lâm, Tuệ Minh, Vũ Cao Quận, Trương Nhân Tuấn, Đặng Văn Việt, Phạm Việt Vinh. Cho đến ngày 15-5-2015, Tổ Quốc phát hành số 204. Đây là tờ báo điện tử, các số un ra giấy để biếu, không bán.

Tác phẩm:

- *Mặt trăng* (Khoa học Kỹ thuật, 1978)
- *Từ trường - Trái đất* (ĐH và GDCN, 1989)
- *Khát vọng ngàn đời* (Chính Luận, Hoa Kỳ, 1996)
- *Suy tư và Ước vọng* (Chính Luận, HK, 2001)
- *Nhân quyền và Dân chủ ở Việt Nam* (Chính Luận, HK, 2006)
- *Giữa Đông và Tây* (Chính Luận, HK, 2008)
- *Sứ mệnh công dân* (Chính Luận, HK, 2009)
- *Những mẫu quặng học đường* (thơ, HNVTN, 2013)

Tài liệu:

Ông Trọng đã khá hơn

Cái khá thứ nhất: Lần này ông Nguyễn Phú Trọng đã không khoe: “Trong các nhà lãnh đạo Cộng sản Việt Nam, tôi là người đi thăm Trung Quốc chính thức nhiều nhất”.

Hồi mới lên chủ tịch Quốc hội, ông vội vàng sang yết kiến thiên triều ngay và tâng công: “Lên làm chủ tịch Quốc hội, Trung Quốc là nước đầu tiên tôi đi thăm”. (Hồi ấy ông Nguyễn Tấn Dũng thì chọn Nhật Bản, ông Nguyễn Minh Triết thì chọn Lào là các nước đầu tiên để đi thăm. Phải chăng ông Trọng mách rằng hai ông kia thất lễ!), Không biết có phải nhờ câu nịnh khéo ấy mà Nguyễn Phú Trọng đã vượt qua đầu Nguyễn Minh Triết và Nguyễn Tấn Dũng để được lên làm Tổng Bí thư?

Cái khá thứ hai: Trong bản ký kết với Tập Cận Bình lần này Nguyễn Phú Trọng chỉ cho Trung Quốc vào mấy tỉnh biên giới: “Hai bên tích cực nghiên cứu việc đàm phán, ký kết Hiệp định sửa đổi về thương mại biên giới Việt – Trung. Sớm bàn bạc và xác định phương án tổng thể chung về xây dựng khu hợp tác kinh tế qua biên giới”; “Tiếp tục phát huy tốt vai trò của Ủy ban liên hợp biên giới trên đất liền Việt – Trung, thực hiện tốt các văn kiện về biên giới trên đất liền giữa hai nước; sớm ký “Hiệp định hợp tác bảo vệ và khai thác nguồn tài nguyên du lịch khu vực Thác Bản Giốc” và “Hiệp định về quy chế tàu thuyền tự do đi lại tại khu vực cửa sông Bắc Luân”; cùng duy trì bảo vệ sự ổn định và phát triển của khu vực biên giới. Phát huy tốt vai trò của Ủy ban hợp tác quản lý cửa khẩu biên giới đất liền Việt – Trung; tăng cường xây dựng và quản lý cơ sở hạ tầng cửa khẩu biên giới hai bên, nâng cao mức độ mở cửa hợp tác của các cửa khẩu biên giới hai nước. Tăng cường hợp tác giữa các tỉnh/khu biên giới hai bên, thúc đẩy cùng phát triển khu vực biên giới hai nước”.

Còn nhớ, ngày 15 tháng 10 năm 2011. Nguyễn Phú Trọng đã ký kết với Hồ Cẩm Đào như sau: “Mở rộng hơn nữa sự giao lưu, hợp tác giữa các địa phương hai nước, nhất là các tỉnh

giáp biển, giáp biên giới của hai nước như Lạng Sơn, Lào Cai, Cao Bằng, Quảng Ninh, Điện Biên, Hà Giang, Lai Châu của Việt Nam với Quảng Tây, Quảng Đông, Vân Nam, Hải Nam của Trung Quốc”.

Do ký kết như vậy, Nguyễn Phú Trọng đã mở đường cho Trung Quốc tràn sang lập làng, mở phố, xây dựng căn cứ địa ở Vũng Áng, Tây Nguyên, Nam Định, Bình Dương ...

Nguy hiểm hơn, trong bản ký kết với Hồ Cẩm Đào, Nguyễn Phú Trọng còn chính thức mời Trung Quốc chuẩn bị đưa quân đội, công an sang “giữ gìn ổn định trong nước của mình”:

“Năm là, đi sâu hơn nữa hợp tác giữa hai nước trong lĩnh vực thi hành pháp luật và an ninh ... cùng phòng ngừa và tấn công các hoạt động vi phạm pháp luật, tội phạm xuyên biên giới; tăng cường phối hợp và ủng hộ lẫn nhau trong việc giữ gìn ổn định trong nước của mình”.

Điểm khá thú vị ba: Lần này ông Nguyễn Phú Trọng đã biết vận dụng DOC, COC để không chế Trung Quốc ở Biển Đông: “Cùng kiểm soát tốt bất đồng trên biển, thực hiện đầy đủ có hiệu quả Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC) và sớm đạt được Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông (COC)”

Trong khi lãnh đạo các nước và một số lãnh đạo ta đã biết sử dụng vũ khí DOC, COC và luật pháp quốc tế để kiềm chế Trung Quốc thì văn bản Nguyễn Phú Trọng ký kết với Hồ Cẩm Đào, không hề đề cập đến DOC, chứ đừng nói COC: *“Hai bên đánh giá tích cực việc hai nước ký kết “Thỏa thuận các nguyên tắc cơ bản chỉ đạo giải quyết các vấn đề trên biển,” cho rằng việc ký kết Thỏa thuận này có ý nghĩa chỉ đạo quan trọng đối với việc xử lý và giải quyết thỏa đáng vấn đề trên biển, sẽ cùng nỗ lực thực hiện nghiêm chỉnh Thỏa thuận này”.*

Không biết “Thỏa thuận các nguyên tắc cơ bản chỉ đạo giải quyết vấn đề trên biển giữa nước cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.” đã viết thế nào mà chỉ hai ngày sau đó nhà cầm quyền Bắc Kinh, thông qua người phát ngôn Bộ Ngoại giao Trung Quốc Lưu Vi Dân, sung sướng tung hô trước dư luận thế giới: “Tuyên bố chung Trung-Việt“ có ý nghĩa chỉ đạo quan trọng trong việc thúc đẩy quan hệ hai nước phát triển lâu dài, lành mạnh và ổn định. Trung Quốc và Việt Nam thông qua đàm phán giải quyết tranh chấp trên biển giữa hai nước không liên can gì với bên thứ ba.“

Có hai việc rất chưa được:

Một là: Tuyên bố Nguyễn Phú Trọng – Tập Cận Bình chỉ đề cập vấn đề rất nhỏ là hợp tác khai thác du lịch Thác Bản Giốc mà lẩn tránh vấn đề hết sức đáng quan ngại; Trường Sa. Ở Trường Sa Trung Quốc không chỉ xây sân bay trên đảo Gạc Ma mà đang khân trương biển ít nhất 5 bãi đá ngầm nữa: Ga Ven (Gaven), Châu Viên (Cuarteron), Chử Thập (Fiery Cross), Tư Nghĩa (Hughes), và Én Đất (Eldad) thành các đảo. Hoa Kỳ đã nghiêm khắc cảnh báo: Trung Quốc đang xây Vạn Lý Trường Thành trên Biển!

Hai là: Khi nói chuyện với đồng đảo thanh niên Việt Nam và Trung Quốc, Tập Cận Bình chỉ nói: “Trung Quốc đang đoàn kết, phấn đấu xây dựng xã hội khá giả toàn diện, thực hiện phục hưng dân tộc Trung Hoa, đi sâu cải cách toàn diện, quản lý đất nước theo pháp luật toàn diện, quản lý Đảng nghiêm minh toàn diện”.

Trong khi đó ông Nguyễn Phú Trọng vẫn ra rả kêu gọi “Xây dựng Chủ nghĩa Xã hội”.

Rõ ràng, ông này bào hoàng hơn vua.

Chẳng những thế ông ta còn tỏ ra không bèn nhậy với thời cuộc, quá trì trệ, quá lạc hậu, quá u mê. Ông là Tổng Bí thư quá non yếu, non yếu hơn cả những người tiền nhiệm ít học.

Hắn là ông đã lẳng lẳng tiếp thu ý kiến phản biện thẳng thắn, quyết liệt của chúng tôi nên mới khá lên được chút ít. Nghĩ rằng, ông nên mời các trí thức thực sự có tâm, có tầm (chứ không phải những nịnh thần, những quân sư quạt mo) đến, thành khẩn nghe họ nói để giác ngộ thêm chút nữa, may chăng mới đạt được kết quả khả dĩ tốt đẹp trong chuyến thăm Hoa Kỳ sắp tới.

Hà Nội 10 tháng 4 năm 2015

Nguyễn Thanh Giang

Số nhà 5, ngõ 341, đường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm-HN

Nguyễn Vũ Bình nguyên Biên tập viên *Tạp chí Cộng sản* đã viết về Nguyễn Thanh Giang như sau:

Có thể nói tiến sĩ Nguyễn Thanh Giang là một nhà trí thức rất nặng tình với vận mệnh dân tộc. Ông dâng hiến trái tim đầy nhiệt huyết cho khát vọng dân chủ và đã trở thành tấm gương sáng trong phong trào đấu tranh cho dân chủ ở Việt Nam. Ngay từ những năm tháng mà những cảm đoán và sự kiểm soát của chính quyền còn rất ngặt nghèo đầu thập kỷ 80, thông qua các kênh góp ý chính thức, ông đã bày tỏ được những trăn trở, suy tư đầy trách nhiệm về tình hình đất nước.

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Thanh Giang Web: nguyenthanhgiang.com
- Ông Trọng đã khá hơn Blog: doithoaionline.wordpress.com

3) Đào Hiếu



Đào Hiếu - Đào Chí Hiếu (1946-20)

Nhà văn Đào Hiếu tên thật là Đào Chí Hiếu, sinh ngày 10 tháng 2 năm 1946 tại Tây Sơn, tỉnh Bình Định. Ông còn có các bút danh khác là Biển Hồ, Đào Duy.

Ông sớm gia nhập phong trào sinh viên cách mạng tại Quy Nhơn.

Năm 1968 ông gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Năm 1970 ông bị bắt quân dịch và trở thành binh nhì sư đoàn 22 Quân lực Việt Nam Cộng Hoà.

Sau sáu tháng, ông trốn vào Sài Gòn bắt liên lạc với Tổng hội sinh viên học sinh để tiếp tục hoạt động chống Mỹ cho đến ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Trước năm 1975, ông tốt nghiệp Cử nhân văn chương tại Sài Gòn. Sau năm 1975, ông sống tại thành phố HCM, từng làm phóng viên báo Tuổi Trẻ và Nhà xuất bản Trẻ. Hội viên Hội nhà văn Việt Nam.

Đào Hiếu được Giải thưởng Hội nhà văn Việt Nam năm 1976, với tác phẩm *Giữa cơn lốc*.

Tác phẩm:

- *Giữa cơn lốc* (Tp. HCM, 1978)
- *Bầy chim sẻ* (Văn Nghệ, 1982)
- *Một chuyến đi xa* (Măng Non, 1984)
- *Qua sông* (Văn Nghệ, 1986)
- *Vùng biên mất tích* (Đồng Nai 1987)
- *Vượt biển* (Trẻ, 1988)
- *Vua Mèo* (Trẻ, 1989)
- *Người tình cũ* (Văn Nghệ, 1989)
- *Kẻ tử đạo cuối cùng* (Trẻ, 1989)
- *Thung lũng ảo vọng* (Trẻ, 1989)
- *Hoa đại lang thang* (Văn Học, 1990)
- *Trong vòng tay người khác* (Tác Phẩm Mới, 1990)
- *Kỷ niệm đàn bà* (Văn Nghệ, 1990)
- *Nổi loạn* (Hội Nhà Văn, 1993)
- *Những bông hồng muộn* (Trẻ, 1999)
- *Lạc Đường* (tự truyện, Giấy Vụn, 2008)
- *Tuyển tập Đào Hiếu* (Kim Thu Production USA, 2009)
- *Mạt lộ* (Lê Bên Trái, 2009)
- *Tình địch* (Trẻ, 2003)
- *Đường phố và thêm nhà* (tập thơ, Trẻ 2004)
- *Bù khú tiên sinh* (Kim Thu Production USA, 2010)
- *Nữ quái* (Lê Trái, 2012)
- *A lady from "R"* (bản dịch *Mạt lộ*, Lê Trái, 2012)
- *Tuyển tập truyện ngắn* (Lê Trái, 2012)
- *Tuyển tập thơ* (Lê Trái, 2012)
- *Tạp văn* (Lê Trái, 2012)
- *Tiểu luận* (Lê Trái, 2012)

Trích văn:

Lạc đường

Tựa

Mùa Thu năm 2007 tôi gặp nhà văn Nguyễn Mộng Giác tại Hoa Kỳ. Tôi khoe với anh là mình đang viết hồi ký. Anh nói: viết hồi ký cũng giống như quay phim đám cưới. Phim quay xong, người trong cuộc ngồi xem rất thích thú nhưng người ngoài chỉ liếc mắt ngó qua rồi đi, vì đám cưới ấy chẳng dính dáng gì tới họ.

Anh nói nghe rất có lý.

Hơn nữa tôi không phải là một nhân vật quan trọng nào đó mà chỉ là một anh Việt cộng nằm vùng không mấy người biết đến.

Nhưng tôi tin rằng hồi ký của gã vi-xi vô danh ấy sẽ thu hút người đọc và biết đâu sẽ gây tiếng vang lớn.

Tôi bắt đầu viết hồi ký này giữa năm 2006, viết được hơn một nửa thì tôi sang Mỹ và hoàn tất nó vào mùa Thu năm 2007 tại thành phố Lake Forest và quyết định gọi tên nó là “tự truyện Lạc Đường”.

Đầu năm 2008 tôi về Việt Nam, đưa bản thảo cho vài người bạn. Và nó đã được đón nhận rất ồn ào. Từ vài ba người bạn thân, nó lan truyền trong giới nhà văn nhà báo và họa sĩ. Đáng ngạc nhiên nhất là giới luật sư đọc rất nhiều.

Biết rằng tự truyện này không thể xin giấy phép in công khai được, tôi bèn gởi nó cho trang web Talawas. Mười ngày sau tôi nhận được thư của chị tổng biên tập Phạm Thị Hoài. Chị nói: “Tôi sẽ đích thân biên tập tác phẩm này.” Rồi tự truyện Lạc Đường xuất hiện trên Talawas. Hai mươi bốn giờ sau, chị Hoài lại viết cho tôi: “đã có 15.333 lượt người đọc”.

Mấy hôm sau, buổi tối, khi tôi đang nằm coi TV thì nhận được cú điện thoại từ đài BBC. Lê Hải gọi tôi. Anh nói: “Tôi đã đọc xong tự truyện Lạc Đường của anh và rất khâm phục. Xin chia

vui cùng anh. Anh có thể cho đài BBC một cuộc phỏng vấn không?”

Đó là cuộc phỏng vấn dài 20 phút phát sóng sau đó mấy ngày và được phát lại lần thứ hai cách nửa tháng.

Tôi rất cảm ơn Talawas và đài BBC vì nhờ các phương tiện truyền thông này mà tự truyện Lạc Đường đã được hàng vạn người biết đến. Đạo ấy mỗi ngày tôi nhận được rất nhiều thư độc giả từ khắp Việt Nam và khắp nơi trên thế giới gửi về qua địa chỉ E.mail của tôi. Tôi biết mình đã thành công ngoài dự kiến và điều mà anh Nguyễn Mộng Giác lo ngại đã không xảy ra.

Ở lần tái bản này tôi đã sửa chữa và bổ sung một số thiếu sót. Những chuyện được kể trong tác phẩm này là sự thật mặc dù đôi khi, do không kiểm chế nổi sự nóng cuồng của mình, tôi đã thể hiện nó như một tiểu thuyết.

Nhà thơ Ý Nhi viết về *Lạc Đường* của Đào Hiếu:

Tôi vừa đọc xong Lạc Đường. Có lẽ là rất muộn so với thời điểm tác phẩm xuất hiện? Tôi vốn chậm chạp mà. Tôi đã đọc các chương một cách liên tục vì chúng rất hấp dẫn. Mỗi chương gần như đều độc lập nhưng vẫn giữ được mối liên hệ máu thịt với các chương khác.

Nhưng điều đáng nói hơn cả chính là tư tưởng của tác phẩm. Cuối cùng, dù cay đắng, đau đớn, chúng ta đã ngộ ra sự lạc đường của mình. Còn khối người không nhận ra điều này.

Tài liệu tham khảo:

- Đào Hiếu Web: vi.wikipedia.org
- *Lạc Đường* Blog: haingoaiphiedam.com

4) Cù Huy Hà Vũ



Cù Huy Hà Vũ (1957-20)

Cù Huy Hà Vũ sinh ngày 2 tháng 12 năm 1957 tại xã Ân Phú, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh, là con trai của cô nhà thơ Việt Nam nổi tiếng, Bộ trưởng Cù Huy Cận, là con nuôi và là cháu ruột của nhà thơ Ngô Xuân Diệu.

Sau khi tốt nghiệp Đại học Ngoại ngữ Hà Nội (chuyên ngành tiếng Pháp), từ năm 1979, Cù Huy Hà Vũ làm việc tại Ban Thông tin Học viện Quan hệ Quốc tế. Trong thời gian 5 năm làm việc ở học viện này, Cù Huy Hà Vũ thường xuyên sang Pháp để tiếp tục học tiếng Pháp và học thêm các chuyên ngành quản lý nhà nước, quan hệ quốc tế, luật kinh tế.

Ông tốt nghiệp Học viện Hành chính công tại Pháp. Ông còn là Thạc sĩ văn chương, Tiến sĩ Luật (đại học Sorbonne) và họa sĩ - Hội viên Hội Mỹ thuật Việt Nam. Dù ông Vũ không có giấy phép hành nghề luật sư, gia đình ông có Văn phòng luật sư

mang tên Cù Huy Hà Vũ, do vợ ông là luật sư Nguyễn Thị Dương Hà làm trưởng văn phòng.

Năm 2006, ông đã nộp đơn tự ứng cử chức Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin. Thứ trưởng Bộ Tư pháp Uông Chu Lưu khẳng định chỉ có Thủ tướng mới có quyền chỉ định các thành viên nội các để Quốc hội duyệt.

Năm 2007, Cù Huy Hà Vũ từng tranh cử Đại biểu Quốc hội với tư cách "ứng viên độc lập", nhưng bị loại ngay từ vòng "lấy ý kiến cử tri của tổ dân phố".

Ông Vũ từng công tác tại Bộ Ngoại giao Việt Nam trước khi bị cho thôi việc năm 2009 với lý do "bỏ cơ quan không đến làm việc".

Ngày 11 tháng 6 năm 2009 ông gửi đơn kiện Nguyễn Tấn Dũng là thủ tướng nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam về việc ký quyết định cho phép Trung Quốc khai thác quặng bauxit ở Tây nguyên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2010, tiến sĩ Hà Vũ lại có đơn kiện Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng về hành vi "ban hành nghị định cấm công dân khiếu nại tập thể, trái với Hiến pháp và pháp luật".

Ông được dư luận thế giới chú ý đến sau khi đệ đơn kiện thủ tướng Việt Nam đương nhiệm Nguyễn Tấn Dũng, và được nhiều báo đài quốc tế như BBC, VOA, AFP quan tâm phỏng vấn. Tuy nhiên giới chức tòa án Việt Nam nói luật pháp hiện hành "không cho phép họ thụ lý đơn kiện thủ tướng".

Cù Huy Hà Vũ bị bắt từ ngày 5 tháng 11 năm 2010 với cáo buộc "Tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam" theo điều 88 – Bộ luật Hình sự, trong đó đơn

kiện thủ tướng của ông bị cho là "*vu khống lãnh đạo*". Theo khoản 1, điểm C, Điều 88 Bộ luật Hình sự, ông Cù Huy Hà Vũ bị khép tội "Làm ra, tàng trữ, lưu hành các tài liệu, văn hoá phẩm có nội dung chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam". Ngày 4 tháng 4 năm 2011, ông Vũ bị kết án 7 năm tù giam và 3 năm quản chế tại địa phương vì tội danh trên.

Ngày 5 tháng 4 năm 2011, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ đã bày tỏ quan ngại về việc Việt Nam vi phạm Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền và kêu gọi trả tự do ngay lập tức cho ông Cù Huy Hà Vũ, nhưng Việt Nam cảnh cáo Hoa Kỳ không được can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam và khẳng định "không có cái gọi là tù nhân lương tâm ở Việt Nam". Cùng ngày, Tổ chức Ân xá Quốc tế đã công nhận Cù Huy Hà Vũ là một tù nhân lương tâm, đồng thời kêu gọi Việt Nam trả tự do cho ông này.

Ngày 6 tháng 4 năm 2011, Liên Hiệp Châu Âu EU cũng bày tỏ quan ngại sâu sắc về phiên xử, và tuyên bố việc buộc tội ông Vũ là "không phù hợp" với Tuyên ngôn Quốc tế về Nhân quyền và Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị mà Việt Nam đã ký kết.

Tối chủ nhật ngày 6 tháng 4 năm 2014 ông Vũ được đưa thẳng từ nhà tù đến sân bay Nội Bài để cùng vợ sang Mỹ với danh nghĩa chữa bệnh.

Ngày 6 tháng 5 năm 2014, ông Vũ đã xuất hiện trước công chúng, qua cuộc họp báo tại trụ sở Quốc hội Hoa Kỳ ở thủ đô Washington DC.

Ngày 22 tháng 10 năm 2014, trả lời đài RFI, ông Vũ khẳng định dù ở nước ngoài, ông vẫn sẽ tiếp tục đấu tranh cho dân chủ ở Việt Nam.

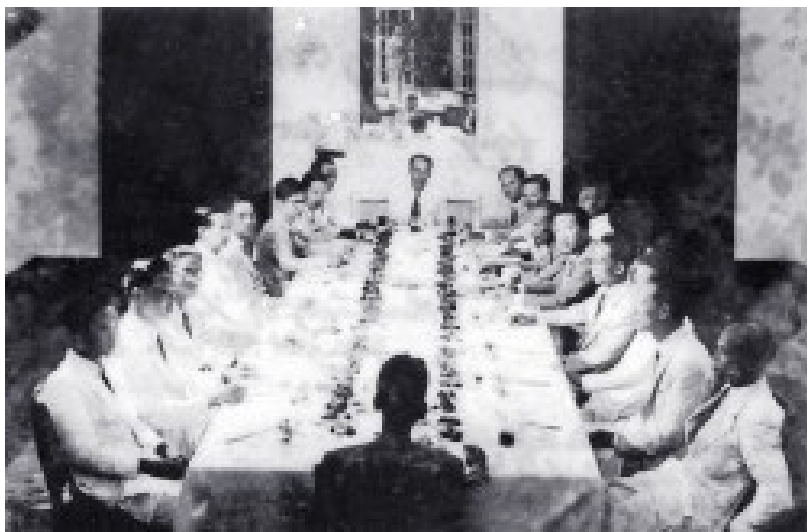
Tài liệu:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội ngày 30/8/2010

KIẾN NGHỊ
TRẢ TỰ DO CHO TẤT CẢ TÙ NHÂN CỰU QUÂN NHÂN
VÀ VIÊN CHỨC CHÍNH QUYỀN VIỆT NAM CỘNG HÒA,
LẤY “VIỆT NAM” LÀM QUỐC HIỆU ĐỂ HÒA GIẢI DÂN
TỘC

Kính gửi: Quốc hội Việt Nam



Một buổi họp của Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Cố vấn tối cao Vĩnh Thụy ngồi cạnh Chủ tịch Hồ Chí Minh (giữa, dãy phải), Bộ trưởng Cù Huy Cận (đầu, dãy trái).

Tôi là Cù Huy Hà Vũ, Công dân Việt Nam, Tiến sĩ Luật, HKTT tại 24 Điện Biên Phủ, Hà Nội, xin gửi tới Quốc hội lời chào kính trọng và căn cứ Điều 53 Hiến pháp, kiến nghị với Quốc hội như sau:

Có Hai sự thật về chiến tranh Việt Nam kết thúc vào ngày 30/4/1975:

Sự thật thứ nhất – Đó là cuộc chiến tranh nhằm thống nhất đất nước để Độc lập dân tộc mà nhân dân Việt Nam đã giành được cách đây 65 năm, ngày 2/9/1945, được toàn vẹn.

Thực vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: *“Nước Việt Nam là Một, Dân tộc Việt Nam là Một – Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song Chân lý đó không bao giờ thay đổi”*.

Trong cuộc trả lời phỏng vấn của Đài Tiếng nói Hoa Kỳ (VOA) ngày 29/4/2010 tôi cũng đã khẳng định: *“Dân tộc Việt Nam là một dân tộc thuần Việt suốt chiều dài lịch sử và chính đặc điểm “thuần Việt” này đã hình thành cho người Việt tư tưởng Một dân tộc, Một quốc gia hay Dân tộc đồng nhất với Quốc gia, để từ đó đi đến nguyên lý bất di bất dịch: không thể có độc lập dân tộc thực sự với một quốc gia bị chia cắt về lãnh thổ, hay Độc lập dân tộc phải gắn liền với Thống nhất lãnh thổ quốc gia, Thống nhất đất nước – Hệ tư tưởng mà tôi gọi là Chủ nghĩa Nhất thể Việt (Vietnamunism)”*.

Sự thật thứ hai – Dù là tất yếu để Non – Sông Việt Nam liền một giải, để Độc lập Dân tộc được toàn vẹn thì đó vẫn là một

cuộc Nội chiến, một cuộc chiến tranh Huynh – Đệ tương tàn giữa những người Việt Nam.

Vì vậy, một khi chiến tranh chấm dứt thì xóa bỏ hận thù giữa những người Việt từng ở hai bờ chiến tuyến hay Hòa giải Dân tộc là Nghĩa vụ, và hơn thế nữa, là Đạo lý của mọi người Việt Nam. Và trong sự nghiệp Hòa giải này – tôi khẳng định – vĩ đại không kém cuộc chiến vừa kết thúc nhằm thống nhất đất nước – những người chiến thắng phải đi bước trước, mà giang tay ôm vào lòng những người anh em chiến bại để tỏ chữ Hiếu đối với Mẹ chung – Tổ quốc, để mọi người Việt dấu chính kiến có khác biệt lại sum họp Một Nhà!

Cũng chỉ có thế, những thành công ngoạn mục mới có thể đến với người Việt Nam thời hậu chiến! Và trong trường hợp đó người Mỹ hẳn là tấm gương tốt để người Việt noi theo.

Thực vậy, sở dĩ Hoa Kỳ trở thành cường quốc số một thế giới cho dù mới hơn 300 năm tồn tại – chưa bằng 1/10 chiều dài lịch sử của người Việt – là vì người Mỹ trước hết biết xóa bỏ hận thù dân tộc, quân đội miền Bắc thắng trận trong cuộc nội chiến kết thúc vào năm 1965 biết bồng súng chào những người lính miền Nam đã hạ vũ khí!

Trên thực tế, chính Chủ tịch Hồ Chí Minh, chứ không phải ai khác, đã tiếp thu bài học Hòa giải dân tộc ấy của người Mỹ khi bổ nhiệm Cựu hoàng Bảo Đại nay là công dân Vĩnh Thụy làm Cố vấn tối cao của Chính phủ lâm thời Việt Nam dân chủ cộng hòa chỉ ít ngày sau khi Phái đoàn Chính phủ gồm các ông Trần Huy Liệu, Nguyễn Lương Bằng và Cù Huy Cận tiếp nhận sự thoái vị của vị Hoàng đế Việt Nam cuối cùng vào ngày này, 30/8, cách đây 65 năm tại Ngọ Môn – Kinh thành Huế, tạo nên sự ủng hộ tuyệt đối của mọi người Việt Nam đối với chính thể cộng hòa.

Trở trêu thay, Ban lãnh đạo của nước Việt Nam thống nhất sau 30 năm chiến tranh chẳng những đã không học tập tấm gương hòa giải dân tộc của Hồ Chí Minh, mà ngược lại, còn khoét sâu vết thương của dân tộc bằng việc tập trung “cải tạo” trong nhiều năm trời cả trăm nghìn quân nhân, viên chức Việt Nam cộng hòa, bằng kỷ niệm liên tục 35 năm nay “Ngày giải phóng Miền Nam” đậm chất “thắng – thua”... đây không ít người Việt thuộc chính quyền cũ rơi vào vòng xoáy của sự thù hận với hệ quả là một số người bị chính quyền mới kết vào “tội xâm phạm an ninh quốc gia”!

Và hận thù ấy lại dẫn đến chia rẽ khác không kém phần đau đớn, lần này ngay trong nội bộ những người đã ca khúc khải hoàn, bởi có mấy gia đình Việt Nam không có người thân ở bên kia chiến tuyến.

Kinh khủng hơn nữa, chính những hận thù và chia rẽ dân tộc ấy đang từng ngày, từng giờ tiếp tay cho nguy cơ Việt Nam bị Bắc thuộc lần thứ Tư và lần này e vĩnh viễn!

Nhưng Tổ quốc Việt Nam không thể không quyết sinh và vì vậy, Hòa giải dân tộc hay là Chết!

Và lại, không có lý gì 35 năm trôi qua kể từ 30/4/1975, hai thế hệ người Việt đã sinh ra trong hòa bình lại tiếp tục được nuôi dưỡng và sống trong thù hận của quá khứ chiến tranh!

Bởi những lẽ trên, nhân Kỷ niệm lần thứ 65 ngày Độc lập 2/9 và hướng tới kỷ niệm 1000 năm Thủ đô Thăng Long – Hà Nội, tôi – Cù Huy Hà Vũ – nhân danh con trai Nhà thơ Huy Cận, Bộ trưởng thành viên Chính phủ khai sáng nền Cộng hòa và nhân danh cá nhân, kiến nghị Quốc hội khẩn cấp thực hiện Hòa giải dân tộc bằng:

1. Đại xá tất cả tù nhân cựu quân nhân và viên chức chính quyền Việt Nam Cộng hòa theo Khoản 10 Điều 84 Hiến pháp (Quốc hội quyết định đại xá).

2. Lấy “Việt Nam” làm quốc hiệu thay cho “Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” theo Khoản 1 Điều 84 Hiến pháp (Quốc hội làm Hiến pháp và sửa đổi Hiến pháp).

Cũng là để khẳng định một lần nữa chân lý: Dân tộc Việt Nam chỉ có Một! Nước Việt Nam chỉ có Một!

Trân trọng và đề nghị Quốc hội sớm hồi âm,

Người kiến nghị

Tiến sĩ Luật CÙ HUY HÀ VŨ

ĐT: 0904350187 Email: havulaw@yahoo.com

Blog của Giáo sư Ngô Bảo Châu đã gây tiếng vang lớn khi ông lên tiếng về vụ xử Tiến sĩ Cù Huy Hà Vũ nhưng ông cũng đã phải tạm đóng blog một thời gian vì các phản ứng dữ dội sau đó. Ông cũng từng nói trên blog rằng ông không phải là người đi theo lễ vì chỉ có “loài cừu” mới làm như vậy...

Tài liệu tham khảo:

- Cù Huy Hà Vũ Web: vi.wikipedia.org
- Kiến nghị trả tự do cho ... Blog: boxitvn.net

5) Bùi Thị Minh Hằng



Bùi Thị Minh Hằng

Bùi Thị Minh Hằng sinh năm 1964, ở thôn Liên Châu, xã Hồng Châu, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Từ năm 2011, với tấm lòng yêu nước, yêu công bằng xã hội, đã dần thân tham gia các cuộc biểu tình chống Trung Quốc xâm chiếm biển đảo của Việt Nam, dân oan.

Ngày 2-8-2011 Bùi Thị Minh Hằng có mặt tại phiên tòa xét xử phúc thẩm Cù Huy Hà Vũ. Các lực lượng làm nhiệm vụ đã bắt đưa Hằng về trụ sở CA quận Hoàn Kiếm, lập biên bản, ghi lời khai, ra quyết định xử phạt hành chính với hình thức cảnh cáo về hành vi gây rối trật tự ở nơi công cộng.

Ngày 18-8-2011, UBND TP Hà Nội đã có Thông báo về công tác đảm bảo an ninh trật tự, yêu cầu chấm dứt mọi hoạt động tụ tập, tập trung đông người trái pháp luật trên địa bàn thành phố, Ngày 21-8-2011, Bùi Thị Minh Hằng bị bắt tại khu vực tượng đài Lý Thái Tổ, đó là biểu tình lần thứ 11 chống Trung Quốc. Lực lượng công an đưa về Đồn công an số 1 Mỹ Đình, sau đó chuyển tới công an quận Hoàn Kiếm lập hồ sơ, ra quyết định xử lý hành chính theo điều 7, Nghị định 73/CP.

Ngày 16-10-2011, Bùi Thị Minh Hằng cùng một số người khác đi quanh hồ Hoàn Kiếm, đến trước cổng Đền Ngọc Sơn, bị lực lượng an ninh bắt đưa lên xe chở đi. Ngày 18-10-2011, nhiều người đến đồn Công an quận Hoàn Kiếm, yêu cầu trả tự do cho Bùi Thị Minh Hằng.



Ngày 8-11-2011, UBND thành phố có Quyết định số 5225/QĐ-UBND về việc áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục thời hạn 24 tháng đối với Bùi Thị Minh Hằng.

Vào tháng 5 năm 2012 nhà chức trách Hà nội buộc phải trả tự do vô điều kiện cho Bùi Thị Minh Hằng, sau hơn 5 tháng giam giữ ở trại phục hồi nhân phẩm Thanh Hà.

Ngày 11-02-2014, Bùi Thị Minh Hằng cùng 20 người khác tới thăm gia đình bà Bùi Thị Kim Phượng, vợ ông Nguyễn Bắc Truyển cựu tù nhân lương tâm tại huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp. Trên đường đi, bị lực lượng công an bắt giữ toàn bộ 21 người trong đoàn. 24 giờ sau, 18 người được trả tự do, còn lại ba người, là Bùi Thị Minh Hằng, Nguyễn Thị Thúy Quỳnh và Nguyễn Văn Minh bị giam giữ.

Ngày 26-8-2014, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, đã tuyên án phạt Bùi Thị Minh Hằng 3 năm tù giam; Nguyễn Thị Thúy Quỳnh 2 năm tù giam và Nguyễn Văn Minh 2 năm 6 tháng tù giam.

Ngày 12-12-2014, phiên Tòa phúc thẩm đã giữ nguyên các bản án tù giam, cho cả 3 vì tội danh “*gây rối trật tự công cộng*”.

Theo gia đình cho biết, Bùi Thị Minh Hằng bị chuyển trại giam vào ban đêm, lúc 1 giờ sáng ngày 28 tháng 1 năm 2015, từ trại giam An Bình, tỉnh Đồng Tháp, đến trại giam Gia Trung, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai, cách thành phố Pleiku khoảng 50 km.

Bùi Thị Minh Hằng thường trú tại 106 Lê Hồng Phong, Phường 4, TP Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Tài liệu:

Thư của Bùi Thị Minh Hằng gửi tù trong tù

Đồng Tháp 12-01-2015

Con gái yêu thương!

Đầu tiên mẹ gửi những lời chúc tốt đẹp nhất dành cho chúc sinh nhật con tròn 30 tuổi. Con có biết rằng mẹ đã nhớ con, nhớ cả quãng đời chúng ta đã trải qua thật nhiều trong ngày kỉ niệm mẹ sinh ra con gái đầu của mẹ. Con lớn lên bao nhiêu là tình yêu của mẹ cao, dày thêm bấy nhiêu con yêu ạ! Giờ đây con đã có thể thay mẹ lo lắng cho gia đình chúng ta rồi. Mẹ thấy hạnh phúc khi được nhìn thấy các con, các cháu mẹ trưởng thành lên từng ngày và cái giá mà mẹ vất vả 1 mình bao bao năm chăm lo các con đã đến ngày được đền đáp.

Mẹ yêu thương con thật nhiều Quỳnh Anh của mẹ!

Bố cu Bi+Tí Hon , các con Trung, Nhân ngàn lần yêu thương mẹ gửi đến các con, các cháu và tất cả người thân, bạn bè bằng hữu lời chúc sức khỏe, cầu mong mọi may mắn, bình an, an khang thịnh vượng cho tất cả mọi người trong năm mới. Mẹ luôn nhớ và khao khát được gặp các con và tất cả.

Chuyến này Quỳnh Anh thăm mẹ xong có lẽ mẹ sẽ chuyển nơi ở. Sợ thời gian gặp không đủ nên mẹ viết trước thư này dặn con 1 số việc sau:

1/ mẹ đã viết đơn yêu cầu giám đốc thăm nhưng chưa gửi vì còn muốn chờ ý kiến các luật sư, sau khi nghe ý kiến luật sư mẹ sẽ nộp cho trại giam chuyển đi. Con nhớ hỏi các luật sư và vào cho mẹ biết.

2/ mẹ đã nhận bản án phúc thẩm và sẽ căn cứ vào đó xin viết yêu cầu bổ sung vì mẹ thấy bản án ghi không đúng vài chi tiết so với thực tế tại tòa.

3/ tình trạng sức khỏe của mẹ có nhiều diễn biến xấu, gần đây mẹ đau nửa đầu, tê chân tay bên trái, con hỏi các bác sĩ để biết ý kiến và xin gửi thuốc qua y tế trại giam (mẹ không dùng thuốc của cơ sở).

4/ theo cơ sở thì chắc không bao lâu nữa họ chuyển trại mẹ đi nơi khác. Con chuẩn bị 1 số đồ dùng sau đây cho mẹ và báo cho gia đình anh Minh, chị Quỳnh để mọi người biết.

.....

Mẹ mong các con, cháu khỏe mạnh, bình an. Gần tết nhiều việc bận, đi lại khó khăn, các con chuẩn bị cho mẹ chu đáo để khỏi

đi lại nhiều tốn kém, vất vả. Sau này ở đâu thì chị em con tính đường cho thuận tiện. Quỳnh Anh làm sổ thăm nuôi đầy đủ để tiện ai thì các con đi. Vợ chồng Quỳnh Anh có thể thay nhau được con ạ. Bây giờ cũng thuận tiện nên mẹ nghĩ các con không phải lo lắng cho mẹ nhiều. Vì mệt nên mẹ chỉ viết thể thôi, mẹ gửi lời kính thăm bà, và các bác, các dì, mẹ đang bệnh nên không viết thư riêng cho bà được.

Con chuyển lời mẹ đến toàn thể người quen thân, mẹ nhớ cậu Hiếu (Gió), cậu Truyền, dì Vy, mẹ Tuyen, các bác, các cậu, các dì, các cô chú nhiều lắm.

Mẹ ôm các con, các cháu thật chặt.

Minh Hằng

Trong bài *Bùi Thị Minh Hằng ... Nét đẹp của Nữ Nhi*, đăng trên Blog *Dân Làm báo*, tác giả Hoàng Thanh Trúc viết:

Với nhân cách Bùi Thị Minh Hằng đã thể hiện, đó là một sự hy sinh vô bờ bến cho lý tưởng tốt đẹp vì quyền lợi của dân tộc của công dân, sự ca ngợi đôi khi trở nên diêm dúa và thô thiển mà chỉ xin mượn gợi ý từ lời nói của ông TS Ngô Bảo Châu mà người viết chỉ danh cho Bùi Thị Minh Hằng ...

“ Như Hector người thành Troy, như Turnus người Rutuli hay như Kinh Kha người nước Vệ, Bùi thị Minh Hằng không hề sợ hãi khi phải đối mặt với số phận của mình. Những nhân vật này đã làm mọi thứ, đối mặt với số phận, để hoàn thành sứ mệnh của mình cho dân tộc trong cuộc đời họ.”

Tài liệu tham khảo:

- Bùi Thị Minh Hằng Web: googletienlang2014.blogspot.com
- Thư của Bùi Thị Minh Hằng Blog: ntuongthuy.blogspot.com

6) Lê Quốc Quân



Lê Quốc Quân (1971-20)

Lê Quốc Quân sinh năm 1971 tại huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, tốt nghiệp trường đại học Ngoại Ngữ Hà Nội.

Lê Quốc Quân đã từng có thời gian làm giáo viên tại trường đại học Giao Thông Vận tải sau đó thì nghỉ việc và được tham gia một khóa học từ học bổng của tổ chức Quốc gia Hỗ trợ Dân chủ NED (National Endowment for Democracy) ở Mỹ. Lê Quốc Quân tham gia khóa tập huấn này do Quân là nhà tư vấn cho Ngân hàng Thế giới và Quỹ Phát triển Liên Hiệp Quốc UNDP tại Việt Nam.

Lê Quốc Quân cũng là giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của công ty TNHH Giải Pháp Việt Nam, trụ sở ở Hà Nội.

Trước năm 2007, ông là nhà tư vấn cho Ngân hàng Thế giới và Quỹ Phát triển Liên Hiệp Quốc UNDP tại Việt Nam. Là một tín đồ công giáo, ông từng được hai tổ chức trên khen ngợi vì dám lên tiếng bảo vệ quyền tự do tôn giáo và thể chế chính trị đa nguyên.

Ngày 8 tháng 3 năm 2007, sau khi tham gia một khóa học của tổ chức Quốc gia Hỗ trợ Dân chủ (National Endowment for Democracy) ở Mỹ, ông bị bắt sau khi trở lại Việt Nam. Phản ứng trước sự kiện này, ứng cử viên Tổng thống Mỹ John McCain, và nguyên ngoại trưởng Mỹ Madeline Albright, đã viết thư phản đối, tổ chức Amnesty International gọi ông là Tù nhân lương tâm. Đại sứ Mỹ Michael Marine đã mời vợ ông tới dùng trà tại tòa đại sứ nhưng bị ngăn trở.

Nhà cầm quyền Việt Nam buộc tội ông là đã có những hành động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân, nhưng không đưa ông ra tòa. Ba tháng sau, ông được phóng thích.

Ngày 10 tháng 4 năm 2011, ông lại bị bắt cùng với Phạm Hồng Sơn khi định tới quan sát vụ án xử Cù Huy Hà Vũ. Cả hai người bị giữ với lý do là "phá hoại trật tự công cộng". Vợ ông Sơn, bà Vũ Thu Hà, cho biết là ông Sơn đã bị công an dùng gậy đánh trước bị bắt giam. Sau khi chính phủ Mỹ và các tổ chức nhân quyền kêu gọi thả hai người, cả hai đã được cho về vào ngày 13 tháng 4.

Ngày 29 tháng 1 năm 2009, luật sư Quân tham dự cuộc diễn hành của một số tín đồ Công giáo vào tại Nhà thờ Lớn Hà Nội nhằm yêu sách đòi chính quyền Việt Nam trả lại khu đất thuộc quyền sở hữu của nhà thờ. Sau này ông kể lại cho các nhà phóng viên là ông đã bị đánh đập bởi những người giữ trật tự trong cuộc diễn hành. Tháng 7 năm 2012, trang *Independent Catholic News* tường thuật là ông đã bị đe dọa bởi báo chí nhà nước vì những hoạt động của ông cho giáo phận của mình. Công an đã lục xét văn phòng của ông và định mang ông về đồn công an, nhưng bị ngăn chặn bởi những người ủng hộ ông

Tháng 8 năm 2012, luật sư Quân bị tấn công bởi một nhóm người, khi đang trên đường trở về nhà ở Hà Nội vào khoảng 8

giờ tối. Ông cho biết theo ông nghĩ cuộc tấn công này có liên hệ tới công an, bởi ông từng đã bị gây phiền toái trước đó.

Ngày 28 tháng 12 năm 2012, luật sư Quân bị bắt vì bị cáo buộc tội danh trốn thuế. Ông được cho là đã tuyệt thực để phản đối việc bắt giam trái pháp luật. Trước khi bị bắt, luật sư Quân đã gửi một thư ngỏ chia sẻ tâm tư và ước vọng của mình về tương lai dân tộc Việt Nam, được trang web của đảng Việt Tân đăng tải lại.

Đêm 30 tết Giáp Ngọ (2014) gia đình luật sư Lê Quốc Quân nhận được thư từ trong tù do ông bí mật chuyển ra có đoạn: *"Tôi sẵn sàng ngồi tù cho đến chết nếu điều đó là tốt đẹp hơn cho Tổ quốc và Nhân dân Việt Nam anh hùng...Tôi có một mong muốn tột bậc là tự do – dân chủ - nhân quyền được có thật trên quê hương yêu dấu này. Đó là nền tảng cho ấm no và hạnh phúc bền lâu cho Đồng bào."*

Luật sư Quân được tuần báo *Nouvel Observateurs* vinh danh là 1 trong 50 người góp phần làm cho bộ mặt nhân loại thay đổi trong tương lai.

Ngày 11 tháng 10 năm 2013, Lê Quốc Quân đã được Mạng lưới nhân quyền Việt Nam có trụ sở tại California vinh danh cùng với 2 người khác là kỹ sư Trần Huỳnh Duy Thức và ông Nguyễn Hoàng Quốc Hùng vì những đóng góp cho nhân quyền tại Việt Nam.

Tài liệu:

Thư Ngỏ

Là một công dân Việt Nam luôn tha thiết với sự lớn mạnh của Đất Nước và Dân Tộc mình. Tôi tin rằng chỉ có Tự Do, Dân

Chủ mới giải phóng con người, đem lại sức mạnh giúp Việt Nam phát triển.

Là một Luật Sư bất đồng chính kiến, tôi có thể gặp những khó khăn hoặc bị tù đày.

Bởi vậy tôi viết thư ngỏ này trình bày những điều, phỏng sau khi mình không còn được tự do thì sẽ có nhiều thông tin không chính xác.

1/ Với sự hiểu biết về pháp luật của mình, tôi khẳng định rằng: những hoạt động tranh đấu, những bài viết, những lời nói của mình là tốt đẹp và hoàn toàn vô tội theo pháp luật Việt Nam và luật pháp quốc tế.

2/ Tôi không hoạt động vì quyền lợi của bất cứ quốc gia nào khác, ngoài tổ quốc Việt Nam. Tôi hoạt động để góp phần xây dựng xã hội dân sự, tạo phong trào dân sự rộng rãi nhằm thực hiện nguyện vọng của nhân dân, thông qua cơ chế dân chủ và bằng phương pháp Bất Bạo Động.

3/ Tôi đã nhiều lần bày tỏ quan điểm và lập trường của mình về những vấn đề Tự Do, Dân Chủ và Nhân Quyền. Tôi nỗ lực tối đa để bảo vệ nó trong mọi hoàn cảnh. Tuy nhiên nếu khi tôi không còn được tự do, mà có những thông tin đi ngược lại với lý tưởng đấu tranh của mình, thì cần được coi là không phản ảnh đúng ý chí và lý trí của tôi. Những chứng cứ đó là hoàn toàn vô giá trị.

4/ Tôi xin đón nhận mọi khó khăn như những món quà mà Tổ Quốc đã trao tặng cho mình. Tôi chịu trách nhiệm cá nhân về những hành vi của mình. Tôi sẵn sàng xin lỗi về những thiếu sót, nếu có, đối với anh em, bạn bè. Nhưng việc xử dụng các hành vi của tôi để buộc tội hoặc làm bằng chứng chống lại bất cứ ai, đều là vô hiệu. Tôi phủ nhận hoàn toàn mọi bằng chứng

liên quan, làm phương hại đến các anh em khác đang tranh đấu vì một Việt Nam đổi mới, Dân Chủ, phát triển và giàu mạnh.

Cá nhân tôi luôn tin vào khát vọng và nỗ lực của chính nhân dân Việt Nam, tôi tin rằng một ngày không xa chúng ta có được tự do, có được dân chủ thực sự. Mọi người dân Việt Nam đều có thể bày tỏ quan điểm của mình một cách công khai, có quyền mưu cầu hạnh phúc và thành công ngay trên chính quê hương Việt Nam yêu dấu này.

Trân trọng kính thư,
Tôi, Luật sư Lê Quốc Quân, xin cảm ơn.

Trích thơ:

Tổ quốc gọi tên

*Đêm qua tôi nghe Tổ Quốc gọi tên mình
Bằng tiếng sóng Trường Sa, Hoàng Sa dội vào ghềnh đá
Tiếng Tổ Quốc vọng về từ biển cả
Nên bão bố dập dòn chẳng lười búa vây
Tổ Quốc của tôi, Tổ Quốc của tôi!
Bốn nghìn năm chưa bao giờ ngơi nghỉ
Thấp lên ngọn đuốc Hòa Bình,
Bao người đã ngã
Máu của người nhuộm mặn sóng biển Đông
Ngày hôm nay kẻ lạ mặt rập rình
Chúng ngang nhiên chia cắt tôi và Tổ Quốc
Chúng đâm đạp lên giang hình đất nước
Một tác biển cắt rời vạn tác đất đờn đau
Sóng chẳng còn bình yên dẫn lối những con tàu
Sóng cuộn đỏ máu những người đã mất
Sóng cuộn cuộn từ Nam chí Bắc
Chín mươi triệu môi người thao thức tiếng Việt Nam*

*Chín mươi triệu người lấy thân mình chớ che Tổ Quốc linh
thiêng
Để giấc ngủ trẻ thơ bình yên trong bão tố
Ngọn đuốc Hòa Bình trên tay rực lửa
Tôi lắng nghe Tổ Quốc gọi tên mình*

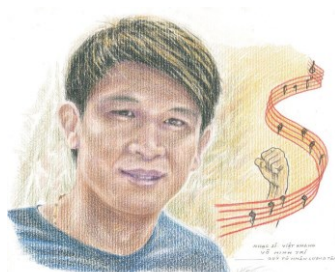
Trong bài: Lê Quốc Quân và Đường Đi của Sự Thật, tác giả Ngô Mai Hương đã viết:

Điều gì đã làm cho Ls. Lê Quốc Quân hành xử như vậy? Là một người trai đầy nhiệt huyết, anh luôn sẵn sàng lao mình vào những công tác xã hội. Anh từng bỏ công sức, của cải để kết hợp, vận động nhóm Dân Trí và các tổ chức, cá nhân khai triển mô hình “Tủ sách” cho những vùng xa xôi, hẻo lánh. Tính ra đã có đến 29 tủ sách được thành lập ở các tỉnh phía bắc. Văn phòng luật của anh đã từng cố vấn pháp lý miễn phí cho rất nhiều dân oan bị chính quyền địa phương cướp đất. Chính bản thân anh cũng đứng ra lo cho các nhà dân chủ, giúp đỡ và lo lắng cho người dân nghèo ở Nghệ An. Và như bao nhiêu thanh niên nặng lòng vì nước khác, anh tham gia vào hầu hết các cuộc biểu tình chống Trung Quốc xâm lược. Anh làm tất cả những gì có thể được trong khả năng của mình.

Tài liệu tham khảo:

- Lê Quốc Quân Web: vi.wikipedia.org
- Thư ngỏ Blog: viettan.org

7) Việt Khang



Việt Khang - Võ Minh Trí (1978-20)

Nhạc sĩ Việt Khang tên thật là Võ Minh Trí, sinh năm 1978 tại Tiền Giang là một nhạc sĩ, ca sĩ và nhà bất đồng chính kiến Việt Nam.

Ngoài tên Việt Khang, nhạc sĩ còn dùng tên Minh Trí khi sáng tác nhạc. Ngoài 2 tác phẩm "*Anh là ai*" và "*Việt Nam Tôi Đâu*" có tiếng trong cộng đồng người Việt khắp thế giới, Việt Khang còn có 2 bài đã được thu âm là "*Bạn Thân*" được trình bày bởi Đan Trường và "*Bà Má Miền Tây*" được Lý Hải trình bày.

Việt Khang tham gia hội Tuổi Trẻ Yêu Nước để tranh đấu cho quyền làm chủ đất nước của người dân. Năm 2011, có cảm xúc trước việc nhà cầm quyền đàn áp những cuộc biểu tình của thanh niên học sinh chống Trung Quốc xâm lấn biển đảo của Việt Nam, anh sáng tác hai bài: "*Anh Là Ai*" và "*Việt Nam Tôi Đâu*", sau đó tự trình diễn rồi để lên Youtube.

Việt Khang bị bắt vào tháng 9-2011, cầm tù một thời gian, được thả ra, rồi bị bắt lại 2 tháng sau đó vào tháng 12 năm 2011. Sau đó, nhạc sĩ Trúc Hồ phát động phong trào ký thỉnh nguyện thư kêu gọi Nhà Trắng can thiệp với nhà cầm quyền Việt Nam để trả tự do cho tất cả những người đấu tranh cho

dân chủ. Phong trào được hưởng ứng với hơn 150 ngàn chữ ký của cộng đồng người Việt tại Mỹ.

Ngày 30 tháng 10 năm 2012, nhạc sĩ Việt Khang bị tuyên án 4 năm tù, và 2 năm quản chế, người bạn của ông, Trần Vũ Anh Bình, bị tuyên án 6 năm và 2 năm quản chế trong cùng phiên tòa về tội "Tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" theo Điều 88 Bộ Luật Hình sự.

Việt Khang đã có gia đình và một con trai, sinh năm 2008.

Tài liệu:

Anh Là Ai

*Xin hỏi anh là ai?
Sao bắt tôi tôi làm điều gì sai?
Xin hỏi anh là ai?
Sao đánh tôi chẳng một chút nương tay?
Xin hỏi anh là ai?
Không cho tôi xuống đường để tỏ bày
Tình yêu quê hương này, dân tộc này đã quá nhiều đắng cay!*

*Xin hỏi anh ở đâu?
Ngăn bước tôi chống giặc Tàu ngoại xâm
Xin hỏi anh ở đâu?
Sao mắng tôi bằng giọng nói dân tôi?*

*Dân tộc anh ở đâu?
Sao đang tâm làm tay sai cho Tàu?
Để ngàn sau ghi dấu
Bàn tay nào nhuộm đầy máu đồng bào*

*Tôi không thể ngồi yên
Khi nước Việt Nam đang ngã nghiêng
Dân tộc tôi sắp phải đắm chìm
Một ngàn năm hay nghìn miên tăm tôi*

*Tôi không thể ngồi yên
Để đời sau cháu con tôi làm người
Cội nguồn ở đâu?
Khi thế giới nay đã không còn Việt Nam*



Gia Minh, biên tập viên RFA đã viết:

Nhiều người Việt trong và ngoài nước đều từng có dịp được nghe hai bài hát ‘Việt Nam Tôi đâu?’ và ‘Anh là ai?’ của nhạc sĩ Việt Khang. Hai bài hát là hai câu hỏi của một một người dân trước bao cảnh đời trong một đất nước đang đứng trước hiểm họa ngoại xâm mà không được tự do bày tỏ.

Tài liệu tham khảo:

- Việt Khang Web: vi.wikipedia.org
- *Anh là ai?* Blog: lyric.tkaraok.com

Tiết chín: Những Blogger bất đồng chính kiến

Về báo chí tại Việt Nam, tính đến ngày 26-12-2013, toàn quốc có 838 cơ quan báo chí in với 1.111 ấn phẩm, trong đó các cơ quan Trung ương có 86 tờ báo, 507 tạp chí; địa phương có 113 tờ báo, 132 tạp chí; có 70 báo điện tử, 19 tạp chí điện tử và 265 trang thông tin điện tử tổng hợp của các cơ quan báo chí.

Báo chí tại Việt Nam theo Luật số 12/1999/QH10, là luật đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 12 tháng 6 năm 1999.

Nói chung, từ người đứng đầu cơ quan báo chí, cho đến cộng tác viên đều phải được nhà cầm quyền chấp thuận. Nội dung các bài viết phải nằm trong chủ trương, khuôn khổ nhà nước cho phép. Do đó, từ khi Internet được phổ biến rộng rãi vào giữa thập niên 1990. Tại Việt Nam, nhiều người dùng Website, Blog, Facebook... để viết bài, ghi lại cảm xúc qua thơ văn, bày tỏ nguyện vọng của mình, nhiều tổ chức, nhóm, cá nhân đã dùng Blog. Họ thường được gọi là Blogger.

Những nhà bất đồng chính kiến, là những Blogger, bài của họ đăng trên Blog, gọi là báo chí lề trái, khác với báo chí lề phải do nhà nước quản lý.

1) Tô Hải



Tô Hải - Tô Đình Hải (1927-20)

Nhạc sĩ Tô Hải tên thật của ông là Tô Đình Hải, sinh ngày 24 tháng 9 năm 1927 tại Hà Nội, quê ở Tiền Hải - Thái Bình, hiện sống tại quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Tô Hải học ở các trường tư thục, học nhạc lý và tham gia Ban đồng ca Saint-Joseph từ nhỏ, từng đoạt giải thưởng âm nhạc "Chim sơn ca" tại Rallye Kiến An của Hướng đạo sinh toàn Đông dương.

Sau khi có Tú Tài I chương trình Pháp, Cách mạng tháng Tám xảy ra, ông tham gia vệ quốc đoàn.

Năm 1949 ông được kết nạp thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

Năm 1951 ông về Đoàn văn công khu IV, năm 1954, ông làm trưởng đoàn.

Năm 1960, Tô Hải bỏ đảng Cộng Sản, ra khỏi quân đội.

Năm 1961, ông về công tác tại Nhà xuất bản âm nhạc và mỹ thuật.

Sau năm 1975, ông vào Sài Gòn và năm 1986 về hưu non, chọn Nha Trang là nơi ở ẩn để tránh “phải nhận chỉ thị buộc viết cái gì, viết thế nào, viết cho ai.”

Tô Hải là nhạc sỹ đa phong cách, sáng tác nhiều thể loại như ca khúc, hành khúc, hợp xướng, nhạc kịch, nhạc phim, khí nhạc. Ngoài ra ông còn viết nhiều tiểu luận, và viết báo về âm nhạc.

Tô Hải có một cuốn hồi ký nổi tiếng, viết xong từ năm 2000, trước đăng trên Blog của ông, về sau được nhà xuất bản Tiếng Quê Hương ở Virginia, Hoa Kỳ in ra năm 2009 có tên *Hồi ký của một thằng hèn*. Cuốn sách này gây ra nhiều tranh cãi và ngay sau đó đã trở thành một cuốn sách được tìm kiếm đọc nhiều trên Mạng.

Tô Hải đã được các giải thưởng và huân chương:

- Giải thưởng Khí nhạc Ngẫu hứng cho cello và giao hưởng, Hội Nhạc sỹ Việt Nam, 1996.
- Giải thưởng Nhà nước về Văn học Nghệ thuật, đợt 1, 2001.
- Huân chương Chiến công hạng Nhì, Ba; Huân chương Chiến thắng hạng Ba, Huân chương Chiến sỹ vẻ vang hạng Ba, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhất.

Tác phẩm:

- *Hồi ký của một thằng hèn* (Tiếng Quê Hương, 2009)

Ca khúc:

- *Nụ cười sơn cước*
- *Đứt dây đàn*
- *Tình giấy lát*
- *Tiếng kèn báo động*
- *Chúng ta không muốn đời*
- *Toàn dân kháng chiến trường kỳ*
- *Chiến sĩ khu III*
- *Tiếng kèn cứu nước*
- *Từ mặt đất thân yêu*
- *Trường Lục quân đang cần lính đánh Tây*
- *Thầy tu giết giặc*
- *Chiến sĩ khu Ba*
- *Trở lại đô thành*

Hợp xướng:

- *Hải Phòng rực sáng biển đông*
- *Sẵn sàng bắn*
- *Lời Tổ quốc*
- *Hẹn mùa mười lăm năm sau*
- *Buồn vui và khát vọng*
- *Tiếng hát biên thùy*

Trích văn:

Hồi ký của một thằng hèn

Đôi điều phi lộ viết ... sau cùng

Tập “Hồi ký” này tôi đã viết xong từ năm 2000, nhưng do... hèn, tôi đã không dám cho nó ra mắt bạn đọc. Vâng, do... hèn, chứ chẳng phải do cái gì khác, tôi đã giấu nó đi, lại còn cẩn thận ghi thêm một dòng ở ngoài bìa “**Để xuất bản vào năm 2010**”.

Như một lời di chúc dặn vợ con, khi tôi đã... chết!

Tới năm 2003, mang bản thảo ra đọc lại, thấy ngòi bút của mình sao vẫn còn rụt rè, vẫn còn lấp lửng. Mới biết mình vẫn còn chưa hết sợ sức mạnh tàn bạo của nền “chuyên chính vô sản” mà mình từng ném trái. Nhất là sợ rồi đây vợ con mình sẽ phải chịu đựng những đòn thù bản thủ của bầy dã thú đội lốt người, nếu chẳng may những gì mình viết ra rơi vào tay chúng.

Tôi thấy mình cần phải sửa lại cuốn sách - từ cách viết, từ cái nhìn chưa đủ tinh tường về những sự kiện lịch sử - và viết thêm về những con người cần được nhắc tới, mỗi người là một mảnh gương nhỏ, nhưng gộp lại người đọc có thể thấy hình ảnh một thời đại.

Và viết thêm một chương “TÔI ĐÃ HẾT HÈN”!

Nhưng đã đến chưa, cái thời cơ có thể đưa cuốn sách mà tôi ấp ủ bấy lâu ra trình diện người đọc? Vẫn còn chưa phải lúc chẳng? Ngẫm ra, tuy viết là “Tôi đã hết hèn”, nhưng trong thực tế cái hèn vẫn còn đó, nó vẫn bám chằng chằng, như một bộ phận của cơ thể, cái sự mình khẳng định với mình rằng đã hết hèn mới chỉ là sự mạnh dạn với bản thân khi cầm bút mà thôi!

Còn đấu tranh trực diện với cái sức mạnh tăm tối đang cai trị đất nước, tìm hãm sự phát triển của cả một dân tộc là chuyện khác, không phải là điều ai cũng dám làm!

Đặc biệt, ba bốn năm gần đây tôi may mắn có điều kiện làm quen với Internet, nhờ đó mà được tiếp cận với rất nhiều người mà tôi vô cùng cảm phục. Dù đang sống ở trong nước, họ không hề sợ hãi trước đàn áp, ngục tù.

Đó là những Hoàng Minh Chính (1), Trần Độ (2), Lê Hồng Hà, Hà Sĩ Phu. Bùi Minh Quốc, những Hoàng Tiến, Trần Mạnh Hảo, Nguyễn Vũ Bình, Nguyễn Thanh Giang, Vũ Cao Quận

(3)... Đó là những nhà sư, những linh mục tà chết không chịu đứng chung hàng với lũ tu sĩ “quốc doanh”, và nhiều, rất nhiều người khác nữa!

Cũng không thể không nói đến ảnh hưởng của hàng chục website cổ võ dân chủ trên khắp thế giới, cũng như những gì bạn bè tôi, đồng đội, “đồng chí” cũ của tôi như Bùi Tín, Vũ Thư Hiên đã phải bỏ nước, bỏ cả vợ con ra đi để được viết lên Sự Thật, mở mắt cho bao người còn đang sống hèn như tôi. Không có những cái đó thì nhân dân còn tiếp tục bị lừa dối bởi lũ bồi bút cho đến nay vẫn ra rả ca tụng một chủ nghĩa đã lỗi thời với cả nhân loại.

Tôi cũng mong sao mỗi người trong các văn nghệ sĩ sắp già từ cõi đời nhậy nhụa này hãy để lại một “bản di chúc” nói lên Sự Thật, dù chỉ là 1/1000 Sự Thật, để tạ tội với đồng bào, về những gì mình đã vì miếng cơm manh áo, vì yếu hèn mà phải cúi đầu làm thân trâu ngựa. Được như *Ba Người Khác* của Tô Hoài (4) cũng đã là tốt, làm được thế thì người viết cũng có thể được nhân dân “xá tội” cho phần nào.

Người đọc đang chờ xem “di cáo” của một Chế Lan Viên (5), một Nguyễn Đình Thi (6) — hai nhân vật đứng đầu bày nô lệ cầm bút. Đáng ngạc nhiên là theo Nguyễn Đình Chính (con trai Nguyễn Đình Thi) thì cuốn hồi ký của Nguyễn Đình Thi sẽ chỉ được phép công bố vào năm... 2014?!

Sao lại lâu đến thế? Nguyễn Đình Chính vẫn còn sợ, còn tính toán thiệt hơn, còn bất linh hồn người cha ở thế giới bên kia tiếp tục đóng kịch mãi sao? Hay là chính tác giả cuốn hồi ký doạ sẽ in năm 2014 vẫn còn chưa tin là chủ nghĩa cộng sản đã đến ngày tuyệt diệt?

Tôi sẽ phải đưa vào chương sẽ viết những nhận thức mới, tình cảm mới, những sự kiện bổ sung dưới ánh sáng mới, một

chương gần như tóm tắt tất cả những gì tôi đã viết vào lúc chưa có được sự tiếp xúc và tiếp sức của phong trào đòi tự do, dân chủ, đòi quyền con người đang ào ào dâng lên mỗi giờ, mỗi ngày trong cái xã hội độc tài đảng trị đáng nguyền rủa.

Viết xong chương bổ sung cần thiết, tôi sẽ công bố cuốn hồi ký của đời mình trên mạng Internet toàn cầu để mọi người nếu đã biết rồi sẽ biết thêm về mặt trái với những góc khuất của một xã hội tồi tệ được sơn son thếp vàng bởi một lũ bồi bút hèn hạ, trong đó, than ôi, có cả bàn tay của kẻ viết những dòng này.

Tại sao lại phải công bố trên Internet?

Bởi vì không thể trông chờ sự xuất hiện của một nhà xuất bản tư nhân nhờ “ơn trên” nào đó sẽ ra đời trong một cuộc đổi mới giả hiệu, và tập hồi ký này sẽ được in. Trong cái quái thai “kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa”, nhưng vẫn độc tài với tự do tư tưởng, với nhân quyền tối thiểu, chuyện đó quyết không thể xảy ra.

Thật tình, tôi những ước mong lời nhắn gửi của tôi sẽ đến tay đồng bào, bè bạn, đồng đội, “đồng chí” cũ của tôi, những thế hệ sau tôi, kể cả “kẻ thù” của tôi nữa, trong dạng một cuốn sách bằng giấy trắng mực đen hơn là một cuốn sách trên màn hình máy tính. Mạng thông tin toàn cầu cho tới nay vẫn còn là một cái gì xa lạ với tuyệt đại đa số dân chúng Việt Nam, kể cả nhiều người gọi là có học nhưng đã về già, không còn sức để đọc mấy trăm trang trên computer!

Cuối cùng, xin người đọc, nhất là các bậc thức giả, hãy lượng thứ cho những thiếu sót, những nhầm lẫn ở chỗ này chỗ khác về tên tuổi, địa danh, ngày, tháng... mà một cây bút “trẻ” ở tuổi 80, tài vốn hèn, sức đã kiệt, có thể mắc phải.

Sài Gòn ngày 1 tháng 5 năm 2007

(1) Hoàng Minh Chính, tên thật Trần Ngọc Nghiêm (1920-2008), từng giữ các chức vụ Phó chủ nhiệm Trường Đảng Nguyễn Ái Quốc, Viện trưởng Viện Triết học Mác-Lênin. Bị khai trừ khỏi ĐCS năm 1968 trong vụ “Nhóm "xét lại chống đảng". Những chú thích cần thiết để bạn đọc hiểu thêm về nhân vật được nhắc đến là của nhà xuất bản.

(2) Trần Độ (1923-2002), nhà văn, trung tướng, từng giữ các chức vụ phó chủ tịch Quốc Hội VNDCCH, trưởng ban Văn hoá Văn nghệ ĐCSVN kiêm thứ trưởng Bộ Văn Hóa. Về cuối đời, bị khai trừ khỏi ĐCS vì đấu tranh cho dân chủ hoá đất nước.

(3) Những người trong nước đấu tranh cho dân chủ được biết đến nhiều.

(4) Tô Hoài (1920), nhà văn nổi tiếng với những tác phẩm *Dế Mèn Phiêu Lưu Ký*, *O Chuột*, *Truyện Tây Bắc*...

(5) Chế Lan Viên (1920-1989), tên thật Phạm Ngọc Hoan, nhà thơ nổi tiếng với những tập thơ *Điêu Tàn*, *Ánh Sáng và Phù Sa*...

(6) Nguyễn Đình Thi (1924-2003), một nghệ sĩ đa tài, nhà văn nhà thơ, nhà nghiên cứu, nhạc sĩ sáng tác, có nhiều tác phẩm trong mọi lĩnh vực.

-0-

Trong bài *Đâu chỉ có một người hèn*, Hoàng Long Hải đã viết:


Trong chế độ Cộng Sản, ai muốn sống còn đều phải chịu cúi đầu khuất phục, không những khuất phục chế độ mà còn phải khuất phục cúi đầu trước lãnh đạo, ngọt ngào gọi bằng “Anh” và hèn hạ xưng bằng “em” như Tô Hải ghi lại nhan nhãn trong hồi ký của ông. Ông đã làm như thế và ông tự thấy mình là một thằng hèn.

Tuy nhiên, trong chế độ đó, đâu chỉ có một mình Tô Hải hèn. Còn có bao nhiêu “thằng hèn” khác nữa mà họ tự che dấu mặt mình, nói ra sợ xấu hổ, không đủ can đảm để tự thấy cái hèn của mình, nói ra cái hèn của mình. Cái hèn ấy không phải chỉ của một người (tôi) mà nhiều người (chúng tôi, chúng ta). Ở Saigon, sau 1975, Nguyễn Tuân nói một câu mà người Saigon truyền miệng nhau không ít: “Sở dĩ chúng ta sống được tới bây giờ là vì chúng ta biết hèn.”

Biết hèn để mà sống. Biến mọi người chân chính, trung thực, cao thượng thành những thằng hèn là chính sách của đảng và nhà nước Cộng Sản. Tô Hải không thể quay ngược guồng máy kèm kẹp của đảng, sẽ bị nó nghiền nát tức thì.

Tài liệu tham khảo:

- Tô Hải Web: vi.wikipedia.org
- *Hồi ký của một thằng hèn* Web: tusach.mobi



TÔ HẢI
Hồi ký của một
Thằng HÈN

TÔ HẢI
Hồi ký của một
Thằng HÈN

TIẾNG QUÊ HƯƠNG ấn hành lần thứ 1 tại Hoa Kỳ 2009
336 trang - Ấn phí 25 USD

Muốn có sách xin gửi thư về:
TIẾNG QUÊ HƯƠNG
P.O Box 4653 — Falls Church — VA 22044
hoặc E-mail:
tyenthaol@tuno.com & tyenthaol@yahoo.com

Sách sẽ được gửi tới nhà qua Bưu Điện.

2) Huỳnh Ngọc Chênh



Huỳnh Ngọc Chênh (1952-20)

Huỳnh Ngọc Chênh sinh năm 1952 tại Đà Nẵng, cha là Huỳnh Thăng (chết) và mẹ là Nguyễn Thị Thiết (chết) đều tham gia hoạt động cách mạng chống Pháp và Mỹ.

Từ 1952- 1971, sống ở gia đình, đi học tại Đà Nẵng

Từ 1972- 1975, sinh viên Đại học Khoa học Sài Gòn.

Năm 1975, trở về quê ở Đà Nẵng sinh sống.

Từ năm 1977- 1992, làm giáo viên tại Hòa Vang, Đà Nẵng.

Từ năm 1992, làm Phóng viên báo *Tuổi trẻ*, Biên tập tờ *Thanh niên Chủ nhật*, sống tại Tp. HCM. Là Blogger từ năm 2008.

Năm 2012, Nghỉ hưu nhận hưởng lương 1 lần.

Năm 2013 Huỳnh Ngọc Chênh được nhận giải Nitizen tại Paris, của tổ chức Phóng viên không biên giới.

Tài liệu:

Ai là bạn ai là thù của đảng ?

Diễn văn khai mạc hội nghị xây dựng Đảng của ông Nguyễn Phú Trọng nói rằng, đợt xây dựng chính đốn Đảng lần này rất cấp bách bởi bốn lý do trong đó có hai lý do nhắc đến vấn đề bạn và thù.

Tuy không nói rõ ra trong bài phát biểu của mình, nhưng cách ông Trọng nhắc đến làm mọi người hiểu rằng ai là bạn của Đảng. Người bạn lớn đầu tiên ông nhắc đến là Đảng CS Liên Xô với 21 triệu đảng viên, dù bây giờ chỉ còn là hồn ma vất vưởng nhưng sự tự sụp nhào trong chốc lát của bạn cũng rút ra bài học máu xương cho lần xây dựng chính đốn này của Đảng. Người bạn lớn thứ hai là đồng chí Trung Cộng. Ông Trọng nói rằng người bạn ấy *‘trong cái cách, mở cửa cũng luôn luôn khẳng định dứt khoát phải kiên trì vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản’*. Và ông thú nhận: *Trong những lần trao đổi với chúng ta, bạn thường nhấn mạnh không để bị “Tây hóa”, “tha hóa”, “thoái hóa”*.

Nghĩa là Đảng của Trung Cộng nhiều lần nhắc nhở Đảng VN không để bị “Tây hóa”. Điều này hơi lạ. Đảng Cộng Sản xây dựng trên cơ sở chủ nghĩa Mác- Lênin là của phương Tây 100% mà bảo rằng đừng Tây hóa là sao? Cộng Sản không theo kiểu Tây nghĩa là Cộng sản theo kiểu phương Đông tức là cộng sản theo kiểu Mao-ít. À đúng rồi, bạn nhắc nhở ta phải bám cứng theo Mao, đừng có mà Tây hóa.

Một người bạn nữa được nhắc tới là Đảng CS Cuba, dù đang đổi mới vẫn kiên quyết khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng CS, không chấp nhận đa nguyên, đa đảng.

Như vậy là Đảng xác định có ba bạn nhưng đã tiêu tủng một bạn nên bây giờ chỉ còn có hai bạn. Không thấy nhắc đến Bắc Triều Tiên và Lào. Có lẽ anh BTT này “chuyên chính” quá thành thật không một chút che đậy, tạo cơ cho thế giới bêu riếu làm xấu hổ lây cho cả khối cộng sản nên bị lờ đi không dám

nhận là bạn chẳng? Còn Lào thì quá nhỏ bé và mờ nhạt nên bị quên chẳng?

Tóm lại trong thế giới rộng lớn này Đảng chỉ còn hai người bạn chí cốt mà thôi. Đó là Trung Cộng và Cuba

Còn kẻ thù?

Cả thế giới còn lại, dù độc tài hay dân chủ, dù Hồi Giáo hay không Hồi Giáo... thì cũng đều đi theo ý thức hệ tư bản hoàn toàn trái ngược với ý thức hệ của Đảng nên không thể là bạn được. Nhưng cũng không thể xem họ là thù, bởi họ không những không có ý định xâm lấn nước ta mà phần lớn trong số họ còn quan hệ làm ăn, cho ta vay vốn và giúp ta vươn lên văn minh thoát khỏi đói nghèo như ngày nay. Hiện nay trên thế giới chỉ còn một nước duy nhất đang xâm lấn một phần lãnh thổ của ta và đang đe dọa tiếp tục xâm lấn nữa, là Trung Cộng. Nhưng khổ nỗi, Đảng đã xác định nó là bạn rồi thì không thể xem nó là kẻ thù được nữa. Rất trớ trêu!

Do vậy cái việc xác định kẻ thù hiện nay là rất khó cho Đảng. Nhưng như ông Trọng nói có 4 lý do liên quan đến “sự tồn vong của Đảng và chế độ” (không phải là sự tồn vong của dân tộc và đất nước đâu nhé) thì trong ấy có một lý do là có kẻ thù chống phá Đảng, muốn tiêu diệt chủ nghĩa xã hội.

Vậy phải xác định cho ra kẻ thù ấy là ai chứ. Có rồi. Đó là các **Thế lực thù địch, phản động**.

Ông Trọng nói lý do thứ tư để chinh Đảng như sau: *“Bốn là, sự chống phá điên cuồng và quyết liệt của các thế lực thù địch, phản động. Âm mưu cơ bản, lâu dài của chúng là xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta, xóa bỏ sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, xóa bỏ chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Để thực hiện được âm mưu cơ bản đó, các thế lực thù địch đã áp dụng lần lượt hết chiến lược này đến chiến lược*

khác, hết chiến dịch này đến chiến dịch khác, rất kiên trì, kiên quyết, xảo quyết. ‘Diễn biến hòa bình’ là một chiến lược nằm trong hệ thống chiến lược phản cách mạng của chủ nghĩa đế quốc, là ‘thủ đoạn hòa bình để giành thắng lợi’. Nhiều chuyên gia và chính khách phương Tây còn gọi đây là phương pháp ‘chuyển hóa hòa bình’, ‘biến đổi hòa bình’, ‘cách mạng hòa bình’ và gần đây là ‘cách mạng nhung’, ‘cách mạng màu’, ‘cách mạng đường phố’...”

Đọc kỹ đoạn văn đó chúng ta thấy rõ kẻ thù là các **thế lực thù địch, phản động** với những âm mưu cực kỳ xảo quyết của chúng nhưng lại hoàn toàn không biết bọn chúng là ai, ở đâu, đe dọa đến sự an nguy của Đảng và chế độ từ phương trời nào?

Vì không xác định rõ chúng nó là ai và ở đâu nên có thể hiểu rằng chúng có thể bất kỳ là ai và ở bất cứ nơi đâu.

Mà trên thế giới, như đã phân tích ở trên, không có ai là kẻ thù của ta rồi, kể cả Trung Cộng. Vậy thì kẻ thù chỉ có thể ở ngay trong nước và ở ngay trong nhân dân mà thôi.

Như vậy thì nguy quá rồi.

Huỳnh Ngọc Chênh
29-02-2012

Blogger Huỳnh Ngọc Chênh khá nổi tiếng với những bài viết trên trang Blog hay Facebook, ông quan tâm đến xã hội đương thời, cho nên có những bài viết phản hồi gay gắt, không phải là những trao đổi xây dựng nhằm làm giảm uy tín của ông.

Tài liệu tham khảo:

- Huỳnh Ngọc Chênh Web: hosodanchu.blogspot.com
- Ai là bạn ai là thù của đảng ? Blog: huynhngocchenh.blogspot.com

3) Nguyễn Quang Lập



Bộ Lập - Nguyễn Quang Lập (1956-20)

Nguyễn Quang Lập sinh năm 1956 tại Quảng Trạch, Quảng Bình. Ông còn có các bút danh Hồng Nhật, Hồng Đức, Quang Quang, cũng tự xưng danh là Bộ Lập.

Từ năm 1980-1985, Nguyễn Quang Lập là bộ đội tên lửa Quân chủng phòng không, đóng quân ở đảo Cái Bàu, Quảng Ninh. Sau chuyển vào Quảng Nam Đà Nẵng. Một số tác phẩm đầu tay của ông được viết trong thời kỳ này. Sau khi rời quân ngũ ông công tác tại NXB Kim Đồng và báo *Sài Gòn Tiếp Thị*.

Nguyễn Quang Lập là hội viên của Hội Nhà văn Việt Nam, Hội Nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam, Hội Điện ảnh Việt Nam và Hội Nhà báo Việt Nam.

Ông bị tai nạn gãy chân, phải nằm một chỗ, nên viết Blog để giao lưu với độc giả. Về sau, ông đi lại được. Cũng như sách, blog của ông có nhiều người hâm mộ.

Blog *Quê Choa* của Nguyễn Quang Lập có từ năm 2009.

Chiều ngày 6 tháng 12 năm 2014, Bộ Lập bị cơ quan An ninh điều tra bắt giữ tại nhà riêng ở Tp. HCM. với lý do "bắt quả

tang đang tải bài vở đăng những nội dung được cho là xuyên tạc, chống nhà nước."

Ngày 11 tháng 12 năm 2014 một bản kiến nghị với chữ ký của 141 nhà văn, nhà báo, trí thức ở Việt Nam và hải ngoại đã được gửi đến Chủ tịch nước, Thủ tướng và Bộ trưởng Công an Việt Nam, yêu cầu trả tự do cho nhà văn Nguyễn Quang Lập. Bản kiến nghị nhấn mạnh đến tình trạng sức khỏe của nhà văn Nguyễn Quang Lập: liệt nửa người do di chứng chấn thương sọ não nên sinh hoạt thường ngày cần phải có người giúp đỡ, cùng nhiều bệnh nặng khác, nên việc giam giữ ông là trái với tinh thần nhân đạo của các quốc gia văn minh.

Ngày 17 tháng 12 năm 2014, theo lời em trai của ông, Nguyễn Quang Vinh, nhà văn Nguyễn Quang Lập bị gia hạn tạm giam ba tháng và bị khởi tố theo điều 88 Bộ luật Hình sự, ông Nguyễn Quang Lập có thể phải đối mặt từ 3 đến 20 năm tù.

Ngày 10-2-2015, ông Nguyễn Quang Lập được tại ngoại để điều tra. Theo Cơ quan An ninh điều tra Công an Tp.HCM, do Nguyễn Quang Lập đã thành khẩn khai báo.

Nguyễn Quang Lập được các giải thưởng:

- Giải Nhà biên kịch xuất sắc nhất tại Liên hoan phim Việt Nam lần thứ 13 năm 2001 với kịch bản phim truyện *Đồi cát* và *Thung lung hoang vắng*.
- Giải nhì Cuộc thi sáng tác văn học nghệ thuật của Bộ Văn Hóa Thể Thao và Du Lịch năm 2010 với kịch bản *Tình sử ngàn năm*.

Ngày 12-5-2015, trong một lá đơn đăng tải trên trang mạng xã hội, nhà văn Nguyễn Quang Lập cùng 19 nhà văn nhà thơ khác tuyên bố từ bỏ Hội nhà Văn Việt Nam kể từ ngày 11-5-2015.

Tác phẩm:

- *Tiếng gọi nơi mặt trời lặn* (tập truyện, 1989)
- *Mười tám truyện ngắn Nguyễn Quang Lập* (1997)
- *Những mảnh đời đen trắng* (tiểu thuyết, 1989)
- *Kỷ niệm thời trai trẻ* (1988)
- *Người thổi kèn Trom-pet*
- *Một giờ trước lúc rạng sáng* (tập truyện ngắn, 1986)
- *Những linh hồn sống* (kịch bản, đã diễn năm 2005)
- *Ký ức vụn* (2009)
- *Bạn văn* (2011)
- *Hạnh phúc mong manh* (Văn học, 2013)
- *Mùa hạ cay đắng* (kịch bản)
- *Trên mảnh đất người đời* (kịch bản)
- *Đời cát* (giải vàng Liên hoan phim Châu Á-Thái Bình Dương, giải Bông sen Vàng Liên hoan phim Việt Nam lần thứ 13 năm 2001)
- *Thung lũng hoang vắng* (giải Fipresci, Bông Sen Bạc tại Liên hoan phim Việt Nam lần thứ 13 năm 2001).
- *Không có Eva* (kịch bản này chưa được dựng thành phim, bị Cục Điện Ảnh phê phán, đề nghị tác giả sửa chữa và chờ đến đợt xét duyệt vào năm sau).

Tài liệu:

Tuyên ngôn độc lập của Bộ Lập

Posted 26-06-2013.

100 triệu view đến từ hôm qua, ngày 25-6, sau 3 năm bộ Lập vào Sài Gòn. Khi vào Sài Gòn Quê Choa chỉ có 7 triệu view, bộ Lập tính đến 10 triệu view thì cho Quê choa đóng cửa vì quá mệt mỏi và mất thời gian. Mệt mỏi và mất thời gian cũng không đáng sợ, đáng sợ nhất là phải sống trong sợ hãi. Nhưng rồi chẳng những bộ Lập không đóng cửa Quê Choa mà còn mở

rộng đề tài và nội dung khiến số view tăng vọt, chỉ trong ba năm nó đã đạt con số 100 triệu view.

Bộ Lập không còn trẻ nữa để chơi trò câu view, bộ cũng thừa nổi tiếng (trong nước) để không cần phải nổi tiếng hơn nữa, chỉ vì bộ nghe theo cụ Phan Châu Trinh: “Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh”. Đó là lời kêu gọi luôn đúng cho mọi thời, thời này càng đúng đắn và khẩn thiết.

100 năm trước của cụ Phan Chu Trinh và ngày hôm nay của chúng ta 10 nỗi nhục sau đây không có gì thay đổi:

“1. Trong khi người nước ngoài có chí cao, dám chết vì việc nghĩa, vì lợi dân ích nước; thì người nước mình tham sống sợ chết, chịu kiếp sống nhục nhã đoạ đày.

2. Trong khi người ta dấn sang hay hèn, nam hay nữ ai cũng lo học lấy một nghề; thì người mình chỉ biết ngồi không ăn bám.

3. Trong khi họ có óc phiêu lưu mạo hiểm, dám đi khắp thế giới mở mang trí óc; thì ta suốt đời chỉ loanh quanh xó bếp, hú hí với vợ con.

4. Trong khi họ có tinh thần đùm bọc, thương yêu giúp đỡ lẫn nhau; thì ta lại chỉ quen thói giành giật, lừa đảo nhau vì chữ lợi.

5. Trong khi họ biết bỏ vốn lớn, giữ vững chữ tín trong kinh doanh làm cho tiền bạc lưu thông, đất nước ngày càng giàu có; thì ta quen thói bắt nạt bắt tin, cho vay cắt cổ, ăn cướp vỡ nợ, để tiền bạc đất đai trở thành vô dụng.

6. Trong khi họ biết tiết kiệm tang lễ, cư xử hợp nghĩa với người chết; thì ta lo làm ma chay cho lớn, đến nổi nhiều gia đình bán hết ruộng hết trâu.

7. Trong khi họ ra sức cải tiến phát minh, máy móc ngày càng tinh xảo; thì ta đầu óc thủ cựu, ếch ngồi đáy giếng, không có gan đua chen thực nghiệp.

8. Trong khi họ giỏi tổ chức công việc, sắp xếp giờ nghỉ giờ làm hợp lý, thì ta chỉ biết chơi bời, rượu chè cờ bạc, bỏ bê công việc.

9. Trong khi họ biết gắng gỏi tự lực tự cường, tin ở bản thân; thì ta chỉ mê tín nơi mô mã, tướng số, việc gì cũng cầu trời khấn Phật.

10. Trong khi họ làm việc quan cốt ích nước lợi dân, đúng là “đầy tớ” của dân, được dân tín nhiệm; thì ta lo xoay xở chức quan để no ấm gia đình, vênh vang hoang phí, vợ vét áp bức dân chúng, v.v...”

Muốn không còn 10 nỗi đắng cay và nhục nhã đó cần phải khai dân trí, chấn dân khí. Muốn khai dân trí, chấn dân khí trước tiên và trên hết phải cho dân biết SỰ THẬT. Chỉ có cách đó, không có cách nào khác.

Bọ Lập không có khả năng và trình độ để khai dân trí, chấn dân khí nhưng lại có khả năng dùng blog Quê Choa làm con thuyên chuyên chở SỰ THẬT đến với dân. Làm anh nhà văn luôn mồm nói về nhân nghĩa, về cái tâm, về sống vì dân viết vì dân vân vân và vân vân... vô lễ lại đắp tai cài trốc trước lời kêu gọi khẩn thiết của tiền nhân? Thế thì hèn quá! Thế thì thà rút bút đi về nhà ôm đít vợ còn hơn suốt ngày ngửa mặt ngóng chờ giải thưởng nọ danh hiệu kia, không thèm biết đến dân tình khốn nạn thế nào, đất nước điêu đứng ra sao. Sống thế khác gì an phận làm con chó giữ nhà cho chủ, mong chờ chủ xón ra giải thưởng nọ danh hiệu kia để vui sướng vẫy đuôi liếm láp?

Bọ Lập từ trước đến nay không theo ai không chống ai, và sẽ không theo ai không chống ai, vì đó không phải việc của nhà văn. Trước sau bọ Lập xin làm một người lái đò nhỏ chở con thuyên SỰ THẬT đến với dân, chỉ vậy thôi, không có gì khác.

Nhân đây cũng xin báo: Bọ Lập xin rút tên mọi hội hè đoàn thể mà bọ đã có tên trước đến nay, từ Hội nhà văn đến Văn đoàn độc lập, từ Hội sân khấu đến Hội điện ảnh v.v. Bọ Lập không thích và chẳng phục Cao Hạnh Kiện nhưng rất mê câu nói này của ông: *Sáng tạo văn học là một hoạt động đơn độc mà không một phong trào nào, một phe nhóm nào có thể giúp được, ngược lại nó rất dễ bị những thứ đó giết chết. Chỉ khi nhà văn là một cá nhân biệt lập, không thuộc về một phe nhóm, trào lưu chính trị nào thì hẳn mới có được tự do hoàn toàn.*

Bọ Lập suy nghĩ rất nhiều về điều này và quyết định nghe theo ông, dù biết mình đã già, tài cán chẳng bao nhiêu, viết lách sẽ không còn được nhiều nữa.

Vài lời kính cáo.

Nguyễn Quang Lập

(P/S: Các địa chỉ của Quê Choa từ Blogspot.com không vô được nữa.

Mặc Lâm, Biên tập viên RFA viết về Nguyễn Quang Lập:

Hồn nhiên, lời cuốn và khéo léo khi sử dụng phương ngữ của Bọ để nói tục, hay dùng yếu tính “tục” để chuyển tới người nghe những mẫu chuyện tiểu lâm thời đại mà phía sau đây ấp bài học cho người đọc.....Buồn dĩ nhiên không thể cười, nhưng có những cái cười còn hơn khóc được Bọ Lập kể lại bằng khẩu văn làm ướt lòng người hiểu chuyện....

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Quang Lập Web: vi.wikipedia.org
- *Tuyên ngôn độc lập của Bọ Lập* Facebook: Hào Song Trần

4) Huy Đức



Huy Đức - Trương Huy San (1962-20)

Huy Đức tên thật là Trương Huy San, sinh ngày 20-8-1962 tại Hà Tĩnh.

Tháng 3-1979, nhập ngũ.

Từ năm 1980-1983, học viên trường Sĩ quan Hóa học.

Từ 1984-1987, chuyên gia quân sự ở Campuchia

Trước khi tham gia vào lĩnh vực báo chí Huy Đức là một nhà văn, với các tác phẩm như *Dòng sông cắt*, *Anh ấy sẽ trở về* trên báo *Văn nghệ Quân Đội* khi Huy Đức còn ở trong quân đội.

Từ 1988-2009, Huy Đức bắt đầu làm việc ở báo *Tuổi Trẻ*, tiếp đó là các báo *Thanh Niên*, *Diễn đàn doanh nghiệp*, *Nông thôn ngày nay*, *Sài Gòn tiếp thị*.

Bút danh Huy Đức bắt đầu được công chúng biết đến trên báo *Tuổi trẻ* khi nhà báo này là phóng viên điều tra phanh phui vụ Đường Sơn Quán, một địa điểm ăn chơi nổi tiếng của nhiều cán bộ cấp cao ở Tp. HCM.

Sau khi sang làm việc tại *Thời báo Kinh Tế Sài Gòn*, Huy Đức cũng có rất nhiều bài viết về các chính sách kinh tế của chính quyền, đặc biệt là loạt bài viết về các PMU và Bộ giao thông Vận tải mà kết cục đúng như phân tích, sau này sự kiện PMU 18 xảy ra.

Chuyển sang báo *Sài Gòn Tiếp thị*, Huy Đức tiếp tục những bài viết phân tích về các chính sách của chính quyền, qua các bài viết và phỏng vấn như *Những chiếc ghế nóng*, *Đất đai không phải là chiến lợi phẩm...* Cũng trong thời gian này, cùng với trào lưu viết Blog, Huy Đức cũng bắt đầu lập Blog của mình có tên là *Osin* và trở thành một blogger nổi tiếng, có số người truy cập và comment thuộc hạng cao trong các trang blog ở Việt Nam.

Từ 2005-2006, được học bổng Humphrey Fellow theo học về Phân tích chính sách tại Đại học Maryland.

Từ 2006-2010, là Blogger của trang *Osinblog*

Vì một số bài viết của Huy Đức, trong đó có bài *Biên giới tháng Hai* ghi lại những gì thu thập ở biên giới Việt-Trung nhân kỷ niệm 30 chiến tranh biên giới Việt-Trung, 1979.

Cũng một phân do blog, ngày 25-8-2009, báo *Sài Gòn Tiếp thị* cho Huy Đức nghỉ việc, với lý do tổng biên tập đưa ra toà soạn, không cùng quan điểm với bài viết *Bức tường Berlin* trên Blog của Huy Đức, sau khi có nhiều bài viết mang tính chất thử thách giới hạn của tự do ngôn luận ở Việt Nam, đồng thời với việc thu hồi thẻ ký giả.

Từ 2012-2013, Huy Đức nhận học bổng một năm của chương trình Nieman về Phân tích chính trị tại Đại học Harvard.

Cuốn sách *Bên thắng cuộc* do Huy Đức biên soạn và cho ra mắt tại Mỹ vào cuối năm 2012, đã gây nhiều chú ý ở Việt Nam lẫn ở Mỹ, vì soi xét vào những đề tài đã không được nhắc tới, vì cho là "nhạy cảm chính trị". Ít nhất hai nhà xuất bản tại Việt Nam đã từ chối in tác phẩm này.

Tác phẩm:

- *Bên thắng cuộc* (OsinBook, 2012)

Tài liệu:

Giải Phóng

Năm 1991, khi thăm chính thức Thái Lan ông Võ Văn Kiệt nói: "Chúng tôi tự hào đã đánh thắng 3 đế quốc to". Thủ tướng Thái Lan đáp lời: "Chúng tôi tự hào vì không phải đánh nhau với đế quốc to nào cả".

Chính quyền Thái Lan từng bị chỉ trích vì chính sách "ngoại giao cây tre" nhưng đổi lại người dân Thái đã tránh được bao cảnh đầu rơi, máu chảy. Không chỉ có người Thái, cho đến trước Thế chiến thứ II người Nhật cũng đã từng khôn ngoan tránh đối đầu với phương Tây. Nhật là một dân tộc thiện chiến, nhưng năm 1853, khi Đề đốc Perry đưa tàu chiến Mỹ tới Edo, người Nhật nhận ra họ đang đối diện không phải với một "mandi" mà là một đế quốc. Thay vì "tuần tiết", Thiên hoàng Minh Trị, bên ngoài thì cho mở cửa giao thương, bên trong thì canh tân. Nước Nhật vừa giữ được độc lập vừa trở nên hùng mạnh.

Tinh thần độc lập cũng vô cùng cao cả. Nhưng, như Hồ Chí Minh nói: "Nước độc lập mà dân không có tự do, hạnh phúc, thì độc lập đó cũng không có ý nghĩa". Năm 1999, người Úc đã từng trưng cầu dân ý về việc họ có nên thay thế quan

toàn quyền của Nữ Hoàng Anh bằng một chế độ cộng hòa tổng thống (độc lập) hay không, kết quả là đa số dân Úc đã nói không. Bởi, điều quan trọng nhất là hạnh phúc và tự do thì người dân đã có.

Ngày 30-4-1975, cũng có thể coi là ngày chiến thắng nhưng nó chỉ mới là chiến thắng của những người cộng sản. Cho dù đã sau 38 năm, theo tôi, vẫn có thể tạm gác lại chuyện đánh giá bản chất của cuộc chiến tranh. Nếu những người cộng sản tin những gì mình đã làm là cao cả thì nên chiếu theo "lời dạy của Hồ Chí Minh", thấy cái gì dân chưa có tự do thì trả tự do cho dân, thấy cái gì dân chưa hạnh phúc thì để cho dân mưu cầu hạnh phúc.

Cái ngày mà đảng cộng sản Việt Nam làm được điều đó xin cứ gọi là ngày giải phóng và chắc chắn sẽ có không ít người dân cũng coi đó là ngày chiến thắng.

Nhà văn Nguyễn Quang Lập còn gọi là Bọ Lập viết về nhà báo Huy Đức:

...có trí lực để viết những bài báo như Huy Đức cũng không ít người, cũng không ít người có thể viết hay hơn, nhưng có cái tâm sáng trưng như thẳng Huy Đức để nói thẳng, nói to những điều tâm huyết như nó thì quả là hiếm....

Tài liệu tham khảo:

- Huy Đức, *Bên thắng cuộc*, Osinbook, 2012
- *Giải phóng* Facebook: Trương Huy San

5) Trương Duy Nhất



Trương Duy Nhất (1964-20)

Blogger Trương Duy Nhất sinh ngày 31-1-1964 tại Hà Nội, con ông Trương Nghê và bà Nguyễn Thị Ngu, sinh ra trong gia đình có 6 chị em, Trương Duy Nhất là thứ 2.

Từ 1964 đến 1975 ông Nhất sống cùng bố mẹ tại Hà Nội. Từ 1975 đến 1983, ông học phổ thông tại tỉnh Quảng Nam. Từ 1983 đến 1987, Trương Duy Nhất học khoa văn của trường Đại học Tổng hợp Huế. Từ 1987 đến 1995, ông là phóng viên của báo Công an tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng. Từ 1995 đến 2011, ông là phóng viên báo Đại Đoàn kết, văn phòng miền Trung. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 25 Tổng Phước Phổ, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, Tp.Đà Nẵng.

Ông Trương Duy Nhất kết hôn với bà Cao Thị Xuân Phượng – giảng viên trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng, sinh được 1 con gái là Trương Thục Đoàn.

Năm 2007, ông Nhất tự lập blog cá nhân có tên miền *truongduynhat.vnweblogs.com*.

Khoảng giữa năm 2010, ông Nhất thôi làm việc tại báo Đại Đoàn Kết và trở thành Blogger, là chủ của trang “Trương Duy Nhất - Một góc nhìn khác”.

Việc lựa chọn, đăng tải, hiển thị tất cả các bài viết và ý kiến bình luận (comment) trên website *truongduynhat.vn* đều do ông Nhất tự quyết định, thực hiện. Cây viết này đã đăng tải trên website của mình trên 1.000 bài viết ký tên Trương Duy Nhất và một số tác giả khác.

Ngày 26-05-2013, Cơ quan an ninh điều tra, Bộ Công an cùng với Công an Đà Nẵng đã tiến hành bắt khẩn cấp đối với ông Trương Duy Nhất. Chiều cùng ngày ông Nhất bị di lý ra Hà Nội để phục vụ việc điều tra.

Ngày 4-3-2014, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, tuyên phạt Trương Duy Nhất 2 năm tù về tội “Lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân”. Theo BBC, ông Nhất bị kết tội do đã viết 11 bài đăng trên trang blog của ông, trong đó ông đã "*chấm điểm Thủ tướng*" và yêu cầu "*Tổng bí thư phải ra đi*". Cáo trạng được đưa ra tại phiên xử ông Nhất, cho rằng các bài viết này của ông "*đã làm mất lòng tin của nhân dân vào Đảng, chính quyền và làm mất uy tín cá nhân các vị lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Chính phủ Việt Nam*".

Tại phiên tòa, ông Trương Duy Nhất cho rằng ông "*chỉ chỉ ra những khuyết điểm, sai lầm, những hiện tượng chưa đúng với hy vọng lãnh đạo Đảng và Nhà nước sẽ thấy ra, khắc phục, sửa chữa và rút kinh nghiệm*".

Tại phiên tòa, Trương Duy Nhất nói lời cuối cùng: "*Có những loại tù mà người ta cảm thấy ân hận hay xấu hổ, nhưng trường hợp của tôi thì tôi thấy tự hào.*"

Trong phiên tòa phúc thẩm ngày 26-6-2014 Tòa án Nhân Dân tối cao Đà Nẵng vẫn giữ nguyên mức án sơ thẩm.

Ngày 26-5-2015, Trương Duy Nhất được ra tù sau 2 năm thi hành án. Trên trang Facebook của mình, nhà báo Huy Đức, người đã cùng vợ con ông Nhất đến đón ông tại nhà giam, cho biết ông Nhất không được thả trước cổng nơi vợ con đón, mà “bị áp tải bởi 8 người mặc thường phục và 2 người cảnh phục trên một xe 12 chỗ” và “bị ném ra lề đường Hồ Chí Minh, cách trại 4km.”

Tài liệu:

Tổng Bí thư và Thủ tướng nên ra đi

Sau hội nghị 6, đúng lý phải có ai đó ra đi. Nhưng không một ai. Lòng tin và sự kiên nhẫn của dân đã đến hạn cùng.

Chẳng lẽ để tình hình đất nước, kinh tế như thế, tình hình nội tại đảng như thế mà không có một ai phải chịu trách nhiệm? Không thể chấp nhận một thứ trách nhiệm tập thể chung chung. Trách nhiệm tập thể là thứ vô trách nhiệm.

Kinh tế tụt dốc, bất loạn, nát bươm- Trách nhiệm thuộc về Thủ tướng.

Chính trị rối loạn, mất đoàn kết, chiến dịch ra quân tắm rửa râm rộ với mục tiêu “bắt sâu” diệt bầy “lợi ích nhóm” của đảng chẳng đem lại kết quả gì- Trách nhiệm thuộc về Tổng Bí thư.

Không làm được thì phải nghỉ. Cảm thấy bất lực thì tránh sang bên nhường cho người khác, đội ngũ khác.

Không thể cứ mãi ra rả hô hào tái cấu trúc nhưng chẳng biết tái cái gì và tái ra sao. Không thể cứ mãi như ông già quê, vục đầu

vào bếp thổi lửa nhóm lò mà mong xây dựng chính đốn đảng được.

Để cứu vãn tình hình kinh tế và chính trị lúc này, chỉ có một cách: Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng và Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng phải ra đi.

Đã đến lúc cần một Tổng Bí thư khác và một Thủ tướng khác.

(Trương Duy Nhất)

Người Buôn Gió trong bài: *Trò vụng về gán tội cho Trương Duy Nhất*, đã viết:

Dù sao thì Trương Duy Nhất cũng thể hiện một cá tính bất khuất hơn nhiều những tên bồi bút chỉ trích anh về lương tâm, đạo đức của người cầm bút. Liệu những kẻ cầm bút chỉ trích anh có đủ can đảm khi đối diện với án tù mà vẫn bảo vệ chính kiến trong bài viết của mình như chính bài báo phải công nhận. Trương Duy Nhất khẳng khái nhận mình là tác giả bài viết, nhưng anh không nhận đó là sai lầm hay phạm tội. Điều đó chứng tỏ anh là một người viết có trách nhiệm lương tâm với phát ngôn của mình, trả giá để bảo vệ những gì mình nói. Một con người cầm bút phải có nội tâm và niềm tin, tri thức lớn mới dám bảo vệ quan điểm của mình trước những đe dọa tù đầy. Thời gian 7 tháng tù giam đã không khuất phục được Trương Duy Nhất, việc phải đưa anh ra tòa xét xử là một thất bại của những kẻ muốn hãm dọa anh.

Tài liệu tham khảo:

- Trương Duy Nhất Web: vi.wikipedia.org
- *Tổng Bí thư và Thủ tướng nên ra đi* Blog: ttxva.net

6) Người Buôn Gió



Người Buôn Gió - Bùi Thanh Hiếu (1972-20)

Người Buôn Gió tên thật là Bùi Thanh Hiếu, sinh ngày 6-2-1972 tại một ngõ nhỏ tên là Phát Lộc, nằm ở Chợ Đồng Xuân-Bắc Qua, Hà Nội, trong một khu vực, mà ông gọi là "khu phố bụi đời, nơi chứa nhiều thành phần giang hồ, xã hội đen".

Lớn lên trong một khu phố bụi đời, Người Buôn Gió cho mình là một người "cũng “xuất sắc” trong cái đám lưu manh ấy". Theo ông kể thì "cũng có lúc sống bằng nghề đâm thuê chém mướn, đòi nợ thuê, cũng có lúc cờ bạc, thậm chí là trộm cắp."

Khi vợ sinh con năm 2005, gặp phải tệ nạn hối lộ trong bệnh viện ông mới nhận ra là những hư đốn trong xã hội, không chỉ có ở khu vực giang hồ, mà cả ở những người ông cứ tưởng ai cũng là lương y như từ mẫu. Từ đó ông bắt đầu viết blog, với hy vọng góp phần để con cái và thế hệ sau này sẽ ứng xử tốt đẹp hơn.

Năm 2009 ông bị công an giam giữ về tội *Lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm an ninh quốc gia* căn cứ qua hành vi là in ấn phát tán áo phông. Áo phông theo ông kể, in chỉ đề nghị dừng bauxite thôi ngoài ra có dòng chữ nhỏ khẳng định *Hoàng Sa - Trường Sa là của Việt Nam*.

Cuối năm 2010, Người Buôn Gió cùng nhà thơ Bùi Chát và nhà văn Võ Thị Hảo được một tổ chức văn hóa mời sang Berlin dự giao lưu văn hóa Việt-Đức.

Năm 2013, Người Buôn Gió được Thị Trưởng thành phố Weimar, Đức Quốc mời tham dự chương trình học bổng nghệ thuật của thành phố Weimar, Đức Quốc, kéo dài 6 tháng. Đây là lời mời thứ nhì, lần đầu bất thành vì có lệnh cấm ông xuất cảnh.

Năm 2014, Người Buôn Gió sang Mỹ, báo *Người Việt* có bài phỏng vấn.

Người Buôn Gió nhận được giải Hellman/Hammett năm 2010 của Tổ chức Theo Dõi Nhân Quyền (Human Right Watch)

Tác phẩm:

- Speaking in silence

Tài liệu:

Thư viết cho con trai

Con thân yêu của bố,

Con ở nhà ăn nhiều và ngủ ngoan chứ. Bố còn đang làm công trình dưới Hải Phòng. Mấy hôm nay mưa rất nhiều khiến công việc của bố bị đình chỉ, tối nay trời vẫn mưa khiến bố nhớ con đến cồn cào. Bố nhớ cái miệng cười tùm tùm khi con tí mẹ no, nhớ ngần ngợ cả người con trai ạ!

Con trai của bố, con sinh ra khi bố đã 34 tuổi. Trong cái thời đại Hồ Chí Minh mà dọc đường vào thành phố có tấm băng rôn:

- Về vang thay thời đại Hồ Chí Minh Vây là con của bố được may mắn sinh ra trong một thời đại về vang, mọi biên bản, đơn từ đều có giòng chữ đầy ấp hy vọng:

- Độc lập - Tự Do- Hạnh phúc

Rồi người ta còn tung hô dài dài câu - Xã hội công bằng, dân chủ văn minh

Lịch sử nước ta có nhiều thời đại. Sau này con sẽ được học về thời đại Hùng Vương, thời Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê... Nhưng những thời đại ấy, bố cũng chỉ học được từ sách giáo khoa như con sau này thôi. Vây bố sẽ kể dần cho con nghe về thời đại mà con đã sinh ra, cũng là thời đại mà bố chứng kiến, sống và làm việc theo hiến pháp thời đại đó. Một thời đại mà nhà nước ta bảo rằng hào hùng, vinh quang và về vang hơn mọi thời đại khác.

Đất nước ta hiện nay có rất nhiều người tốt việc tốt. Học sinh thì học giỏi, cán bộ, công chức cần cù liêm khiết, lãnh đạo sáng suốt...

Hôm mẹ con trở dạ, bố đưa mẹ vào viện Nhi Trung Ương. Cô bác sĩ đeo kính cận chăm sóc mẹ con rất tận tình. Cô ấy là người quen của bạn mẹ con. Bố và mẹ đã gặp cô ấy từ trước để nhờ săn sóc và khám sức khỏe, theo dõi cho cả hai mẹ con. Bởi vậy cô ấy đã không phải rào đón, thân thiện như người nhà bảo với bố rằng:

- Vợ anh tử cung hẹp, phải mổ đẩy anh ạ!

Bố không nghĩ gì nhiều. Làm sao mà bố dám tính toán với đứa con trai của bố sắp chào đời tốn bao nhiêu. Bố chỉ hỏi

- Em cần bao nhiêu? Cô ấy bảo:

- Bác sĩ mổ 5 trăm, y tá 200, tiền bệnh viện 500, hộ lý 100.

Bố không nhớ rõ, chỉ nghe cô ấy tổng kết là triệu rưỡi. Tiền cuộc viện phí một triệu thì bệnh viện đã thu ngay từ lúc vào cổng. Cái bác thu tiền ấy thấy bố cuống quýt còn quát:

- Cứ nộp tiền xong đã, để ngay đâu mà lo!

Bố không biết lúc ấy bố quên tiền thì con trai bố có phải sinh ra ở góc sáu phố Tràng Thi không. Nhưng nhờ ơn Đảng và Bác Hồ, dạo này ai đến viện cũng chuẩn bị tiền nộp trước cả. Bố cũng cầm theo mấy tháng lương cho nên một triệu để lấy tờ giấy đưa hai mẹ con cho cô bạn bác sĩ kia đưa vào trong cũng là chuyện nhỏ.

Bố đưa cho cô bác sĩ ấy hai triệu với lời dặn:

- Em cứ liệu mà lo, thiếu bao nhiêu bảo anh đưa thêm.

Cô ấy rút điện thoại gọi ngay bác sĩ Hưng là người phụ trách phòng mổ. Lúc này thì mẹ con đang ở trong phòng đỡ đẻ, bây giờ là 6 giờ chiều ngày 28-10-2005. Bác sĩ Hưng đến rút điện thoại gọi bác sĩ Hà trực phòng đỡ đẻ xin được phép mổ cho mẹ con. Nhưng bác sĩ Hà không đồng ý. Nguyên nhân là thế này:

Thường mỗi ca đỡ đẻ, cái luật bất thành văn là trường hợp sinh ở phòng đỡ đẻ, ca đỡ được bồi dưỡng 700. Nếu ca nào khó thì mới chuyển qua phòng mổ. Tiền bồi dưỡng đương nhiên là phòng mổ nhận.

Bố cũng thấy cái khó trong việc này, nên bố đề nghị gặp bác sĩ Hà để xin mổ cho mẹ con theo yêu cầu. Nhưng bác sĩ Hà nhất quyết không gặp, không cho bố cơ hội dúi cái phong bì bấy lít. Hoá ra bác sĩ Hà tử tế, bác ấy cho rằng mẹ khoẻ, con khoẻ cứ

đề thường cũng được. Có nghĩa bác ấy quân tử, muốn nhận tiền thì cũng mó tay vào việc chứ nhất quyết chả chịu ăn không?

Đến 3 giờ sáng thì mẹ con vỡ òi, mẹ con quần quai, nhăn nhó nhìn bố cầu cứu. Bên ngoài bác sĩ Hưng thúc bố nói chuyện với bác sĩ Hà. Nhưng bố thiếu nước quỳ xuống van xin, hai tay cung kính dâng tiền mà bác sĩ Hà kiên quyết không đồng ý. Bác ấy cứ khăng khăng là để đề thường.

Đến 6 giờ sáng hết ca của bác sĩ Hưng, thì bác sĩ Hà đồng ý cho mổ. Con trai của bố 3,2 kg, đủ tháng. Siêu âm hàng kỳ đều khoẻ mạnh. Lúc sinh ra người tím ngắt, thở không nổi. Bác sĩ điều trị Trách nói rằng con có thể bị bệnh tim.

Cứ thấy bóng dáng áo blu là bố muốn quỳ lạy vì sợ hãi, bố dúm tiền cho bất cứ ai để van xin.

Bố dựa vào tường khóc, bố nhìn con nằm trong lồng kính thở ô-xy mà bố đứng không nổi. Bố chỉ muốn moi tim mình ra cho con trai bố mạnh khoẻ. Bố ngã quỵ xuống sàn bệnh viện ôm mặt khóc từng cơn. Mọi người đỡ bố dậy, khuyên bố bình tĩnh. Bố lấy hết hơi sức run rẩy lấy điện thoại gọi cho bác Hưng, bác Oanh và các ông bà hai bên nội ngoại cầu cứu.

Lúc sau, cũng nhanh mọi người kéo đến vì đều ở quanh đó. Bác Hưng đỡ bố dậy bảo:

- Thôi mày đừng khóc, tao sẽ làm hết sức mình. Nhưng có gì thì mày cũng phải chấp nhận số phận.

Bác Oanh gọi điện nhờ người sang Nhi Thụy Điển để phòng tình huống chuyển con sang đây chạy chữa.

Bà Thoa gọi bà Lan là bác sĩ khoa Nhi. Bà Lan dẫn bố vào gặp mọi người trực ca phòng sơ sinh. Nói rằng bố là em họ, mọi

người cố giúp đỡ cho cháu. Còn nhiều người nữa đến phòng sơ sinh nhận con là họ hàng. Các bác sĩ trực bảo:

- Em bé này có người nhà khắp bệnh viện!

Họ bảo bố cứ yên tâm, sẽ chụp phim và gửi mẫu xét nghiệm con sang nhi Thụy Điển. Sau đó sẽ hội chẩn.

Bố như kẻ mất hồn, bố chạy về chỗ mẹ con nằm. Hai người sản phụ một giường nằm. Những sản phụ vừa qua ca mổ đang oằn mình vì đau đớn, chỉ nghiêng một chút là rơi xuống đất. Bố ngồi xuống tựa cái ngực vào giường làm thành đỡ cho mẹ con khỏi lặn. Bà bác sĩ khoa sản phụ đi qua. Bố hỏi:

- Cô ơi, sao cái giường góc kia còn trống, không cho vợ cháu nằm?

Bà ấy bảo:

- Chỗ ấy có người đặt rồi!

Bố đẩy mẹ con nằm sâu vào trong đuôi theo bà ấy dúm vào túi áo blu rộng hai trăm:

- Cô cho vợ cháu nằm, lúc nào người ta đến cô trả cũng được. Cháu phải chạy đi xem con cháu thế nào, cô ngó giúp vợ cháu một lát.

Bà ấy vẫy tay gọi hai y tá mang xe đến để chuyển mẹ con sang giường trống, lại còn ân cần cúi xuống hỏi gì mẹ con. Bố mới chạy sang khoa sơ sinh bám cửa ngoài nhìn con đang nằm trong lồng kính, dây rợ lằng nhằng với máy móc. Bố lại khóc.

Bố khóc một lát rồi tự nhủ, bố phải gắng hết sức không thể bỏ qua bất cứ điều gì để lo cho con. Bố chạy tìm cô bác sĩ người

quen của mẹ. Bố đưa cô ấy một triệu, bảo rằng cứ mỗi ca trực 24 tiếng. Đầu mỗi ca em hãy vào đưa 500. Tuy đã nhờ rồi nhưng em cứ phải đưa họ tiền.

Bố tìm người phụ trách việc xét nghiệm, cô ấy bảo chiều có xe sang Nhi cô ấy đi luôn. Bố đưa cô ấy ba trăm, van xin cô ấy đi tắc xi luôn bảy giờ. May cô ấy tử tế cũng nhận lời đi ngay.

Mẹ con gọi điện. Bố chạy về bên mẹ, cổ lau hết nước mắt để mẹ con không biết. Mẹ hỏi con mình thế nào. Bố bảo bình thường. Anh phải chạy ra đây một tí, bố chạy vội ra ngoài trước khi nước mắt tràn ra. Bố không thể để cho mẹ con biết trong lúc mẹ con còn đang yếu.

Chiều về có kết quả, con không có bệnh tim gì hết. Chỉ vì mẹ con vỡ ối mấy tiếng mà họ không cho mổ. Cho nên con bị ngạt và viêm phổi.

Hãy luôn cầm bên mình những tấm hình vị lãnh tụ cao cả đó bất kể lúc nào, sẽ giúp con rất nhiều trên cuộc đời.

Con nằm trong lồng kính năm ngày. Hàng ngày bố cầm bình sữa vắt từ vú mẹ ủ trong lòng chạy sang phòng sơ sinh. Mấy hôm ấy trời rất lạnh. Sữa mẹ ra ít, được chút nào bố mang luôn đi chút đó. Cứ thấy bóng dáng áo blu là bố muốn quỳ lạy vì sợ hãi, bố cúi đầu cho bất cứ ai để van xin. Mà bố van xin có thành lời đâu, nghẹn hết, đến từ thứ ba là bố khóc. Mọi người ở đây đều nhìn mặt bố cả mấy ca trực.

Trời đổ mưa, bố luôn thủ trong người bình sữa và những cái phong bì chạy đi, chạy lại giữa phòng sản phụ và sơ sinh.

Cuối cùng nhờ ơn Đảng, bác Hồ và tổ tiên phù hộ. Con của bố đã khoẻ mạnh. Hôm bố mang sữa sang, bác sĩ bảo:

- Anh không phải mang, cháu khoẻ rồi, chúng tôi cho về với mẹ bây giờ!

Bố mừng lắm, nỗi mừng lớn hơn bất cứ nỗi mừng nào mà bố trải qua hơn ba mươi năm mà bố đã sống. Bố chạy về báo tin cho mẹ, bố kể lại câu chuyện, bố vừa kể vừa lau nước mắt vì sung sướng.

Xong bố chạy sang để đón con. Một cô y tá đang đẩy cái xe, cô ấy bê con lên định băng qua làn mưa sang bên mẹ. Bố thấy con khóc, bố đập nhẹ vào con nói:

- Nín đi con, bố đây này!

Thế mà con cũng nín ngay, cô y tá hỏi:

- Con anh số bao nhiêu?

Bố đọc số. Cô ấy nhìn trời mưa ngại ngần rồi nói:

- Mưa này vào lấy cái xe nôi cho cháu đi vậy.

Bố lúi vúi ra, còn lại tờ một trăm. Bố đút vào túi cô ấy. Con được nằm trong cái xe nôi kính phủ sang bên mẹ. Cô y tá nhìn hồ sơ nói:

- Mẹ phường Hàng Mã, bố phường Hàng Buồm à? Gần nhau nhi? Em đưa cái số điện thoại này, nếu có cần người tắm cho cháu thì gọi em nhé.

Con thân yêu, con sinh ra ở một thời đại thật là vẻ vang. Thời đại mang tên vị lãnh tụ kính yêu. Hình ảnh vị lãnh tụ này xuất hiện nhiều nhất, hay gặp nhất trên những đồng tiền chúng ta vẫn hay sử dụng hàng ngày.

Sau này bố sẽ con sử dụng nhiều hình ảnh vị lãnh tụ kính yêu này để xin con đi học mẫu giáo. Khi con có mặt lần đầu tiên trên cuộc đời đã gắn liền với vị lãnh tụ anh minh này, khi con bắt đầu đến trường mầm non, tuổi thơ vị lãnh tụ lại cần có mặt. Sau này con đi làm, học nghề hay bất cứ cái gì đó. Con hãy nên nhớ công lao của lãnh tụ Hồ Chí Minh đã mang lại cho nhân dân ta, một thời đại ấm no, hạnh phúc.

Hãy luôn cầm bên mình những tấm hình vị lãnh tụ cao cả đó bất kể lúc nào, sẽ giúp con rất nhiều trên cuộc đời. Đây là lời dạy đầu tiên của bố. Cái mà bố đúc kết ở cuộc đời. Để con ghi nhớ lời dạy đầu tiên này. Bố đặt tên con là Bùi Minh Huân...

- 0 -

Trên báo Người Việt, trong bài: *Người Buôn Gió, từ giang hồ đến cải cách xã hội*, do ký giả Hà Giang thực hiện đã viết:

Người quan tâm đến tình hình đất nước có lẽ ai cũng quen thuộc với tên gọi blogger Người Buôn Gió. Người Buôn Gió tên thật là Bùi Thanh Hiếu, tác giả nhiều loạt bài, trong đó có “Đại Vệ Chí Dị,” “Thư Viết Cho Con Trai”... với lối viết giản dị, dí dỏm, và sâu sắc. Blogger Người Buôn Gió là ai? Điều gì khiến ông trở thành người dùng ngòi bút làm phương tiện cải cách xã hội?

Tài liệu tham khảo:

- Người Buôn Gió Web: vi.wikipedia.org
- *Thư viết cho con trai* Blog: mariecurie.biz

7) Phạm Thanh Nghiên



Phạm Thanh Nghiên (1977-20)

Phạm Thanh Nghiên sinh ngày 24-11-1977 tại Hải Phòng.

Từng làm việc tại Tp. HCM và Hải Phòng.

Phạm Thanh Nghiên tham gia các cuộc biểu tình chống Trung Quốc từ năm 2007 tại Hà Nội.

Năm 2008 , nghe tin ngư dân VN ở Thanh Hóa đi đánh cá bị “tàu lạ” tấn công nhiều lần, nhà nước CSVN vẫn không làm gì để bảo vệ họ , cô Nghiên cùng vài người bạn đã đi thăm các ngư dân , giúp đỡ họ 1 số tiền khi thấy hoàn cảnh của họ quá khổ , rồi cô về viết bài tường thuật lại những gì mắt thấy tai nghe , kèm theo hình ảnh trung thực . Đồng thời , trên trang Blog của mình, cô đưa ra những nhận định cá nhân về những chính sách sai trái của đảng CSVN .

Ngày 11-9-2008 , Phan Thanh Nghiên bị bắt tại nhà khi tọa kháng cùng với biểu ngữ “Trường Sa, Hoàng Sa, Việt Nam”.

Ngày 21-10-2010, cô bị Tòa án Nhân dân thành phố Hải Phòng trong phiên xử, đã tuyên án 4 năm tù và 3 năm quản chế, với bản án vi phạm điều 88 Bộ Luật Hình Sự về tội danh “tuyên truyền chống phá Nhà nước”.

Ngày 18-9-2012, Phạm Thanh Nghiên ra tù sau khi mãn hạn 4 năm

Phạm Thanh Nghiên đã được tổ chức Theo dõi nhân quyền (HRW) trao giải thưởng Hellman/Hammett vào năm 2009 về những đóng góp tranh đấu cho tự do, dân chủ, nhân quyền tại Việt Nam.

Ngày 9-12-2012, được Mạng Lưới Nhân Quyền (Việt Nam Human Right Network) trao giải thưởng Nhân quyền.

Tài liệu:

Mười một tháng chín...

(Tặng đồng đội tôi, những người bị bắt trong mùa thu 2008).

Mười một tháng chín năm 2001 không chỉ là ngày tồi tệ trong lịch sử nước Mỹ mà còn trở thành biểu tượng về nỗi kinh hoàng cho nhân loại. Trong khi cả thế giới đang tưởng niệm bảy năm ngày xảy ra “sự kiện 11 tháng 9” thì một chiến dịch khủng bố khác đã được thực hiện. Vụ khủng bố không xảy ra ở nước Mỹ, thủ phạm không phải Osama Bin Laden và không có ai bị chết. Mười một tháng chín năm 2008, chính quyền cộng sản đã tiến hành một chiến dịch bắt bớ với quy mô lớn nhằm vào những nhân vật đấu tranh cho Nhân quyền và Dân chủ ở Việt Nam.

Trong số những nhân vật đầu tiên bị bắt đi vào ngày 11 tháng 9 là các ông Nguyễn Xuân Nghĩa, Phạm Văn Trội, Nguyễn Văn Túc. Lần lượt những ngày kế tiếp là các nhân vật tranh đấu khác gồm: Nguyễn Mạnh Sơn, Nguyễn Văn Tính, Ngô Quỳnh, Vũ Hùng, Trần Đức Thạch, Nguyễn Kim Nhân và tôi, Phạm Thanh Nghiên. Hơn bốn mươi năm tù là “phần thưởng” dành

cho chúng tôi, dành cho khát vọng Tự do và những giá trị tốt đẹp của Con người.

Ngày hôm nay, 11 tháng 9 năm 2013, tròn 12 năm kể từ ngày khủng bố mười một tháng chín trên đất Mỹ. Và cũng đã năm năm kể từ ngày cộng sản tiến hành “chiến dịch bắt bớ mùa thu 2008”, chúng tôi đều đã lần lượt ra tù. Nhưng có một người vẫn còn nằm lại, ở một trong những nhà tù khắc nghiệt nhất của hệ thống nhà tù cộng sản: nhà văn Nguyễn Xuân Nghĩa, người nhận bản án nặng nề nhất trong số chúng tôi.

Trong năm năm qua, nhà văn của chúng ta đã trải qua bốn nhà tù. Không ít lần trong thời gian năm năm ấy ông đã bị biệt giam, bị phân biệt đối xử, bị nhốt trong buồng kỷ luật với lý do “vi phạm nội quy trại giam” mà trên thực tế là một hình thức trả thù hèn hạ vì ông đã đấu tranh để phản đối sự vô nhân đạo của cai tù áp đặt lên ông và những người tù khác. Sự tàn bạo của chế độ nhà tù cộng sản không còn là điều xa lạ nhưng chúng ta vẫn không khỏi ngỡ ngàng nhận tin ông bị cùm chân ngay trên giường bệnh hồi cuối năm 2012. Khí phách và sự kháng khái của một nhà văn yêu nước không chỉ làm cho chúng ta xúc động, khâm phục mà còn khiến những tên cai tù máu lạnh đang lăm lăm chiếc cùm sắt phải chùn tay, lùi bước: “Nếu các anh cùm chân tôi, thì tôi sẽ chọn cái chết ngay trên giường bệnh này!”

Cách đây không lâu, sự kiện Blogger Điếu Cày tuyệt thực trong tù trở thành một trong những sự kiện khiến công luận trong và ngoài nước đặc biệt quan tâm. Người ta đếm từng ngày anh tuyệt thực và gọi đó là “Lịch Điếu Cày”. “Lịch Điếu Cày” chỉ dừng lại ở con số 36 khi anh ngừng tuyệt thực đồng nghĩa với việc cai tù buộc phải đáp ứng những yêu cầu chính đáng của một người tù lương tâm bất khuất. Người đã bất chấp hiểm nguy để báo tin Điếu Cày tuyệt thực chính là ông, nhà văn Nguyễn Xuân Nghĩa. Dừng từ “hiểm nguy” không quá vì

đối với một Tù nhân lương tâm, khi trao đổi với người thân trong những cuộc thăm gặp thì dù là thông tin liên quan đến bản thân mình còn bị cho là cấm kỵ. Huống hồ đó là thông tin về một Tù nhân lương tâm khác, nhất là là thông tin vào diện “nhạy cảm”.

Theo lời kể của bà Nguyễn Thị Nga, vợ nhà văn Nguyễn Xuân Nghĩa thì khi vừa thông báo tin này cho bà biết, “ông Nghĩa lập tức bị công an bịt mũi, lôi đi xềnh xệch” và đương nhiên, cuộc gặp bị hủy bỏ. Ngay sau đó, ông Nghĩa được chuyển từ buồng tập thể sang buồng giam chỉ có hai người. Không phải ngẫu nhiên Trần Văn Tiến, tên tội phạm làm gián điệp cho Trung Quốc, lại từng có “thành tích” đánh người (trước đó đã đánh một Tù nhân lương tâm khác là ông Nguyễn Kim Nhân) được bố trí để ở chung với nhà văn, một người rất quyết liệt trong đấu tranh chống bá quyền Trung Quốc. Vào lần thăm gặp gần đây, bà Nga cho biết chồng bà không chỉ bị tên Tiến đánh, mà còn liên tục bị đe dọa và xúc phạm đến nhân phẩm. Hắn từng ngang nhiên tuyên bố: “Mày (Nhà văn Nguyễn Xuân Nghĩa) sẽ chết trước khi kịp bước chân vào nhà”. Lời đe dọa nghe giống với thông điệp của chính quyền gửi đến “kẻ chống đối” hơn là của một người tù nói với một người tù.

Năm trong số sáu năm tù nhà văn đã trải qua với bao nhiêu hiểm nguy và thử thách. Một năm còn lại, có thể những hiểm nguy và thử thách sẽ nhiều hơn nhưng chúng ta tin, một con người luôn hướng đến tương lai như ông sẽ vượt qua tất cả để trở về trong chiến thắng.

Những Tù nhân lương tâm khác đều sẽ trở về trong Chiến thắng. Vì tương lai là của chúng ta.

Hôm nay, để kỷ niệm năm năm ngày nhà văn Nguyễn Xuân Nghĩa và các đồng đội của ông bị bắt, xin được tặng lại quý độc giả bài thơ “Cầu xin đau cả loài người” ông viết hồi tháng

9 năm 2007, một năm trước khi bị bắt. Bài thơ -như ông tâm sự- là đề “kính viếng hương hồn những người dân Myanmar đã ngã xuống trong cuộc biểu tình chống chế độ quân phiệt cuối tháng 9 năm 2007”.

*“Người đã ngã trên đường Yangon
Tôi sẽ ngã trên đường Hà Nội”.*

Không lâu sau khi tôi, ông và nhiều anh em khác bước chân khỏi căn nhà quen thuộc của mình để đối mặt với cuộc sống ngục tù thì đường phố Yangon đã không còn thêm những xác người. Người dân Miến Điện đã được Tự do. Một kết thúc có hậu cho một Dân tộc từng trải qua nhiều đau thương, mất mát.

Việt Nam có thể phải rất lâu hoặc có thể không bao lâu nữa để có một cuộc xuống đường như mong muốn. Trong số những người “sẽ ngã” có thể có ông-nhà văn Nguyễn Xuân Nghĩa- có tôi, bạn hay bất cứ một người dân Việt Nam nào. Nhưng, chúng ta sẽ ngã cùng với nụ cười nở trên môi: Nụ cười Việt Nam. Nụ cười Chiến thắng. Nhưng trước mặt chúng tôi đã có đoàn người vững vàng tiến tới và đang ca bài Chiến thắng.

*Cầu xin đau cả loài người
Nguyễn Xuân Nghĩa
Người đã ngã trên đường Yangon
Ngực áo cà sa đang thủng
Tiếng sùng đức tài vang trên xír sờ chùa chiền*

*Sao người bên ấy giống mẹ tôi,
Người giống bố tôi.
Con trâu lười cày chung gốc
Cây lúa, cây ngô một hạt phân cành*

*Sao đất nước của người giống đất nước của tôi
Hoa văn mái chùa chung nét*

*Tiếng chuông phương Nam, tình hồn phương Bắc
Gốc Bồ Đề, trảng hạt cầm chung.*

*Kẻ cầm quyền bên người sao giống bên tôi
Viên đạn giống nhau ngôn từ cũng giống
Cái người mất là cái tôi đang mất
Tiếng thét bên kia nghe ở bên này*

*Người đã ngã trên đường Yangon
Tôi sẽ ngã trên đường Hà Nội.
Giọt máu trộn chung, đổ hai mảnh đất
Cầu xin đau cả loài người.*

- 0 -

Luật sư Trần Thanh Hiệp giới thiệu thành tích của Phạm Thanh Nghiên trong buổi họp Tuyên bố Giải thưởng của Mạng Lưới Nhân quyền Việt Nam năm 2012.

Điểm đặc biệt là phong cách tranh đấu cho nhân quyền của cô. Năm 2007 cô được biết đến khi từ Hải Phòng lên Hà Nội để biểu tình chống Trung Cộng. Năm 2008 cô viết bài phóng sự 'Uất ức biển ta ơi' lên án chính quyền CSVN vô trách nhiệm với ngư dân Việt Nam. Điểm nữa là cô có sáng kiến biểu tình tại nhà.

Theo tôi, dù mới trên 30 tuổi, cô đã viết và sẽ còn viết về những người dân không sợ bạo lực. Cô là một phụ nữ gương mẫu, đáng được kính nể.

Tài liệu tham khảo:

- Phạm Thanh Nghiên Blog: chinhluanvn.com
- Mười một tháng chín Blog: danlambaovn.blogspot.com

8) Mẹ Năm



Mẹ Năm - Nguyễn Ngọc Như Quỳnh (1979-2000)

Blogger Mẹ Năm tên thật là Nguyễn Ngọc Như Quỳnh, sinh ngày 18-7-1979 tại Nha Trang.

Năm 1997, Tốt Nghiệp Phổ Thông Trung Học Hoàng Văn Thụ tại HCM

Năm 2002, tốt nghiệp Cử nhân tại Đại Học Khoa Học Xã Hội và Nhân Văn tại Hà Nội.

Có con gái là Nguyễn Bảo Nguyên sinh năm 2006, và con trai sinh năm 2013

Từ những năm 2009, Mẹ Năm đã tham gia biểu tình ở Hà Nội, Sài Gòn và Manila năm 2012, chống Trung Quốc về biển Đông. Cô đã bị an ninh Việt Nam bắt giữ nhiều lần vì tội “phá rối trị an”.

Năm 2010 Nguyễn Ngọc Như Quỳnh nhận giải Hellman/Hammett của tổ chức Human Right Watch.

Năm 2015, Mẹ Nấm gấu Nguyễn Ngọc Như Quỳnh vừa được tổ chức Tổ chức đấu tranh cho nhân quyền - Civil Rights Defenders (viết tắt là CRD) - có trụ sở tại Stockholm, Thụy Điển trao giải thưởng “Người bảo vệ Dân quyền năm 2015”

Tài liệu:

Bài của Mẹ Nấm gửi tới buổi Hội thảo

“Truyền thông phi nhà nước ở Việt Nam trong thời kỳ hiện nay” do đại sứ quán Úc tổ chức tại Hà Nội, ngày 30-7-2014

Từ 2003 -2004 cho đến nay, sự phát triển mạnh mẽ của các website, blog và mạng xã hội đã tạo ra một xu hướng truyền tải thông tin mới tại Việt Nam. Đó là xu hướng mỗi người dân đều có thể là một chiến sỹ thông tin.

Bên cạnh hệ thống truyền thông do nhà nước quản lý, đã có những trang không chịu sự quản lý của Ban Tuyên giáo đã được thành lập tạo nên một thế giới rộng mở để người dân bày tỏ quan điểm và lắng nghe quan điểm của nhau. Bất chấp mọi ngăn cấm và đe dọa, Tự do Ngôn luận tại Việt Nam đã chính thức cất cánh.

Diễn hình như Dân Làm Báo, một blog được duy trì bởi các thành viên ẩn danh ra đời từ 18/07/2009, phát động phong trào “Mỗi người là một chiến sỹ thông tin” đã thúc đẩy sự lên tiếng của nhiều vị trí khác nhau trong xã hội.

Sự phát triển của Blog và mạng xã hội cũng đã làm nổi bật tệ trạng kiểm soát thông tin của nhà nước từ trước giờ. Nó đã tạo ra một cuộc chiến không ngừng nghỉ giữa 2 hệ thống thông tin, giữa sự thật và dối trá, giữa tự do và kiểm duyệt.

Blog và mạng xã hội cũng hình thành nên một thử thách đối với nhà nước khi người dân công khai bày tỏ ý kiến bất đồng

với các đường lối, chính sách của chính phủ - đặc biệt ở các vấn đề nhân quyền, dân sinh và mối quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam – Trung Quốc.

Để hạn chế sức ảnh hưởng và mức độ thông tin của hệ thống truyền thông phi nhà nước này, các biện pháp như đặt tường lửa, ngăn chặn truy cập đã được sử dụng. Bên cạnh đó nhà nước cũng vận dụng các điều luật hình sự để bắt giữ bloggers, và những người sử dụng mạng xã hội như điều 79, điều 88, điều 258 BLHS. Trong đó điều 258 đã được áp dụng để bỏ tù nhiều người, trường hợp mới nhất là blogger Nguyễn Hữu Vinh - tức Anhbasam. Và đó cũng là lý do mà Mạng Lưới Blogger Việt Nam mở chiến dịch vận động quốc tế để đòi hỏi nhà nước VN phải huỷ bỏ điều 258.

Bên cạnh việc cấm đoán, bỏ tù, từ tháng 12/2013, hàng loạt blogger tham gia MLBVN đã bị cấm xuất cảnh tùy tiện trước phiên điều trần UPR hồi tháng 2/2014 tại Geneva. Các bạn và cá nhân tôi đang hiện diện nơi đây là nạn nhân của việc cấm đoán này.

Và đến tận bây giờ, lệnh cấm đó vẫn chưa được gỡ bỏ và không có bất kỳ giải thích rõ ràng cho những người bị cấm rằng họ bị cấm vì lý do gì, cấm đến khi nào. Chúng tôi chẳng khác gì những tù nhân trong thế giới mở ngày hôm nay và VN là một nhà tù khổng lồ.

Chúng tôi, MLBVN nghĩ rằng, quyền tự do ngôn luận gắn liền với hệ thống truyền thông phi nhà nước. Không có tự do ngôn luận nếu không có hệ thống truyền thông độc lập và thông tin độc lập không tồn tại nếu không có tự do ngôn luận.

Câu hỏi đặt ra là chúng ta có thể làm gì để bảo vệ những người tham gia hệ thống truyền thông phi nhà nước này?

Ngoài những nỗ lực phải có của chính những người Việt Nam, chúng tôi cần sự hỗ trợ của thế giới bên ngoài, của các quốc gia đang có quan hệ ngoại giao và đối tác với Việt Nam. Khi nói tự do ngôn luận là một quyền phổ quát thì chúng tôi tin rằng quý vị sẽ xem việc ngăn cấm tự do ngôn luận đối với bất kỳ ai, tại bất cứ quốc gia nào cũng là những xúc phạm lên những giá trị nền tảng của chính quý vị.

Xin hãy đồng hành cùng chúng tôi.

Nguyễn Ngọc Như Quỳnh

Trên trang Blog Dân Làm Báo viết về Blogger Mẹ Năm - Nguyễn Ngọc Như Quỳnh như sau:

Blogger Mẹ Năm – Nguyễn Ngọc Như Quỳnh, thành viên Mạng Lưới Blogger Việt Nam được vinh danh vì sự can đảm, bất chấp nguy hiểm nhưng vẫn tiếp tục các nỗ lực để bảo vệ các quyền dân sự và chính trị cho cộng đồng. Cô cũng là người đồng khởi xướng Chiến dịch Nhân quyền 2015.

Tài liệu tham khảo:

- Ngọc Như Quỳnh Facebook: Nguyễn Ngọc Như Quỳnh
- Bài phát biểu gửi tới Hội thảo Blog: nhatvanguyet.wordpress.com



9) Nguyễn Đắc Kiên



Nguyễn Đắc Kiên (1983-20)

Nguyễn Đắc Kiên sinh ngày 28-08-1983 tại Bắc Ninh, thiếu thời sống tại Hà Nội.

Theo học tại Đại Học Khoa Học Tự Nhiên, Đại Học Quốc Gia Hà Nội. Tốt nghiệp Cử Nhân Toán Cơ.

Sau khi ra trường, chọn nghiệp báo chí, làm việc tại VNExpress.

Từ năm 2008, Ký giả trẻ Nguyễn Đắc Kiên là phó phòng, biên tập viên của tờ *Gia đình & Xã hội*.

Vào đêm 25-2-2013, Nguyễn Đắc Kiên viết bài “Vài lời với TBT ĐCS VN Nguyễn Phú Trọng” đăng trên blog cá nhân của anh – tức là ngay sau khi Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng phát biểu trên chương trình VTV1 – cáo buộc một số kiến nghị góp ý sửa đổi hiến pháp 1992 là “suy thoái chính trị, tư tưởng và đạo đức”.

Ngày 26-2-2013, báo mạng *Gia đình & Xã hội* ở Hà Nội ra thông báo: “Anh Nguyễn Đắc Kiên không còn tư cách là phóng

viên *Báo Gia đình & Xã hội* và tự chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật với các hành vi của mình”.

Tác phẩm:

- *Những số không vòng trắng* (tập thơ)
- *Hãy Ngẩng Mặt* (thơ, Tiếng Quê Hương, 2013)

Tài liệu:

Vài lời với TBT ĐCS VN Nguyễn Phú Trọng

Chương trình Thời sự VTV1, 19h, ngày 25/2 đưa phát biểu tại Vĩnh Phúc của TBT ĐCS Việt Nam Nguyễn Phú Trọng như sau: *“Vừa rồi đã có các luồng ý kiến cũng có thể quy vào được là suy thoái chính trị, tư tưởng, đạo đức ... Xem ai có tư tưởng muốn bỏ Điều 4 Hiến pháp không, phủ nhận vai trò lãnh đạo của đảng không? Muốn đa nguyên đa đảng không? Có tam quyền phân lập không? Có phi chính trị hóa quân đội không? Người ta đang có những quan điểm như thế, đưa cả lên phương tiện thông tin đại chúng đấy. Thì như thế là suy thoái chứ còn gì nữa!”*

Bằng tất cả sự tôn trọng dành cho người đang đứng đầu một đảng chính trị của VN, tôi xin nói với ông Nguyễn Phú Trọng vài lời như sau:

Đầu tiên, cần phải xác định, ông **đang nói với ai?** Nếu ông nói với nhân dân cả nước thì xin khẳng định luôn là ông **không có tư cách**. Ông là Tổng bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam, nếu muốn dùng hai chữ *“suy thoái”* thì càng lắm là ông chỉ có thể nói với những người đang là đảng viên cộng sản, ông không đủ tư cách để nói lời đó với nhân dân cả nước. Nếu ông và các đồng chí của ông muốn giữ Điều 4, muốn giữ vai trò lãnh đạo, muốn chính trị hóa quân đội, không muốn đa đảng, không

muốn tam quyền phân lập, thì đó **chỉ là ý muốn của riêng ông và ĐCS của ông**. Ông không thể quy kết rằng đó là ý muốn của nhân dân Việt Nam. Tuy nhiên, cũng cần phải nhấn mạnh rằng, những **ý muốn** trên chỉ nên xem là của riêng ông TBT Trọng, chưa chắc đã là tâm nguyện của toàn bộ đảng viên cộng sản hiện nay.

Tiếp theo, xin đi vào nội dung, ông nói suy thoái về **đạo đức**. Tôi muốn hỏi ông, đạo đức của ông đang muốn nói là đạo đức nào? Đạo đức làm người? Đạo đức công dân? Đạo đức dân tộc VN? ... Tôi tạm đoán là ông đang muốn nói đến **đạo đức người cộng sản** của các ông. Vậy, các ông cho rằng chỉ có đạo đức cộng sản của các ông là đạo đức đích thực? Thế ra, cha ông tổ tiên chúng ta, khi chưa có chủ nghĩa cộng sản vô đạo đức hết à? Thế ra, những người không theo đảng cộng sản trên thế giới là vô đạo đức hết à?

Tiếp theo, xin đi vào nội dung **suy thoái chính trị, tư tưởng**. Tôi muốn hỏi ông, chính trị, tư tưởng ông đang muốn nói là chính trị, tư tưởng nào? Có phải chính trị, tư tưởng của đảng cộng sản? **Vậy ra chỉ có đảng cộng sản của các ông là duy nhất đúng à?** Cá nhân tôi cho rằng, không một người có lương tri bình thường nào thừa nhận như thế. Cùng lắm ông chỉ có thể nói với các đảng viên cộng sản như vậy, nhưng ngay cả với các đảng viên cộng sản, ông cũng không thể quy kết tội suy thoái cho họ. Nếu không tin, ông thử đọc lại Cương lĩnh chính trị và Điều lệ đảng các ông ban hành xem. Không có điều nào nói xóa bỏ Điều 4 là suy thoái, muốn đa nguyên về chính trị là suy thoái, muốn phi chính trị hóa quân đội là suy thoái, chỉ có tham ô, tham nhũng... đi ngược lại lợi ích của nhân dân, của dân tộc là suy thoái. Ông đương kim Tổng bí thư ĐCS VN thử đọc lại và nghĩ lại chỗ này xem.

Bây giờ, tôi trân trọng tuyên bố những điều tôi muốn:

1. *Tôi không chỉ muốn bỏ Điều 4 trong Hiến pháp hiện hành, mà tôi muốn tổ chức một Hội nghị lập hiến, lập một Hiến pháp mới thực sự là ý chí của toàn dân Việt Nam, không phải là ý chí của đảng cộng sản như Hiến pháp hiện hành.*
2. *Tôi ủng hộ đa nguyên, đa đảng, ủng hộ các đảng cạnh tranh lành mạnh vì tự do, dân chủ, vì hòa bình, tiến bộ của dân tộc Việt Nam, không một đảng nào, lấy bất cứ tư cách gì để thao túng, toàn trị đất nước.*
3. *Tôi không chỉ ủng hộ xây dựng một chính thể tam quyền phân lập mà còn muốn một chính thể phân quyền theo chiều dọc, tức là tăng tính tự trị cho các địa phương, xây dựng chính quyền địa phương mạnh, xóa bỏ các tập đoàn quốc gia, các đoàn thể quốc gia tiêu tốn ngân sách, tham nhũng của cải của nhân dân, phá hoại niềm tin, ý chí và tinh thần đoàn kết dân tộc.*
4. *Tôi ủng hộ phi chính trị hóa quân đội. Quân đội là để bảo vệ nhân dân, bảo vệ tổ quốc, bảo vệ cương vực, lãnh thổ không phải bảo vệ bất cứ một đảng phái nào.*
5. *Tôi khẳng định mình có quyền tuyên bố như trên và tất cả những người Việt Nam khác đều có quyền tuyên bố như thế. Tôi khẳng định, mình đang thực hiện quyền cơ bản của con người là tự do ngôn luận, tự do tư tưởng; quyền này mỗi người sinh ra đã tự nhiên có, nó được nhân dân Việt Nam thừa nhận và tôn trọng; quyền này không phải do đảng cộng sản của các ông ban cho, nên các ông cũng không có quyền tước đoạt hay phán xét nó. Vì thế, tôi có thể xem những lời phán xét trên của ông, nếu có hướng đến tôi là một sự phỉ báng cá nhân. Và tôi cho rằng, những người nào chống lại các quyền trên là phản động, là đi ngược lại với lợi ích của nhân dân, dân tộc, đi ngược lại xu hướng tiến bộ của nhân loại.*

Nguyễn Đắc Kiên
Nhà báo, Báo Gia đình & Xã hội

Trích thơ:

Đi giữa Sài Gòn

*trời mưa.
tôi đi.
phố vắng.
đêm dài.
chỉ có những hạt mưa.
khắc khoải.
như giọt nước mắt.
nước mắt cuộc đời.
chát mặn.
nước mắt em tôi.
những đứa trẻ không nhà.
nước mắt mẹ tôi, người lượm ve chai.
nước mắt ba tôi, người chạy xe ba gác.
nước mắt chị tôi, người công nhân thất nghiệp.
nước mắt anh tôi, mỗi lần tỉnh dậy, sau cơn phê thuốc.
nước mắt người yêu tôi, gái bao nhà hàng.
đêm đen mịt mù.*

*tôi vẫn đi.
tôi vẫn đi.
giữa những ánh mắt.
giữa những cái nhìn.
lặng câm. âm ảnh. ón lạnh.
tôi đi.*

Ngày 2-3-2013, Mặc Lâm biên tập viên RFA viết về nhà báo, nhà thơ trẻ yêu nước, dân thân, tài năng Nguyễn Đắc Kiên:

Nguyễn Đắc Kiên không những là một nhà báo giỏi, can trường mà anh còn là một nhà thơ tài năng. Góc nhìn của Nguyễn Đắc Kiên trong tập thơ mang tên “Những số không vòng trắng” khiến chúng ta có dịp hiểu thêm về thái độ của anh trước thời cuộc hiện nay. Anh làm thơ không để thưởng thức một cách bình thản, với trà ngon với hương đồng gió nội hay bên khói hương trầm đọc thơ như thói quen của những người muôn năm cũ. Thơ của Kiên xoắn sâu vào lòng người, bẻ gãy sự vô cảm đang ăn mòn từng tế bào xã hội, bắt người đọc phải chọn thái độ mặc dù chỉ là một suy tư, và hơn hết chúng mang đến cho người đọc những thông tin đến trái tim chứ không phải khối óc.

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Đắc Kiên Web: nguoiviet.com
- *Vài lời với TBT ĐCS VN Nguyễn Phú Trọng* Blog: dackien.wordpress.com

ABOUT ME

ba Cừu – Tô quốc ần những con người mới

Search...
Go

- BÀI HỜI
- Một con đường cải tổ
- Đáo giá trị
- Về những sắc chất biệt đi
- Về bài viết "Trách nhiệm với chủ kỳ" – Bante VN
- Trách nhiệm với chủ kỳ
- Góp ý Hiến Pháp – Đỗ Anh Tuấn
- Cái khác hai của độc đảng
- Về một vài định kiến tai hại
- Thơ ngổ

25
Thế Hai
Thứ 6 2 2013

Vài lời với TBT ĐCS VN Nguyễn Phú Trọng

POSTED BY BA CỪU IN THẾ CHẾ 637 PHẢN HỒI

Chương trình Thời sự VTV1, 19h, ngày 25/2 đưa phát biểu tại Vĩnh Phúc của TBT ĐCS Việt Nam Nguyễn Phú Trọng như sau: "Vừa rồi đã có các lưỡng ý kiến cũng có thể quy vào được là suy thoái chính trị, tư tưởng, đạo đức... Xem ai có tư tưởng muốn bỏ Điều 4 Hiến pháp không? Hiến pháp không? phủ nhận vai trò lãnh đạo của đảng không? Muốn đa nguyên đa đảng không? Có tam quyền phân lập không? Có phi chính trị hóa quân đội không? Người ta đang có những quan điểm như thế, đưa ca lên phương tiện thông tin đại chúng đấy. Thi như thế là suy thoái chứ còn gì nữa!""(*)

10) Huỳnh Thục Vi



Huỳnh Thục Vi (1985-20)

Huỳnh Thục Vi sinh năm 1985, tại Tam Kỳ, con gái của Huỳnh Ngọc Tuấn, nhà đấu tranh dân chủ, gia đình sinh sống ở thôn Phú Quý, xã Tam Phú, Tam Kỳ, Quảng Nam.

Năm 1991, mồ côi mẹ từ năm lên sáu.

Năm 1992, thì ông Huỳnh Ngọc Tuấn bị bắt, về tội viết văn “tuyên truyền chống chế độ,” về sau sửa lại là tội “tuyên truyền chống nhà nước” theo điều 88 của bộ luật hình sự, và tòa án Quảng Nam-Đà Nẵng bị kết án tù 10 năm.

Mẹ mất được một năm thì cha vào tù, gia đình con gặp quá nhiều khó khăn nên hai người cô, đều không lập gia đình, là Huỳnh Thị Hương và Huỳnh Thị Thu Hồng đã đem chị em cô về nuôi, từ đó.

Ngày 27-10-2002, sau khi mãn hạn tù 10 năm, ông Huỳnh Ngọc Tuấn trở về nhà, chịu thêm 4 năm quản chế.

Năm 2003, Huỳnh Thục Vi tốt nghiệp lớp 12, vì gia đình quá nghèo, nên không thể tiếp tục đi học, phải xin đi làm công nhân cho một hãng điện của Nhật ở Đà Nẵng.

Người ta thường gọi cô là blogger, nhưng thật ra cô không có blog riêng, chỉ viết bài rồi gửi thân hữu của gia đình và nhất là trên “Đàn Chim Việt” từ năm 2008.

Ngày 1-7-2012, gia đình cô gồm có ba chị em, vị hôn phu và anh rể cùng vào Saigon để đi biểu tình chống Trung Cộng, cô bị bắt đem về công an phường, làm việc hơn 13, 14 tiếng đồng hồ, đến khuya mới được thả về. Sau đó, ngày 4-7-2012, công an yêu cầu con đến đồn công an phường Tân Quy, Quận 7, Tp. HCM để làm việc, ký giấy phạt 1 triệu rưỡi đồng “vi phạm hành chánh” về tội “gây rối trật tự công cộng.”

Ngay sau đó, Huỳnh Thục Vi bị công an Quảng Nam bắt đưa lên xe áp giải về Quảng Nam. Xe chạy rất nhanh, suốt 17 tiếng đồng hồ, không được ăn uống, ngủ nghỉ gì, và bị thẩm vấn liên tục trên đường đi, về đến đồn công an Quảng Nam mới được cho ăn chén cháo và uống nước.

Ngày 3-9-2012, Huỳnh Thục Vi kết hôn với Lê Khánh Duy tại Tam Phú, Tam Kỳ, Quảng Nam. Do chồng đạo dòng, nên cô từ đạo Phật đã cải đạo sang Thiên chúa giáo.

Sau khi lập gia đình, Huỳnh Thục Vi vẫn tiếp tục đấu tranh cho tự do, dân chủ của Việt Nam.

Ngày 20-12-2012, tại New York, tổ chức Theo dõi Nhân quyền công bố có năm blogger người Việt trong số 41 cá nhân xuất sắc từ 19 quốc gia vừa được trao giải thưởng uy tín Hellman/Hammett để ghi nhận lòng dũng cảm và kiên định

trước sức ép đàn áp chính trị. Đó là Huỳnh Ngọc Tuấn, Huỳnh Thục Vy, Phạm Minh Hoàng, Vũ Hữu Vinh và Vũ Quốc Tú.



Tác phẩm:

- *Nhận định Tự do & Nhân quyền* (Việt Thức, 2015)

Tài liệu:

Lời mở đầu cho sách Nhận Định, Tự Do và Nhân quyền

Tôi không được dạy để trở thành một người viết chuyên nghiệp. Ngay từ những ngày đầu cầm bút, tôi chỉ tâm niệm một điều: viết xuống những điều mình thực sự suy nghĩ, để chia sẻ quan điểm đối lập với nhà cầm quyền độc tài của một người trẻ trong bối cảnh hoàn toàn không có tự do ngôn luận ở Việt Nam. Từ những ngày đó, tôi đã luôn chuẩn bị tinh thần và mang tâm thế sẵn sàng để đối mặt với tình huống xấu nhất có thể xảy ra cho mình. Vậy nên, dù bản thân và gia đình bị trù dập nhiều lần, tôi không thấy đó là những chương ngại trong việc tiếp tục bày tỏ quan điểm khác biệt của mình.

Tôi không xem việc viết lách như là một nghề nghiệp. Một cách chính xác, viết lách đối với tôi chưa bao giờ là một nghề nghiệp. Vì nghề nghiệp là thứ qua đó chúng ta có thể nuôi sống bản thân và chu cấp cho gia đình. Hoàn toàn ngược lại, việc bày tỏ quan điểm qua các bài viết đã lấy đi của tôi khá nhiều thứ. Viết là một đam mê của tôi, một thứ gì đó không phải là phương tiện để nuôi sống thân xác này, mà là nguồn thức ăn vô hình nuôi dưỡng tâm hồn tôi và nâng đỡ tôi mỗi khi tôi yếu lòng, giữ cho tôi thấy mình hữu ích và cho tôi cơ hội nhận thấy đầy đủ phẩm giá của mình như một người tự do. Phẩm giá, điều mà người ta vừa chào đời đã có, nhưng hằng ngày hàng giờ trong từng góc xa xôi của thế giới, nó bị chà đạp một cách đáng xấu hổ.

Tôi được gọi là blogger bất đồng chính kiến, nhưng tôi tự nghĩ rằng mình không blogging. Tôi không thể viết nhiều và thường xuyên. Tôi cũng không có thời gian để chăm sóc blog của mình như cách như blogger khác thường làm. Nhưng tôi thực sự thấy mình may mắn, vì tôi biết rằng qua việc viết lách này, tôi đã có được những bằng hữu thật đặc biệt và đáng kính. Họ vừa là bạn, vừa là thầy. Vậy nên tôi vui vẻ nhận lấy bất cứ cách gọi nào người ta đặt cho tôi, ngoại trừ những lời bôi nhọ của đội quân tuyên truyền nhà nước cộng sản.

Tôi từng chia sẻ với chồng tôi: Không hiểu sao, em có thể làm nhiều thứ khác ngoài chuyện viết lách; nhưng dù có làm việc bận rộn quanh năm suốt tháng, em cũng cảm thấy vô vị và như là mình không làm được gì cả, cho đến khi em mở máy tính ra và gõ từng con chữ xuống. Và sự thật rằng, tôi không thể đưa tâm trí mình tập trung hoàn toàn để suy nghĩ nghiêm túc về bất cứ vấn đề gì, nếu tôi không ngồi xuống và gõ. Trong lúc gõ từng con chữ trên bàn phím, tôi có thể chạm tới những góc thầm kín và đầy ưu tư của mình; và cũng chính lúc đó những suy luận thấu đáo nhất mới được chạm tới.

Trong cuộc đời này, chưa ở đâu tôi có thể nhận thấy phẩm giá của mình được tôn trọng như khi tôi viết. Bởi lúc đó, tôi có được cái tự do quý giá mà nhiều người khác trên xứ sở độc tài này không thể có hoặc không dám có: Tự do. Dù tự do đó phải đánh đổi bằng bình an thường nhật của tôi và gia đình; nhưng tự do quý giá đến độ chúng ta không thể có được nó mà không phải chiến đấu và khi đã một lần đạt được nó (dù chỉ một phần), chúng ta không thể từ bỏ, chúng ta không thể lùi bước. Không có gì trong cuộc sống này cao quý hơn tự do. Có an toàn, chúng ta có điều kiện để có được những thứ khác như của cải, chức tước... nhưng nếu có được tự do, chúng ta sẽ có mọi thứ một cách xứng đáng nhất. Nhân quyền và Nhân phẩm chỉ có được khi tự do tồn tại. Chỉ với Nhân quyền và Nhân phẩm, con người tự do mới được xác định là Người.

Quả thật, tôi may mắn vì là người viết. Càng có kinh nghiệm trong việc viết lách tôi càng thận trọng hơn với những gì mình viết ra. Những điều tôi viết có thật sự hữu ích, đúng đắn và tử tế? Những gì tôi viết có phải là phương cách để tôi thuyết phục người khác, cố gắng để người khác tin điều mình nói là đúng và ủng hộ mình? Không, những điều tôi viết thực sự là điều tôi tin và tôi phải thuyết phục chính mình trước khi định thuyết phục mọi người. Nghĩa là, từ trong sâu thẳm tâm tư và tư duy của mình, tôi biết hoặc tin một điều thì tôi mới viết ra để chia sẻ với mọi người. Tôi không viết nhằm khuyến dụ mà là để làm sáng tỏ vấn đề mà tôi cho là cần thiết. Tôi không viết nhằm quy tụ nhiều người tung hô và ủng hộ, mà tôi viết để chia sẻ tâm tư, như cách những người bạn tâm giao thường làm với nhau. Tôi không nói điều gì đó để kích động những vết thương thâm kín, để chạm tới những góc ngách dễ tổn thương và kích động nhất của con người, đặc biệt là đám đông suy nghĩ và hành động thiên về cảm xúc chứ không duy lý (như về chủ nghĩa dân tộc cực đoan chẳng hạn). Tôi viết và mong nhận được những ý kiến chia sẻ, để từ những thiếu hụt trong lý luận của mình, tôi trưởng thành hơn. Năm năm cầm bút không là một thời gian đủ

dài để tôi làm tốt công việc này, nhưng nó không ngăn để tôi nhận ra được tính nước đôi của ngôn ngữ và khoảng cách rất lớn giữa điều người ta viết và những việc họ làm. Bởi vậy tôi cố gắng để chân thành nhất có thể trong từng câu viết của mình, và tôi cũng nỗ lực để xứng đáng với những lời mình viết.

Trong cuộc đấu tranh gian khổ và dai dẳng với chế độ độc tài cộng sản, có thể đối với một vài phe nhóm chính trị, sự giải thể chế độ độc tài này cùng với sự chiến thắng của phong trào dân chủ, đồng nghĩa với sự kiện rằng họ sẽ lên thay thế đảng cộng sản cầm quyền. Tất nhiên điều đó hữu lý nhưng vấn đề ở đây chính là cách thức hành động của họ. Họ có thể không tiếc lời để hô hào người ủng hộ, khơi động những tình cảm tập thể có lợi cho các mục tiêu của họ. Họ nói rất nhiều về dân chủ nhưng các phương cách họ làm thật phi dân chủ, bất công và dối trá. Tôi luôn tâm niệm rằng: không có mục tiêu nào tốt có thể đạt được bằng các phương tiện xấu ác. Trong khi, đảng và nhà nước cộng sản có nguồn nhân lực và tài nguyên quốc gia, có súng, xe tăng, nhà tù và bộ máy tuyên truyền dối trá... những người đang đấu tranh cho Dân chủ tự do và Nhân quyền tại Việt Nam không có gì ngoài chính nghĩa; và chính nghĩa đó đến từ sự thật, tự do và công lý. Không cố gắng để tra dồi và gìn giữ những giá trị đó, chúng ta sẽ thua chế độ độc tài ngay từ đầu.

Tôi không viết đủ nhiều và đủ tốt để mong các bài viết của mình được xuất hiện trang trọng trong một cuốn sách. Dù những lời lẽ đó xuất phát từ những ưu tư sâu kín nhất của mình, tôi chưa bao giờ nghĩ nó đủ giá trị để được in thành sách. Nhưng sự yêu thương mà quý thân hữu Việt Thức (một sáng hội phi đảng phái và phi lợi nhuận) dành cho tôi và sự quý trọng mà tôi dành cho họ được thể hiện qua tập sách và việc in ấn này. Những hỗ trợ mà quý thân hữu dành cho tôi quá quý giá đến nỗi mọi lời cảm ơn đều sáo rỗng. Nhưng xin cho tôi một lần nữa được gửi lời tri ân quý vị vì tất cả.

Cuốn sách này cũng là lời tri ân của tôi đến tất cả quý bằng hữu người Việt khắp nơi trên thế giới và trong quốc nội Việt Nam. Sự cổ vũ của quý vị đã thực sự tiếp thêm sức mạnh để tôi tiếp tục nắm lấy và thực hiện quyền tự do căn bản của mình: Quyền tự do bày tỏ quan điểm. Xin chân thành cảm ơn quý vị.

Trong bài: *Chuyện trò với Huỳnh Thục Vi*, nhà văn Huy Phương đã có nhận định:

Huỳnh Thục Vi là một cây bút chính luận trẻ tuổi ở Việt Nam với những bài viết phê phán thực trạng trong nước được phổ biến rộng rãi ở hải ngoại qua các trang blogs. Mặc dù tuổi đời còn rất trẻ, những bài viết của cô về các đề tài cách mạng, dân chủ, nhân quyền, luật pháp... không chỉ thể hiện một kiến thức tự học có nền tảng mà còn một sự suy nghĩ sâu sắc vượt tuổi của mình. Có lẽ cô là một trong những cây bút chính luận hiếm hoi đã có nỗ lực nói truyền thống tâm linh của mình với con đường cách mạng dân chủ và nhân quyền của dân tộc.

Tài liệu tham khảo:

- Huỳnh Thục Vi Blog: nguoiviet.com
- *Lời mở đầu* ... Blog: danchimviet.info

11) Nguyễn Phương Uyên



Nguyễn Phương Uyên (1992-20)

Nguyễn Phương Uyên, sinh ngày 12-10-1992, tại xã Hàm Trí, huyện Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận.

Năm 2012, là sinh viên năm thứ 3 trường Đại học Công nghiệp thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh, là thành viên Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh ở trường Đại học Đại học Công nghiệp thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 14-10-2012, Nguyễn Phương Uyên bị công an bắt. Cơ quan điều tra cáo buộc, tháng 7 năm 2012 khi lên mạng tìm học tiếng Thái Lan, nữ sinh Uyên quen với Nguyễn Thiện Thành, sống ở Thái Lan - tự xưng sáng lập tổ chức "Tuổi trẻ yêu nước". Sau khi hai người trao đổi các vấn đề về dân chủ và tự do tại Việt Nam, Thành đã giới thiệu Uyên với Kha.

Từ chỗ được Nguyễn Thiện Thành lôi kéo rủ rê, Đinh Nguyên Kha và Nguyễn Phương Uyên đã có hành vi làm, tàng trữ, lưu hành các tài liệu chống Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam qua các việc làm như: Trong tháng 8/2012, tại địa bàn thành phố Tân An, tỉnh Long An và tại xã Hàm Trí, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, Kha và Uyên đã dán các khẩu hiệu, cờ của chế độ Việt Nam Cộng hòa trước đây, ở nơi

công cộng rồi chụp ảnh gửi cho Nguyễn Thiện Thành để đưa lên trang web “Tuổi trẻ yêu nước”;

Ngày 2-10-2012, ba người bàn cách làm thùng có thể hện giờ mở nắp để phát tán truyền đơn mà không bị công an phát hiện. Uyên và Kha được giao nhiệm vụ quay phim, chụp hình, viết bài gửi cho Thành.

3 giờ 45 ngày 10-10-2012, cơ quan điều tra cho hay, Kha và Uyên giả làm cặp tình nhân mang thùng đựng hơn 2.000 tờ truyền đơn dán kèm tiền 5.000 - 20.000 đồng cùng cờ của chế độ cũ, treo ở Cầu Vượt An Sương thuộc xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn Tp. HCM. Đến 7 giờ 15, chiếc thùng tự mở làm rơi số truyền đơn xuống đường.

Nội dung của những truyền đơn này đã "xuyên tạc, bịa đặt chính sách tôn giáo, chính sách đất đai của Nhà nước cũng như quan điểm lệch lạc về Trường Sa - Hoàng Sa và biên giới đất liền giữa Việt Nam với Trung Quốc; kêu gọi người dân đứng lên biểu tình chống lại Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam..."

Ngày 16-5-2013, tại phiên tòa xử sơ thẩm TAND Tỉnh Long An đã bị tuyên án phạt Đinh Nguyên Kha 10 năm tù (trong đó có 2 năm về tội cố ý gây thương tích trong một vụ án khác diễn ra trước đó mà Kha chưa chấp hành hình phạt), Nguyễn Phương Uyên: 6 năm tù. Cả hai bị cáo còn bị quản thúc 3 năm tại địa phương, không được tham gia vào các tổ chức xã hội sau khi chấp hành hết mãn hạn tù.

Ngày 16-8-2013, tại tỉnh Long An, Tòa phúc thẩm Tòa án Nhân dân Tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên tòa xét xử phúc thẩm đối với 2 bị cáo Đinh Nguyên Kha sinh năm 1988, ngụ phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An và Nguyễn Phương Uyên, sinh năm 1992, sinh viên năm thứ 3

trường Đại học Công nghiệp thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh, ngụ xã Hàm Trí, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, về tội “Tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.”

Theo luật sư Lương thuật lại lời tuyên bố của Nguyễn Phương Uyên trước tòa : *“Tôi không cần giám án. Tôi chỉ cần toà xử đúng người đúng tội. Tôi cho rằng chống đảng Cộng sản không phải chống phá đất nước, dân tộc. Các ông đừng đánh đồng!”*

Tài liệu:

Trong phiên tòa phúc thẩm hôm nay Uyên đã nói những gì? (*)

Đạ, tại phiên tòa phúc thẩm có ba vấn đề chính em đã đặt ra. Thứ nhất là về thẩm quyền: cơ quan của Long An không có thẩm quyền đối với vụ án của em.

Thứ hai là nói về cái hành động của em. Em cho là không phạm vào điều 88 là chống Nhà nước. Em vẫn yêu Tổ quốc của mình đầy thôi. Em chỉ có xúc phạm đến Đảng. Vì Đảng chỉ là một tổ chức nên không cào bằng được. Không vì cái sự quá tôn sùng một đảng phái mà mọi người, nhất là Hội đồng xét xử cũng như Viện kiểm sát cào bằng Đảng với Nhà nước Việt Nam.

Thứ ba là em nói ngắn gọn về sự khác nhau giữa phiên tòa sơ thẩm và giấy của tòa sơ thẩm gửi xuống cho em – có rất nhiều sự khác biệt. Mà em cho rằng đó là một bản án có trước, không công minh và không có sự công bằng. Đã có một sự sắp xếp trước, làm cho em cảm thấy thất vọng thêm về những gì đang diễn ra.

Tuy nhiên phiên tòa phúc thẩm lần này đã cho em một đốm lửa hy vọng, cùng với sự tin yêu vào mọi người. Cảm ơn mọi người rất là nhiều! Bây giờ em được như thế này là nhờ một phần rất là to lớn của mọi người, ở trong nước cũng như trên thế giới, đã đứng về phía em, cho em cơ hội nói lên quan điểm của mình tại một đất nước ở chế độ cộng sản.

(*) Trả lời phỏng vấn của Thụy My, phóng viên RFI ngày 16-8-2013

Trên Blog Dân Làm Báo, bài: *Nguyễn Kha và Phương Uyên đã khắc tên mình vào trang sử hào hùng dân tộc!* tác giả Thất Lĩnh nhắc lại lời của Nguyễn Phương Uyên:

Nhưng vào phút cuối cùng của phiên tòa bất chấp luật pháp, Phương Uyên hùng hồn tuyên bố: “Tôi là sinh viên yêu nước, nếu phiên tòa hôm nay kết tội tôi, thì những người trẻ khác sẽ sợ hãi không dám bảo vệ chủ quyền dân tộc. Nếu một sinh viên, tuổi trẻ bị kết án tù vì yêu nước thì thật sự tôi không cam tâm”.

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Phương Uyên Blog: danlambaovn.blogspot.com
- Trong phiên tòa phúc thẩm ... Blog: vi.rfi.fr

Chương kết: Vượt qua nỗi sợ hãi

Ai có ở tù mới hiểu hết ý nghĩa: “Không có gì quý hơn độc lập và tự do”, khi người ta bị ở tù rồi sẽ không còn tự do nữa, trong chốn lao tù ở Việt Nam, thân phận con người còn thua súc vật, cho nên hầu hết người tra đều sợ bị tù đầy.

Tuy nhiên, có một số người có lý tưởng, muốn đem lại tự do, hạnh phúc cho mọi người Việt Nam, họ chấp nhận bị đánh đập, tù đầy nói khác hơn là họ vượt qua nỗi sợ hãi Nhà cầm quyền, đảng Cộng sản Việt Nam, họ dấn thân vào công cuộc tranh đấu, từ những trí thức cho đến những người nông dân tay lấm, chân bùn quyết tâm bày tỏ nguyện vọng của họ, của những người bị áp bức.

Những Hoàng Minh Chính, Nguyễn Hộ, Trần Độ, Bùi Minh Quốc, Điếu Cày, Tạ Phong Tần là những người có lý tưởng đã phục vụ cho cách mạng, những Lê Công Định, Lê Thị Công

Nhân, Lê Thăng Long, Trần Huỳnh Duy Thức, Nguyễn Tiến Trung, Nguyễn Quốc Quân là những nhà trí thức, còn Đinh Nguyên Kha và Nguyễn Phương Uyên chỉ là những sinh viên, họ đều là những người chấp nhận mọi gian nguy cho bản thân và gia đình, vượt qua nỗi sợ hãi quyết tâm hành động, để đấu tranh với nhà cầm quyền chỉ mưu cầu mang lại tự do hạnh phúc cho mọi người.

Họ chỉ là đóm lửa nhỏ, lan dần, lan dần trong lòng mọi người, sẽ có một ngày bùng phát nhờ có “vượt qua nỗi sợ hãi” trong lòng mọi người. Họ là những anh hùng, liệt nữ đáng cho chúng ta ngưỡng mộ và kính phục.

Những Nhà Bất Đồng Chính Kiến

**Hiền PHẬT HỌC
2015**